

Vũ Bao

hồi ký • rề bèo chân sóng

Table of Contents

[Một](#)

[Hai](#)

[Ba](#)

[Bốn](#)

[Năm](#)

[Sáu](#)

[Bảy](#)

[Tám](#)

[Chín](#)

[Mười](#)

[Mười một](#)

[Mười hai](#)

[Mười ba](#)

[Mười bốn](#)

[Mười lăm](#)

[Mười sáu](#)

[Mười bảy](#)

[Mười tám](#)

[Mười chín](#)

[Hai mươi](#)

[Hai mươi một](#)

[Hai mươi hai](#)

[Hai mươi ba](#)

[Hai mươi bốn](#)

[Phụ lục](#)

Vũ Bảo

Rễ bèo chân sóng

Hồi ký

Nhà xuất bản Hà Nội và Phương Nam Books, 2011

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tưởng nhớ ông Vũ Bảo

1931-2006



Một

Tôi là dân Thái Bình. Thiên hạ đã làm về giễu dân tỉnh tôi: “Thái Bình là đất ăn chơi, tay bị tay gây khắp nơi tung hoành”, cũng không bao giờ nghĩ rằng các bác, các chú tôi thường giáo dục truyền thống cho con cháu: dân Thái Bình anh hùng lắm, năm 1954, người Thái Bình cắm cờ trên nóc hầm tướng De Castries ở Mặt trận Điện Biên Phủ; năm 1980 người Thái Bình lái tàu lên vũ trụ; ngày 30 tháng 4 năm 1975, người Thái Bình lái xe tăng húc đổ cánh cổng sắt dinh Độc Lập. Tôi cũng tin như thế. Thời gian tôi bị đánh đuổi khỏi Hội Văn nghệ Hà Nội, đành chạy tị nạn sang ngành điện ảnh. Nhờ đó tôi mới biết chuyện khi đạo diễn Liên Xô Roman Karmen làm bộ phim *Việt Nam trên đường thắng lợi* vừa đến những cảnh cuối cùng, cuộc tổng công kích trên toàn mặt trận Điện Biên Phủ đã kết thúc thắng lợi. Ông ta đành phải dựng lại cảnh cắm cờ trên nóc hầm De Castries để tăng khí thế chiến thắng cho bộ phim, làm cho 70 triệu đồng bào ta tưởng nhầm rằng có chuyện cắm cờ thật. Trò xilama này tôi đã viết trong truyện ngắn *Người vãi linh hồn*. Theo tất cả những sách viết về mặt trận Điện Biên Phủ, không hề có chuyện cắm cờ trên nóc hầm De Castries. Thầy Trần Cư tôi khi đó là phóng viên mặt trận trên Điện Biên Phủ cho tôi biết quân ta chiếm được hầm ngầm De Castries lúc 17h00 ngày 7 tháng 5 năm 1954, vì vội giải tướng De Castries lên sư đoàn bộ nên chẳng ai nghĩ đến chuyện cắm cờ. Mãi đến ngày 13 tháng 4 năm 1954, trong lễ mừng công tổ chức ở Mường Phìn, ông Tạ Quốc Luật, người chỉ huy đơn vị đã đánh chiếm hầm De Castries mới lên kéo cờ đỏ sao vàng giữa tiếng nhạc *Tiến quân ca* hùng tráng trong giờ khai mạc Lễ Mừng công Chiến thắng Điện Biên Phủ. Ông Tạ Quốc Luật là người Thụy Anh (Thái Bình), sau khi xem phim *Việt Nam trên đường thắng lợi*, ông Luật đã viết thư lên các cấp khẳng định không có chuyện cắm cờ trên nóc hầm De Castries.

Suốt từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến ngày 30 tháng 4 năm 1995, báo chí, phim ảnh ở nước ta cứ diễn đi diễn lại màn kịch xe tăng 843 do ông Bùi Quang Thận người Thái Bình chỉ huy đã húc đổ cổng sắt của dinh Độc Lập. Ngày 8 tháng 3 năm 1995, bà Francoise Demulder, phóng viên thường trú của hãng thông tấn AFP (Pháp) đã có mặt ở dinh Độc Lập sáng 30 tháng 4 năm 1975, nay bà trở lại Việt Nam sưu tầm tư liệu viết về bốn chiến sĩ trên xe tăng 390 bà đã gặp ở thềm dinh Độc Lập đang sống ra sao khi chiến tranh đã kết thúc. Bà Francoise Demulder có đem theo một số ảnh chụp ở dinh Độc Lập sáng 30 tháng 4 năm 1975 tặng Viện Bảo tàng Quân đội. Lúc bấy giờ đồng bào cả nước mới vỡ lẽ ra rằng chính xe tăng 390 mới là xe tăng duy nhất húc đổ cánh cổng sắt dinh Độc Lập trong lúc xe tăng 843 của ông Bùi Quang Thận còn mắc kẹt ở ngoài cổng phụ. Người chỉ huy xe tăng 390 là ông Vũ Đăng Toàn, người xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, chiến sĩ lái xe là ông Nguyễn Văn Tập, người xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, pháo thủ số 1 là ông Ngô Sĩ Nguyên thường trú tại phố Khương Trung, quận Đống Đa (Hà Nội), đạo ấy đang đi lái xe lam, pháo thủ số 2 là ông Lê Văn Phụng thường trú tại phố Ngô Quyền, thị xã Sơn Tây, đạo ấy đang đi cắt tóc ở Bờ Hào

gần thành cổ Sơn Tây. Cả bốn ông ấy không có ông nào là người Thái Bình cả. Còn chuyện người Thái Bình lái con tàu vũ trụ là do các đội văn nghệ xã ở Thái Bình cứ cao hứng hát điệu xẩm xoan “... đất nước Liên Xô phóng lên trên trời một ông trung tá tên là Phạm Tuấn...” làm bà con quên mất phi công vũ trụ Liên Xô lái con tàu vũ trụ Phương Đông II chở nhà du hành vũ trụ Thái Bình thăng thiên tên là Gorobátkô.

Bạn bè tôi thường tự hào dân tôi có những hai tỉnh Thái Bình: một Thái Bình nằm gọn trong vòng tay Biển Đông, sông Luộc, sông Hồng và một Thái Bình hòa tan trong 60 tỉnh thành phố khác. Tôi đã xuôi Nam ngược Bắc kiếm sống, đi đến đâu tôi cũng gặp người Thái Bình. Người Thái Bình vào tỉnh Dak Lak đông đến mức có người đã đề nghị phải đổi tên tỉnh Dak Lak thành tỉnh Dak Thái. Tôi lên Tây Bắc, trước đây vùng Tây Bắc chỉ có người Thái Đen và người Thái Trắng còn bây giờ lại có thêm người Thái Bình. Trong ba dòng người Thái đó, người Thái Bình phá rừng khỏe nhất. Tỉnh Thái Bình vốn không có rừng. Muốn dựng một ngôi nhà, người Thái Bình dưới quê phải bỏ ra 10 năm trồng xoan rồi mới hạ vườn xoan làm cột cái, cột quân. Còn lên Tây Bắc, người Thái Bình ra ngõ là đã thấy những cây to như bắp đùi, cứ việc thả cửa cưa cắt bằng thích để làm cột cái, cột con, đóng giường, đóng tủ. Những thứ trời cho ấy không bền. Rừng kiệt hết sạch cây hứng nước, hút nước, nước lũ ồng cứ việc cuốn trôi bản làng. Trồng rừng thì lâu, phá rừng thì chóng, chết vì lũ lại càng nhanh.

Bạn bè tôi thường chê dân Thái Bình lành. Phàm cái anh lành thường hay cục. Khi cơn cục đã nổi lên rồi, cái anh lành đến mấy cũng coi trời chỉ là cái vung đất. Năm 1930, một số đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam ở huyện Tiền Hải đã gióng trống ngũ liên kêu gọi nhân dân trong huyện nổi lên chống sưu cao thuế nặng. Nhạc sĩ Thái Cơ, người Thái Bình trong cơn cảm hứng sáng tác đã viết “Nghe tiếng trống năm ba mươi còn vang vọng đến bây giờ...” Chỉ mới hơn sáu mươi năm thôi, 281 xã trong tỉnh đã phát huy khí thế cách mạng tiếng trống Tiền Hải giương cao biểu ngữ “Triệt để chống bọn tham nhũng”, xếp hàng đi lên trụ sở tỉnh ủy vạch mặt bọn cường hào mới chui vào Đảng ủy, ủy ban nhân dân hà hiếp dân, bóc lột dân, ăn cắp tài sản của dân. Các bà mẹ Việt Nam anh hùng đi đầu rồi đến các ông cựu chiến binh huân chương đỏ ngực, tiếp đó là đại biểu nông dân xếp hàng trật tự đội đơn lên gặp tỉnh ủy. Lại có cả những người đeo bị đi theo nhặt lá bánh, tốp thuốc lá, giấy bọc kẹo không để rác rưởi vương vãi trên đường. Một vài nhà cầm quyền cay mũi quá định giở trò đàn áp vội đi cầu cứu bộ đội nhưng anh em bộ đội người tỉnh tôi đã trả lời thẳng thừng: “Quân đội đi đánh giặc, không đi đánh dân”. Tổng bí thư Đỗ Mười, chủ tịch Trần Đức Lương phải thân chinh về tận Thái Bình có lời với nhân dân. Trung ương Đảng và Chính phủ phải cách cổ bí thư tỉnh ủy và chủ tịch tỉnh cho yên dân và từ đó mới đề ra quy chế dân chủ ở cơ sở cho cả nước làm theo. Tỉnh Thái Bình cũng có thanh tra như các tỉnh thành khác nhưng trục những bộ bánh răng ở tỉnh tôi đã bị khô dầu thường quay ngược chiều kim đồng hồ. Nhân dân đã viết “thiên trăm số” tố cáo bọn tham nhũng nhưng thanh tra ở tỉnh tôi lại thuộc loại “Thanh cha, thanh mẹ, thanh dì. Hễ có phong bì thì lại thanh kiu (thank you, cảm

on)” nên các xã phải thành lập thanh tra nhân dân đi đào đường tính lại từng mét đất, mét đá, lục lại các chứng từ, sổ sách, kiểm tra lại nhà kho, tính chế hoe xem bọn cường hào mới đã ăn cắp của nhân dân bao nhiêu tiền trong các công trình “điện, đường, trường, trạm” để xây nhà lầu, để mua con Dim phóng về về khắp thôn xóm, để biếu các thầy bà trên huyện, trên tỉnh. Từ đó trở đi, tôi không thấy ai dám khen là dân Thái Bình “lành” nữa.

Tôi là người họ Phạm.

Từ tiền cổ đến giờ, họ Phạm chúng tôi chẳng có ai được làm vua. Thời còn bé, tôi chỉ biết đến ông Phạm Ngũ Lão mãi suy nghĩ việc nước đến nỗi đại quân đến nơi vẫn không hay nên bị một tên lính cầm giáo chọc thủng đùi ông mới biết. Sau một thời gian đánh đông đánh tĩnh, lên đoàn đoàn tan, ông được thăng Điện soái Thượng tướng quân và được nhà vua phong là Chiêu Cầm Đại Vương. Mãi đến khi họp đại tộc, tôi mới biết họ Phạm chúng tôi còn có vị khai quốc công thần đời Tiền Lý: Đô Hồ Đại Vương Lý triều Tả tướng quốc Phạm Tu. Dần dần tôi mới biết thêm họ Phạm chúng tôi chẳng chịu lép vế với thiên hạ: ngoài ông Phạm Hồng Thái đã ném tạc đạn ám sát toàn quyền Merlin ở khách sạn Victoria (Quảng Châu, Trung Quốc) họ Phạm còn có ông Phạm Văn Đồng trước làm bộ trưởng Bộ Tài chính về sau làm thủ tướng chính phủ, gần 40 năm rồi lại làm cố vấn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông Phạm Văn Thiện (Phạm Hùng) làm chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ông Phạm Văn Cương (Nguyễn Cơ Thạch) làm phó thủ tướng. Còn về hàng ngũ bộ trưởng tôi chỉ nhớ bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, anh hùng lao động Phạm Quang Lễ (kỹ sư Trần Đại Nghĩa)... Biết như thế nhưng không bao giờ nói với con cháu, sợ chúng gặp bước sa cơ chạy đi tìm họ, các ông ấy biết chúng nó là ai mà che chở.

Trong giấy khai sinh, họ tên tôi là Phạm Thế Hệ. Tôi chẳng hiểu ông nội tôi chọn hai chữ Thế Hệ từ điển tích nào nhưng biết rằng cả bốn anh em tôi Hệ, Kế, Miên, Biên đều thuộc bộ Miên. Chỉ khổ cho tôi khi đi học nhìn chữ ký của tôi, các bạn cùng lớp gọi tôi là thằng He He, khi tôi đi bộ đội lúc điểm danh, ông chính trị viên vừa đọc vừa đánh vần những dòng chữ mất dấu trên tờ giấy Tàu bạch lúc gọi tôi là Phạm Thế Hị, lúc là Phạm Thế Hộ. Khi đi Việt Minh, mỗi người đều lấy một bí danh, cánh tỉnh đoàn thanh niên lấy bí danh theo họ Lê: Lê Thanh Đức, Lê Trang, Lê Quỳ, Lê Trung (nhà báo Chính Yên) còn cánh huyện đoàn thanh niên Đông Quan nhất loạt lấy họ Hoàng: Hoàng Vọng (nguyên bí thư Trung ương Đoàn, tác giả bài *Không có việc gì khó...*), Hoàng Dương (liệt sĩ), Hoàng Hồng, Hoàng Chi (tôi)... Cánh tỉnh đoàn cứ gọi xách mé chúng tôi là Vàng, chúng tôi cũng chơi lại gọi cánh nhà Lê là Liệt.

Năm 1946, Hà Nội nổ súng mở đầu Toàn quốc Kháng chiến. Ông giám đốc nhà xuất bản Minh Đức nhận định là trận chiến không thể kéo dài được, Pháp kiệt quệ sau Đại chiến Thế giới lần thứ hai, Việt Minh mới nắm chính quyền, cuối cùng hai bên sẽ ngồi đàm phán giải quyết tình hình Đông Dương bằng

biện pháp hòa bình. Miền Nam nổ súng từ tháng 9 năm 1945, khi ngừng tiếng súng sẽ thiếu sách nên ông đã đem cả kho sách của ông về Khuốc (huyện Tiên Hưng) và về đến Thái Bình, ông vẫn cho tái bản một số sách, chờ sau này ông sẽ chiếm lĩnh thị trường sách cả Hà Nội lẫn Sài Gòn. Ai ngờ đã ba năm rồi, quân ta và quân Pháp vẫn đánh nhau quyết liệt, ông Minh Đức tính chuyện thanh lý số sách tồn kho của mình. Nhờ thế chúng tôi mới được đọc *Khao* của Đồ Phồn, *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng...

Năm 1949, tỉnh Thái Bình vẫn là vùng tự do, các cơ quan của Hải Phòng, Kiến An đều lấy Thái Bình làm hậu cứ vì thế sách của nhà xuất bản Minh Đức bán rất chạy. Chúng tôi thích nhất quyển *Số đỏ*, cánh tinh đoàn thanh niên chúng tôi anh nào cũng có một quyển *Số đỏ* giấu trong tay nải. Đi công tác xuống cơ sở ngoài một châu bóng chuyền “dân vận” anh em ở địa phương, chúng tôi thường kể *Số đỏ* cho anh em nghe làm ai nấy cứ rúc rích cười. Nhiều câu nói của các nhân vật trong *Số đỏ* cứ theo chúng tôi nhảy vào các cuộc họp. Anh chàng nào cứ nhai đi nhai lại đôi ba cái tình hình đã cũ mèm thế nào cũng bị chủ tọa “cắt đứt” bằng một câu: “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi”. Anh chàng nào nói được một câu có chất lượng hay làm được công việc gì nổi đình đám, khi được anh em khen bèn thùng thỉnh đáp lễ: “Còn phải ngôn!”. Anh chàng nào định từ chối phần việc tập thể phân công hay chống lại chuyện tập thể gán ghép với một cô nào đó bèn bắt chước cậu Phước lắc đầu quày quay: “Em chã!” Bà cán bộ nào ba “số đỏ” đều 90-90-90 liền bị anh em gọi là bà Phó Đoan làm đương sự cứ tưởng họ gán ghép mình với một ông phó bí thư nào đấy tên là Đoan. Anh chàng nào hay “andrây xun xoe” với các chị em trước đây thường bị anh em gọi là “mái xùy” thì bây giờ được tấn phong là TYPN (Tôi yêu phụ nữ). Gặp anh chàng nào hay bằng nhắng thích “như ta đây”, chúng tôi giới thiệu ngay: “Đây là me xừ Xuân”. Anh nào đi cơ sở, lúc về cơ quan bị anh em hỏi lâu nay đi đâu vắng “nhà”, anh ta thản nhiên trả lời: “Mình đi “min đơ”, “min toa” xuống Tiền Hải”. Giọng *Số đỏ* trở thành một thời thượng nên chẳng anh nào chán chĩnh thái độ anh nào.

Vì mê *Số đỏ* như thế nên tôi bẻ ghi chuyển từ họ Phạm sang họ Vũ. Mặc dù tôi đã ký chữ P giống như cái khóa Sơn nhưng nhìn chữ ký vẫn là thằng He He. Từ ngày đổi tên là Vũ Thế Hệ, chữ ký của tôi bay bướm hơn, chữ V kéo cái mỏ dài xuống, hai chữ H kéo cao vòng lên nên trông giống một con thuyền hai cột buồm đang kéo neo chuẩn bị một chuyến vượt đại dương.

Khổ một nỗi, cái tên Thế Hệ thường bị các vị lên diễn đàn nhắc đi nhắc lại: “Chúng ta phải làm sao xứng đáng với danh hiệu thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh” nghe nó cứ chôi chôi thế nào ấy nhưng đổi cái tên là gì cho thật hay tôi nghĩ vẫn chưa ra.

Sau này theo thầy Bùi Hạnh Cẩn đi làm các báo giảm tô và cải cách ruộng đất, tôi rất thích một cái tên chữ nôm như một số ông nhà báo thường dùng: Tre Xanh, Lửa Mới, Thép Mới, Lửa Hồng, Thôn Dân... Nhân một hôm đọc bài báo có câu “phong trào đấu tranh của quần chúng đang tiến nhanh như vũ bão” tôi thấy cũng hay hay. Lại một hôm con em đẩy thuyền cho tôi đi nhờ, tự dưng nó hỏi: “Sao

anh lại đổi sang họ Vũ?” Tôi cười: “Họ Vũ nghe nó khỏe”. Con em tôi cười: “Vũ khí, vũ trang, vũ bão, đúng đây”.

Về cơ quan tôi ký một lô chữ Vũ Bão, chữ V là cái mũi con tàu đang rẽ sóng, dấu ngã là dải khói đang tản theo chiều gió. Thế là bài báo vừa viết xong tôi ký luôn là Vũ Bão.

Một lần tôi đi công tác có rẽ về qua nhà. Bố tôi hỏi tôi: “Ông nội đặt tên cho mày, sao mày lại chọn một cái tên nhố nhăng như thế? Không ra làm sao cả”. Tôi vội thưa với cụ: “Bố ạ, Thế Hệ là chữ nho, Vũ Bão là chữ nôm”. Bố tôi cười: “Ông dạy mày hết bộ Minh đạo tiên sinh gia huấn, thế mà mày lại quên “thực vô cầu bão” (ăn chẳng cần no) à? Thế còn hoài bão cũng là chữ nôm đấy hử”.

Thời Việt Minh đổi một cái tên thì có gì là khó. Cô Toét đi công tác lên huyện tự động đổi thành cô Tuyết, thằng Khê trúng cử vào ban chấp hành huyện đoàn bèn đổi tên là Phi Hùng chẳng phải trình báo ai. Khổ cho cái thân tôi những cái tên hay hay các bậc đàn anh đặt sẵn rồi nên tôi phải cố nghĩ ra một cái tên chữ nôm. Lộp đi sau có cái khổ như thế. Cụ Tú Xương qua đời, ông Tú Mỡ lên ngôi, một anh chàng muốn giữ hương hỏa hai cụ bèn đặt tên là Tú舜. Nhà thơ trào phúng Chu Thành chẳng biết đặt tên thế nào nữa bèn lấy tên là Tú Sốt, cái gì cụ để sót lại con xin nhặt.

Tôi nghĩ mãi vẫn chưa tìm ra một cái tên chữ nôm lại đi theo họ Vũ mà nghe không chối tai. Năm 1958, tiểu thuyết *Sắp cưới* ăn trận đòn hội chợ, tôi quyết định cứ giữ cái tên Vũ Bão vì nếu mình đổi tên khác những ông đã đánh mình cho rằng mình đã sợ đến nỗi phải đổi tên. Tôi còn nhớ khi bị giặc Pháp bắt, một ông bạn tù của tôi vốn là bộ đội chủ lực khi bị giặc phục kích bắt được, ông vẫn mặc quân phục. Mỗi lần điếm danh tù binh đi làm, tên cai tù thường cầm gậy phang rất mạnh vào ông. Hôm sau ông chủ lực giật chiếc sơ mi bộ đội đem phơi ở nhà, tên cai tù tưởng ông sợ lại càng phang khỏe hòng khuất phục được ông. Hôm sau áo khô, ông lại mặc áo bộ đội, sẵn sàng chịu trận nghênh mặt chịu đòn. Đánh ông vài hôm, tên cai tù tự thấy chối tở không xách gậy đi điếm danh tù nữa.

Lương phóng viên bậc ba không đủ trang trải các khoản chi dùng, tôi phải viết báo trước hết là để kiếm đủ tiền tàu xe về thăm nhà. Mỗi khi đặt bài, bạn bè thường dặn: “Cái tên Vũ Bão đã bị vào “sổ đen” rồi, nên ký cái tên khác”. Tôi chọn cái bút danh mới là Tạ Văn Dung, nếu viết theo chữ đánh máy không dấu thì là TA VAN DUNG (Ta Văn Đung).

Lại nói về cái tên Vũ Bão.

Khi tiểu thuyết *Sắp cưới* được phát hành, một anh cán bộ công đoàn ở Nhà máy dệt N. mua một cuốn ký tặng cô người yêu. Cô đem sách đi khoe rầm lên là người yêu của cô viết tiểu thuyết *Sắp cưới*. Bạn bè của cô nhao nhao xin sách. Khổ cho anh cán bộ Công đoàn cứ phải ề cở ra mà mua sách “thân tặng”. Cười lên lưng hổ rồi tụt xuống làm sao được. Người nhà cô bé rồi đến bạn bè cô bé, ai cũng tin là anh cán bộ Công đoàn nhà mình là tác giả tiểu thuyết *Sắp cưới*. Đùng một cái báo Nhân

Dân, báo Văn nghệ Quân đội, báo Tiền Phong, tạp chí Văn Nghệ đồng loạt phê phán tiểu thuyết *Sắp cưới* viết không đúng đường lối văn nghệ của Đảng, xuyên tạc cải cách ruộng đất, tất nhiên anh cán bộ Công đoàn kia bị lôi ra cuộc họp kiểm điểm. Chồng Đảng là tội trọng, anh chắc hẳn là mình thế nào cũng bị khai trừ khỏi Đảng nên ra đến cuộc họp, anh bèn “bái lạy, quy quỳ” thú thật là anh chỉ nhận vợ là tác giả tiểu thuyết *Sắp cưới*. Thoát nạn!

Một lần khác cô bạn của vợ tôi về thăm chồng ở Hải Dương khoe với vợ tôi nhà văn Vũ Bảo vừa kể chuyện tiểu thuyết *Sắp cưới* ở nơi chồng chị dạy học. Vợ tôi ở người ra, đúng thời gian đó, Trung Anh và tôi, hai thằng vẫn nằm lì trên Quảng Bá không đi đâu cả. Cũng vì thế năm 1997, Hội Nhà văn Hà Nội tổ chức một chuyến đi thăm đền Vua Đinh, đền Vua Lê. Một anh bạn có chút việc chạy đi tìm tôi, không thấy tôi, anh gọi ầm lên: “Anh Vũ Bảo ơi!”, tôi vội chạy ra. Lập tức trên chiếc xe của tỉnh bạn, một người nhảy xuống ôm chầm lấy tôi: “Trời ơi, anh Vũ Bảo ơi, gần bốn chục năm rồi tôi mới gặp lại anh”. Tôi vội hỏi: “Dạo ấy anh ở đâu?”. Ông ta trả lời: “Hồi ấy tôi dạy học ở Hải Dương, anh đến trường tôi nói chuyện về tiểu thuyết *Sắp cưới* ấy mà. Tôi gật gật đầu làm ra bộ nhớ đến buổi nói chuyện hôm đó cho ông bạn khỏi bị mừng hụt, rồi thở dài: “Bốn mươi năm rồi, nhanh thật!”

Chị Mộng Sơn đi thực tế xuống Nhà máy dệt 8-3. Ông thư ký Công đoàn nói với chị: “Anh Vũ Bảo cũng làm việc ở đây, biết chị về đây công tác chắc anh ấy vui lắm. Khi gặp “anh Vũ Bảo”, chị Mộng Sơn biết ngay là ông thư ký Công đoàn nhầm nhưng do tài ứng xử của người Hà Nội thanh lịch, chị vẫn hỏi thăm chuyện sáng tác cho “anh Vũ Bảo” kia khỏi ngượng.

Thời ấy trên các báo hằng ngày thường có bài của một người cũng ký tên là Vũ Bảo (Nhà máy Apatit Lao Cai). Mỗi khi gặp tôi, một số bạn bè thường bắt tay chặt: “Thế là người ta đã tháo vòng kim cô cho cậu rồi nhưng bây giờ cậu viết không được hấp dẫn như trước”. Tôi phải thanh minh ngay đấy chỉ là chuyện trùng tên trùng họ. Thực ra lúc ấy tôi vẫn tị nạn ở Hà Nam. Năm 1979, trong chuyến đi Lao Cai tìm “ông Vũ Bảo” để cảm ơn ông đã không sợ tai bay vạ gió đảm nhận một cái tên “bị đánh” mà chường mặt với đời. Công đoàn Nhà máy cho biết “anh Vũ Bảo” đã về quê ở Thừa Thiên rồi.

Trong chuyến đi vào Quy Nhơn, nhìn qua khung cửa xe, tôi chợt thấy một tấm biển “Đường Vũ Bảo”, bảng màu xanh chữ trắng cẩn thận, chữ Bảo lại có dấu ngã hắc hoi. Về cơ quan điện ảnh, tôi hỏi anh cán bộ tuyên truyền thì mới được biết Vũ Bảo là bí danh của một chiến sĩ giao liên bị Mỹ và tay sai giết hại trong khi chiến sĩ ấy chèo thuyền đưa một đoàn cán bộ qua sông. Mấy năm sau, đoàn nhà văn Việt Nam đi Trường Sơn, lúc về có ghé qua Quy Nhơn. Chúng tôi đến trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn chơi. Thầy giáo Vũ Lý Hòa bảo tôi: “Nhà em ở số nhà 5 đường Vũ Bảo. Ngày mai mời anh đến chụp chung với em một kiểu ảnh làm kỷ niệm”. Sau đó tôi nói với Vũ Lý Hòa: “Tấm ảnh này sẽ gây rắc rối đây. Biết đâu 50 năm nữa, báo Văn nghệ Thái Bình lại có ông viết nhà văn Vũ Bảo vốn là

người Thái Bình nhưng hồi đi B, ông sống nhiều năm ở Quy Nhơn, nên nhân dân thành phố nhớ đến ông mới đặt tên ông cho một con đường là đường Vũ Bảo. Ngay như cây đào do nhân dân “làng đào” Nhật Tân đem lên trồng ở nhà tù Sơn La sau ngày Tổng Khởi nghĩa 1945 cũng được một ông nhà văn cỡ chiều điều bốc phét viết là chính ông Tô Hiệu đã trồng làm trẻ con cứ nhào người ra mà học “Cây đào Tô Hiệu”, vài nhà thơ dễ xúc cảm cũng rung rung giọt lệ viết “Cây đào Tô Hiệu”, đài truyền hình trung ương cũng giới thiệu “Cây đào Tô Hiệu”; thì việc “Đường Vũ Bảo” được một ông Thái Bình nhận là đường mang tên đồng hương của mình cũng có thể xảy ra. Tất nhiên lúc ấy báo Văn nghệ Quy Nhơn buộc phải có bài “nói lại cho rõ” sự việc làm cho cái anh chàng Vũ Bảo sau khi chết vẫn được con cháu nhắc đến tên.

Mấy năm gần đây tôi phải lấy báo làm mũi nhọn xung kích trong sự nghiệp xóa đói giảm nghèo. Cuối năm tôi mới viết truyện ngắn để ăn cái nhuận bút giá cao. Bỗng một hôm anh bạn chạy xô đến nắm chặt tay tôi chúc mừng tôi vừa được giải thưởng truyện ngắn trên báo Người Hà Nội. Tôi cứ ớ người ra chưa kịp đáp lễ thì ông bạn lại vỗ vào vai tôi: “Cậu vương chuyện gì lại đảo ngược chữ Vũ Bảo thành Bảo Vũ đấy?” Tôi phá lên cười: “Bảo Vũ là tên một kiến trúc sư ở Hải Phòng, ông ta cũng trên 50 tuổi rồi nhưng vì gần đây mới xuất hiện trên văn đàn nên truyện ngắn của ông thường bị các nhà xuất bản xếp vào các tập truyện ngắn của những nhà văn... trẻ. Tên khai sinh của ông ta là Vũ Bá Bảo nhưng khi bước vào làng văn đã thấy mình rồi nên ông ấy nể mình đổi tên là Bảo Vũ”. Bảo thật lại chịu thua Bảo giả, thì ra trong cuộc đời cũng có lúc cái thật chịu nhường bước cái giả mặc dù nếu hầu kiện ở bất cứ tòa án nào Vũ Bảo Hải Phòng vẫn thắng Vũ Bảo Thái Bình vì ông Hải Phòng còn giữ được tờ giấy khai sinh xác nhận tên ông là Vũ Bá Bảo. Có một anh nhà báo thấy Vũ Bảo về thăm thành phố cũ, gặp Bảo Vũ ở Hải Phòng định bố trí cuộc gặp gỡ tay đôi: Bảo Vũ - Vũ Bá Bảo gặp Vũ Bảo - Phạm Thế Hệ nhưng hai chúng tôi đều đề nghị “cho chúng tôi hai chữ bình yên”.

Gần đây cô giáo Vũ Thị Hà đến chơi mới kể cho tôi nghe mẹ cô đẻ thằng em đúng một đêm bão lớn bèn đặt tên cu cậu là Vũ Văn Bảo. Chắc hai cụ nhà cô giáo Hà dày phúc tổ nên cậu Vũ Bảo nhà cụ mới không đi viết văn. Đến bây giờ tôi vẫn nhớ lời bố tôi mắng: “Đấy mày xem, lúc mày ký tên Phạm Thế Hệ thì mày viết đến đâu in đến đấy, cứ như là được người đưa tay dẫn dắt nhưng từ khi mày đổi tên là Vũ Bảo, gió bão ập xuống đầu mày đến nỗi không ngóc đầu lên được”. Tôi không dám cãi lại cụ nhưng chưa bao giờ hối hận vì mình mang tên là Vũ Bảo và đã không bẻ cong ngòi bút viết những điều nhảm nhí. Tuy nhiên bây giờ tôi đã có bốn đứa cháu nội rồi, đi đến đâu cũng được người ra giới thiệu với mọi người tôi là Vũ Bảo. Ông già lại mang cái tên ngông nghênh thời trai trẻ nghe nó cứ chường thế nào ấy. Trong một lần sinh hoạt với Câu lạc bộ Văn học trẻ Hà Nội, tôi đã tâm sự với các em: “Lúc còn trẻ, các cô các cậu định làm việc gì hãy chịu khó nghĩ lại xem đến lúc già nhìn nhận lại sự việc ấy, mình có xấu hổ không? Dù đấy chỉ là việc ký một cái tên dưới bài mình vừa viết chứ đừng nói đến những bài đại càn sa đánh đấm những người trung thực không chịu uốn cong ngòi bút rồi đến

bây giờ những “dũng sĩ diệt đồng đội” chuyên trị việc đánh đấm người lương thiện mới ngã ngựa người ra, té ra mình sai mà nạn nhân bị mình đánh đấm lại đúng”.

Vết nhơ trên giấy trắng mực đen ấy như những dòng chữ “dũng sĩ diệt đồng đội” thích trên trán quân ác, làm sao mà xóa sạch được.

Hai

Quê nội tôi ở làng An Tiêm, tổng An Tiêm, huyện Đông Quan, tỉnh Thái Bình. Ngay sau ngày Toàn quốc Kháng chiến 19-12-1946, đất Tứ Tổng Hạ ở phía nam sông Diêm Hộ được ủy ban kháng chiến tỉnh Thái Bình cắt về huyện Thụy Anh cho tiện việc chỉ đạo và liên lạc. Đến thời ông Lê Duẩn, đề tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa “mỗi huyện là một pháo đài”, cấp trên cho nhập hai huyện Thái Ninh và Thụy Anh thành một huyện lấy tên là Thái Thụy. Mỗi khi gửi thư về hỏi thăm các bác, các cô, các chú, các em tôi ở quê nội tôi phải đề phong bì: ông (bà), thôn An Tiêm, xã Thụy Dân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Các tỉnh Hà Sơn Bình lần lượt tách ra thành Hà Tây và Hòa Bình; Hà Nam Ninh tách ra thành Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình; Hải Hưng tách ra thành Hải Dương, Hưng Yên... cho đến các huyện Xuân Thủy (Nam Định) nhập vào rồi lại tách ra thành hai huyện Kim Bảng và Thanh Liêm; huyện Tứ Lộc (Hải Dương) nhập vào rồi lại tách ra thành hai huyện Tứ Kỳ và Gia Lộc như hồi còn mờ ma quân đế quốc sài lang.

Ông nội tôi kể lại: cách đây trên 1000 năm, triều đình nhà Đường bên Trung Quốc cử Cao Biền sang làm quan cai trị dân ta. Vốn là một người tinh thông địa lý phong thủy, trong khi đi khắp nước ta để vẽ bản đồ hành chính, Cao Biền đã đánh dấu từng mạch đất, từng ngôi mộ sẽ phát sinh các bậc đế vương, các bậc văn võ toàn tài dấy binh chống lại chúng để tìm cách “yểm” không cho mạch đất ấy “phát”. Khi về đến vùng ven biển này, Cao Biền đã đánh dấu mạch đất Thuyền Quan - Thái Hà, mạch đất Hà Đồng - Luyên Khuyết sẽ phát sinh người tài. Cụ Phạm Lập khi vào kho lưu trữ của Viện Hán Nôm đã được đọc một văn bản của quan Tàu thời đó ghi rõ “Luyên Khuyết giáp An Tiêm”. Như vậy làng An Tiêm đã có từ thời xa xưa đó, địa danh An Tiêm đã xuất hiện trước khi Cao Biền tới vùng ven biển này. Những người đầu tiên đến lập làng An Tiêm có thể là những người đói rách phải đi tìm đất sống, đến sát mép biển đành phải dừng chân lại hoặc là những người bị bọn cầm quyền đàn áp, buộc phải trốn tránh đến vùng ven biển hẻo lánh này mà mai danh ẩn tích, tính kế phục thù. Ông tôi hay nhắc tôi chuyện An Tiêm bị vua Hùng đày ra đảo hoang nhưng vợ chồng An Tiêm đã được đàn chim trời đem hạt dưa đến thả xuống bãi phù sa. Dần dần hạt dưa lần lượt mọc mầm, vợ chồng An Tiêm ra sức chăm sóc “vườn dưa trời cho” ấy. Mấy tháng sau, các luống dưa đều ra quả - những quả dưa vỏ xanh bóng nhưng trong ruột lại đỏ, đậm mùi thơm và vị ngọt. Vợ chồng An Tiêm đem thả dưa xuống biển, khách buôn bơi ngược chiều trôi của từng quả dưa, tìm được bãi dưa của vợ chồng An Tiêm. Bán được dưa, vợ chồng An Tiêm lại mua được những thứ thiết yếu trong đời sống hàng ngày. Hết vụ dưa này đến vụ dưa khác, dần dần vợ chồng Mai An Tiêm trở nên giàu có, biến đảo hoang thành một “đảo vàng”. Biết tin ấy, vua cha rất hối hận vì trong một lúc nóng nảy đã xua đuổi An Tiêm ra khỏi nơi lâu son gác tía, liền cho quan quân đem thuyền đón vợ chồng An Tiêm về triều.

Cụ tổ chúng tôi gốc người Thanh Hóa, tìm đường đến đây cụ mở lớp dạy học trò nhưng cụ không để lại một dòng chữ nào về việc phải rời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn, đi dọc ven biển, dừng chân ở nơi xa xôi hẻo lánh này. Trong kháng chiến chống Pháp, tôi đã bị giặc bắt giam rồi đưa đi lao động khổ sai ở chính “đảo hoang”, nơi An Tiêm dựng nghiệp. Những lần tiếp xúc với dân, tôi có hỏi về trường hợp cụ tổ tôi nhưng cả vùng An Tiêm này không có ai họ Phạm bỏ làng ra đi. Chắc chắn cụ tổ tôi đã thay tên đổi họ để tránh lệnh truy nã của bọn cầm quyền.

Từ khi còn cắp sách đến trường đến khi bước vào đời đi kiếm sống, tôi hiểu chữ An Tiêm có nghĩa là bất khuất, và cũng có nghĩa là dù bị đẩy vào thế đường cùng, lối cụt nhưng không bao giờ xuôi tay, cam chịu đầu hàng, đến phút 89 rồi vẫn còn thời cơ lật ngược thế cờ giành thắng lợi. Nếu là cầu thủ bóng đá, trong phút cuối cùng nghiệt ngã của trận đấu, tôi vẫn phải sút tung lưới đối phương, đem “bàn thắng vàng” cho đội nhà, nếu là võ sĩ quyền Anh, khi bị đối phương dồn vào góc đài, tuy vừa bị một quả đấm thôi sơn vào giữa mặt làm xiêu người về phía sau, tôi vẫn phải tận dụng độ đàn hồi của dây *rinh*, cố bật người dồn sức vào tay ra đòn, hạ ngã đối phương trước hồi kèng măn cuộc. Nhờ hai chữ An Tiêm ấy, anh em chúng tôi chỉ có người nghèo nhưng không có người hèn.

Năm mười bảy tuổi, bố tôi đã phải bỏ làng đi kiếm sống. Đi ra Hải Phòng, ông không tìm được việc làm, ông lần mò ra tận Cửa Ông phó mặc cuộc đời cho những may cùng rủi. Nhờ tám bằng Sơ học Pháp - Việt, bố tôi xin được một chân chấm công (pointeur) ở Nhà Sàng Cửa Ông rồi ông vừa làm vừa học nghề kế toán nên cuộc sống đã chắc chắn. Vừa ấm chỗ, bố tôi đã viết thư về làng, báo tin cho họ hàng. Bỏ làng là chuyện vạ bất đắc dĩ của bà con nông dân nhưng đến năm 1927, Thái Bình bị mất mùa, tiếp đến năm 1928, một trận bão lớn đổ vào đất liền, đồng ruộng quê tôi bị chìm dưới làn nước trắng, bà con mới tính đến chuyện bỏ làng ra vùng mỏ. Không ai bảo ai, hướng xuất quân đều nhằm Cửa Ông. Nhà bố mẹ tôi nghiễm nhiên trở thành trạm đón tiếp đồng bào An Tiêm đi xây dựng vùng kinh tế mới. Mẹ tôi cũng là người dễ tính nên những ngày đầu chưa xin được việc, các ông trong làng, các chú, các bác trong họ cứ đến ở nhà tôi, có khi đến hàng tháng trời cho tới khi chủ nhất có giấy gọi, từng người một mới xách đồ đoàn vào ở trong lán thợ.

Lương một anh chấm công không biết là bao nhiêu nhưng những ông ở nhờ nhà tôi cứ việc mở nắp thùng, xúc gạo thổi cơm và thấy trong nhà có việc gì, mỗi người một tay xúm vào làm ù một cái là xong.

Mẹ tôi kể lại: nhà đông người ăn nên phải muối vại ba vại dưa, mọi người ăn luân phiên mới kịp. Trời rét nên mẹ tôi thường đặt vại dưa ngay trên mặt bếp than cho chóng chua. Gặp chuyển khách trong quê ra đông quá, ông bác tôi sốt ruột, vằn vại dưa gần bếp than hơn cho dưa mau chua. Đến sáng dậy, xuống bếp bắc nồi thổi cơm, ông đã thấy vại dưa sôi ùng ục. Trưa hôm ấy cả nhà phải ăn món dưa... hầm. Thổi cơm bằng cái nồi gang to đùng, khách trong quê thường cạy cả tảng cháy to như cái quạt rồi

đến cuối bữa mới chia nhau mỗi người một miếng gọi là món “đét-xe” (dessert: món tráng miệng). Ai cũng khen cháy nôi gang giòn và thơm, có người còn khen cháy nôi gang ăn còn ngon hơn bánh Tây nhiều.

Gánh nặng của quê hương dồn lên gia đình tôi hai năm liền. Bố tôi sống theo lời dạy của ông tôi “sống trên đời, giúp được ai việc gì thì cứ giúp”, còn mẹ tôi sống theo lời dạy của bà ngoại “người ta gặp khó khăn nên mới phải nhờ vả mình, cứu được một người phúc đẳng hà sa”. Mấy năm sau, khách trong quê không ra Cửa Ông dồn dập như trước nữa, mỗi lần chỉ vài ba người là cùng.

Nhàn cư vì bất thiện, trong những ngày nằm chờ, các ông chơi bắt, chơi đồ mური. Ai thắng thì được đem cỗ bài đẹt vào mũi người thua hoặc là người thua phải uống hết một gáo nước lã.

Tôi thường ngồi châu rìa, đầu tiên chỉ nhận mặt từng quân, lần lần cũng bắt chước các bác, các chú chồng hai con bài lên nhau rồi kéo quân bài trên xem vân chân hay đẩy con bài bên trên lùi xuống xem vân đầu con bài bên dưới. Cứ thế tôi gọi vanh vách con nào là con cửu vạn, con nào là con bát sách, con nào là con ông cụ, con nào là con thang thang... Ai cũng khen thằng bé sáng dạ, có ông cao hứng đi khoe với bố tôi. Cụ giật mình vì thấy thằng bé mới năm tuổi đầu đã bén hơi cờ bạc. Ngày trước làm gì có nhà trẻ, nhà mẫu giáo như bây giờ, lũ trẻ chúng tôi cứ sống tự do như đám cỏ dại trong vườn hoang.

Bố tôi đi gặp chú giáo Loan xin cho tôi vào học ở lớp vỡ lòng. Tôi theo kịp chương trình của lớp nên chẳng có chuyện gì xảy ra. Đùng một cái viên thanh tra học đường người Pháp đến xem xét việc giảng dạy tại các trường học ở Cửa Ông. Chú giáo Loan đâu có ngờ chuyện lại xảy ra như thế.

Viên thanh tra cầm quyển danh sách học sinh đọc tên từng đứa, cuối cùng lòi ra tôi không có tên trong sổ học sinh. Viên thanh tra hất hàm hỏi chú giáo Loan về chuyện thừa sĩ số. Chú giáo Loan thật thà kể hết sự tình. Vừa nghe viên thanh tra vừa gật gù rồi bất thần hất bàn tay ra hiệu cho tôi đứng lên. Lần đầu tiên trong đời phải đối diện với một ông Tây, tôi sợ lắm. Viên thanh tra nói theo giọng tiếng Việt không dấu: “Cai ban?” Chú Loan phiên dịch từ tiếng Việt không dấu sang tiếng Việt có dấu: “Cái bàn? Tiếng Pháp ‘cái bàn’ là gì?” Tôi đứng dậy: “Table”. Viên thanh tra hỏi tiếp rồi chú Loan lại phiên dịch: “Cái kẹo?” Tôi trả lời: “Bon bon”. Viên thanh tra đến chỗ tôi đang đứng rồi vừa xoa đầu tôi vừa hỏi: “8 cộng 2 là bao nhiêu?” Tôi trả lời: “Là 10 ạ”. Viên thanh tra hỏi tiếp: “Thế 2 cộng 8?” Tôi bình tĩnh trả lời: “Là 10 ạ”. Viên thanh tra gật đầu “bồong” mấy tiếng rồi quay sang nói chú Loan câu gì đó. Sau này chú Loan kể với bố tôi là viên thanh tra phê bình chú cho tôi vào học là không đúng, nhưng cho tôi vào học lại không điền tên tôi vào sổ học sinh cũng là không đúng. Trường hợp của tôi có thể châm chước được, chú giáo Loan điền tên tôi vào sổ học sinh rồi đem lên cho quan thanh tra duyệt.

Đến hết năm học, bố tôi xin cho tôi vào học lớp đồng ầu thuộc trường tiểu học Louis Froment, ngôi

trường mang tên ông chủ mỏ ở tít bên Tây nhưng có công trích quỹ mỏ ra xây dựng ngôi trường này. Sau khi Nhật hất cẳng Pháp khỏi vùng mỏ, tấm biển tên trường cũng bị kéo đổ, tôi không biết trường đổi tên là gì vì Cửa Ông về với Việt Minh được ít lâu, quân của Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội (Việt Cách) đã núp bóng quân Tàu Tưởng đến chiếm đóng. Sau ngày 6 tháng 3 năm 1946, bọn Việt Cách theo chân quân Tàu Tưởng cuốn gói về Trung Quốc. Không lâu sau quân viễn chinh Pháp lại tràn sang chiếm đóng, mãi đến năm 1954, Cửa Ông mới trở về trong lòng của Tổ quốc. Lộp bộp thời gian đã che mờ gần hết những kỷ niệm thời thơ ấu nhưng tôi vẫn nhớ một người: cô giáo Lựu, Trần Thị Bích Lựu. Tôi nhớ cô đến mức nhân vật chính trong tiểu thuyết *Sắp cưới* và tiểu thuyết *Thời gian không đợi* tôi mạn phép cô đặt tên là Lựu. Tôi hy vọng rằng sẽ có người thừa chuyện với cô một anh nhà văn không xin phép cô, dám lấy tên cô đưa vào truyện hoặc có ai đấy bảo tôi đã lấy tên bà cô, bà bác của họ làm nhân vật trong tiểu thuyết, tôi sẽ lần theo dấu chân của cô, tìm đến cô.

Tôi đã dày công tìm cô nhưng không ai còn biết cô còn sống hay cô đã quy tiên. Năm vào học lớp đồng ấu, tôi còn bé quá nên chỉ biết cô ở Hải Phòng, vừa tốt nghiệp Trường Cao đẳng Sư phạm Đông Dương đã nhận được quyết định về dạy học ở vùng mỏ. Thời Pháp thuộc làm gì có khẩu hiệu “đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên” như bây giờ. Mỗi thầy giáo, cô giáo cứ phải lần lượt dạy học ở miền núi hay vùng mỏ rồi sẽ được chuyển về đồng bằng. Nếu ở đồng bằng ăm chỗ thì thôi, nếu có nguyện vọng chuyển về thành phố hay thị xã, sở học chính vẫn làm quyết định cho thầy giáo, cô giáo chuyển vùng. Vì chính sách cán bộ rõ ràng và nhất quán như thế nên các giáo sinh khi mới ra trường thường xin đi miền núi hay vùng mỏ trước. Đòi người đảng nào cũng chỉ có một lần, khổ trước sướng sau, ai chẳng thích. Cả đời tôi, tôi chẳng được đi học trường viết báo, trường viết văn (mà một cán bộ cao cấp chê là trường tào lao), nhiều lúc ngồi nghĩ lại đúng là Trời Phật đã biết trước như thế nên đã ban cho tôi cô giáo Lựu để bù đắp những thiệt thòi không được một ngày cắp sách đến mái trường xã hội chủ nghĩa, không một ngày được học tại trường viết báo và còn bị cấm cửa đến trường viết văn và các hội nghị những người viết trẻ.

Tôi thường khoe với các bác, các chú ở An Tiêm ra vùng mỏ: cô giáo tôi đẹp nhất thị xã Cửa Ông này. Đẹp không kém gì Nam Phương Hoàng Hậu. Cô thường vấn khăn nhung đen và mặc áo dài cổ cao, vạt tròn chấm mắt cá. Cô thay màu áo theo ngày: màu xanh hồ thủy (thứ hai), màu xanh nõn chuối (thứ ba), màu xanh nước biển (thứ tư), màu phấn hồng (thứ sáu), màu hoàng yến (thứ bảy). Chúng tôi cứ nhìn màu áo dài của cô là biết hôm nay là ngày thứ mấy. Cô mặc quần sa tanh trắng dài chấm gót hài, mỗi khi cô bước, đôi cánh phượng dính trên mũi hài khẽ rung rung như đang bay. Cô bước một bước lại có một con phượng xòe cánh tìm chỗ đậu nhưng chưa đến chấm đất đã biến mất như muốn nhường chỗ cho con phượng khác cũng đang xòe cánh tìm chỗ đậu.

Các ông bố có con đi học đều xuýt xoa khen cô đẹp không kém gì nữ diễn viên Dorothy Lamour trong phim *Nữ chúa sơn lâm*. Chính vì thế mới có chuyện thằng Đĩnh nghịch nhất lớp, cô giáo phải

mời bố thẳng Đĩnh đến nhắc nhở hạnh kiểm của nó nhưng đến hôm sau cô lại phải mời mẹ thẳng Đĩnh lên phân nân về hạnh kiểm của bố nó. Bố tôi cũng hay đến nhà riêng của cô ở ngay trong trường hỏi han về việc học tập của tôi nhưng được ít lâu mẹ tôi tranh lấy phần việc ấy vì sợ bố tôi ăn phải đũa bố thẳng Đĩnh.

Anh Nhật thường đèo tôi đi xem đá bóng, có lần vừa đạp xe vừa nói với tôi: “Nếu Cửa Ông thi hoa khôi, cô Lựu sẽ chiếm giải nhất”. Tôi sung sướng trước lời tôn vinh ấy nhưng một lần anh Nhật cao hứng dốc bầu tâm sự với bạn bè: “Được gởi đầu lên cánh tay cô Lựu dù có bị chặt bay ngay cái đầu cũng sướng cả một đời người”. Tự dưng tôi ghét anh Nhật quá chừng. Anh đã hỗn với cô giáo của tôi.

Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ giọng thanh thanh của cô ngân bên tai: “Các con ngồi xuống!” Lúc ấy tôi tự nhủ giá mình là con cô thật thì sung sướng biết bao nhiêu. Cái giọng thanh thanh ấy chỉ bảo cho mình làm bao nhiêu công việc. Cả một năm học tôi chưa thấy cô mắng một đứa nào. Học trò nào phạm lỗi, cô chỉ nhẹ nhàng bảo ban và bắt nó hứa trước mọi người: “Thưa cô lần sau con không làm như thế nữa”. Cô viết chữ rất đẹp. Hồi ấy chưa có quyển vở viết chữ mẫu cho học sinh như bây giờ, cô cứ phải viết chữ mẫu bằng bút chì mỗi trang một dòng cho chúng tôi tô bằng bút mực còn những dòng dưới chúng tôi viết buông. Tôi nhớ đến tận bây giờ: chữ a, chữ o, chữ q tròn vành vạnh, chữ m, chữ n uyển chuyển như khúc kỳ lân lượn. Cô mà viết chữ “mong” thì trông vừa đẹp lại vừa cân đối. Lúc vui chuyện cô thường kể: cô giáo dạy cô ngày trước thường bắt học trò tập viết đúng cỡ chữ, chữ b, chữ h, chữ l bao giờ cũng phải kéo lên đúng hai thân rưỡi chữ, chữ t chỉ cao đúng thân rưỡi chữ thôi. Học trò nào viết xấu, viết sai cỡ chữ, cô giáo của cô lại bắt viết đủ mười dòng chữ đó. Vì thế học trò cả lớp của cô ai cũng viết chữ đẹp, không viết được đẹp cũng phải viết cho đẹp.

Đêm đêm cô ngồi viết các chữ mẫu bằng bút chì, đến sáng hôm sau, cô đem phát quyển vở chữ mẫu cho chúng tôi về nhà viết tập. Cô dặn chúng tôi đặt miếng giấy thấm cách dòng định viết một dòng rồi đặt điểm tựa của bàn tay phải xuống đó, viết xong một dòng, chúng tôi mới nhích tờ giấy thấm xuống dòng dưới.

Cô dặn trước khi ăn cơm chúng tôi phải rửa tay. Bữa ấy ngồi vào bàn rồi, tôi mới nhớ ra, vội tụt xuống ghế. Bố tôi hỏi: “Con đi đâu?” Tôi trả lời: “Con đi múc nước rửa tay”. Mẹ tôi cười: “Cứ ăn đi đã. Hôm nay con quên, ngày mai con rửa tay cũng được”. Tôi cứ một điều khẳng khẳng: “Cô con bảo việc hôm nay chớ để đến ngày mai”.

Một buổi sáng, tôi vừa tỉnh dậy đã nghe thấy tiếng quát tháo, tiếng chân rậm rịch ở ngoài đường vọng vào. Tôi vội tụt xuống giường, chạy ra ghé mắt qua khe hở giữa khuôn cổng và cánh cổng xem ở ngoài kia có chuyện gì. Thời ấy bọn thổ phi không biết ở đâu về thường xuống phố Cửa Ông cướp những nhà giàu. Cái đêm vào cướp nhà ông Bá Chín Cao, bọn thổ phi còn ngang nhiên dàn quân ở dưới chân đồn bắn cản không cho lính khố xanh trên đồn xuống phố. Lính trên đồn bắn xuống, bọn thổ

phỉ bắn lên, hai bên cứ đi đoàn đến nửa tiếng đồng hồ. Đến khi ra khỏi nhà ông Bá Chín Cao, bọn thổ phỉ bắn một tràng pắchoọc ra hiệu thu quân. Ông Bá Chín Cao tiếc của quá cứ chạy theo thằng thổ phỉ đang vác bao tải đựng tiền chúng vừa cướp trong nhà ông xin chúng để lại cho ông một ít tiền. Một thằng thổ phỉ khác vẩy pắchoọc bắn ông chết tươi ngay đầu cổng. Mấy hôm sau, tôi thấy thằng Lùng và thằng Quay thất khăn tang đến lớp.

Sáng nay không phải bọn thổ phỉ ở trên núi tràn xuống. Các bác thợ mỏ đứng kín đường và toán lính khố xanh đang cầm ngang súng đẩy lùi đám biểu tình không cho các bác thợ mỏ tiến lên được nữa. Tôi cứ quỳ sau cánh cổng theo dõi cảnh lúc thì đám lính khố xanh đẩy lùi được đám biểu tình, lúc thì đám biểu tình đẩy lùi bọn lính khố xanh. Mọi ngày các bác thợ mỏ sao hiền lành thế, hôm nay các bác ấy dám chống nhau với bọn lính khố xanh có súng.

Mẹ tôi chạy ra lôi tôi vào trong nhà. Tôi đánh răng rửa mặt, thay quần áo, ăn sáng rồi đeo chéo quai chiếc cặp da qua ngực. Mẹ tôi trở tay ra cổng: “Con ở nhà. Hôm nay các bác công nhân đang biểu tình”. Tôi cứ lắc đầu: “Cô con bảo phải đến lớp đúng giờ. Ai đến chậm cô con không cho vào lớp”. Mẹ tôi đành phải rút then cổng. Ngoài kia các bác thợ mỏ vừa nhích từng bước vừa hô khẩu hiệu trên đường. Thằng Đĩnh đang đứng ngênh mắt nhìn các bác thợ mỏ giằng co với bọn lính. Mẹ tôi mỗi tay nắm cánh tay một đứa lôi chúng tôi qua đường. Thằng Đĩnh còn tiếc rẻ cứ vừa đi vừa ngoái cổ lại nhìn đám biểu tình và bọn lính khố xanh. Khi vào đến lớp, chào cô giáo xong, thằng Đĩnh hỏi ngay: “Cô ơi cô, sao cô không đi biểu tình?” Té ra không phải cu cậu giác ngộ quan điểm đấu tranh giai cấp mà chỉ thích được nghỉ học nên cu cậu chỉ mong cô giáo đi biểu tình. Cô giáo Lựu xoa đầu thằng Đĩnh: “Mỗi tuần cô phải lên lớp năm ngày, cô mới có tiền gửi về cho ông bà. Cô không được phép bỏ buổi nào, có thể ông chủ mỏ mới trả lương cho cô”. Nói đoạn cô vỗ hai tay vào nhau ra hiệu cho chúng tôi theo cô vào lớp.

Trống trường đã vang một hồi ba tiếng nhưng mới có gần nửa số học sinh vào lớp. Cô nhờ bác phăngtông ra đường tìm các em về. Trong lúc chờ đợi, cô lấy một cuốn sách trong cặp đọc cho chúng tôi nghe:

“Tôi là đứa trẻ bị bỏ rơi, mãi đến khi đã lên tám tuổi tôi cứ tưởng tôi cũng có mẹ như chúng nó vì mỗi khi tôi khóc bà lại đến ôm tôi dỗ cho tôi nín....”

Chúng tôi ngồi yên lặng nghe cô đọc sách. Những đứa đến muộn lảng lảng nhét cặp vào ngăn bàn rồi nhè nhẹ ngồi xuống ghế. Cô đọc đến đoạn bà Bacboranh bán bò, thì học sinh cả lớp dần dần đến đủ. Cô cho chúng tôi nghỉ giải lao trước khi vào tiết học đầu tiên. Cô lên văn phòng báo cáo tình hình với thầy hiệu trưởng. Tôi leo lên bục, ngó cổ lên bàn xem trộm quyển truyện gì mà lúc nãy cô đọc hay thế, để về nhà tôi bắt bố tôi mua bằng được. Tôi biết bố rất chiều tôi. Bố đang vắn kèn hát, ngồi nghe bản nhạc du dương - sau này tôi mới biết là bản *Tôi có hai mối tình* (J'ai deux amours). Tôi sà ngay

vào lòng bố tôi: “Bố hát bài *Đàn ai tiếng kêu ngoài thềm* đi”. Bố tôi phải gạt nấc hãm cho máy nghỉ rồi hát bằng hết bài *Đàn ai tiếng kêu ngoài thềm* cho tôi nghe. Nếu bố không hát hết bài thì tôi khóc, khóc đến nỗi sùi bong bóng mũi mới thôi. Đêm ba mươi Tết, tự dưng tôi nằng nặc đòi bố cho xem trăng. Bố tôi phải bung thau nước lên trên giường, bấm đèn pin qua đỉnh màn cho cái hình tròn sáng trên đỉnh màn in hình xuống thau nước. Chuyến này nhất định tôi phải đòi bố mua bằng được quyển sách ấy. Nếu bố tôi không tìm được sách thì tôi khóc.

Bước chân lên bậc, tôi toài người vươn cổ nhìn quyển truyện đang đặt trên mặt bàn. Tôi lật bìa lên xem: Sans Famille (*Không gia đình*).

Từ đó mỗi chiều thứ bảy, cô lại đọc *Không gia đình* cho chúng tôi nghe. Cho đến bây giờ tôi vẫn nhớ giọng trong như nước suối reo của cô đã dẫn dắt chúng tôi theo vết chân chú bé Remy lang thang khắp nước Pháp với bao niềm vui, nỗi buồn dọc đường gió bụi. Cô không bao giờ nghĩ rằng công việc cô làm để “lấp chỗ trống” trong lúc một số học trò nhỏ vẫn còn mãi đi xem công nhân biểu tình lại gieo mầm văn chương trong tim tôi.

Cuối năm học tôi bị ốm liệt cả hai chân. Mẹ tôi phải đưa tôi về Hải Phòng tìm đến một ông bác sĩ người Pháp để chữa bệnh. Khi tôi đã tai qua nạn khỏi, mẹ đi lễ Đền Thượng được Đức Ông phán tuổi tôi xung khắc với tuổi mẹ nên tôi phải xa mẹ mới sống lâu được. Nếu tôi cứ bám lấy mẹ thì đến năm mười ba tuổi, các ngài sẽ bắt tôi đi. Vì thế đến đầu năm học sau tôi phải về Hải Phòng ở với bà bác - chị ruột mẹ tôi. Sau đấy ít lâu, tôi nghe tin chủ mỏ gọi cô Lựu lên và yêu cầu cô dạy kèm cho con gái ông ta. Một đêm tiền cô về, tên chủ mỏ ôm choàng lấy cô định giờ trò lính tầy. Cô chống cự quyết liệt. Nghe tiếng cô kêu cứu, anh bếp và chị hai chạy vội ra nên cô mới thoát nạn. Sau đấy cô làm đơn tố giác với viên thanh tra. Thời nào quan chẳng bệnh quan, viên thanh tra ký quyết định đổi cô đi nơi khác. Từ đó tôi không còn biết tin tức gì về cô Lựu nữa.

Xa cô, tôi không bao giờ còn được nghe cô đọc truyện nữa. Chắc cô yêu thích các nhân vật trong *Không gia đình* lắm nên buổi chiều thứ bảy nào cô cũng dịch từng chương cho chúng tôi nghe. Tiểu thuyết *Không gia đình* vẫn cứ đeo đẳng lấy cuộc đời tôi sau khi cô đã mở cánh cổng cho chúng tôi bước vào thế giới *Không gia đình*. Hãng phát hành phim Đông Dương đưa bộ phim *Không gia đình* về chiếu ở Hải Phòng. Theo lịch chiếu phim, rạp Eden chiếu tuần trước, rạp Gaumont ở Cầu Đất chiếu tuần sau. Như thế chúng tôi được xem liền một mạch hai thứ năm, hai chủ nhật buổi vé đồng hạng dành cho học sinh ở cả hai rạp.

Mẹ tôi hứa mỗi tuần sẽ về thăm tôi một lần. Mỗi chiều thứ bảy hàng tuần, tôi giống như cậu bé Remy ngồi trên đỉnh dốc nhìn xuống làng Savanông trước khi sải chân bước theo con đường gió bụi. Tôi cứ đứng ở chân cột đèn nhìn về góc bãi bóng đá nhà máy tơ xem có thấy mẹ tôi ở vùng mỏ lên thăm tôi không. Những lúc ấy trong đầu tôi tự dưng hiện lên một Remy nhìn về làng, thoáng thấy bóng

chiếc mũ trắng của bà Bácboranh lướt trong đám cành cây trông như cánh bướm vờn hoa. Khoảng cách khá xa, Rêmy không nhìn bà Bácboranh bằng mắt mà nhìn bằng trái tim. Đôi lần tôi khóc, khóc cho Rêmy và khóc cả cho mình.

Mãi về sau tôi mới mua được cuốn *Không gia đình* - bản tiếng Pháp do Tủ sách Hồng (Les Livres roses) tóm tắt tiểu thuyết cùng tên của nhà văn Pháp Héc-tô Malô. Bước vào ban thành chung tôi được nghe thầy Trần Cư bình giảng chương bà Bácboranh bán con bò Rutxê in trong Văn tuyến của Puygiácniclơ. Được ít lâu tôi mới mượn được bản in *Không gia đình* bằng tiếng Pháp của chú Hoàng, người duy nhất đỗ bằng tú tài toàn phần ở tổng tôi.

Trong thời gian đi chuẩn bị chiến trường cho chiến dịch giải phóng Phát Diệm, tôi bị giặc Pháp bắt và tống đi lao động khổ sai ở núi Mai An Tiêm. Đây là vị trí tiền tiêu của liên quân tổng bộ tự vệ Phát Diệm và quân đội liên hiệp Pháp. Một hôm bọn vệ sĩ đi càn khiêng về một vồng nặng toàn sách báo của một gia đình bị chúng nghi là liên quan với Việt Minh - Cộng sản. Chúng đổ sách báo vào đầu lán chúng tôi nằm. Nhân lúc vắng người, tôi lục đống sách báo ấy chỉ thấy phần lớn là sách giáo khoa và dăm ba cuốn tiểu thuyết tiếng Pháp. Tôi rút cuốn *Không gia đình* đặt dưới chân đống sách báo, mỗi buổi trưa tôi lật lật vài trang để đọc. Một buổi trưa đang mải mê đọc sách, tự dưng theo linh tính của lính quân báo, tôi cảm thấy đang bị một người đứng phía sau lưng theo dõi. Tôi vừa ngoái cổ về phía sau vừa gấp cuốn sách lại. Một bàn tay đã đặt lên cuốn sách, anh vệ sĩ nhìn tôi: “Chúng ta đều là nạn nhân chiến tranh cả, anh đừng ngại”. Tôi vội lắc đầu: “Không, tôi chỉ xem ảnh thôi chứ có biết chữ Tây đâu”. Anh vệ sĩ cười: “Anh cẩn thận đấy”. Từ đó tôi không dám đọc sách nữa. Mỗi buổi trưa, ngồi trên đỉnh núi nhìn xuống xóm nhỏ dưới chân núi thấy các bà mẹ đi đi lại lại từ nhà ra hay từ sân ra vườn, tôi cứ phân vân tự hỏi người nào là cơ sở của kháng chiến giúp mình ẩn nấp sau khi mình vừa trốn khỏi nơi đây?

Khi còn đi học, tôi có thuộc bài *Se Canto*:

Cánh đồng ơi, hãy vươn cao lên

Dãy núi kia hãy cúi thấp xuống

Đừng che khuất bóng người thương của ta

Đang ở xa ta...

Mỗi lần đi qua mảnh đất ngôi trường cũ, tai tôi lại văng vẳng những câu hát đó. Ước gì có một người nào đó bảo tôi cô giáo Lựu của tôi giờ đang ở đâu, tôi cũng trèo đèo vượt suối đi tìm cô, tạ ơn cô đã gieo mầm văn chương vào trái tim thơ ngây của tôi. Cô giáo của tôi không hề đọc cho tôi nghe những bài giảng ở trường viết văn. Qua câu chuyện về chú bé Rêmy, cô đã dạy cho tôi biết xúc động trước thân phận con người đang lưu lạc nơi đất khách quê người. Điều tôi ân hận nhất là khi còn học

cô, tại sao tôi không dám hỏi hai cụ thân sinh của cô ở số nhà nào, phố nào ở Hải Phòng thì suốt chín năm ở Hải Phòng làm gì tôi không gặp được cô.

Ba

Nói theo giọng của các nhà chính trị kinh tế học, việc bố mẹ tôi đưa tôi ra ở nhà ông bà bác tôi ngoài Hải Phòng có tính tất yếu khách quan của cuộc đời. Hai bác tôi sinh hạ được bốn người con gái và chỉ có một mụn con trai. Có tôi cùng chơi với anh tôi, hai bác không còn phải lo anh tôi đi bêu nắng, theo lũ bầu xấu chạy nhông nhông ở ngoài đường, chẳng may xe đạp, xe ô tô nó húc phải thì mất giống.

Mỗi lần đi công tác qua Cửa Ông, tôi thường xuống bến tàu Quảng Đông cũ, đứng lặng người nhớ lại buổi biệt ly đầu tiên trong đời.

Bố tôi đưa hai mẹ con vào cabin xong rồi ông bế tôi lên. Ông thom vào hai má tôi rồi bảo tôi thom vào hai má ông. Tôi bá chặt lấy cổ ông như cái dây leo đang quấn chặt vào cây cổ thụ. Bố tôi hỏi: “Con ra Hải Phòng, con có nhớ bố không?” Tôi trả lời: “Con có nhớ”. Bố tôi hỏi tiếp: “Nhớ bằng bao nhiêu?” Tôi quay đầu trở về phía Đèn Thượng: “Nhớ nhiều bằng quả núi”. Cho đến sau này khi có con, có cháu, tôi vẫn dạy chúng nhớ ai nhiều thì nói nhớ bằng quả núi. Mỗi lần nghe con, nghe cháu nói thế và cả đến khi ngồi viết đến dòng này, tự dưng nước mắt đã động trong mi tự lúc nào. Nhớ bố. Nhớ mẹ. Nhớ buổi chia ly đầu đời. Lúc ấy tôi nào biết rằng buổi chia ly ấy chính là mũi tên vừa bật khỏi dây cung, rẽ gió lao vào những con xoáy của cuộc đời. Chính vì thế ngay từ khi đi học, tôi rất thích bài *Biệt ly* của Doãn Mẫn và khi nhà nước cấm nhạc vàng, lúc buồn buồn tôi vẫn khe khẽ hát *Biệt ly* với cảnh chia tay với bố thời ấu thơ.

Chiếc tàu Quảng Đông rúc hời còi tu...u...u... Bố tôi gỡ mãi mới làm mười ngón tay của tôi bong ra khỏi cổ ông. Ông hôn vội vào má tôi rồi vừa bước xuống cầu thang vừa ngẩng đầu lên nhìn tôi. Mẹ bế tôi ra đứng ở mạn tàu vừa vỗ tay lên bến vừa bảo tôi: “Bố sắp ra kia kia”. Bỗng tôi nghe thấy tiếng bố gọi: “Hệ! Hệ!” Mẹ vỗ tay về phía tiếng gọi rồi bảo tôi: “Hệ! Bố gọi con kia kia”. Tôi nhaoi người ra khỏi thành tàu nhìn bố tôi vừa chen qua từng người vừa giơ tay vờn tôi. Lại một hời còi nữa. Bố tôi đã chen lên đứng gần sát thành tàu. Tôi còn bé nhưng đã hiểu tiếng còi tàu xé lòng kẻ ở người đi thế nào. Tôi giơ tay lên gọi: “Bố ơi!” Một tay gỡ cặp kính cận, một tay bố vờn tôi, ông gọi to: “Hệ! Ngoan nhé!” Mẹ tôi vỗ tay xuống bến tàu: “Bố đang gọi con kia kia”. Lại một hời còi nữa. Ôi còi tàu như xé đôi lòng! Con tàu quay mũi ra vịnh. Mạn tàu từ từ nhích ra khỏi bến. Tôi giơ cả hai tay ra hét lên: “Bố!” Khoảng cách giữa hai bố con tôi xa dần, xa dần...

Cơm nước xong rồi, thầy mẹ tôi, anh em, chị em tôi, cả đến kẻ ăn người ở trong nhà, đều tiễn tôi ra tận bờ sông, chỗ thuyền đậu.

Vừa ra khỏi nhà thì trong lòng tôi tự nhiên sinh ra buồn rầu vô cùng. Từ thuở bé đến giờ chỉ quen

vui thú ở nhà, nay tôi mới biết cái cảnh biệt ly là một! Chân bước đi, mặt còn ngoảnh lại: từ mái nhà, cái thềm nhà, cái lối đi, cho đến bụi cây, đám cỏ, cái gì cũng làm cho tôi quyến luyến khác thường!

Thuyền nhỏ sào, ai nấy đều chúc cho tôi được thuận buồm xuôi gió, bình yên khỏe mạnh. Thuyền đi đã xa, mà tôi còn đứng nhìn trở lại, nhìn mãi cho đến lúc không trông thấy nhà nữa mới thôi. “Ôi! Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!”

360 chữ này không phải của tôi mà chính là ở trong Quốc văn Giáo khoa Thư của các cụ Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đỗ Thận soạn. Tôi chỉ đọc có vài lần mà đã thuộc lầu lầu như cháo chảy, cứ tưởng như các cụ ấy viết riêng cho một mình tôi. 360 chữ viết về tâm tình cậu bé lần đầu xa nhà ấy cứ đeo đẳng lấy cuộc đời tôi. Hơn sáu chục năm qua, bao nhiêu kinh bổn, bao nhiêu điều răn, bao nhiêu trang sách đã đến với tôi. Kinh bổn nọ lẫn át kinh bổn kia, điều răn mới lẫn át điều răn cũ, trang sách mới lẫn át trang sách cũ nhưng chẳng cái gì lẫn át nổi những dòng chữ tâm tình trong bài học thuộc lòng của tôi ngày ấy. Từ khi lật đến trang 64-65 cuốn Quốc văn giáo khoa thư mà đọc bài *Kể ở người đi*, những dòng chữ tâm tình ấy đã nhảy ra khỏi trang sách lặn một hơi vào thẳng từng li ti huyết quản của tôi. Mỗi khi tôi chợt nhớ đến bố mẹ, đến buổi biệt ly đầu đời trên bến tàu Quảng Đông, tự dưng một tiếng ngân rất nhỏ chỉ đủ cho một mình tôi nghe thấy vang vọng bên tai: “Ôi! Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!” Cùng lúc đó trước mắt tôi vụt hiện cảnh mờ chông: hai người lớn và bốn đứa bé đang giơ tay vờ con thuyền giương buồm cưỡi sóng phía xa xa như họa sĩ Nam Sơn đã minh họa trong trang sách và bố tôi đứng trên bến tàu như muốn vươn tay thật dài để ôm ghì lấy tôi trong lúc mạn tàu đang từ từ bong ra khỏi bến.

Về đến Hải Phòng, tôi bị “hạ tầng công tác” từ một thằng anh cả ở trong nhà bố mẹ tôi xuống làm thằng em út ở nhà bác Cẩn. Mỗi bữa cơm trước khi ăn tôi phải “đọc thần chú” mời hai bác xơi cơm, rồi lại mời từng chị xơi cơm. Do “đọc thần chú” nhiều quá, từ các chị tôi đến anh Phòng và tôi đều phát âm tiếng “cơm” thành “câm”: “Mời hai bác câm, chị Hải câm, chị Hảo câm, chị Thảo câm, anh Phòng câm” vì tôi mời nhanh quá. Hai bác tôi chỉ cười cho qua cái thủ tục tổ tông truyền này đi.

Tôi ở nhà bác Cẩn được mấy ngày, cậu Kiếm bảo tôi viết thư về Cửa Ông cho bố mẹ. Tôi lấy tờ giấy đặt trước mặt, tay cầm bút, mắt nhìn cậu Kiếm, chờ cậu đọc câu gì thì viết câu ấy. Nhìn thấy thế, cậu Kiếm cười bảo tôi cứ nghĩ trong đầu thế nào thì cứ viết ra thế ấy miễn là có chữ của tôi gửi về Cửa Ông cho bố mẹ tôi mừng.

Tôi cúi xuống viết một hồi. Thư rằng:

Hải Phòng le 25 Aout 1936.

Kính thưa bố mẹ.

Con đi xa con nhớ bố mẹ lắm nhưng ở đây vui con lại quên ngay.

Kính thư

Con

Phạm Thế Hệ

Cậu Kiếm đọc lại thư trước khi nhét lá thư vào phong bì. Cậu mỉm cười nhìn tôi: “Sao cháu lại viết “kính thưa” và “kính thư””. Tôi trả lời: “Cháu thấy bố mẹ cháu viết thư về quê cho ông bà cũng viết “kính thưa”, “kính thư” như thế. Cháu có phải viết lại không ạ?” Cậu Kiếm lắc đầu: “Nghĩ sao viết vậy, thế là được”.

Bây giờ nghĩ lại tôi mới thấy hồi còn bé chưa nặng nợ áo cơm, mình nghĩ thế nào mình cứ viết đúng như thế, không bố mẹ nào hoạnh hoẹ. Các cụ để ra tôi, nuôi tôi khôn lớn, chạy chữa cho tôi lúc ốm đau, công như trời bể, có bao giờ các cụ bắt tôi ngày ngày đọc thuộc lòng trước các cụ “công cha như núi Thái Sơn. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra” đâu. Thế mà khi nhận được thư của tôi, bố mẹ tôi không chấp vặt với thằng con đã nhớ nhưng lại quên ngay, mà chỉ chuyền tay đọc rồi khen: “Thằng Hệ đã viết thư được rồi”.

Cậu Kiếm là con thứ ba của ông bà ngoại tôi. Bà ngoại tôi xinh lắm nên bị “hồn thằng Phạm Nhan” nó ám, đẻ liền hai người con gái - bác Cẩn gái và mẹ tôi. Ông ngoại tôi phải đưa bà ngoại tôi đến Đền Kiếp Bạc cầu Đức Thánh Trần vung kiếm chém đầu Phạm Nhan một lần nữa để nó khỏi ám ảnh bà ngoại tôi. Vì thế khi đẻ đứa thứ ba được trời cho một mụn con trai, ông bà ngoại tôi bèn đặt tên là Kiếm. Ông bà ngoại tôi gửi cậu Kiếm ở nhà bác Cẩn để theo học ban thành chung. Ngoài thời gian đi học, cậu Kiếm cùng chú Phan - em ruột bác Cẩn trai lại rủ nhau đi tập diễn kinh ở Câu lạc bộ Cercle de la Jeunesse Tonkinoise (CLB Thanh niên Bắc Kỳ). Tôi đã được đi xem cậu Kiếm cùng các chú ở CLB biểu diễn trên xà đơn và xà kép tại rạp Đại Quang nhân dịp CLB tròn năm tuổi. Tôi đã được xem những tấm ảnh cậu Kiếm bơi briăngtin khắp người rồi chụp ảnh khi thì cầm đĩa thể thao vòng xuống đầu gối theo đúng động tác khởi động, khi thì đứng nghiêng co tay, khuỷu tay đặt lên đầu gối cho cơ vai, cơ bắp tay nổi lên cuộn cuộn, khi thì nắm tay, khuỳnh cánh tay sang hai bên rồi lên gân cho các múi bụng nổi lên. Anh Phòng và tôi cũng bắt chước những tấm ảnh của cậu, hai anh em đứng trước gương, hít hơi dài rồi “lên bụng”, tám múi bụng chẳng thấy đâu, tôi chỉ thấy ba mươi sáu cái xương sườn.

Bạn bè cậu Kiếm tụ tập ở nhà bác Cẩn cũng đông, mỗi ông có một tài lẻ nhưng chẳng ai chơi bởi. Chú Huân đi đâu cũng kẹp nách mấy quyển triết học thích làm một philosophe (nhà triết học), chú Sử lại mê điện ảnh đến mức hiệu sách bán ảnh diễn viên nào là mua về đem đến hiệu ảnh thuê chụp một kiểu đúng như thế rồi đem ảnh về khoe với anh em: “Đấy các ‘ju’ xem, có đúng là Robert Taylor Việt Nam không?” Có khi chú Sử lại chụp ảnh mình cười nhếch mép như Rhett Butler trong *Cuốn theo chiều gió* rồi hỏi anh em: “Chúng mày xem có đúng Clark Gable không?” Chính nhờ nghe lỏm các chú

bản chuyện thể sự nên tôi sớm biết nhiều thứ chuyện trên đời. Tôi biết bắt chước cậu Kiếm tập luyện điền kinh, bơi lội để trở thành lực sĩ toàn năng (athlète complet), tôi bắt chước chú Sủ để trở thành diễn viên điện ảnh. Tôi phục lẫn dùng chú Huân đánh giá tình hình thế giới. Nhờ đó mỗi lần xem tin chiến sự Nga - Đức trên báo, tôi lại giở trang bản đồ nước Nga trong Tủ điện Larút-xơ, đánh dấu từng mũi tiến công của phát xít Đức rồi dùng bút chì đỏ nối liền những chấm đỏ ấy lại để phác họa sơ đồ phòng tuyến phát xít Đức. Chú Huân thường nói: Napôlêông giỏi thế mà đánh vào đất Nga đến mùa đông cũng bị sa lầy, phải mở đường máu mà tháo chạy khỏi nước Nga. Du kích quân của Nga lại phục kích đánh chặn đường rút lui của Napôlêông. Chú luôn luôn bác lại nhận định của mấy tờ báo coi Nga là người khổng lồ chân đất sét và tiên đoán ngày quân Nga mở cuộc phản công trên các mặt trận không còn bao xa. Đúng như vậy, trên bản đồ nước Nga trong Tủ điện Larút-xơ, phòng tuyến phát xít Đức cứ lùi dần về phía Tây và tôi hiểu những bộ phim thời sự về Chiến tranh Nga - Đức thầy giáo thường dắt chúng tôi đi xem chỉ là những thước phim quay từ thời kỳ khởi chiến bây giờ các rạp cứ chiếu đi chiếu lại. Chú Huân đã dạy tôi cách đánh giá sự thật trên chiến trường không đúng như những khuôn hình “biết nói dối” trên màn ảnh.

Cái “câu lạc bộ” vô danh này đã dạy tôi những bài học vỡ lòng trong âm nhạc, trong điện ảnh, trong văn học. Tôi được nghe cậu Kiếm, chú Phan, chú Sủ bình luận những đoạn phim hay, những diễn viên giỏi trước khi chúng tôi đi “xem mặt sau” màn ảnh. Tôi đã học truyền khẩu những ca khúc trong phim, *Rose Marie* trong bộ phim cùng tên, *Những người lái thuyền trên sông Von-ga* cũng trong bộ phim cùng tên, *Bài ca người chăn bò* trong bộ phim *Bốn anh em nhà Dantông*, *Shina no yoru* trong bộ phim *Đêm Trung Hoa*. Tôi sớm biết nhiều tiểu thuyết của các nhà văn Lê Văn Trương, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Khái Hưng, Nhất Linh qua những cuộc trao đổi ý kiến của các chú trước khi được đọc tác phẩm đang được lớp trẻ hồi ấy yêu thích lúc nào cũng đầy ắp trên giá của các cửa hàng cho thuê sách.

Tuy chỉ được nhật lộ rơi rụng vãi ở cái “câu lạc bộ” vô danh đó nhưng tôi cũng dần dần tích góp được một số hiểu biết sơ đẳng về nhiều bộ môn nghệ thuật. Do đó, khi lớn lên nghe anh chị em nói chuyện, tôi cũng lồm bồm hiểu, không đến nỗi mặt cứ nghệt ra như chúa Tàu nghe kèn, thấy anh chị em hát bài ta, bài Tây, tôi cũng hát theo được. Ngày trước, chính quyền Pháp, chính quyền Nhật không tổ chức đại hội anh hùng - chiến sĩ thi đua, không in những cuốn sách người tốt việc tốt làm gương sáng cho chúng tôi soi chung nhưng chúng tôi cũng biết chọn thần tượng mà mơ ước: Viễn, tá biên đội Olympique Haiphontaine lừa bóng qua hàng hậu vệ của đội bóng nhà binh sút tung lưới thủ môn Faye, Tí Bò thấp bé nhẹ cân dùng đôi chân “ảo thuật” lúc đẩy bóng qua mũi giày đối phương, lúc chọc bóng qua háng đối phương rồi chạy vòng đến đón bóng làm thằng Tây cao to cứ chịu ớ người ra giữa sân cỏ. Tuy chẳng có tờ báo nào bình chọn Nhân vật Nổi nhất trong năm nhưng trong đầu chúng tôi ca sĩ Tino Rossi - và chỉ có Tino Rossi mà thôi - luôn ngự trị và cho mãi đến năm đầu của thế kỷ 21, tôi vẫn

tìm bằng được băng nhạc của Tino Rossi với những bài tôi mê say: *Marinella*, *Laissez-moi vous aimer*, *Guitare d'amour*, *Venise*... Hai diễn viên Mỹ Buck Jones và Ken Maynard phi ngựa như bay, hai tay hai súng cứ vẩy một cái cái là một tên “phản phái” trúng đạn ngã lăn quay trong các cảnh phim cao bồi. Sác lô, Lôren, Hácđi, Phéc năng đên cuốn hút chúng tôi đi xem các bộ phim hài, chỉ cần nghe quảng cáo bộ phim nào có hình bóng các ông là chúng tôi bỏ đi xem một lượt, có khi đến hai ba lượt. Cũng nhờ cái “câu lạc bộ” vô danh đó, tôi mới bén duyên với *Ave Maria* và *Khúc ca ban chiều* của Frank Schubert... Sau này tôi được đến thăm Toà thánh Cao Đài ở Tây Ninh. Nhìn lên tường, thấy các tín đồ Cao Đài vẽ chân dung Tôn Trung Sơn, Victo Huygô, Khổng Tử đứng chung một khuôn hình, tôi mỉm cười nghĩ tới những thần tượng của mình thời trẻ con. Dù thế nào đi chăng nữa, cái đầu “ăn tạp” của tôi thời ấy đã góp vốn cho tôi sau này khi thất thế phải đi làm “cán bộ tay ngang” cho điện ảnh, cho thể dục thể thao... tôi không đến nỗi ngỡ ngàng. Hình như khi bắt tay vào những công tác mà chính quyền nhân dân và đoàn thể giao cho, tôi đã được cuộc đời chuẩn bị từ trước.

Chính tôi cũng không ngờ cái vốn nhật nhạp từ thời đế quốc sài lang, đến khi quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, tôi vẫn đem đi kiếm cơm được.

Hồi ấy, tôi đi làm thuê cho báo Thể thao Văn hoá. Ông tổng biên tập phân công tôi giữ mục Giới thiệu Phim trong tuần. Công việc cũng không ảnh hưởng gì đến công việc tôi đang làm ở cơ quan. Khi Fafim chiếu phim, tôi chịu khó đạp xe xuống tận Ngã Tư Sở, chui vào phòng chiếu phim - phần nhiều là phim Liên Xô. Cán bộ tuyên truyền của Fafim thế nào cũng có đôi lời về tư tưởng chủ đề và đôi điều cần chú ý khi giới thiệu phim sao cho đúng với trọng tâm tuyên truyền lúc bấy giờ. Tôi đừng có quá say sưa viết chệch quỹ đạo. Tôi cố nhập tâm, về nhà mở máy viết lấy ba trang rồi sáng hôm sau đem bài đi nộp.

Nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười, Fafim chiếu bộ phim *Cucaracha*. Cán bộ tuyên truyền của Fafim chắc là chỉ biết chữ Nga, tra các loại từ điển Nga - Việt đều không có từ Cucaracha. Anh công an hộ khẩu ấy hay hát bài *Cucaracha* nên anh em trong đồn công an thường gọi anh là Cucaracha. May mắn làm sao hồi còn bé, tôi thường được nghe chú Huân, chú Sử và cả cậu Cát hát bài *Cucaracha*. Sau đó tôi còn được nghe đĩa chính danh ca Tino Rossi hát bài *Cucaracha*. Tôi còn tập thổi acmônica bài *Cucaracha* nên rất nhớ. Cán bộ Fafim tra từ điển chỉ thấy kukareku là tiếng gáy của con gà trống nên dịch tên phim là *Anh chàng Gà Trống*. Trong phim chẳng có chi tiết nào thể hiện anh công an là anh chàng gà trống. Tôi viết bài lấy tên phim là *Cucaracha*. Ông tổng biên tập vẫn còn ngỡ ngợ về cái tên phim. Tôi phải hát bài *Cucaracha* cho ông nghe và khi đi xem phim, ông lại được nghe chính bài *Cucaracha* ấy. Thế là các báo hàng ngày, hàng tuần đều giới thiệu phim *Anh chàng Gà Trống* là phim điểm trong đợt phim chào mừng Kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga, riêng báo Thể thao Văn hóa cứ giới thiệu là phim *Cucaracha*.

Một số người đã từng sống dưới thời Pháp thuộc, được nghe bài *Cucaracha* rồi nên khi nói chuyện với ông tổng biên tập Thể thao Văn hóa đều khen thế mới là báo Thể thao Văn hóa chứ. Phim *Cucaracha* có “anh chàng gà trống” nào đâu mà chỉ có anh công an mê bài hát *Cucaracha* đã hy sinh vì sự bình yên của dân lành. Trong phim, đạo diễn đã lồng nhạc nền bằng bản nhạc *Cucaracha*. Chắc trong một số lĩnh vực khác, các vị được cử đi học tập ở nước ngoài cũng bị làm lẫn *Cucaracha* là “anh chàng Gà Trống” nên chúng ta mới bị cái “anh chàng Gà Trống” quái ác ấy níu chân trong cảnh nghèo nàn lạc hậu mãi như trước kia.

*

* *

Người gần bó với tôi nhất trong những ngày tôi ở Ao Than - Lạc Viên là anh Phòng. Anh Phòng sinh sau tôi bốn tháng nhưng lại là bốn tháng cuối năm nên theo giấy khai sinh, anh Phòng chịu kém tôi một tuổi. Tuy kém tuổi tôi lại học dưới tôi một lớp nhưng anh Phòng là con ông bác nên tôi vẫn phải là em. Gặp bài toán khó, thằng anh lại phải hỏi thằng em mà không hề tự ái. Hai anh em đi xem phim về, ông anh lại ngồi nghe thằng em kể lại - bây giờ các thầy, các cô gọi là kể chuyện có diễn cảm. Đoạn phim nào hay, anh thường bắt tôi kể lại, nếu đây là đoạn quân chính phái bắn quân phản phái, tôi cũng nhấp nhòm mông mà dùng dùng minh họa cho câu chuyện thêm đậm đà. Người kể không biết mệt, người nghe không biết chán, hai anh em chúng tôi cứ quần lấy nhau. Bác Cẩn gái thường khoe với bác Cẩn trai: “Từ ngày thằng Hề về đây, thằng Phòng nhà mình không nói bậy, không đi bêu nắng. Hai đứa chỉ ngồi đọc sách. Ngoan đáo để”.

Ngồi học với anh Phòng, tôi giờ quyền địa dư đến trang có hình vẽ bờ biển Bắc Kỳ, vừa đọc vừa trở tay vào hai địa danh trên bản đồ: “Từ Móng Cái đến cù lao Cát Bà. Anh cứ tưởng tượng tám bản đồ này đang ở trước mắt anh. Anh đọc thử một lần đi”. Anh Phòng hỏi: “Đây là Móng Cái, thế chỗ nào là Móng Đực, chỗ này là Cát Bà thế thì chỗ nào là Cát Ông?” Tôi đành lắc đầu: “Bây giờ anh em mình chỉ biết đến thế, sau này lớn lên đi ‘giang hồ’ ra đấy sẽ đi hỏi ‘thổ dân’. Nào anh đọc đi”. “Từ Móng...”, anh Phòng đọc tiếp: “... Cái đến cù lao Cát Bà. Khó nhớ bỏ mẹ lên được”. Tôi cứ lẳng lặng ép anh Phòng học thuộc bài. Khi tư tưởng đã tập trung rồi, anh thuộc bài rất nhanh.

Hội đế quốc sài lang, làm gì đã có đài truyền hình nên anh em chúng tôi chẳng phải chúi mũi vào màn hình mà xem Chiếc nón kỳ diệu, Gặp nhau cuối tuần, Đường lên đỉnh Olympia, Vườn cổ tích... Mọi trò chơi đều diễn ra ở hè - một kiểu “câu lạc bộ thiếu nhi” không có ban chủ nhiệm. Chẳng có văn bản nào quy định luật lệ cho từng môn chơi, chỉ cần một thằng nào cao hứng gào lên: “Chúng mày ơi chơi (...) đi”, đứa nào thích chơi thì chạy theo nó, theo cái luật truyền khẩu từ lâu đời. Bọn con gái thường chơi “xia cá mè, đê cá chép”, “chồng nư chồng hoa”, “rải gianh”, nhảy lò cò, nhảy dây... Bọn con gái nhảy dây rất mả: nhảy một người, họ có thể vừa nhảy vừa vắt chéo dây qua ngực, nhảy đồng

người, có thể cho hai người “quất” rồi lần lượt một người vào, rồi hai người vào có khi ba người vào. Đã thế ba người còn bá vai bá cổ nhau vừa nhảy vừa đếm. Tôi không thích chơi các “trò con gái” nhưng những buổi đi tập ở Câu lạc bộ Thanh niên Bắc Kỳ (Jeunesse Tonkinoise) tôi thấy những người tập quyền Anh thường nhảy dây (nhảy trên năm đầu ngón chân, nhảy chéo hai bàn chân...), tôi cũng tập nhảy.

Bọn con trai thích đá bóng, may hè phố Lạc Viên lát “gạch xi măng” chứ nếu trồng cỏ thì chúng tôi có thể bắt chước Thành Cát Tư Hãn mà nói rằng: “Nơi nào quả bóng của ta lăn qua thì cỏ không tài nào mọc lên được”. Trừ những lúc đến trường, sáng, trưa, chiều, tối, lúc nào chúng tôi đá bóng cũng được, kể cả những lúc quả bóng vụt hiện, vụt biến dưới ánh đèn đường đỏ quạch. Trận đấu chỉ giải tán khi bỗng dưng một thằng bị người nhà ra xách tai lôi về hoặc một thằng tinh mắt nào đẩy bỗng dưng kêu toáng lên: “Sếp cậu”. Lập tức thằng nào đang di chuyển gần quả bóng, vội ôm lấy bóng rồi cả bọn ù té chạy biến vào các nhà quen.

Sếp cậu là “bí danh” chúng tôi đặt cho tên đội xếp người Pháp Jean Lutz ở bót pôlít Ngã Sáu. Sếp cậu thường đi xe đạp Poggiô có lắp đèn rayơ nên bọn kẻ cắp rất sợ. Phát hiện tên ăn cắp quen mặt, Sếp cậu bấm nấc chỉnh xích sang bên líp nhỏ rồi guồng xe đuổi theo, tên ăn cắp chơi trò “mèo chuột” chạy lên hè. Sếp cậu nhắc ghi đông cho bánh trước chồm qua vỉa hè, đạp dấn một cái cho xe lao tót lên vỉa hè, đuổi tiếp, đuổi cho đến lúc tên ăn cắp chui tọt vào ngõ, Sếp cậu lại phóng xe vào trong ngõ. Tên ăn cắp nhảy qua tường, Sếp cậu vội vút xe nhảy qua tường. Tên ăn cắp lại nhảy qua tường sang nhà hàng xóm, Sếp cậu cũng nhảy phốc qua tường, xộc luôn vào nhà vệ sinh, giật cửa. Thằng ăn cắp đang ngồi thu lu trong đó. Từ đấy bọn ăn cắp cứ đồn thổi: “Thằng Sếp cậu tha đòn nào, ta phết đòn ấy, Sếp cậu đánh đòn nào, ta chết đòn ấy”. Về sau, cánh ăn cắp giở trò lý sự ra đấu với Sếp cậu: “Ông khám người chúng tôi xem chúng tôi có giấu cái gì vừa ăn cắp về không”. Nhìn người bọn ăn cắp chặm trỏ nhằng nhịt, Sếp cậu gõ dùi cui vào con rồng, con sư tử đang “xăm” trên người tên ăn cắp. Tên ăn cắp lại lý sự: “Tôi làm gì ông mà ông đánh tôi?” Sếp cậu điềm nhiên trả lời: “Tao đánh nhau với con sư tử, với con rồng, chứ có đánh mày đâu”. Miệng nói tay Sếp cậu cứ gõ đầu dùi cui vào đầu con sư tử, đầu con rồng. Bị đánh trúng huyệt, người tên ăn cắp cứ giật liên hồi. Đánh cho đến khi tên ăn cắp dờ người ra, Sếp cậu mới quay ngược dùi cui về phía ngực mình: “Nhìn vào mặt tao đây này. Tên tao là Lutz. Lutz, nhớ chưa? Tao về đây, chúng mày biết thân thì chạy sang nơi khác. Nhớ chưa?” Sếp cậu chỉ ra uy vài lần như thế, bọn ăn cắp cũng nể mặt.

Bọn chúng tôi cũng một lần ném đòn của Sếp cậu. Mãi mê tranh bóng trước khung thành, chúng tôi không để ý đến Sếp cậu đã lao xe lên hè từ bao giờ. Sếp cậu cũng len vào tranh bóng với chúng tôi rồi dùng chân đi giày chặn bóng lại. Nhìn quả bóng “mút” nằm trong tay Sếp cậu, chúng tôi ra sức van vài: “Sếp cậu cho chúng cháu xin quả bóng”. Sếp cậu cười: “Sếp cậu chỉ bắt quả bóng cho nó vào nhà giam vì nó mới có tội. Bé con không có tội”. Anh em chúng tôi nói tiếng Pháp với Sếp cậu, hy vọng

Sếp cậu mũi lòng trả lại nhưng Sếp cậu cứ trở tay vào quả bóng rồi trở tay vào từng đũa chúng tôi: “Sếp cậu trả quả bóng, bé con nào vào nhà giam thay quả bóng. Ê, bé con này biết nói tiếng Pháp, nói một câu cho Sếp cậu nghe”. Tôi hí hửng trở một tràng tiếng Pháp: “Thưa ông đại úy, chúng tôi phải tập luyện để tham gia giải bóng đá toàn trường. Xin ông đại úy vui lòng cho chúng tôi xin quả bóng”. Nhìn ba vạch trắng trên cái cấp hiệu màu đen trên vai nó, tôi biết nó chỉ là áchchỉđăng (adjutant: thượng sĩ, bà con ta thường gọi là quân) nhưng tôi cứ phong vồng nó lên làm đại úy (ba vạch bạc) hy vọng nó phồng mũi, nó trả quả bóng. Không ai ngờ, Sếp cậu vừa xoáy xoáy quả bóng trên năm đầu ngón tay vừa nói: “Thế thì bé con đi tập đi, chạy theo xe quan lớn mà tập”. Cái thằng mắt dạy ấy, nó định “hành” mình. Sau này, tôi đi công tác ở những vùng tranh chấp, bọn lính Tây thường hay bắt phụ nữ trong làng, lôi đi hiếp. Các bà bôi nhọ nôi vào mặt, chấp tay lạy nó: “Lạy quan lớn con xấu lắm, xin quan lớn tha cho con”. Thằng lính Tây vừa lôi chị ta đi vừa nói: “Quan lớn cũng xấu”. Các chị lại rút kinh nghiệm, lần sau bị Tây bắt, lại chấp tay xin nó: “Lạy quan lớn, quan lớn tha cho con. Con còn bé”. Thằng lính Tây vừa trở ngón tay cái vào ngực vừa lôi xềnh xệch từng bà đi: “Quan lớn cũng bé”. Các chị không ngừng rút kinh nghiệm, lần sau bị Tây bắt lại chấp tay xin nó: “Lạy quan lớn, con già rồi, con sắp chết rồi, xin quan lớn tha cho con làm phúc”. Thằng lính Tây làm điệu bộ vuốt râu rồi vừa cười khàn khàn vừa lôi từng bà đi: “Quan lớn cũng già”. Mãi đến khi gặp chị Tr. đi họp Đại hội Thanh niên Liên khu III, tôi mới biết các chị đã rút kinh nghiệm lần thứ tư: mặc kệ cho thằng Tây lôi đi đến đâu thì lôi, các chị cứ bình tĩnh chờ đến khi nó cởi quần xong, chiếc quần còn nằm trên tay, chị nào khỏe thì chơi miếng võ “lên gối”, chị nào không biết võ thì “bóp còi ô tô” là con dê Tây ặc ặc mấy cái, chết liền. Có bao giờ Tây nó thương ta đâu.

Có tôi, anh Phòng không đi đâu bêu nắng. Bác tôi cần tìm anh Phòng thì chỉ việc đứng ngay ở cửa gọi một tiếng “Phòng ơi, Hệ ơi!” là anh em tôi đã dắt nhau về. Nhìn hai anh em đi với nhau, bác gái tôi thường nói: “Lý Toét, Xã Xệ, đẹp đôi chưa”. Anh Phòng gầy gò được gọi là Lý Toét, còn tôi đậm người hơn được gọi là Xã Xệ nhưng sau này khi lớn lên anh Phòng giống bác Cẩn trai, giống chú Phan, cứ cao lớn như Tây vậy. Có tôi, anh Phòng không phải chơi với bọn con gái - tức là các chị tôi. Khi tức lên, các chị tôi thường nói: “Phòng Thò Lò”. Mũi anh Phòng cứ thò lò, cổ tay áo anh quệt mũi cứng như “cổ cò”. Anh Phòng chúa ghét bọn con gái nhưng chẳng tài nào lôi tạt xấu từng người ra mà giễu được. Tuy chẳng có gì va chạm với “bọn con gái” nhưng anh Phòng đã ghét ai thì tôi cũng ghét theo. Bác tôi mua sẵn một hộp bánh bích quy và một lọ kẹo, ăn cơm xong, anh chị em cứ việc mở nắp hộp, cạy nắp lọ rồi “lính tráng có suất” mỗi người tự giác lấy bánh kẹo tráng miệng. Bác gái tôi chủ trương cứ cho trẻ ăn uống đầy đủ thì chẳng bao giờ chúng ăn vụng. Giá bác gái tôi được sống đến ngày hôm nay mà ngồi xem ti vi, chắc bà mới thấy quan điểm của bà về chính sách nuôi quân không tài nào nhân diện rộng sang người lớn được. Bọn “ăn vụng” đều là những đũa hàng ngày ăn thịt ăn cá, ở nhà lâu, đi xe hơi cả đấy chứ có phải là bọn khổ rách áo ôm đâu.

Tôi để trước anh Phòng có mấy tháng nhưng là mấy tháng đầu năm nên cũng được tính hơn một tuổi. Có tôi, anh Phòng không phải chơi với bọn con gái - nghĩa là các chị tôi. Tuy chẳng va chạm gì nhưng tôi cũng không ưa bọn con gái. Bác tôi mua sẵn một hộp bánh bích quy và một lọ kẹo, ăn cơm xong chúng tôi cứ việc mở nắp hộp, cạy nắp lọ lấy bánh kẹo tráng miệng. Anh Phòng và tôi cứ lấy một chiếc vớt tọt vào mồm là xong nhưng các chị tôi bóc xong kẹo thấy giấy bọc kẹo đẹp quá bèn giữ lại làm “tiền” chơi đồ hàng rồi cầm cái tăm chọc vào kẹo đưa lên mút đầu tăm cho nó ngọt lâu. “Bọn con gái” hay gọi chú Chín, người Hoa chuyên bán bánh rán - loại bánh rán hình quả cầu, nhân đỗ xanh, vỏ tròn rắc vừng. Anh Phòng lại sún răng không gặm được nên bảo tôi làm cách nào không cho bọn con gái mua bánh rán nữa. Biết các chị tôi đang “chăm mút” kẹo ở nhà trong, tôi mới thì thào với anh Phòng đủ để các chị tôi nghe thấy: “Khiếp quá, anh có biết làm sao không. Vừa rồi em đá quả bóng mút lặn vào nhà chú Chín. Em chạy vào nhặt bóng, thấy chú Chín hai tay véo hai nắm bột rồi xoa xoa vào bụng. Chú ấy béo, bụng lại vừa tròn vừa căng nên chỉ xoa xoa mấy nhát là được hai cái bánh”. Anh Phòng giả bộ nhỏ nước bọt rồi nói: “Thế à! Từ nay tao thềm vào ăn bánh rán nhà chú Chín nữa”. Y như rằng bọn con gái không dám ăn bánh rán, sợ ghét, sợ mồ hôi của chú Chín dính vào bánh.

May mà cho đến giờ chẳng bà chị nào của tôi trúng cử vào cấp ủy thành phố. Nếu chẳng may các bà ấy nắm chức vụ chủ chốt ở thành phố thì nên thể dục thể thao cứ việc đắp chiếu mà nằm hết năm này sang năm khác. Xem như hồi tôi còn ở nhà bác Cẩn, các bà chị thấy hàng tuần anh Phòng và tôi được phát tiền đi xem chiếu bóng, được phát tiền đi xem đá bóng, các chị tôi liền thủ thi với bác gái: “Làm gì mà tuần nào thằng Phòng với thằng Hệ cứ phải dắt nhau đi xem đá bóng. Trận nào chẳng giống trận nào, cũng từng ấy con người, cũng chỉ có một quả bóng, phí cả tiền”. Anh Phòng tức lắm bèn dọa bác gái tôi: “Bu không cho tiền chúng con đi xem đá bóng thì chúng con không đi học nữa. Bu bảo bọn con gái đi học thay chúng con”. Bác gái sợ quá phải chuẩn bị kinh phí đi xem bóng đá cho hai anh em chúng tôi.

Một hôm anh Phòng học thuộc bài rồi huých khuỷu tay vào mạng mỡ tôi: “Đi chơi đi Hệ”. Tôi lắc đầu: “Em giải nốt bài toán cái đã”. Anh Phòng nhét sách xuống ngăn bàn: “Thế thì tao xuống nhà dưới trước đây”. Một lúc sau, bác gái lên hỏi tôi: “Hệ ơi, anh Phòng đâu?” Tôi trả lời: “Thưa bác, anh Phòng xuống nhà dưới”. Bác gái tôi xuống nhà dưới gọi toáng lên: “Phòng ơi! Phòng ơi!” Tôi cũng phải chạy xuống nhà dưới, chạy ra đường gọi toáng lên: “Anh Phòng ơi, anh về, bác gọi!” Bọn con gái cũng chạy tóa ra đường: “Phòng ơi, về bu gọi!”

Hồi ấy bọn “mẹ mìn” thường thói thuốc mê cho trẻ con để bắt trộm “món hàng quý” ấy đem đi bán sang bên Tàu hoặc đòi nhà có con phải bỏ nhiều tiền ra chuộc. Cả nhà ulla khắp các ngõ ngách trong Ao Than - Lạc Viên, gọi đến khản cả giọng mà chẳng thấy anh Phòng đâu. Cậu Kiếm và chú Phan phải lấy xe đạp, người đạp vòng bên phải, người đạp vòng bên trái Bãi cỏ Máy Tơ, để xem anh Phòng đang ở đâu. Bác Cẩn gái chạy lên trên gác thấp hương cầu ông bà, tổ tiên đưa đường dắt lối cho anh Phòng về

nhà.

Một lúc sau, chú Phan đèo anh Phòng về. Anh chỉ mặc một chiếc áo sơ mi và chiếc quần đùi, mặt mũi, chân tay tái tím. Bác gái tôi ôm chầm lấy anh Phòng rồi hỏi: “Áo len đâu không mặc?” Anh Phòng thản nhiên trả lời: “Con đưa cho chúng nó đi đùm táo rồi”. Bác tôi lại hỏi tiếp: “Thế mũ nôi đâu?” Anh Phòng vẫn thản nhiên trả lời: “Chúng nó bảo đưa mũ nôi, chúng nó đùm nhiều táo cho”. Cả nhà mới vỡ lẽ: anh Phòng đang đứng chơi ở cửa chờ tôi xuống, một thằng “bầu xấu” đi qua thấy thế hỏi ngay: Mày có thích ăn táo không? Anh Phòng gật đầu. Thằng bầu xấu nói tiếp: Thích ăn táo thì đi với tao. Nó dẫn anh Phòng đến một cái vườn trồng rất nhiều cây táo. Nó trở tay qua hàng rào: Mày cứ đứng đây chờ tao, tao vào tao lấy cho mà ăn. Mày thích ăn nhiều hay ăn ít? Anh Phòng thật thà trả lời: Hai anh em chúng tao cùng ăn. Thằng bầu xấu mới dỡ: Mày đưa áo len cho tao, tao mới đùm được nhiều. Mày đưa cả cái quần cho tao. Tao lấy đây hai ống quần thì hai anh em mày ăn nhọc. Mày đưa nốt cái mũ nôi cho tao, tao đùm đầy cái mũ nôi, mày ăn đến cả tuần vẫn chưa hết táo. Thế là thằng “bầu xấu” cầm áo len, quần Tây, mũ nôi của anh Phòng leo qua hàng rào vào trong vườn “lấy táo”, còn anh Phòng cứ chịu rét run người đứng bên hàng rào chờ thằng “bầu xấu” đem táo ra. Khi tìm thấy anh Phòng, chú Phan đạp xe vòng ra cổng nhà có vườn táo. Ông chủ vườn trả lời: Từ sáng đến giờ, chẳng có ai vào ăn táo vườn nhà tôi. Rồi ông trở sang vườn bên cạnh: Anh cứ sang bên ấy mà hỏi. Ông chủ vườn bên cạnh trả lời: Người đến ăn táo bên vườn nhà tôi cũng nhiều nhưng chẳng có ai đem áo len đến đây để đùm táo. Mà chúng tôi chỉ cho ăn trên cây chứ có cho ai đùm mang về đâu.

Lệ vườn táo là như thế đấy: mỗi người nộp năm xu, ăn đến kỳ chán mới thôi nhưng không được đem táo ra khỏi vườn. Thế là mũ nôi, áo len, quần Tây của anh Phòng đã theo bọn “bầu xấu” lặn một hơi mất tang.

Ít lâu sau, chúng tôi đang đá bóng trên hè, bỗng anh Phòng gọi giật tôi: “Hệ ơi, thằng lấy áo len kia kìa”. Tôi vội chạy theo hướng anh Phòng vừa trỏ, vừa chạy vừa hét: “Thằng ăn cắp, trả áo len cho anh tao đây!” Thằng bầu xấu quay mặt lại, giương cặp mắt ốc nhồi nhìn tôi: “Người anh em muốn dùng gì? Muốn xoi nóng hay muốn xoi nguội?” Nói xong nó hà hơi vào nắm tay: “Đây là xoi nóng”. Nó đám mạnh ra phía trước: “Đây là xoi nguội”. Tôi chưa biết đánh trả nó thế nào thì cánh đá bóng đã ào chạy đến. Thằng bầu xấu vội ù té chạy mất. Mூrìi thằng đánh một chưởng chột cũng què. Từ đấy, tôi không thấy thằng “bầu xấu” lai vãng đến Ao Than - Lạc Viên nữa.

Tôi cũng biết thừa rằng dù chúng tôi có bắt được thằng “bầu xấu” nó cũng chẳng tài nào trả chiếc áo len, mũ nôi, quần Tây cho anh Phòng được nữa, nó sẽ được ăn bữa “đòn hội chợ” trả nợ miệng cho xong thôi. Bất hựt một tên bầu xấu, tiếc thì có tiếc, chúng tôi lại quay về chơi tiếp trận bóng đá. Chả là vì hôm nay không thấy Sếp cậu đạp xe Pơgiô đi tuần tra qua khu Ao Than - Lạc Viên. Trẻ con chúng tôi mê bóng đá chẳng khác gì bọn buôn lậu đam mê món hàng thuốc phiện. Tây đoan bắt thằng này thì

thằng khác đi buôn tiếp, tòa án xử tù thằng này thì thằng chưa tù lại lên mạn ngược bí mật mang hàng về. Cậu Cát còn kể lại: có một lần Nhà Đoan theo dõi một thằng xách va li lên ô tô từ bến xe Bái Thượng, bèn cử người bám sát. Đến khi xe ô tô qua phà, hành khách phải xuống xe, Nhà Đoan mới bắt hẩn mở va li để kiểm tra hành lý. Thế là chắc quá rồi còn gì, thằng buôn thuốc phiện vẫn bình tĩnh mở va li, lần lượt lấy từng thứ ra đặt xuống sàn phà: “Đây là chiếc sơ mi này, đây là chiếc quần Tây này, đây là áo may ô này, đây là chiếc quần đùi này, đây là bộ áo ngủ này, đây là chai mật ong này, còn đây là thuốc phiện này”. Nói đến đây thằng buôn lậu đã ném bánh thuốc phiện rơi đến tùm một cái xuống sông. Phi tang. Nhân viên Nhà Đoan chỉ còn cách giương mắt ếch ngồi nhìn. Không bắt được quả tang, chẳng làm gì được nhau cả. Bị mất một quả bóng mứt (mousse), một thằng trong bọn tôi lại vội mẹ mua được quả bóng khác rồi đưa nào đưa nấy thành một cầu thủ “ba mắt” - hai mắt theo dõi đường bóng, còn một mắt canh chừng thằng Sếp cậu. Chiều hôm ấy, vắng bóng Sếp cậu, chúng tôi được một bữa bóng thỏa thích. Đầu tiên chúng tôi chia đôi, một bên mặc áo sơ mi, một bên mặc may ô. Giữa trận “bọn sơ mi” nóng quá, cởi phăng áo ra, một lúc sau, “bọn may ô” cũng lột luôn áo ra rồi cầu thủ bên nào cũng cứ nhớ mặt nhau mà chuyền bóng. Chúng tôi không có trọng tài hay nói đúng hơn không đứa nào thích làm trọng tài. Nhìn thấy quả bóng, đứa nào cũng đòi làm cầu thủ nên khi chia quân dễ bị lè người. Trường hợp ấy chúng tôi giải quyết rất nhanh: một bên được một đứa cao lớn hơn còn bên kia phải nhận hai thằng “tí nhau”. Trong trận đấu thường xảy ra những pha khó xử: thằng Quý phải trông em, nó công cả em nó ra “bãi đá bóng” - tức là mảng hè ở trước cửa nhà chúng tôi. Nó đặt em nó ngồi cạnh “cột gôn” - tức là hai đồng mũ và dép được giả định là hai điểm của khung thành. Em nó bò lê la vào sau lưng thằng thủ môn gặp lúc thằng thủ môn phải nhảy ra đám bóng cứu nguy cho khung thành. Bóng lại vào chân trung phong đối phương, thằng này co chân sút một phát. Bóng trúng vào đầu em thằng Quý, bắn ra, hậu vệ đá nổi, phá bóng lên giữa sân. Cả bọn tạm ngừng trận đấu để cãi nhau một trận xem bàn thắng có đáng được công nhận không. Bên sút bóng thì khẳng định bóng đã bay qua “vạch cầu môn” rồi, thắng là đúng. Bên bị “thùng lười” lại cãi bóng trúng vào đầu em thằng Quý cũng coi như bóng trúng vào cột dọc vì em thằng Quý lúc ấy ngồi trên đồng dép và mũ. May sao có một anh thanh niên đi qua, chúng tôi nín anh lại nhờ phân xử. Nghe thùng câu chuyện, anh mới tuyên bố “coup franc” rồi giảng cho chúng tôi mỗi bên cử một thằng đứng gần chỗ xếp dép và mũ, anh thả bóng xuống đất, chờ bóng nảy lên, hai thằng của hai bên mới xông vào tranh bóng. Kết quả bóng vẫn lăn qua “vạch cầu môn” tưởng tượng.

Lại một trường hợp rắc rối khác. Thằng Long phải trông em ở nhà. Thấy chúng tôi đang hò hét trên hè, nó công luôn em nó ra, xin vào chơi. Nó vừa công em vừa dắt bóng, tranh bóng. Khi thủ môn phát bóng lên, chúng tôi ngơ ngác tìm bóng còn thằng Long cứ công em chạy thẳng về hướng cầu môn. Một đứa tinh mắt phát hiện quả bóng rơi vào giữa bụng thằng em và lưng thằng Long. Cậu ta định “công” quả bóng vào gôn để làm bàn. Hậu vệ đối phương phát hiện cái trò “ăn bản” này liền nhảy bổ đến, lôi

quả bóng ra. Lập tức thằng Long hét lên: Xít mét (six mètres). Thằng Long cãi bóng ở trên lưng nó, nó không phạm luật, còn thằng hậu vệ đối phương chạm tay vào quả bóng ở trên lưng nó mới là phạm luật “xít mét”. Thằng hậu vệ đối phương cũng chẳng phải tay vừa, nó cãi biến rằng bóng ở trên lưng thằng Long nhưng em thằng Long ôm trái bóng ấy cũng phải coi như thằng Long chạm tay, phải đá phạt từ chỗ quả bóng rơi vào lưng thằng Long và bụng em thằng Long. Hai bên cứ cãi nhau như mổ bò chia thịt, không bên nào chịu bên nào.

Ông Sinh là người bán súp hồ lớn cho cánh xích lô, cánh kéo xe tay, cánh kéo xe ba gác, cánh khuân vác ở Sáu Kho. Một xu một bát súp hồ lớn vừa rẻ vừa nhiều chất dinh dưỡng, hợp với túi tiền lép kẹp và cái dạ dày mau đói của dân lao động. Một ngày hai lần đi lấy thức ăn thừa, ông bà Sinh thường gánh thùng đi qua chỗ chúng tôi chơi. Đầu tiên chúng tôi cũng “sĩ” vì không đời nào người vói lợn lại chung nhau một thực đơn nhưng nghe các ông xích lô, ba gác khen, đêm đêm đưa nào cũng ăn thử, đều thấy dậy màu nên hay lĩnh đi ăn tiệc ở Ôten ông Sinh. Và lại, tôi thấy nhiều bà phán lên hiệu thịt Misô mua thịt đề sê - thịt lọc ở các khung sườn bò, Tây nó mua về nấu cho chó, còn các phán ta cũng “sĩ” cứ làm như đi mua thịt “đề sê” cho chó, nhưng khi đến bữa, một hội chó đầu đen - ông phán, bà phán, các cậu ấm, cô chiêu thi nhau chan chan, húp húp. Các ông bà phán còn ăn khẩu phần của chó bécgiê thì lũ học trò ăn bám như chúng tôi dù có ăn khẩu phần của bầy lợn nhà ông Sinh cũng đã làm sao. Từ chỗ thằng nọ ăn giấu thằng kia, bây giờ chúng tôi ăn công khai sau mỗi trận đấu bóng miễn là đừng để cho gia đình biết là được. Phải công nhận cánh đầu bếp trong trại lính khó đỡ nấu rất có “nghệ”, anh Phòng hay ăn món súp “thập cẩm” cứ vừa húp vừa xuýt xoa: “Súp thế này mới là súp chứ”. Tôi chỉ dám ăn thòm thềm vì mỗi bữa ăn, bác gái tôi, thường để ý theo dõi, thấy tôi không ăn đủ ba bát cơm như thường lệ, bà lại hỏi: “Hôm nay cháu đã ăn quả ở đâu?” Phiền lắm. Nhận là đã ăn quả ở đâu thì tôi lại phải khai tiếp đã lẩn khoản năm xu tiền đi xem phim nhưng chỉ đưa cho người soát vé ba xu, còn hai xu chuyển sang khoản ăn bồi dưỡng cho các trận bóng đá. Lần sau, bác gái tôi chỉ cho ba xu thì sao? Đến bữa cơm, bọn con gái cứ hít phập phồng mũi rồi hỏi nhau: Mùi gì như mùi súp ấy nhỉ? Anh Phòng và tôi cứ ngậm miệng không nói, sợ khi chúng tôi nói, mùi súp càng bay xa hơn, mũi “bọn con gái” sẽ định vị được.

“Con đi xa con nhớ bố mẹ lắm nhưng ở đây vui con lại quên ngay”. Đúng như cái thư tôi viết về cho bố mẹ: một ngày chỉ những đi học, làm bài, học bài, đá bóng, chơi các trò chơi ở trên hè... nối tiếp nhau đã cuốn tôi vào cái vòng quay tưởng như chạy bằng động cơ vĩnh cửu.

Lúc ở nhà, hai anh em tôi đều có hai người bạn chung: thằng Trị và thằng Sơn ở giáp tường nhà chúng tôi. Ông bà Trương đặt sẵn tên bốn đứa con trai là Trường, Trị, Sơn, Lâm và bốn đứa con gái là Lịch, Sự, Thanh, Nhân nhưng đợt đầu, bà Trương chỉ đẻ được Trường, Trị, Sơn, đợt sau bà lại đẻ tiếp Lịch, Sự, Thanh. Ba cô con gái bà Trương lại thân với bọn con gái bên nhà bác tôi nên hai anh em tôi và Trị, Sơn chơi gì, làm gì đều phải giữ kín. Nếu Lịch, Sự hay Thanh biết thì chỉ nhoáng một cái là

“bọn con gái” bên tôi sẽ “na-mô-hót” với bác gái tôi ngay. Một thời gian sau, Nhà Đoan điều động công tác ông Trương vào làm việc trong Sài Gòn. Ông bà đưa cả sáu người con ra đi. Sáng sớm hôm ấy, tôi dậy rồi nhưng vẫn cố nằm chờ nghe bằng được tiếng còi tàu ở ga vọng về. Ôi cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!

Thời Pháp thuộc, chuyện thuê nhà không do Sở Nhà đất nắm giữ. Ai thừa nhà thì cho thuê, có người xây mấy căn nhà chỉ để cho thuê. Đến thời Dân chủ Cộng hòa, những nhà giàu có ấy mới được “đề bạt” là tư sản. Người nào cần tìm nhà cho tiện đến công sở, thuận lợi cho việc buôn bán thì cứ việc thuê nhà rồi dọn đến nơi ở mới. Bác Cẩn tích cóp có hai năm mà đã mua được cái nhà chúng tôi đang ở Ao Than - Lạc Viên nên không dọn đi đâu cả, còn hàng xóm đều ở nhà thuê nên gia đình nào có biến động về đường làm ăn lại dọn nhà đi nơi khác. Lũ bạn của hai anh em chúng tôi ở Ao Than - Lạc Viên cứ đi dần dần, cuối cùng chỉ còn lại hai anh em chúng tôi chơi với nhau. Những đứa mới đến - đứa thì bé quá, đứa thì lớn quá, không hợp với lứa tuổi anh em chúng tôi.

Bác gái thường dùng tôi làm hình mẫu cho anh Phòng. Cần nhắc nhở anh Phòng làm cái gì, bác gái tôi chỉ cần nói thẳng Hệ nó cũng làm như thế là anh Phòng nghe ngay. Thế mà có những việc thẳng Hệ chưa kịp làm nhưng anh Phòng đã phải làm rồi, anh Phòng rủ tôi đi theo. Nhà bác không có toa lét gần phòng ngủ như nhà tôi bây giờ. Nửa đêm buồn đi tiểu tiện, anh Phòng lại đập đập gọi tôi dậy. Lần đầu tiên anh còn phải bảo tôi: “Hệ ơi, đi với tao. Tao sợ ma lắm”. Từ lần sau trở đi, cứ thấy anh Phòng đập vào người là tôi dậy liền. Tôi uống ít nước, sau bữa cơm tôi chỉ uống một chén nước, ăn cơm tôi không bao giờ chan canh, thường thường ăn xong một bát cơm, canh ngon lắm tôi mới húp một hai thìa. Tôi tự rèn luyện chuẩn bị cho những chuyến giang hồ tương lai nên đêm đêm tôi không phải lục sục dậy, lò dò từng bậc thang xuống nhà dưới.

Tôi thường chứng minh cho anh Phòng biết là không có ma nhưng lại biết nhiều chuyện ma. Anh Phòng tuy sợ ma nhưng đêm đêm hai anh em nằm với nhau cứ thích nghe tôi kể chuyện ma. Tình anh em chúng tôi gắn bó với nhau trong cái “mâu thuẫn thống nhất” ấy. Có lần anh Phòng thử tôi bằng cách nhờ tôi xuống nhà dưới lấy khăn mặt. Tôi không bật đèn nhà dưới, cứ đi mò ra dây phơi, rút đúng khăn mặt của anh Phòng cầm lên. Anh Phòng hỏi: “Làm sao mày không sợ ma?” Tôi bịa luôn: “Em “ấn quyết” rồi vừa đi vừa niệm thần chú “Thánh thượng lão quân tại thử””. Tôi xem sách thấy người ta niệm chú thế nào, tôi lại truyền khẩu cho anh Phòng như thế nhưng tôi chẳng hiểu câu đó nghĩa là gì và đấy cũng không phải câu trừ ma. Do đó, tay “ấn quyết”, miệng đã đọc “Thánh thượng lão quân tại thử” nhưng anh Phòng vẫn rủ tôi cùng đi xuống nhà dưới.

Hai anh em chúng tôi bao giờ cũng “xí” hai cái ghế ngồi gần nhau trước bàn ăn. Tôi vốn ăn nhanh - cứ tưởng đi giang hồ thì phải ăn nhanh nhưng ăn xong, tôi vẫn ngồi đợi anh Phòng mới đứng dậy cùng với anh.

Sau này bác Cẩn trai phải đổi lên Nhà Đoan Hà Nội, cả nhà lên Hà Nội theo bác trai. Anh em tôi mới chịu cảnh mỗi người một nơi. Trong kháng chiến, anh Phòng đi làm ở Công binh xưởng, được mang thành phần công nhân. Anh được cử đi Trung Quốc học về kỹ thuật đường sắt. Đến năm 1954, Hà Nội được giải phóng, tôi mới gặp lại anh.

Anh bảo tôi: “Tao lấy vợ, Hệ ạ. Hai bác vẫn ở Hải Phòng. Mà phải đi làm giúp tao một số việc”. Tôi hỏi ngay: “Những việc gì, anh cứ chỉ thị a, b, c, d... em làm ngay”. Anh Phòng bảo: “Chị ấy đang ở Nam Định. Mà xuống Nam Định lấy lý lịch của chị cho tao đem về cơ quan duyệt, hôm đăng ký kết hôn, mà đóng vai người làm chứng. Thế thôi”. Tôi về lấy giấy giới thiệu của cơ quan rồi đi ngay Nam Định. Quân dân ta mới tiếp quản thành phố Nam Định nên chính quyền địa phương rất ưu ái những người kháng chiến - nhất là người cán bộ đi kháng chiến bây giờ mới lấy vợ nên giải quyết công việc nhanh một cách bất ngờ. Hôm anh Phòng cưới chị Tân, tôi đứng ra làm chủ hôn.

Một hôm đọc báo Nhân dân thấy có bài báo phê bình *Sắp cưới* viết dưới sự “chỉ đạo rất chặt chẽ” của tên phá hoại Trần Dần, anh Phòng hoảng quá đạp xe từ Gia Lâm sang Hà Nội tìm tôi: “Mày lại ‘dính vào’ Nhân văn nữa kia à?” Tôi cười: “Em có Nhân văn Nhân võ gì đâu. Các ông ấy trói em với cánh Nhân văn rồi đánh, ai còn dám bênh nữa”. Anh Phòng gật gù: “Tao vẫn tin chẳng bao giờ mày lại thành Nhân văn. Hồi tao học ở Trung Quốc, tao đi xem họ đấu ‘phái hữu’, trông kinh lắm. Cái gì chứ cái mày phải đi cải tạo lao động là cái chắc. Tao tặng mày một bộ quần phục, tao vẫn giữ làm kỷ niệm, lúc nào đi ‘cơ sở’ mày mặc. Vải bền lắm, vướng vào gai thì gai gãy chứ quần áo không rách được đâu. Mày đi lao động ở đâu, nhớ viết thư, tao còn đi tiếp tế cho”.

May sao, ông Trịnh Quang Minh, Tỉnh ủy viên Hà Nam lên xin tôi về Hà Nam. Tôi không bị đi lao động cải tạo. Thỉnh thoảng tôi vẫn về Hà Nội thăm gia đình, anh Phòng cũng đạp xe sang thăm gia đình tôi. Bây giờ, anh to béo lụ lùng còn tôi lại gầy gò như thằng ốm đói. Anh khoe với tôi: “Tao cai thuốc lá rồi. Lên cân trông thấy. Khỏe, cái nghề của mày toàn phải thức đêm. Cái thân con vạc vắt xác ra chữ thì làm sao mà cai được nhưng mày phải phấn đấu hút in ít thôi”.

Năm 2000 tôi bị ốm phải vào nằm điều trị tại khoa tiết niệu. Đúng ba bảy hai mươi một ngày, tôi đã khỏi bệnh nhưng cô bác sĩ muốn cho tôi uống hết liều thuốc Xatral nên giữ tôi lại bệnh viện. Đến ngày ra, tôi xuống phòng y vụ làm thủ tục xuất viện gặp ngay “bọn con gái” đang đi vào. Tôi hỏi ngay: “Có chuyện gì mà nhà ta vào đông thế này?” Một chị bảo: “Anh Phòng vừa vào viện”. Tôi hỏi: “Anh Phòng nằm ở đâu?” Một chị trở tay lên khu nhà tôi đang nằm: “Ở tầng bốn kia kìa”. Chị em chúng tôi kéo nhau lên tầng bốn. Chắc hai bác tôi và bố mẹ tôi phù hộ cho nên đã sang tai cho cô bác sĩ giữ tôi lại uống cho hết liều thuốc. Nhờ thế hai anh em tôi mới gặp được nhau bất thành tình như thế. Trước mắt tôi, không phải là anh Phòng nhanh nhẹn, nói bô bô ngày trước. Anh ngồi bất động trên giường, nhìn tôi: “Hệ ơi, mày gầy quá”. Tôi chỉ nói được câu: “Hôm nay em ra viện. Ngày mai em lại vào thăm

anh”. Anh Phòng lắc đầu: “Mày đang ốm, đi lại vừa vừa thôi. Bao giờ tao khỏi, tao đi xe máy sang chơi với mày hẳn một ngày. Mày về đừng nói với cái Phong, thằng Kế. Chúng nó lại chạy rối tinh lên đây. Về đi. Cố mà bỏ thuốc lá”.

Hôm sau, tôi lên phòng anh Phòng nằm. Các bác nằm cùng phòng cho biết chị Phòng đã đưa xe ô tô đến đón anh về nhà. Tôi yên trí ra về. Đến sáng hôm sau, các cháu gọi điện lên báo tin: anh Phòng đã mất. Thì ra biết mình không qua được mệnh trời, anh về nhà nhìn lại từng người lần cuối cùng.

Bốn

Ở Cửa Ông, phố không có hè, cột điện thẳng đuồn. Ở Hải Phòng, từ đường vào nhà tôi phải đi qua một cái hè lát bằng những phiến xi măng, mỗi phiến kẻ chín ô vuông. Chúng tôi vẫn dùng phấn đánh cờ carô trên những ô vuông ấy. Cột điện Hải Phòng to và cao hơn cột điện ở Cửa Ông nhưng lại đúc rỗng. Một loạt hàng chữ M chịu lực chạy giữa lòng cột điện. Tôi thường theo anh Phòng leo lên bệ cột điện, ngồi dựa lưng vào thành cột điện rồi chống chân lên hàng chữ M ấy, áp tai vào thành cột điện nghe tiếng gió vuốt vào hàng sứ cách điện trên đỉnh cột điện vang vào tai cứ u u đến là thích. Nghe chán rồi, anh Phòng lại rủ tôi đi buộc ống bơ vào bất cứ xe của ai dựng ở hè. Khi xe đạp lăn bánh, chiếc ống bơ cứ lăn tự do trên đường nhựa nghe lọc cọc đến vui tai. Có lúc anh Phòng còn chạy theo xe đạp của người ta rồi “xì” một cái làm người ngồi trên xe tưởng sấm xì hơi từ một miếng vá nào đấy, vội nhảy xuống nấn nấn bóp bóp lốp xe. Vì anh Phòng răng sún nên cái “xì” của anh ít gây bất ngờ cho người đi xe. Còn hàm răng của tôi đều nên mỗi khi tôi chạy theo xe “xì” một tiếng, người đi xe cứ tưởng sấm xì hơi thật. Hễ người ngồi trên yên nhảy xuống, tôi chạy tụt ngay vào trong nhà còn anh Phòng trở tay vào cái ngõ gần đấy: “Cái thằng ấy nó chạy vào đây này!” Chơi kéo co, chơi “chim bay cò bay”, chơi “lò cò”, chơi “bịt mắt bắt dê”... quả thật lúc ấy “thấy vui con lại quên ngay” như trong thư đã viết về cho bố mẹ nhưng đến khi lên gác ngủ trên chiếc chiếu rải dưới sàn, tôi mới nhớ nhà. Nhớ bố tôi hát bài *Dàn ai tiếng kêu ngoài thềm*, nhớ mẹ tôi ru em Kế “úp mặt vào hai bàn tay, chị tôi khóc suốt cả ngày lẫn đêm”, nhớ cô đọc *Không gia đình*, nhớ thằng Đĩnh hỏi cô “Sao cô không đi biểu tình”... Anh Phòng vẫn còn ngủ, tôi đứng dậy, bám hai tay vào chấn song nhìn qua cửa sổ.

Phía đằng sau nhà bác tôi, người hàng xóm trồng một cây xoan. Nhìn cây xoan tôi đoán được hôm nay gió mạnh hay gió yếu. Vươn lên khỏi nóc bếp nhà bác tôi, cây xoan chẽ chạc ba. Chào mào, sáo đá, bách thanh thường đến đậu xuống chạc ba ấy. Tôi thích nhất con bách thanh, nó hót đủ thứ giọng nhưng mỗi lần con bách thanh đậu xuống chạc ba thường báo hiệu nhà có khách. Không khách xa thì khách gần, chị Huệ bảo tôi như thế. Cứ mỗi lần nghe tiếng con bách thanh bắt chước tiếng khướu, tiếng chích chòe, tiếng sơn ca là tôi cứ đoán mò: “Bây giờ tàu Quảng Đông đã đi quá Quảng Yên này...” Thế là cả ngày hôm đó tôi ngong ngóng chờ các chị tôi chạy lên gọi như mọi lần: “Hệ ơi! Mẹ mày đã đến kia kìa”. Đầu tiên tôi chờ để đón một hy vọng nhưng sau này biết lòng mong đợi ấy chỉ là tuyệt vọng, tôi vẫn chờ. Có hôm con bách thanh đến đậu ở chạc ba mà hót, mẹ tôi vẫn không đến nhưng có hôm chẳng thấy con bách thanh đâu thì mẹ lại đến.

Anh Phòng được sống bên bác tôi nên không bao giờ được hưởng niềm vui khi nhìn thấy mẹ. Còn tôi xa mẹ đằng đẵng bao ngày trời nay được khoanh tay chào mẹ rồi đứng nhìn mẹ cho trọn niềm vui. Dù sao đây cũng là nhà bác tôi, tôi chưa hề thấy anh Phòng sà vào lòng bác bao giờ, tôi cũng không

dắm sà vào lòng mẹ trước mặt anh Phòng. Mẹ nhào người kéo tôi về phía bà đang ngồi rồi vuốt tóc cho tôi, hỏi tôi có nghe lời bác không, rồi căn dặn tôi phải ngoan ngoãn nghe lời bác, đi chơi thấy ai đánh anh Phòng phải chạy về mách bác, đừng chạy nhông nhông ngoài đường, ô tô nó cán phải thì khổ cả đời người... Lần nào về Hải Phòng, mẹ tôi cũng hứa cứ học giỏi và ngoan ngoãn nghe lời bác đến hè này mẹ sẽ đón tôi về Cửa Ông chơi bằng hết ba tháng hè. Đến tối mẹ ngủ với bác gái nên tôi chưa có lần nào được nỉ non với mẹ cả.

Anh Phòng, “bọn con gái” và tôi đều được hưởng chế độ cấp phát như nhau. Bác tôi không cho chúng tôi tiền bao giờ. Bác thường bảo với mẹ tôi: “Tiền làm hư trẻ con. Dạy trẻ con biết tiêu tiền là dạy nó ăn cắp, ăn trộm”. Vì thế mấy lần mẹ gửi tiền cho bác để bác đưa cho tôi tiêu dần, bác đều gạt đi: “Tôi coi thằng Hệ là con, di đừng lo”. Anh Phòng và tôi lại được bác tôi cho hưởng chế độ ưu tiên: mỗi tuần năm xu xem phim buổi đồng hạng cho học sinh vào chiều thứ năm và năm xu xem đá bóng vào chiều chủ nhật. Ấy thế mà chúng tôi vẫn lần lữa khoản được. Chúng tôi không mua vé mà chỉ đưa cho người xé vé ba xu là lỏn vào phía sau màn ảnh xem phim cũng như ai. Một lần xem phim *Nữ Bá Vương* đến cảnh quay Nữ Bá Vương tắm, trên khuôn hình Nữ Bá Vương cởi hết quần áo dội nước ào ào, đứng đằng sau màn ảnh lũ chúng tôi chỉ thấy đôi mông ướt đầm. Không đứa nào dám nói ra mồm nhưng trong bụng thì cứ xuýt xoa tiếc rẻ giá chi thêm hai xu nữa lấy vé thì được xem đằng trước Nữ Bá Vương đang tắm có phải là hay bao nhiêu. Thế là mỗi tuần, “quỹ đen” của chúng tôi thu được hai xu thì lại chi vào hai châu bánh tôm hay thịt bò khô là vừa.

Mỗi lần về Hải Phòng, mẹ thường xem lại quần áo của tôi, xem có phải mua quần áo cho không. Tôi vẫn nhớ có một lần mẹ tôi đưa tiền cho cậu Kiếm dẫn tôi đi mua đôi quần Tây kiểu người lớn không có hai dải đeo vắt chéo sau lưng. Cậu Kiếm đèo tôi lên Vườn Hoa ăn một châu bánh mì “ôpôla” làm tôi no đến gãi bụng không cần nhin thử nữa rồi nhét cả hai bàn tay vào bụng vẫn được. Cái quần chật thì chật quá đến mức tôi không thể nào cài được cúc quần. Cô bán hàng bảo tôi: “Cháu cứ việc thử đến bao giờ chọn được cái quần vừa ý thì thôi”. Cuối cùng tôi chọn được một cái quần soóc ximili màu mỡ gà thật đúng “phom”, không tài nào chọn được chiếc thứ hai cho anh Phòng nữa. Từ hiệu bán quần áo về đến nhà thì chẳng có chuyện gì xảy ra cả nhưng đến khoảng mười giờ cặp quần cứ lỏng dần ra, chốc chốc tôi phải đút hai tay vào túi quần xóc quần lên. Càng gần đến bữa ăn cái quần càng tụt xuống nhiều hơn. Chú Huân đến chơi với cậu Kiếm phá lên cười: “Estomac vide, pantalon libre” (bụng lép thì quần tụt). Từ đấy chiếc quần soóc ximili biến thành cái đồng hồ com cho anh Phòng và tôi. Đi đâu thì đi, cứ thấy tôi đút hai tay vào túi quần xóc xóc quần lên là anh Phòng giục tôi về nhà.

Ôi, cái thú văn minh sao mà phiền vậy! Mãi đến chủ nhật tuần sau, cậu Kiếm mới đèo tôi đi mua một cái thắt lưng chun cho đồng bộ “quân trang”.

Bác trai tôi chỉ là nhân viên văn thư “đi-đến” của Nhà Đoan Hải Phòng (Sở Hải quan bây giờ). Nếu tính tương đương với ngạch bậc của thang lương nhà nước xã hội chủ nghĩa, phòng tổ chức chỉ xếp bác tôi cán sự bậc ba là đúng trần. Với mức lương “cán sự bậc ba thời đế quốc sài lang” ấy bác Cẩn đã nuôi được bác gái tôi, cậu Kiềm - em ruột bác gái tôi, chú Phan - em ruột bác trai tôi, chị Hải, chị Hảo, chị Thảo, chị Lan, anh Phòng và tôi. Ngoài ra hai bác tôi còn nuôi chị sen và ông “lực điền” lo dọn dẹp đủ thứ việc trong nhà. Sở dĩ bây giờ tôi vẫn còn nhớ đến ông “lực điền” vì những lúc rỗi rãi, ông thường ngồi vuốt lòng bàn tay nhẹ nhàng quanh miệng bát Cô Tô. Tiếng ro ro buồn buồn cứ liên tiếp phát ra theo nhịp bàn tay ông “lực điền” như tiếng thở than của người nhớ quê hương và cũng gọi cho tôi nỗi buồn nhớ bố, nhớ mẹ (nhưng ở đây vui con lại quên ngay).

Thu nhập của một công chức chỉ biết vào sổ công văn đi-đến như thế, các tôi thứ bảy hàng tuần, bác tôi lại dẫn anh chị em chúng tôi đến chi nhánh hàng phở Hợp Lợi - hàng phở ngon nổi tiếng Hải Phòng, hay lên Cầu Đất ăn kem Nhật Bản. Trước đó dân Hải Phòng chỉ được ăn kem cóc, kem vani, kem sữa, kem bạc hà nhưng từ khi một vài nhà tình báo Nhật Bản đội lốt chủ hiệu kem vào kinh doanh của lạ, dân Hải Phòng mới được nếm mùi kem que. Que bằng gỗ thông chở từ Nhật Bản sang, “bọn con gái” mút bằng thích rồi đưa chiếc que lên mũi ngửi và khen: “Thơm ơi là thơm”. Sáng chủ nhật, bác tôi thuê ba cái xe tay chở “đàn bò” - tức là anh chị em chúng tôi lên phố Khách khi thì ăn mì vằn thắn khi thì ăn phở xào. Để đảm bảo tám buổi ăn hiệu trong tháng - phàm là dân thành phố phải đi ăn hiệu theo một thời thượng, các buổi sáng chị sen vẫn thổi nồi cơm rồi xới cho anh chị em chúng tôi mỗi người một bát cơm kèm theo con tôm he hoặc miếng cá thu kho rắc hạt tiêu.

Bác trai tôi chỉ làm công việc chủ tịch mặt trận tổ quốc trong nhà còn bác gái tôi nắm quyền chủ trì và chủ chi mọi việc. Bác trai tôi không chơi bời gì hết, đi làm về chỉ nằm nghe đài thu thanh. Chiếc đài thu thanh Philipp’s cổ lỗ sĩ từ thời Napôlêông mặc quần thùng dít ấy phát tiếng rất trong. Cả đời bác tôi chỉ đặt kim sòng đúng vạch của Nhà nước và không đại dốt gì dò làn sóng các đài phát thanh nhà nước cấm dân không được nghe. Ông “cán sự ba thời Tây” đã tậu được ngôi nhà hai tầng ở Ao Than - Lạc Viên.

Sau ngày giải phóng Thủ đô 10-10-1954, dù Hải Phòng còn nằm trong khu vực kiểm soát 300 ngày của giặc Pháp, hai bác tôi cũng lên Hà Nội thăm anh chị em chúng tôi và vẫn cho mỗi đứa một đồng hồ đeo tay. Còn tôi vẫn chưa biếu hai bác được cái gì. Chắc hai bác tôi cũng hiểu thằng cháu mình đi làm cán bộ Việt Minh “trên răng, dưới cát tụt”, tự nó nuôi được nó đã là phúc rồi không phải ăn chặn của dân, ăn cắp của nhà nước cũng đã là mừng cho cả nhà rồi.

Năm đầu mới ra Hải Phòng, tôi học ở trường tiểu học Hải Yến ở ngay bên cạnh nhà. Đến năm sau,

bố mẹ xin cho tôi vào trường công lập - trường tiểu học Lạc Viên.

Lần đầu tiên đến trường mới, tôi chẳng quen ai, đành cặp cặp đứng cạnh bãi nhảy, lấy chiếc bánh mì kẹp chả ra ăn sáng. Một thằng mắt ve đến trước mặt tôi, cứ tự nhiên như ruồi, chìa tay ra: “Cho tao ‘mượn’ một nửa”. Tôi trừng mắt nhìn nó rồi khề lắc đầu. Nó giơ nắm đấm vào sát mặt tôi: “Được rồi, ông sẽ cho mày biết tay”. Tôi trả lời: “Bàn tay mày năm ngón hay sáu ngón?” Thằng mắt ve bịch ngực tôi một cái: “Năm hay sáu ngón rồi mày sẽ biết”. Tôi đưa mắt “cân đo đong đếm” đối thủ. Nó cũng chỉ cao bằng tôi nhưng lại gầy hơn tôi, có thể “cân hồ” được. Tôi vừa nói chuyện vừa “lái” nó chuyển vị trí quay lưng lại bãi nhảy. Tôi hát hàm bảo nó: “Chơi quân tử nhé”. Nó gật đầu: “Chơi thì chơi”. Tôi bước lên một bước lấy chân phải làm trụ, giáng một quả vào giữa mặt nó rồi du toàn thân theo trái đấm. Thằng mắt ve bị mất thăng bằng, cong nửa người về phía sau, chân bước hụt qua thành bãi nhảy rồi ngã sòng xoài trên đám cát mịn. Vừa nhồm dậy, nó đã trở tay vào mặt tôi: “Mày sẽ biết tay tao”. Tôi bắt đầu rết. Băng của nó có bao nhiêu đũa mà mình lại thân cô thế cô, khó thoát khỏi trận đòn hội chợ phục thù rửa nhục.

Trống đánh báo hiệu giờ vào lớp. Trong lúc đứng xếp hàng ở cửa lớp, chúng nó đưa mắt cả về phía tôi, có đũa chìa tay bắt tay tôi: “Chơi được”. Vào lớp, một đũa ngồi cạnh tôi hỏi: “Mày có ‘bốc’ hay sao mà mày đấm một quả thằng ấy đã ‘nốc ao’ luôn?” Tôi cao hứng ba hoa kể chiến tích thì thằng mắt ve đứng dậy, khoanh tay mách thầy giáo: “Thưa thầy có đũa nói chuyện”. Thầy giáo ngồi trên bục giật mình tỉnh dậy. Sau này tôi mới biết thầy Lương của chúng tôi hay đi hát cô đầu - môn nghệ thuật bây giờ được nhà báo, nhà đài và các hội văn nghệ địa phương tôn vinh là hát ca trù. Thầy “tom chát” quá khuya nên đến lớp thường ngủ gật. Thằng Mẫn - trưởng lớp được thầy giao cho việc “xử lý thường vụ nội bộ”. Nghe Mẫn mách, thầy Lương kéo gọng kính tụt xuống dưới sống mũi rồi nhìn “không kính”: “Thằng nào?” Mẫn ve trở tay về phía tôi: “Thưa thầy, cái thằng mới đến, nó ngồi kia ạ”. Thầy Lương nhìn về phía tôi ngồi rồi hất bàn tay trái giống như ông nhạc trưởng ra hiệu cho dàn nhạc bắt đầu chơi: “Levez-vous!” (Đứng lên). Tôi đứng lên theo lệnh thầy. Thầy nhắc tiếp: “Croisez les bras!” (Khoanh tay lại). Thầy hát hàm hỏi tôi: “Ton nom?” (Tên trò là gì). Tôi trả lời: “Je m’appelle (Tên con là) Phạm Thế Hệ”. Thầy trở tay xuống phía chân bục: “Dix coups de rotin” (Mười roi). Phiên tòa xử một thằng ba hoa diễn ra rất nhanh. Thầy vừa tuyên án xong, Mẫn ve đã nhanh chóng thi hành án. Nó đến chỗ tôi đang đứng, xách tai tôi kéo ra “pháp trường trắng”. Nó là trưởng lớp, nó theo lệnh thầy thi hành án. Nó trở tay xuống thành bục. Tôi khoanh tay tì vào thành bục, hai chân duỗi thẳng. Nó lấy tay hất vạt áo dài thâm của tôi lên rồi kéo dây chun kéo cạp quần của tôi xuống cho mông lòi ra. Sau này tôi mới biết trong các lần thi hành án khác, nó chỉ đánh anh em bên ngoài quần. Thằng nào thuộc cánh hầu khôn lỏi lót miếng các tông lên mông, nó cũng làm ngơ, chỉ đánh bẹt bẹt mấy cái là xong. Còn tôi tự dưng chuốc lấy vạ đòn thù này đành chịu mười roi đến cháy mông. Bố mẹ tôi chưa bao giờ đánh tôi một roi nhưng trước mặt “kẻ bại trận”, tôi mà khóc càng chứng tỏ mình hèn, nó càng bắt nạt. Tôi cắn

răng chịu đòn. Mẫn ve vút roi đầu tiên thấy tôi vẫn nghiêng răng nghiêng cổ chờ roi thứ hai, nó lấy đầu roi gõ gõ vào gáy tôi: “Sao không nói merci monsieur, đồ hồn!” Thì ra cái luật bắt thành văn ở lớp sơ đẳng (cours élémentaire) này là mỗi khi bị ăn một roi đòn, học trò lại phải “cám ơn thầy” đã “yêu cho vọt” để mình mở mắt ra mà nên người. Mỗi lần đau quần đít tôi vẫn cứ phải theo đúng luật “mercì monsieur”.

Tuy thế Mẫn ve và tôi không thù dai nhớ lâu. Dù Mẫn ve đã đánh tôi mười roi nhưng mỗi khi đá bóng thấy thiếu chân hữu biên, nó không thể không gọi tôi vào để tôi “sút treo bóng” trước cầu môn cho thằng tiền vệ nhảy lên đánh đầu. Khi kéo co, bên nó thiếu một người, nó phải gọi tôi vào cho cân bằng lực lượng. Về sau, tôi thấy người lớn cũng vậy. Hai ông đã từng chơi nhau sút đầu mề tai nhưng thấy trên cử về một thằng “chuyên gia đoàn kết”, hai bên ký tắt hiệp nghị ngưng chiến rồi cùng xúm nhau vào đánh cho thằng của trên tối tăm mặt mũi buộc phải khăn gói quả mướp chuồn thẳng. Sách lược “đổi thù thành bạn” có từ đời Xuân Thu - Chiến Quốc bên Tàu, người bên ta đại gì không vận dụng, miễn sao có lợi cho mình.

Thầy Lương hay ngủ gật. Thầy thường ra bài tập cho các trò làm, Mẫn ve vẫn là chân “xử lý thường vụ nội bộ”. Thầy vẫn bắt chước Khổng Minh lừa Tư Mã Ý, vẫn mắt đeo kính đen ngồi nghiêm trên ghế, tay trái cầm roi, tay phải cầm chiếc bút máy Pilot cứ như đang coi chúng tôi làm bài. Hôm ấy không biết trưởng lớp Mẫn ve chạy đi đâu, anh em ra hiệu cho tôi lên “thám thính” thầy thức hay thầy ngủ. Tôi khom người lẩn dưới tầm nhìn của thầy. Đến chân bục, tôi từ từ nhoai người lên nhìn. Cái roi vẫn trong tay thầy nhưng sắp bong khỏi ngón tay, cái bút máy Pilot cứ nguệch ngoạc những đường gãy góc trên mặt giấy. Nếu hoàn thành nhiệm vụ rồi, tôi lui về bàn ngay thì chẳng nên chuyện gì. Đằng này tôi cứ đứng trên bục bắt chước thầy hai mắt nhắm tịt lại, một tay khuỳnh ra còn một tay cứ rung rung như chân trước con ếch bị giật điện. Anh em trong lớp hả hê cười cái màn kịch câm tôi đang diễn. Được khen tôi càng hứng chí diễn chưa chịu về. Tôi không ngờ chuỗi cười vô tổ chức của anh em đã đánh thức thầy dậy từ bao giờ. Sẵn cái roi trong tay, thầy vút một cái vào giữa mặt tôi. Tôi ù té chạy về bàn học. Thầy vẫy tôi lại và bắt tôi diễn lại cái màn kịch câm ấy trước mặt học trò cả lớp.

Từ đây trở đi thấy thầy đeo kính, tay cầm roi, tay cầm bút, không thằng nào dám ho he nữa, còn tôi cũng được bài học nhớ đến tận bây giờ: đừng có đại mà bốn cột cấp trên, thế nào cũng phải trả giá. Sau này tôi phát triển điều đó thành thuật ứng xử truyền miệng cho những thằng thật thân: khi thấy hổ ngủ thì ta cứ lẳng lặng bước qua cho được việc, đừng có đại lấy cọng rơm ngoáy vào lỗ mũi hổ mà bị đập chết có ngày.

Phải công nhận rằng thầy Lương dạy rất giỏi. Năm học ấy một trăm phần trăm học trò của thầy trúng tuyển kỳ thi vào lớp trung đẳng năm thứ nhất (cours moyen I). Cũng vì thế dù thầy là nhà nghiên cứu ca trù thâm niên, thầy hiệu trưởng vẫn giữ thầy ở trường Lạc Viên. Gần cuối năm học, trong giờ thủ công,

thầy Lương bắt mỗi học trò phải vót một cái roi bỏ vào tủ lưu niệm. Trước ngày làm lễ bế giảng năm học, chúng tôi lần lượt nộp roi cho thầy. Thằng Tinh muốn chơi trội nộp một cái đòn gánh dài đến hai gang tay, hai đầu có hai cái mấu cẩn thận. Thầy hỏi: “Con đeo cái đòn gánh này để làm gì?” Thằng Tinh hí hửng nói: “Thưa thầy để đánh cho đau ạ”. Thầy hất hàm gọi Mẫn ve lên rồi ra hiệu “rodage” cái đòn gánh. May mà Mẫn ve mới chơi võ “quân ta đánh quân mình” thôi mà thằng Tinh đã phải vừa quần quai vừa “merci monsieur” hoài. Khi thằng Tinh đứng dậy khoanh tay chào thầy, thầy Lương ra hiệu cho Mẫn ve đưa cái đòn gánh cho thầy. Thầy Lương quay lại phía chúng tôi: “Các con thấy chưa, cái gì mình không thích người ta làm cho mình thì mình cũng đừng làm cho người khác”.

Lúc bấy giờ nghe thầy Lương nói thế chúng tôi thấy thường thôi nhưng sau này khi bước vào đời mới thấm thía lời thầy dạy. Khôi anh bị ăn đòn do chính cái đòn gánh mình đeo ra trước đây vẫn dùng để đánh người khác.

Học hết lớp trung đẳng I, chúng tôi lên lớp trung đẳng II. Thầy giáo chúng tôi là thầy Nhận. Chân thầy bị tật từ thuở bé, thầy không muốn gây chuyện mâu thuẫn trong học sinh nên sau khi tuyên án xong, thầy “ngự giá thân chinh đi dẹp loạn”. Thầy dự trữ rất nhiều bi trong ngăn kéo. Thấy thằng nào nói chuyện, thầy không bắt Mẫn ve đi kéo căng má “tội phạm” rồi tát mười cái vào má, thầy cứ ngồi nguyên trên bàn “tia” một viên bi trúng mặt thằng đang nói chuyện riêng trong lớp. Thằng vừa bị “bắn” lại phải chui xuống gầm bàn tìm viên bi mang lên nộp cho thầy. Còn thi hành án các “tội phạm” khác, thầy gọi từng đứa lên đứng quay lưng về phía thầy, thầy vịn vai nó cho thật chắc rồi mới phóng mũi giày da vào đít nó. Học trò bị phạt không phải “merci monsieur”, chỉ phải khoanh tay thưa với thầy: “Lần sau con không dám thế nữa”.

Hội Pháp thuộc, chính phủ bảo hộ và Nam Triều không tổ chức hội văn nghệ trung ương, hội văn nghệ địa phương và cũng không mở trại sáng tác, trường viết văn, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, hội nghị những cây bút trẻ. Ai hứng chí lên thích viết thì cứ viết.

Hội ấy các nhà viết truyện trinh thám, truyện kiếm hiệp không in những cuốn sách dày bằng cục gạch như bây giờ mà in thành nhiều tập nhỏ. Mỗi tuần nhà sách bán một tập giá có ba xu nên loại sách đó được gọi là sách ba xu, các nhà văn viết những loại sách đó được gọi là văn sĩ ba xu cũng như bây giờ các nhà thơ bóp mồm bóp miệng chỉ ra ba triệu in thơ rồi đem thơ đi biểu được gọi là nhà thơ ba triệu. Ba xu là ba cái bánh tôm, là một đĩa thịt bò khô nhưng không mua được một vé bóng đá. Cánh học trò mua mỗi tuần một tập kiếm hiệp hay một tập trinh thám cũng không khó khăn gì.

Té ra văn chương cũng là một loại ma túy, đầu tiên ngời ngời thấy thơm thơm, mê mê rồi cuối cùng sà vào hút hít thật sự. Lũ học trò chúng tôi lúc đầu đọc truyện kiếm hiệp, truyện trinh thám thấy thích, thích rồi mê, mà đã mê ông nào thì dù ông ấy viết nhôm nhoam như cơm nếp nát, mình cũng phải cố mà đọc, mà tìm xem ông ấy giấu những cái hay ở đâu. Chúng tôi cũng đã từng đọc *Người nhận trắng*, *Dao*

bay, Lệ Hằng với chỉ phục thù, Bồng Lai hiệp khách, Giao Trì nữ hiệp... đọc hết tập một y như rằng ngóng chờ đến tuần sau mua tập hai. Tập nọ lại móc xích với tập kia nên chúng tôi cứ phải theo đến cùng. Thế rồi đến một lúc nào đó, chúng tôi tự lừa dối mình: nếu các ông ấy viết như thế mà in được thì mình cũng viết. Lên lớp trung đẳng II, thầy giáo lại ghép Mẫn ve, Nghĩa và tôi ngồi cùng một bàn. Mẫn cứ hí hoáy viết trên lớp, Nghĩa phát hiện ra Mẫn ve đang viết *Dạ nguyệt minh châu kiếm*. Cậu ta gạ Mẫn để cậu ta minh họa và vẽ bìa. Phải công nhận Nghĩa vẽ có hoa tay: cậu ta vẽ hai người đánh nhau bằng kiếm thì bên ngoài lưỡi kiếm đều có những nét vạch vạch trông cứ như là không khí chuyển động. Tôi không viết được và cũng không vẽ được nên Mẫn phân công đến giờ toán tập, tôi phải giải thật nhanh bài toán rồi đẩy vào giữa chỗ ngồi của Mẫn ve và Nghĩa cho hai cậu ấy chép ngay vào vở.

Thật khó mà cắt nghĩa cho ra hiện tượng một đứa học trò mới mười một tuổi không được học trường viết văn, không được dự một lớp bồi dưỡng lý luận sáng tác nào, chẳng được một mệnh thường quân nào tài trợ lại chẳng có nhà xuất bản nào tạm ứng, lại chẳng được được thầy bà nào đỡ đầu, lại dám viết một cuốn truyện kiếm hiệp mê ly và rùng rợn (rùng rợn) như vậy. Mẫn ve bỏ tiền ra mua giấy poluya, mua mực Tàu, viết được cuốn sách cũng không có tiền nhuận bút, chỉ chuyển tay cho anh em đọc mà vẫn bất chấp hiểm nguy say sưa viết. Tôi còn nhớ câu chuyện là như thế này: nữ hiệp sĩ Mộng Điệp một đêm đi qua rừng chợt thấy một con trăn đang đùa với một hạt ngọc. Con trăn cứ nhả hạt ngọc ra rồi lại nuốt hòn ngọc vào miệng. Ánh sáng của viên ngọc cứ tỏa ra sáng cả một vùng. Biết là hạt ngọc quý, Mộng Điệp rút kiếm xông vào đánh nhau với trăn. Đánh đến trăm hiệp, con trăn tu luyện thành tinh dòn Mộng Điệp vào chân núi. Đường kiếm của Mộng Điệp đã bắt đầu rồi loạn. Trăn tinh dùng đuôi quật văng kiếm của Mộng Điệp ra xa. May sao lúc ấy Phi Hùng hiệp khách vừa đi tới. Bằng một đường đao điêu luyện, Phi Hùng hiệp khách đã chém đứt cổ trăn tinh lấy được viên ngọc dạ nguyệt minh châu. Hiệp khách liền lấy viên dạ nguyệt minh châu đem tặng nữ hiệp sĩ Mộng Điệp. Mộng Điệp liền gắn viên ngọc quý ấy vào chuôi kiếm của mình. Một điều rất lạ lùng, viên ngọc ở chuôi kiếm cứ sáng rực như ánh trăng đêm rằm. Thế là Phi Hùng kiếm khách và Mộng Điệp kết nghĩa làm hai anh em rồi với thanh Dạ Nguyệt minh châu kiếm, hai người đi khắp nơi chống nhau với bọn tham quan tàn ác. Giết xong một tên tham quan ác bá, Phi Hùng và Mộng Điệp lại lấy của cải chia cho những người nghèo.

Mới đọc hết tập một thôi, tôi không hiểu Mẫn ve còn đưa tiếp nhân vật của mình đi đến đâu nữa. Nếu bây giờ Mẫn là một quan chức cao cấp chắc hẳn sẽ có một nhà phê bình ăn lương nhà nước ngợi ca những trang viết đầu đời của ông đã đậm đà bản sắc dân tộc, tràn đầy tinh thần lạc quan, đề cao tính giai cấp, biết đứng về phía chính nghĩa... cho mà xem. Tôi nhớ rõ mấy dòng ở trang đầu:

Đêm....

Một đêm cuối thu...

Gió ào tới lay động khu rừng xào xạc...

Cứ như thứ văn tiểu thuyết ba xu chúng tôi vẫn ngẫu nhiên hồi bé.

Hằng ngày, Mẫn cứ viết nháp xong lại chuyển bản thảo cho Nghĩa về nhà mài mực Tàu rồi dùng ngòi bút Sergeant Major - sau này người ta thường gọi là ngòi bút lá tre viết lên trên giấy poluya màu xanh da trời. Số một *Dạ Nguyệt minh châu kiếm* được anh em trong lớp chuyển tay nhau đọc. Đưa thì khen là viết không kém gì Lý Ngọc Hưng, đưa thì chê là toàn chuyện bịa.

Trong giờ toán tập, Mẫn vẫn mải mê viết, Nghĩa vẫn say sưa vẽ minh họa còn tôi vẫn phải làm bài tập thật nhanh rồi chuyển ngay cho hai bạn. Thầy Nhận bắt đầu nghi ngờ ba chúng tôi: cách giải các bài toán đều giống nhau, đến bài trồng cây lại sai y như nhau: trồng cây trong một thửa vườn hình vuông mỗi cạnh 32 mét, hỏi trồng được bao nhiêu cây, biết rằng mỗi cây cách nhau 1 mét? Cả ba thằng cùng lú lẩn khi trồng cây quanh vườn không phải cộng với 1 như khi trồng cây trên đường thẳng. Chính vì tôi làm ẩu nên đã làm hại bạn. Thầy Nhận theo dõi chúng tôi từ đầu giờ toán tập rồi bất thành linh bắt ba chúng tôi cùng đứng dậy. Thầy đi xuống khám ngăn bàn chúng tôi. Tang vật còn nguyên tại chỗ: *Mấy trang Dạ Nguyệt minh châu kiếm*, mấy bản vẽ nháp và quyển vở toán của tôi còn nằm tồ hơ trên vùng giáp ranh giữa Mẫn và Nghĩa.

Thầy gọi ba chúng tôi lên đứng trước bục của thầy. Thầy giơ tập bản thảo lên cho cả lớp nhìn thấy: “Đây là lời giải bài toán, các con chú ý lắng nghe...”

Thầy đọc to từng trang bản thảo, mỗi lần đến các miếng võ Phật Tổ bái Quan Âm, Song Long quá hải, Thái Sơn áp đỉnh, Thập cước liên hoàn, Đảo sơn cước... thầy lại lấy cái thước cạnh bịt đồng gỗ lên đầu, lên vai Mẫn. Đến lượt Nghĩa, cậu ta phải chia hai tay ra cho thầy vịn để nhớ từ nay không được vẽ bậy trong giờ học. Đến lượt tôi, thầy bắt tôi quay lưng về phía thầy rồi thầy vịn vào vai tôi đá phốc vào mông tôi mấy cái. Được cái may, thầy chỉ xử lý nội bộ chứ không báo cáo lên thầy hiệu trưởng và viết giấy cho gia đình biết, thầy cũng không phạt thẻ vàng, thẻ đỏ đứa nào.

Sau cái lần “Thái Sơn áp đỉnh” ấy, Mẫn bị “chột” không tài vào viết tiếp được nữa. Anh em trong lớp gặp Mẫn giục cậu ta viết tiếp tập hai đi, Mẫn chỉ trả lời: “Lần này thầy bắt được thì thầy đuổi học”. Gần sau mười năm qua, tôi đã đi từ Đông sang Đoài, từ Bắc xuống Nam, nhưng không tìm thấy dấu chân của Mẫn và Nghĩa đâu cả. Sau khi đọc tiểu thuyết chương của Kim Dung, tôi tiếc cho một tài năng đã sớm bị ngắt ngọn. Giá đừng bị trận đòn phủ đầu, biết đâu Mẫn sẽ trở thành cây bút hàng đầu về tiểu thuyết chương ở nước ta, liệu tiểu thuyết chương của Kim Dung có thành độc nhất vô song nữa hay không. Biết đâu Mẫn lại chằng vào Hiệp hội các nhà tiểu thuyết chương quốc tế.

Còn tôi, được nhìn tận mắt Mẫn bị đánh đòn nhưng cứ bị cuốn vào vòng xoáy của nghiệp văn. Hồi đó chưa có Hội Nhà văn Việt Nam và cũng chẳng có ai mở lớp bồi dưỡng sáng tác. Chính chị Huệ

thức giục tôi vào nghề mà tôi không hề biết. Chính chị mới là người ủ chất men trong tim tôi khiến tôi không tài nào ghìm được nổi lòng trước thân phận con người bằng xương bằng thịt đang sống bên mình.

Chị Huệ không biết chữ. Chị là gái đồng chiêm Bình Lục (Hà Nam), gặp năm mất mùa chị theo người làng ra Hải Phòng kiếm sống. Đầu tiên chị làm thuê cho một hàng cơm ở đầu phố. Buổi sớm chị phải dậy quạt lò đun sẵn cháo nước sôi pha một thùng chè tươi và phần nước sôi còn lại dành cho người khác thổi tiếp cháo cơm. Đến khi các bác kéo xe tay, kéo xe ba gác, kéo xe bò, dân khuân vác đến ăn cơm sáng, chị làm nhiệm vụ bung bê đến tận bàn. Xong công việc, chị lại xách nước đun nồi nước sôi cho người khác nấu cơm trưa rồi lại tiếp tục bung bê. Đến buổi chiều chị vẫn phải làm từng ấy công việc. Đến tối chị lại gánh đôi thùng sắt tây ra ngoài máy quấy vài chục gánh nước nữa đổ cho đầy hai thùng phuy. Một lần bà chủ mất cái chân giò, bà ta nghi chị lấy cắp. Bà ta bắt chị quỳ ở giữa nhà mà tra khảo. Mỗi lần hỏi câu “mày giấu cái chân giò ở đâu?”, bà chủ lại cầm khúc xương lợn nhét vào mồm chị. Chị chỉ khóc nhất định không nhận là mình có ăn cắp cái chân giò. May sao mấy ông kéo xe bò đến ăn cơm thấy sự bất bằng lên tiếng can thiệp, bà chủ không làm gì được chị. Một ông mách mối cho chị đến ở cho nhà ông ký lục ở làng Lạc Viên. Từ đó công việc của chị nhàn hạ hơn: buổi sáng đi chợ mua phở, mua cháo hay bánh mì về cho ông bà chủ và các cô cậu ở nhà rồi đưa các cô đi học. Trưa và chiều chị lo bữa ăn cho cả nhà. Công việc an nhàn, ăn uống đầy đủ, má chị bắt đầu hồng hồng như trái đào chín, người chị phồng phao dần ra. Quần áo cũ của bà ký thái ra, chị mặc vào trông càng xinh. Bà ký đẻ liền hai cô con gái, ông ký lại là con một, gia đình ông ký thường giục bà cưới vợ hai cho ông để họ Lê nhà ông có người giữ từ đường. Ông ký thường cho tiền chị Huệ gửi về nhà biếu bố mẹ, nặng nghĩa như thế nên những lúc bà ký đi chùa Hương “xin cậu về”, ông ký thường vuốt ve chị, chị không dám nói với ai. Kiếp người thật không biết thế nào mà lần. Ác như bà hàng cơm, chị không ở được nhưng tốt như ông ký, chị cũng thấy sớm hay muộn mình lại phải xách khăn gói ra đi. Thỉnh thoảng ông ký vẫn mò xuống giường chị kê ở dưới bếp. Bà ký chỉ giả vờ ngáy, khi ông ký lên dậy mò xuống bếp, bà cũng rón rén theo chân. Chờ ông vừa vặn nắm đấm bằng sứ để mở cửa, bà túm ngay lấy cổ tay ông nhưng ông chối phắt là xuống bếp lấy bao diêm. Ủ thì diêm, bà đành chịu. Lần sau bà chờ ông chui hẳn vào màn, bà mới xộc vào bếp bật đèn lên. Ông ký cãi bay là thấy chị Huệ đau bụng, ông đem hộp cao xuống cho chị. Bà bắt quả tang ông xuống bếp vài ba lần nữa, ông vẫn cãi. Có lần bà đã làm âm ỉ lên cho ông tiết nọc cái thói “ăn vụng thịt người” kia đi, ông điềm nhiên lôi cái “án treo” của bà ra mà dọa: sắp họp họ, ông trưởng họ đã nhằm một đám về đây để cho ông đưa con trai. Bà ký ở người đành tăng cường hệ thống báo động đi mua hai cái chuông: một cái gắn vào cửa nhà trên, một cái gắn vào cánh cửa dưới bếp. Lâu lắm bà chẳng nghe thấy tiếng chuông kêu, chắc hẳn ông ký đã phải thu hai grom tám giáo lại rồi. Mãi về sau, bà mới biết ông ký đã lồng một vòng giấy kim nhũ vào trong lòng chuông từ bao giờ. Hai bên cứ đua nhau leo từng nấc thang một, cuối cùng bà chơi

võ lì: đem chăn gối xuống bếp ngủ chung với chị Huệ. Cơm treo mèo nhịn đói, ông ký đâm ra bản tính thường kiểm có cà khía với bà ký. Phải công nhận không những bà ký có năng khiếu làm công tác phản gián mà lại còn có năng khiếu làm công tác tổ chức. Nhân tiện cô em có chữa đang bí người chăm sóc, bà “bắn” chị Huệ sang trông nom cô em rồi thuê một thằng nhỏ đến cáng đáng phần việc của chị Huệ.

Nhà em gái bà ký ở gần nhà bác Cẩn, chị Huệ đêm đêm vẫn quảy đôi thùng ra máy nước gánh nước với con sen bên bác Cẩn nên thỉnh thoảng chị vẫn chạy sang chơi với cô sen bên bác tôi. Chị thường nói với tôi: “Chị đến mười bảy tuổi đã phải xa bố mẹ, cậu Hệ lại xa bố mẹ từ năm lên sáu, cậu có nhớ bố mẹ không?”. Tôi bảo chị: “Số em nó thế, phải xa bố mẹ mới sống được”. Có lần chị nhìn tôi rất lâu rồi bảo: “Cậu Hệ đẹp trai lắm”. Tôi cười: “Có ai mài cái đẹp ra mà ăn bao giờ đâu”. Chị lại bảo: “Đẹp trai cũng dễ lấy vợ nhưng lông mày cậu nó cong cong như thế không phải lông mày con trai. Lông mày con trai nó phải xéch lên một tí như thế này. Nhìn những người đẹp trai mãi vẫn không chán mắt”. Tôi phẩy tay: “Em không đùa với chị nữa đâu”. Một hôm chị Huệ bảo tôi: “Chị không dám nhờ ai, sợ họ biết gia cảnh của mình, họ đi kể với người khác. Chị chỉ tin mỗi cậu. Chị nhờ cậu viết hộ chị lá thư gửi về quê”. Tôi bảo chị: “Ai đòi người lớn lại nhờ trẻ con viết thư”. Chị thở dài: “Nhưng chị không biết chữ”. Tôi cười: “Chị nói đùa”. Chị nhặt một chiếc que ở dưới đất rồi bẻ đôi chiếc que: “Chị mà nói dối cậu, chị chết”. Tôi chạy lên gác lấy tờ giấy, cái bút và lọ mực xuống bàn ăn ở dưới nhà: “Chị đọc đi, em viết cho”. Chị thở dài: “Chị mà nói cho cậu viết thì dài dòng lắm. Chị cứ kể một mạch cho cậu nghe rồi cậu liệu liệu mà viết cho gọn”.

Tôi nhớ câu đầu tiên chị nhờ tôi viết hộ là: “Con có đôi lời hỏi thăm bu bá, con ở ngoài này khổ quá bu ơi, bao giờ con được về chơi, thì con kể hết mọi lời bu bá nghe”. Sau đó chị kể, nghe hết một đoạn dài chị mới bảo tôi: “Thôi cậu viết hộ chị đi”.

Viết hết hai trang giấy, tôi đọc cho chị nghe rồi tôi cầm tay chị cho chị viết chữ Huệ vào cuối bức thư. Chị đưa tôi một hào hai mua hai cái tem, một cái tem dán vào phong bì gửi về quê, một cái tem dán vào phong bì ghi địa chỉ của tôi để bố chị gửi thư ra. Nhận thư trong quê, tôi lại đọc cho chị nghe. Chị vừa nhìn vào từng dòng chữ vừa nghe, có lúc hơi thở của chị phả nhẹ nhẹ vào má tôi. Một hôm chị chạy sang nói nhỏ với tôi: “Sang bên chị, chị bảo cái này hay lắm cơ”. Tôi bảo chị: “Chị nói trước thì em mới sang”. Chị lắc đầu: “Nói trước thì mất thiêng”. Rồi chị cầm lấy tay tôi kéo tôi đi. Hóa ra sáng nay anh nhỏ bên ông Phán gặp chị đi mua thức ăn ở chợ, anh ấy dúm cái phong bì vào làn thức ăn của chị. Chiếc phong bì vẫn ám hơi dầu thơm Cô Ba, chị rút một tấm ảnh 4x6 rồi lật mặt sau chị chít những chữ là chữ đưa cho tôi: “Cậu đọc giúp chị”. Đưa mắt vừa hết dòng chữ, tôi phì cười: “Cái anh này mà học thầy giáo em thì cứ gọi là nhừ đòn”. Chị hỏi luôn: “Người ta ai cũng có quyền viết thư, sao lại nhừ đòn?” Tôi trở vào từng chữ: “Chi lại viết là tri, trăm lại viết là chăm, năm lại viết là lăm, duyên lại viết là diên, chẳng lại viết là trắng”. Hình như tôi nói anh nhỏ, chị lại động lòng như tôi nói chị, chị cười: “Nhưng mà nó thật, bụng nghĩ thế nào thì tay viết thế ấy là được. Cậu cứ đọc đi”. Tôi đọc:

“Người đầu gặp gỡ làm tri, chăm lắm biết có diên gì nên trắng”. Chị tủm tỉm cười: “Hay nhỉ”. Cái ảnh ấy chị cứ cất trong túi, thỉnh thoảng chị lại giở ra xem rồi lật tấm ảnh tự đọc bản tình ca đậm đà lỗi chính tả. Chị sen nhà tôi ghét lắm, có hôm đã bảo thẳng chị Huệ: “Bọn đàn ông nó chỉ tán nhăng tán cuội để nó tổng được mả cha nó vào người mình xong là nó lại vác mả cha nó sang đám khác”. Chị Huệ không chịu cãi lại. Chị sen nhảy bổ vào định cướp tấm ảnh, chị Huệ vùng ra chạy mất. Chuyện tưởng đến đó là xong, ai ngờ một hôm chị Huệ rủ tôi sang bếp nhà ông Phán. Chị lật đầu giường lấy một cuốn sách chữ Tây - chắc của ông Phán vứt đi, chị lật lật mấy trang lấy một tấm ảnh một tay chị đang vin cành tường vi, một tay đang với chùm tường vi. Chị hỏi tôi: “Cậu Hệ trông ảnh có được không?” Tôi cười: “Hơi điệu”. Chị cười: “Ông chụp ảnh ông ấy bảo thế nào chị làm thế ấy đấy. Cậu viết cho chị mấy câu vào sau tấm ảnh. Tôi cười: “Chị gửi ảnh tặng anh nhỏ chứ gì”. Chị cười tít cả mắt lại: “Cấm được nói với ai đấy nhớ”. Tôi gật đầu. Chị đọc: “Mặn hỏi thì Đào xin thưa, vườn hồng có lỗi nhưng chưa ai vào. Được không?” Đến lúc này cả hai chị em mới ngẩng người ra, tôi không mang bút mực sang nhà chị. Tôi chạy về nhà lấy bút mực sang viết trả lời câu thơ tỏ tình của anh nhỏ gửi cho chị Huệ. Viết xong tôi đọc lại cho chị nghe, chị gật gật đầu ra điều ưng ý rồi nhờ tôi đưa tận tay cho anh nhỏ rồi dặn đi dặn lại không được cho ai biết chuyện này.

Tôi ra máy nước. Anh nhỏ đang đứng tựa lưng vào gốc phượng vĩ, chân phải chéo khoeo sang bên trái, năm ngón chân bên phải cắm xuống đất, miệng đang ư ử hát một bài theo điệu Horsey! Horsey: “Trông bên kia là Lạc Xuân Đài. Kép mắt toét cùng đào thối tai...”. Tôi đến bên anh nói khề: “Lúc anh gánh nước về, em có cái này đưa cho anh”. Anh hô hô cười: “Thì đưa ngay bây giờ cho nó nóng sốt có hơn không?” Tôi lắc đầu: “Chỉ một mình anh biết thôi”. Anh gật gật cái đầu mượt chải bằng hạt bưởi ngâm nước ra điều hiểu ý: “Chú em đi trước đi”.

Tôi đứng chờ ở gốc phượng ven đường. Tôi vừa đưa tấm ảnh cho anh, chưa kịp ngẩng ngó chân dung chị Huệ, anh đã lật mặt sau tấm ảnh rồi vừa lẩm nhẩm đọc vừa gật gù. Đút tấm ảnh vào túi áo, nghĩ thế nào anh lại rút tấm ảnh ra rồi bảo tôi: “Cậu em xem hộ chị Huệ nói gì?”. Thì ra bức tình thư đậm đà lỗi chính tả chị Huệ ôm ấp đêm ngày chính là chữ của người khác.

Đôi bên hương lửa đang nồng, chị sen về thăm cô em lấy chồng bên quê anh nhỏ, chị về thăm em mới biết anh nhỏ đang chê cô vợ hơn anh đến bốn tuổi. Về Hải Phòng chị sen bảo ngay chị Huệ. Buồn đến nẫu người, chị Huệ vừa lau nước mắt vừa hỏi chị sen: “Chị ơi, em biết làm thế nào bây giờ. Anh ấy tốt lắm”. Chị sen khoát tay ra trước mặt: “Tốt gì mà bắt cá hai tay. Cô xem những quân tranh vợ, cướp chồng có đứa nào mở mặt mở mày được đâu. Người đánh thì ta còn tránh được chứ trời mà đánh thì chỉ có chết”. Chị Huệ cứ ôm mặt khóc hu hu. Từ đây chị không sang nhờ tôi viết thư cho anh nhỏ nữa. Ít lâu sau, mẹ chị ở trong quê ra xin cô em bà ký cho chị về quê lấy chồng. Bà cụ cố giấu nhưng chị sen biết chị Huệ lấy làm hai ông lý trưởng làng bên để bố mẹ chị lấy tiền chuộc lại ba sào hương hỏa đem cầm cho người ta, chạy thuốc cho bố chị. Anh nhỏ càng buồn, mỗi khi ra máy, anh gác đòn

gánh vào chòm cái máy nước đúc bằng gang rồi tựa lưng vào gốc phượng mà rầu rĩ hát theo điệu Hà nhật quân tái lai: “Ngọn gió chiều tung bay khóm cúc, cùng mối thương anh để bên lòng” (đúng ra là: ngọn gió chiều nhẹ lay khóm trúc, gợi nỗi thương anh ở bên lòng). Còn tôi càng nhớ chị cứ phải đeo cái sổ làm hai: dù có lấy ông ký, dù có lấy anh nhỏ và đến bây giờ lấy ông ký làng bên, chị đâu có thoát khỏi cảnh làm hai. Tôi thương chị lắm, tôi viết cho chị bao nhiêu thư, tôi đọc cho chị bao nhiêu lời tỏ tình không nhớ hết nhưng những giọt nước mắt của chị cứ đọng mãi trong tim tôi, thúc giục tôi cầm bút viết về cuộc đời của chị. Hồi ấy làm gì có báo Hoa học trò, báo Mực tím, báo Áo trắng, báo Áo hồng... như bây giờ và cũng chẳng có trường, có lớp dạy viết văn nhưng tôi cứ lẳng lặng viết cho vợ nỗi nhớ thương một kiếp người phải bỏ cái làng “sáu tháng đi bằng tay, sáu tháng đi bằng chân” lên thành phố xa lạ này, phó mặc cuộc đời cho những may cùng rủi. Gương tà liếp của Mẫn đã dạy tôi đừng bao giờ trình làng những trang viết ở lớp học. Tôi cầm bút viết kín bốn trang tờ “phơi đúp” (feuille double) rồi đưa anh Phòng đọc. Anh Phòng chỉ nói: “Đúng là chị Huệ rồi”. Tôi lại đưa cho anh Quận đọc. Sau này anh Quận là anh rể tôi. Khi tiểu thuyết *Sắp cưới* được phát hành, anh Quận khoe với cả nhà: “Tôi đọc truyện của thằng Hệ từ năm nó mới mười một tuổi, lúc đó tôi đoán ngay sau này nhất định nó sẽ viết văn”.

Còn chuyện bị “đòn âm, đòn dương” nặng hơn cả *Dạ nguyệt minh châu kiếm* thì anh Quận không lường được.

Năm

Lên đến lớp cao đẳng (cours supérieur), chúng tôi lại được học thầy Triệu, thầy dạy chúng tôi lớp trung đẳng I. Thầy ít nói nhưng chịu làm. Việc trường, việc lớp mỗi khi đến tay thầy đều được giải quyết đâu vào đấy. Mọi năm trường có một mônitor (giáo viên thể dục thể thao) tốt nghiệp trường Cao đẳng Thể dục Thể thao Phan Thiết được trên cử về nhưng năm nay không hiểu sao, chẳng thấy mônitor nào về. Thầy Triệu kiêm luôn cả chân huấn luyện viên thể dục thể thao. Thầy đôn đốc chúng tôi ôn luyện từng môn và thầy còn soạn một bài hát theo điệu Ngọc Mỹ Nhân cho chúng tôi học:

... Ta càng luyện tập cố vào

Ta càng mạnh khỏe chớ sao

Nếu không khỏe giúp được ai nào

Tập sớm thêm tập chí tới

Tập rất thú khác gì chơi

Đừng có chóng chán rồi thôi

Nếu không khỏe giúp ai được nào...

Rồi thầy hướng dẫn chúng tôi đặt tay phải sang ngực trái rồi giơ chéo về phía trước mặt, mắt nhìn theo ngón tay trỏ. Thầy bảo đây là kiểu chào của phong trào Olympique quốc tế, sau này chúng tôi được xem phim về các cuộc thi đấu Olympique, chúng tôi cũng thấy các vận động viên đều chào như thế cả.

Trong kỳ thi kiểm tra thể lực giữa học kỳ, chúng tôi đều được phát chứng chỉ thể dục thể thao bậc II (Brevet sportif II échelon), thầy được thanh tra học chính biểu dương. Học sinh toàn thành phố Hải Phòng tổ chức diễn kịch lấy tiền giúp dân bị lũ lụt. Chính thầy đứng ra chọn vở nhạc kịch *Ve và Kiến* rồi dàn dựng cho chúng tôi tập và lên biểu diễn ở Nhà hát lớn Hải Phòng. Trong dịp học sinh thành phố tổ chức đua xe hoa, thầy cũng lo việc thiết kế xe hoa cho nhà trường. Thầy vẽ mẫu và trông coi thợ làm một vỏ trứng nứt đôi và một con rồng cuộn mình từ trong vỏ trứng chui ra. Thầy chọn hơn chục đĩa mặt mũi sáng sủa làm dàn minh họa đi quanh xe vừa hát những bài hát yêu nước vừa kéo xe đi. Chuyến ấy xe hoa *Trứng rồng lại nở ra rồng* của trường Lạc Viên do thầy thiết kế và dàn dựng được giải nhì, ban tổ chức đánh giá là giản dị nhưng mang được ý nghĩa sâu sắc và lại ít tốn kém. Chính việc thầy thiết kế xe hoa *Trứng rồng lại nở ra rồng* đã làm chúng tôi thấm thía một điều bổ ích: muốn đạt được sự giản dị trong nghệ thuật, ta phải dày công suy nghĩ. Lúc trình diễn, trông cái xe hoa *Trứng*

rồng lại nở ra rồng kéo trên phố, ai cũng tưởng mình cũng có thể làm ngay một cái xe hoa như thế nhưng mấy ai biết thầy đã suy nghĩ hết đêm này sang đêm khác, tìm bằng được một hình tượng nghệ thuật độc đáo diễn đạt ý tưởng nung nấu trong lòng: con Rồng đang cuộn khúc vươn lên giữa một quả trứng nứt đôi. Nghĩ về cội nguồn dân tộc đấy. Vươn lên trời xanh đấy.

Rất tiếc bây giờ, các sở giáo dục không tổ chức đua xe hoa nữa. Trong các ngày lễ trọng, ngành giáo dục chỉ có một chiếc xe ô tô kết cờ hoa chở các biểu đồ thành tích chạy xinh xịch trên đường.

*

* *

Một phần bạn bè ở cùng phố theo gia đình dọn nhà đi xa dần, một phần chúng tôi phải gắn cuộc đời mình vào những hoạt động của lớp nên tôi chơi thân với mấy đứa ở lớp nhiều hơn. Phùng Công Tùng ở trong khu tập thể Nhà Đoan, người dong dỏng cao, hay chơi ở vị trí hậu vệ trong đội bóng của lớp. Tùng bám tiền đạo đối phương rất chặt, đội bóng phân công Tùng “máckê” thẳng trung phong hay thẳng tả biên đối phương thì cứ như đĩa dói. Hậu vệ bên kia chuyền bóng bỗng vượt tuyến cho hàng tiền đạo, Tùng đã nhảy lên đánh đầu tranh bóng. Đôi khi Tùng còn bắt một quả “vô lê” phá bóng cứu nguy cho đội nhà. Tôi quý Tùng lắm nên sau này, có con trai đầu lòng tôi đặt tên cháu là Tùng để nhớ những kỷ niệm đẹp về thằng hậu vệ của mình. Bùi Viết Đông năm nào cũng được đi lĩnh phần thưởng danh dự của thành phố ở Nhà hát lớn. Phạm Doãn Tiết, “vua toán” của lớp, bài toán khó đến đâu, Tiết cũng giải nhanh nhất lớp. Quản Hữu Thu giữ chân tả biên trong đội bóng của lớp. Thu thường “monê” bóng dọc theo đường biên rồi bất ngờ quặt một phát, treo bóng lơ lửng trước khung thành cho Lũy từ tuyến sau bật lên, không đánh đầu thì cũng “ngả bàn đèn” làm một phát dứt điểm.

Năm chúng tôi ở mấy nơi khác nhau: Thu ở trong khu tập thể Nhà Đoan. Nhà Thu tận dụng bãi cỏ trong khu tập thể nuôi đàn bò sữa. Gia đình Tiết “thầu” bột mì cho Anhtăngđăng (Hậu cần). Cụ thân sinh ra Đông là áchchidăng (thượng sĩ), sau này vào bộ đội, Đông khốn khổ khốn nạn vì cái nạn “liên quan với đế quốc” ấy. Chính cái máu “giang hồ vật” đã quy tụ năm anh em chúng tôi lại. Thu hơn tôi ba tuổi được chúng tôi coi như anh cả. Thu hay bày ra những chuyến đi có phần phiêu lưu và đánh giá cho đúng là không kém phần liều mạng. Thu đề xuất chuyến đi “thám hiểm” sân bay Cát Bi. Chẳng đứa nào biết đường đi tới sân bay Cát Bi nhưng đường đi ở mồm, đường đi ở mắt, chúng tôi vẫn đi bằng được. Ra tới ngoại thành, chúng tôi cứ chiếu theo hướng máy bay bốc lên, hướng máy bay xuyên mây lao xuống mà cắt đường. Con đường ngắn nhất vẫn là con đường thẳng, chúng tôi cứ lợi qua những cánh ruộng lầy cho đến khi vấp phải một cánh đồng ngập nước. Chúng tôi thò chân xuống khoảng khoảng mấy cái vẫn không thấy đáy, Thu trở tay về hướng con đường chạy vòng theo cánh đồng ngập nước. Đến lúc này bọn chúng tôi bắt đầu thấy khát rồi, liền bảo nhau dừng lại vốc nước uống và rửa

mặt mũi chân tay. Đứa nào đứa ấy khỏe hẳn ra, chúng tôi bèn đặt tên cánh đồng nước này là hồ Hăng Hải. Lũy tre làng Cát Bi luôn chắn trước mặt làm chúng tôi không nhìn thấy máy bay đang đỗ ở sân bay. Trí tò mò thôi thúc chúng tôi dò đường xuyên qua làng Cát Bi đi tắt ra sát sân bay. Chúng tôi ngồi núp sau một cái gò, mắt nhìn vào sân bay. Đang giờ tập nên cái máy bay bay lên, lượn mấy vòng rồi lao xuống đường băng, quay trở về. Từ trước đến giờ, chúng tôi chỉ được nhìn máy bay trên tít trời cao hay trên màn ảnh, còn bây giờ được nhìn tận mắt, phi công leo vào buồng lái rồi chiếc máy bay từ từ lặn trên đường băng. Hôm sau, chúng tôi có thể nói với bạn bè cùng lớp mỗi phi công đeo hai cái dù - một cái ở sau lưng, một cái ở trước bụng, máy bay giấu ở hầm máy bay không thể tự bò ra được mà phải nhờ chiếc xe Jeep kéo ra đầu đường băng. Không đứa nào dám cãi vì hôm trước chúng tôi đã ngồi quan sát sân bay khá tỉ mỉ rồi. Câu chuyện đầy mạo hiểm và hấp dẫn của chúng tôi về sân bay Cát Bi đã làm cho một số thằng sẵn máu phiêu lưu mạo hiểm rủ nhau đi “thám hiểm”. Chúng không thèm nhờ chúng tôi vẽ sơ đồ lộ trình, sợ “mất thớt”, đến chủ nhật, chúng lại rủ nhau đi. Chúng không chịu nấp sau cái gò sợ mang tiếng đi nhờ đường chúng tôi. Chúng đi vào sát hàng rào dây thép gai, thấy không ai nói gì, cả lũ lững thững đi về phía cửa sân bay. Chúng có biết đâu, từng bước đi của chúng đều lọt vào kính quan sát quang học của đội bảo vệ sân bay. Đội bảo vệ sân bay lẳng lẳng vây chặt chúng lại “không cho chúng nó thoát”. Viên đội trưởng sau khi nghe chúng trình bày lý do đến sân bay liền cười khà khà: Thế thì chúng mày sẽ được đi xem sân bay. Đội bảo vệ đem ra một lô mũ sắt và ba lô nhà binh, bắt từng thằng đội mũ sắt, đeo ba lô đi một vòng quanh sân bay rồi mới thả cho cả lũ về. Từ đây không thằng nào trong lớp mơ tưởng đến chuyện “thám hiểm” sân bay Cát Bi nữa.

Một lần đi “thám hiểm” thành phố, chúng tôi thấy một ngôi nhà xây theo kiểu lâu đài cổ. Đứng bên ngoài nhìn qua hàng rào sắt, các cửa ra vào, cửa sổ đều đóng kín, không thấy dấu hiệu ngôi nhà có người ở. Mấy lần “thám hiểm” đi qua, cảnh hoang vắng lạ lùng đó buộc chúng tôi phải khám phá cho bằng được bí mật còn ẩn kín đằng sau những bức tường phủ rêu kia. Cũng lại một sáng chủ nhật, chúng tôi đứng lên vai nhau, bám vào hàng rào rồi vắt người qua những thanh sắt hình mũi mác, xoay người, trườn vào trong vườn. Hai thằng đứng làm thang cũng một thằng làm thang cho thằng kia vào. Thu, cao lớn nhất bọn, bám lấy thanh sắt ở hàng rào, leo vào cuối cùng.

Chúng tôi tiến hàng ngang về phía lâu đài bỏ hoang, hy vọng sẽ tìm ra được điều gì bí mật. Ở vườn có mấy cây táo trĩu quả, chúng tôi không thèm thò tay trầy một quả, cứ khom người dưới những cành táo tiến về phía lâu đài.

Bỗng dưng, một cánh cửa trên tầng hai bật mở. Một cái đầu thò ra hét những câu chúng tôi không hiểu. Không ai bảo ai, chúng tôi quay ngoắt lại, khom người lùi nhanh về phía hàng rào. Chợt hai tiếng nổ “đoành, đoành” của loại súng calípđui giục chúng tôi vượt rào không cần lấy vai người khác làm thang. Những lúc nguy cấp, con người thường làm được những việc mà lúc bình thường không tài nào

làm nổi.

Tôi chạy thẳng đến chân hàng rào sắt, lấy đà nhảy lên nắm lấy hai thanh sắt nhọn ở hàng rào rồi đu người, vắt chân qua hàng rào bên kia, xoay người tạo thế xoay lưng ra phía ngoài. Bây giờ tôi chỉ việc kẹp ngón chân vào chấn song sắt giữ thế ổn định rồi từ từ buông tay ra là tiếp đất được rồi.

Thế mà, chân tôi không sao chạm xuống chân hàng rào được. Tôi vội hét lên: Thu ơi! Thu! Thu đã tụt người xuống đất rồi, vội chạy ngay đến chỗ tôi: Sao thế Hệ? Tôi không sao gỡ tay ra khỏi hàng rào sắt được nữa. Thu túm chặt hai chân tôi rồi đẩy người tôi lên. Tay kia tôi nắm chặt vào thanh sắt nhọn, cố rướn người lên cao cho nách vượt ra khỏi đầu nhọn của chấn song sắt. Thu vẫn ôm lấy bắp chân tôi, từ từ đặt hai bàn chân tôi xuống đất. Lúc ấy tôi không biết gì là đau nữa, tôi co cẳng chạy cùng anh em. Đến khi “lâu đài bỏ hoang” khuất sau góc phố, tôi mới thấm mệt. Tôi đến một gốc cây, quay lưng về phía ngôi nhà bên đường, từ từ cởi cúc áo. Nhìn thấy vết máu chảy từ vết thủng ở nách, tôi dứt khăn tay kẹp vào nách cho máu cầm lại rồi đi dọc phố, tìm hàng thuốc Tây. Cả bọn cứ bám xung quanh tôi. Đứa nào hỏi gì, tôi cũng chỉ lắc đầu: Không sao. Đến hàng thuốc Tây, tôi vào mua một cuộn bông thấm nước và một hộp pommát. Về nhà tôi vội vã cởi chiếc áo sơ mi dính máu, gói vào tờ báo rồi giấu kín trong góc tủ, chờ đến đêm đêm vùi xuống cống cho phi tang.

Đêm đêm tôi vẫn pha thuốc tím rửa vết thương rồi bôi pommát. Không hiểu làm sao tôi chữa “phản khoa học” như vậy mà chẳng làm sao cả. Vết thương bị pommát vít hết các lỗ chân lông, không rỉ nước vàng ra được sẽ lâu liền da, thế mà vết thương không hề mưng mủ.

Ai biết chuyện thám hiểm tòa lâu đài bỏ hoang mới thấy những ngày sau đây, tôi cố gắng đến mức thấp nhất việc sử dụng tay trái - nhất là khi ăn cơm, tôi chỉ nâng bát lên và cơm vào miệng rồi đặt bát xuống bàn ngay. Anh Phòng đêm đêm vẫn ngủ với tôi nhưng không hề biết gì. Tôi tự coi mình vừa trúng ngọn giáo của thổ dân trong một cuộc thám hiểm. Bây giờ tôi đang ẩn mình trong hang động để chữa lành vết thương. Tôi không dám rên, không dám kêu với ai và cũng không dám viết thư về Cửa Ông cho bố mẹ biết. Tôi cắn răng chịu cái đau một mình. Bây giờ tôi mới hiểu đây là lần đầu tiên trong đời tôi gánh chịu một cái đau về thể chất, không được lời an ủi, không được ai san sẻ cho cái đau dịu bớt. Sau này, tôi còn phải cắn răng gánh chịu những nỗi đau dai dẳng về tinh thần trong cảnh sống cô đơn giữa chốn đông người.

Thu, Tiết, Đông, Tùng chỉ lo tôi bị đâm vào chỗ phạm, khó tránh được cái chết. Để giữ bí mật cho những chuyến thám hiểm vừa qua, không thằng nào dám vào nhà bác Cẩn tìm tôi mà chỉ gặp anh Phòng hỏi dò tình hình về sức khỏe của tôi. Đứa nào cũng lo tôi chết xuống âm phủ, vong hồn tôi sẽ oán chúng nó cả đời.

Từ lâu xa vắng sự chăm sóc của bố mẹ, tôi đã quen. Chỉ có một lần tôi nằm mơ thấy mẹ đến chỗ tôi nằm, vừa thay băng cho tôi vừa hỏi: “Con có đau không?” Mẹ tôi chum miệng thổi vào vết thương của

tôi. Mẹ thối đúng góc nào thì góc ấy khỏi đau, khỏi nhức như cũ. Lúc này tôi mới thấy những đứa được sống gần bố, gần mẹ sướng thật. Mỗi lần mẹ chúng vuốt ve chúng, hình như cái đau cứ theo những ngón tay mẹ chạy sang hết người mẹ. Trời sinh ra người mẹ chỉ để hứng chịu những nỗi đau lớn, những nỗi đau nhỏ của đứa con mình đã đứt ruột đẻ ra. Tại sao tôi cũng có bố mẹ như những đứa trẻ khác nhưng trời lại không cho tôi ở với bố mẹ. Nếu tôi được ở với bố mẹ thì lúc này đây, bố sẽ bế tôi vào lòng, vừa vỗ nhẹ vào mông tôi vừa khe khẽ hát: “Đàn ai tiếng kêu ngoài thềm”, tôi sẽ quên hết cơn đau, đôi mắt tôi sẽ chìm trong giấc ngủ. Đến khi mẹ tôi đem chiếc khay đựng thuốc tím, bông băng rửa vết thương cho tôi, mỗi khi tôi kêu toáng lên “Đau quá!”, bố tôi khẽ bảo: Con càng kêu lại càng đau. Cẩn răng lại nào. Con đừng nghĩ đến cái đau nữa, cứ nghĩ đến con đi múa sư tử xem nào. Cắc tùng tình, tùng tình. Cắc tùng tình, tùng tình. Bây giờ con vờn gói phong bao đi này. Cắc tùng tình, tùng tình. Con cho con sư tử há mồm ra đón gói phong bao này. Cắc tùng tình, tùng tình. Xong rồi, mẹ thưởng cho con cái bánh ga tô kem đi nào.

Tôi cứ nằm cạnh anh Phòng, thả trí tưởng tượng trôi về với bố mẹ. Tôi thêm một ngày được sống gần bố mẹ. Thế mà lũ bạn tôi lại còn kêu ca: Mày được tự do hơn chúng tao đây. Chúng tao chỉ thêm được tự do như mày.

Sáu

Tình hình chiến sự khu vực Thái Bình Dương ngày càng căng thẳng. Cờ Mặt trời mọc cắm chi chít trên bản đồ chiến sự treo ở các nơi công cộng. Lũ học trò chúng tôi được học chương trình phòng thủ thụ động: cách nằm sấp để tránh bom, cách ngồi trong hố cá nhân, cách buộc khăn tay che mũi, che miệng chống hơi độc. Chúng tôi được phát một cái túi bằng vải bạt trong đựng bông băng, cái khăn tay, chai nước và một cái còi. Nếu bị sập hầm thì chúng tôi sẽ thổi còi cấp cứu, nếu quân Nhật thả bom chứa hơi độc thì chúng tôi đổ nước vào khăn tay rồi đắp khăn tay ướt lên mũi, lên miệng. Chúng tôi được hướng dẫn nếu ở trong nhà không chạy kịp ra hầm thì chọn chỗ góc tường mà nép mình vào.

Thỉnh thoảng còi báo động gắn trên nóc Nhà hát lớn lại rú lên từng hồi ngắn một. Chúng tôi chạy ra hầm, leo lên nóc hầm, ngửa cổ nhìn trời. Một lúc sau, tốp máy bay Zéro - máy bay chiến đấu của không quân Nhật - xuất hiện, vô đũa lách lách dưới ánh nắng mặt trời. Đạn pháo cao xạ của Pháp bắn lên nở thành những cụm khói đen đều “bám đuôi” tốp máy bay Nhật. Chúng tôi đã xem một lô phim thời sự Trung - Nhật chiến tranh chiếu ở các rạp nên cũng biết rằng máy bay muốn ném bom trúng đích phải bỏ nhào, lúc ngóc đầu lên mới cắt bom được. Mặc máy bay cứ bay ì ì trên đầu, chúng tôi vẫn ngửa cổ đếm máy bay và nghĩ rằng máy bay Nhật phải ném bom xuống trại lính Tây, xuống kho Anhtăngđăng chứ không ném vào chỗ dân đang ở. Nhật ném bom giỏi lắm, trong trận Trân Châu Cảng máy bay Zéro ném quả bom nào trúng tàu chiến Mỹ quả ấy, chắc khi đánh Hải Phòng máy bay Nhật chỉ ném bom có nơi có chỗ thôi.

Hồi ấy chưa có ban tư tưởng - văn hóa, không có ai định hướng tư tưởng cho chúng tôi. Chúng tôi chỉ tin vào Sấm Trạng:

Long vĩ Xà đầu khổ chiến tranh

Can qua xừ xừ khởi đao binh

Mã đề Dương cước anh hùng tạn

Thân Dậu niên lai kiến thái bình

Chúng tôi ngồi châu hầu nghe người lớn đoán: Long vĩ Xà đầu là cuối năm Thìn (1940), đầu năm Tị (1941), Hítle đánh Nga đỏ, đánh Pháp, đánh Ba Lan, Hungari, Bungari, Tiệp Khắc; Ý đánh Êtiôpi; Nhật đánh Tàu, đánh Mỹ, đánh Ănglê, chiếm Phi Luật Tân, Nam Dương quần đảo, Mã Lai, Xiêm La, Ấn Độ và các đảo của Mỹ ở Thái Bình Dương. Chiến tranh sắp lan đến Đông Dương. Mã đề, Dương cước là sang năm Ngọ (1942), Mùi (1943) những tướng tài giỏi chết hết thì đến năm Thân (1944), Dậu (1945) thế giới mới yên được. Lại còn câu Sấm truyền nữa:

Bao giờ sen mọc biển Đông

Cha con họ Nguyễn bế bồng nhau đi

Nguyễn đi thì Nguyễn lại về

Giặc đến Bồ Đề thì giặc lại tan

Người lớn truyền khẩu cho chúng tôi: sen mọc biển Đông có nghĩa là trên bản đồ Đông Dương đã xuất hiện quần đảo Paracelles (Hoàng Sa bây giờ), cha con họ Nguyễn tức là Bảo Đại và Bảo Long, Nguyễn lại về tức là ông Cường Để dòng dõi họ Nguyễn sang Nhật lấy công chúa Nhật Bản sẽ đem quân về quyết chiến với giặc Pháp một trận ở Bồ Đề, kết thúc chiến tranh.

Rồi một câu Sấm nữa cũng được truyền khẩu đến tai chúng tôi: “Vua về, chết bảy còn ba, đến khi vua ra, chết hai còn một”. Cứ trong ý tứ mà suy, vua về là ông Cường Để về nước - đúng là tình hình trong lúc này nhưng đến khi vua ra là bao giờ, mỗi người đoán một phách nhưng cuối cùng cái “chết hai còn một” mới làm mọi người lo lắng. Ngay lúc ấy khắp thành phố Hải Phòng, nhân dân bắt đầu chuyền tay nhau tờ Thánh Phán, đại ý là phải tu nhân tích đức, chăm cầu cúng lễ bái, chăm tô tượng đúc chuông thì mới qua khỏi cơn đại hạn này. Người nào chép đủ một trăm lần lời Thánh Phán chuyển cho một trăm người thì cũng tránh được tai ương.

Thế là người người chép lời Thánh Phán, nhà nhà chép lời Thánh Phán, lớp lớp chép lời Thánh Phán, trường trường chép lời Thánh Phán... đến nỗi người nào người ấy viết xong không biết chuyển cho ai nữa. Một số người phải đem dán vào cột điện, vào tường, vào cánh cửa nhà người khác, ai cũng yên trí mình sẽ thoát khỏi nạn “chết hai còn một”.

Ngồi đâu người ta cũng bàn về chuyện Nhật có nhảy vào Đông Dương hay không. Bộ quốc phòng Pháp mới tăng cường cho Đông Dương hai chiếc máy bay phóng pháo Farman và bốn chiếc máy bay khu trục Morane - loại máy bay cánh hình chữ nhật mà sau này bà con ta gọi là máy bay đầm già. Một hôm đi học, chúng tôi thấy Gravier, thanh tra học chính người Pháp đã mặc quân phục, đeo lon đại úy và cưỡi ngựa bạch đi đầu một đoàn lính tập - người nào người ấy quần mảnh vải đỏ ngang bụng. Đánh nhau to đến nơi rồi nhưng nhà trường vẫn chưa nhận được lệnh cho học trò nghỉ học. Nhà nào nhà ấy lo tích trữ gạo, muối, cá khô, tép khô, dầu hỏa, diêm còn lũ trẻ con lâu nay mới được nhìn thấy chiến tranh ở các buổi chiếu phim thời sự trên màn ảnh nên chỉ ngong ngóng quân Nhật vào đánh nhau với Tây để mình được xem chiến tranh nó như thế nào.

Hồi đó các ông trong phố thường bàn tán với nhau ngày trước ông Cường Để có dẫn nhiều người trốn sang Nhật nay thế nào những người ấy cũng quay trở lại đánh nhau với Tây. Người thì bảo thằng Nhật ác lắm, giết người như ngóe. Chúng tôi lại càng kinh. Lại càng nghe nói quân Nhật đi đến đâu là “tam quang” (ba sạch: đốt sạch, phá sạch, giết sạch) đến đó. Chúng giết hết đàn ông chỉ để lại đàn bà, chúng cho lính Nhật lấy đàn bà để đẻ ra toàn những thằng Nhật lai rồi chúng mộ những thằng không có

bổ ấy vào lính cảm tử. Có ông nghe hơi nôi chõ ở đâu rồi về cũng nói như chính mắt mình nhìn thấy: ở Cao Ly, quân Nhật đến làng nào đi thu hết dao ở các gia đình, mỗi làng chỉ giữ được một con dao thái thịt. Ai mổ cá, thái rau, pha thịt cứ phải đến nhà ông lý trưởng mà làm. Ở Trung Quốc, Nhật đóng quân ở đâu, một người lính của nó bị giết, nó bắt mười người trong làng đào cái hố rỗ to rồi nó đẩy mười người ấy xuống chôn sống luôn.

Tình hình đang nhộn nhạo như thế thì cô Bích, em gái bác Cần, sắp đẻ dọn nhà về đây. Chú Bích là công nhân cơ khí nhà máy tơ, về đây chú đi làm cho gần.

Ít lâu sau cô Bích sinh em Trà. Anh Phòng và tôi ngày ngày phải cung cấp hai bát nước tiểu cho cô uống để phòng hậu sản. Cô Bích chê anh Phòng hay ăn mặn nên bát nước tiểu nào của anh cũng mặn. Còn tôi từ ngày bé đã ôm mộng phiêu lưu nên ngày nào cũng ăn nhạt, ít chan canh, uống ít nước, ngủ không gối nên bao giờ cũng cung cấp loại nước tiểu hợp khẩu vị các bà đẻ nên dần dần cô Bích “cắt suất” của anh Phòng.

Hôm ấy, cô Bích vừa uống xong bát nước phòng hậu sản, còi Nhà hát lớn đã rú liên tục. Cả nhà chưa kịp ra hăm thì tiếng oành oành ở trên phố vọng xuống làm cả nhà cứ rối tinh cả lên.

Anh Phòng thích chí reo lên: “Hệ ơi! Chiến tranh rồi”. Tôi quay lại bảo anh: “Nghe như tiếng D.C.A (súng phòng không)”. Cô Bích đánh rơi cái bát xuống đất, miệng thì “nam mô a di đà Phật”, tay thì nhét đồng quần áo cũ vào bị, khi bị đầy, cô lại rút hết quần áo cũ ra, nhét đồng quần áo mới vào. Anh Phòng và tôi nhanh chóng lấy túi phòng không đeo qua vai. Bác trai và bác gái dắt “bọn con gái” xuống cầu thang rồi hét chúng tôi chạy ra khỏi nhà. Chú Bích chạy về bế em Trà, tay dắt cô Bích: “Mau lên!” Vai đã đeo bị quần áo rồi, tay kia cô Bích vẫn vờ vờ lấy cái vỏ chăn định đem đi nốt. Chú Bích chờ cô ôm cái vỏ chăn vào ngực rồi kéo cô đi: “Người làm ra của chứ của không làm ra người. Chạy nhanh đi không có ‘nó’ quay lại ‘nó’ tương cho vài quả nữa thì thấy ông bà ông vải”.

Hai bác tôi, “bọn con gái” và anh em tôi chạy ngược lên phía trại lính khố xanh. Một đoàn người lại chạy từ trên trại lính khố xanh xuống vừa chạy vừa kêu: “Ồi các ông các bà ơi, nó ném bom xuống Cầu Đất rồi”. Anh Phòng máy miệng hỏi: “Nó ném bao nhiêu quả bom, bà ơi”. Bà ta vừa rảo bước vừa nói: “Ồi trời, khói đen mù mịt, không đếm được”. Ngoài đường người chạy xuôi, người chạy ngược cứ nhộn nhạo cả lên. Nhà nào cũng cố chạy ra khỏi nhà cái đã nên người khác lại đâm bổ vào chỗ người trước vừa bỏ đi. Chạy đến đâu cũng lo ngay ngáy bom lại rơi đúng chỗ mình vừa đến. Tình hình “chạy quần” này đã được báo Ngày Nay vẽ tranh biếm họa vào ngay bìa 1. Hai ô tô hàng đựng đầu nhau, một ông thò cổ ra khỏi khuôn cửa hỏi ông ở xe bên kia: “Ông chạy đi đâu đấy?” Trả lời: “Tôi ở Ninh Bình chạy ra Thanh Hóa. Còn ông?” Lại trả lời: “Tôi ở Thanh Hóa sợ quá phải chạy ra Ninh Bình”.

Thực ra hôm ấy máy bay Nhật chỉ ném có ba quả bom cỡ 250 kg xuống gần barie xe lửa ở trên Cầu

Đất thôi. Thế mà đã làm cho dân Hải Phòng rối tinh lên rồi. Khắp đường phố Hải Phòng chỉ còn những người chạy xuôi và những người chạy ngược. Người nào cũng cố chạy nhanh khỏi chỗ mình đang dừng chân, sợ bom Nhật ném xuống đầu và cố chạy đến một nơi xa hơn hòng tránh được trận bom bất thành linh. Sấm Trạng Trình còn có câu “Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống”, bây giờ mới thấy Sấm nói chẳng sai lời nào.

Hai bác tôi tính cứ chạy ra khỏi thành phố là chắc sống nên dẫn chúng tôi chạy sang Kiến An. Ông bà cho rằng máy bay Nhật chỉ ném bom vào thành phố thôi chứ không đủ bom vãi hết vùng nông thôn. Anh Phòng kêu mỗi chân quá, hai bác tôi dẫn chúng tôi vào một cái quán ven đường, gặp đúng bà hàng xôi ở Kiến An sợ quá chạy sang đây. Lúng túng thấy người nối đuôi nhau chạy sang Kiến An, bà đành đội thúng xôi vào đây ngồi thở còn bà bán bún riêu đang bày hàng ở đây sợ quá dọn vội hàng về Kiến An. Các anh các chị tôi vốn không thích ăn của nếp nhưng đói quá phải ăn vậy. Một số người thấy chúng tôi ăn cũng sà vào mua xôi. Bác gái tôi bảo: “Đây bà xem, chúng tôi đã mở hàng cho bà là tha hồ đất khách”.

Bây giờ tôi mới có thì giờ ngắm nơi mình vừa “chạy loạn” tới. Mấy đám khói pháo cao xạ của Pháp theo đà gió tan dần. Chúng tôi nghiêng nghiêng ngó ngó khắp bốn phía cũng không nghe thấy tiếng máy bay nữa. Nhưng ở các gốc cây hai bên đường cạnh quán, một toán lính khố đỏ ngang lưng quần mảnh vải đỏ - biểu tượng cho ý chí “đã đánh thì đánh đến chết mới thôi” - đang chia nhau nằm phục bên từng gốc cây một, nòng súng lấp lười lê trần đều chĩa về phía trước. Trốn mồm chó lại gặp ngay vó ngựa rồi, hai bác tôi lại dẫn chúng tôi quay trở lại thành phố. Thì ra bác cháu tôi chạy đúng vào chỗ Pháp đang dàn quân bảo vệ cầu Niệm. Anh Phòng dắt tôi lùi lại: “Thế nào cũng bắn nhau ở đây”. Tôi cũng thích xem hai bên bắn nhau, mình tha hồ nhặt vỏ đạn về chơi.

Chúng tôi đang mỗi mắt chờ đợi thì bác gái quay lại tìm chúng tôi. Thì ra đi được một quãng, bác trai “điểm quân” thấy thiếu hai thằng mũ gậy bèn giục bác gái quay lại tìm. Một số gia đình cũng hót hơ hót hải đi tìm con bị lạc.

Thấy hai bác dẫn chúng tôi quay về, những nhà định chạy qua cầu Niệm sang Kiến An ngơ ngác hỏi: “Sao ông bà lại về?” Bác gái tôi bảo: “Pháp đang dàn trận. Ở đấy chẳng phải đầu cũng phải tai”.

Các cụ thường dạy con cháu: “Có ăn tìm đến, đánh nhau tìm đi”, phúc bảy mươi đời cho hai anh em chúng tôi, nếu lúc ấy quân Nhật đổ bộ vào, quân Pháp đánh chặn, chắc chắn hai thằng trẻ con sẽ chết tan xác trong hai làn đạn. Cái chuyện ngớ ngẩn này có tác dụng trấn an tôi trong những lúc nguy hiểm. Đáng lẽ mình đã chết từ hôm Nhật và Pháp gầm ghè ở đầu cầu Niệm rồi. Tôi tự động viên mình như thế.

Về đến nhà, chị sen bắc nồi thổi cơm. Chú Bích dìu cô Bích diều đèn cù một vòng khắp thành phố cũng trở về nhà. Cả dãy Ao Than - Lạc Viên, nhà nào nhà ấy lại đâu ngồi yên đấy. Một lúc sau chú

Phan chạy về, vừa vào đến cửa chú đã với vọng vào: “Tây hàng rồi!” Cả nhà thích chí coi như mình vừa qua một cơn chết hụt. Ai nấy chạy xúm quanh chú Phan. Chú kể: “Thằng Tây dàn trận ở đầu cầu Niệm quyết đánh đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ Hải Phòng, không cho lọt vào tay quân Nhật. Tàu ngầm Nhật vừa nổi lên ở đò Khuê, tàu đổ bộ chở xe tăng của Nhật lên đò Khuê rồi tăng nổi đuôi nhau bò như cua trên đường, quân Pháp đã xin đầu hàng. Quân Nhật bắt ông Sáu (đại tá) chỉ huy quân Pháp ở Hải Phòng phải hạ lệnh cho quân rút hết về trại, khiêng các cỗ súng lớn vào kho và trải vải trắng lên mặt cầu. Ông Sáu Tây đứng sẵn ở đây chờ xe tăng Nhật đến hai tay dâng kiếm nộp cho Nhật coi như đầu hàng vô điều kiện. Thế là xe tăng Nhật cứ như cua bò chạy rầm rầm qua cầu Niệm.

Cả nhà chưa kịp ăn cơm đã nghe tiếng người reo ầm lên ngoài phố rồi đến tiếng động cơ ầm ầm. Anh Phòng chạy ù ra cửa rồi quay đầu lại gọi tôi: “Nhật! Nhật! Đông lắm Hệ ơi”. Tôi chẳng biết mô tê gì cũng vừa chạy vừa reo: “Nhật! Nhật!”

Người đứng chật vĩa hè. Dưới đường một đoàn xe tăng Nhật sơn loang lổ, cờ Mặt trời mọc cắm trên tháp pháo đang lăn bánh, chiếc nào chiếc ấy to hơn hẳn những chiếc “tàu bò” cỡ nhỏ của Pháp thường điều binh trong ngày cát tó dui dê (14-7) và ngày mừng chiến thắng 11-11. Hình như bộ tham mưu quân Nhật sắp xếp đầu vào đây rồi nên đoàn xe tăng chạy quá nhà chúng tôi là quay mũi chồm lên bãi cỏ Máy Tơ, dàn đội hình vây vòng quanh bãi cỏ. Một lúc sau bộ binh Nhật mới tiến vào, thằng nào thằng ấy mặc bộ quần áo màu cứt ngựa, chân quần xà cạp và nện giày đóng đinh sắt, đầu đội mũ lưỡi trai có bốn miếng vải che phía sau gáy. Mỗi thằng đeo một chiếc mũ sắt buộc vào ba lô, một bi đồng cài ngang thắt lưng, một cái sàng úp mặt vào nắp ba lô... Chúng tôi đã từng xem lính Nhật trên màn ảnh, hôm nay trông chúng vẫn như thế nhưng được nhìn tận mắt, được nghe chúng vừa đi vừa hát nghe rất vui tai. Chúng điều binh theo đội hình đại đội, nửa đại đội đi trước hát một câu, nửa đại đội đi sau hát lại câu ấy theo đúng nhịp giày đinh nên cồm cộp xuống mặt đường nhựa. Nhịp hành khúc đã hùng dũng, giọng lính Nhật đã vang, lại hát với tư thế người chiến thắng, bản tiến quân ăn khớp với tiếng giày đinh làm cho cả khu phố náo động. Tiểu đội đi sau cùng mang lá cờ trắng có in dòng chữ xanh Domei. Hãng thông tấn Domei cũng cử phóng viên theo sát các đơn vị tác chiến. Về sau tôi mới biết cái hãng thông tấn này chuyên nuôi vịt và ngày ngày thả vịt để đánh lừa thiên hạ. Cứ nghe tin của hãng Domei quân Nhật chỉ có thắng, mỗi bản tin lại chiếm một cứ điểm mà “quân Nhật hoàn toàn vô sự”, cứ coi như chiến tranh chỉ là những buổi bắn bia nổi dãi. Quân Trung Quốc, quân Anh, quân Mỹ chết như ngả rạ còn quân Nhật chỉ tiến mà không bao giờ thương vong. Kể cả lúc quân Nhật bị đánh phải chạy re kèn, hãng Domei vẫn đưa tin quân Nhật đang... tiến. Vì người nghe tin, người đọc báo làm gì có bản đồ chiến sự ở trước mặt nên hãng Domei cứ đưa tin thoải mái. Hôm đầu hãng Domei đưa tin chiến xa của Nhật đang tiến chỉ còn cách Nam Kinh 20 kilômét. Hôm thứ hai hãng Domei tiếp tục đưa tin quân đội Thiên Hoàng tiến cách Nam Kinh 27 kilômét, người xem phải hiểu ngầm rằng quân Tưởng Giới Thạch đã đẩy lùi mũi tấn công của quân Nhật thêm 6 kilômét. Ngày thứ ba hãng Domei đưa tin

quân Nhật tiến cách Nam Kinh 35 kilômét nghĩa là trên thực địa quân Tưởng Giới Thạch đã đẩy lùi quân Nhật thêm 8 kilômét nữa. Ngày thứ tư, hăng Domei lại đưa tin quân Nhật đang tiến cách Nam Kinh 42 kilômét. Người nghe và người đọc phải hiểu ngầm rằng quân Tưởng Giới Thạch đã mở cuộc phản công giải vây cho Nam Kinh, đánh đuổi quân Nhật chạy thêm 7 kilômét nữa. Đến ngày thứ năm, hăng Domei lại đưa tin quân Nhật tiến cách Nam Kinh 48 kilômét nghĩa là trên thực địa chiến trường quân Nhật phải lùi thêm 6 kilômét nữa. Đến ngày thứ sáu hăng Domei lờ đi không đưa tin về mặt trận Nam Kinh nữa nghĩa là trận phản công của Tưởng Giới Thạch giải vây cho Nam Kinh đã thắng lợi. Hăng Domei cứ nói quân Nhật tiến nhưng trên chiến trường quân Nhật cứ lùi, chữ “tiến” trong bản tin chính là từ đồng nghĩa với vị trí đóng quân hiện tại cách xa mục tiêu tấn công mà thôi. Vì thế những thằng hay bốc phét ở lớp, chúng tôi gọi chúng nó là hăng Domei, chuyện bịa chúng tôi gọi là tin Domei. Hăng Domei còn khinh thiên hạ đến mức hôm trước đưa tin quân Nhật chiếm được Trương Gia Khẩu nhưng đến hôm sau đã đưa tin không quân Nhật đã oanh tạc Trương Gia Khẩu. Chẳng lẽ không quân Nhật định tàn sát bộ binh Nhật ở Trương Gia Khẩu chẳng. Không phải, thực ra là quân Nhật vừa chiếm được Trương Gia Khẩu nhưng quân Tưởng Giới Thạch đã mở cuộc phản công tổng cổ quân Nhật ra khỏi đó nên bộ binh Nhật phải điện cho không quân đến đánh phá. Đến ngày thứ ba, hăng Domei lờ tin mặt trận Trương Gia Khẩu.

Bọn lính Nhật nghỉ tại chỗ trên dãy vỉa hè đối diện với bãi cỏ Máy Tơ ngồi chờ bọn sĩ quan vào nhận vị trí đóng quân.

Người lớn cứ đứng xa mà nhìn. Chẳng hiểu bọn này như thế nào, vô phúc nó lấy lưỡi lê xiên cho một phát là toi đời. Lũ trẻ con chúng tôi cứ chạy ùa đến chỗ bọn lính Nhật đang ngửa cổ dốc bi đông nước mà uống. Anh Phòng và tôi đi một vòng qua từng đại đội một xem có ông lính răng đen của phò mã Cường Để hay không. Chẳng có người lính Nhật nào để răng đen cả. Một vài thằng lính Nhật vung tay vời vời chúng tôi nhưng chúng tôi chỉ đứng nhìn. Một thằng lính Nhật rút trong túi áo ngực ra một tấm ảnh, giơ lên cho chúng tôi nhìn rồi lấy ngón tay vỗ đập đập vào tấm ảnh và đập đập vào ngực mình. Chúng tôi vẫn lắc đầu. Thằng lính Nhật lại giơ tấm ảnh chụp thằng bé con lên cao rồi ê a điệu hát nghe như giọng ru con. Thì ra nhớ con là chuyện thường tình của người cha dù sống ở nước nào.

Một lúc sau, bọn sĩ quan đi nhận vị trí đóng quân đã trở về. Một thằng chỉ huy phát khẩu lệnh. Bọn lính đứng ngay dậy, chỉnh đốn hàng ngũ rồi bước rầm rập qua đường sang bãi cỏ Máy Tơ.

Chúng dựng tăng rất nhanh. Bọn lính Nhật xách xô bằng vải bạt ra máy lấy nước. Gặp các cậu nhỏ, các cô sen, thằng lính Nhật nào cũng giơ tay vỗ vào người ta: “An nam giô tô” (An nam tốt), rồi trở tay về phía dãy nhà cao tầng: “Phu ran xư giô tô nai” (Pháp không tốt). Các cậu nhỏ, các cô sen vội rút thùng ra nhường cho bọn lính Nhật lấy nước trước nhưng bọn lính Nhật vội xua tay rồi trở trở vào anh chị em. Chúng ra điều anh chị em cứ lấy nước trước. Có thằng còn trở tay về phía chị em nói: “An

nam giô tô” rồi lấy ngón tay cái và ngón tay trỏ kéo cái mũi dài ra: “Phu ran sư giô tô nai”. Chẳng cần học tiếng Nhật chúng tôi cũng hiểu chúng khen Việt Nam tốt, thằng Pháp mũi lõ không tốt, nhưng bọn chỉ điêm bây giờ đông như rươi, chúng nó thấy mình cười đùa với bọn Nhật, chúng nó cứ ghi tên mình vào sổ đen, bất thành linh chúng nó gọi mình lên “xuyrotê” ăn đòn “xăngtan” thì cứ gọi là sặc son.

Có lẽ bộ tham mưu Nhật đã đánh dấu từng cứ điểm trên bản đồ thành phố từ lâu rồi nên chỉ nội ngày hôm ấy, quân Nhật đã cắm xong hệ thống doanh trại. Lính Pháp và lính khố đỏ vẫn ở trại Bu-ê, lính khố xanh chỉ quanh quẩn ở trại Cầu Đất. Cụ đội Thực vẫn đạp xe đi tuần, ngang lưng vẫn đeo bao súng ngắn nhưng không phòng như những hôm trước vì bây giờ bao súng ngắn chỉ đựng bao điêm và gói thuốc lào. Nhà ông TT ở đầu ngã ba trước đây các cô con gái chỉ tiếp khách Tây, đêm đêm xe nhà binh đỗ kín vỉa hè, bây giờ các cô con gái ông TT chỉ tiếp khách Nhật. Mỗi lần tên sĩ quan đeo kính trắng, tay khoác vai con gái ông TT lê ủng sên sệt trên hè, ông TT đứng ở cửa nhìn tên sĩ quan Nhật mở cửa bước vào trong chiếc ô tô sơn màu cứt ngựa, trông ông nghênh cái mặt lên lấy điều làm vinh. Rạp Lido vắng hắt bóng dáng các sĩ quan Pháp, các cô cavalié lại ôm bọn sĩ quan Nhật nhảy theo điệu nhạc xưa. Các cặp tình nhân trên sàn nhảy xây đắp nhịp cầu hữu nghị Việt - Nhật bằng tay. Lác đác trong thành phố đã có vài lớp dạy tiếng Nhật. Trên các quầy sách báo đã xuất hiện *Tiếng Nhật thực hành*, *Học cấp tốc tiếng Nhật* nhưng không đâu nhanh bằng hội “bầu xấu” (trèo me, trèo xấu) sớm nói tiếng Nhật nhất. Ngày thường gặp bọn lính Tây, chúng nó vừa chạy theo vừa chìa tay “donnê moa” (cho tôi), gặp bọn lính thủy Mỹ trên tuần dương hạm Canopus đến thăm cảng Hải Phòng, hội “bàn tay chìa” ấy đã biết “ghivơ mi” (cho tôi). Bọn Mỹ khoái chí rút nắm tiền lẻ trong túi ra tung hê rồi neho mắt nhìn lũ “bầu xấu” tranh nhau nhặt. Bọn Nhật mới đóng quân ở bãi cỏ Máy Tơ hôm trước thì hôm sau, chúng tôi đã thấy thằng lính Nhật nào đi qua, bọn “bầu xấu” lại chạy đến chìa tay ra “Anata bé con xin cho”. Té ra cái hội “bàn tay chìa” là hội có nhiều năng khiếu học ngoại ngữ nhất, cái bao tử bao giờ cũng giỏi nhớ tiếng nước ngoài hơn cái đầu.

Sau này được may mắn tiếp xúc với đủ loại người, tôi mới thấy thời nay các chi nhánh của hội “bàn tay chìa” ấy không ngừng lớn mạnh, đã nhanh chóng vượt ra ngoài khuôn khổ những hội viên sáng lập là bọn “bầu xấu” quần áo xóc xếch, mặt mũi lọ lem. Hội “bàn tay chìa” bây giờ đã phát triển đến các ông béo nung núc có đủ học hàm, học vị, mặc complê, cravat, đi giày da, xách ca táp bóng lộn. Chỗ nào “măm” được là các quý ông “bàn tay chìa” đã tranh giành nhau “học” đến, giật bằng được một suất, mặc dù trước đó, các ông thánh mũi ấy đã từng chửi thậm tệ bọn đang chi tiền là kẻ thù không đội trời chung, tưởng chừng ông sẽ đeo đẳng mối thù muôn đời muôn kiếp không tan. Cái khác nhau giữa hội “bàn tay chìa” của bọn “bầu xấu” với cái hội “bàn tay chìa” thời hiện đại là bọn “bầu xấu” vốn đã biết thân biết phận mình hèn, chỉ biết lạng lẽ kiếm ăn, còn các ông “bàn tay chìa” bây giờ tuy “măm” trước thiên hạ nhưng lại lên giọng đạo cao đức trọng dạy dỗ dân đen - những người muôn đời đứng ngoài danh sách phân chia của những ông nhanh mắt, nhanh chân, nhanh tay đang tranh giành nhau đô

la, phrăng, đêmac.

Khi quân Nhật chưa tràn vào Hải Phòng, chúng tôi đi xem những thước phim thời sự Trung - Nhật chiến tranh, thấy những cảnh quân Nhật bắn giết người Trung Quốc, quân Nhật đốt phá xóm làng người Trung Quốc, rồi chúng tôi xem báo thấy những tấm ảnh quân Nhật chặt đầu người Trung Quốc đem bêu ở dưới cổng thành - những thước phim và những tấm ảnh này đều do các nhà báo phương Tây thân Trung Quốc thực hiện nên chúng tôi đều sợ quân đội Nhật. Thấy viên sĩ quan Nhật đeo thanh kiếm, nện gót ủng da xuống hè kêu côm cốp, chúng tôi tìm cách tránh đường. Bọn lính Nhật ủa vào trong Ao Than - Lạc Viên chơi, chúng tôi bảo nhau tránh mặt. Chúng thường vẫy tay gọi: Việt Nam giô-tô! Chúng tôi cứ lắc đầu chuồn thẳng.

Đơn vị bộ binh Nhật đóng ở Bãi cỏ Máy Tơ vừa rút vào doanh trại, một đơn vị kỵ binh Nhật lại đến dựng trại đóng quân. Bên cạnh mỗi cái tăng, chúng lại đóng một cái tàu ngựa lộ thiên, buộc dây cương vào xà ngang những con ngựa Mãn Châu ức nở, bụng thon, to cao hơn đàn ngựa vẫn thi ở Quần Ngựa thành phố.

Bọn kỵ binh Nhật này rất thích học tiếng Việt. Bọn bầu xấu thường dạy xỏ chúng, gặp người Việt Nam thì chào: Tôi ăn cứt chó! (Hoặc là) Tiên nhân tôi! Dần dần bọn kỵ binh thấy chúng chào ai người ấy lại bưng miệng cười, chúng hỏi dò mới biết là bọn bầu xấu chỉ dạy những câu bộ láo, chúng không nhờ bọn bầu xấu dạy tiếng Việt nữa. Thấy chúng tôi cấp cấp đi học, bọn kỵ binh thường đến làm quen. Có đứa xoa đầu chúng tôi xong lại lấy ngón tay trở vào ngực chúng ra cái điều con chúng cũng học như chúng tôi. Có đứa còn mở ví lấy ra từng tấm ảnh trẻ con Nhật Bản, trở ngón tay vào trong ảnh rồi trở ngón tay vào ngực mình. Có đứa thấy một chị bé con đi qua, vội chạy ra, ra hiệu cho nó bé một tí. Trông nó bé đứa trẻ, miệng ê a câu hát ru tiếng Nhật, chúng tôi bớt sợ rồi tò mò đứng lại theo dõi xem chúng giở những trò gì. Thấy chúng tôi đá bóng trên hè, bọn lính Nhật cũng đứng xem. Khi chúng tôi chuyền bóng vọt ra ngoài “biên” hay dùng chân đón bóng không khéo để bóng bật ra “biên ngang”, một tên lính Nhật lại chạy theo dùng chân giữ bóng lại rồi đánh gót trả lại bóng cho chúng tôi. Có khi đường bóng vọt ra ngoài “biên ngang” cao quá, thằng lính Nhật lại ngửa người đón bóng rồi đánh đầu chuyền bóng cho thủ môn. Mỗi khi chúng tắm cho ngựa, thấy chúng tôi đi qua thế nào cũng có một tên kỵ binh giơ tay vờی chúng tôi vào. Một tên kỵ binh bế phốc từng đứa ngồi lên lưng những con ngựa chưa kịp tắm rồi lại dắt ngựa đi vòng quanh chiếc tăng đã chiến. Quen mui thấy bụi ăn mãi, từ đây chúng tôi làm xong bài lại chạy sang chỗ bọn kỵ binh Nhật đóng quân chơi với chúng. Chúng dạy chúng tôi hát, chúng tôi cứ í ới hát theo mà chẳng hiểu mình đang hát cái gì, câu hát ấy có ý nghĩa gì. Bác gái tôi thấy anh Phòng và tôi thường theo chúng bạn đến dãy lều đã chiến của bọn kỵ binh Nhật đã đi: Mặt thám đông như giò, bây giờ nó chẳng nói gì đâu nhưng cứ ghi tên mình vào sổ đen, lúc nào cần trị thì nó mới trị. Đừng đứa nào đến chỗ lính Nhật chơi nữa.

Đùng một cái, hôm ấy chúng tôi vừa đi học về, một lũ lính Nhật ủa vào nhà. Một người ở trong phố biết đôi ba câu tiếng Nhật nói xì xà xì xồ với chúng rồi quay sang nói với bà con trong phố: Thằng bác sĩ thú y mất cái bơm tiêm, nó đang đi tìm đĩa nào lấy. Bọn chúng tôi sợ xanh lè mắt ra, rồi cứ thế máy nhau lĩnh khỏi nhà trốn biệt. Bọn Nhật sục sạo một lúc rồi tìm ông biết tiếng Nhật xì xồ câu gì đó. Ông biết tiếng Nhật cũng xì xà xì xồ lại. Bọn Nhật gật gật đầu rồi rút dần về dãy lều bạt dã chiến. Sau này ông biết tiếng Nhật mới nói cho chúng tôi nghe, ông bảo bọn lính Nhật: Bọn học trò của chúng tôi ngoan lắm, không biết ăn cắp là gì. Cửa ai rơi ngoài đường, chúng nó không nhặt. Có thể lúc báo động, các ông phóng ngựa vào trong làng, tránh máy bay Mỹ, đánh rơi ống tiêm. Bọn Nhật lại phóng ngựa vào trong làng. Một ông đánh dậm nhặt được cái bơm tiêm ấy đem trả, thằng bác sĩ thú y ấy sướng quá cứ “Arigatô, arigatô” mãi.

Tình hữu nghị Việt - Nhật do bọn kỵ binh dày công vun đắp thế là kết thúc bằng một màn bi kịch kinh hoàng. Từ đây không đĩa nào dám đến chơi với bọn lính Nhật nữa. Đêm đêm các cô gái điếm bắt đầu lãng vãng ở gần khu lều dã chiến chấp lại mối tình hữu nghị đã bị đứt đoạn bằng một câu tiếng Nhật bồi: Anata, sùng sục, sùng sục. An nam giô-tô!

*

* *

Lớp học chúng tôi không có gì thay đổi. Thầy Triệu được đổi lên dạy lớp cao đẳng (cours supérieur), thầy vẫn rèn chúng tôi chương trình ôn tập thi tốt nghiệp Sơ học Pháp - Việt và chương trình thể dục cấp II. Cả lớp chỉ có dăm ba đĩa đi học tiếng Nhật vì theo chúng nó “quân tử phòng thân, tiểu nhân phòng bị gậy”, biết thêm được cái gì thì ắm vào thân cái ấy. Phần lớn chúng tôi lao đầu vào chương trình ôn tập cũng đã vắt vả rồi. “Một cái nắm chắc trong tay còn hơn hai cái mà ta chưa biết bao giờ mới có”, câu chuyện con chó ngoạm miếng thịt chúng tôi học từ hồi lớp sơ đẳng ít nhiều phải suy ngẫm: khi chạy qua cầu, con chó nhìn xuống sông lại thấy một con chó khác cũng đang ngoạm một miếng thịt nhưng vì nhìn nước chảy lặn tăn nên chó cứ tưởng miếng thịt ấy to hơn miếng nó đang ngoạm trong mõm. Con chó nhả miếng thịt đang ngậm ra rồi nhảy xuống sông đuổi theo miếng thịt in bóng trên mặt nước. Cuối cùng miếng thịt đã từng ngậm bị nước cuốn trôi đi mất còn miếng thịt nó đang bơi đi tìm lại chẳng thấy đâu.

Chú Phan đi học tiếng Anh. Chú rất cần một người đối thoại để thực hành những điều đã học được. Đêm về chú Phan lại giảng bài tiếng Anh cho tôi. Chú bảo: Tiếng Anh là tiếng quốc tế, các hiệp ước trên thế giới đều phải dịch một bản sang tiếng Anh. Biết tiếng Anh lợi lắm, đi đến bất cứ nước nào trên thế giới, ta cứ “nỏ” dăm ba câu tiếng Anh là thế nào cũng có người nói chuyện với mình, không sợ cảnh “ông nói gà, bà nói vịt” nữa. Vốn mang dòng máu giang hồ, tôi thầm ao ước một ngày nào đó sẽ cưỡi con tàu rẽ sóng vượt đại dương đến một cảng nước ngoài, tôi sẽ thỏa thuê nói tiếng Anh với một

người trên bến cảng. Tôi sẽ kết bạn với người nước ngoài ấy rồi lại rời bến, đi tới cặp một bến cảng khác và lại gặp thêm bạn mới.

Trong cả cuộc đời, tôi chưa gặp người bạn nước ngoài nào trên bến cảng. Năm 1966, quân dân Nam Hà vây bắt được một phi công Mỹ. Vốn liếng tiếng Anh ềnh ềnh như thế, tôi được cán bộ dịch vụ của Tỉnh đội cử ra làm phiên dịch cho buổi thẩm vấn tại trận. Rồi lần sau, tôi đi theo dân quân Kim Bảng săn lùng một phi công Mỹ nhảy dù xuống dãy núi chín mươi chín ngọn. Tôi là người duy nhất biết tiếng Anh nên sĩ quan chỉ huy cuộc săn lùng đó cử tôi làm phiên dịch cho cuộc thẩm vấn ở giữa rừng sâu.

Tôi chỉ được nói tiếng Anh với kẻ thù. Mãi đến năm 1988, trong chuyến đi Liên Xô dự Hội thảo Quốc tế về Văn học, tôi mới được nói tiếng Anh suốt ngày đi và ngày về ở lưng chừng trời với các cô tiếp viên hàng không người Nga. Lần đầu tiên tôi được nói tiếng Anh với bạn bè của mình. Chuyện này thôi không nói nữa.

Lại nói về chuyện tôi đi thi Sơ học Pháp - Việt.

Hàng ngày, chú Phan vẫn kèm tôi làm bài tập và đến chủ nhật anh Nhường thường hướng dẫn cậu Phong làm nhiều dạng bài tập theo các đề thi những năm trước, anh gọi Thu, Đông, Tiết và tôi cùng đến nghe giảng chung với Phong.

Sắp đến ngày tôi đi thi, mẹ tôi ở Cửa Ông về Hải Phòng. Bà đã đi các đền Thượng, đền Hạ cầu xin các thánh phù hộ cho tôi đỗ. Nhưng khi mẹ về đến đây, bác Cẩn gái lại dẫn mẹ đi khắp các đền phủ ở Hải Phòng - có cả Miếu Cây si nổi tiếng về con rắn đầu in chữ vương về ngự. Đến sát ngày thi, mẹ tôi vẫn chưa yên tâm, lại đến nhà một ông thầy bốc quẻ hay lắm, xin thầy đoán cho cung tử tức. Thầy gieo quẻ xong nói ngay: Cậu cả sau này sẽ ăn nên làm ra. Mẹ tôi cứ hỏi xoáy vào kỳ thi sơ học Pháp - Việt lần này. Ông thầy lại gieo quẻ rồi nói luôn: Đỗ. Thế nào cũng đỗ. Có âm phù dương trợ, thế nào cũng đỗ.

Đến ngày thi, cậu Kiềm đã lên học Trường Kỹ nghệ Thực hành ở Hà Nội rồi, bác Cẩn gái sai chú Phan dẫn tôi đến tận cửa phòng thi.

Thi sơ học Pháp - Việt, chúng tôi phải qua hai vòng: vòng thứ nhất thi viết, vòng thứ hai thi vấn đáp. Tôi chỉ sợ thi vấn đáp. Những người đã thi những năm trước thường kể: Mụ Jirankov - các anh ấy thường gọi là Xỉa-răng-cốp thường ra những câu hỏi hóc búa, ta trả lời được, mụ Xỉa-răng-cốp lại vận tới vận lui, dồn ta vào chân tường. Đầu óc tôi luôn luôn bị mụ Xỉa-răng-cốp ám ảnh. Mỗi lần học bài ôn thi, một mụ già mũi khoằm, răng nanh chìa ra ngoài miệng cứ hiện ra trước mắt. Tôi chưa bao giờ gặp mụ Xỉa-răng-cốp nhưng cứ nhìn hình các mụ phù thủy minh họa trong truyện tôi lại tưởng tượng ra mặt mũi độc ác dữ dằn của mụ.

Cái gì phải đến đã đến.

Tôi vượt qua vòng thi viết một cách dễ dàng. Bước vào vòng thi vấn đáp, người đầu tiên tôi phải đụng đầu là cụ Xỉa-răng-cọp. Tôi vừa bước vào phòng thi đã nhìn thấy một người đàn bà Pháp cao to, mũi không khoằm, miệng không có hai răng nanh như tôi thường tưởng tượng, thế mà người tôi cứ run lên đùng đùng. Bà ta hỏi tôi về nữ anh hùng Jeanne d' Arc. Câu hỏi không có gì khó, tôi đã học thuộc chương trình lịch sử Pháp, đã đọc truyện Jeanne d' Arc, đã xem phim Jeanne d' Arc nhưng không hiểu vì sao lưỡi tôi cứ lú lút. Bà Xỉa-răng-cọp hỏi tiếp: “Câu ấy đối với cậu bé có khó lắm không? Tôi hỏi câu khác nhé”. Một thân một mình trong phòng rộng thênh thang, không biết có phải Trời Phạt sang tai không mà tự dưng tôi trả lời: “Thưa bà, lần đầu tiên tôi được hân hạnh nhìn thấy một phụ nữ Pháp xinh đẹp như bà, tôi đâm mất bình tĩnh”. Bà ta cười: “Nào, cậu bé xinh trai của tôi đã bình tĩnh chưa?”. Tôi trả lời: “Bà cho phép tôi nói ạ”. Bà quay ngược chiếc bút chì trở về phía ngực mình: “Cậu bé cứ coi người đàn bà Pháp này là một người đàn bà Việt Nam như mẹ cậu, như cô cậu. Đừng sợ”. Thế là tôi trả lời một hơi xong về nữ anh hùng Jeanne d' Arc. Bà Xỉa-răng-cọp vừa cười vừa nói: “Cậu bé có thể ra khỏi phòng”. Tranh thủ lúc bước lên chào bà, tôi đưa mắt nhìn trộm vào bảng điểm. Bà ta ghi nine (chín). May sao chú Phan đi học lớp tiếng Anh do giáo sư Huntziger hướng dẫn, về nhà chú lại truyền cho tôi để có người nói chuyện nên tôi cũng biết lỗ mỗ dăm ba câu tiếng Anh và hiểu nine là chín điểm. Chú Phan mừng khôn xiết. Chẳng là khi thấy tôi đứng lặng im, chú sợ quá định nhảy bổ vào đề nghị bà Xỉa-răng-cọp hỏi cho câu khác. Về nhà chú nói với mẹ tôi: “Thằng Hệ nhà này nhất định đỗ”.

Hôm đọc kết quả kỳ thi, tôi sợ đến toát mồ hôi. Thông thường danh sách thí sinh tốt nghiệp được viết theo thứ tự ABC, thế mà đại diện ban giám khảo đã đọc ngay Nguyễn Đình Ân lên hàng đầu, nghĩa là một lô những Ái, An, Anh, Ánh, Ảnh, Áp... bị loại ra ngoài danh sách đủ điểm tốt nghiệp. Trên sân trường, mọi người nín thở hồi hộp nghe kết quả. Đại diện ban giám khảo đọc tiếp: Nguyễn Bùi Bùi, nghĩa là một loạt những Ba, Bá, Ban, Bản, Bách, Bạch, Bàng, Bằng, Bân, Biên, Bính... cũng ngã ngựa. Tôi bắt đầu lo cho cái thân tôi. Vần C, vần D, vần G cũng thế. Tôi nín thở lắng nghe đại diện ban giám khảo đọc tiếp: Nguyễn Thị Hà. Người tôi cứ rũ ra. Trông thấy trượt rồi. Cứ theo quy luật “nhảy cóc” dài dài này, chắc chắn tôi không được xếp vào danh sách học sinh trúng tuyển Sơ học Pháp - Việt kỳ này. Tai tôi ù đi. Trời ơi, nếu kỳ này tôi “trượt vỏ chuối” thì công mẹ tôi từ Cửa Ông lặn lội về đây cầu các cửa phủ cho tôi sẽ thành công cốc hết.

“Phạm Thế Hệ!”

Nghe đúng tên mình, tôi òa lên khóc. Sau này chú Phan bảo tôi: “Nghe tin mình đỗ, cháu phải nhảy lên mà reo chứ sao lại khóc”. Tôi chịu không cất nghĩa được. Từ đấy tôi lại phát hiện được cái bí mật của nước mắt: khi vui quá, người ta vẫn có thể khóc được.

Năm học ấy, số học sinh đỗ tốt nghiệp Sơ học Pháp - Việt chỉ bằng 1/5 số học sinh dự thi. Tôi giành được mảnh bằng Sơ học Pháp - Việt coi như đã làm rạng rỡ cho cả họ Phạm. Bố mẹ cho tôi về quê lễ tạ tổ tiên.

Bảy

Về quê!

Thương thay những đứa bé bằng tuổi tôi không có quê mà về. Các bạn ấy làm gì được sống những phút vui sướng khi vừa được nhìn thấy bờ tre làng mình, thấy gốc đa xòe tán ở đầu làng mình. Tôi ngồi trên yên ngựa, chú Tư ngồi phía sau, tay phải cầm dây cương, tay trái ôm lấy bụng tôi cho tôi khỏi ngã. Mỗi khi kéo dây cương cho ngựa rẽ hay ghìm cương cho ngựa đứng lại, chú Tư mới buông tay ra khỏi bụng tôi. Từ ngã ba Độ về đến Hậu Trữ, hai chú cháu tôi đã lần lượt phi qua bao nhiêu là bờ tre, thế mà khi ngựa vừa phi ra khỏi bờ tre cuối làng Hậu Trữ, mắt tôi đã bị hút vào bờ tre làng An Tiêm vụt hiện phía xa xa. Đằng sau những bóng tre nhấp nhả nhấp nhô ấy là ông tôi, bà tôi, chú Bùn, chú Bùn, cô Nhón, cô Tịu và biết bao người thân thích của tôi nữa.

Chú Tư giật một bên dây cương ra hiệu cho con ngựa rẽ xuống con đường chạy giữa cánh đồng lúa vừa thay lá, mới đâm đám nồn xanh tơ. Vó ngựa phi đến đâu, đàn châu chấu thấy động bay vù lên rồi giật sang vệ cỏ bên kia đường. Có con châu chấu hoảng loạn, xòe bộ cánh lụa lao đầu vào áo tôi. Con ngựa đã thuộc đường, chú tôi không cần giật cương điều khiển, nó vẫn chạy thẳng vào đầu làng rồi ngoặt theo bờ tre Chùa Tây, bẫm vó về tận cổng nhà ông tôi.

Nghe tiếng nhạc ngựa quen thuộc từ cổng chùa vọng về, cả nhà đã chạy ra ngoài cổng đón chúng tôi. Lần nào cô Tịu cũng chạy đến bên cổ con ngựa rồi giơ hai tay đón tôi. Chú Tư buông tay cầm cương ra cho tôi lao từ trên yên vào vòng tay cô. Cô Tịu bế tôi đến trước mặt ông bà, các chú, cho tôi khoanh hai tay trước ngực chào mọi người rồi cô lại bế tôi chạy qua các nhà hàng xóm như muốn khoe đứa cháu với mọi người. Thằng cháu đích tôn sau này giữ nhà thờ ngành hai họ Phạm, còn bây giờ nó là niềm vinh dự cho cả họ. Nghe bà con hàng xóm khen “cái thằng Hệ này đẹp như con Tây”, cô Tịu thích lắm. Hồi tôi mới học lớp một, bế tôi đi đến đâu, cô cũng hỏi tôi: 3 cộng 7 là mấy? Tôi trả lời: Thưa cô là 10. Ông hàng xóm lại hỏi tiếp: Thế 7 cộng 3 là mấy? Tôi vẫn đáp: Là 10. Ông hàng xóm lại hỏi tiếp: Thế cộng thêm 5 nữa? Tôi trả lời luôn: Là 15. Ông hàng xóm gật gù: Thằng này giỏi. Chính cô Tịu cũng vui mừng vì được đứa cháu ngoan như thế. Bế tôi đi quanh xóm, cô cũng bế luôn cả niềm vui của cô đến với mọi người. Sau này cô đi lấy chồng bên Kinh Nậu, một lần chú Tư bảo tôi: Cô Tịu bây giờ già rồi, cô chỉ ao ước mấy anh em chúng mày cùng về nhà thăm cô, xe đạp chát đầy một sân. Hồi đó xe đạp tư hơi bị hiếm, anh em chúng tôi mượn ba cái xe công về thăm cô, xếp ba cái xe đạp Trung Quốc ở góc sân, cô thích lắm. Chuyến sau, ba anh em chúng tôi đã mua được xe đạp rồi, cả ba đứa đều lấy vợ nên chuyến về thăm cô năm ấy chúng tôi đi sáu chiếc xe đạp. Cô phải lấy hai chiếc chiếu đậu phủ lên sáu chiếc xe để xe khỏi bị phơi nắng. Cô bảo chúng tôi: Cô nhìn sáu cái xe ở giữa sân dù có ăn cơm muối cũng sướng. Hồi cái cách ruộng đất họ Phạm bị nặng đòn nhất. Bao nhiêu

địa chủ, phú nông, cường hào, Quốc dân đảng phần lớn rơi vào những cán bộ họ Phạm đi kháng chiến chống Pháp. Tôi về qua Kinh Nậu thăm cô, cô bảo: Cái trò trâu buộc ghét trâu ăn, chúng nó mới xúm vào đánh họ Phạm nhà mình. Đấy rồi cháu xem, đất cỏ gấu dù có cày đi bừa lại thì cuối cùng gấu vẫn mọc. Con cả công tác trên Nhà máy Thủy điện Sông Đà, vợ nó đẻ, cô phải lên bế con cho vợ chồng nó. Lúc nói chuyện với các bà hàng xóm, cô tôi vẫn khoe: Chúng nó đánh họ Phạm tưởng như tan tác, thế mà bây giờ họ Phạm đã có hai tiến sĩ và một nhà văn. Làm gì được nào?

Thật thế, thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, họ Phạm chúng tôi có một tiến sĩ nông học còn cử nhân, tú tài không ai kiểm kê. Thế mà hồi tôi tốt nghiệp Sơ học Pháp - Việt, cả làng An Tiêm cũng như cả họ Phạm chỉ có mỗi chú Hoàng đỗ tú tài, chú Xuân đỗ diplôm (diplomé EPS) và độ chục người có bằng “xéc” - tương đương tốt nghiệp tiểu học thời nay. Nếu hồi ấy tôi đủ mười tám tuổi, ông bà tôi sẵn sàng bán ruộng “chạy” cho tôi một chân trong hội đồng hương chính. Ông Ruyện làm phó tổng, ông Toại làm chánh tổng, chú Giới đang làm tiên chỉ, bác Ký đang giữ chức đồng triện lý trưởng An Tiêm, ai còn dám đứng ra cản. Họ Phạm chẳng chịu để cho họ nào chen chân vào chốn ngôi thứ trong làng: anh Tự ra làm phó lý, chú Bùn ra làm xã đoàn - tương đương chức vụ thôn đội trưởng hồi kháng chiến chống Pháp... nay Trời Phật lại ban cho cái thằng bé con họ Phạm một chân “xéc” nữa, uy thế họ Phạm lại càng lấn át các họ trong làng.

Bố tôi chỉ là một nhân viên chăm công ở Nhà sàng Cửa Ông, khi về làng cũng được gọi là ông ký. Năm nào bố tôi cũng gửi tiền về cho ông bà tôi tậu ruộng nên mỗi lần về quê, bố tôi đều biên thư báo trước. Chú tôi và hai người con nuôi ông tôi lại cưỡi ba con ngựa lên tận ngã ba Độ đón gia đình tôi. Bố tôi cưỡi một ngựa, mẹ tôi cưỡi một ngựa, tôi ngồi chung yên trên lưng con ngựa hồng của ông nội tôi. Hai người con nuôi ông nội tôi đi bộ về nhà.

Bà tôi luôn luôn nhắc nhở tôi: “Họ Phạm cầm đầu cả cái tổng này. Trai họ Phạm bao giờ cũng ngồi chiếu trên, gái họ Phạm đều lấy những người ăn trên ngồi tróc thiên hạ. Từ ngã ba Độ về đến nhà, cháu không phải đi nhờ đất thiên hạ”.

Quả là có thể thật. Một lần bố tôi phi ngựa về làng, đánh rơi cặp kính cận ở Thanh Do. Bố tôi kéo cương ngựa quay lại tìm nhưng ông đánh dậm nhặt được nhất định không chịu trả. Ngựa đã thuộc đường cũ nên vẫn đưa được bố tôi về đến nhà. Tối hôm ấy, ông chánh Toại sai tuần đến đón bố tôi lên chơi một hội tổ tôm. Bố tôi xin kiếu vì đã đánh rơi kính ở Thanh Do rồi. Cụ chánh bèn cho tuần cầm giấy sang lý trưởng Thanh Do. Tuy khác tổng nhưng lý trưởng Thanh Do - tức là chú Chinh lại lấy con gái họ Phạm, nên lệnh cụ chánh được thi hành tấp lự. Lý trưởng Thanh Do cho phát mõ: Ai nhặt được cặp kính cận phải đem nộp cho ông lý. Ông đánh dậm hoảng quá vội đến ngay nhà lý trưởng Thanh Do trình bày sự việc. Chú tôi cho qua. Ông đánh dậm cả mừng đem kính sang nộp và đem con gà sống thiến lễ tạ cụ chánh để ngay đêm ấy bố tôi còn kịp hầu cụ chánh một hội tổ tôm. Sau này, bố tôi thờ

đài: “Các cụ nhà ta cậy có quyền lại đi hành người ta. Người ta nhặt được ở đường chứ người ta có ăn cắp cắp kính của con cháu cụ đâu”. Bây giờ ai nhặt được của rơi còn được biểu dương “người tốt việc tốt” trên báo, trên đài.

Một lần khác, tôi đi qua Thanh Do. Vốn đa mang đầu óc phiêu lưu, tôi thích đi một mình theo lối tắt. Lũ trẻ Thanh Do thấy tôi đội cái mũ phớt bóp theo kiểu các gã chăn bò miền Viễn Tây liền chạy theo giễu: “Thằng này đội cái bướm bò”. Tranh luận với những đứa không biết gì là dại. Chúng đông quá lại ở gần nhà, tôi đành ngậm tăm. Thấy tôi có vẻ sợ, chúng rủ nhau đứng giăng chân ở giữa đường bắt tôi chui qua. Đánh cả bọn thì tôi không đủ sức, tôi bèn tiến đến sát mặt chúng rồi phẩy ngón tay trở và ngược: “Tao là cháu cụ chánh Toại. Chúng mày có biết cụ chánh Toại là ai không? Thế thì chúng mày về hỏi cái ông đánh dậm ở làng mày mới đem cặp kính và con gà lễ tạ cụ chánh đây nhé”. Thế là lũ trẻ con ù té chạy: “Cái thằng ‘bướm bò’ ấy là cháu ông Lý làng ta”. Tôi về kể chuyện cho bà tôi nghe. Bà tôi đi đến đâu cũng kể chuyện này coi như chiến tích của thằng cháu đích tôn. Trai họ Phạm có khác, không cười đầu cười cổ thiên hạ thì thôi, đừng hòng đứa nào dám cười đầu cười cổ trai họ Phạm.

Vốn là một họ giữ tay ấn, tay quyết của tông, họ Phạm nắm giữ hết bờ xôi ruộng mật đến chiều trên ngoài đình. Những chức lý trưởng, phó lý, tiên chỉ, thứ chỉ cho đến cả xã đoàn chưa một lần tuột sang tay họ khác. Nếu hàng tông, hàng xã khuyết chân nào, các họ khác định tuần người vào lập tức bị đánh bật ra ngay từ khi mới lóe trong ý định.

Ông bà quý tôi nhất nhà vì từ ngày tôi ra đời, lộc chảy vào nhà ào ào - nghĩa là nhờ tiền bố tôi gửi về, ông bà đã tậu được mấy mẫu ruộng. Đến lúc ở An Tiêm khuyết một chân lý trưởng, các cụ trong họ Phạm quyết định ông tôi phải ra giữ đồng triện chuyện này. Ông tôi là người thích rong chơi, không thích dây đến chuyện chức sắc. Lúc rảnh ngoài việc đọc sách thánh hiền, ông tôi thích đi đánh chim gáy. Nghe đồn ở làng nào có con chim mới về, ông tôi cùng chú tôi lại xách lồng, xách lưới, xách chim mồi đi đánh bằng được. Vì thế chú tôi học cũng thuộc loại “tài tử”, năm tôi đỗ sơ học Pháp Việt rồi, chú tôi đã mười tám tuổi nhưng vẫn thi trượt. Những lần về quê, có hôm tôi chạy vào buồng chú, rủ chú lấy ngựa của ông cưỡi đi chơi, thì thấy chú tôi có những... bốn chân. Tôi không dám nói sợ chú ngượng.

Mỗi lần đánh được con chim mới, bà tôi ở nhà giết gà mừng chiến tích, còn ông tôi nhốt con chim vào chiếc lồng quả đào mới nhất rồi treo lên cạnh búi. Trong họ ngoài làng, ai thích con chim nào - trừ con chim mới đánh được - đến xin con ấy về nuôi, ông tôi cho ngay. Thêm một niềm vui cho người khác cũng là thêm một niềm vui cho mình. Cho chim nhưng không cho lồng. Ông tôi đan lồng rất công phu, chọn tre, pha tre, vót nan đến óng chuốt. Ông tôi còn tha thần các nơi tìm những gốc tre già về trở lại, tĩa lại, cấy thêm vài chi tiết nữa thành các thể Anh hùng độc lập, Long phượng kỳ duyên, Mẫu tử tình thâm, Phi minh tức thực... Nếu ông tôi còn sống đến bây giờ, ông mở phòng triển lãm về các loại

lồng chim gáy và các loại gục của lồng nhất định sẽ được bằng khen Nghệ nhân ưu tú.

Tôi chưa thấy ông bà tôi làm thịt một con chim gáy nào bao giờ. Đánh chim là một thú chơi. Con chim gáy thiên hạ đánh mãi không được mà ông tôi đến đánh được chỉ để tỏ ra mình cao tay hơn người. Chuyện này phải vờ ra làm lý trưởng, ông tôi phải giã từ thú chơi chim. Ông từ chối, viện có tính cầu thả dễ hỏng việc. Các cụ trong họ cố ép ông tôi phải ra làm, không chịu cho họ khác tranh mất chân lý trưởng An Tiêm.

Nếu truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải nói ông bà tôi cùng gánh cái vạ ấy. Người trong làng, ai có công việc gì thì phải đem coi trầu đến lễ cụ. Nghe xong người ấy kể lể, bà tôi mới phán dăm ba điều rồi quay sang hỏi ông tôi: “Ý ông thế nào?”. Ông tôi giống như ông chủ tịch mặt trận tổ quốc bây giờ chỉ gật gù: “Cũng được”. Người có công có việc lúc ấy mới đưa đơn: “Xin ông lý mấy chữ”. Ông tôi đọc đi đọc lại lá đơn, lấy bút hý hoáy viết mấy chữ rồi chuyển lá đơn ấy cho bà tôi. Bà tôi mới tháo ruột tượng lấy đồng triện đóng vào hộp dấu rồi nện đến bịch một cái vào lá đơn. Tùy theo tính chất công việc, người làm đơn thường lót đồng hào hay đồng bạc vào lá đơn. Bà tôi coi đó là cái lộc trời cho.

Hồi Tết, bà tôi bảo nếu tôi đỗ được cái “xéc” thích cái gì bà tôi cũng cho. Vốn thích những gã chăn bò miền Viễn Tây trong phim, tôi chỉ thích được một con ngựa để cưỡi lên lưng rồi thúc hàng cựa sắt vào bụng bắt nó phi nước đại. Lần này, tôi thấy chú tôi không cưỡi con ngựa hồng như trước nữa mà cưỡi con ngựa ô. Trên đường về chú kể cho tôi nghe: vụ thuế vừa qua, ông mãi đi đánh chim, giao việc cho bà, cho các chú đứng ra thu nên sổ sách lộn xộn, tiền thực thu vênh với tiền trong sổ (tội ấy bây giờ gọi là “thiếu tinh thần trách nhiệm, gây hậu quả nghiêm trọng”). Đáng lẽ ông tôi phải hầu tòa nhưng quan huyện thấy ông tôi mãi chơi để đến nỗi “thất thoát” tiền thuế nên chỉ bắt ông tôi bán ruộng bù vào cho đủ tiền thuế nộp lên trên. Do đó ông tôi bị cách chức lý trưởng An Tiêm. Ông tôi vẫn vui vẻ như thường: “Cách thì khỏi phải từ”. Còn bà tôi thì nói với con cháu trong họ: “Ông mất chân lý trưởng, hết thời hưởng lộc trời thì thằng cháu lại đỗ ‘xéc’, đi đâu mà thiệt”. Ông tôi phải bán con ngựa hồng - đi đánh chim gáy, ai lại đem cả ngựa đi lợp cộp đến nhà người ta. Tôi tiếc con ngựa hồng lắm. Nó hiền ra trò. Lúc chú tôi buộc nó ra ngoài bờ tre cho nó ăn lá tre, lũ trẻ con hàng xóm vẫn leo qua khoeo chân sau rồi toài qua mông, leo lên lưng nó.

Các họ khác trong làng không tài nào ra tranh nổi chân lý trưởng An Tiêm với họ Phạm. Bác Phạm Ký lại được họ Phạm cử thay ông tôi giữ đồng triện. Đã làm lý trưởng thì phải cưỡi ngựa cũng như thời chống Mỹ đã làm chủ nhiệm hợp tác xã thì phải “có Phavôrit, có đai đeo hông” cũng như làm chủ tịch xã bây giờ thì phải cưỡi con Dim nó mới oai. Bác tậu một con ngựa ô. Phải công nhận con ngựa ô này chạy nước kiệu cũng êm chứ không xóc như con ngựa hồng của ông tôi. Biết ông bà tôi đã bán ngựa rồi, tôi thương ông bà không dám đòi ngựa nữa.

Là phận con cháu, về quê bao giờ tôi cũng phải đi chào các ông, các bà, các bác, các chú, các cô. Họ Phạm nhà tôi nghiêm lắm. Ông chánh Toại nghĩ mình là người đứng đầu một tổng cứ đi giày vào nhà thờ họ. Ông Hảo Trụ là anh cả liền vít cổ ông chánh Toại vụt một roi cho biết phép. Thế mà ông chánh Toại vẫn chịu nằm im.

Tôi đi đến nhà ai cũng được lấy làm gương cho trẻ con trong họ. Cái bằng “xéc” thời ấy cũng chỉ tương đương tốt nghiệp lớp bốn bây giờ nhưng bác tôi, chú tôi thường bảo các anh tôi, các em tôi: “Chúng mày chỉ đáng xách dép cho thằng Hệ”. Ngay chú tôi mọi khi đi chơi thường đi đôi giày “đor cu-lor” của bố tôi gửi về, nay thì trượt, ông tôi chỉ bảo: “Chú mà thua cháu, thôi anh tháo đôi giày Tây ra cho đỡ ngượng”.

Tôi đến chào bác lý Ký. Bác sượng quá reo lên: “Cả tổng này chưa có con nhà ai mới mười hai tuổi đã đỗ “xéc”. Nào, cháu thích gì cứ nói ngay, bác cho”.

Chắc là bác tưởng là tôi chỉ thích tiền nhưng tôi nói ngay: “Thưa bác, cháu chỉ xin bác con ngựa”. Bác lý Ký nói ngay: “Nuôi ngựa tốn kém lắm. Nó không ăn cơm mà ăn thóc, ăn khoai, ăn ngô. Nhà cháu lại không có người đi cắt cỏ, cắt lá tre. Cháu nuôi làm sao được”. Tôi ngồi bệt xuống đất, hai chân thay nhau đập ra, đập vào, rồi vừa khóc vừa dọa bác lý Ký, nếu không cho tôi con ngựa, tôi cứ ngồi ăn vạ ở đây chứ nhất định không đi đâu nữa. May sao bác gái vội ôm con chó con đặt vào lòng tôi: “Bác trai nói đúng đấy. Cháu còn bé, cháu nuôi con ngựa con này, để bác cưới con ngựa ô đi đốc thuế, đi coi đê, đi hầu quan, đi họp hàng tổng. Ngựa con nó chỉ ăn cơm, cháu đỡ phải đong ngô, đong thóc cho nó ăn. Sau này cháu lớn đến đâu, nó cũng lớn đến đấy, cuối cùng cháu cũng có con ngựa đẹp như con ngựa ô của bác trai, thế có thích không nào”. Tôi ngắm nghía con chó con một lát rồi hỏi bác gái: “Con ngựa con xấu lắm, mõm ngắn không dài như mõm ngựa ô, tai nó cụp chứ không vểnh lên như tai ngựa ô, chân nó lại ngắn thế này làm sao nó phi nước đại được”. Bác gái dỗ tôi: “Bây giờ nó còn bé trông nó thế, chứ sau này nó lớn lên, chân nó dài ra, mõm nó cũng dài ra, tai nó vểnh lên. Con ngựa con nào chẳng như thế này”.

Yên trí bác không bao giờ nói dối cháu, tôi ôm con chó về. Nó dần dần lớn lên nhưng tôi trông nó không ra dáng một con ngựa, chưa thấy một dấu hiệu gì cho thấy sau này nó sẽ giống con ngựa ô của bác lý Ký. Thì ra con chó con chỉ có thể trở thành con chó tơ chứ không bao giờ trở thành con ngựa con được. Từ đó tôi mới hiểu: người lớn thường đánh trẻ con về tội nói dối thì cũng lại nói dối, đến bác lý Ký còn là anh bố tôi mà cũng nói dối cháu thì người đời nói dối nhau cũng là chuyện thường tình. Chuyện này thôi không nói nữa.

Lại nói về ông tôi. Sau khi bị cả họ đùn ra làm lý trưởng rồi lại bị quan huyện “cách thì khỏi phải từ”, ông tôi càng mãi mê với thú đánh chim hơn. Trong những ngày nghỉ phép, bố tôi cũng về xách lồng, xách lưới đi theo ông. Một lần vào vườn nhà người ta rồi, bố tôi sờ túi mới chợt nhớ ra mình đã

để quên cặp kính ở nhà, chẳng thể nhìn thấy gì cả. Lại một lần khác, bố tôi thả chim mồi, rồi rải dây, lúi vào nắp trong bụi cúc tần. Con trai lão tri huyện ở tỉnh về chơi cùng lũ bạn đi xe đạp, đeo súng săn xuống các làng thư giãn. Một thằng thấy con chim gáy đang đậu trên mô đất trong vườn, liền giương súng làm đến “đoành” một phát, không trúng chim mà cũng chẳng trúng bố tôi nhưng làm bố tôi từ đấy không dám đi đánh chim gáy nữa.

Ông tôi không thuộc trường phái “nhìn ăn mà mặc” và cũng chẳng theo phái “nhìn mặc mà ăn”. Ông tôi chỉ làm cái gì mà mình thích. Sau khi bị “giải phóng khỏi chức vụ”, ông tôi hay đến các hội chèo. Một thú đam mê khác đi sóng đôi với thú đánh chim gáy là những làn điệu chèo. Tuy chưa được bài một, bài hai về nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc nhưng những điệu Sắp qua cầu, Làn thăm, Lới lơ, Con gà rừng, Cách cú, Sa mạc... cứ như dòng suối trong cuốn chân ông tôi theo đà nước chảy. Có điều cánh lý đương cứ xì xầm lẽ gì lý cự An Tiêm lại đứng chen chúc với các trai làng. Bà tôi liền bàn với ông đón thầy giáo về dạy con cháu trong họ các làn điệu, tập các tích, các trò giống như các đội văn nghệ nghiệp dư bây giờ. Có khác chẳng chỉ là ở chỗ bây giờ các ông giám đốc nuôi đội văn nghệ bằng tiền chùa, còn ông bà tôi vừa chủ trì, vừa chủ chi mọi chi phí cho đoàn chèo. Bà tôi lại bán ruộng cho gánh chèo sắm đồ đoàn, sai các con nuôi xúc thóc ra xay, đem nơm xuống ao nhà úp cá, nuôi gánh chèo trong những ngày tập vở. Các cô, các chú tôi cũng nhảy vào làm một vai nhưng phải tránh những vai chồng vợ. Tối tối tiếng trống chèo, tiếng hát í ới lại ngân vang trong khu đất của ông tôi. Tuy đã đóng cổng kín, ông tôi còn bắt các chú con nuôi thay phiên nhau đi quanh bờ ao, sợ quân gian vào khu vực. Tập xong vở mới, gánh chèo lại diễn “tháo khoán” một đêm ở ngay sân gạch ông bà tôi. Ông tôi vốn là người quen nhiều biết rộng nên thường mời bạn bè hàng tổng đến xem cây nhà lá vườn. Bà tôi lại giết lợn, giã giò, luộc lòng, đánh tiết canh... mời khách. Công bằng mà xét, cỗ chùa - chủ nhà ăn một, khách ăn mười, những người làm giúp ăn hai mươi, cái bếp của ông bà tôi cứ như bếp ăn tập thể của công xã nhân dân Hồng Kỳ bên Tàu thời Đại Nhảy vọt. Cái vườn chè của ông bà tôi chẳng khác gì nương chè của nông trường quốc doanh thời bao cấp, con cháu cứ tuốt cả cành, không hề xót ruột. Hồi ấy chưa có chữ CCCP (chú cho cứ phá, càng cho càng phá, cứ cho cứ phá) như bây giờ nhưng vừa thóc bị xúc mãi cũng vơi dần, ao cá bị đánh lưới, úp nơm mãi cũng loãng dần, vườn chè không người chăm sóc cũng lụi dần. Hằng năm bố tôi vẫn gửi tiền về nhưng một người làm cho hàng chục người phá thì bố tôi làm sao xoay chuyển được tình hình. Thóc lúa trong nhà cứ đội nón ra đi. “Các cụ cứ chơi, chỉ có chúng con chết”, gia cảnh của gia đình tôi gói gọn trong chín chữ C ấy.

Cái một thời thượng khi ấy, khi đãi khách đã mời ăn ắt phải mời hút thì mới sang. Không biết ông bà nào nhập khẩu cái trò “thổi kèn Tàu” ấy vào làng tôi. Đầu tiên ông bà tôi chỉ ngồi bên bàn đèn tiếp khách để tỏ lòng mến bạn phương xa. Ai cũng khen ông nội tôi là người gan cóc tía, ngửi hơi thuốc hết ngày nọ sang ngày kia thế mà không nghiện. Một hôm ông nội tôi bị đau bụng, các cô, các chú mãi quế cho ông uống song cũng không cắt được cơn. Ông thầy chèo bèn bưng bàn đèn lên, tiêm thuốc mời ông

tôi hút một hơi. Kéo xong hơi thuốc, ông tôi nằm lim dim đôi mắt, tay mân mê xoa khắp người. Con đau bụng tan biến lúc nào không biết, cứ như là ông tôi vừa được uống thuốc tiên. Từ đó mỗi lần lên cơn đau bụng, ông tôi lại làm một điều, y như rằng thiên bệnh tiêu tán vạn bệnh tiêu trừ. Dần dần ngày nào không làm một hơi, ông tôi thấy người bứt rứt khó chịu, lại hay gắt bẳn. Vô phúc cô nào, chú nào lúc ấy làm việc gì trái mắt ông, thế nào cũng bị ăn mắng. Chuyện đó không hề xảy ra trước đây. Thiếu thuốc, ông tôi chẳng chịu ăn cơm, chẳng buồn húp cháo, người cứ mệt lử ra như vừa bị ai rút mất xương sống, xương sườn. Thế là ông tôi nghiện. Tôi rất ghét những người nghiện, bây giờ người nghiện ấy lại là ông tôi. Không có thuốc phiện ông tôi sẽ chết mất, cháu đích tôn không thể để ông chết!

Ít lâu sau, bố tôi bị mất việc ở Nhà sàng Cửa Ông. Bố tôi cùng một số bạn bè ở mở tổ chức một đoàn kịch nghiệp dư. Mỗi lần vùng mở quyền tiền giúp dân bị lụt hay vào ngày lễ, ngày tết, anh chị em trong đoàn kịch lại tập hợp nhau lại luyện vở mới. Không biết có phải sau cuộc biểu tình của các chú thợ mỏ đòi tăng lương mà chủ mỏ ra sức thanh toán các phần tử khả nghi hay không, chỉ biết rằng các chú các cô trong đoàn kịch đều nằm trong danh sách giảm biên chế. Bố tôi bỏ vùng mỏ rồi đi lang thang khắp Mạo Khê, Đông Triều, Hà Nội, Hải Phòng làm đủ nghề để nuôi bốn anh em tôi. Hồi ấy quân Đồng Minh xiết chặt vòng vây Đông Dương nên nhiều mặt hàng thiết yếu vắng bóng trên thị trường. Nhân dân phải dùng dầu thảo mộc để thắp đèn. Bố tôi cũng đi nấu dầu thảo mộc bằng cách chưng cất nhựa trám, chế ra một thứ dầu đục lờ lờ, khi thắp đèn, lửa vẫn sáng đều nhưng có rất nhiều khói. Bố tôi còn chế xà phòng giặt. Mẻ đầu tiên ra lò, bố đem chiếc áo lụa của mẹ tôi ra giặt. Hại thay, loại xà phòng ấy chưa tẩy được mỡ bò nên mỡ bò cứ bám chặt vào áo mẹ tôi khiến mẹ phải mua xà phòng Lux về giặt lại áo. Các hãng mỹ phẩm bên Pháp không còn đường gửi hàng sang Đông Dương. Các đại lý nhao đi tìm nguyên liệu gì có thể chế được phấn xoa mặt. Bố tôi đang khai thác kao lanh bán cho các lò bát ở Móng Cái, các lò gốm ở Bát Tràng, liền quay sang nghiên cứu phương pháp tinh chế bột kao lanh thành phấn xoa mặt.

Bạn tôi tấm mắt mũi về chuyện kiếm sống nhưng khi ra Mạo Khê, gia đình tôi thuê chung một ngôi nhà với ông Ty Muối - cụ thân sinh của nhà báo Tân Minh bấy giờ. Hai cụ cao hứng lên thi nhau làm thơ. Đôi lúc cụ nọ làm bài thơ thách cụ kia họa lại, tôi đem thơ ở trên gác xuống, Tân Minh đem thơ ở nhà dưới lên. May sao hồi ấy chưa có lực lượng các “nhà thơ ba triệu” (bỏ ra ba triệu đồng để đi in thơ chứ không phải nhuận bút mỗi tập thơ được ba triệu) nên hai ông bố chúng tôi đỡ tốn sáu triệu đồng.

Một người làm nuôi sáu miệng ăn, bố tôi không có tiền gửi về biếu ông bà nữa. Mỗi lần về quê, tôi không biên thư báo trước để các chú khỏi phải đi mượn ngựa. Sẵn đầu óc phiêu lưu, rấp ranh muốn trở thành nhà thám hiểm, tôi cứ đáp xe Con Thỏ về ngã ba Độ rồi cuộc bộ về thẳng An Tiêm, coi đó là bài tập cho những chuyến vượt sa mạc, vượt rừng già trong tương lai.

Trong nạn đói năm Ất Dậu, ông tôi lên một cái nhọt ở ngay sau gáy. Khi nhọt vỡ, ông tôi chỉ đắp lá nên bị nhiễm trùng rồi mất. Bố mẹ tôi phải bán nốt ba sào ruộng cuối cùng lo ma chay cho ông. Những ngày bỏ làng đi lang thang khắp đông đoài nam bắc, mỗi khi nghe tiếng chim gáy ở đâu, nhớ ông nội bao nhiêu, tôi lại oán ông nội bấy nhiêu. Giá ông tôi chỉ chơi chim gáy giải sầu như ông ngoại tôi chơi chim hoàng yến, làm gì con cháu phải ăn rau sam, rau má, đào củ chuối ăn cầm hơi qua những ngày đói vàng mắt trong năm đói Ất Dậu. Chính bố tôi là người có công dựng nên cơ nghiệp ấy, cuối cùng cũng chỉ còn hai bàn tay trắng. Mỗi lần nghe tôi phàn nàn, oán trách, than vãn về số phận phú quý giật lùi, bố tôi chỉ cười: “Trong cái phúc bao giờ cũng có mầm mống của cái họa, trong cái họa cũng có mầm mống của cái phúc. Của cải hợp rồi lại tan vì thế mới có đồng bạc - nó bạc lắm, nó đến rồi nó bỏ mình đi không quay cổ lại”.

Mãi đến khi cải cách ruộng đất, vì ông nội tôi đã bị phá sản từ lâu, gia đình tôi không những chẳng bị quy là địa chủ, chẳng bị trị về cái tội liên quan đến địa chủ mà còn được chia ba gian nhà ngói, một phần tư con bò và ba sào ruộng. Đội cải cách cùng rẽ chuối xếp gia đình tôi là thành phần dân nghèo. Lúc ấy tôi mới hiểu chính cái bệnh ham chơi của ông nội đã cứu cho gia đình tôi khỏi bị đầu tở trong cải cách ruộng đất. Ông bà nội chẳng để cho gia đình tôi ruộng sâu, trâu nái, vườn trên ao dưới, nhà gỗ lim, sân gạch, bể nước mưa nhưng đã cho chúng tôi ăn thừa tự cái thành phần dân nghèo. Nhờ đó mà tôi thoát khỏi khổ nạn mà những anh chị em thuộc thành phần lớp trên đã phải cắn răng gánh chịu trong bao nhiêu năm trường.

Tám

Tôi lên học ban thành chung ở trường Lê Lợi gần Ga Hải Phòng. Trường mới, thầy mới, bạn mới nhưng chẳng có đứa nào ở phía Lạc Viên nên tôi cứ thui thủi một mình đi từ nhà đến trường. Đặt chân đến đâu là cũng thấy ngay lính Nhật. Chúng đóng quân trên những vị trí quan trọng trong thành phố. Bãi cỏ Máy Tơ đã trở thành doanh trại dã chiến của một đơn vị kỵ binh Nhật. Mỗi lần báo động, bọn Nhật lại nhảy phốc lên những con ngựa không đóng yên, mỗi thằng cứ quặp đầu gối vào sườn con ngựa Mãn Châu rồi huých gót giày vào bụng ngựa cho ngựa tung bồm phi thẳng vào ẩn dưới các rặng tre trong làng. Máy bay Mỹ ì ì bay vào thành phố, bay rất cao, chúng tôi đứng trên nóc hầm ngựa cỏ nhìn lên trời theo dõi từng cặp máy bay Zéro của Nhật và máy bay P.38 của Mỹ quần đảo nhau như trong phim. Chiếc máy bay bên nào chiếm lĩnh được điểm cao là bám đuôi chiếc máy bay phía bên dưới nổ súng. Nhìn thấy ánh lửa phụt ra trước rồi một lúc sau mới nghe thấy từng tràng đại liên nổ lốp bốp. Người lớn gạt chúng tôi xuống nhưng chúng tôi giở lý sự cùn ra: đạn từ máy bay rơi xuống đây cũng hết tầm, chẳng giết được ai. Quả thật qua những trận không chiến trên bầu trời Hải Phòng, chưa hề có người dân nào chết vì đạn lạc của Mỹ hay của Nhật. Đọc báo Trung Bắc chủ nhật, chúng tôi mới biết súng đại liên trên máy bay chiến đấu của Mỹ và của Nhật đều bắn qua cánh quạt nên lại càng tò mò xem máy bay Mỹ và máy bay Nhật bắn nhau; trong lúc ấy, máy bay ném bom B.29 của Mỹ mới ì ì bay vào, nghe tiếng nó vừa nặng vừa gằn lên, chúng tôi đoán nó chở nhiều bom lắm. Máy bay Nhật ở sân bay Cát Bi lên chiếc nào, máy bay P.38 của Mỹ lại tách khỏi đội hình nhóm hộ tống lao vào bắn tới tấp. Chẳng chiếc máy bay nào trúng đạn cả. Đạn cao xạ của Nhật nổ bung thành những đám mây đen trên trời nhưng máy bay ném bom của Mỹ vẫn ì ì bay vào. Tự dưng có người trở tay về phía sông Cấm rồi hét to: “Thằng Mỹ nhảy dù nhiều quá bà con ơi”. Chúng tôi quay đầu nhìn theo ngón tay ông. Cơ man nào là những chấm đen cứ to dần, to dần rồi một loạt đám lửa lóe lên kèm theo những cụm khói nổ bung từ dưới đất. Không ai bảo ai, người nào người ấy hét to: “Nó bỏ bom rồi”. Đạn cao xạ của Nhật vẫn nổ liên hồi. Một người làm ra bộ thông thạo giải thích: “Sĩ quan nó xích chân bọn pháo thủ Nhật vào mâm pháo rồi, chết đến đít cũng phải đập cò”. Loáng một cái có người chạy về hét to: “Các ông các bà ơi, nó ném bom xuống Sáu Kho rồi”. Mọi người ồ một tiếng rồi nheo mắt nhìn những cột khói đen cuộn lên cao viền những lưỡi lửa lùn bùng bốc lên. Mọi người cứ đứng ngay ở hầm hết lời thán phục máy bay Mỹ dám vượt qua hàng rào phòng ngự của máy bay Nhật và đạn phòng không của Nhật. Mấy chiếc ô tô vận tải quân sự của Nhật sơn màu cứt ngựa lao thẳng vào bãi cỏ Máy Tơ. Bọn lính Nhật vừa phóng ngựa trở về, buộc ngựa vào hàng rào gỗ ở tàu ngựa rồi nhảy phốc lên xe. Chúng đi chũra cháy.

Gió thổi ngọn lửa cháy lan mỗi lúc một rộng, mỗi lúc một cao. Những tiếng nổ kéo dài đến ngày hôm sau. Chúng tôi đoán là bom Mỹ đã ném trúng kho đạn. Chúng tôi là những người đi xem chiến

tranh, những hôm trước chúng tôi xem chiến tranh trên màn ảnh còn hôm nay được nhìn tận mắt khói lửa thật của chiến tranh, chứ chưa nhìn thấy người chết. Cho nên lòng cứ đứng đưng như người đi xem đá bóng vô tư - pha nào hay thì vỗ tay, không thiên về phe nào cả.

Sáu Kho cháy hai tuần liền, chỉ còn những dải khói vật vờ bay lên trời, nhưng ngay hôm sau bọn “bầu xấu” đã liều mạng xông vào hôi các hộp thịt, hộp cá, hộp patê đem ra bán cho bà con trong phố. Rồi đến dân làng chài ở Thủy Nguyên đi vớt những súc vãi quân Nhật vớt xuống sông Cấm để đốt cháy khói lan rộng. Vài người tiếc của rẽ mua về may quần áo nhưng những súc vãi ấy đã bị “om lửa” giòn sợi mau rách nên chẳng ai ham. Dân Ao Than - Lạc Viên chỉ mua đồ hộp ăn cho lạ miệng. Dần dần các chợ Hàng Kênh, chợ Lạc Viên, chợ Sắt cũng có những người mua lại đồ hộp của bọn “bầu xấu” đem ra bán. Mặc dù bọn Nhật canh gác rất chặt chẽ, căng dây thép gai khu vực bị ném bom chỉ để hai cửa cho ô tô vào, ô tô ra, tưởng con ruồi bay không lọt nhưng bọn “bầu xấu” vẫn bí mật đột nhập từng kho, khuân hàng ra các chợ bán. Đòn “xăng tan” thế nào chúng tôi mới chỉ nghe kể đã thấy khiếp rồi còn lính Nhật xin “âm dương” bọn “bầu xấu” vào các kho bị bom hôi đồ hộp thì chúng tôi được nhìn tận mắt. Lính Nhật túm tóc thằng bầu xấu bị bắt, dùng võ Judo đánh cho ngã sấp mặt xuống đất. Có lần chúng đuổi theo một thằng “bầu xấu” từ trong Sáu Kho ra nhưng thằng “bầu xấu” chạy tọt vào ngõ ngách trong Ao Than. Bọn Nhật phải kéo nhau vào từng nhà lục soát mà cũng chẳng bắt được đứa nào. Những người đi làm ngoài Sáu Kho về kể bọn Nhật trói thằng “bầu xấu” hôi đồ hộp vào cột đèn, lột quần áo nó ra bôi hắc ín khắp người rồi cứ thế cho nó phơi nắng. Chú Phan đi học tiếng Anh về qua Ngã sáu thấy lính Nhật xâu dây thép vào mũi thằng “bầu xấu” ăn cắp bị bắt quả tang rồi buộc đầu dây bên kia vào yên xe đạp. Thế là thằng lính Nhật ngồi lên yên đạp xe bắt thằng “bầu xấu” phải chạy theo. Lính Nhật ra đòn ác như thế nhưng đồ hộp, vãi và các loại quân trang, quân dụng khác trong kho vừa bị bom vẫn tràn đầy ra vỉa hè.

Lúc bấy giờ, bác Cử trai đã đổi lên Nhà Đoan Hà Nội. Bác gái, anh Phòng và “bọn con gái” cũng phải lên theo. Mẹ tôi đưa hai thằng em về ở nhà bác Cử. Mẹ tôi đi buôn muối lên bán ở miền trung du, hai ngày một chuyến. Bà giao tiền chợ cho tôi nấu nướng cho ba anh em ăn. Thằng thứ ba về ở với ông bà nội. Từ bé đến giờ, chưa mấy khi bốn anh em tôi được ở chung với nhau.

Máy bay Mỹ thường bay vào ném bom Hải Phòng, phá hủy các kho dự trữ chiến lược của Nhật. Chúng tôi cũng nhận được truyền đơn trên máy bay Mỹ rải xuống khuyên dân Hải Phòng không nên ở gần các căn cứ quân sự của Nhật để tránh bị thiệt hại. Mẹ tôi cũng đã đọc tờ truyền đơn ấy nhưng bà vẫn cứ phải đi. Ngày nào cũng có còi báo động. Lũ em tôi lại ngủ say. Tôi ngủ cũng say. Có đêm nghe tiếng còi, tôi bật dậy dắt lũ em chạy ngang sang đường chui vào hầm trú ẩn thì gặp mọi người lục tục chui ra khỏi hầm dắt díu nhau về nhà. Thì ra hồi còi vừa đánh thức chúng tôi là còi báo yên.

Ban ngày, tôi dắt hai em chạy vào cái hầm ở tít trong sân bà Đội Tàu ngõ Ao Than gần nhà thằng

Quý. Hàm xây bằng xi măng cốt thép bên ngoài đắp đất, trên nóc hàm lại có cái giàn tre hai tầng. Trình độ kỹ thuật quân sự của ông bà chủ nhà, nếu bom rơi trúng hàm, kíp nổ chạm vào giàn tre, bom sẽ nổ trước không gây nguy hiểm cho người ngồi trong hàm. Cách hàm mười bước có một gốc si già, rễ phụ đâm tua tủa xuống đất. Cạnh gốc si cổ thụ là một cái ao lớn. Cái hàm ấy được coi là hàm chữ thọ của dân Ao Than - Lạc Viên. Ông bà chủ muốn tích đức cho con cháu nên cứ mở sẵn cửa vườn, ai chạy vào cũng được. Cứu được một người phúc đẳng hà sa.

Một lần vừa ăn cơm xong, còi Nhà hát lớn nổi từng hồi báo động. Tôi dắt hai thằng em chạy vào hàm xi măng cốt sắt. Được một lúc đã nghe thấy tiếng máy bay Mỹ ì ì trên trời. Nghe tiếng máy bay rất nặng, người lớn phán đoán chúng chở nhiều bom. Máy bay Nhật ở Cát Bi không thấy bay lên đánh chặn, chỉ thấy pháo phòng không của Nhật nổ oành oành. Thế là máy bay Mỹ đã lọt vào vùng trời Hải Phòng rồi. Không nghe tiếng máy bay rít nhưng đã nghe thấy tiếng uỳnh uỳnh từ xa vọng tới. Có người cầu kinh, có người xin Thánh Mẫu phù hộ cho sớm thoát khỏi cái quả nạn này. Tiếng uỳnh uỳnh mỗi lúc một to hơn. Căn hàm lắc lư như con thuyền đi trên sông gập sóng lớn. Tôi giục hai thằng em tựa vững lưng vào vách hàm, hai đầu gối co lên, hai tay bịt chặt lấy tai, miệng cắn vào chiếc khăn tay để tiếng bom không xé rách màng tai.

Một ánh chớp lóe sáng căn hàm kèm theo một tiếng ạch đến váng tai. Tiếng uỳnh uỳnh xa dần, xa dần. Một đầu căn hàm tự dưng tối sầm lại. Tôi chưa biết chuyện gì, một số người ngồi ở phía trong hàm bò ra: “Nó đánh trúng hàm rồi! Chạy ra không nó quay lại”. Tôi kéo hai thằng em bò theo mọi người ra phía cửa hàm bên này. Chui được ra ngoài hàm tôi không tin vào mắt mình nữa. Giàn tre chống bom rơi xuống hàm đã văng đi mỗi nơi một cây tre. Đất từ đáy hố bom đã đùn lên lấp kín cửa hàm bên kia. Giá thời ấy tôi học được kinh nghiệm chiến tranh của các nhà lý luận quân sự cấp tiểu đội “không bao giờ quả bom thứ hai, viên đạn pháo thứ hai, viên cối thứ hai lại rơi đúng hố của quả bom, viên đạn pháo, viên đạn cối đã rơi lúc trước” thì tôi cứ giữ hai thằng em “tử thủ” trong chiếc hàm xiêu vẹo này rồi.

Tôi dắt hai thằng em chạy ra gốc si, ẩn từng đứa chui vào giữa cụm rễ phụ còn tôi ngồi trấn ở ngoài, hy vọng viễn vông rằng nếu máy bay Mỹ có quay lại sẽ ném bom xuống nước, không tài nào búng được cả bộ rễ phụ chắc như chân song sắt này được.

Hôm sau mẹ tôi mới về. Bà thu xếp công việc đưa ba anh em tôi vào quê ngoại ở Thanh Hóa. Hóa ra anh Phòng, chị Bảo, chị Thảo cũng về. Ông ngoại tôi chỉ cười: “Các cháu về ăn đỡ thóc cho ông bà với”.

Ông tôi làm đội đoan ở Tiểu Bàng (Kiến An), thực ra chỉ là nhân viên Hải quan vào cỡ cán sự bậc ba bây giờ nhưng thấy ông tôi mặc bộ đồ kaki vàng có hàng cúc bằng đồng như các ông đội khổ xanh, đội khổ đỏ nên cả làng gọi ông ngoại tôi là ông đội. Sau này, ông tôi bị đội cải cách ruộng đất hành

cho tới số vì cái đội hã, đội huyền đó. Một cán sự ba thời Tây, ăn tiêu rồi cũng còn tiền gửi về quê tậu ruộng. Khi về hưu, ông tôi đem tiền về quê xây một ngôi nhà năm gian, cột lim, cánh cửa lim, lợp ngói tây. Nhà cây hai mẫu ruộng. Ông ngoại tôi đi cày, bà ngoại tôi, dì Tị đi cấy, dì Thư khoèo tay từ bé nên ở nhà lo chuyện cơm nước. Đến mùa, ông bà ngoại tôi mới thuê vài công gặt. Cậu Cát được coi như “hậu vệ thông” trong nhà: cày, bừa, cấy, làm cỏ, gặt, gặt việc gì cậu làm việc ấy. Học hết thành chung, cậu đành xếp mòng giang hồ lại, ở nhà giúp đỡ ông bà. Tôi nên người một phần cũng nhờ những năm tháng về quê ngoại với cậu Cát. Cậu đi đâu, tôi đi theo đấy, cậu làm gì, chúng tôi bắt chước cậu làm việc ấy. Ngay từ tuổi thiếu niên, tôi đã biết tìm thú vui trong lao động. Tôi nhớ mãi lời cậu Cát: “Ôm có thể chết nhưng chưa ai chết vì làm đồng cả”.

Cậu Cát hơn tôi có bảy tuổi. Cậu kèm tôi học hết chương trình năm thứ hai thành chung rồi nhờ một người bạn đỗ tú tài toàn phần (bac.complet) làm cho tôi học bạ năm thứ hai vì thế phải chạy bom Mỹ hai lần nhưng tôi vẫn không phải bỏ học năm nào. Được cái may, thời trước, những người có bằng tú tài toàn phần được phép cho điểm các môn trong học bạ.

Tính cậu Cát rất hợp với tính tôi, có thể nói tôi là một bản sao của cậu Cát. Tôi rất ghét cái trò xôi thịt trong việc làng. Một lần ông tôi bận lên tỉnh, anh mỗ đem xôi thịt và một nắm xôi - phần của ông Đội được cử phẩm văn giai đến đưa cho cậu Cát. Cậu gỡ ngay xôi thịt vứt cho chó ăn trước mặt tôi. Cậu đã từng theo ông bà ngoại ra tận Tiểu Bàng, Cửa Ông, Móng Cái, Cát Bà. Cậu sang cả huyện Phòng Thành bên Trung Quốc. Ngày nghỉ, cậu đạp xe đi thăm Thành nhà Hồ, Lam Sơn, động Từ Thức. Cậu biết nhiều chuyện bây giờ có thể phát trong chương trình Tổ quốc ta tươi đẹp trên Đài Tiếng nói Việt Nam. Những hôm đi ra đồng thu rạ, nhìn sang bên phải, thấy cầu Hàm Rồng, tôi lại ngồi nghe cậu kể về công trình xây dựng cầu độc đáo không có trụ, nhìn sang bên trái lại thấy hòn Vọng Phu, cậu lại kể về người vợ lính mỗi mắt chờ chồng đến hóa đá vẫn chưa thấy chồng về. Cậu còn trỏ tay lên phía tám đá phẳng ở trước mặt bà Vọng Phu rồi giảng cho tôi đây là cái hộp đồ khâu của bà. Cậu lại trỏ lên phía đầu bà mà giảng: gái làng Nhồi hay bị toét mắt nên có anh chàng lấy phải một cô toét mắt làng Nhồi, anh ta bực lắm vác búa, vác dùi sắt đi đục hai mắt bà Vọng Phu để bà khỏi nhìn về làng Nhồi nữa nhưng gái làng Nhồi vẫn cứ toét mắt. Những lần đi Tào Xuyên mua mật về làm bánh, cậu cũng cho tôi đi. Nhờ đó tôi mới biết dân Tào Xuyên cho trâu kéo trục ép mía cây làm đường rồi cô thành mật. Khuất mắt thì mới dám ăn, chứ từ ngày nhìn thấy con trâu ề cổ ra kéo trục, đứng dạng hai chân sau, cong đuôi, đánh phệt một bãi thì nhìn thấy đường phen, đường cát là tôi sợ. Những ngày kháng chiến chống Pháp, sống trong rừng được phát một thanh đường phen, tôi cứ phải quên lò kéo mật Tào Xuyên đi thì mới đủ dũng cảm lấy dao găm cạo cạo vào bát cháo mà húp soàn soạt.

Tôi tôi tôi theo cậu ra sân, ngồi xếp bằng tròn, luyện mắt nhìn lên ngôi sao sáng nhất học thôi miên. Cậu Cát bảo cứ luyện mắt cho đến khi nào không chớp mắt nữa thì cái nhìn của mình có thể điều khiển người khác làm theo ý mình. Cứ cậu Cát nói cái gì là tôi tin ngay điều ấy có thể làm được. Đêm nào

tôi cũng chọn ngôi sao sáng nhất bầu trời để luyện thuật “thôi miên”, nước mắt chảy đầm đìa. Thỉnh thoảng tôi lại thử xem môn luyện mắt của mình đã công hiệu đến đâu bằng cách “thôi miên” một người từ đầu ngõ rồi điều khiển người ấy vào thẳng chỗ mình ngồi, nhưng rốt cục tôi chỉ điều khiển họ đi thẳng một quãng rồi rẽ vào nhà họ. Tôi biết là mình còn phải tu luyện nhiều hơn nữa mới đắc đạo.

Có lúc tôi tập “thôi miên” đến chảy dần dựa nước mắt. Cậu Cát lại động viên: Tập có vất vả mới đắc đạo. Nếu vừa mới tập một cái đã đắc đạo ngay thì sao còn gọi là pháp thuật nữa. Những người luyện phi thân thường buộc túm ống quần lại rồi đổ cát vào. Họ đào một cái hố rồi đứng, hai chân xuống đáy hố. Cứ nhảy như thế cho đến khi nào nhảy được lên thành hố, họ lại đổ thêm cát vào. Sau này họ bỏ hết cát trong ống quần ra, nhảy vo cũng vượt qua tường như chơi. Tôi nhắm tính cứ tập như thế này thì đến bao giờ mới đủ sức đi giang hồ được. Đã đi giang hồ là phải luyện được thân hình cứng như thép, kẻ nào chém mình thì đao phải bật ra, cần vượt tường thì tôi chỉ việc vỗ đùi đánh đét một cái rồi phi thân lao vút một cái sang bên kia tường. Xem ra còn tốn gạo lắm.

Tôi chỉ thích tủ sách của cậu Cát. Tuy không được đầy ắp các ngăn tủ quanh buồng như tủ sách của chú Hoàng nhưng tủ sách của cậu Cát lại có nhiều sách của các nhà văn đương thời: Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Văn Trương, những tiểu thuyết phiêu lưu, kinh dị của Lan Khai, Tchya, những tiểu thuyết tâm lý xã hội của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Cuối cùng, hai bộ sưu tập cuốn hút tôi nhiều nhất: bộ sưu tập truyện phim và bộ sưu tập báo Ngày Nay. Ngày trước, ai lấy vé đi xem phim thường được phát một tờ prôgram giới thiệu diễn viên, cốt truyện và một tờ plakét in ảnh màu các diễn viên đóng phim đang chiếu. Cậu Cát kỳ công đóng lại thành nhiều tập nên những ngày về quê ngoại, tôi tha hồ xem phim bằng chữ. Bộ sưu tập báo Ngày Nay, tôi chỉ đọc lướt qua chuyện vui mà chỉ nhắm nhắm tìm đọc mục Chính trị Thường thức: từ chế độ quân chủ, quân chủ lập hiến đến chế độ phát xít, chế độ quốc xã, chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chế độ đại nghị, chế độ xô viết, chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa tam dân... Tôi hỏi cậu Cát: Tại sao họ không viết chế độ bảo hộ và chế độ thuộc địa? Cậu Cát cười: Cậu cháu mình đang sống trong chế độ bảo hộ đây thì cần gì phải đọc nữa. Đọc mà chẳng hiểu gì cả, tôi phải hỏi cậu Cát. Cậu cười: Toàn những chuyện nhảm nhí, cháu đọc làm gì cho nó hư người ra. Cậu Cát đi đâu vắng nhà, tôi lại lôi bộ sưu tập báo Ngày Nay ra đọc. Về sau cậu Cát đi mượn được bộ sưu tập tuần báo Trung Bắc Chủ Nhật về cho tôi đọc. Những chuyện danh nhân, những chuyện phát minh khoa học dần dần làm tôi quên các thứ chủ nghĩa, các thứ chế độ chính trị ngang ngổn trong đầu tôi. Đôi lúc tôi nổi máu “chính trị” đi tìm bộ sưu tập báo Ngày Nay xem lại mục Chính trị Thường thức thì chẳng thấy bộ sưu tập ấy đâu. Thì ra cậu Cát đã cất vào tủ và khóa chặt cửa tủ lại. Có lần tôi đánh bạo thưa chuyện với cậu cho phép được đọc lại bộ sưu tập đó. Cậu bảo: Chính trị là công việc của các chính khách. Nhiệm vụ của cháu là học. Có học mới nên người. Một thằng đi giang hồ mà không có học thì chỉ thành thằng ăn mày.

Trong những ngày sống gần cậu Cát, chỉ có một lần cậu hơi nặng lời với tôi. Chơi với cánh trai

làng, tôi nghe lỏm được chuyện nhà vua mất mèo. Tôi khoái chí về nhà kể cho cậu Cát nghe. Chuyện rằng: nhà vua có con mèo đẹp lắm. Vua rất yêu con mèo và bữa nào cũng cho nó ăn cơm thịt, cơm cá. Trạng Quỳnh liền vào ăn trộm mèo về nuôi. Trạng buộc nó ở chân giường, hãm cho thật đói mềm mới mang một đĩa cơm trộn thịt cá, một đĩa cơm trộn rau muống đặt trước mặt nó. Thấy mèo thò mõm vào đĩa cơm trộn thịt cá, Trạng lại lấy roi vụt túi bụi cho đến khi mèo phải quay sang đĩa cơm trộn rau muống. Lâu ngày thành quen, mèo không dám thò mõm vào đĩa cơm trộn thịt cá nữa.

Có anh quan thị muốn dâng công bèn tâu với vua Trạng Quỳnh ăn cắp mèo. Vua bắt Trạng Quỳnh đem mèo vào nộp. Trạng Quỳnh đem mèo vào cùng rồi quỳ xuống tâu với vua: Muôn tâu bệ hạ, con mèo này chính là của hạ thần. Nhà vua thấy con mèo của mình gầy gò, lông dựng ngược đâm ngơ ngợ, sai quan thị vào lấy đĩa cơm trộn thịt, trộn cá đem ra cho mèo ăn. Con mèo nhớ tới những trận đòn trước kia không dám thò mõm vào đĩa cơm. Trạng Quỳnh được thể nói luôn: Muôn tâu bệ hạ, mèo của hạ thần không quen ăn cơm thịt cá. Vua không tin liền sai quan thị đem một đĩa cơm trộn rau muống vào. Mèo vục đầu xuống đĩa ăn ngon lành. Vua đành chịu mất con mèo vào tay Trạng Quỳnh.

Nghe xong câu chuyện, cậu Cát hỏi tôi: Cháu lại ca ngợi thằng ăn cắp à? Tôi cãi: Đây là Trạng Quỳnh dám “chơi” nhà vua đấy chứ. Cậu Cát nghiêm mặt lại: Thời nào, đã là ăn cắp thì cũng là người xấu rồi. Trạng ăn cắp cũng chỉ là thằng ăn cắp. Tôi bị cụt hứng nhưng vẫn cãi cớ: Nhưng Trạng ăn cắp mèo của vua kia mà. Cậu Cát xua tay: Ăn cắp của ai cũng là xấu. Trong các bài cháu học ở trường, có bài thầy giáo, cô giáo dạy cháu dùng mẹo vặt biến của người khác thành của mình không? Cháu được đi học, nghe người khác kể chuyện, cháu phải biết phân biệt chuyện nào đúng, chuyện nào sai chứ.

Tôi nghe cậu Cát nói mà tỉnh cả người. Sau này tôi thấy bạn đồng nghiệp của tôi viết bài ca ngợi một số giám đốc biến “không” thành “có”, biến “của công” thành “của mình”, biến “lỗ thật” thành “lãi giả”, tôi càng sợ cái “mẹo vặt” đang được dung dưỡng trong hàng ngũ đầy tớ của nhân dân. Thật buồn cười, các bạn đồng nghiệp của tôi không biết bị ma quỷ ở đâu xui khiến cứ mù người đi mà tin rằng cái mẹo vặt ấy là chí lớn để đến cuối đời mới ngã ngựa người ra, cái trò lừa ấy chỉ là mẹo vặt.

Bác Cử gái vào đón anh em chúng tôi ra kịp ngày các trường tiếp tục mở cửa đón học sinh trở lại theo nôt chương trình năm học.

Cậu Cát lấy xe đạp đèo anh Phòng trên giá đèo hàng, đèo tôi trên dống ngang đi Sầm Sơn. Nhờ cái thú “giang hồ vặt” như thế, thời Pháp thuộc, hàng năm chính quyền thành phố Hải Phòng thường tổ chức các “côloni đề vacăng” (trại hè) cho học sinh đóng tiền đi nghỉ mát ở Sầm Sơn. Tôi không đóng tiền đi côloni, tôi cứ về quê rồi cậu Cát đèo tôi ra Sầm Sơn tắm biển, mua cua về nhà luộc. Chuyến về quê lần này, tuần nào cậu Cát cũng đèo chúng tôi đi Sầm Sơn và hôm nay tuy chưa hết tuần, cậu lại đèo chúng tôi đi rồi.

Sau một tiếng rưỡi ngồi ê cả mông trên xe, ba cậu cháu tới Sầm Sơn. Cậu dắt xe dựa vào góc phi

lao cho chúng tôi vắt quần áo rồi ba cậu cháu lao ra biển. Vẫn những trò chơi như những lần trước: nhảy sóng, bơi cưỡi sóng, nằm thư giãn trên mặt biển... đến khi anh Phòng và tôi thấm mệt, da đầu ngón tay nhăn nheo cả lại, cậu Cát gọi chúng tôi lên gốc phi lao ngồi nghỉ. Khi chúng tôi bắt đầu hồi phục, cậu Cát lấy mo cơm nếp đậu xanh vẫn buộc ở pô-tăng ra cho ba cậu cháu cùng ăn. Chúng tôi ăn no nê rồi, cậu Cát lấy bình nước vẫn cài ở dóng chéo ra cho uống. Sau đó, cậu đi gửi xe rồi dẫn chúng tôi lên Hòn Trống Mái. Thấy cậu cứ đứng ở đó, mắt đăm đăm nhìn về phía đường chân trời, tôi tò mò hỏi: Cậu đang tìm cái gì thế? Cậu cười: Các cháu có nhìn thấy cánh buồm ở tí xa xa kia không? Tôi gật đầu: Cháu có nhìn thấy một cái thuyền. Cậu Cát thở dài: Kiếm được con cá, con tôm về đổi lấy bát gạo vắt vả như thế đó. Không may gặp cơn gió lớn, cả người lẫn thuyền đều chìm xuống biển chết mất xác nhưng ngày nào cũng như ngày nào, họ vẫn cưỡi sóng ra khơi. Các cháu thấy chưa: kiếm được miếng ăn, đôi khi cũng phải đánh đổi cả cuộc đời. Anh Phòng thật thà hỏi: Cậu ơi, sao họ lại chèo thuyền vào chỗ chết nhỉ? Cậu Cát trả lời: Có nhảy vào chỗ chết, mới tìm được con đường sống. Lúc còn bé, nghe câu đó thậm vô lý nhưng khi đã dần dần lớn lên tôi càng thấy nhiều khi ta phải xử sự như vậy.

Chúng tôi còn một ngày đi chào các ông, các bà, các bác bên ngoại. Lúc dẫn chúng tôi về, cậu Cát mở tủ đặt từng thứ một ra giường: bộ sưu tập truyện phim này, hai anh em xem chung, quyền toán của Brachet, quyền văn tuyển của Puygiacniclo, quyền lịch sử nước Pháp của Misolê, quyền địa dư của Rivie, cậu Kiếm học xong chuyển cho cậu, bây giờ cậu đưa cho Hệ, sang năm Hệ chuyển cho Phòng rồi Phòng chuyển cho Hảo, Hảo chuyển cho Thảo. Giữ gìn cẩn thận, đỡ phải mua, tốn tiền. Thời Pháp thuộc, bọn đế quốc sài lang bảo thủ như thế đó, mấy đời người chuyển tay nhau một quyền sách giáo khoa chứ không chịu cải cách như bây giờ, các ông các bà tiến sĩ nước ta đi học Nga, học Tây, học Mỹ cứ luân phiên thay đổi sách giáo khoa đến mức báo chí phải lên tiếng phàn nàn về cái nạn lộn lành chữa thành lộn què.

Cậu Cát cho anh Phòng khẩu súng lục bắn liên thanh. Sau khi súng “nổ” đẹt một phát, cuộn băng tẩm thuốc nổ trong băng súng lại chuyển động, đưa đầu băng vào nằm giữa cái đe chờ “cái búa” rơi trúng đầu băng, súng lại “nổ” đẹt phát tiếp theo. Cậu Cát hướng dẫn cách sử dụng rồi dặn ở các hiệu pháo Trung Quốc, người ta hay bán cái băng này, nếu không có băng liên thanh này thì mua một vỉ mười hai miếng “đạn”, bắn phát một cũng được. Anh Phòng thích lắm, thỉnh thoảng lại bóp cò nổ đến “đẹt” một cái. Cậu Cát cho tôi cái áo somidét dẹt kim cậu mặc chặt và một chiếc mũ cao bồi bằng nỉ màu rêu, vành rộng, quai mũ bằng một sợi dây da. Tôi mặc chiếc áo rộng thùng thình. Theo đúng một mặc áo bó sát người thời ấy, đêm đêm tôi phải giặt áo, đem phơi chỗ thoáng gió cho chóng khô để đến sáng hôm sau, mặc chiếc áo cổ croadê gắn bốn hàng cúc đồng ấy đi học, thân áo mới bó sát người. Tôi đội mũ cao bồi và mặc áo somidét dẹt kim đi học, bạn bè trong lớp thường khen là “in-chê-able” (hồn từ Pháp-Việt: không chê được). Sau này mẹ tôi đóng đo chân cho tôi một đôi giày da lộn theo đúng mốt

thời đại.

Đến kỳ nghỉ hè, chúng tôi lại về quê ngoại. Cậu Cát đi đăng lính thủy, đã trúng tuyển, vừa đi vào Sài Gòn. Vốn mang máu giang hồ, cậu vào lính thủy để tha hồ đi đây đi đó. Thảo nào trong chuyến về quê lần trước, tôi thấy cậu cứ hát đi hát lại bài tử: *Khi người ta là thủy binh/ Suốt đời ta sống trên mặt nước/ Ta đi thăm các nơi trên thế giới/ Đó là một nghề đẹp nhất/ Muôn năm thủy binh, muôn năm thủy binh*. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao trong quyển sách ảnh, cậu chỉ sưu tầm những ảnh chụp về biển. Gần như các đồ dùng hàng ngày, cậu đã đem tặng bạn bè. Cái nỏ cậu vẫn treo trên tường, tôi cũng không thấy đâu, cả cái túi đựng tên cũng không còn móc ở cái đinh đóng sâu trên tường. Như người thủy binh theo con tàu rời cảng, không còn một dấu vết gì của chuyến cập bến vừa qua. Hình như ông cậu giang hồ của tôi rất sợ mỗi khi nhìn thấy một thứ gì của cậu để lại trong nhà, bà tôi lại khóc. Nhiều lần bà tôi giục cậu lấy vợ, cậu cứ lắc đầu. Hình như cậu sợ cái máu giang hồ của cậu nổi lên, trong nhà lại chảy thêm những giọt nước mắt nhớ thương.

Vắng cậu Cát, tự dưng tôi thấy năm gian nhà của ông bà tôi như rộng hơn ra, chiếc phản lim anh Phòng và tôi thường nằm chen chúc vào nhau lại càng trống vắng. Trời hè có hôm nóng đến chảy mỡ ra, cậu Cát cứ phải nằm giữa, anh Phòng và tôi mỗi đứa nằm một bên. Ông bà ngoại tôi còn hai chiếc giường gỗ lim nữa nhưng chúng tôi không chịu nằm riêng, cứ phải cùng nằm với cậu Cát kia. Vắng cậu Cát, cái sân gạch tự dưng như rộng thêm ra. Thiếu bóng dáng cậu Cát, vai vác cày, tay cầm chảo vặt cho con trâu gõ móng lộp cộp bước ra cổng, thiếu bóng cậu Cát tay vung nắm thóc vãi xuống sân gạch, miệng bập bập chíp chíp gọi đàn gà đang bới giun ở vườn trước vườn sau chạy về. Tay cậu lại chia từng khu vực đếm đàn gà mái, đàn gà mọc đuôi tôm, thấy thiếu con nào, cậu lại bập bập chíp chíp gọi về. Đêm đầu tiên trở lại quê ngoại, thiếu bóng cậu Cát ngồi kiểng hoa sen, mắt đăm đăm nhìn lên trời sao tập “thôi miên”, tôi chẳng muốn tập “thôi miên” nữa. Nhất là những lúc ôn bài, gặp chỗ khó, tôi lại càng nhớ cậu Cát. Thà cứ ở Hải Phòng tôi chẳng biết cậu Cát giờ ở đâu, dễ quên đi nhưng về quê ngoại mà thiếu cậu, cái buồn cứ nhân đôi, nhân ba.

Ra Hải Phòng tôi nhận được thư cậu Cát - loại phong bì nhà binh đóng dấu F.M (franchise militaire: miễn cước cho quân đội). Cậu gửi ảnh cho tôi. Cậu mặc áo dệt kim trắng sọc xanh của Hải quân, đầu đội mũ Hải quân trắng chòm đỏ, sau lưng cậu một đám mây trắng bay lang thang, bị gió vuốt sồn mép. Tay phải cậu giơ cao như đang vờ tôi sớm đi giang hồ với cậu. Thư sau cậu nói thật với tôi, mộng giang hồ, cậu mới thực hiện được một nửa. Cậu mới đi đến Sài Gòn - hòn ngọc Viễn Đông, chứ chưa được “đi thăm các nơi trên thế giới” vì lúc bấy giờ tàu chiến Mỹ đang phong tỏa bờ biển Đông Dương, cắt đứt đường tiếp tế của quân đội Nhật. Bác Độ - bạn của bố tôi, chú Cừu - em trai bác Cẩn làm công cho hãng Vận tải hợp nhất, vẫn phải áp tải hàng đi theo tuyến Hải Phòng - Sài Gòn. Máy chuyển đầu, con tàu đi trót lọt nhưng đến chuyến thứ tư, đã đi được quá nửa hành trình, bác Độ và chú Cừu nhìn thấy một tàu ngầm Mỹ nổi lên, bắn một phát đại bác cảnh cáo. Chờ nhân viên trên tàu xuống

hết xuống cứu sinh, tàu ngầm Mỹ mới phóng quả ngư lôi vào sườn tàu. Chiếc tàu từ từ nghiêng rồi chìm hẳn. Lênh đênh ba ngày trên biển, may được thuyền đánh cá đến cứu. Về đến Sài Gòn, bác và chú đánh điện ra cho cả nhà mừng.

Cậu Cát cũng một lần theo tàu quân sự đi áp tải hàng quân sự ra Hải Phòng. Cậu có rẽ về thăm chúng tôi. Cùng đi với cậu có chú Thìn cũng là lính thủy ôm mộng giang hồ như cậu. Chú Thìn chơi ghi ta havây-yên, lúc chú cầm bloc vuốt tiếng đàn chơi bài Vĩnh biệt Ha-oai thì nghe như sóng biển nhấp nhô, như bàn tay vẫy nhớ. Chú dạy chúng tôi bài *Thu trên đảo Kinh Châu* rồi chú đệm ghi ta havây-yên phụ họa. Sau này tôi cố đi tìm các băng, các đĩa nhạc tiền chiến đều không thấy bài này nữa. Bài hát buồn buồn: “Đàn chim bay thướt tha tung cánh bay về đâu/ Nơi đây có biết ngày ngày em chờ đợi chàng về lối xưa...”. Đến bây giờ đôi ba lần tôi hát lại *Thu trên đảo Kinh Châu* nhưng chưa bao giờ hát hết bài. Cứ đến câu “Sông Kinh Châu có con buồm trắng/ Gió thu đưa người biệt ly vào cảnh sầu đó chẳng” thì tự dưng nước mắt cứ ứa ra nghẹn cổ không tài nào hát được.

Cậu Cát đen bóng nhuộm màu nắng trời gió biển. Mái tóc đen như móc tơ chải ộp xuống gáy không còn nữa. Theo điều lệnh Hải quân, cậu phải húi tóc cao như đầu quả gáo. Sống trên sông nước, cậu tỏ ra bất cần đời bằng cái cười nhếch một bên mép. Nghỉ trưa với cậu trên gác, tôi gối đầu lên cánh tay rắn chắc của cậu, ngửi cái hơi sặc mùi lính thủy của cậu. Cậu dùng đùi chặn ngang người tôi xem tôi có giẫy được không rồi bảo: “Còn lâu mới giang hồ được”. Cậu lấy gân bụng cho tôi đâm tới tấp vào bụng cậu, chỉ thấy đau tay. Còn lâu tôi mới rèn luyện thành người giang hồ như cậu được.

Cậu hỏi tôi: “Dạo này cháu học hành ra sao?” Tôi trả lời: “Tình hình này, học chẳng để làm gì. Cháu chỉ thích được chu du như cậu”. Cậu Cát cười: “Nhưng không nên đi lính như cậu. Đời lính khổ lắm. Mất tự do. Cậu đi tìm tự do lại đại dột chui đầu vào cái nghề mất tự do này”. Tôi ngóc đầu dậy: “Nhưng cậu được đi khắp nơi trên thế giới”. Cậu lắc đầu: “Nhưng không thể đi du lịch bằng tiền của người khác được. Phải đi bằng đôi chân của mình, bằng tiền của mình, thế mới gọi là tự do. Cháu cố học cho giỏi rồi thi vào trường kỹ nghệ. Có một nghề trong tay mới có chỗ đứng trên quả đất này. Nhớ chứ?” Tôi hỏi cậu: “Thế bao giờ cậu cho cháu theo cậu đi giang hồ?” Cậu cứ nhìn lên trần nhà: “Chú Thìn và cậu đã tính toán rồi. Hết chiến tranh, hai anh em về nhà, tìm việc làm rồi để dành tiền sau này mở công xưởng ở Sài Gòn. Đây mới là đất làm ăn. Cậu sẽ lập nghiệp ở trong đó”. Tôi buột miệng nói: “Sài Gòn xa lắm nhỉ”. Cậu Cát cười: “Đời con trai cứ phải đi cho biết đây biết đó cái đã. Trong ấy dễ kiếm ra tiền. Một trăm thẳng vào Sài Gòn thì chín mươi tám thẳng trở thành triệu phú”.

Mẹ tôi làm cơm mời chú Thìn và cậu Cát ra chơi trước khi tàu nhổ neo vào Sài Gòn. Thời chiến tranh, ai biết được cái gì sẽ xảy ra ngày mai. Trưa hôm ấy, mẹ tôi chờ mãi không thấy chú Thìn và cậu Cát ra chơi. Tôi chạy ra hè dỗi mắt về phía vườn hoa đầu phố, mãi vẫn không thấy bóng ông lính thủy nào.

Mẹ tôi nhớ em ngồi khóc.

Tôi cũng khóc theo.

Ai ngờ hôm ấy lại là buổi gặp mặt cuối cùng của hai cậu cháu. Mãi đến năm 1954, anh Trường - bạn thân của cậu Cát - ở Sài Gòn tập kết ra Bắc rồi đến cậu Trị - thằng bạn cùng ở Ao Than với tôi trước kia, sau theo gia đình dọn nhà vào Sài Gòn - cũng theo một sư đoàn Miền Nam tập kết ra Bắc cho tôi biết: năm 1945, cậu Cát làm trinh sát cho bộ đội ta ở Sài Gòn. Khi đơn vị bộ đội rút về Đồng Nai, cậu Cát ở lại Sài Gòn hoạt động vẫn thường đi lại nhà anh Trường và nhà cậu Trị. Một hôm bọn mật thám Pháp ập đến gia đình anh Trường bắt được cậu Cát, đem đi thủ tiêu.

Tất cả kỷ vật của cậu Cát còn lại là tấm ảnh nửa người dán trên bằng Tổ quốc Ghi công.

Chín

Báo Đông Pháp thường bị báo Ngày Nay của nhóm Tự Lực Văn Đoàn coi khinh là tờ báo chuyên đăng tin “chó chết”. Bọn học sinh chúng tôi lại chê báo Đông Pháp là báo nói láo. Ai đời số nào cũng như số nào, báo Đông Pháp đều đưa tin quân Nhật thắng, quân Tàu Tưởng thua, quân Tàu Tưởng chết như ngã rạ còn phía Nhật, số nào báo Đông Pháp cũng đưa tin “quân đội Thiên Hoàng thiệt hại không đáng kể”. Ngày trước làm gì nhà nào cũng có đài thu thanh, đài thu hình như bây giờ nên tin tức trong nước và thế giới đều qua báo hàng ngày đến với các gia đình trong thành phố Hải Phòng.

Cầm tờ báo trên tay, tôi bàng hoàng cả người. Hàng tí chạy dài năm cột, in chữ đậm: Phạm Doãn Liên (Hải Phòng) đã đánh bại Sáu Mùn, hai con cá kình Cửa Ông bầu cung đình vên. Bài báo hết lời ca ngợi chiến thắng bất ngờ trên sóng nước: vận động viên nghiệp dư đánh bại vận động viên nhà nghề.

Đến trường, tôi khoe toáng tin này cho các bạn cùng lớp, không ngờ Phạm Doãn Tiết lại bảo tôi: Ông Liên là chú tớ đấy! Tôi vặn lại: Nhà vô địch Phạm Doãn Liên lại là chú cậu? Mình chẳng nghe thấy gia đình cậu nói gì đến ông Phạm Doãn Liên cả. Tiết vung tay lên giải thích: Bố ông Phạm Doãn Liên với ông nội tớ là hai anh em. Thế thì tớ không phải gọi ông Phạm Doãn Liên là chú thì gọi bằng gì? Tôi chỉ lấy làm lạ sao một sự kiện thể thao ầm vang cả nước như thế, Tiết không hề đem đến khoe ở lớp mà chính tôi lại là người tuyên truyền cho Phạm Doãn Liên. Từ câu chuyện này đến sự kiện Vũ Thị Sen thắng vận động viên Trung Quốc Đinh Ninh trên cự ly 200 mét bơi ếch tại Đại hội GANEFO châu Á, tôi đã viết kịch bản phim truyện *Những ngôi sao nhỏ*. Còn lúc bấy giờ, tôi chỉ mơ ước đến một ngày nào đó cậu học sinh Phạm Thế Hệ cũng giành ngôi vô địch như Phạm Doãn Liên để thiên hạ phục lẫn đất Lạc Viên có hai nhà vô địch họ Phạm. Nào cậu học sinh ngây thơ hồi ấy đã biết gì về giáo án huấn luyện, về kỹ thuật, về chiến thuật, cậu bé ấy chỉ nghĩ đơn giản rằng cứ bơi khỏe là thắng cuộc.

Tôi tự tập. Mỗi buổi chiều tôi cố bơi một vòng Hồ Sen rồi phấn đấu thắng sau bơi hai vòng, thắng sau nữa bơi ba vòng hồ cho đến khi nào bơi ở dưới hồ không biết mệt, chẳng khác gì đi bộ trên mặt đất. Lúc bấy giờ tôi sẽ xin dự Giải bơi Vô địch Bắc Kỳ.

Trước đây chủ hồ chỉ quy hoạch sen còn cho tháo khoán bơi không mất tiền phần hồ không thả sen. Khi tôi đang tập bơi đường trường, một người ở trên phố thấy người lớn trẻ em ngày ngày đến bơi đông quá, bèn bỏ tiền ra mua phần hồ không thả sen, thuê thợ đắp Hà Nam đến cạp lại bờ thành một hồ bơi dài đúng 100 mét, rộng 50 mét. Ông chủ hồ bơi thuê một người trông nom bể bơi. Tôi vẫn quen “bơi tháo khoán” nên chưa bao giờ trả tiền vào hồ. Mấy lần người trông hồ bơi nhắc tôi trả tiền theo giá biểu “trẻ con năm xu, người lớn một hào”, tôi chỉ khất lần “cháu vội quá, quên không mang tiền”. Người trông hồ thấy tôi còn bé mà bơi trườn sấp rất dẻo và rất đẹp nên cũng cho qua. Một buổi chiều,

tôi bơi ba vòng hồ xong, vừa leo lên thành hồ, người trông hồ ra thu tiền. Bó lão thế, đã đi bơi quít lại còn lý sự cùn, tôi vặn lại ông ta: Ông cho tôi xem văn tự mua hồ, tôi mới nộp tiền bơi trên hồ. Ông trông hồ gật gật cái đầu: Được, lần sau ông mày sẽ cho mày xem văn tự. Bốn trẻ con đi bơi hôm ấy nhìn tôi, ánh mắt tràn đầy lòng kính phục. Tôi vênh mặt ra về với cái chiến tích đã làm cho nhà hồ đuối lý. Tôi có ngờ đâu, “cao nhân tất hữu cao nhân trị”, niềm huênh hoang của tôi chỉ hưởng thọ đúng hai mươi tư giờ.

Chiều hôm sau, tôi bơi ba vòng Hồ Sen lên chỗ đặt quần áo thì chỉ thấy áo, không thấy quần đâu cả. Tôi biết ngay, ông coi hồ chơi cú “đòn thù”. Bây giờ mình đến lạy van ông ấy xin cái quần về thì ôi cả người với bọn nhóc cùng bơi. Tôi bình tĩnh mặc áo sơ mi. Phúc tổ nhà tôi còn dày, thời đó các hiệu thợ may thường may “côn tonang” (col tenant) để người mặc cài cúc cổ, thắt cravat, một vài ông theo một thời đại may “côn đantông” (cổ bể), hay cổ Nhật. Sơ mi thời ấy thường dài kín hông và tất nhiên che luôn cả cái xilip ướt đầm tôi đang mặc. Cứ mặc theo kiểu “ông Táo châu trời” như thế, tôi bình tĩnh bước ra và điềm nhiên đi trên hè. Tôi cứ đi sát mặt tiền các nhà trên phố. Ai cũng tưởng tôi mặc sơ mi dài quá trùm mất quần đùi. Về đến nhà, tôi đi thẳng lên gác, mở tủ, lấy quần áo mặc vào cẩn thận rồi đi xếp bát đũa lên bàn ăn.

Cả nhà, ngay đến anh Phòng gần gũi tôi như thế cũng không biết chuyện tôi bị “bắt quần” trù vào tiền bơi quít. Rất tiếc chiến tranh ngày càng lan rộng, nếu không, chẳng may tôi thành nhà vô địch môn bơi đường dài, tôi sẽ kể cho các nhà báo chuyện này, chắc chắn ông chủ Hồ Sen sẽ may tặng tôi một chiếc quần phorlanen cẩn thận để đền chiếc quần đùi bị người coi hồ tịch thu hồi tôi đang tập luyện.

Thế là tôi bị “cắm cửa” đến bơi ở Hồ Sen. Lũ bạn tôi lại phát hiện ở phía bắc Nhà máy Tơ có một cái bể bơi vừa xây xong, chưa khánh thành. Bể bơi hiện đại có chỗ tháo nước ra, bơm nước vào, có bục xuất phát, có cầu nhảy, mỗi tội chiều dài hồ bơi chỉ có 50 mét, chiều ngang 25 mét, bơi một vòng hồ được 150 mét. Nếu định bơi 1.500 mét, tôi phải bơi mười vòng hồ. Không biết cơ quan nào quản lý mà cho đến khi chúng tôi phát hiện ra cái hồ bơi này, chúng tôi thấy cánh cổng sắt chỉ cài chốt sắt, không khóa. Thế là chúng tôi gọi nhau đi bơi ở cái “hồ không tên” này.

Đứng trên bục xuất phát, nhảy “đập chiếu” đến nổi cả ngực, chúng tôi khoái chí vô cùng. Người lao xuống nước, mắt chúng tôi vẫn mở nhìn màn nước trong xanh bao quanh. Khi người đã nổi trên mặt nước, chúng tôi sải tay quạt nước vài cái, quay ngoắt lại nhìn từng đứa lao vun vút dưới nước rồi từ từ nổi lên mặt nước. Thằng nào bơi đúng động tác, chúng tôi biết, thằng nào bơi crun tô tô (bơi chó) chúng tôi cũng biết. Mỗi đứa trình diễn một kiểu để ra vẻ “như ta đây”, chẳng đứa nào chịu tập tành gì.

Lần đầu tiên trong đời đến một hồ bơi hiện đại, chúng tôi thi nhau “khám phá” bí mật của hồ. Chúng tôi leo lên cầu nhảy - đứa nhảy “đập chiếu” đến đệt một phát, đứa nhảy đứng rồi đến tồm một hơi. Chúng tôi cứ để người rơi xuống tận đáy hồ rồi mở mắt nhìn nhau. Có đứa định nói câu gì đó nhưng

không tài nào thành tiếng, chỉ thấy một chùm bong bóng từ miệng nó nổi lên mặt nước. Chúng tôi cứ bò dưới đáy hồ cho đến khi nào hết hơi mới đập nước, ngoi lên bờ.

Bỗng có tiếng thét rất to: Có tiếng máy bay! Chúng tôi đứng quanh thành hồ, lấy tay che cho mắt đỡ chói nắng, cùng nhìn về phía có tiếng máy bay. Một thằng phát hiện một chấm đen ở phía bắc đang tiến về hướng hồ bơi. Chúng tôi thở dài nhẹ nhõm, đoán là máy bay Nhật đang tuần tiễu trên không phận thành phố. Máy bay mỗi lúc một to dần, một thằng vừa trở tay về hướng máy bay bay vào, vừa nói oang oang: Sao nó bay thấp như thế... Cu cậu chưa nói hết câu, bọn chúng tôi nhìn thấy lửa nhấp nháy ở hai bên cánh. Đứa nào đứa ấy nằm dãn bụng xuống thành bể bơi, nghe tiếng trọng liên trên máy bay đang bắn tới tấp về phía mình. Vốn tò mò, người thì vẫn nằm đấy nhưng chúng tôi vẫn héch mắt lên trời theo dõi máy bay. Pháo cao xạ Nhật bắn loạn xạ, bọn lính Nhật leo lên mái các nhà kho, giương súng bắn về phía máy bay Mỹ. Lần đầu tiên trong đời, chúng tôi được nhìn tận mắt một chiếc máy bay Mỹ vừa bay vừa chòng chành đôi cánh tránh hỏa lực phòng không của Nhật. Phi công Mỹ rất dũng cảm và mưu trí luôn lách vào tận hang ổ quân Nhật, đánh một đòn bất ngờ, nhưng quân Nhật cũng liều mạng một cách lạ lùng. Trong khi lũ chúng tôi đang nằm tồ hồ giữa bể bơi, bọn lính Nhật cứ đứng trên nóc các nhà kho dùng súng trường chọi nhau với trọng liên trên máy bay Mỹ bắn xuống như vãi đạn. Bỗng dung chiếc máy bay Mỹ tăng độ cao, kéo theo một dải khói đen bị vuốt dài theo đà gió. Bọn bộ binh Nhật reo ầm lên chỉ chỉ, trở trở về hướng chiếc máy bay Mỹ đang cố gượng bay khỏi tầm hỏa lực của quân Nhật. Không ai bảo ai, chúng tôi lồm cồm bò dậy, mắt dõi về hướng chiếc máy bay Mỹ lâm nạn. Một đám lửa bùng lên ở đầu máy bay. Bọn Nhật trên mái các nhà kho vỗ tay reo ầm lên. Chúng tôi không vỗ tay, như những khán giả không về phe nào, hồi hộp theo chiếc máy bay khó lòng trở về căn cứ. Không thấy phi công nhảy dù như trong những thước phim thời sự chúng tôi vẫn xem.

Chiếc máy bay vòng lại, lao về hướng đông, tìm lối thoát hiểm nhưng không tài nào bốc lên cao được nữa. Số phận chiếc máy bay đã được quyết định khi khói đen rực sáng dưới ánh mặt trời kéo theo lưỡi lửa cứ vun vút cắt ngang vùng trời thành phố. Bọn bộ binh, bọn bộ binh cơ giới Nhật nhảy phốc lên xe, bọn kỵ binh nhảy phốc lên ngựa, cả cái đám lính mặc quần áo màu cứt ngựa cứ ầm ầm lao theo hướng máy bay đang lao thấp dần xuống. Chúng tôi mặc vội quần áo, chạy theo đám lính Nhật, chẳng phải để hỗ trợ cho cuộc bao vây sắp tới và cũng chẳng phải vì lòng nhân đạo cao cả đi giải cứu cho phi công Đồng Minh. Chúng tôi chạy đi xem, xem những cảnh chiến tranh giữa quân Đồng Minh và quân Nhật đang diễn ra ngay trước mắt.

Bây giờ báo chí của ta gọi sự kiện ấy là “bắn rơi tại chỗ”. Máy bay Mỹ bị trúng đạn rơi ngay xuống cánh đồng ngập nước ở Hải Phòng. Chúng tôi chạy ra khỏi bể bơi đã thấy người lớn, trẻ con cứ cầm cổ chạy theo bọn bộ binh Nhật. Không hiểu sao lúc ấy bọn tôi lại khỏe đến thế. Từ bể bơi đến chỗ máy bay rơi, đường dài đến ba kilômét, thế mà chẳng đứa nào thấy mệt cả.

Chúng tôi tiếp tục chạy ào xuống ruộng nước. Các bộ phận máy bay rơi vương vãi khắp cánh đồng. Nhìn rõ chiếc đuôi cắm xuống ruộng, khoang lái vắng đi một quãng xa, hai động cơ máy bay ở hai bên cánh, mỗi động cơ cũng vắng một nơi, cánh quạt bị quăn, một cánh chổng lên trời. Bọn lính Nhật súng lăm lăm trong tay, lưỡi lê cắm trên đầu súng, cứ khua lưỡi lê không cho chúng tôi trèo lên những bộ phận máy bay bị rơi vương vãi. Chúng tôi lội nước òm ọp đi xem từng bộ phận một, bọn Nhật đuổi khỏi chỗ này, chúng tôi chạy đi chỗ khác cứ làm như đang đi nhặt nhạnh các hiện vật cho nhà bảo tàng.

Chúng tôi thích nhất băng đạn trọng liên nằm ở dưới mảnh cánh máy bay. Từng đưa một ra sức kéo viên đạn đồng bóng nhoáng ra khỏi băng đạn nhưng không được. Viên nọ nối với viên kia bằng một cái móc sắt, chỉ cần rút ra được một viên thôi, chúng tôi sẽ dễ dàng lôi băng đạn ra khỏi buồng đạn rồi đem giấu đi, chia nhau mỗi đưa vài viên. Chẳng được qua lớp huấn luyện quân khí của không quân, chúng tôi cũng đoán được viên đạn đầu sơn đỏ là đạn lửa, viên đạn đầu sơn đen là đạn khoan, viên đạn đầu sơn xanh là đạn phá nhưng đến cỡ đạn, chúng tôi cãi nhau loạn xạ. Đưa bảo là đạn đui xết (12ly7), đưa bảo tòredơ (13ly2), toàn những thứ học lỏm truyền khẩu từ các hầm trú ẩn nên chẳng đưa nào bảo vệ được ý kiến của mình. Cãi nhau í oảng như thế làm tên bộ binh Nhật đứng trên mảnh cánh máy bay phải nhảy xuống, hắn vừa trở vào băng đạn trọng liên còn giắt ở buồng đạn vừa kêu pàng pàng. Sao lại có thằng lính phát xít Nhật hiền đến thế. Hình như hắn cho là chiến tranh không phải là trò chơi của trẻ con. Lớp tuổi hắn vác súng ra chiến trường đã đủ rồi, không cần đến lũ nhóc con chúng tôi. Chiến tranh là phần việc của người lớn. Một đưa trong bọn chúng tôi lấy tay trở vào băng đạn trọng liên rồi trở vào ngực mình. Thằng lính Nhật lắc đầu, lấy ngón tay trở vào băng đạn rồi chọc chọc vào ngực từng đưa chúng tôi. Tiếc đứt ruột, chúng tôi vẫn phải lui sang chỗ khoang lái.

Tên sĩ quan Nhật bên này “hắc xì dầu” ra mặt. Tay hắn cầm khẩu súng ngắn Chiêu Hòa cứ vẫy vẫy ra hiệu cho chúng tôi đi khỏi nơi đây. Chân chúng tôi lùi lại nhưng mắt đều nhìn về phía chiếc áo bludông da đang nhô lên khỏi cánh cửa khoang lái. Bọn Nhật đang lục soát tài liệu quân sự nên cánh lính tráng canh gác chặt chẽ hơn.

Chúng tôi quay ra mò trong cánh đồng ngập nước tìm mảnh máy bay làm lưu niệm. Thế mà sang hôm sau, thằng Bông đã mang đến lớp một viên đạn đầu sơn đỏ. Nó rút đầu đạn ra khỏi cáctút đồng vàng chóc, rồi lại chổng ngược cáctút lên cho chúng tôi nhìn thấy đáy đã bị cạy hạt nổ. Thằng Bông bảo chú nó cũng mò ra chỗ máy bay rơi, lấy được năm viên đạn trọng liên, về nhà kẹp viên đạn vào hai hàm êtô xoáy thật chặt, dùng cờ lê tháo đầu đạn ra rồi đổ hết thuốc phóng đi, sau đó mới nhờ một ông pháo thủ về hưu tháo hạt nổ.

Chiến tranh đến với lũ nhóc chúng tôi như thế. Đưa nào chết vì tên rơi đạn lạc thì chịu, còn những đưa còn sống thấy chiến tranh cứ như trò chơi.

Bố mẹ tôi đưa em Kế và em Biên gửi bác Cẩn. Trường tiểu học tư thực Hải Yến ở giáp tường nhà bác Cẩn. Em Miên vẫn ở trong quê với ông bà nội. Thế là ba anh em được ở với nhau, với hai bác tôi vẫn là chuyện thêm đũa thêm bát. Tôi ít được đi chơi, lúc rỗi rãi một tí tôi phải trông em. Nhà bác Cẩn lại ở trung độ giữa hai cái ngõ sâu hun hút, lắt léo ngách. Hai em tôi mãi chơi đi lạc vào các ngách ấy, khó tìm được lối ra. Đã thế lại còn “mẹ mìn” đi thổi thuốc mê hay nhử kẹo bắt trẻ em đi bán cho những nhà không có con...

Chủ nhật nào bố mẹ cũng đến thăm anh em chúng tôi. Trước khi về, mẹ tôi bao giờ cũng đưa cho tôi năm hào toàn tiền lẻ để mỗi khi dẫn em đi chơi, mua kẹo cho các em tôi ăn. Hai đứa đều thích gói ruốc thịt lợn, bên trong mỗi gói ruốc lại có cái tàu bay, con ngựa, ông Phật nho nhỏ đúc bằng chì. Một xu một gói. Có lần hai đứa lại đòi mua kẹo, trong túi kẹo lại có miếng đề can vẽ hình chú chuột Michky, chú vịt Đôn-an, chú mèo, chú chó. Hai đứa đem miếng đề can đặt vào ngực áo rồi lấy bàn là miết đi miết lại, hình trên miếng đề can in sang ngực áo.

Hồi ấy chưa có cuộc vận động xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, bọn học sinh chúng tôi tự dung thích mặc áo dài như trong ảnh các anh mấy năm trước vẫn treo trong phòng cất giáo cụ. Tôi cũng đòi mẹ tôi may cho một cái áo alpaga vừa bóng vừa mịn mặt như cái áo của thằng Tỉnh trong lớp. Mẹ tôi đo thân, đo vòng ngực, đo chiều dài cho tôi xong, dặn cứ tạm mặc áo sơ mi, quần Tây đi học, đến chủ nhật tới, mẹ sẽ mang áo dài, quần dài cho mà mặc đi học.

Chủ nhật sau, mẹ tôi mang áo dài đến cho tôi. Tôi mặc thử luôn. Vai và vạt đều vừa mắt nhưng khi nhìn kỹ thân áo, thấy sợi vải vừa thô vừa ráp, tôi cởi áo ra ngay. Mẹ tôi vội hỏi: Sao? Con đang thích áo dài kia mà. Tôi ấn cái áo vào tay mẹ tôi: Con không mặc áo dài nữa. Mẹ tôi lại hỏi: Con thích gì, con cứ nói cho mẹ nghe. Tôi nói luôn: Con thích cái áo alpaga. Mẹ tôi cười: Con đang tuổi nhớn. Con mặc áo này, sang năm con bỏ đi, mẹ sẽ may áo alpaga. Tôi quay ngoắt đi: Con không mặc là con không mặc. Mẹ nắm lấy cánh tay tôi, kéo tôi vào lòng: Thì con cứ mặc tạm. Mẹ không mua được vải alpaga, cửa hàng chỉ còn một súc vải này, mẹ không mua thì không may kịp cho con. Tôi vẫn chưa chịu: Mẹ cứ đi tìm ở các hiệu khác làm gì mà không tìm được vải alpaga. Mẹ tôi vuốt từng nếp áo dài cho tôi: Mẹ đi tìm rồi. Con cứ mặc tạm cái áo này, khi nào thấy vải alpaga mẹ lại may cho con cái khác.

Từ đó, tuần nào bố mẹ cũng về thăm tôi. Vấn đề đầu tiên được ghi trong “chương trình nghị sự” là chiếc áo dài may bằng vải alpaga và lần nào mẹ tôi cũng trả lời là chưa tìm thấy hiệu nào bán vải alpaga. Một hôm anh Phòng bảo tôi: Bố mẹ mày không ở Cửa Ông nữa, đã đưa thằng Kế, thằng Biên lên nhà tao. Bố mẹ mày đang ở Ngõ Cô Ba Chìa. Tôi hỏi lại: Sao anh biết? Anh Phòng kéo tôi ra tận chân cột đèn rồi mới nhỏ to ra điều quan trọng: Tao nghe thấy mẹ mày nói chuyện với bu tao. Đi thẳng

phố Belgique, qua đầu Ngõ Cấm là đến Ngõ Cô Ba Chia, đến cái máy nước rẽ tay trái, đi đến ngã ba lại rẽ tay trái, đến cái nhà thứ ba là đúng. Không tin thì hôm nào mẹ mầy lên chơi, mầy hỏi lại xem tao nói có đúng không. Tôi cứ nhập tâm lời chỉ dẫn của anh Phòng và sớm linh cảm một bất hạnh đã rơi vào gia đình tôi. Tôi bị Thánh phán là không được sống gần bố mẹ, thằng em thứ ba tuổi xung khắc với tuổi mẹ phải về ở với ông bà nội mới sống được, chẳng lẽ đến thằng em thứ hai, thằng em thứ tư cũng lại xung khắc với tuổi mẹ tôi, phải lên ở trên này với bác Cẩn.

Tôi quyết tìm nhà bố mẹ đang ở bằng được và lúc ấy chỉ có hai mẹ con với nhau, tôi phải hỏi cho ra đầu đuôi câu chuyện tại sao bố mẹ lại dọn nhà về Hải Phòng mà không cho anh em chúng tôi ở cùng. Chiều thứ năm là giờ học chữ Nho (caractère chinoise) do cụ Mộc dạy. Lớp chúng tôi học từ hai giờ đến ba giờ rồi chúng tôi chạy ra bãi Máy Tơ đá bóng. Hôm nay chỉ là buổi chia người đá chơi nên tôi không đá bóng mà đi thẳng về Hồ Sen, đền Tiên Nga, Ngõ Cấm rồi đến Ngõ Cô Ba Chia. Cho đến tận bây giờ, chưa ai giải thích cho tôi cái tên Cô Ba Chia là thế nào nhưng hồi ấy, tôi nghe nói một cô lấy làm ba ông quan Tây nào đấy đến làm nhà ở trong cái ngõ này, cô lại có hàm răng vầu nên để dễ nhớ thiên hạ mới gọi là Ngõ Cô Ba Chia.

Thời Pháp thuộc, Ngõ Cô Ba Chia là nơi cư trú của dân lao động. Dãy nhà ngói một tầng nằm xen kẽ với dãy nhà tranh vách đất chạy dài hai bên con đường lát xi măng khắp kha khắp khênh. Mới bước chân vào đầu ngõ, nhìn quang cảnh ấy, tôi cũng đoán được chuyện gì đã đến với gia đình mình. Nhưng đến chỗ máy nước, rẽ tay trái đi vào cái ngách toàn những mái nhà tranh lúp xúp, tôi biết ngay bố mẹ tôi đã đi đến bước đường cùng.

Nhà thứ nhất đóng cửa, nhà thứ hai đóng cửa, nhà thứ ba cũng đóng cửa. Không biết bố mẹ tôi đi đâu. Nhà thứ tư cũng đóng cửa.

Hai cánh cửa nhà bố mẹ tôi ở đóng bằng gỗ thông tháo ở các thùng đồ còn in dòng chữ sơn đen Poide brut (trọng lượng cả bì), Poide net (trọng lượng không bì). Cửa khóa, tôi đẩy hai cánh cửa vào trong rồi nhìn qua mép cửa. Nhà tối om om, thẳng vào tầm nhìn của tôi là hai tấm phản gỗ mộc kê ghép trên hai chiếc niềng dài. Chiếc nồi gang, chiếc chảo gang, chiếc cối đá nhỏ cùng chiếc chày giã cua - một đầu nằm trong lòng cối, một đầu dựng vào tường. Cạnh đấy là cái kiềng gang, ba chân kiềng cắm sâu xuống đồng tro còn vương vãi mấy đầu củi cháy dở. Tôi không tin bố mẹ lại có thể sống trong ngôi nhà này nhưng đến khi nhìn thấy chiếc va li da đặt trên chiếc hòm quần áo mẹ vẫn dùng ở Cửa Ông thì tôi không sao cầm được nước mắt nữa. Tôi khóc như một cơn mưa chột đến không sấm chớp. Tôi gục đầu vào hai mép cánh cửa mà khóc. Khóc chẳng để đòi bố mẹ phải mua cho tôi một thứ gì, khóc chẳng phải đòi bố phải hát “Đàn ai tiếng kêu ngoài thềm”. Lần đầu tiên trong đời, tôi khóc vì thương bố mẹ đang phải gánh chịu vô vàn khó khăn, thiếu thốn nhưng vẫn lo cho ba anh em chúng tôi ăn học. Tôi khóc vì thương bố mẹ không mua nổi cho tôi chiếc áo dài may bằng vải alpaga nhưng không dám nói

thật với con.

Chờ lâu lắm không thấy bố mẹ về, tôi quay ra chỗ máy nước, đi thẳng ra đầu ngõ Cô Ba Chìa rồi rẽ về Ao Than - Lạc Viên.

Bây giờ tôi mới biết thật mình là ai và đang đứng ở chỗ nào trong cuộc đời này. Đêm hôm đó, ba anh em nằm với nhau, đặt mình một cái là hai đứa em đã ngáy khò khò, chúng vẫn ăn ngon, ngủ kỹ, không biết bố mẹ đang sống trong căn nhà tranh vách đất, ăn đấy, ngủ đấy và chắc chắn tắm giặt cũng ở ngay đấy.

Thương bố mẹ quá, tôi lại khóc. Khóc một mình. Không cho hai đứa em biết và cũng không cho cả anh Phòng biết.

Mười

Chuyện nhà cửa thời Pháp thuộc không gây lăm lý sự như thời quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội bây giờ. Bác Cẩn được đổi lên nhà Đoan Hà Nội. Bác gái lên Hà Nội thuê nhà và ở lại thổi nấu cho bác trai ăn. Chị Hải, anh Phòng, chị Hảo, chị Thảo, chị Lan đến kỳ nghỉ hè cũng lên Hà Nội. Mẹ tôi dọn về Ao Than - Lạc Viên ở với chúng tôi. Thời nay thế là xong rồi, bác Cẩn dù được đổi về Hải Phòng, cũng chỉ giữ được cái gác và cái gian xây thêm trên gác, còn gia đình tôi nghiễm nhiên chiếm gọn gian trệt. Nếu bác Cẩn muốn bán căn nhà ấy cho người khác, dù bác Cẩn có làm đơn ra ủy ban nhân dân kiện tới Công an nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thì Tòa án nhân dân sẽ xử hòa: bác Cẩn phải tìm cho gia đình tôi một căn nhà khác, bố mẹ tôi có đồng ý, bác Cẩn mới bán được nhà ở Ao Than - Lạc Viên. Các cụ gọi tẩn bi hài kịch đó là “trước ở nhờ, sau chiếm chỗ”.

Bố tôi chỉ ở Ao Than - Lạc Viên ít ngày rồi lên Hà Nội kiếm việc. Tôi cũng chưa bao giờ kể với bố mẹ là tôi đã nhìn thấy ngôi nhà bố mẹ thuê ở Ngõ Cô Ba Chìa, sợ mẹ buồn. Chiếc áo dài thâm đã chật, tôi không bao giờ xỏ tay được nữa. Em Kế cũng không chịu mặc, nó kêu: Mặc áo dài thâm lại đội thêm cái mũ trắng nữa thì em thành ông cụ đạo. Không biết mẹ tôi đem cái áo ấy cho ai.

Mỗi tháng bố về thăm mẹ con tôi một lần. Ngày khai trường, Tết Trung Thu, lễ Nôen, ông giám đốc còn gửi đồ chơi về cho anh em chúng tôi. Thời kỳ đó gia đình tôi sống tạm gọi là ung dung. Tôi lên học ở Trường Thành chung Lê Lợi. Trường ở gần Ga Hải Phòng. Mỗi khi đi học hay về nhà tôi cứ phải đi qua một biệt thự của người Pháp, vừa đi vừa dỏng tai lắng nghe tiếng đàn pianô thánh thót vọng ra. Nghe thì thấy hay nhưng chẳng biết bài gì, thỉnh thoảng người trong biệt thự mới chơi những bài của Tino Rossi, tôi thuộc những bài hát đó nên dừng chân đứng dưới gốc phượng vĩ vừa lẩm nhẩm hát khe khẽ theo, xong đâu vào đấy tôi phải cắm cổ chạy cật lực mới kịp giờ học. Tôi không biết người Pháp trong biệt thự làm gì và cũng chẳng bao giờ thấy người đó hoặc những anh bồi, anh bếp xuất hiện ở ngoài sân. Suốt thời gian đi học, tôi chưa thấy ai mở cánh cổng sắt hăm hăm đi ra, phẩy tay đuổi tôi đi. Tôi rất thèm một cây đàn măngđôlin hay bănggiô cũng được, để được chơi những bài như thế nhưng tôi không bao giờ xin bố. Tôi biết mình đang sống vào thời buổi kiếm được đồng tiền khó lắm.

Tôi luôn luôn tưởng tượng ra hình dáng ông giám đốc quý trẻ con chỗ bố tôi làm. Chắc ông ấy phải là người to béo, mặt mũi phúc hậu. Đến khi về quê, bố mới kể cho tôi biết “ông giám đốc” ấy còn kém bố tôi mười tuổi. Ông ấy gặp bố tôi tại nhà in Nouvelles, thấy bố cộng sổ, cứ cầm bút lia từng hàng số từ trên xuống dưới mà không bao giờ để sai một con số, ông ấy mê quá. Đến khi đứng ra lập công ty vận tải thương thuyền, ông ấy mời bố tôi về làm chủ sự văn phòng kiêm kế toán trưởng.

Treo biển Công ty Vận tải Thương thuyền nhưng công ty không có thuyền trong tay. Giấy tờ giao dịch của công ty không kém gì các công ty cỡ lớn: cũng giấy trắng bóng in đủ tên công ty, số nhà, phố,

số điện thoại, bưu cục (boite postale) cẩn thận nhưng nếu điểm danh, cả công ty chỉ có ba người: Ông giám đốc là một, ông chủ sự văn phòng là hai và một cô nữ thư ký đánh máy kiêm tiếp nước cho khách kiêm dọn dẹp trụ sở công ty - bây giờ ta thường gọi là tạp vụ. Nhờ cặp kính cận và giọng nói dịu dàng, mềm mỏng - bố tôi không nói to bao giờ, và lại khéo sắp xếp công việc, bố tôi giải quyết mọi công việc ở văn phòng: làm hợp đồng chở hàng và làm hợp đồng thuê thuyền. Bản thân công ty không có thuyền nhưng hoạt động theo kiểu “Khổng Minh mượn tên quân Tào” trong *Tam Quốc diễn nghĩa*. Văn phòng cũng lắp một cái máy điện thoại ra dáng một công ty làm ăn bẽ thế. Mỗi khi có khách đến giao dịch, cô nữ thư ký lẳng xăng chạy đi pha nước, mời khách ngồi vào ghế xa lông bọc da rồi vào mời bố tôi ra tiếp khách. Bố tôi ra ngay làm sao được vì khi khách vừa mới bước vào văn phòng, bố đã bốc máy điện thoại, nói một tràng tiếng Pháp cho khách nghe thấy - thực ra là quay số điện thoại ra bưu điện hỏi giờ hay một địa chỉ vu vơ làm vị khách mới đến phải kính nể mạng lưới quan hệ rộng lớn của công ty. Cũng có khi bố tôi quay số máy của phòng thông tin Nhật Bản hỏi tin tức quân Nhật đã tiến tới hòn đảo khi gió nào ở Thái Bình Dương. Trong lúc bố tôi đang tiếp khách, cô nữ thư ký lại lôi giấy tờ ra đánh máy. Mười ngón tay của cô mổ trên bàn phím nghe cứ rào rào, thỉnh thoảng cô lại kéo rulô đến roẹt một cái minh họa cho không khí một công ty bận rộn đang trên đà phát triển. Đến năm giờ chiều trước khi đóng mười cánh cửa lùa, cô mới đem đồng giấy đánh máy trong ngày hôm ấy ném hết cả vào sọt rác.

Chức danh là giám đốc, ông bạn trẻ của bố tôi chỉ lo việc sục sạo tìm nguồn hàng và thuê các chủ thuyền. Bố tôi vốn là dân poanhtơ lại có nghề kế toán nên cả công ty chỉ có ba người mà vẫn “đạo ra Vô Tích, đạo vào Lâm Truy”. Đạo ấy máy bay Mỹ thường đánh phá cầu đường sắt nên vận tải thủy trở nên một mũi nhọn lôi cuốn được nhiều chủ hàng.

Bố tôi thường nói về giám đốc của mình: “Làm ăn là phải biết chớp thời cơ, chú ấy trẻ đầy nhưng chịu suy nghĩ, chịu tính toán. Mình làm thuê cho chú ấy cũng phải thôi. Sống trong thời chiến, chú ấy biết tìm những kẽ hở của thời thế mà luồn lách vào tìm ra việc. Bọn trẻ bây giờ giỏi lắm, họ bằng tuổi mình, họ sẽ làm được những công việc gấp trăm lần công việc mình đang làm bây giờ”.

Giám đốc Công ty Vận tải Thương thuyền năm ấy mới có hai mươi bảy tuổi. Tôi chỉ tiếc một điều: nếu cậu Cát sớm gặp ông giám đốc trẻ này có lẽ đời cậu sẽ rẽ sang một hướng khác.

Mười một

Thời Pháp thuộc, lũ học trò chúng tôi không được học theo tuyến như những học sinh dưới mái trường xã hội chủ nghĩa bây giờ. Gần hết ba tháng hè, chúng tôi đi đến các trường xem danh sách giáo viên trước khi chọn trường, chọn lớp. Các trường thành chung ở Hải Phòng khi ấy cũng không nhiều: trường Bonnal là trường công, trường Xanh Giôdép là trường Tây còn các trường Lê Lợi, Ary Anhbe, trường Luy Paxtơ, trường Nguyễn Trường Tộ - chúng tôi gọi là trường Nguyễn Sừng Sộ. Sau khi đi xem danh sách giáo viên về, chúng tôi hỏi ý kiến các anh học năm trước nên học trường nào rồi thấy mấy thằng bạn ở Lạc Viên xin vào trường Lê Lợi, tôi cũng vào trường Lê Lợi.

Tôi không được học trường viết văn, trường viết báo, trường điện ảnh bao giờ. Đền bù lại những thiệt thòi đó, cuộc đời đã ban cho tôi một người thầy.

Ngày còn học ở tiểu học, tôi thường bị điểm thấp về môn tập làm văn. Những dòng chữ mực đỏ thầy phê “thô tục”, “hay bông đùa” ít khi vắng mặt bên lề bài luận quốc văn hay bài luận Pháp văn của tôi. Không hiểu sao, tôi đã chọn những chữ mà tôi cho là nghiêm túc nhưng thầy vẫn phê là “hay bông đùa”.

Năm 1944, thầy Trần Cự đến dạy văn ở lớp chúng tôi. Một lần chúng tôi phải làm bài luận quốc văn tả một cuộc báo động. Tôi tả mấy thanh niên chạy vào hầm đầu bơi briăngtin bóng mượt như cái gáo dừa sơn hắc ín. Đến ngày thầy Cự trả bài, thầy nhìn tôi mỉm cười. Tôi giơ hai tay ra nhận bài rồi ngồi xuống giở bài ra xem. Đoạn tôi tả những thanh niên chạy vào hầm đầu bơi briăngtin bóng mượt như cái gáo dừa sơn hắc ín, thầy ghi bên lề trang viết “intéressant” (thú vị). Hai anh bạn ngồi bên châu đầu vào đọc dòng chữ mực đỏ mỉm cười chia vui với tôi. Vĩnh Lộc, một tín đồ của Tự Lực Văn Đoàn, làm luận bao giờ cũng dùng từ bay bướm, câu văn du dương giàu nhạc điệu, thường được điểm cao trong môn văn. Lần này thầy Cự dung nạp cả lối văn du dương bay bướm và lối văn dân dã của chúng tôi. Vĩnh Lộc và tôi cùng làm một bài văn, mỗi đứa viết theo một giọng điệu riêng. Mười hai năm sau, mỗi đứa cùng trình làng một tập truyện ngắn nhưng tập của Vĩnh Lộc dày gấp đôi tập của tôi. Thế là ngay từ khi còn bé, chúng tôi may mắn gặp người thầy biết tôn trọng suy nghĩ của chúng tôi, không dồn chữ nghĩa của chúng tôi vào cùng một khuôn.

Chúng tôi thuộc loại đọc tạp, vớ được cái gì cũng đọc bằng thích. Thời ấy Tiểu thuyết Thứ bảy vừa in du ký *Trưa tha hương* của Trần Cự. Mấy kỳ sau, báo lại in tiếp *Wat Nokor* cũng của Trần Cự. Hai bài du ký đều viết về một chuyến đi trên đất Cao Miên nhưng thầy Trần Cự lại là giáo viên văn trường Lê Lợi, Hải Phòng, làm sao thầy có điều kiện đi du lịch xa như thế được. Có thể là một sự trùng tên. Thà bỏ ra năm phút hỏi thầy còn hơn là ôm mối hoài nghi ấy suốt cả đời người, chúng nó xui tôi hỏi thầy xem thế nào. Đến cuối giờ văn học Pháp, tôi đứng lên: “Thầy cho phép con hỏi một câu”. Thầy

nhìn tôi: “Có chuyện gì thế em?” Thông thường thầy giáo gọi học trò là con nhưng vì thầy còn trẻ quá, chỉ hơn chúng tôi chục tuổi là cùng. Tôi hỏi tiếp: “Thưa thầy, có phải thầy là tác giả của *Trưa tha hương* và *Wat Nokor* không ạ?” Thầy gật đầu mỉm cười, cả lớp reo ầm lên. Thì ra chúng tôi là học trò một nhà văn mà không biết. Thế là cả giờ ra chơi, chúng tôi xúm quanh thầy nghe chuyện thầy “giang hồ” sang Cao Miên.

Cách mấy số báo sau, chúng tôi lại đọc *Trên lái thán* của Trần Cu trên Tiểu thuyết Thứ bảy. Tôi mê nhất đoạn đêm sao trên vịnh Hạ Long, có những câu tôi nhớ đến tận bây giờ. Tôi đã sống ở Cửa Ông, bố mẹ đã nhiều lần đưa tôi đi chơi thuyền trên vịnh Hạ Long, tôi đã ngửa cổ ngắm một trời sao nhưng cái vẻ đẹp lung linh ấy đã trượt qua đôi mắt thơ ngây của tôi. Trong chương trình văn học Pháp, chúng tôi đều phải học truyện ngắn *Những ngôi sao* của Anphôngxơ Đôđê, nhưng đọc đêm sao của thầy chúng tôi thấy những chòm sao ấy gần gũi hơn.

Một lần chỉ có thầy và tôi ở trong lớp, tôi đánh bạo hỏi thầy: “Thưa thầy, em muốn viết về một đêm sao như thế có được không ạ?” Thầy khuyến khích tôi: “Em có nhiều nhận xét hóm hỉnh về những gì em đã quan sát. Em cứ viết đúng những điều em đã suy nghĩ. Đêm sao có phải là món hàng độc quyền của riêng ai đâu, mỗi nhà văn tìm đến một vùng trời của mình. Cái sợ nhất là mình lại viết giống như những điều người ta đã viết trước rồi”.

Tôi tiếc cho thằng Mẫn quá. Giá nó được học thầy từ năm nó viết *Dạ nguyệt minh châu kiếm* hay bây giờ nó cũng được đến học thầy, có phải một tài năng trẻ không sớm bị cụt hứng. Còn tôi, được gần gũi thầy nhưng chưa đủ sức bắt tay vào công việc thiêng liêng ấy thì nạn đói Ất Dậu đã ập đến, tôi phải thôi học đi kiếm sống. Ít lâu sau, dân Hải Phòng phải nổ súng đánh chặn quân viễn chinh Pháp định đánh chiếm thành phố Cảng, thầy trò chúng tôi mỗi người đi một ngả trên khắp nẻo đường kháng chiến. Mãi đến khi Trung ương triệu tập Hội nghị Văn nghệ sĩ Toàn quốc, tôi mới gặp lại thầy và thưa chuyện với thầy về ước mơ thời niên thiếu đã hiện hình. Đoạn văn về đêm sao trên vịnh Hạ Long cứ dang dở theo tôi trên những nẻo đường bị cắt, bị đào... Mỗi đêm hành quân, lúc hạ ba lô ngả lưng, tôi ngửa mặt nhìn trời sao, lúc trú quân, tôi ra vườn ngửa cổ nhìn trời. Tôi xới, tôi mò từng chòm sao một, tìm cho ra tính nét từng chòm sao. Khi viết cuốn tiểu thuyết đầu tay, tôi dành hẳn một trang viết về đêm sao để kính tặng người thầy đã từng gieo trong tim tôi chất men say của người cầm bút.

Mười ba năm sau, tôi được lệnh vào chiến trường miền Nam, tôi đến chào thầy. Thầy hỏi tôi: “Chuyến đi sắp tới, cậu định viết gì?” Tôi thành thực trả lời: “Em chỉ coi như đi làm nghĩa vụ công dân. Các anh ở trong ấy đã viết nhiều quá rồi. Các anh đi trước cũng viết nhiều rồi”. Thầy mỉm cười: “Mỗi người cầm bút nhìn cuộc sống bằng đôi mắt của mình. Chiều sâu cuộc sống không có giới hạn. Khám phá mà. Cậu phải tự tin vào ngòi bút của mình như khi viết đêm hội sao ngày trước”. Tôi trả lời: “Vâng, con nhớ”. Thầy nói tiếp: “Cậu phải rút kinh nghiệm mấy ông làm báo, họ lấy tài liệu theo

kiểu nuốt sống ăn tươi rồi cắm đầu cắm cổ viết ầu, viết xong lại đề là ghi nhanh. Thì các ông ấy cứ ghi thật chậm lại xem nào, bài báo có khá hơn tí nào đâu”.

Tôi vừa lòng tay qua quai ba lô, thầy đã cầm chiếc mũ vải vành lá sen chụp lên đầu tôi rồi kéo quai mũ xuống cầm cho tôi. Tôi vô cùng sung sướng vì mỗi lần đi vào chiến trường tôi vẫn có người thầy dõi theo từng bước đi của tôi, ân cần chỉ bảo tôi điều hay lẽ phải. Những đêm rảnh việc, tôi chui ra khỏi hang, leo lên khỏi nhà ầu, bước ra bờ suối nhìn mảng sao nhỏ nhoi bị kẹp giữa hai vách núi. Trên trời có những ngôi sao to và những ngôi sao nhỏ. Mỗi ngôi sao đều có kích thước riêng của mình. Có những ngôi sao to nhưng ta mới nhìn bằng mắt thường nên cứ tưởng là nó nhỏ vì vị trí của nó ở quá xa nơi chúng ta đang đứng quan sát ở trái đất. Tôi nghĩ về trời sao như thế. Sau này cái tứ đó đã truyền vào mạch phim *Những ngôi sao nhỏ*.

Thầy Trần Cư chỉ dạy tôi chưa đủ một năm học nhưng thầy đã gieo một trời sao vào tâm hồn thơ ầu của tôi. Đêm sao trên vịnh Hạ Long đã mở đường cho tôi tìm nguồn cảm hứng trước cái đẹp của cuộc đời, khuyến khích tôi tự tin vào những dòng chữ chập chững ban đầu, nhấn nhủ tôi tìm lấy mảnh trời riêng, đừng đánh mất mình trên từng trang viết. Thầy đã mở đường cho chúng tôi nhiễm máu giang hồ của thầy, tự tin vào cuộc sống mỗi ngày một quê hương. Những Tônglê sáp, Battambang, Xiêmriệp, Wat Nokor, Ăngko Wat... trong những trang viết của thầy cứ thúc giục chúng tôi đi, đi mãi đến mọi miền đất lạ. Lúc bấy giờ bọn trẻ con chúng tôi chỉ biết đến thế, sau này khi lớn lên chúng tôi cũng chỉ biết đến thế. Mãi đến chạng cuối cuộc đời - đúng ngày đưa đám cô Khánh, người bạn đời của thầy, tôi mới hiểu nguồn cơn nào đã đưa chàng trai tuổi hai mươi quyết bỏ nhà đi đến miền đất phương xa.

Trong một bữa rượu, cụ thân sinh của thầy cùng một cụ bạn đã cao hứng nhận nhau làm thông gia. Khi lớn lên con gái người này sẽ lấy con trai người kia để tình bạn càng thêm gắn bó. Vì thế sau khi thầy đỗ tú tài toàn phần, hai cụ quyết định làm lễ cưới cho thầy với cô con gái rượu cụ bạn - một cô gái ngoan ngoãn, khéo tay, hay làm cụ đã “chăm” từ khi cô mới lọt lòng. Hai cụ bên này thuộc tính thuộc nết cô như con gái trong nhà nhưng lại không được ăn đời ở kiếp với thầy. Cụ ông đã nhiều lần hỏi thầy: “Vậy anh chê người ta cái gì?” Thầy một mực trả lời: “Thầy mẹ cho phép con lấy người nào mà con yêu”. Ông cụ dồn thầy vào chân tường: “Chúng tôi chưa hề yêu nhau trước rồi mới lấy nhau, thế mà chúng tôi vẫn sống với nhau, vẫn đẻ ra các anh, các chị. Anh có thấy chúng tôi to tiếng với nhau bao giờ không?” Dù đuối lý nhưng thầy vẫn không chịu nghe lời các cụ đi lấy một người không bao giờ mình yêu.

Thầy đã yêu một người. Tên cô gái ấy là Khánh, Phạm Thị Khánh ở ngõ Nam Sinh gần Ngã Sáu, Hải Phòng. Cô mới đọc thông viết thạo, các cụ không cho cô đến trường vì các cụ nghĩ rằng con gái lắm chữ chỉ tỏ viết thư cho giai. Con gái chẳng là cái nghĩa gì ở đời, khi lấy chồng lại mang tên chồng nên các cụ không làm giấy khai sinh cho cô. Ngày sinh của cô “3 tháng 4” trong lý lịch cán bộ và trong

sổ hộ khẩu sau này chính là ngày sinh tháng đẻ của thầy. Cô yêu thầy đến mức coi ngày sinh tháng đẻ của thầy cũng chính là ngày sinh tháng đẻ của mình. Sau này thầy cô thường nói vui với tôi: “Như thế mỗi năm chúng mình chỉ phải làm sinh nhật một lần là xong, con cháu đỡ vất vả chuẩn bị”.

Anh trai cô vốn ham thích thể thao, thường tập với một khối lượng vận động quá nặng. Một lần tập xong, anh tắm nước lạnh nơi gió hút nên bị ngã gục rồi ho ra máu. Cả nhà cứ tưởng anh ho lao. Thời Pháp thuộc, ai bị ho lao là coi như đứng ngấp nghé nơi cửa tử. Cô thương anh, ra sức chăm sóc anh. Những lần đến thăm bạn bị ốm, thầy chứng kiến cảnh cô em gái sắc thuốc cho anh, đút cháo cho anh đang nằm trên giường bệnh, thầy biết mình đã tìm thấy người bạn đời, người bạn đường cho mình. Thầy biết mình mang trong người dòng máu giang hồ, cô sẽ chung vai gánh chịu những ngày sóng gió của một cuộc sống long đong. Các cụ bên nhà lại thấy hai người quần quít lấy nhau là chuyện gai mắt. Mỗi lần có người về “hót lẻo” thầy sang chơi bên nhà cô, các cụ lại sai người sang tận nơi gọi thầy về. Hai cụ cố tình diễn đi diễn lại chuyện “bao vây tình cảm” với thầy. Đôi đầu với tình hình căng thẳng đó, thầy bỏ sang Cao Miên xin một chân nhân viên bưu điện để kiếm sống.

Thầy bắt chước Alécxăngđơ Đại đế khi ra đi chỉ mang theo thanh kiếm trận và một niềm tin. Thanh kiếm trận của thầy là chiếc bút máy Pilot - những *Trưã tha hương*, *Wat Nokor* cũng từ đây mà ra đời, niềm tin của thầy là tấm ảnh 6x9 của cô thầy vẫn giấu trong túi ngực. Ngay trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, thầy vẫn đem theo tấm ảnh “đôi mắt đợi chờ” đó. Dù có phải hy sinh, thầy chỉ mong viên đạn sẽ xuyên qua tấm ảnh cùng với trái tim người phóng viên chiến tranh. Máu thầy sẽ nhuộm hồng tấm ảnh đã từng cùng thầy đi khắp đông đoài, nam, bắc.

Những ngày lang thang ở Cao Miên kiếm sống, thầy vẫn viết thư cho cô. Những bài du ký chúng tôi đã đọc trên Tiểu thuyết Thứ bảy chính là những bức thư dài thầy kể cho người thương của mình về miền đất in vết chân thầy đang lượn vòng đến cái đích mà hai người đang mong đợi. Lúc còn học thầy, đọc bài *Mây trắng* của thầy in trên Tiểu thuyết Thứ bảy, chúng tôi chỉ thấy hay hay, đến bây giờ tôi mới hiểu những gì còn ẩn mình giữa hai dòng chữ:

... Núi sông thì núi sông

Lòng riêng riêng một lòng

Anh nhớ hồn sông Nhị

Em mơ tình Cửu Long

Chiều đỏ trên sông vắng

Nước trôi như tơ vương

Lòng hòa đám mây trắng

Lang thang nơi cố hương.

Trong lúc hai người đang thư đi thư về như thế, nhiều cụ đến xin cô Khánh về làm dâu nhà mình. Dù “người chồng tương lai” của mình là con người thời thượng “đẹp trai, con nhà giàu”, cô vẫn một lòng chờ thầy. Đất không chịu trời thì trời đành chịu đất, sốt ruột vì mãi chưa có thằng cháu đích tôn sau này trông nhà thờ họ, hai cụ phải “xuống thang” viết thư gọi thầy về làm đám cưới. Thầy dạy học ở trường Lê Lợi, cô mở hiệu sách Cảo Thơm ở phố Cầu Đất. Chính trong thời gian này, thầy dạy cô học tiếng Pháp.

Cái tổ ấm sum vầy chưa được bao lâu, ngày 20 tháng 11 năm 1946, giặc Pháp gây chiến ở Hải Phòng, thầy gia nhập quân đội, cô tản cư lên Việt Bắc. Tấm ảnh đôi mắt đợi chờ lại theo thầy đi hết chiến dịch này sang chiến dịch khác.

*

* *

Năm ngoái cô mang bệnh. Thầy bỏ dở một công trình nghiên cứu văn học, vùi đầu đọc các sách thuốc, ghi chép nhiều bài thuốc có khả năng làm tiêu tan khối u trong cơ thể. Thầy đi tìm cả lá thuốc chữa chạy cho cô. Bạn thầy, đại tá quân y có, viện trưởng viện quân y cũng có, người nào cũng tạo điều kiện cho cô điều trị nhưng người ta chỉ chữa được bệnh chứ chưa ai chữa được mệnh.

Ngồi trong phòng tang lễ của Đài Điện táng, nhìn linh cữu cô lặng lẽ trôi vào hầm rồi cánh cửa hầm từ từ khép lại, tôi không cầm được nước mắt. Đến lúc ra xe, tôi đứng lại nhìn dải khói mảnh mai tan dần trong cơn gió bắc, như lại thấy cô đang khoan thai trên đường đến nơi Cực Lạc.

Người đi để lại nỗi buồn khôn nguôi cho người ở lại. Biết thế, mỗi khi có việc đi qua phố Lý Nam Đế, tôi lại rẽ vào thăm thầy và thắp hương cho cô. Tấm ảnh đôi mắt đợi chờ đã được phóng to và treo ngay trước bàn viết của thầy. Gần đến cuối cuộc đời, tôi mới hiểu ngọn nguồn những dòng chữ tôi đã đọc trên Tiểu thuyết Thứ bảy.

Đến tháng 11 năm ấy, thầy lại ra đi, bỏ lại công trình văn học còn dang dở. Trường Lê Lợi của tôi giống như một đơn vị chiến đấu bị xóa sổ chỉ còn lại một sĩ quan và một tên lính già. Tôi lẳng lặng đi theo xe chở linh cữu, tiễn đưa người thầy sang thế giới bên kia.

Mười hai

Cũng là một kiếp người nhưng lũ trẻ con nhà nghèo chúng tôi thời đó chẳng hơn gì những nhánh bèo bồng vừa dứt chân ra khỏi mảng bèo lớn rồi cứ thế theo dòng nước đỏ ngầu phù sa lang thang trôi qua mọi bến bờ. Những nhánh bèo ấy lớn lên bằng màu đọng trong hạt phù sa nhỏ nhoi, cũng đơm được chùm hoa đuôi công sớm nở tối tàn. Đầu thai nó làm kiếp lênh đênh, ông Trời đã ban cho nhánh bèo bộ rễ diệu kỳ. Hằng ngày bộ rễ chắt lọc trong lòng nước đục ngầu chất dinh dưỡng nuôi nhánh bèo lớn lên nhưng khi gặp bão to, sóng lớn, nhánh bèo bị quăng lên, quật xuống, bộ rễ lại là bộ máy tự động chỉnh lại sự cân bằng, giữ cho nồn bèo bao giờ cũng ngửa mặt thách thức với đời.

Chúng tôi đi xem phim thì Gianda, Napôlêông, những kỵ sĩ chăn bò ở miền Viễn Tây nước Mỹ luôn chiếm lĩnh tâm hồn trẻ thơ. Sau khi xem *Những thiên thần trên sân cỏ* (Les Dieux du stade) và *Thanh niên Olympique* (Jeunesse Olympique), chúng tôi lại mơ ước trở thành chàng vận động viên Nhật Bản đã thắng hàng trăm đối thủ da trắng trong cuộc chạy Marathon 42 kilômét. Ủy ban tổ chức đã làm sẵn vòng nguyệt quế cho các vận động viên Âu - Mỹ to lớn nhưng đến khi chàng vận động viên châu Á ấy lên bục danh dự nhận huy chương thì chiếc vòng nguyệt quế lại rơi tụt xuống cổ anh.

Chúng tôi đi xem đá bóng thì mơ trở thành Lý Huệ Đường, trung phong của đội Nam Hoa (Trung Quốc) với lối “mơ-nê đòn gánh” lách qua hàng phòng thủ đối phương, đưa bóng vào tận khung thành.

Đọc Robinson Crusô, Livinhxtôn... chúng tôi lại mơ ước trở thành nhà thám hiểm lặn lội trên những miền đất lạ. Ngày nghỉ, chúng tôi đi “thám hiểm” sân bay Cát Bi, đài thiên văn Phủ Liễn (Kiến An), đi bộ, mang cơm nắm và chai nước. Ngày thường chúng tôi ăn khô, không chan canh, khi khát chỉ uống đúng một chén nước, khi ngủ, nằm không gối cho phù hợp với cuộc sống của một nhà thám hiểm.

Chúng tôi sống giữa thời loạn lạc “Long vĩ Xà đầu khổ chiến tranh” nhưng trong lòng ôm đủ loại ước mơ mà chưa hề biết làm thế nào tìm ra đoạn đường bắc cầu đến với những ước mơ ấy.

Chúng tôi cũng mê hát. Ngày ấy nhà giàu mới có kèn hát, làm gì có máy ghi âm, radiô-cátxét, đầu đĩa, đầu vidêô như bây giờ. Chúng tôi học hát theo kiểu truyền khẩu, thằng nào biết truyền lại cho thằng kia. Có những anh lớn chơi được nhạc, khi đi xem phim nghe được bài hát nào hay, anh ghi luôn tại chỗ theo kiểu ghi nhạc của học sinh Hoa Kiều “đồ là số 1, rê là số 2, mi là số 3...” rồi về truyền lại cho chúng tôi. *Đêm Trung Hoa* (Nhật), *Bài hát của những chàng chăn bò* (Mỹ), *Khi mặt trời lặn xuống*, *Dù trên trời có nhiều sao* (Pháp)... đến với chúng tôi như thế. Khi xem phim *Trung úy xe tăng Nisidurmi*, anh ghi được bài *Kesunô uta*, về dạy lại chúng tôi “ì-rô-cô-bi a-phư-rê-rừ/ I-ta ga-ô-nê-ni”. Cả anh và chúng tôi cùng gân cổ lên mà hát chẳng cần hiểu nghĩa câu hát là thế nào. Mãi ba mươi lăm năm sau, đi dự liên hoan phim quốc tế, gặp ông Yamamôtô, trưởng đoàn đại biểu Điện ảnh

Nhật Bản, tôi mới hỏi, ông chỉ lắc đầu: “Trong từ điển tiếng Nhật không hề có chữ “ì-rô-cồ-bì” và chữ “a-phư-rê-ru”. Thế mà bao lâu nay chúng tôi cứ gân cổ hát những câu truyền khẩu mà chẳng biết nó là cái gì cứ như là con vẹt thấy bóng người là gọi rôi rít lên “Nhà có khách! Nhà có khách”, kể cả người trong nhà.

Thằng Thanh Tùng lại muốn vượt giai đoạn, đi làm “tài tử” ngay nên mới bỏ nhà đi theo đoàn tuồng. Lính mới thường phải làm những việc vặt cái đã, một lần đi xem tuồng, tôi thấy nó đóng vai quân hầu từ trong hậu trường chạy ra sân khấu, chân chống chân quỳ, mười ngón tay đan vào nhau giơ lên trước mặt: “Thậm cấp chí nguy! Quân giặc đã đến biên thù, còn cách cổng thành hai kilômét”. Chúng tôi phục nó vô cùng. Đến thời kháng chiến chống Pháp, tôi đến Quân y viện, gặp nó làm y tá ở đấy, nó mới kể: “Hôm đầu, thằng chủ bắt tao vẽ mặt, ngồi trên xe gỗ trống đi quảng cáo. Lúc đi qua Ao Than - Lạc Viên, thấy chúng mày đi đá bóng về, tao tủi thân quá, tao khóc. Một anh lớn cũng đi quảng cáo như tao bèn bảo: “Mày hóa trang rồi, chẳng đứa nào trong phố biết mày là ai đâu mà sợ. Toàn chạy cờ trên sân khấu, chẳng nên cơm cháo gì thì kháng chiến”.

Còn mẹ tôi, bà chỉ mơ ước cho chúng tôi học giỏi, giật được tấm bằng, rồi sau này được làm việc ở bàn giấy như bố tôi trước kia. Bà chỉ là người đàn bà đẻ con rồi kiếm gạo nuôi con, không hề biết phe đồng minh thắng hay phe phát xít thắng, bà chỉ nghĩ đơn giản rằng thằng nào thắng thì con mình vẫn chỉ là người làm công ăn lương.

Mẹ tôi là người sớm thích nghi với cuộc sống, sẵn sàng gánh chịu mọi thử thách. Khi bố tôi còn làm ở nhà sàng, mẹ tôi mặc áo dài nhung, đeo kiềng vàng ở cổ, đeo vòng vàng ở cổ tay nhưng khi bố mất việc, mẹ về quê đóng gạo chở ra Hải Phòng rồi đến từng nhà bán. Bà còn chở muối từ Đồ Sơn lên tận vùng trung du.

Hồi ấy, chính quyền thực dân Pháp phải chở gạo trong Sài Gòn ra tiếp tế cho Hải Phòng. Tòa đốc lý gia ân bán cho mỗi miệng ăn trong gia đình 10 kilôgram gạo Sài Gòn với giá chỉ bằng nửa giá gạo quê ở chợ. Bán gạo theo kiểu ấy được gọi là bán gạo “bông”. Dân Hải Phòng chê gạo bông xay xát bằng máy nên gạo tróc hết cám, ăn cơm thì nhạt, ăn mãi thế nào cũng bị phù. Phù còn lâu mới chết còn đói thì chết nhanh hơn nên chẳng nhà nào bỏ gạo bông cả. Mẹ tôi đóng thêm gạo quê trộn với gạo bông cho chúng tôi ăn vừa no bụng vừa không bị phù. Những nhà khá giả bán gạo bông đi rồi thêm tiền đóng gạo quê về ăn.

Ông bà ngoại tôi hồi làm ở nhà đoan Tiểu Bàng có nới tay cứu giúp một số gia đình nghèo túng. Bây giờ thấy mẹ tôi long đong như thế này, mấy bà ở Tiểu Bàng rủ mẹ tôi cùng đi buôn muối lậu lên vùng trung du. Tiểu Bàng là đất đồng muối. Chính quyền Pháp đã lập một trạm kiểm soát ở đầu làng nhưng ai đút tiền cho các thầy đoan, tối tối gánh muối đi vòng qua sau lưng trạm gác, các thầy cũng cho qua. Bà con Tiểu Bàng và mẹ tôi thuê xe ngựa chở các bì muối lên Hải Phòng, lấy vé tàu hỏa lên Hà Nội

rồi sang tàu Lào Cai xuống một ga xép nào gần ga chính để tránh các trạm kiểm soát. Nhờ những chuyến muối lậu ấy, mẹ tôi vẫn nuôi anh em chúng tôi ăn học được. Và lại thời Tây, phụ huynh không phải đóng góp tiền xây dựng trường, tiền học thêm và nhiều khoản “tám lòng vàng” như bây giờ.

Máy bay Mỹ đánh xong các cầu đường sắt quay ra đánh các thuyền chở hàng trên sông nên chủ hàng đành sử dụng các phương tiện giao thông trên bộ. Công ty vận tải thương thuyền, chỗ bố tôi làm, cũng phải đóng cửa. Bố tôi chuyển sang làm nhân viên sửa bản in thử ở nhà in Hàng Đậu. Bố tôi có một ông bạn mở hiệu sách ở phố Cầu Đất (Hải Phòng), nhà in và hiệu sách của ông cùng lấy tên là Hiệp Đồng. Tôi cứ việc đến nhà Hiệp Đồng lấy sách về đọc. Đến cuối tháng, ông Hiệp Đồng gửi thư báo số tiền sách tôi đã mua chịu là bao nhiêu, bố tôi lại gửi tiền qua ngân phiếu bưu điện xuống trả. Tôi cứ tưởng tình hình cứ êm ả như thế trôi đi. Đùng một cái, đến hôm tôi qua nhà Hiệp Đồng lấy sách, ông chủ bảo tôi ba tháng nay, không thấy bố tôi gửi ngân phiếu trả tiền sách xuống cho ông, nên hôm nay, ông không thể bán sách cho tôi được nữa. Tự dưng người tôi như muốn sụp xuống. Sách là người bạn không biết nói nhưng vẫn lặng lẽ dẫn tôi đến những miền đất kỳ lạ, tìm gặp những người bạn tâm đầu ý hợp. Từ nay tôi chỉ được nhìn những người bạn không biết nói trong các quầy sách, tám kính lấp xung quanh quầy sách sẽ là biển trời ngăn cách. Nhưng còn một chuyện đáng lo lắng hơn thế nữa là bố tôi đã mất việc, cứ lang thang ở Hà Nội thì lấy gì mà sống.

Hôm đó thầy Trần Cư ra đề cho bài luận quốc văn: hãy tả một đêm đông ở phố của con. Tôi viết về đêm đông trong một gia đình nghèo ở giữa một phố nghèo. Nghe lời thầy, tôi viết đúng những điều nhìn được bằng chính mắt mình, nghe được bằng chính đôi tai của mình, suy nghĩ được bằng chính cái đầu của mình. Chắc khi đọc bài luận quốc văn tôi làm, thầy Cư sẽ phê intéressant (lý thú) vào bên cạnh bài.

Nhà bác Cẩn không có ban công như những nhà khác. Mái xuôi xuống gần hết bức tường mặt tiền. Bác lắp một hàng chấn song sắt chạy dài theo bức tường và lắp hai cánh cửa lùa để chắn nắng, che mưa. Mỗi khi học xong bài, tôi thường ra cửa sổ nhìn xuống phố. Thằng Lũy học với tôi giờ đang đội thúng bánh mì đi rao: “Bánh tây nóng giòn đây!”.

Thằng Thủy năm nào cũng được lên Nhà hát lớn lĩnh phần thưởng xuất sắc trong năm học giờ đang theo ông chú đi học việc ở Nhà máy Tơ. Những người ở Nam Định, Thái Bình lần ra mỏ bị lỗ độ đường đang chia tay xin bà con người năm xu, người một hào lấy đủ suất tàu ra mỏ. Người ở trên Mỏ Cóc về bị ngã nước vừa run vừa gào đến khản cả hơi: “Con cá sống vì nước, con sống vì các ông các bà...” Và một chuyện làm nhói tim tôi: một ông mặc Âu phục chững chạc dắt ba đứa con nhỏ đi ăn xin. Gặp ai ông cũng chìa tấm bằng “điplôm” của mình ra để chứng minh với mọi người mình buộc phải đi ăn xin cũng là điều bất đắc dĩ. Tự dưng tôi nghĩ đến bố tôi. Không biết ở Hà Nội ông có phải đi ăn xin kiểu trung lưu thế này không. Ông cố kiếm tiền cho anh em chúng tôi ăn học nhưng chúng tôi học xong

để làm gì. Hay là cuộc đời tôi sẽ đi theo thằng Lũy, thằng Thủy? Hay là đi theo ông ăn mày có bằng gỗ cửa từng nhà trình tẩm bằng rồi ngả mũ xin ăn.

Mấy hôm sau, mẹ tôi về. Bà buồn đến mức không đủ sức nói với tôi một lời. Mãi về sau tôi mới biết, hội muối Tiểu Bàng và mẹ tôi vừa bốc muối xuống sân ga đã bị người của Ty muối đón lõng tịch thu hết số muối. May họ thương tình dân nghèo không bắt phạt nên mọi người mới còn tiền lấy vé tàu trở về Hải Phòng. Thua keo này ta bày keo khác, hội muối Tiểu Bàng và mẹ tôi đi cầu hết đèn này phủ khác. Khi xin âm dương thấy các ngài phán “đi được”, các bà mới đi chuyển nữa nhưng khôn ngoan hơn các bà đã đổ muối xuống ga khác. Ai ngờ, Ty muối rải người đón lõng các ga xếp nên chuyển đi tưởng gỡ hòa cho chuyển đi trước hóa thành thua đậm.

Đêm hôm ấy chờ cả nhà cơm nước xong xuôi, mẹ bảo tôi: “Hệ này, ngày mai con nghỉ học”. Tôi ngơ ngác nhìn mẹ: “Mẹ sai con đi đâu?” Mẹ tôi thở dài: “Cả nhà về An Tiêm thôi”. Tôi lại hỏi: “Thế đến bao giờ con lại được đi học tiếp?” Mẹ tôi bảo: “Chờ bố ở Hà Nội tìm được việc rồi bố đón con lên”. Tôi òa lên khóc. Mẹ tôi cũng khóc. Hai thằng em cũng khóc theo. Thế là ba anh em tôi cùng bỏ học một ngày.

Sáng hôm sau, tôi đến trường. May sao thầy Trần Cư hôm ấy không có giờ lên lớp. Nếu gặp thầy, tôi sẽ òa lên khóc như mưa mát. Chỉ có một mình thầy Quản Hữu Chính ở văn phòng. Tôi ngả mũ chào thầy, xong rồi tôi nói: “Xin phép thầy cho con nghỉ học”. Thầy điềm nhiên hỏi: “Con định xin nghỉ bao nhiêu ngày?” Tôi cố ghìm không cho giọt nước mắt bong qua mi: “Thưa thầy, con xin thôi học”. Thầy Chính đứng vụt dậy: “Thôi học? Sao? Thôi học?” Tôi nói vội cho thầy khỏi phải nhìn thấy tôi khóc: “Thưa thầy, cả gia đình con về quê”. Nói xong tôi chạy ù ra cửa. Thầy Chính chạy theo nắm lấy cánh tay tôi: “Thế thì có gì khó đến mức con phải bỏ học. Con cứ ở đây, ăn cơm với thầy cô, học cho hết năm học đi đã. Sau này thầy sẽ tìm cho con một công việc ở nhà trường, con vừa làm vừa tiếp tục học, có sau đâu”. Tôi òa lên khóc: “Con phải về quê với mẹ con. Con xin phép thầy con lên lớp chào các bạn”. Thầy Chính nắm lấy vai tôi: “Con còn đủ thời gian suy nghĩ. Con về thưa chuyện với mẹ rồi sáng mai lên đây gặp thầy”. Tôi leo hăm hai bậc thang lên tầng hai rồi rẽ vào lớp mình. Thấy mắt tôi ướt đẫm, tay lại không cầm sách vở, Vũ Nhì hỏi ngay: Thằng nào đánh mày? Chúng tao cho nó “nốc ao”? Tôi cố ghìm nước mắt trả lời: Hôm nay tôi thôi học. Tôi đến chào các anh. Cả lớp nháo nhác lên, không ai ngờ tôi lại rơi vào hoàn cảnh này. Vĩnh Lộc đưa ngay cuốn sách Toán cho tôi: Tặng Hệ. Hệ đem về quê mà đọc.

*

* *

Tôi chia tay với các bạn cùng lớp. Tôi yên trí đến năm học mới, bố sẽ tìm được việc làm, tôi sẽ được đi học và chắc chắn sẽ gặp lại bạn bè. Ai ngờ đâu mãi ba mươi năm về sau, tôi mới gặp Vĩnh

Lộc ở Sài Gòn vừa giải phóng và chỉ ít lâu sau, Vĩnh Lộc cùng gia đình vượt biên sang Mỹ. Trước đây anh là chuyên viên của Hãng điện tử IBM, sang Mỹ anh tìm đến hãng IBM và được tiếp nhận ngay. Năm 2001, kỹ sư An Kiều rủ tôi xuống Hải Phòng ăn cưới con bà chị ruột. Ai ngờ ngôi nhà ở đầu phố Cầu Đất ấy chính là nhà Vĩnh Lộc.

Năm 1947, báo Cứu Quốc khu III mở mục Tìm người thân. Tôi đoán thế nào bạn cùng lớp tôi hồi ấy cũng có người tản cư về Thái Bình nên viết một mẫu tin tìm bạn nhờ tòa báo đăng giúp. Thầy Trần Cư chẳng thấy đâu, Bồng, Đông, Tiết, Thu cũng chẳng thấy tin tức gì. Ít lâu sau Vũ Nhì đến cơ quan tìm tôi. Hai đứa ngủ với nhau một đêm rồi sáng hôm sau, Vũ Nhì theo đơn vị hành quân lên Việt Bắc. Nhờ Vũ Nhì, tôi tìm được địa chỉ của Thu. Thế là chúng tôi hẹn gặp nhau ở nhà Thu. Làng Trình Xá khi đó nằm trong khu du kích liên hoàn của vùng Thanh Oai (Hà Đông). Thu đào hầm bí mật đón tôi, rồi dẫn tôi đi tìm Đông. Còn Tiết, anh ở lại Hải Phòng hoạt động trong cơ sở nội thành. Mãi đến sau khi tiếp quản Hải Phòng tôi mới gặp Tiết.

Cả lớp chỉ còn lại thầy Trần Cư và bốn chúng tôi. Tôi thường nói vui: Trong trung đội chúng ta sau chiến tranh chỉ còn lại một sĩ quan và bốn anh lính già sống chờ ngày xóa sổ đơn vị.

Mười ba

Đồ đoàn của mẹ con chúng tôi chẳng có gì nhiều, nặng nhất là hai cái chăn bông, còn quần áo rét của đứa nào đứa ấy đã mặc vào người. Quần áo mùa hè chỉ nhét đầy hai tay nải.

Sáng sớm, mẹ thuê hai xe bánh đặc chở mẹ con tôi ra bến ô tô. Thời ấy các hãng xe thường cho xe chạy sớm vừa để tránh máy bay Mỹ vừa để kịp quay vòng chuyển trở về. Quận Đồng Minh phong tỏa Đông Dương khá chặt nên ế xăng chỉ đủ dùng cho các xe nhà binh, còn xe khách phải chạy bằng gadôlen. Các chủ xe thường lắp vào xe của hãng mình một bình đốt than hoa cao bằng thân xe. Lái phụ phải lắp quạt vào quay tay cho đến khi bình than cung cấp đủ hơi cho xe khởi động máy. Mỗi chuyến xe, lái xe phải dự trữ hai bao tải than hoa buộc ở trên nóc xe.

Trời còn mù sương. Ánh lửa từ lỗ thông hơi của than chiếu xuyên chéo lên trời. Ánh lửa chốc chốc lại bị người đi qua che khuất. Anh phụ xe đang còng lưng quạt lò than. Tiếng réo o o của bể quay tay đan chen với tiếng người gọi nhau í ới. Hàng hóa khan hiếm nên khách đi xe hàng cũng không đông lắm.

Bốn mẹ con tôi đến kịp chuyển xe đầu. Hai anh phụ xe chạy ra đỡ hai gói chăn bông cho mẹ tôi rồi kéo chăn bông lên nóc xe. Anh phụ xe đưa mẹ con tôi vào dãy ghế còn bỏ trống. Chưa chuyến đi nào buồn như chuyến đi này. Gọi là về quê nhưng tôi hiểu lúc này mình đang lặn xuống đáy cuộc đời và cũng chưa biết đời mình sẽ đi về đâu. Các em tôi bị đốc dậy quá sớm nên từ lúc lên xe tay, chúng nó đã chúi đầu vào thành xe mà ngủ gà ngủ gật, bây giờ có chỗ ngồi cẩn thận, hai đứa dúi đầu vào nhau chẳng cần biết xe chạy đến đâu. Hai mẹ con tôi không nói câu gì với nhau suốt chuyến xe. Cái chuyện cần nói chỉ làm cho hai mẹ con khóc mất thôi. Tôi cũng chẳng thiết ngắm cảnh hai bên đường như những chuyến đi trước nữa. Lòng cứ nặng như chì.

Đến ngã ba Độ, mẹ gọi hai cái xe tay chở bốn mẹ con tôi về Đò Mom. Thế là hết cái thời ba con ngựa đón tận cửa ô tô.

Biết tin mẹ con tôi về, những người ngày trước ra mỏ kiếm việc kéo nhau đến chơi. Ngày trước, họ bỏ quê ra mỏ. Gặp lúc loạn lạc, không có tàu đến ăn than cấp bến nữa, chủ mỏ phải giãn thợ, họ lại về quê. So với họ, xem ra mẹ con tôi còn chắc chân hơn. Mẹ tôi còn ba sào ruộng cho cấy rẽ đôi, mỗi năm còn thu được vài chục thùng thóc. Các chú tôi lại gọi hàng xóm đến bán thóc lấy tiền rồi gửi ngân phiếu bưu điện ra cho mẹ tôi.

Ngay từ lúc có bát ăn bát để ở Cửa Ông, bố mẹ tôi đã dựng sẵn ngôi nhà năm gian, cột gỗ xoan, cánh cửa bản lè cũng bằng gỗ xoan, mái lợp rạ để mỗi lần về quê chơi, cả nhà tôi không phải ở nhờ nhà ai. Có ai ngờ ngôi nhà ấy lại chứa mẹ con tôi trong lúc cùng đường.

Mẹ dắt anh em chúng tôi sang chào ông bà. Chỉ có bà tôi ở nhà, còn ông tôi sáng nào cũng đi bộ vào nhà ông Thứ Khuê đến chập tối mới về. Ông Thứ Khuê là con cụ Hiệp Phan, ông nội tôi là con cụ Mền Quang. Hai cụ đi Nghĩa Đoàn của cụ Tạ Hiện chống Pháp. Cụ Hiệp Phan đem quân đi đánh trận còn cụ Mền Quang ngồi dạy học ở nhà. Giặc Pháp bị quân của cụ Hiệp Phan phục kích nên chúng kéo nhau về An Tiêm lòng bắt cụ nhưng cụ Hiệp Phan đã chuyển quân sang vùng khác. Giặc Pháp liền đến thẳng lớp học bắt cụ Mền Quang. Chúng lôi cụ xuống Hạ Đồng bắn chết để cảnh cáo cụ Hiệp Phan. Sau này, các con cháu cải táng cho cụ còn tìm thấy trong áo quan ba đầu đạn chì. Nhớ ơn cụ Mền Quang đã chết thay cụ Hiệp Phan, ông Thứ Khuê thường mời ông tôi vào chơi.

Đến tối, ông nội tôi mới về. Ông bảo tôi: “Con rồng cũng có lúc ẩn, lúc hiện. Có thể thì ông cháu mình mới được ở với nhau thật lâu. Sấm đã truyền: ‘Bao giờ bạc giấy ra tro. Cua đồng đôi gong chữ nho trị vì’. Bạc giấy bây giờ in như giấy lộn rồi, con cua đồng trước càng to ở bên phải, bây giờ càng to chuyển sang bên trái rồi. Nhật sang, nó toàn viết chữ nho. Đã đến cái thời cháu phải học chữ nho. Chữ nho mới chính là chữ thánh hiền”. Tôi trả lời ông rằng học ở trường mỗi tuần chúng tôi đều có một giờ chữ nho. Ông tôi bảo ngay đấy là chữ nho Tây, không phải chữ thánh hiền. Trước tiên cháu phải học bộ Minh Đạo tiên sinh gia huấn.

Thế là ngay hôm sau, ông tôi dạy luôn bài đầu: “*Nhân sinh bách nghệ/ Văn học vi tiên/ Nho sĩ thị tran/ Thi thư thị bảo...*” và viết bằng son trên giấy bản cho tôi tô theo. Ông chỉ dạy tôi học buổi sáng còn buổi chiều tôi vào chú Hoàng.

Chú Hoàng là con ông Thứ Khuê. Chú đỗ tú tài toàn phần. Ông Thứ Khuê định cho chú giật lấy cái bằng cử nhân luật rồi ra làm tri huyện, chú gạt đi: “Làm quan hư người”. Đã có thời chú lên Hà Nội bỏ tiền ra mở một tòa báo và mời thầy tôi về giúp việc. Tòa báo bị các quầy chiếm dụng vốn nên bị sập tiệm. Chú quay về An Tiêm ngồi thiền và đọc kinh Phật. Yên trí mình sẽ thành Phật nên ngày ngày chú cứ ngồi gập chân kiêu hoa sen trên sập gụ rồi bắt thằng nhỏ đứng dưới đất mà vái một trăm vái. Vái nhiều cũng mệt như tập thể lực với khối lượng vận động cao, có hôm thằng nhỏ chỉ vái lấy lệ rồi quay ra. Chú Hoàng gọi giật nó lại: “Láo, thằng này láo. Mày mới vái được tám mươi bảy vái. Khôn hồn mày vái nốt mười ba vái nữa cho đủ trăm rồi muốn làm gì thì làm. Chú đã trên ba mươi rồi nhưng chưa có vợ. Ông Thứ Khuê nóng lòng muốn có thằng cháu đích tôn giữ nhà thờ họ nhưng chú Hoàng cứ ì ra. Có người nói đến tai ông Thứ Khuê: “Con trai lâu không lấy vợ sẽ thành thằng dở người”. Ông Thứ Khuê gọi chú Hoàng sang, bắt chú thu xếp công việc, ngày mai sang Cao Dương xem mặt con gái ông chánh tổng bên đó. Chú Hoàng trả lời rằng chú mới đọc cuốn sách Tàu học được cách xem tướng bằng rốn để đoán tính nết cũng như hậu vận con người. Nếu bên ấy đồng ý cho chú xem rốn con gái thì chú mới đi. Chú nói đến thế, ông Thứ Khuê đành chịu. Trai làng cứ lấy chuyện ông tú Hoàng đòi xem rốn bổ sung vào kho tàng tiểu lâm đã đầy ắp trong làng. Chú chẳng chơi với ai vì cứ được nửa câu chuyện, người ta đã kê chú rồi. Chú cho cả làng này chỉ mỗi mình bố tôi mới hiểu được chú. Chính vì

thế, chú mới cho phép tôi đến mượn các loại sách của chú còn trai làng thì đừng hòng.

Tôi đã nghĩ cách ứng xử khi chú bắt tôi vái đủ trăm vái, tôi nhận là người “vô thần” và tôi chờ khi nào thằng nhỏ vái xong một trăm vái bước ra sân, mở cổng đi sang ông Thứ Khuê chuẩn bị cơm nước cho chú, tôi mới giật chuông xin vào. Chú vui ra mặt vì thấy tôi là thằng họ Phạm ít tuổi nhất đồ “xéc”. Chú nói ngay với tôi cái Bac (baccalauréat: tú tài) của chú là Bac.philo (triết học) nên chỉ có thể giải đáp những câu hỏi về triết học thôi còn những bài tập về math (toán học), physique (vật lý), chimie (hóa học), tôi sang hỏi chú Xuân vừa đồ “diplôm”.

Rất tiếc chú không cho tôi nghe chú giảng kinh Phật. Tôi thích nhất hai tủ sách của chú và cái bàn cũng đầy sách. Một số quyển sách tôi đã được đọc trích đoạn trong văn tuyển, nay mới được đọc toàn văn. Đọc đến bao giờ mới hết kho sách của chú Hoàng.

*

* *

Những ngày hè về quê ngoại cứ đi theo cậu Cát ra đồng vừa chơi vừa học đã rèn cho tôi cái thói quen không sợ việc nên về đến An Tiêm giúp mẹ xay giã mỗi ngày hai thùng thóc, chúng tôi vẫn hằng hái làm.

Buổi sáng trong lúc mẹ tôi gánh gạo đi chợ, tôi và thằng em thứ hai, sau này nó là tiến sĩ nông học, xay xong hai thùng thóc. Đến chiều đi chợ về, mẹ tôi sàng, hai anh em tôi giã cho bằng hết hai cối gạo. Làm hàng xáo chỉ dôi ra mấy bô cám, còn tấm và gạo gầy cũng chỉ đủ trộn vào nồi cơm. Làm xong công việc mẹ giao, tôi ngồi đọc sách mượn bên chú Hoàng hay ngồi viết phóng vào cuốn sách giấy bản ông tôi đã viết mẫu. Các cô các chú còn xui mẹ lấy vợ cho tôi để có người đỡ đàn bà đi chợ. Mẹ hỏi tôi chuyện ấy, tôi nói thẳng là nếu bắt lấy vợ thì tôi sẽ bỏ nhà ra đi, mất xác thì thôi. Từ đấy mẹ tôi không dă động gì đến chuyện lấy vợ cho tôi nữa. Ở An Tiêm, lũ con trai mười bốn, mười lăm lấy vợ mười chín, hai mươi cũng không ít. Đến tối chúng tôi ra bờ ao làng chơi, các anh lớn thường bắt những đứa nhỏ phải kể chuyện ngủ với vợ thế nào. Nghe chúng nó kể từng pha, cánh lớn lại thú chí cười như nghe chuyện tiểu lâm. Đêm nào họ cũng lược lại những chuyện nhảm nhí như thế, tôi lĩnh ra góc ao đằng kia ngồi một mình.

Không biết ông nào đã đem cây bông về đồng An Tiêm. Quả bông nứt đài phơi trắng đồng. Nhà chúng nó có ruộng bông, gọi nhau đi hái bông, vui lắm. Nhà tôi không có ruộng bông thì mẹ tôi đi cân bông về cho chúng tôi cán. Bông sơ đem đi cân cũng lãi mỗi cân vài xu còn hạt bông ngâm với tro ẩm cũng đậm mậ, mẹ xào lên cho chúng tôi ăn. Hết vụ cán bông lại đến vụ kéo sợi. Mẹ thuê thợ đóng hai cái xa cũng chỉ mất vài đồng bạc rồi mua một “xó” cúi về cho chúng tôi tập kéo. Học kéo sợi cũng chẳng khó, hai anh em tôi sang nhà chú xem rồi về nhà lấy con cúi vừa quay xa vừa vè con cúi vừa

kéo sợi. Đầu tiên sợi không đều, chỗ thô, chỗ rớt. Chỉ một tuần sau, khi đã thuần tay chúng tôi đã kéo ngay được búp sợi vừa săn vừa đều. Sáng sáng mẹ tôi đem quả sợi đi bán ở chợ Hồ, những nhà có khung dệt đến vạch từng lớp sợi ra xem đều khen “các cô con gái của bà khéo tay quá”.

Con người dù lạc trên hoang đảo hay phải chui vào tận đáy rừng, cuối cùng cũng tìm ra được thứ gì đó nhét được vào bao tử. Về quê một ít lâu, tôi đã biết cách đỡ đàn một phần chi tiêu cho mẹ. Nhà có cái màn rách, tôi bắt chước chị Vân cắt lấy từng mảnh nhỏ mỗi chiều năm mười phân rồi vót lấy hai cái gọng làm vỏ tép. Tối tối tôi ra ao làng rắc thính, thả vỏ rồi cắt vỏ, vớt tôm, vớt tép vào giỏ. Cứ mỗi đêm cắt vỏ như thế, tôi cũng kiếm được đĩa tôm, đĩa tép cho ngày hôm sau.

Chị Vân trước đi cắt vỏ ở bên kia bờ ao làng, thấy tôi đi thả vỏ ở bờ bên này chị cũng tìm cách rủ tôi vớ nhích gần lại chỗ tôi. Tôi hỏi chị: “Ở bên ấy ít người đi lại đỡ bị động nước, sao chị lại thích sang bên này?” Chị cười: “Bên ấy có con ma, nó lặn vào vỏ, thè cái lưỡi dài như cái đũa cả. Khiếp khiếp là”.

Người chị cao lớn, thân tròn lẳn, khuôn mặt bầu bầu, hàm răng đen nhay nháy. Chị đã hai mươi nhưng lấy anh chồng mới mười sáu tuổi. Ném thính, thả vỏ xong, chị bảo tôi: “Lên gò mà ngồi hơn, ở bờ ao lắm rắn nước và cũng lắm đĩa, nó bò lên cắn vào chân đấy, khiếp khiếp là”. Tôi theo chị lên gò. Chị hỏi tôi: “Đằng ấy đang ở tỉnh, đèn điện, nước máy, sao lại về cái chốn bùn lầy nước đọng này?” Tôi trả lời: “Có ăn đèn điện và nước máy được đâu mà không về”. Chị lại hỏi: “Về có lâu không, bao giờ ra tỉnh cho đằng này theo ra với”. Tôi lắc đầu: “Em bỏ học rồi”. Chị thở dài: “Tội nghiệp nhỉ. Có đem theo tiểu thuyết tình về không?” Tôi trả lời: “Em chỉ đem sách học về thôi”. Chị bảo: “Các ông ấy ở làng có vô khối tiểu thuyết tình. Khi nào đằng ấy mượn được nhớ cho đằng này mượn lại nhé”. Tôi hỏi: “Sao chị không mượn các ông ấy?” Chị lắc đầu: “Các ông ấy hay gõ gạc lắm, đằng này không thích”. Tôi hỏi chị: “Thiếu gì truyện hay, chị lại thích đọc tiểu thuyết tình?” Chị cười: “Nó ‘thuyết’ hay lắm, đã đọc là không dứt ra được”. Tôi lại hỏi: “Chị đã đọc những quyển gì rồi?” Chị trả lời: “Rách mất bìa nên đằng này không biết tên là gì, chỉ nhớ trong truyện có cô Hương yêu anh Tài nhưng gia đình lại ép lấy thằng bé con nhà giàu. Chán đời, cô Hương bỏ nhà đi tu nhưng anh Tài cũng tìm được đến chùa rồi hai người dặt nhau trốn đi nơi khác. Thương lắm, thương đến chảy nước mắt”.

Những đêm ngồi trên gò nói chuyện với chị, tôi mới hiểu chị bị ép về bên này. Chị không lấy anh này, mẹ chị uất lên mà chết có khi. Đêm nào chị cũng ra bờ ao làng mượn hơn tôi, có lần tôi thật thà hỏi chị sao nhà chị ăn cơm mượn thế, chị trả lời: “Đằng này ra đến cổng, của nợ ấy còn kéo vào buồng bắt đằng này ‘nộp thuế’ rồi nằm thẳng căng như thằng chết trôi nó mới thả đằng này ra”. Tôi thật thà hỏi lại: “Đã đến vụ thuế đâu?” Chị cười: “Thuế... người!”. Tôi ớ ra không hiểu nhưng cũng không tiện hỏi nữa. Có hôm chị nói với tôi: “Nói chuyện với người có học thích lắm. Cô nào lấy được đằng ấy cứ nghe đằng ấy nói chuyện thì ăn cơm muối cũng sướng một đời người. Con trai ở làng này bằng tuổi

đăng ấy đều có vợ cả rồi, sao đăng ấy không lấy vợ?” Tôi cười: “Thế là tảo hôn, có ra cái gì đâu”.

Một lần chị hỏi tôi đường đi ra mỏ. Tôi bảo chị: “Bây giờ ngoài mỏ đang giãn thợ chị còn ra làm gì?” Chị lại bảo tôi tính hộ tiền tàu xe ra đến Hải Phòng. Tôi hỏi chị: “Dân Hải Phòng đang chạy bom Mỹ, chị lại ra Hải Phòng làm gì?” Chị nói nhỏ chỉ đủ một mình tôi nghe thấy: “Nghe nói ở Hải Phòng người ta mượn con sen thổi cơm nấu nước, giặt giũ, trông nhà. Vất vả mấy thì vất vả nhưng vẫn còn sướng hơn sống ở trong cái làng này”. Tôi nói với chị: “Một thân một mình ra thành phố, chị biết ai tốt, ai xấu mà nhờ vả”. Chị “ừ nhỉ” một tiếng rồi nói khẽ với tôi: “Đăng này chỉ nói với một mình đăng ấy thôi. Đăng ấy đừng nói chuyện với ai. Chuyện chết người đấy”.

Một chiều đi bơi ở ao làng về, tôi chạy vào buồng lấy bộ quần áo, thấy chị Vân ngồi trên giường, hai đầu gối kẹp vào hai bàn tay. Chị rút vội một tay rồi xua xua trước mặt ra hiệu cho tôi đừng nói gì. Tôi khẽ hỏi: “Tại sao chị lại vào đây?” Chị Vân thở dài: “Đăng này định đi đâu, đăng ấy biết rồi đấy”. Tôi hỏi: “Chị định ra mỏ hay ra Hải Phòng?” Chị khẽ trả lời: “Ông bác ở Hà Nội đang cần người làm. Đăng này nói chuyện với mẹ đăng ấy cho đăng này trốn ở đây. Chắc bọn họ tưởng đăng này về nhà sẽ đổ sang bên ấy tìm. Đến nửa đêm đăng này đi”. Tôi giật mình: “Chị liệu thế!” Chị thở dài: “Đăng này không trốn đi thì phải ‘trả cửa’ xong mới đi được thì nhờ hện mất”. Tôi bảo chị: “Chị liệu quá”. Chị chép miệng: “Đăng này không liệu thì đăng ấy bảo đăng này phải làm thế nào?” Tôi ứ cổ không trả lời được. Chị bắt chước cô gái trong cuốn truyện tình mắt bìa chị đã đọc mà không biết rằng bao nhiêu tai họa đang chờ ở trước mặt. Chị bảo tôi: “Tốt nhất đăng ấy khép cửa lại, rồi bỏ sang hàng xóm chơi, không để ai có cơ đến nhà”.

Tôi làm theo ý chị. Lũ em tôi không biết gì cả. Đến nửa đêm, chị lẳng lặng ra đi. Sau này tôi mới biết, chị đã nói chuyện với mẹ tôi từ lâu. Thương chị quá, mẹ tôi đồng ý cho chị trốn ở trong buồng. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh, mẹ tôi đói ăn phải bỏ thành phố về làng còn chị đang ở làng có bát ăn, bát để lại bỏ lên thành phố để tìm một cuộc sống của mình. Những đêm rắc thính, thả vó xong tôi lên trên gò ngồi, không biết giờ đây chị Vân đang lưu lạc nơi đâu? Biết ai mà hỏi.

Một buổi chiều đông râm của nhà đã tắt, tôi phải cầm đèn sang nhà hàng xóm thổi cơm nhờ đông râm lấy lửa thổi cơm. Tụm tụm tôi nghe thấy những tiếng thì thào trong bếp vọng ra. Tưởng mấy ông hàng xóm đánh bạc nhưng nghe kỹ thì hóa ra mấy ông đang bàn chuyện đi ăn cướp. Tôi vô cùng ngạc nhiên, mấy ông ấy hiền lành có tiếng. Những năm ra mỏ, các ông ấy không chơi bài, rượu chè, đánh đấm anh em bao giờ. Những ngày ăn chực nằm chờ ở nhà tôi, các ông ấy không hề động chạm đến tài sản của gia đình. Thế mà bây giờ các ông ấy dám làm chuyện tày trời này. Tôi nghe thấy mấy ông bàn nhau đi ăn cướp nhà ông Hồi rồi phân công tỉ mỉ ai đứng trấn ở đâu, ai đứng đoạn hậu, ai đi khuân cửa, ai đi tẩu tán những thứ vừa lấy về... Có ông còn bày ra cách đánh bả con chó nhà Hồi để lúc vượt tường vào nhà nó không cắn.

Tôi lẳng lẳng lui ra về. Từ bé ở Cửa Ông, tôi đã nghe thấy tiếng sùng của bọn thổ phỉ đến cướp nhà ông Bá Chín Cao. Tối nay tôi sẽ ngồi rình xem đám cướp làng của mấy ông hiền như bụt xoay sở như thế nào. Thật là trẻ con, vì tò mò tôi đã đứng đứng ngồi chờ xem cái công bằng “lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo” hiện hình ra sao.

Đêm hôm ấy, tôi lẳng lẳng ra bờ ao ngồi núp sau bụi dong riềng. Đã nghe trộm các ông cướp nghiệp dư này bàn từ đầu chí cuối nên xuyên qua đêm tối, thấy từng bóng người vượt tường huỳnh huych, tôi biết họ sắp làm gì. Ngõ từ đường ruột đâm thẳng vào cổng nhà Hôi là một cái ngõ ông, một bên là ao, một bên là vườn chè. Chỉ cần một người cầm gậy đứng chặn ở đầu ngõ là chặn ngay được bao nhiêu người đến cứu khổ chủ. Người vượt tường vào mở cổng cho một toán lui lủi chạy vào sân. Bỗng dưng một tiếng kêu: “Cướp! Ôi làng nước ơi, cướp!”, tiếp đến tiếng chân người chạy huỳnh huych ra khỏi sân rồi vượt tường tản đi các hướng. Sau này tôi mới biết cái ông được phân công chốt cổ cô con gái nhà Hôi thấy cô ta cứ ằng ặc ở cổ, ông ta sợ cô không thở được sẽ chết ngạt mất. Vốn là người theo Phật, giết một người vô tội là bị đày xuống địa ngục, nên ông vội nói tay cho cô gái thở. Ai ngờ vừa nói tay ra thì cô gái nhà Hôi đã kêu toáng lên. Được cái thời ấy ở nông thôn nhà nào nhà ấy cứ đóng cửa im ỉm nên chuyện cướp hụt nhà Hôi được coi là chưa rõ ràng.

Ông lý Súly vừa lên thay bác lý Ký giữ đồng triện lý trưởng An Tiêm. Nghe bố con nhà Hôi đến trình về vụ cướp hụt đêm qua, ông cũng lo lắng. Thấy vùng nào có cướp, quan huyện nhân có đó cách cổ lý trưởng cho nghiêm dân. Ông thôi không giữ cái chân lý trưởng, họ Phạm có cử ai ra thay ông được không, hay đành để miếng chín rơi vào tay họ khác. Vả lại đã ai lấy gì của ai đâu, ông đang nghĩ cách nào vo viên chuyện to thành chuyện nhỏ thì ngay đêm ấy...

Tự dưng phía Hải Phòng rồi đến phía Nam Định, đạn cứ nổ ùng oàng hơn một tiếng đồng hồ. Anh em chúng tôi chạy cả ra đầu làng nhìn về hướng tiếng nổ mà ngửa mặt lên trời chẳng nghe thấy tiếng máy bay, chẳng ai hiểu là chuyện gì. Mãi đến sáng hôm sau, một người đi lên nhà thương Thái Bình thăm con ốm về cho biết: “Đêm qua Nhật đảo chính Pháp! Việt Nam độc lập rồi!” Thế là cái chuyện tày trời đã làm mọi người dễ dàng quên cái đám cướp hụt đêm hôm kia.

Thời Pháp thuộc, những ngày trong vụ thuế, nghe tiếng trống thúc thuế ở đình, dân làng thường nhái theo: “Cùm... Cùm... Cùm...”, “Tiền... Tiền... Tiền...” rồi ao ước thằng Tây nó cai trị dân mình khổ thế này, giá mà độc lập, chúng mình ăn cháo cũng sướng. Thì bây giờ Việt Nam độc lập rồi, dân An Tiêm ăn cháo đói vàng mắt ra lại nhái bài quốc ca đặt lời theo bài *Tiếng gọi sinh viên* của Lưu Hữu Phước: “Này dân Nam ơi, nước ta đến ngày ăn cháo...” Tiếng là Việt Nam độc lập nhưng quân Nhật vẫn đóng khắp nơi, chính quyền tỉnh, chính quyền huyện rồi đến chính quyền xã vẫn giữ nguyên những người cũ, chỉ thay tổng đốc bằng tỉnh trưởng, tri huyện bằng huyện trưởng, thế thôi. Riêng cái bánh Tây (bánh mì) thì được gọi là bánh Việt Nam nhưng bột mì không nhập khẩu được nữa phải làm bằng bột tẻ

nên cái bánh cũng tộp lại.

Bao nhiêu ngày đêm ao ước được làm dân một nước độc lập nhưng bây giờ độc lập rồi, nằm ở xó làng An Tiêm, tôi chẳng thấy lúc độc lập khác gì với lúc chưa độc lập. Trước đây thằng Pháp chẳng đến làng An Tiêm, bây giờ thằng Nhật cũng chẳng đến làng An Tiêm. Ông Chánh Toại vẫn làm chánh tổng, chú Giới vẫn làm tiên chỉ, anh Tự vẫn làm phó lý, ông Súly vẫn làm lý trưởng giữ nguyên cái đồng triện thời Tây. Trên mặt đồng triện vẫn để nguyên dòng chữ “village An Tiêm, canton An Tiêm, huyện Đông Quan, province Thái Bình”. Ông Lý Súly thu xếp đồ đoàn chờ huyện trưởng về cách cổ nhưng hết tuần trăng này đến tuần trăng khác, ông chẳng thấy huyện trưởng bảo gì nên cũng không đại gì mà từ.

Độc lập rồi nhưng cái dạ dày ngày hai buổi vẫn ngong ngóng chờ cơm như trước. Trong gia đình tôi, cái đói đến từ từ chứ không đổ ập xuống đầu như nhiều gia đình khác. Vừa về đến nhà quê, chúng tôi không ăn phở, ăn xôi, ăn bánh chưng rán, ăn bánh mì... như ở Hải Phòng vì ở An Tiêm không có hàng bán quà sáng. Chiều hôm trước mẹ tôi đong gạo nới tay một tí để sáng hôm sau chúng tôi ăn cơm nguội. Chỉ vài hôm sau, mẹ tôi xúc gạo bữa nào chỉ đủ nấu cơm bữa ấy, chúng tôi không dám đòi. Thằng em út chốc chốc lại hỏi tôi: Anh ơi sao mãi chẳng đến trưa? Tôi trở tay ra ngoài ngõ: Em đi chơi là quên ngay. Một lúc sau thằng em tôi lại chạy về: Anh ơi, em không quên được, nó lại đói rồi. Tôi kéo đầu nó vào ngực mình: Thì ngồi đây anh kể chuyện cổ tích cho mà nghe.

Đến đài phát thanh, đài truyền hình bây giờ bao nhiêu người tài giỏi cũng không nghĩ ra chương trình “Kể chuyện chờ cơm” hướng chi là cái thằng tôi hỏi đó. Đầu tôi chỉ nhớ có tung ấy chuyện, dù có kéo dài từng chi tiết đến mấy cũng chỉ là tung ấy chuyện. Ngay các bậc thầy như Andécxen, anh em nhà Grim cũng chưa bao giờ viết được loại chuyện “quên đói, chờ cơm”.

Mọi thứ trên đời bao giờ cũng bắt đầu từ quen, quen lâu thành lệ rồi cứ thế mà làm. Từ cắt bữa sáng, dần dần mẹ tôi chia cơm cho từng đứa chúng tôi còn bà chỉ vét nồi và cạy cháy. Chúng tôi biết bà ăn còn đói lắm nên mỗi đứa lại lấy đũa gạt ngọn suất cơm của mình xuống nồi.

Chỉ ít lâu sau, mẹ tôi không thổi cơm chia từng suất cho anh em chúng tôi nữa. Bắt chước hàng xóm, bà nấu bánh đúc bằng cái nồi chân to dùng. Cũng tung ấy gạo, mẹ tôi nấu nồi bánh đúc, không phải chia theo kiểu “lính tráng có suất” nữa. Khôn khổ cho anh em chúng tôi, ăn mấy bát bánh đúc thì đói veo lúc nào không biết. Bánh đúc chống đói chứ có phải bánh đúc lạc ăn trong Tết Trung Thu đâu, ăn vào chỉ đánh lừa được con mắt và cái bụng nhưng đến đêm, nó ngót rất nhanh và sinh ra cái chứng đi đái. Thằng em tôi thấy mình đi ra đến bên nồi chân ở đầu hồi rồi mới vén quần trút cơn tức bụng. Nó nghe thấy cả nước giải rơi xuống nồi ồ ồ, thế mà nửa đêm nó gác chân lên ngực tôi, tôi lấy tay hất ra, ống quần nó đã ướt đầm. Tôi vừa thay quần cho nó vừa dặn: Lần sau em nằm mơ thấy mình đi ra đến bên nồi hông, nhớ bưng ngay mắt ra và gọi anh nghe chưa. Cái chuyện đái dầm ám ảnh nó đến nỗi có

hôm trời tối phải đi giải trước khi đi ngủ, vừa đến bên nồi hông, nó đã vội kêu lên, cứ tưởng mình đang mơ. Năm ấy tôi đã mười bốn tuổi, tính cả tuổi mẹ thì là mười lăm. Qua cái hạn chết đột tử năm mười ba tuổi rồi, mỗi bữa một bát cơm lưng lưng dạ, tôi yên trí mình không thể nào chết được. Tôi đã được nhìn tận mắt bom Mỹ, bom Nhật ném xuống Ao Than - Lạc Viên, đã được nhìn hai trọng liên ở hai bên cánh chiếc máy bay Mỹ lóe lửa ngay trước mắt, anh em tôi đã gánh chịu một quả bom Mỹ rơi xuống trước cửa hầm: cái chết đến nhanh lắm! Còn cái đói thì cứ dai dẳng từ sáng đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng. Nó nằm ngay trong dạ dày mình, dạ dày mình mới ngót, nó đã nhắc mình đừng quên nó.

Cứ nhìn mẹ đong gạo thổi cơm, tôi cũng biết anh em tôi sắp đói như thế nào. Ngày mới về, mỗi bữa mẹ xúc một “bơ” gạo đầy có ngọn, dần dần mỗi bữa mẹ xúc một “bơ” gạo bằng miệng, rồi đến mỗi bữa mẹ chỉ xúc non “bơ” gạo. Để bù vào chỗ thiếu hụt trong khẩu phần lương thực hàng ngày, mẹ đun khoai rồi rút bớt gạo đi đến mức chúng tôi chỉ được ăn “khoai độn gạo”. Mẹ thường an ủi chúng tôi: Các con còn có mà ăn, có nhà phải ăn cháo cám, củ chuối rồi đấy. Vốn thương mẹ, anh em chúng tôi cùng đòi ăn cháo cám, củ chuối cho mẹ tôi đỡ phải lo suất gạo hàng ngày.

Mẹ tôi giần từng bơ cám, sảy hết mảy trấu đi rồi mới đổ vào nồi. Lúc nồi cám sôi, anh em chúng tôi ngửi thấy mùi thơm thơm cứ nghĩ rằng cháo cám cũng dễ ăn. Nhưng có phải cái gì ngửi thơm thơm cũng dễ ăn cả đâu. Cầm thìa xúc miếng cháo cám thứ nhất đưa lên miệng, mấy anh em cố nuốt đến ực một cái cho cám trôi tuột vào bụng. Nhưng thằng em út đã đặt bát cháo cám xuống bên cạnh mâm rồi lắc đầu: Nó cứ làm sao ấy. Tôi và thằng em thứ hai vội xúc luôn thìa thứ hai đưa lên miệng ra vẻ ngon lành. Thực ra hai anh em chúng tôi chỉ ăn cho mẹ nhìn chứ nuốt đến thìa thứ ba bắt đầu thấy khó. Trong bài cách trí học ở nhà trường, thầy giáo dạy ăn cơm nấu bằng gạo xát máy thường bay hết cám để bị phù, muốn chữa bệnh phù thì phải ăn cơm thổi bằng gạo lứt - tức là gạo chưa giã, còn nguyên cám. Biết cám bỏ thật đấy, bỏ đến mức khi nuốt đến thìa thứ năm, thìa thứ sáu, chỉ buồn nôn nhưng tôi vẫn cố ăn cho hết bát rồi bình tĩnh nói: Con no rồi. Tôi chỉ nói thế, mẹ cũng hiểu, đến chiều mẹ tôi lại thổi nồi “khoai độn cơm”. Ăn khoai tha hồ mà nóng ruột, lúc nào cũng như thấy cái bếp rơm đang ủ tro hồng trong bụng. Thỉnh thoảng lại ợ một cái sặc mùi khoai chua chua.

Mỗi bữa “khoai độn cơm” chỉ có mỗi món chủ lực là muối vừng. Hồi mới về làng, anh em chúng tôi ra vườn còn vợ được một nắm rau tập tàng, một tổng hợp các thứ được gọi là rau, nhưng bây giờ ngay đến cả đường làng, đường ngõ cũng không còn ngọn rau má, rau sam nữa. Rau khúc ngoài đồng, rau dong dưới ruộng cũng được bà con trong làng khai thác đến kỳ tuyệt diệt. Cào cào, châu chấu để không kịp cho bà con nướng ăn trừ bữa.

Một lần ông tôi nói: Người ta sống chết có số. Nam Tào chưa xóa sổ thì đói đến mấy cũng không thể chết được. Xem như ở bên Cau đấy. Có nhà hết gạo, bòn mót khắp nhà đem đi bán mới mua được

ba “bơ” gạo. Đẳng nào cũng chết nhưng chết lúc no, khi xuống âm phủ phải làm ma đói, nhằm năm chờ đến rằm tháng bảy tranh nhau đi cướp cháo thì khổ lắm. Nghĩ thế, ông bố liền nấu một nồi cơm thật to rồi trộn thuốc chuột vào, chờ đến tối cho cả nhà ăn rồi cùng chết. Không ngờ bên hàng xóm có người đói quá, ngửi thấy mùi cơm liền lên sang, bới tro, bê nồi cơm về. Cả nhà mừng quá, xúm nhau vào ăn rồi đem nồi vứt xuống ao. Lúc sau thuốc ngấm, già trẻ, lớn bé sùi bọt mép, trợn mắt ra chết còn chính cái nhà muốn chết thì không chết được. Trời chưa cho chết, muốn chết cũng không được.

Sống trong những ngày đói kém phải tính từng ngày. Phiên chợ Hồ hôm nay mẹ tôi bán được một số sợi, đóng gạo đem về trộn trong nồi khoai, tôi tin rằng mẹ con tôi sẽ sống thêm một ngày nữa. Đường làng vắng tanh, ai đi ra đường làm gì, người lại xem người, cùng một lũ sắp chết đói như nhau, chẳng ai cứu được ai. Thỉnh thoảng trong căn nhà tranh vách đất vọng ra tiếng kêu ai oán: Nhà có người chết. Người sống quán người chết trong manh chiếu rách rồi để nằm đấy chờ đến tối, một người cầm đuốc đi trước, hai người khiêng người chết đi ra bãi tha ma - người chết đói bao giờ cũng nhẹ. Gia đình người chết không muốn cho xóm làng nhìn thấy người xấu số ra đi không kèn không trống, không có cả tấm áo quan gỗ tạp. Khôn khổ hơn nữa, người sống cố đi vay được nắm gạo, nấu bát cơm với quả trứng đem theo để người chết có cái mà ăn trong lúc chờ đợi lũ quỷ mở cửa Âm Phủ.

Tôi không còn bụng dạ nào nghĩ đến các thứ chủ nghĩa, các khuynh hướng chính trị trong bộ sưu tập báo Ngày Nay của cậu Cát ở Thanh Hóa nữa. Tôi chỉ mong sao kéo được số củi cho mẹ tôi đem đi bán, đủ đóng được mấy “bơ” gạo và một rá khoai. Nhà giàu ham việc, thất nghiệp ham ăn, đôi lúc ngồi bên sa kéo sợi, tôi chỉ nghĩ đến những bữa ăn ở nhà bác Cẩn. Mỗi đĩa được một con tôm thật to, vùi dưới bát cơm, bát sau mỗi đĩa lại được hai miếng đậu phụ nhồi thịt, bát thứ ba chúng tôi mới ăn đến miếng thịt kho Tàu to bằng cái chén uống nước. Có chị lại ăn món kho Tàu trước, rồi ăn đậu phụ, bát cuối cùng mới ăn tôm. Có lúc tôi thèm được ngồi ở hàng điểm tâm ở vườn hoa. Mỗi chủ hàng đóng một cái tủ theo dáng một con tàu thủy có ba bánh xe - mũi một chiếc, đuôi hai chiếc, khi cần di chuyển, chủ hàng lại cầm hai cái càng ở phía sau đẩy xe đi rồi lòi bếp than con con ra đặt lên hè, lòi tiếp những chiếc ghế vải bạt cài ở hai càng xe ra rải lên hè. Chỉ mất một xu thôi, tôi đã mua được nửa cái bánh mì kẹp patê, xúc xích. Tôi ngồi trên ghế vừa ăn vừa ngắm người xe đi lại nhộn nhịp trên đường. Tự dưng tôi thèm đến cả mẫu bánh mì gói cùng bát xúp “tổng hợp” của ông nhà thầu Anhtăngđăng vẫn hay ăn sau mỗi trận đá bóng - ăn vụng để khỏi mang tiếng là con nhà chết đói tranh phần với lợn. Tôi thèm cả đến mẹt bánh tôm, chỉ có một xu, chúng tôi đã mua được hai cái bánh tôm. Cô bán hàng lấy kéo cắt nhỏ hai cái bánh tôm ấy vào đĩa rồi đặt chiếc đĩa và bát nước chấm vào cái mẹt con. Trước khi giao cho chúng tôi, cô còn vốc một nắm rau diếp thả vào mẹt. Có thằng ngón rau khỏe đến mức mới ăn được nửa đĩa bánh tôm, nghĩa là một chiếc, nó đã ngón hết một mẹt rau rồi. Chúng tôi gọi đó là thằng ám sát... rau. Cô bán hàng vẫn chiều khách, vừa tùm tùm cười vừa vốc một vốc rau diếp thả vào

mệt cho nó. Tôi chỉ ao ước bố tôi lại gửi tiền về cho anh em tôi ra Hải Phòng học. Đến Hải Phòng, việc đầu tiên là tôi xin tiền mẹ rồi tôi dẫn hai thằng em lên hiệu phở Hợp Lợi, gọi ba bát áp chảo. Ngồi bên cái sa, tôi cứ tưởng tượng đến lúc bác đầu bếp vừa nghe tiếng người hầu bàn gọi vọng vào “Ba áp chảo!” đã nhắc lại “Ba áp chảo này!” rồi bốc nắm thịt đã thái sẵn ném vào cái chảo có chuôi. Khi lửa dưới bếp bắt vào mỡ đang sôi trong chảo làm chảo cháy bùng bùng, ông đầu bếp bình tĩnh cầm lấy chuôi chảo, hất lên làm những miếng thịt trong chảo lộn đi một vòng trông thật vui mắt.

Bụng càng đói, cái đầu tôi chỉ nghĩ đến chuyện ăn.

*

* *

Một chuyện bất ngờ với mẹ con tôi: cả nhà đang ngồi sưởi quanh đồng rằm thì cánh cửa bung ra. Ánh lửa leo lét của đồng rằm hắt vào cặp kính làm cả nhà tôi đứng cả dậy.

Bố tôi về!

Ông đội mũ phớt xám, mặc bộ Âu phục màu tím than, chân đi giày da vấy những vệt bùn, tay xách chiếc cặp da căng phồng. Từ hôm Nhật đảo chính Pháp đến nay, cả nhà chẳng biết tin tức gì về ông và ông đi biệt biệt cũng chẳng biết mấy mẹ con sinh sống ra sao. Đêm nay cả nhà sum họp: những người đang sống trong cơn đói vẫn ngồi đây và người đang đi kiếm tiền nuôi cả nhà dưới tầm bom rơi đạn réo cũng đang đứng đây. Chỉ cần bố tôi đứng ở đây, tự dung mẹ con tôi vững dạ vô cùng. Bố tôi là cây cột cái gánh đỡ cho căn nhà đang xiêu vẹo giữa những ngày mẹ con tôi phải kiếm ăn từng ngày, chờ lúa chín đỏ đuôi.

Ngay hôm đầu tiên kể từ khi bố về, chúng tôi được ăn một bữa cơm với thịt kho, canh rau cải nấu với cá rô và bắt đầu từ đó buổi sáng chúng tôi được ăn khoai lang luộc, buổi trưa và buổi tối được ăn cơm độn khoai. Chỉ còn thiếu thằng em thứ ba đang ở với ông bà nội, lâu lắm cả gia đình tôi mới được ở chung dưới một mái nhà nhưng lại là cuộc đoàn tụ bất đắc dĩ. Tình hình trên Hà Nội bây giờ nhộn nhạo quá, không ai dám bỏ tiền đầu tư vào những việc lớn, còn ôm vàng nghe ngóng xem Nhật có đứng được ở Đông Dương không, Pháp có trở về nổi cái thuộc địa cũ nữa hay không, liệu ông chủ mới của Đông Dương là ai? Một người bạn rất thân khuyên bố tôi tìm cách đưa cả gia đình sang Campuchia, mảnh đất ông ta coi là yên ổn nhất. Tàu không tới, Pháp cũng chẳng buồn quay lại, đảng phái lại không nhiều như rươi đang nhăm nhăm tranh giành quyền lợi như ở ta. Bố tôi không dám tính chuyện phiêu lưu đến một miền đất lạ nên quay về nhà chờ thời. Ông đồ Phô biết tử vi, tính toán với bố tôi: ông nội tôi sẽ đi trong năm nay và sang năm đến lượt bà nội tôi sẽ ra đi. Bố tôi là con cả nên ở nhà chịu hai cái đại tang ấy rồi đi đâu, ông đồ Phô sẽ bốc quẻ tính sau. Thế là bố tôi quyết định ở hẳn nhà.

Tôi và thằng em thứ hai vẫn tiếp tục kéo sợi. Tối tôi vẫn đi kéo vó tôm. Tôi thấy đã đến tuổi tự

kiếm lấy miếng ăn rồi. Tôi có ngồi đọc sách, mẹ tôi chẳng nói ra nói vào được nữa. Bố thường nói với tôi: Con là con cả, con phải học thật giỏi sau này mới kiếm được việc làm. Con sẽ nuôi em Kế ăn học, khi em Kế đi làm lại nuôi em Ba ăn học. Cứ thế đưa nọ kéo dứa kia, đầu xuôi thì đuôi mới lọt. Muốn thế, con không thể sống ở nơi bùn lầy nước đọng như thế này được. Con phải đi như bố ngày xưa. Trước mắt, bố tìm chỗ cho con trọ học ở Hà Nội. Đói đến mấy cũng phải kiếm được cái bằng. Sau này mới sống, không để cho thằng nào nó dám khinh mình.

Trong khi bố tôi đang thu xếp công việc cho tôi lên trọ học ở Hà Nội thì Cách mạng Tháng Tám bùng nổ.

Chính quyền nhân dân thành lập. Tỉnh không còn tỉnh trưởng, huyện không còn huyện trưởng, xã không còn chánh tổng, làng không còn lý trưởng nữa. Ông lý Súly nộp đồng triện cho ông Chủ nhiệm Việt Minh thôn - tức là chú giao đồng triện cho cháu. Chú Quỳnh lên làm chủ nhiệm Việt Minh thôn. Các chức vụ trong làng vẫn chưa trệch khỏi tay họ Phạm.

Vì cùng ở một xóm với nhau, cả đám cướp hụi cùng ông Hồi đều vào hội nông dân cứu quốc. Chiều chiều, ông bị cướp và các ông đi ăn cướp cùng nắm tay trái, giờ ngang mang tai đồng thanh hát bài chào cờ theo điệu Le loutreau của Hướng đạo sinh: *Nào mau anh em chúng ta cùng nhau xếp hàng chào cờ cứu quốc...* rồi cùng tập quân sự: “súng máy, bắn! súng trường, tiến!” rồi lại “súng trường, bắn! Súng máy, tiến!” Súng trường và súng máy đều là những đoạn tre mới đẵn ở bụi tre nhà.

Mãi mấy hôm sau, bố tôi ở huyện mới gửi về bản in nhạc và lời *Tiến quân ca* của nhạc sĩ Văn Cao: *Đoàn* (kéo dài bằng một rớt rề trắng) *quân Việt Minh đi chung lòng cứu quốc...* Mọi người gọi nhau bằng đồng chí. Ra cuộc họp, ông Chánh Toại thành đồng chí Toại, ông lý Súly thành đồng chí Súly rồi đến cả khổ chủ cũng gọi mấy ông bốp cổ con gái mình là đồng chí.

Mười bốn

Chiếm xong huyện lỵ Đông Quan, lực lượng cách mạng chia ghe thật phân minh: quân của Tứ tổng thượng vào huyện trước thì giữ ghe chủ tịch, chủ nhiệm Huyện bộ Việt Minh, trưởng ban quân sự. Quân của Tứ tổng hạ lịch kịch vượt sông Diêm Hộ nên vào huyện sau chỉ giữ chức phó. Chú Giới được Ủy ban Cách mạng cử ra làm phó chủ tịch - sau này là phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Đông Quan.

Họp xong, chú Giới phóng ngựa về nhà tôi. Chú Giới là con cả ông Hào Trụ - người đã nọc em là ông Chánh Toại ra đét một roi cảnh cáo vào mông vì tội dám đi cả giày da vào dâng hương nhà thờ tổ. Ông Hào Trụ lại là em họ ông nội tôi, ngoài tình anh em trong nhà, chú Giới với bố tôi lại là “cầm ma lố” (bạn thân) nên chẳng cần rào trước đón sau gì cả, chú Giới yêu cầu bố tôi lên Ủy ban Nhân dân Cách mạng Lâm thời làm việc ngay. Bố tôi lắc đầu: Moa không làm chính trị. Moa chỉ đi kiếm ăn nuôi bốn thằng chống gậy này. Chú Giới cười, vẫn cái giọng hài hước hàng ngày, chú nói với bố tôi: Các bố trên huyện họp nhau phân công công tác từng người, đến chức vụ ủy viên tài chính, các bố cứ ngồi đực ra. Em giới thiệu anh, các ông ấy hỏi: “Lục nào?”, em bảo: “Lục con ông Lý cựu ở An Tiêm, cả quyền sổ thu chi, xuất nhập, anh ấy cộng xuôi rồi cộng ngược không sai một con số”. Bố tôi cười: Thế là công việc của anh côngtáp (kế toán). Chú Giới nói tiếp: Ủy viên tài chính gánh công tác nặng lắm, lo gây quỹ, tìm nguồn tài chính cho huyện, đến các nhà giàu vận động họ ủng hộ thóc giúp đồng bào, phân phát thóc cứu tế cho các xã, cái này mới quan trọng: vận động những người hăng sản, hăng tâm, ủng hộ tiền rồi làm thế nào tìm được chuyô (nguồn hàng) mua súng của bọn Tàu Tưởng vũ trang cho tự vệ huyện. Mèng ra cũng phải hàng chục khẩu súng trường. Ngoài cái tài giao dịch của anh, em chưa tìm được ai. Bố tôi ngập ngừng: Moa định đi Hà Nội. Chú Giới xua tay: Anh hãy giúp em một thời gian đã. Vả lại em ở trên huyện, lúc rỗi rãi chẳng biết nói chuyện với ai. Anh lên trên ấy, có anh, có em, mới vui. Bố tôi gật gật đầu: Biết thế cái đã, toa phải để cho moa nghĩ. Chú Giới quay sang nói với mẹ tôi: Em xin phép chị mời anh lên huyện nhận công tác. Mẹ tôi hỏi lại: Bao giờ đi, chú? Chú Giới nói ngay: Tốt nhất là đi ngay bây giờ. Mẹ tôi bảo chú Giới: Chú phải để cho anh chị thu xếp công việc gia đình. Chú Giới nói: Sáng mai huyện sẽ cử tự vệ dắt ngựa xuống đây cho anh rồi hai anh em ta cùng lên huyện. Công tác cách mạng mà, anh hãy vì cách mạng mà nhận lời mời của Ủy ban Nhân dân Cách mạng Lâm thời huyện.

Quyết định bổ nhiệm bố tôi làm ủy viên tài chính của huyện chỉ là quyết định mồm do ông em bố tôi truyền đạt nên chỉ có điều 1 (làm ủy viên tài chính huyện) nhưng không hề có điều 2 (bậc lương, phụ cấp chức vụ) như các ông ủy viên ủy ban nhân dân huyện bây giờ.

Một cuộc chuyển quân chiến lược cấp tốc vào Thanh Hóa được tiến hành sau khi bố tôi lên huyện

nhận công tác. Bố tôi làm việc theo “chế độ cơm nuôi”, mẹ tôi phải đưa bốn anh em chúng tôi về với ông bà ngoại.

Cháu ông nội tôi bà ngoại là thế này đây.

Tám tháng trời về quê nội làm hàng xáo, cán bông, kéo sợi, cắt vó tôm, đến khi vừa bước lên đất Nam Định rồi ngày hôm sau tới Thanh Hóa, tôi mới thấy bạn bè của bố tôi bảo: “Giữa cái thời buổi nhiễu nhương này, chúng mình không biết làm gì mà sống” cũng có cái lý của nó.

Quân Pháp tháo chạy rồi nhưng lại theo chân quân đội Đồng Minh khiêu khích ở miền Nam. Quân phát xít Nhật tuy đã thu gươm bó giáo, rút vào các doanh trại nhưng quân Tàu Tưởng theo lệnh Đồng Minh sang tước vũ khí quân đội Nhật vẫn đóng doanh trại và kéo cờ “thanh thiên bạch nhật” - anh em chúng tôi vẫn gọi là cờ rulíp, dung dưỡng cho bọn Việt Nam Quốc dân Đảng và bọn Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội ngang nhiên chống phá chính quyền cách mạng.

*

* *

Tháng 9 năm 1945, một sư đoàn quân Tàu Tưởng vào Thanh Hóa kéo theo bọn phản động tay sai nhằm cướp lại chính quyền của ta: Bọn Việt Quốc (Việt Nam Quốc dân Đảng) đóng trụ sở ở khách sạn Tứ Dân, bọn Việt Cách (Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội) đóng trụ sở ở Cổng Hậu. Ngoài ra Việt Quốc còn lập chiến khu ở đồn điền Di Linh (Thọ Xuân), Việt Cách cũng lập chiến khu ở Nga Sơn. Bọn Việt Quốc và Việt Cách đều tổ chức lực lượng vũ trang riêng, chúng sử dụng súng trường Môde, tiểu liên Tômsơn, lựu đạn chày và súng ngắn pàkhoọc do Tàu Tưởng cung cấp.

Tôi trình giấy giới thiệu của Tỉnh bộ Việt Minh với Ban chỉ huy Đội - giấy đánh máy có dấu đỏ và chữ ký của ông Chủ nhiệm Tỉnh bộ Việt Minh Thái Bình cẩn thận. Ban chỉ huy phát cho tôi một mũ calô bằng vải xanh, trong lót dạ và ở phía sau có bốn miếng vải che nắng, một quần xanh may theo kiểu quần kỵ binh, chúng tôi gọi là quần ngựa, còn áo trắng tôi mặc chiếc áo mang từ Thái Bình vào. Tôi được phát một “súng ám sát” - loại súng của công binh xưởng Phan Đình Phùng chế tạo trông giống cái bút máy Parker, trong buồng đạn nạp sẵn một viên đạn súng lục 6,35mm. Tôi chưa có cơ hội sử dụng “súng ám sát” - nghĩa là phải đến sát thẳng phản động rồi bóp cò.

Trụ sở Đội Thiếu niên Tiền phong Thanh Hóa khi ấy vừa chuyển đến nhà dòng Phờrăngxitcanh, chúng tôi ở chung với đội Tự vệ xung phong thị xã Thanh Hóa. Đêm đêm vẫn có tiếng súng trường, tiếng tiểu liên, tiếng trung liên, tiếng lựu đạn nổ trong thị xã. Bọn Tàu Tưởng bố trí cho bọn Việt Quốc, Việt Cách cố tìm cách khiêu khích quân ta để quân Tàu Tưởng kiếm có tước vũ khí lực lượng vũ trang cách mạng và đòi quyền giữ trật tự công cộng trong thị xã. Đôi ba lần quân Tàu Tưởng kéo đến bao vây nhà dòng Phờrăngxitcanh đòi Tự vệ Xung phong nộp vũ khí và rút khỏi vị trí đóng quân. Quân ta

không chịu, bèn nổ súng cảnh cáo buộc quân Tàu Tưởng phải rút lui.

Thấy tôi hay lúi húi đọc sách chính trị, ban chỉ huy phân công tôi phụ trách thuyết trình các bài học chính trị cho anh em. Tôi đã qua trường lớp nào đâu, vốn liếng các bài học chính trị của tôi là gom góp từ cuốn *Tư bản giấy chết, Những vấn đề về giai cấp xã hội, Tự do, Bình đẳng* (Nhà xuất bản Xã hội, Pháp), *Lịch sử tiến hóa nhân loại* (báo Cờ giải phóng), *Chính trị thường thức, Chủ nghĩa dân chủ mới* (Nhà xuất bản Thế kỷ) nhưng cũng đủ làm anh em phục lẫn đùng. Sau này Nguyễn Kim Đính sang du học ở trường Đại học Lô-môn-ô-xốp (Liên Xô) viết thư cho tôi: “Bây giờ mình mới biết cái chính trị của cậu thời ấy là i-tờ-ít”.

Tình hình ngày càng căng thẳng hơn. Lợi dụng Tàu Tưởng canh gác các ngã tư đường phố, bọn Việt Quốc và bọn Việt Cách đeo súng Tô-môn đi bán báo Việt Nam, Liên hiệp, Nói thật... Tại khách sạn Tứ Dân, bọn Việt Quốc còn dùng loa phóng thanh có công suất lớn chửi rửa Việt Minh - Cộng sản, công kích đường lối chính sách của Việt Minh và xuyên tạc chủ trương của Chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Có lần bọn Việt Quốc ở khách sạn Tứ Dân hô khẩu hiệu: “Đả đảo Việt Minh!” Nhân dân không ai hưởng ứng cả. Tức quá thằng Việt Quốc ấy làu bàu chửi: “Đ. m. đồng bào”. Ai ngờ tiếng nó vọng qua loa làm những người nghe bức mình vứt vỏ chuối, ném ông bơ gi vào trụ sở chúng.

Quyết góp sức cùng các anh các chị trong các đoàn thể cứu quốc và lực lượng vũ trang nhân dân bảo vệ chính quyền cách mạng, Đội Thiếu niên Tiền phong cũng đi quyền vũ khí, quyền gao, quyền thực phẩm để trực tiếp chiến đấu bảo vệ thị xã. Chỉ trong hai ngày, Đội Thiếu niên Tiền phong đã quyền được hai chục khẩu súng đủ các loại từ súng bắn chim một nòng đến súng hai nòng, có cả súng Remington khai hậu và súng “từ thời Napôlêông mới lên trung úy” báng còn khảm xà cừ. Ngoài ra Đội Thiếu niên Tiền phong còn ngoại giao với Ban chỉ huy Tự vệ xin được lựu đạn OF và lựu đạn Cao Thắng. Lựu đạn Cao Thắng có một chùm tua bằng sợi gai buộc ở đuôi, người sử dụng khi ném phải ném làm sao cho đồng tiền đầu kim hỏa cắm xuống đất, lựu đạn mới nổ. Trong những trận chiến đấu, chúng tôi còn nhặt được lựu đạn Cao Thắng đem về.

Hình như đạn tránh người, bao nhiêu lần đi theo tự vệ tấn công các trụ sở Việt Quốc, Việt Cách, chẳng đũa nào dính đạn. Trinh sát của ta bắt được mật lệnh của Việt Quốc sẽ đánh úp một số cơ quan đầu não ở Thanh Hóa và dựa vào lực lượng Tàu Tưởng yểm hộ sẽ cùng Việt Cách cướp chính quyền.

Các đơn vị tự vệ khẩn trương chuẩn bị chiến đấu. Chính quyền các cấp vận động những người không có nhiệm vụ ở lại lần lượt rời thị xã. Đội Thiếu niên Tiền phong làm lễ tuyên thệ Sống chết với thị xã Thanh Hóa. Hoàng Ngọc Thiết được phân công buộc một thân chuối vào ghế tựa. Từng đội viên ngồi ở các dãy ghế bên dưới lần lượt bước lên bọc mắt nhìn thẳng vào thân chuối rồi rút kiếm giơ thẳng trước mặt đọc lời thề: “Thiếu niên tiền phong sống chết với thị xã, thề chiến đấu đến giọt máu cuối cùng! Nếu phản bội lời thề, tôi sẽ phải chết như thế này!” Đọc xong lời thề, từng đội viên vung

gươm chém cụt một khúc chuối. Người lớn bây giờ nghe chuyện này thì buồn cười nhưng lúc ấy với chúng tôi lễ tuyên thệ thật thiêng liêng vô cùng. Người chém cuối cùng là H., đội trưởng. Kể ra H. cứ vung gươm chém thân chuối như anh em chúng tôi thì chắc chắn chẳng có chuyện gì xảy ra nhưng H. lại là đội trưởng, cậu ta thích làm điệu: bắt chước các sĩ quan Nhật, H. hai tay cầm kiếm giơ lên trước mặt, đọc xong lời thề, H. quay lưng lại phía thân chuối rồi quay ngoắt lại vung gươm chém. Hại thay cây chuối đã bị anh em chém trước phạt ngang thân, phần nhô lên khỏi thành ghế chỉ còn một gang nên lúc quay ngoắt lại, H. không định vị được, đường gươm bay trúng thành ghế. Hoàng Ngọc Thiết phải chạy lên buộc cây chuối khác vào thành ghế cho H. vung gươm. Gậy cột cờ trong lễ xuất quân bao giờ cũng là điềm gở còn đội trưởng chém nhầm vào thành ghế làm chúng tôi cứ lo ngay ngáy, không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Y như rằng mấy hôm sau, quân Tàu Tưởng triển khai lực lượng mở đường cho Việt Quốc, Việt Cách đóng thêm trụ sở ngoài phố, lần chiếm vành đai bảo vệ của Vệ Quốc đoàn. H. đã bị một tên Việt Quốc hù dọa: Quân Tàu trước khi rút khỏi Thanh Hóa sẽ trao toàn bộ vũ khí cho Việt Quốc. Số lượng vũ khí tối tân hùng hậu như thế, chỉ trong một ngày Việt Quốc sẽ dẹp tan Việt Minh giành chính quyền, lập chính phủ theo đường lối Tam dân. H. theo ngay. Trẻ con mà.

Ngay từ khi thành lập, Đội Thiếu niên Thanh Hóa đã có tờ báo viết tay do Đinh Xuân Bảng làm chủ bút. Tờ Tiền Phong “in” đủ các thể loại: thơ, truyện ngắn, tiểu phẩm, sưu tầm truyện cổ, sinh hoạt đội, tranh vui của các cây bút trẻ con trong đội. Trong cuộc sống tập thể ở nhà dòng Phởrăngxítcanh, chúng tôi ra thêm tờ Hiền vi phê bình, nhắc nhở nhau “thực hiện đúng tư cách người con trai đất Việt” như trong lời phi lộ. Đạo ấy, bọn Việt Quốc và Việt Cách đang nhao nhao đòi Quốc hội phải thay quốc kỳ. Chúng in 80 mẫu cờ nhỏ nhăng tán phát các nơi hòng làm áp lực cho đòi hỏi vô lý đó ở nghị trường. Nhân câu chuyện ấy, anh em chúng tôi bèn đổi tên tờ Hiền vi thành tờ Cờrêdin (Crésyl: tên loại thuốc sát trùng).

Anh em trinh sát của Đội ngày ngày đi quanh khu vực khách sạn Tứ Dân theo dõi tình hình địch thường nghe thấy bọn Việt Quốc ra rả chửi Việt Minh, chửi Chính phủ, ai cũng tức mình, chỉ muốn trưng một quả lựu đạn vào cái loa cho nó câm họng. Trong cuộc họp Đội, anh em đề nghị phải ra một tờ báo in để “bút chiến” với bọn Việt Quốc, Việt Cách chứ ra báo viết tay thế này thì mình viết đến đâu mình đọc đến đấy, chẳng bao giờ đến tai chúng nó. Người lớn ra một tờ báo còn bàn đi tính lại hàng quý, hàng năm, còn lũ choai choai mười bốn, mười lăm chúng tôi lúc đó chỉ một giờ sau đã thành lập xong tòa soạn: Đinh Xuân Bảng trước đây làm tờ báo viết tay thì nay làm chủ bút báo Tiền Phong in, Phạm Thế Hệ làm chủ nhiệm lo phần chính trị, đối ngoại. Thời ấy, các chủ nhiệm báo là người thay mặt tòa soạn đi hầu tòa, Nguyễn Kim Đính (sau này là giáo sư Nguyễn Kim Đính), Hoàng Ngọc Thiết, Trần Phúc và một vài cậu nữa làm phóng viên, số đội viên còn lại đi bán báo. Cả một khối lượng công việc quan trọng như thế bây giờ cứ phải “ba lên, ba xuống” chưa chắc đã xong, nhưng chúng tôi chỉ nói mồm với nhau là xong bég. Chẳng có một cấp có thẩm quyền nào ra quyết định bổ nhiệm cán bộ

lãnh đạo chủ chốt, anh em cứ thế mà làm, việc gì đến đột xuất thì tiện ai người ấy làm. Hồi ấy, các nhà báo tí hon chưa biết công tác biên tập như thế nào nên anh nào viết xong cứ đưa thẳng cho chủ bút. Bản đề cương đề ra theo kiểu gạch đầu dòng. Báo Tiền Phong số 1, anh em vừa bàn bạc chiều hôm trước thì chiều hôm sau đã mang đủ bài đến nộp. Đinh Xuân Bảng xếp trang xong, chuyển bài cùng makét (maquette) cho Chủ nhiệm xem có gì sơ hở trong cuộc “bút chiến” này không. Đến bây giờ tôi vẫn còn bái phục Đinh Xuân Bảng, tuy mới mười lăm tuổi nhưng viết bài “Gửi các người anh mà chúng em mong đợi”, giọng văn hết sức tình cảm phê phán hành động chia rẽ của Việt Quốc, Việt Cách và nhân danh “em của các anh” khuyên nhủ chúng, nếu là những người yêu nước thương nòi thì hãy theo gương Việt Minh, Nam tiến đánh đuổi giặc Pháp đang tàn sát đồng bào miền Nam chứ cứ ngồi ở Tứ Dân, Cộng Hậ chê bai những người đi đầu trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thì không phải là hành động làm gương cho lớp thiếu niên tỉnh nhà.

Đội trưởng H. đã chạy sang với Việt Quốc, anh em không ai dám đến tìm H. để hỏi quỹ kết còn bao nhiêu nên bàn ngay phương án bán ủng, bán gươm Nhật, bán mũ sắt, dòn tiền ra báo. Nhưng khi tôi cầm bài vở sang nhà in Trịnh Ngọc Phát, ông chủ vui sướng được nhìn tờ báo của thiếu niên tỉnh nhà do chính các em làm nên, vui lòng cho chúng tôi hưởng chế độ ưu đãi: ông chỉ tính tiền giấy còn ủng hộ công sắp chữ và công in, khi nào chúng tôi bán hết báo mới phải đem tiền đến trả. Phải công nhận ông Trịnh Ngọc Phát quá tin người. Một lũ trẻ con chưa đủ tư cách pháp nhân đến đặt in cả một số báo, lại chẳng có người lớn bảo lãnh, nhờ xảy ra chuyện gì liên quan đến chính trị thì ông biết nói sao? Mặt khác, bọn Việt Quốc, Việt Cách ngứa mắt tương cho một quả lựu đạn chày vào nhà in thì vốn liếng của ông sẽ đi đời nhà ma.

Một chuyện xảy ra ngoài ý muốn: khi Đinh Xuân Bảng đặt tờ makét trên bàn, chạy sang bên tự vệ nghe điện thoại, mấy cậu rồi hơi viết luôn mấy câu thơ trêu chọc nhau vào mép tờ makét, có cậu chạy về nhà cũng viết mấy câu xin phép vào đó. Khi quay trở về, Đinh Xuân Bảng cứ thế đưa makét sang nhà in. Kíp công nhân in báo vốn thật thà như đếm, chữ nào chúng tôi đưa sang đều sắp chữ bằng hết. Khi nhà in đưa bản in thử sang, nhìn thấy những chữ nghịch ngợm ấy, cả tòa soạn nháo nhác hẫ lên. Vốn đã từng theo bố lên nhà in Hàng Đậu, tôi biết những lỗi này chẳng có gì quan trọng nhưng tôi vẫn cứ lật bản gốc, lần ra tự dạng từng đưa rồi bắt chúng nó hứa từ nay không được nghịch ngợm như thế nữa. Tôi cầm bản in thử sang nhà in, ông Trịnh Ngọc Phát nhìn tôi bằng con mắt triu mến, các ký hiệu “xóa”, “chữ hoa”, “cách quãng”, “thu hẹp”, “xuống dòng”... tôi đã biết móc câu ra, móc câu vào, móc câu lên, móc câu xuống như nhân viên sửa bài của nhà in vậy.

Ngày hôm sau, tờ Tiền Phong đã in xong. Anh em về nhà lấy xe đạp, hai chiếc thò báo, còn bao nhiêu xe đi hộ tổng báo về trụ sở. Anh em vừa đạp xe vừa reo như một đội bóng vừa sút một quả trúng khung thành đối phương.

Ngay lập tức, mấy cậu lăm lăm súng hai nòng, ngực cài súng ám sát, hông đeo lựu đạn hộ tống cho Đinh Xuân Bảng đem tờ báo còn thơm mùi mực đến “Dinh Chủ tịch” biểu ông Lê Tất Đắc, chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Chính “Anh Đắc” đã ký “lệnh” cho các đội viên Thiếu niên Tiền Phong được vào chơi trong sân ngôi nhà ông làm việc. Sau đó anh em chia nhau đi bán báo, toán nào toán ấy đem theo đầy đủ vũ khí, sẵn sàng đánh lại bọn Việt Quốc, Việt Cách đến gây sự.

Báo Tiền Phong giá có năm xu một số, bằng tiền một vé xem phim hạng bét nhưng những người đã từng ủng hộ lương thực, thực phẩm cho thiếu niên ở lại thị xã cứ trả cả một hào, không lấy tiền trả lại. Ngay sáng hôm sau chúng tôi đã đem tiền đến thanh toán với ông Trịnh Ngọc Phát được rồi.

Việc làm của Đội Thiếu niên Tiền phong không qua mắt các chiến sĩ trinh sát được. Ở một tỉnh, ngoài đường đang bán đủ thứ báo - vừa của ta, vừa của Việt Quốc, Việt Cách - tự dưng xuất hiện một tờ báo lạ, Ty Trinh sát vội điện gấp sang “Dinh Chủ tịch” báo cáo. May mà ông Lê Tất Đắc đã nhận được báo biểu rồi nên ông trả lời với Ty Trinh sát là Tiền Phong là báo nhà, là báo của “quân ta”, cứ để các em phát hành.

Chúng tôi chưa hết cơn hả hê thì đồng trí trực chiến bên Tự vệ Xung phong chạy sang báo tin Ty Thông tin yêu cầu chủ nhiệm báo Tiền Phong sang ngay Ty báo cáo về hoạt động của báo.

Theo “luật phân công mồm”, tôi là chủ nhiệm phải gánh vác việc “hầu tòa” rồi. Đinh Xuân Bảng và tôi triệu tập tòa soạn trẻ con lại, nhận định tình hình và bàn cách đỡ đòn. Đinh Xuân Bảng động viên tôi: Báo viết không phạm tội chính trị là không sợ gì rồi, Ty Thông tin gọi thì cứ đến, nếu sau ba mươi phút tôi không về, Đinh Xuân Bảng sẽ huy động anh em đến Ty xin cho tôi về và đích thân Đinh Xuân Bảng sẽ chạy sang “Dinh Chủ tịch” nhờ ông Lê Tất Đắc can thiệp.

Trong lúc tôi đang ngồi ở Ty Thông tin, anh em rải người từ nhà dòng Phở Răng xít canh lên tận cửa Ty để nghe ngóng tình hình, nếu có chuyện gì bất lợi thì về báo ngay cho Đinh Xuân Bảng.

Chỗ dựa vững chắc, tôi không lo. Bị ông Trưởng ty nện cho đòn phủ đầu “phạm luật báo chí”, ra báo không xin phép, đã thế khi báo phát hành lại không nộp lưu chiểu. Tôi ngơ ngác hỏi ông Trưởng ty: Thưa anh, thời Pháp thuộc, ông chủ bảo xin phép ra báo để được nhà nước bán giấy rẻ hơn giá ngoài, còn chúng em được ông chủ nhà in ủng hộ công in rồi nên chẳng nghĩ gì đến việc xin phép. Em cứ tưởng bây giờ độc lập rồi, chúng em được tự do ngôn luận, và lại chúng em đứng về phía Việt Minh vạch mặt Việt Quốc, Việt Cách chứ có làm cái gì khác đâu. Còn các tội khác, tôi cứ dùng võ “chui qua nách tránh đòn”, không cãi chày cãi cối - bây giờ người ta gọi là thành khẩn tiếp thu. Ông Trưởng ty mới hướng dẫn tôi làm thủ tục ra báo và thể lệ nộp lưu chiểu từng số báo. Ông đưa cho tôi đến năm sáu tờ biểu mẫu báo tôi về khai. Tôi đưa mắt qua từng tờ biểu mẫu một, mọi điều chúng tôi có thể làm được: tôn chỉ, mục đích, cơ quan chủ quản, lý lịch chủ bút, chủ nhiệm và quản lý, danh sách tòa soạn, số trang, khổ báo, số kỳ, chỉ có một điều khó nhất tôi không biết làm thế nào là chúng

tôi phải khai vốn ra báo.

Thoát nạn, tôi chạy ra gặp anh em đang đứng chờ ở cổng Ty. Hai tay tôi đấm lên trời, miệng tôi reo to: Không có gì! Anh em ôm lấy tôi mà hét lên như vừa cứu được một bàn thua trông thấy. Về nhà dòng Phorăngxítcanh, tôi hướng dẫn Đinh Xuân Bảng kê khai những giấy tờ cần thiết cho việc ra báo, một số anh em khác đi tìm báo để nộp lưu chiểu. Sáng hôm sau, chúng tôi đang thảo luận dàn bài số 2 - ngày trước không ai biết là đề cương “ra răng” cho số 2 - trực ban của Tự vệ Xung phong chạy sang báo tin: quân Tàu Tưởng đã tập hợp ở ngoài ga, chuẩn bị lên tàu rút khỏi Thanh Hóa. Chúng tôi vút hết công việc chạy ra ga. Nghe nói bọn Việt Quốc, Việt Cách cũng mặc quân phục Tàu Tưởng trà trộn vào hàng ngũ Tàu Tưởng. Chiều hôm ấy, một cán bộ của Tỉnh đoàn Thanh niên xuống họp với chúng tôi, tuyên bố toàn bộ đội viên Thiếu niên Tiền Phong Thanh Hóa tham gia Đội tuyên truyền lưu động của Ty Thông tin đi xuống các xã phổ biến tình hình và nhiệm vụ mới. Quân đội Pháp sẽ vào thay thế quân Tàu Tưởng nhưng chúng chỉ đóng ở Hà Nội, Hải Phòng và một vài vùng quan trọng khác chứ không đóng quân ở Thanh Hóa.

Sau đợt tuyên truyền lưu động ấy, trừ tôi trở về Thái Bình còn anh em tiếp tục đi học, không có ai lo cho tờ Tiền Phong nữa. Chúng tôi đều tiếc. Thời Pháp thuộc, các cậu ấm cô chiêu có báo Học sinh, sau Cách mạng tháng Tám có tờ Thiếu sinh và bây giờ những Hoa Học Trò, Mực tím, Áo hồng, Áo trắng, Thiếu niên Tiền Phong, Nhi đồng, Ước mơ xanh... đều là báo do người lớn viết cho trẻ con đọc chứ đã có tờ báo nào do chính thiếu niên tự làm, tự phát hành đâu.

Mười lăm

Tôi đã đọc nhiều tác phẩm rồi sau đấy mới gặp tác giả và ngược lại có người tôi đã chạm trán bôm bốp ở các cuộc họp nhưng chẳng được đọc tác phẩm của các ông ấy mấy khi. Cũng có khi được hầu chuyện một nhà văn nhưng người ta chỉ giới thiệu chức vụ của ông ấy chứ không ai bàn đến tác phẩm của quan văn nọ. Vì thế mới có chuyện tin buồn trên báo đưa tin ông X vừa chết, chúng tôi mới giật mình. Thì ra lâu nay ông X vẫn sống mà chúng tôi không được hân hạnh biết.

Trong những ngày hoạt động ở đồng bằng Bắc Bộ, tôi chỉ biết nhà thơ Quang Dũng qua 34 câu thơ của bài *Tây Tiến*. Hồi ấy chưa có nhà xuất bản nào in tập thơ Quang Dũng nhưng “*Sông Mã xa rồi, Tây Tiến ơi/ Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi...*” vẫn xuất hiện trong sổ tay cán bộ địch hậu chúng tôi, “*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc/ Quân xanh màu lá dữ oai hùm*” vẫn vang lên trong các chương trình văn nghệ ở xóm, ở xã, ở huyện, ở tỉnh, trong các buổi giao lưu tình quân dân cá nước, trong các buổi tiễn trai làng đi bộ đội. Và bài thơ *Tây Tiến* đã châm ngòi cho một phong trào đỡ đầu các chiến sĩ Trung đoàn Tây Tiến. Nam nữ thanh niên đồng bằng Bắc Bộ đã quyên góp quần áo, thuốc men gửi cho các chiến sĩ Tây Tiến. Chính tôi đã từng mơ ước đến một ngày nào đó sẽ được gia nhập Trung đoàn Tây Tiến.

Năm 1951, chúng tôi được lệnh đi chiến dịch. Sau một đêm len lỏi qua đồn bốt giặc, chúng tôi vượt sông Đáy sang vùng tự do. Sáng sớm hôm sau, đang hành quân trên đường 12, anh bạn tôi trở về phía một đoàn người mặc áo vét canadien một thời thượng của các chiến sĩ trong binh đoàn chủ lực đang rào bước tiến về phía chúng tôi:

- Nhà thơ Quang Dũng, chúng mày ơi!

Tôi vội đưa mắt về phía tay anh bạn vừa trở: Nhà thơ Quang Dũng ở đâu hả mày? Anh bạn tôi nói tiếp: Cái ông to cao đi giữa đấy! Tôi vội tháo khẩu tiểu liên Mas qua vai, tháo quai ba lô, tháo tiếp bao gạo quàng vội lên vai anh bạn rồi quay lại chạy thực mạng theo đoàn người vừa đi ngược chiều.

“Ông Tây Tiến” của tôi đây rồi. Ông “*Mắt trông gửi mộng qua biên giới*” của tôi đây rồi. Tôi vừa rào bước theo nhịp chân sải dài của “Ông Tây Tiến” vừa nghiêng đầu ngắm nhà thơ mình hằng ngưỡng mộ.

Không phải đây là lần đầu tiên tôi gặp một nhà thơ. Sau ngày Toàn quốc Kháng chiến 19-12-1946, một số nhà thơ đã tản cư về đồng bằng Bắc Bộ. Tôi đã gặp nhà thơ Vũ Hoàng Chương đội khăn xếp, mặc áo gấm lam, đi hài thù và nhà thơ Đinh Hùng mặc áo kẻ ca rô, đi giày mồm nhái. Cái tuổi hai mươi của chúng tôi thời ấy dù có mê thơ của hai ông ấy đến mấy mươi nhưng chẳng buồn đến hầu chuyện hai nhà thơ nổi tiếng. Bây giờ ngồi nghĩ lại, tiếc vô cùng, cái duyên trời cho ấy, tôi đã để tuột

khỏi tay.

Bấy giờ tôi quên cả phép lịch sự thông thường cứ dõn bước mà nghiêng đầu ngắm một nhà thơ mặc quần áo chiến lợi phẩm - thần tượng mà tôi hằng thờ phụng.

Tôi vẫn còn nhớ khi đó nhà thơ Quang Dũng đội mũ leo núi (passe-montagne) đan bằng len màu ghi. Ông cuộn phần che má, che cằm lên ngang thái dương - tuy không đúng điều lệnh nhưng trông lại càng hiên ngang. Đôi lông mày giống như hai nét phóng bút của một họa sĩ giang hồ vừa hạ hai nét đậm mực trên khuôn mặt gồ ghề nhiều góc cạnh ngang tàng. Đôi mắt sáng luôn nhìn thẳng coi thường gai góc dưới chân. Đôi giày cao cổ bằng da lộn vẫn sải đều nhịp trên con đường đá dăm. Dáng Quang Dũng cao lớn in trên nền dãy núi chỏm cao chỏm thấp nhấp nhô phía xa xa. Tôi nghĩ ngay đến Từ Hải trong truyện Kiều “vai năm tấc rộng, thân mười thước cao” cũng đến như ông Quang Dũng này là cùng. Gió nhẹ thổi, hai vạt áo vét canadien dạt sang hai bên theo đà gió, bộ khóa đồng của thắt lưng chiến lợi phẩm chạm phải ánh nắng ban mai cứ lấp lánh theo nhịp chân nhà thơ.

Tôi vẫn sải bước theo vạt cỏ bên đường mà ngắm nhà thơ cách mạng của mình. Tôi thầm ao ước làm sao được nhà thơ Quang Dũng giơ tay vẫy lại rồi cho tôi đi cùng. Tôi chợt nhớ đến cuốn sổ tay có chép bài thơ *Tây Tiến* vẫn vùi trong đáy ba lô. Giá lúc ấy, tôi cứ đeo cả ba lô mà chạy thì bây giờ sẽ vừa chạy vừa thọc tay vào ba lô lôi cuốn sổ tay, lật vội đến trang chép bài *Tây Tiến* rồi chạy bỏ đến trước mặt nhà thơ xin chữ ký làm kỷ niệm. Chắc chắn sau này tôi cầm cuốn sổ này đi đến đâu thế nào bạn bè cũng phải đòi xem bằng được trang viết có chữ ký của nhà thơ.

Nhà thơ Quang Dũng vẫn mãi mê chuyện trò với mấy ông bạn không chấp cái thằng bé con bất lịch sự này. Mãi đến ngã ba có cắm cái cọc treo tấm biển HUYỆN ĐỘI 7, nhóm người mặc áo vét canadien mới rẽ trái theo hướng mũi tên chỉ đường. Tôi thần thờ nhìn theo bóng chiếc mũ leo núi màu ghi nhấp nhô theo nhịp bước xa dần, xa dần.

Ngay chiều hôm ấy chúng tôi đã ném mồi “*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm/ Heo hút cồn mây súng ngửi trời/ Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống...*” Những câu thơ ấy cứ ngân trong lòng tôi, vẽ ra trước mắt tôi đoạn đường đầy chông gai trước mắt. Rồi một hôm tôi đã được nhìn tận mắt “*Anh bạn dãi dầu không bước nữa/ Gục lên súng mũ bỏ quên đời...*” Những gì chúng tôi lần lượt ném trải đều đã hiện hình trong bài thơ *Tây Tiến* cả rồi, nhà thơ Quang Dũng đã đi trước chúng tôi, ông đã vượt chặng đường gian khổ đó và đã tâm sự với chính tôi về những cái phải trả giá cho cuộc giao tranh sinh tử. Ông đã nói thật để chúng tôi dũng cảm bước lên phía trước không một giây, một phút ngập ngừng.

Chiến dịch kết thúc, trong lễ mừng công, anh bạn tôi vốn là cây văn nghệ lên say sưa ngâm bài thơ *Tây Tiến*. Mấy hôm sau, cơ quan chính trị thông báo bài thơ *Tây Tiến* bị cấm lưu hành vì nhiều câu phản ánh tâm hồn tiểu tư sản, sợ khó khăn gian khổ, không có tác dụng cổ vũ cho cuộc kháng chiến trường kỳ.

Từ đây bài thơ *Tây Tiến* chỉ được bí mật chuyền tay nhau qua những trang sổ tay chép vội không dám ghi tên tác giả. Sau này nhiều anh lính trẻ chỉ thích bài thơ *Tây Tiến* nhưng không biết tên người viết ra bài thơ ấy là ai.

*

* *

Sau ngày Thủ đô giải phóng 10-10-1954, chúng tôi về Hà Nội. Trung Anh và tôi về thôn Quảng Bá, đến xin ở nhờ nhà bà Ngoan. Nhà ở sát chân đê, lưng dựa vào hồ. Cửa sổ trước bàn viết của tôi trông thẳng ra đê. Ai đi vào cái xóm nhỏ này, tôi là người nhìn thấy trước nhất.

Một người cao to dắt xe đạp đang lò dò xuôi theo con đường mòn chạy sát theo sườn đê. Trông nhang nhác quen nhưng tôi chưa nhận ra là ai. Chỉ một lát sau tôi nghe tiếng người gọi: Vũ Bảo ơi! Tôi vút bút lên bàn chạy vọt ra cổng.

- Anh Quang Dũng!

Nhưng không phải một Quang Dũng nai nịt quân trang sang trọng như tôi đã từng đuổi theo xem mặt trước khi bước vào chiến dịch. Hôm nay anh mặc sơ mi quân phục màu lá cây bạc phếch, quần kaki Trung Quốc sờn gấu, chân anh đi đôi dép lốp, ngón chân cái trườn ra ngoài mép dép. Gương mặt gồ ghề, nhiều góc cạnh đã được những ngày gian hồ trở thêm những nét hằn trên làn da phong sương. Vừa nhìn thấy tôi, anh hỏi ngay: Cậu là Vũ Bảo à? Tôi trả lời: Em là Vũ Bảo đây. Đường xá xa xôi như thế sao anh không biên thư gọi em lên. Anh Quang Dũng cười: Trần Lê Văn khoe với mình là vừa đọc xong bản thảo tiểu thuyết của một cây bút trẻ mới hăm lăm tuổi, mình đến để xem mặt. Vừa dắt xe đỡ cho anh, tôi vừa nói: Bốn năm trước, em đã chạy theo xem mặt anh rồi, anh có nhớ cái thằng bé con bất lịch sự ấy không? Anh Quang Dũng cười: Mình bị người ta xem mặt nhiều lần lắm nên chẳng còn nhớ người nào với người nào. Tôi nói: Bài thơ *Tây Tiến* của anh ai cũng thuộc lòng. Anh Quang Dũng cười: Mình cũng sống dở, chết dở vì có bài thơ được học thuộc lòng như thế. Tôi đọc luôn: *Chiều chiều oai linh thác gầm thét/ Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người/ Nhớ ôi Tây Tiến cơm lên khói/ Mai Châu mùa em thơm nếp xôi...* Làm được mấy câu thơ ấy sướng cả một đời người. Anh Quang Dũng cười: Thế thì cậu chưa biết vì mấy câu thơ ấy, mình cũng khổ cả một đời chưa? Cậu mới vào nghề, cậu chưa biết đôi khi một bài thơ chết oan chỉ vì một câu không hợp với “gu” của một cụ.

Càng lớn tôi càng hiểu nỗi niềm của anh và đến khi tai họa trút xuống đầu, tôi mới hiểu sức mạnh bách chiến bách thắng của cái lắc đầu của một cụ đầy quyền uy. Điều này cũng giống như quả cân vậy, tuy chỉ nhỏ bằng nắm tay nhưng nó thừa sức đánh lui hàng yểm, hàng tỵ đang nằm dưới mỏ cân.

Sau khi về Hà Nam, tôi không có dịp gặp anh Quang Dũng nữa. Thỉnh thoảng tôi mới gửi thư cho anh hỏi về tập bản thảo đang nằm trong tủ nhà xuất bản. Anh trả lời theo kiểu truyền cho tôi niềm hy

vọng lớn lao là đừng nên thất vọng, cứ kiên nhẫn chờ đợi như vợ lính đi B chờ chồng.

Năm 1969, tôi về Hội Văn nghệ Hà Nội, nhà cửa không có, ngày ngày phải đến bếp ăn tập thể của Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam lấy xỉ than về lấp hồ và đóng gạch xi xây nhà. Quang Dũng làm việc ở trên gác, những hôm làm việc quá giờ hành chính, anh lại gặp tôi. Thấy tôi đang chằng dây cao su buộc bao xỉ trên cái đèo hàng, anh bảo: Mình vừa đọc báo Pháp, họ biểu dương một cụ già mỗi ngày đi qua công trường cụ chỉ lấy về một viên gạch. Thế mà thời gian sau, cụ đã xây được ngôi nhà bằng số gạch nhặt dần ấy. Khi cụ chết, người ta đã bảo quản và gắn cho ngôi nhà ấy tấm biển “Trượng đài về lòng kiên nhẫn của con người”. Tôi ngẩng đầu lên nói với anh: Ông cụ người Pháp đó mới chỉ lấy sản phẩm có sẵn đem về xây nhà, còn tôi phải đi lấy nguyên liệu đúc thành gạch xi nên cái nhà của tôi phải giá trị gấp đôi cái nhà của ông cụ người Pháp chứ. Anh nói tiếp: Người ta lo đi xây dựng thiên đường trên trái đất, cậu lại lùi về xây cái nhà gạch xi thì thương thật! Tôi trả lời: Nhưng cuối năm nay tôi đã có một cái nhà xi rồi, đây không gọi là thiên đường của tôi được sao? Anh cười không nói gì. Tôi nói tiếp: Cũng như bao nhiêu ông lĩnh tiền nhuận bút trên phòng tài vụ của nhà xuất bản, đã thấy ông nào xây được nhà đâu? Còn tôi chỉ lấy xỉ than ở dưới bếp, tôi sắp xây nhà đây này. Anh lại cười: Nhuận bút, nhuận bút ở nước mình thì làm được cái gì. Mình viết “Người thật - Việc thật” cho nhà xuất bản, các chị ấy tạm ứng cho năm mươi đồng, nhà mình bán quá, mình cứ sang vay vật nên đến khi sách in xong, mình lại nợ tám đồng nữa. Lấy đâu mà trả, may các chị ấy nhanh trí, ký tiếp cho mình các hợp đồng “Người tốt - Việc tốt” khác. Mình lĩnh luôn năm mươi đồng, trả nợ tám đồng, còn bốn mươi hai đồng mang về nộp cho bà vợ.

Bố con tôi đã đúc xong hai nghìn viên gạch, đêm đêm vợ chồng tôi phải dắt xe cải tiến đến những nơi người ta phá hầm để nhặt gạch vụn về đổ móng. Nhà Quang Dũng ở cuối phố Bà Triệu, một lần vợ chồng tôi kẻ kéo, người đẩy xe đi qua trước cửa nhà anh. Gặp tôi, anh thông báo vắn tắt một vài chuyện vừa xảy ra trong làng văn. Cứ làm cái anh kéo xe cải tiến, đầu óc lại thanh thản, còn nghe chuyện làng văn sao tôi thấy nhức đầu đến thế. Tôi thương anh nhiều. Anh đã “dính” tí chút vào những tập Giai phẩm, sau đó lại “dính” tiếp vào vụ *Xiếc khỉ* (đăng trên báo Văn - Hội Nhà Văn), anh viết về một tay quảng cáo thuốc dùng con khỉ làm trò để bán thuốc cho nhanh. Truyện vui, hóm kiếu Quang Dũng nhưng người ta lại quy tội anh “ám chi” bộ máy chuyên chính của giai cấp vô sản. Cái án treo *Tây Tiến* vẫn lơ lửng trên đầu những người “thù dai nhớ lâu”, vài ba dấu hỏi không ghi thành ký hiệu vẫn bám riết lấy lý lịch nhà thơ giang hồ làm anh cứ nơm nớp một chuyện gì đấy sẽ ập đến, anh cãi làm sao đây? Có lần anh tâm sự với tôi: Nhà mình gần đường, đêm qua mình nghe tiếng ô tô xít đờca hãm phanh đến kít một cái dưới phố cũng giật mình. Thế là không sao ngủ tiếp được. Mình cứ để bụng không dám nói cho vợ con biết. Cái lo của riêng mình với cái lo phải nhân bốn, nhân năm có bớt lo được tí nào đâu mà chỉ làm khổ vợ con. Tôi an ủi anh: Anh em mình có hội kín, hội hờ gì đâu mà sợ. Anh cười nhạt: Cái thằng đài phát thanh Sài Gòn nó hại mình. Thỉnh thoảng nó lại làm một châu *Nhớ*

Tây Tiến, Lính râu ria, Đôi mắt người Sơn Tây của mình. Thế là “người ta” sắp quên mình đi, “người ta” lại phải nhớ xem lâu nay mình thế nào.

Khổ anh thế. *Nhớ Tây Tiến* - sau khi bài thơ *Tây Tiến* bị “đòn âm”, Quang Dũng phải đổi tên là *Nhớ Tây Tiến* cho nó đỡ sái, *Lính râu ria, Đôi mắt người Sơn Tây* được viết trong những ngày anh đeo ba lô đi kháng chiến ở Liên khu III, đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng người đọc. Bắc Nam đôi ngả, bạn bè của anh ở phương xa nhớ đến một tài năng lại gửi nỗi niềm qua làn sóng điện. Vĩ tuyến thứ 17 đã phân chia ranh giới rồi, bài thơ nào, bài hát nào, truyện ngắn nào, tiểu thuyết nào được Đài phát thanh Sài Gòn nhắc đến tên hoặc tác phẩm là tác giả đó ở ngoài Bắc tự coi là “đời mò” rồi. Hồi ấy, một số cán bộ tổ chức suy nghĩ rất “lập trường”: Ta làm cái gì mà địch chửi ta là ta đúng, ta làm cái gì mà địch khen ta là ta sai. Nhưng cơ quan có trách nhiệm có bao giờ nói với các đương sự điều ấy đâu. Đến thế nhưng trong sinh hoạt hàng ngày, cái gì anh cũng sợ. Mở cửa, anh sợ gió lửa, đóng cửa, anh sợ ngạt. Suy cho cùng một đời người nhận tới ba “cái án treo” như anh thì sợ cũng là phải.

Mỗi lần vợ chồng tôi dừng xe nghỉ giải lao ở trước cửa nhà anh, anh thường thông báo cho tôi biết kỳ này báo Văn học Pháp ở Thư viện Trung ương có bài gì nên đọc và Tạp chí Tác phẩm và Dư luận của Hội Nhà văn Liên Xô có truyện nào cần xem. Hôm sau tôi lại phải chạy bổ vào thư viện và ra hiệu sách Ngoại văn tìm đọc cho bằng được. Có đêm anh bảo tôi Tạp chí Tác phẩm và Dư luận vừa in truyện *Cô gái đánh máy ở tầng 5* hay lắm, bạo lắm. Hôm sau tôi ra hiệu sách Ngoại văn thì đã thấy cô bán sách bảo hết. Thế là tôi hiểu, càng nóng lòng muốn đọc. Đêm hôm ấy tôi nói chuyện này với anh Quang Dũng. Anh cho tôi biết Tạp chí Tác phẩm và Dư luận mới về cơ quan anh, anh sẽ mượn lại và chuyển sách cho tôi nhưng anh dặn tôi chỉ được đọc trong năm ngày rồi trả lại và không được chuyển tiếp cho ai. Đêm hôm sau, cầm tạp chí về nhà, tôi vui đầu dưới ánh sáng ngọn đèn “đom đóm đực” đọc một mạch. Đêm hôm ấy tôi không ngủ được. Liên Xô - thành trì vô sản toàn thế giới mà cũng như thế ư? Chính một nhà văn Liên Xô - chứ không phải là nhà văn đế quốc “xía dzô”, đã giải bày những trăn trở của mình về một xã hội dân chủ và công bằng xã hội.

Đêm sau, anh bảo tôi: Tuần sau mình đi vào khu kinh tế mới của Hà Nội ở Lâm Đồng, vừa đi viết “Người thật - Việc thật” vừa thăm con gái dạy học ở trường trong ấy. Tôi hỏi anh: Đi xa, anh có cần gì không? Anh trả lời: Chỉ thiếu mỗi cuốn sổ ghi chép. Cái gì chứ một cuốn sổ ghi chép thì gõ cửa báo nào cũng ra nhưng vào việc mới bí. Chưa tòa báo nào lấy được sổ về. Đến ngày cuối cùng, tôi thấy cậu văn thư ở cơ quan đến nhà in thò một kiện sổ công tác về, tôi bảo cậu ta tạm ứng cho tôi một suất. Cậu ta bảo: Em mới lấy được sổ thôi còn bìa ny lông ba ngày nữa mới có. Tôi phải bảo sáng mai nhà thơ Quang Dũng đã lên đường đi Lâm Đồng rồi, ông ấy chỉ ghi chép tài liệu, cần gì bìa ny lông. Thế là cuốn sổ không bìa đã theo chân ông vào vùng kinh tế mới.

Anh Quang Dũng đi rồi, nhà thơ Hoàng Việt Hằng mới dám nói với tôi: Em không ngờ bác Quang

Dũng khổ đến thế. Gặp bác ấy trong công viên, em cứ tưởng bác ấy vào tập dưỡng sinh, hóa ra đánh mất phiếu đầu, bác ấy phải vào công viên nhặt lá khô về đun. Em đi qua đúng lúc bác ấy đang buộc bao tải lên xe, em phải tránh thật nhanh cho bác ấy khỏi nhìn thấy em. Mỗi lần nhìn bác Quang Dũng đeo bao tải lá khô qua nhà, em cứ trào nước mắt. Thời ấy, anh chị em ai cũng nghèo, cũng gặp từng ấy khó khăn như nhau. Tự cứu mình chưa xong còn cứu ai được!

Sau chuyến đi Lâm Đồng, anh Quang Dũng lâm bệnh. Vì anh mới là cán sự bốn (tôi cứ tưởng anh đã là chuyên viên từ lâu) nên anh không có “tiêu chuẩn Việt Xô”, gia đình đưa anh vào Bệnh viện E ở mãi dưới Nghĩa Tân lúc ấy là đất của huyện Từ Liêm. Được cái bác sĩ Trần Trí, em ruột nhà thơ Trần Lê Văn lại làm giám đốc bệnh viện nên sự chăm sóc cũng được chu đáo. Khỏi bệnh, anh yếu đi nhiều lắm. Ngày ngày, anh vẫn tập đi dưỡng sinh để mau phục hồi sức khỏe. Một hôm anh đến tìm tôi: Vũ Bảo ơi, Trinh Đường tổ chức một chuyến đi viết về Tây Nguyên. Mình nhận lời với Trinh Đường rồi nhưng bây giờ yếu quá, Vũ Bảo đi thay mình. Sắp xếp ngày vào giải mà đội hình còn trống, thế là tôi phải xin nghỉ phép, đi theo “gánh văn Trinh Đường”. Phải công nhận rằng nhà kinh tế làm thơ còn có ăn, ít ra cũng đẩy được hết số lượng thơ được in thu hồi vốn, còn nhà thơ làm kinh tế - từ vĩ mô đến vi mô chỉ có mà bót bữa. Một chuyến đi làm ăn, Trinh Đường không ký hợp đồng, lại sĩ không thềm lấy tạm ứng. Người mời đi là một tay giám đốc định nhờ ảnh hưởng của cuốn sách làm áp lực cho chính trường nên khi vừa mới nhận được quyết định lên chức bèn thẳng tay lờ luôn mấy ông thợ viết dễ tính này. Chuyện đó tôi không dám nói với vợ. Anh Quang Dũng mỗi lần đi qua Ngõ Quỳnh thường rẽ vào gặp vợ tôi hỏi han tình hình “gánh văn Trinh Đường” sống ra sao. Vợ tôi cũng chỉ biết “một nửa sự thật” về thân phận bị bỏ rơi của chúng tôi nên Quang Dũng cứ yên trí anh em đều vui vẻ cả.

Một hôm tôi nhận được thư nhà. Vợ tôi kể: Anh Quang Dũng đến chơi, hỏi thăm tin tức “nhóm Tây Nguyên”. Khi nhìn thấy chồng sách John Steinbeck ở trên giá cao, anh Quang Dũng với tay lên lấy xuống, bỗng dưng anh bị ngã lăn xuống đất. Vợ tôi phải dìu anh vào buồng nghỉ, cho anh uống thuốc, nấu bát mì thịt rồi mời ông xích lô quen đưa anh về nhà. Tôi đọc bức thư ấy cho anh em nghe. Trinh Đường, Trần Lê Văn, Nguyễn Thái Vận và tôi cùng nhìn nhau. Tin lành thì ít mà tin dữ thì nhiều. Đạo ấy đã có mấy ai được mắc điện thoại ở nhà riêng như bây giờ. Mọi tin tức về anh Quang Dũng chỉ trông chờ vào đường thư của gia đình.

Thế là từ hôm ấy, đêm nào chúng tôi cũng theo dõi buổi phát thanh Văn nghệ của Đài Tiếng nói Việt Nam. Không thấy phát chương trình thơ Quang Dũng, chúng tôi mới yên tâm. Hồi ấy nhà đài nghe tin nhà thơ nào chết thì làm ngay mấy buổi đọc tác phẩm trong mục Tiếng thơ hoặc Đọc truyện đêm khuya, coi như thấp nén hương tiễn bạn đồng nghiệp của mình vân du nơi cực lạc.

Chúng tôi bị quả lừa, ông giám đốc lên chức xong “phủi” sạch những lời đã hứa. Bốn anh em chúng tôi rút theo bốn ngả trong bốn khoảng thời gian khác nhau. Về đến Hà Nội, tôi đến thăm anh Quang

Dững ngay. Trước mắt tôi là một Quang Dững râu lờm chờm, tóc trùm tai, chiếc áo sơ mi quân phục đã bạc màu. Anh không mặc quần mà dùng chiếc sơ mi rách quần ngang bụng trông như một ông già Tây Nguyên mặc áo bộ đội đóng khố. Thấy tôi đến, Quang Dững cười và nói câu gì tôi không nghe rõ từng tiếng. Chị Thạch, vợ anh “phiên dịch” cho tôi nghe: Thạch Sanh! Thạch Sanh đấy! Đúng anh là Thạch Sanh thật. Trên tường, mấy bức tranh anh vẽ cảnh rừng, chiếc ghế đầu anh ngồi kê sát tường nên trông Quang Dững rất giống Thạch Sanh đóng khố vừa hạ gánh củi xuống rồi nghỉ dưới gốc cổ thụ ven rừng. Anh hỏi tôi về chuyến đi và sức khỏe từng người. Chị Thạch “phiên dịch” từ tiếng Việt sang tiếng Kinh những câu anh nói tôi nghe không rõ. Không ai thuộc tiếng chồng bằng người vợ, chị Thạch chỉ nhìn môi anh mấp máy đã hiểu anh vừa nói gì. Tất nhiên tôi chỉ cho anh biết một nửa sự thật về chuyến đi tay trắng về trắng tay.

Ít lâu sau tôi cũng bị tai biến mạch máu não phải vào bệnh viện Hữu Nghị điều trị. Bạn bè đến thăm cho biết anh Quang Dững khó qua được đêm nay. Tôi lẫn mình quay mặt vào tường, nước mắt trào ra ướt gối. Cây bút tài hoa ấy đã được Bộ Văn hóa xếp lương cán sự bậc bốn, lúc anh về hưu, nhà xuất bản cố đề nghị nâng bậc lương anh lên một nấc nữa: cán sự bậc năm. Như thế nhà thơ Quang Dững còn phải vượt qua hai cửa ải nữa: cán sự bậc sáu rồi lên chuyên viên bậc một, leo tiếp lên chuyên viên bậc hai mới đủ “tiêu chuẩn Việt Xô”. Đến khi nhà thơ Quang Dững sắp trút hơi thở cuối cùng, một ông lãnh đạo mới học tốc báo tin Hội đồng Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vừa quyết định tặng thưởng Huân chương Lao Động hạng hai cho nhà thơ Quang Dững về những cống hiến cho nền văn học nước nhà nhưng nhà thơ tài hoa không được cái vinh dự nhận tấm huân chương ấy.

Lúc ấy anh nằm bất động đưa mắt nhìn từng người thân đang đứng quanh giường. Sau một thời gian dài, Quang Dững không nói được nữa, thế mà trong giây phút chót của chặng cuối cuộc đời, giọng trầm đục của người ốm lâu ngày, Quang Dững hướng ánh mắt khá lâu về phía nhà thơ Trần Lê Văn đang đứng rồi dồn toàn bộ lòng thương nhớ của mình vào hai tiếng: “Ông Văn”.

Hồi kháng chiến chống thực dân Pháp, mỗi nhà thơ phải tìm lấy một cách kiếm sống thuận tay. Sau cái vạ *Tây Tiến*, *Lính râu ria*, *Đôi mắt người Sơn Tây*... Quang Dững phải ra khỏi quân đội, đành phó mặc cuộc đời theo đám bụi giang hồ. Gặp nhà thơ Trần Lê Văn ở Rừng Thông, vốn mến tài nhau từ trước ngày hội ngộ, Quang Dững nghe lời Trần Lê Văn ở lại dạy học với bạn. Trong lúc xuất thân, Quang Dững vẽ bức tranh *Cô gái Thái bên suối hoa đào* tặng vợ chồng Trần Lê Văn. Nhưng khi lúi lại để ngắm bức tranh, Quang Dững phát hiện vài đường nét chưa ưng ý. Ông thờ dài nằm vật xuống giường, không thể nào tặng vợ chồng người bạn thân bức tranh mình chưa ưng ý. Quang Dững định hủy bức tranh ấy đi nhưng Trần Lê Văn đã kịp thời ngăn lại.

Hòa bình lập lại trên miền Bắc, hai ông bạn nhà thơ vẫn chung một số phận: làm chủ một gia đình đông con, một năm mười hai tháng với đồng lương còm chạy ăn đến chặt vật, hai ông cùng bị dính vào

một “tai nạn văn chương” đành chịu đứng nhìn đồng lương của mình giẫm chân tại chỗ. Trần Lê Văn viết tiểu luận *Không sợ dịch lợi dụng* mà lại là biên tập viên chính tiểu thuyết *Sắp cưới* - tác phẩm đã thắng thần vạch trần những sai lầm trong cải cách ruộng đất - liền bị đẩy ra khỏi nhà xuất bản Hội Nhà văn và lãnh án “đi biệt xứ” ở Hà Đông nên chủ nhật nào Trần Lê Văn và Quang Dũng cũng quán lấy nhau. Nhiều lần vì nhớ nhau quá, ông nọ không chờ được ông kia, hồi ấy chưa có lệ lắp điện thoại gia đình, hai ông bỏ đến với nhau, ai ngờ lại gặp nhau ở giữa đường. Đôi lúc hai bà cũng phải mắng yêu cho hai ông mấy mắng “cứ như là mê gái không bằng”. Trong *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều*, nhà văn Tô Hoài kể những buổi đi ăn với Nguyễn Tuân, với Nguyễn Huy Tưởng, với Nguyên Hồng ở Hàng Buồm, Chả Cá - địa chỉ đáng tin cậy của những người sành ăn; thì Quang Dũng với Trần Lê Văn chỉ đủ tiền dắt nhau ra bà hàng nước ở đầu phố ăn khoai lang luộc, uống nước chè xanh và những đêm gió heo may, hai anh em lại gọi nhau đi ăn ngô nướng của một bà bên kia đường.

Ngày lễ tang, trong phòng vĩnh biệt bỗng dung một con bướm đen không biết từ đâu bay đến đã hạ cánh trên tấm ván thiên linh cữu của Quang Dũng. “Cánh bướm đen màu đêm” ấy gợi cảm hứng sáng tác cho nhà thơ Trần Lê Văn về nỗi nhớ thương người bạn đã gọi tên mình trước khi nhắm mắt. Tiễn bạn đến nơi an nghỉ cuối cùng, khi trở về nhà, Trần Lê Văn trút nỗi buồn trong lòng mình xuống trang giấy trắng.

Dũng ra đi nhập vào bóng đêm

Bóng đêm nhập vào cánh bướm

Cánh bướm đen màu đêm

Dũng ra đi hình hài bỏ quên

Trong hòm gỗ chặt

Nén xót thương, nén sa nước mắt

Hương xót thương, hương tự thiêu mình

Bạn kinh hoàng nghe trời đất vắng tanh

Tắt lịm tiếng cười Quang Dũng

Phòng tang lễ trăm nghìn chiếc bóng

Nhật nhòa khói sương

Thoắt một giây hiển hiện chập chờn

Con bướm đen

Trên hòm gỗ chặt

Thoáng chút ngập ngừng

Rồi bay biến mất...

Nỗi nhớ thương không chỉ dồn trong mười sáu câu thơ, ngay từ ngày hôm sau, Trần Lê Văn dành thời gian sưu tầm những sáng tác của Quang Dũng đang nằm rải rác khắp nơi. Mặc dù vẫn phải lặn lội ra làm “Divuvaha” (dịch vụ văn hóa) để thăng bằng thu chi trong ngân sách gia đình, ông già Trần Lê Văn vẫn một mình một bóng đi đến nhà bạn bè, cặm cụi trong các thư viện, thu thập những trang viết của Quang Dũng. Kiên tha lâu cũng đầy tổ, đúng kỷ niệm ngày sinh lần thứ tám mươi của nhà thơ Trần Lê Văn, hai tuyển tập đã xếp hàng sòng đôi trên giá sách: Tuyển tập Quang Dũng và Tuyển tập Trần Lê Văn. Khi Quang Dũng còn sống, hai ông đã từng viết chung *Rừng biển quê hương*, *Giương mặt Hồ Tây*... đến bây giờ một mình thui thủi trên chặng cuối cuộc đời, Trần Lê Văn lúi lũi gánh thêm phần việc của người đã đi xa bỏ lại, làm cho bạn một tuyển tập đúng như ước nguyện của Quang Dũng trong những ngày nằm liệt trên giường bệnh. Trần Lê Văn coi đó là bó hương tưởng niệm người bạn giàu máu giang hồ đang thông dong trên những miền đất lạ ở thế giới bên kia.

Theo đúng lẽ đời, Trời Phật thường ban lộc bù cho những người khi còn sống phải gánh chịu quá nhiều thiệt thòi. Bài thơ *Tây Tiến* sau này đổi là *Nhớ Tây Tiến* từng bị đánh lên bờ xuống ruộng, gần đây đã được đưa vào Văn tuyển lớp 12. Ca khúc *Đôi mắt người Sơn Tây* đã được in vào đĩa CD. Không ai “lờm” nỗi nhà thơ Quang Dũng “*viết mà được dịch khen là sai lầm*”. Bài thơ *Tây Tiến* ngày trước bị quy là thể hiện tư tưởng tiểu tư sản sợ gian khổ, làm nhụt ý chí chiến đấu chiến sĩ đánh Pháp thì nay đã được chính cán bộ chiến sĩ Tây Tiến - đồng đội của nhà thơ Quang Dũng - khắc trên bia tưởng niệm đặt tại Nghĩa trang Liệt sĩ Tây Tiến ở Mai Châu (Hòa Bình).

Nhân dịp 10 năm ngày mất Quang Dũng, Câu lạc bộ Văn nghệ sĩ Xứ Đoài họp bàn đắp một tượng bán thân nhà thơ mình hằng yêu mến đặt tại mộ Quang Dũng hay tại một điểm văn hóa nào trên quê hương ông. Những ý định tốt đẹp thường gặp nhau, cùng lúc đó Quỹ Việt Nam - Thụy Điển phát triển văn hóa cũng có ý định tài trợ cho một tổ chức xã hội dựng tượng một nhà văn Việt Nam. Hội đồng quản trị Quỹ Việt Nam - Thụy Điển quyết định tài trợ cho Câu lạc bộ đứng ra làm một tượng bán thân nhà thơ Quang Dũng “*một trong những nhà thơ xuất sắc thuộc thế hệ các nhà thơ xuất hiện sau 1945*”. Số tiền tài trợ là 2.000 USD.

Hai nhà điêu khắc ở Hà Nội đã ký hợp đồng đắp phác thảo tượng nhà thơ Quang Dũng. Ngày 9 tháng 8 năm 1999, Hội đồng tuyển chọn đã bỏ phiếu tuyển chọn phác thảo của nhà điêu khắc Minh Đình với 12/12 số phiếu bầu.

Trong lúc nhà điêu khắc Minh Đình đang lo tiến hành giai đoạn cuối cùng của công trình đúc tượng đồng nhà thơ Quang Dũng, Câu lạc bộ Văn nghệ sĩ Xứ Đoài đã lên gặp ủy ban nhân dân huyện thăm dò địa điểm đặt tượng. Hai vị đại diện Huyện ủy và Ủy ban Nhân dân huyện xin phép có thời gian suy

nghe. Quả là Câu lạc bộ đã nêu ra một vấn đề Huyện ủy và Ủy ban Nhân dân huyện khó trả lời ngay được: tượng Anh hùng Quân đội, tượng Anh hùng Lao động, tượng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, tượng những người lãnh đạo giành chính quyền ở huyện chưa đặt thì làm sao lại đi đặt tượng một nhà thơ? Nhân một chuyến lên thăm thị xã Sơn Tây, một hội viên trong Câu lạc bộ trong lúc vui chuyện đã thăm dò ý kiến một vị lãnh đạo về địa điểm đặt tượng đồng nhà thơ Quang Dũng thì vị quan chức ở Sơn Tây này cũng phân vân không kém mấy vị quan chức ở huyện Đan Phượng kia phải dùng ngôn ngữ hành chính thông dụng. May sao sau một thời gian thăm dò dư luận, Câu lạc bộ đã tạm thời tìm được lối ra: đặt tượng bán thân nhà thơ Quang Dũng ở sân Trường Trung học cơ sở - nơi Quang Dũng đã học thời nhỏ. Thấy tượng đồng tác giả *Tây Tiến* sắp đúc xong rồi nhưng chưa có chỗ đặt, tôi bàn ngay với anh chị em ở Hội Nhà văn Hà Nội nếu không còn có phương án nào hay hơn thì chúng ta tạm đón ông anh về nghỉ chân ở Hội Nhà văn Hà Nội vậy. Trời ơi, sao cuộc đời ông anh tôi long đong đến tận ngày được tôn vinh. Trong lúc đó nhìn sang tỉnh Hà Nam, mấy ông bạn làm thơ viết văn lại nhiệt tình nhất định xây bằng được cho Nam Cao một “vườn hiện thực”, trong đó có tượng Nam Cao cùng với các nhân vật của ông: Chí Phèo, Thị Nở, Lão Hạc, Giáo Thứ... “Vườn hiện thực” có thừa đất rồi nhưng mấy ông làm thơ viết văn kia chưa tìm đâu ra tượng!

Những ngày ấy tôi thường đi vòng qua nhà Minh Đình ở phố Hoa Lư. Anh đang bận đi làm tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh cho tỉnh Cao Bằng nên cửa văn khóa chặt. Tôi đành nắm chấn song sắt nhìn vào trong nhà. Phác thảo tượng nhà thơ Quang Dũng sau thời gian trưng bày ở nhà Triển lãm Trung ương bây giờ đã dùng chân ở đó. Tôi không phải vừa chạy vừa quay cổ ngắm nhà thơ mặc áo lính của tôi nữa. Cuộc đời cuối cùng cũng chỉ thế mà thôi.

Ngày 20 tháng 12 năm 1999, trong khuôn khổ chương trình tổ chức Kỷ niệm 45 năm thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, Trường Trung học cơ sở Đan Phượng làm lễ tiếp nhận tượng đồng bán thân nhà thơ Quang Dũng.

Tôi theo xe của Câu lạc bộ Văn nghệ sĩ Xứ Đoài về huyện Đan Phượng. Bức tường gần đường vừa bị phá lấy chỗ cho xe cẩu chở tượng vào có chỗ lùi khi rinh ông Tây Tiến lên bệ tượng. Cả nước này dễ có mấy ai, kể cả các tướng lĩnh đã từng xông pha chôn bom rơi đạn rổ, được mặc áo giáp đồng về thăm quê như đại đội trưởng Quang Dũng. Trường Trung học cơ sở Đan Phượng đạt thành tích “Dạy thật giỏi - Học thật giỏi” của tỉnh Hà Tây, vừa đón Huân chương Lao động hạng ba nay lại đón tiếp tượng đồng một học sinh cũ của trường: nhà thơ Quang Dũng. Thầy trò Trường Trung học cơ sở Đan Phượng đứng chật cả trường, mắt hướng về tấm vải đỏ phủ lên tượng nhà thơ. Sau khi vị đại diện chính quyền huyện lên cảm ơn Quỹ Việt Nam - Thụy Điển Phát triển Văn hóa đã tặng quê hương Đan Phượng món quà đầy ý nghĩa, cảm ơn Câu lạc bộ Văn nghệ sĩ Xứ Đoài đã tận tình lo toan cho công trình nghệ thuật về tới quê hương, cảm ơn các văn nghệ sĩ, các nhà báo ở Hà Nội và Hà Tây đã về dự lễ tiếp nhận tượng đồng nhà thơ Quang Dũng, hai thầy giáo từ từ kéo tấm vải đỏ...

Anh Quang Dũng!

Bức tượng đồng nặng trên một tấn kia đúng là nhà thơ Quang Dũng hiện về với bà con dân làng, cán bộ huyện xã, gia đình và bè bạn nhà thơ. Không phải một Quang Dũng đầu đội mũ len leo núi, mặc áo vét canadien chiến lợi phẩm như nhà thơ mặc áo lính tôi đã gặp trên đường 12 trước ngày chiến dịch mà là một Quang Dũng đội mũ calo gắn sao tròn - biểu tượng của bộ đội chủ lực thời chống Pháp, mặc áo chần thủ chần ô quả trám với những đường nét phong sương của đoàn quân Tây Tiến, nét mặt in hằn dấu vết “*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*” nhưng đôi mắt vẫn đắm đắm trong nỗi nhớ “*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*”. Tượng bán thân nhà thơ Quang Dũng đúc theo tư thế động của người lính trên đường tiến ra mặt trận được đặt trên một bệ đá cao 1,2 mét xẻ từ vách núi Sài Sơn chở về. Bên trái và bên phải bệ tượng vẫn giữ nguyên vết xẻ gồ ghề và phía trước bệ tượng vẫn giữ nguyên dấu vết cơn mưa rừng ngày đêm quất vào vách đá. Bạn bè và gia đình đã đưa anh về đây đúng như lời mong ước của anh trong bài thơ *Đôi mắt người Sơn Tây* anh viết tròn nửa thế kỷ trước: “*Ngày trở lại quê hương/ Khúc hoàn ca róm lệ*”. Thật vậy, giọt nước mắt lại dành cho ngày vui hôm nay. Tôi nhìn bức tượng đồng cứ nhòe đi trong nắng lạnh giữa mùa đông. Anh đã bảo vệ các cô gái Sơn Tây trong khi các anh khóa gheo cô gái Sơn Tây không được, đã làm thơ nói xấu: “*Con gái Sơn Tây yếm thùng tày giã/ Răng đen hạt nhót, chân đi cù lèo*” nhưng trong văn thơ trữ tình của mình, anh đã trả lại vẻ đẹp vốn có trời cho: “*Vàng trán em mang trời quê hương/ Mắt em dịu dịu buồn Tây Phương... Đôi mắt người Sơn Tây/ U uẩn chiều lưu lạc/ Miền viễn xứ khôn khuây*”. Cơn gió lạnh của thời đại đã cuốn đi đám bụi bặm ai đó đã ném vào đời anh, bây giờ chỉ còn một Quang Dũng hiên ngang đứng dưới ánh mặt trời. Những nỗi đau của anh trên đường đời đã biến thành chuyện cổ tích, nhà thơ Quang Dũng sống mãi trong lòng bạn đọc, trong trái tim bạn bè - những người đã cùng anh chia sẻ nỗi đau ngay cả những lúc tưởng chừng như không cất cơn được nữa.

Hôm nay anh em tứ xứ kéo nhau về Đan Phượng thăm anh. Anh có nghe thấy người bạn chiến đấu Trần Lê Văn của anh đang kể về những kỷ niệm vui, những kỷ niệm buồn trên đường gió bụi. Chú bé liên lạc Ngũ Liên Tùng kể về những ngày anh được nhà trường cử ra tận cổng Trường Quân Chính đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họa sĩ Văn Đa kể về những ngày “*Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh*” trên cuộc hành quân vạn dặm của binh đoàn Tây Tiến, nhà thơ Vân Long, nhà thơ Nguyễn Kế Nghiệp đọc thơ anh cho bà con và bạn bè cùng nghe. Suốt sáu mươi bảy năm lặn lội dưới trần, có bao giờ anh nghĩ đến một ngày hội đông vui quanh tượng anh như thế này không?

Mười sáu

Tháng 7 năm 1953, ông bí thư Khu đoàn bảo Đ.B và tôi bàn giao công việc, chuẩn bị đi tham gia phát động quần chúng giảm tô. Đây là đợt phát động mở rộng diện sau khi Trung ương đã tiến hành đợt thí điểm ở Thanh Hóa. Chắc sau này các đợt phát động sẽ mở rộng đến các xã vùng tự do ở Liên khu III, nên Khu đoàn đã chọn hai cán bộ trẻ nhất đi tham gia phát động quần chúng giảm tô rồi sau đó đi tiếp các đợt cải cách ruộng đất dài ngày.

Trước đó ít lâu, Liên khu ủy thường tổ chức những buổi nói chuyện về “thổ cải” - cải cách ruộng đất ở Trung Quốc - do một số cán bộ được đi học trường Mác - Lênin Trung Quốc đến thuyết trình. Cùng lúc đó, nhà xuất bản Văn Nghệ đã in *Trời hừng* của nhà văn Trung Quốc Vương Lực giới thiệu cuộc đấu tranh long trời lở đất ở nông thôn, nông dân vươn mình đánh đổ giai cấp địa chủ, giành lại ruộng đất về tay mình. Nhận được quyết định, Đ.B máy tôi thu xếp đồ đoàn đi ngay khỏi căn cứ của Khu đoàn, e rằng qua một đêm suy nghĩ, Khu đoàn có khi lại lựa chọn người khác.

Lúc bấy giờ, báo chí của Đảng thường nói trong cuộc cách mạng có ba trường đại học: Quân đội, Đội Thanh niên Xung phong, Đoàn Cải cách Ruộng đất. Đ.B bảo tôi: Cậu đã qua Quân đội, mình và cậu vừa qua Thanh niên Xung phong, nay hai thằng lại được đi tiếp phát động quần chúng, như thế cậu là “Bắc comple” (Tú tài toàn phần) còn mình mới là “Bắc oong” (Tú tài I). Thằng con trai mới hăm hai tuổi đầu thường thấy cái gì mới, thấy cái gì lạ là háo hức muốn dấn thân vào cuộc ngay.

Sau nửa tháng học tập, chúng tôi chuẩn bị lên đường vào Khu IV. Bỗng dưng Đ.B đến tìm tôi. Không hiểu sao anh chàng có hoa tay và nhiều tài lẻ này lại buồn rũ ra như vậy. Tôi biết trước đây Đ.B mê cô Thoa, mê mê đến mức vẽ xong cái mình họa trên báo Đoàn, cậu ta thường ký một chữ T kèm theo một bông hoa. Tôi đoán lần này người trong mộng đi lấy chồng nên đã chuẩn bị mấy lời an ủi. Nhưng thấy mặt tôi, Đ.B nói ngay: Hệ ơi, mình phải về. Tôi choáng cả người: Sao lại có chuyện về? Đ.B buồn rầu nói: Mình thật thà khai trong lý lịch Đảng viên mình có ông anh làm viên chức cao cấp ở Phủ Thủ hiến Bắc Việt. Tôi hỏi lại: Sao cậu không giấu bég đi? Đ.B thần người ra: Đảng viên không được giấu Đảng điều gì, vả lại, từ lâu lắm ông ấy với mình có liên hệ gì với nhau đâu. Phải, cái số nó thế. Hệ đi, mình về. Có cái này tặng Hệ. Nói đoạn Đ.B tháo chiếc huy hiệu Liên đoàn Thanh niên Dân chủ Thế giới đang đeo trên ngực áo ghim vào nắp áo tôi: Chúc Hệ đạt thành tích xuất sắc trên mặt trận chống phong kiến. Tôi chưa kịp nói lời nào, Đ.B đã ôm choàng lấy tôi, khi chúng tôi buông nhau ra, hai mắt Đ.B đỏ hoe.

Những năm công tác với Đ.B, tôi chưa hề thấy anh khóc bao giờ. Chỉ huy một đội Thanh niên Xung phong giữ mạch máu giao thông trên tuyến đường Vụ Bản - Hòa Bình, mỗi lần ra tuyến trở về nhìn thấy bát cơm bí luộc chấm muối vùng của đồng đội hy sinh bỏ lại, Đ.B chỉ nghiêng rãng lại cho nước mắt

chảy vào trong. Thế mà giờ đây bị gạt ra khỏi đoàn quân chống phong kiến sắp xuất trận, Đ.B đã khóc. Anh khóc cho thân phận của mình. Có ai ngờ đâu và chính Đ.B cũng không dám ngờ đến nữa, gần chục năm sau Đ.B trúng cử Đại biểu Quốc Hội. Thì ra lúc ấy đất nước bị chia cắt làm hai miền, đang cần làm cho trí thức miền Nam hiểu rằng chúng ta không nặng thành kiến xấu với con em những người đã cộng tác với đối phương. Anh trai Đ.B vẫn lại là một viên chức cao cấp trong chính quyền Sài Gòn, việc em trai của ông tham gia Quốc Hội sẽ có lợi cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng vận động những người ở bên kia chiến tuyến quay về với cách mạng. Chuyện này thôi không nói nữa.

Trong thời gian lên khung cho Đoàn phát động quần chúng Liên khu III, Liên khu ủy giao cho nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn phụ trách báo chí trong một quyết định bằng mồm không có điều 2 - bậc lương và trợ cấp chức vụ. Nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn vốn là người huyện Vụ Bản (Nam Định), một huyện có nhiều người nổi tiếng: Văn Cao, Nguyễn Bính, Trần Huy Liệu, Văn Ký, Vũ Cao... Anh là một trong những cây bút trụ cột của Chi hội Văn nghệ Liên khu III hồi đó. Sau này anh kể chuyện với tôi: Nhận nhiệm vụ xong, mình đề nghị ban tổ chức cho mình danh sách những anh em có bằng tú tài, có bằng “điplôm”, đã theo học ban Thành chung thời Pháp thuộc. Mình đọc đến một cái tên nghe quen quen: Phạm Thế Hệ. Mình nhớ ngay ra hồi làm báo Cứu quốc khu III, thỉnh thoảng mình nhận được từ trong vùng địch tạm chiếm Hà Nam, Phát Diệm phóng sự ký tên là Phạm Thế Hệ. Lần này trong danh sách của tổ chức gửi sang lại có tên Phạm Thế Hệ, mình đề nghị tổ chức giữ cậu lại.

Từ lâu, tôi sống theo phương châm “*Đi công tác ăn cháo, còn hơn ngồi ở nhà*” (tức là ở trụ sở cơ quan) *làm báo cáo ăn cơm*”. Lần này nghe anh Bùi Hạnh Cẩn nói thế, tôi bã cả người ra. Đi vào mặt trận chống phong kiến mà lại đi ven ven vòng ngoài thì chán chết. Tôi năn nỉ xin anh hãy “tha” cho đợt này để tôi xuống đội cái đã rồi đợt sau anh rút tôi về làm báo, tôi không dám nói năng gì. Hai anh em cứ giằng co mãi - nói theo các nhà văn kiếm hiệp thì đấu hàng trăm hiệp vẫn bất phân thắng bại. Cuối cùng anh Bùi Hạnh Cẩn có sáng kiến tạo ra “phương án một rưỡi”, nghĩa là tôi cứ về báo, anh sẽ bố trí cho tôi xuống trọng điểm của Đoàn “nằm vùng”, như thế tôi vẫn được sống ở cơ sở. Tôi đành miễn cưỡng nhận lời. Về sau này, đi lang thang khắp đông đoài nam bắc, biết dùng cây bút “cày thuê” kiếm sống, tiến lên một bước nữa tôi đã biết viết báo lấy tiền mua vật liệu làm nhà kiên cố, tôi lại càng nhớ ơn nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn đã dạy tôi miếng võ đầu tiên để tạo thế trụ lại lâu dài trong làng báo.

Hồi ấy trong hệ thống tổ chức của ngành báo chí chưa có chức danh tổng biên tập, thư ký tòa soạn và các trưởng ban như bây giờ. Anh Bùi Hạnh Cẩn vừa làm tổng biên tập, vừa làm thư ký tòa soạn, vừa làm trưởng ban phóng viên “Ba quân chỉ ngọn cờ đào/ Đào ra Vô Tích đào vào Lâm Truy”, vừa làm trưởng ban biên tập, sửa toàn bộ bài vở chúng tôi gửi về và của các cộng tác viên dưới đội gửi lên. Đã thế anh còn kiêm nhiệm phụ trách tuyên huấn của Đoàn. Hàng ngày việc cứ bơi ra, nhưng tác phong Việt Minh, anh cứ lẳng lặng làm hết việc này đến việc khác. Nhiều đêm tôi ở trọng điểm về đến nhà vẫn thấy anh ngồi viết dưới ánh đèn Hoa Kỳ. Anh viết xã luận, anh làm ca dao, đọc lại bản in thử

của nhà in vừa đem đến. Anh xử sự giống như người anh cả trong gia đình, phần việc gì bọn lính mới tò te chưa làm được lại rơi vào tay anh. Anh nhỏ nhẹ bảo ban chúng tôi tìm được từ chính xác thể hiện đúng tình huống đã xảy ra trong bài báo. Bọn chúng tôi lúc thì mải chơi, lúc thì làm ẩu nhưng tôi chưa thấy anh một lần nói nặng lời. Tôi mến anh ở chỗ tiếng rằng người phụ trách cơ quan nhưng chưa bao giờ anh tỏ ra hơn thung anh em, điều mình nói là đúng, điều mình viết là hay. Mỗi khi viết được bài ca dao phục vụ kịp thời cuộc phát động quần chúng, anh lại đọc cho chúng tôi nghe và rồi lắng nghe chúng tôi góp ý kiến.

... Làm đợt một ở Thanh Hóa, chúng tôi được lệnh vào Nghệ An làm đợt hai. Trước ngày lên đường, nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn của chúng tôi đã bắt tay làm số 1 Phát động quần chúng. Anh tranh thủ những lúc nghỉ ngơi với các cán bộ người Nghệ An công tác ở các phòng xung quanh Đoàn tìm hiểu về vùng đất, con người Nghệ An và trong những đêm anh cùng chúng tôi di chuyển trên đường số 1 vào Nghệ An, anh vẫn suy nghĩ về bài ca dao đó. Mỗi lần nghỉ đêm ở một xóm ven đường nào, anh trò chuyện với nhân dân, tìm hiểu những đặc sản cùng những câu ví von ở vùng đó. Chúng tôi vừa đặt chân đến Nghệ An, anh đã làm xong bài thơ *Quê ta*. Anh đọc luôn cho chúng tôi nghe. Tôi vẫn còn nhớ hai câu đầu:

Quê ta ngọt mía Nam Đàn

Ngon khoai Phủ Diễn, thơm cam Xã Đoài

Bọn lau nhau chúng tôi thấy hai câu thơ như thế là hay hết ý rồi, riêng nhà thơ Trần Hữu Thung vẫn dăm dăm suy nghĩ, một lúc sau, Thung mới nói: Ngọt mía Nam Đàn thì được, thơm cam Xã Đoài cũng được nhưng ngon khoai Phủ Diễn thì trật rồi. Mình là dân Phủ Diễn Châu đây, cả tỉnh này có ai khen khoai Phủ Diễn ngon bao giờ đâu. Nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn vội hỏi lại: Vậy ở Nghệ An này, huyện nào trồng khoai ngon nhất? Trần Hữu Thung nói ngay: Thanh Chương.

Thật là gay, bài sắp sửa đưa ra in rồi mà hai câu thơ đầu của bài *Quê ta* nếu chữa theo ý kiến của Thung sẽ là:

Quê ta ngọt mía Nam Đàn

Ngon khoai Thanh Chương, thơm cam Xã Đoài

Bề trên đã dạy khi khó khăn nhất, cán bộ phải hỏi quần chúng. Thì quần chúng đây, tôi hỏi liền bác chủ nhà: Bác ơi, ở đây có chợ nào bán khoai ngon không? Bác chủ nhà chưa hiểu hết ý tôi vội trả lời: Các chú thích ăn khoai ngon, tôi bảo các cháu lược biếu các chú một rổ thì có khó gì. Khoai nhà mà. Đến nước này chúng tôi phải tìm một cái chợ nào có bán khoai để đưa câu thơ cho xuôi kịp giờ đưa sang nhà in. Nhanh trí, Trần Hữu Thung nói ngay với bác chủ nhà: Chúng tôi cần một cái chợ bán nhiều khoai để... làm thơ thôi mà. Bác chủ nhà reo lên: Thì xã này có cái chợ Rộ phiên nào cũng bán

khoai. Mọi người cùng reo: À, chợ Rộ. Được đấy, thế là câu thơ được sửa lại xem ra có vẻ chỉnh hơn và sát thực hơn:

Quê ta ngọt mía Nam Đàn

Ngon khoai Chợ Rộ, thơm cam Xã Đoài

Thì ra cái anh Chợ Rộ ở tíu phương xa kia, ai biết cái chợ vô danh tiểu tốt này là đâu, dùng một cái được đưa vào câu thơ đứng ngang hàng với những nơi có đặc sản nổi tiếng khác. Trong những ngày lang thang khắp nẻo đường đất nước, qua các kỳ bầu bán, tôi thấy khối ông, khối bà thuộc “dòng họ Chợ Rộ” dùng một cái trúng phóc, chẳng phải vì tài cán mà chỉ vì ông ta, bà ta sinh ra giờ chùm sao tử vi đóng đúng cung quan lộ nên bề trên đã đưa ông ta, bà ta vào cơ cấu. Một phút cơ cấu còn hơn phần đầu cả đời.

*

* *

Năm 1946, nhà thơ Xuân Diệu cùng đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sang thăm nước Pháp. Nghe đồn: nhìn thấy nhà thơ tài hoa, xinh trai, các cô đầm ở Paris cứ say như điệu đờ. Tôi chẳng biết ở Paris thế nào, chứ ở xã Vĩnh Phúc, các cô gái làng cứ rủ nhau đi xem mặt nhà thơ Xuân Diệu. Mỗi lần đội công tác họp, các cô lại thập thò ở mấy nhà xung quanh nhìn trộm sang chỗ nhà thơ Xuân Diệu đang ngồi, rồi cô này chỉ trỏ cô khác cũng chỉ trỏ, cô nào cũng làm ra điều mình biết về nhà thơ Xuân Diệu hơn cô kia. Dân thành phố toàn chê các cô gái nông thôn là nhát nhưng không hiểu sao khi nhìn thấy nhà thơ Xuân Diệu, các cô trở nên bạo dạn lạ thường. Nhiều cô bảo thẳng tôi hãy tìm cách đưa Xuân Diệu ra giữa sân nói chuyện để các cô được nhìn rõ mặt nhà thơ nổi tiếng. Tôi biết chắc trăm phần trăm chưa cô nào đọc *Gửi hương cho gió*, *Thơ thơ*, *Phấn thông vàng*... nhưng câu “*Yêu là chết ở trong lòng một ít*” của nhà thơ Xuân Diệu đã đi theo kênh truyền khẩu nào đến với các cô gái ở miền quê xa xôi này. Ừ nhỉ, chẳng có trang sách giáo khoa nào dám đón nhận lời tuyên ngôn của tình yêu đó, các đội thông tin lưu động cũng chưa bao giờ có một anh mê thơ nhảy lên bụi gỗ ngậm nga câu ấy. Tôi đã hỏi các cô, tôi biết các cô chỉ thuộc mỗi câu thơ của Xuân Diệu “*Yêu là chết ở trong lòng một ít*” mà đã mê lẩn, mê lóc, mê mẩn đời. Chẳng có thông tri nào của ủy ban nhân dân huyện, chẳng có tiếng loa vang vang trên chòi thông tin, chẳng có tuyên truyền viên đi rí tai từng nhà, tin nhà thơ Xuân Diệu về bất rể, râu chuối ở làng Còng đã nhanh chóng loan đi khắp huyện. Không chỉ riêng các cô nữ sinh trường huyện, mà cả đến các cô gái xã bên cũng kiếm cớ sang thăm bạn ở xã Vĩnh Phúc để được nhìn thấy nhà thơ Xuân Diệu. Hồi ấy nước ta chưa có hoa hậu, các ngôi sao ca nhạc, các ngôi sao điện ảnh, các người mẫu thời trang như bây giờ nên được nhìn tận mắt một nhà thơ trữ tình nổi tiếng cũng đủ thỏa nổi nhớ mong. Gay nhất là trong lúc trên đấu trường, loa cứ oang oang kể tội ác của địa chủ, các khổ chủ đang ngong ngóng chờ dân quân giơ tên địa chủ đến bắt

quỳ trên nắm đất; các cô, các cậu ở xã bên sang dự buổi đấu tranh cứ nhón nhác nhìn vào đám người ngồi gần khán đài rồi hỏi nhau: Nhà thơ Xuân Diệu đâu nhỉ? Được cái mái tóc lượn sóng của Xuân Diệu dù có đi với bộ quần áo nâu “ba cùng” vẫn cứ dễ tìm dù là dưới ánh lửa vàng khè của những bó đuốc đang cháy phừng phừng.

Còn tôi bây giờ không phải cầm đầu cầm cổ chạy theo đoàn người để xem mặt nhà thơ nữa. Mỗi khi họp xong, tôi được đi sóng đôi với nhà thơ Xuân Diệu. Biết thân phận một anh làm báo ềng ềng, tôi cứ cố đi thụt lại phía sau. Anh Xuân Diệu vội đứng lại, có khi anh còn quay lại nắm lấy cánh tay tôi, kéo đi cùng. Cái lần đầu tiên gặp một nhà thơ mình hằng ngưỡng mộ, tôi chỉ cầu mong sao cho anh Quang Dũng vẫy tôi lại, mắng cho tôi mấy mắng về cái tội cứ lảng nhảng chạy theo, tôi cũng cho là niềm vui đột ngột. Còn bây giờ, được đi sóng đôi với nhà thơ Xuân Diệu, được nhà thơ khoác vai đi giữa đường làng, tôi thấy mình được hưởng một niềm vinh dự ít ai được. Thực ra mà nói, ở một nơi xa vắng như thế này, anh Xuân Diệu cũng buồn, tự dưng vớ được một thằng thanh niên biết hầu chuyện, anh nói câu gì, nó cũng còn hiểu, nhất là thằng thanh niên ấy đã từng đọc thơ anh, biết cùng anh cảm thấy “*Hôm nay trời nhẹ lên cao*”, biết thương thức cảnh chiều thu xao xuyến trong thơ anh: “*Mây biếc về đâu bay gấp gấp/ Con cò trên ruộng cánh phân vân/ Chim nghe trời rộng giang thêm cánh/ Hoa lạnh, chiều thừa, sương xuống dần*”. Một thằng thanh niên hiểu được cánh cò của anh không bay mà chỉ phân vân trong cảnh chiều thu có mây bay gấp gấp, một thằng thanh niên chịu để yên anh khoác vai mà nghe anh thủng thảng đọc: “*Ai hay nghe lặng bước thu êm/ Tuy chẳng bằng nhân gạ tỏ niềm/ Trông thấy chiều hôm ngơ ngẩn vậy/ Lòng anh thôi đã cưới lòng em*”. Và điều quan trọng hơn nữa, nó còn lẩm nhẩm đọc theo anh, cứ vừa nghe đến đâu lại nhét vội, nhét vàng từng câu thơ “lãng mạn” ấy vào chiếc hòm khóa chuông, sập khóa lại rồi vút ngay chìa khóa xuống ao. Thời buổi nông dân lên ngôi, ai dại dột lại ngâm mấy câu thơ tình, dù anh đã là nhà thơ nổi tiếng, anh cũng khó tránh một trận đòn cho nghiêm dân. Tôi đã được chứng kiến những phút nhà thơ tình thoát thân ra khỏi cái vỏ cán bộ phát động quần chúng. Thương anh gánh chịu bi kịch của một người “quan trên trông xuống, người ta trông vào”. Đôi lúc nhà thơ tình vào cỡ hàng đầu của Việt Nam cũng phải lộ nguyên hình trước mặt một gã trai đã từng ngưỡng mộ anh ngay từ lúc mới được đọc thơ. Ở trên trụ sở Hội Văn nghệ Việt Nam, anh có thể bình thơ của Anphorét đờ Muytxê, Anphôngxơ đờ Lamáctin, của Vichto Huygô, của Anphorét đờ Vinhhi với Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, với Tô Hoài; nhưng về đến địa bàn đang phát động quần chúng giảm tô mà nhà thơ tình lại dại dột nhắc đến tên mấy ông Tây đế quốc sài lang đó mà xem, một đường dây ngầm sẽ mật báo thẳng về nơi nào đó Xuân Diệu còn lưu luyến với thực dân đế quốc thì sao. Đến ngay ông Nguyễn Tuân kia có một thời muốn chứng minh là mình đã xin đầu hàng giai cấp vô sản, trong chính huấn đã phải đau lòng gọi những tác phẩm của mình viết từ thời Pháp thuộc là những đứa con lạc loài. Vì thế xuống đây Xuân Diệu gặp một thằng thanh niên nghe anh ngâm “*Aimons donc, aimons donc! Del’heure fugitive/ Haatons nous jouissons! (Hãy yêu đi, hãy yêu đi!*

Ngày trôi nhanh hãy tận hưởng mau mau)” thì nó cũng biết đó là hai câu thơ của Anphôngxơ đờ Lamáctin in trong Văn tuyển Văn học Pháp, thầy giáo nó đã bình giảng khi nó học đến bài *Le lac* (Hồ ơi). Đôi lúc anh dạy dỗ nó thơ Xuân Diệu mới là thơ tình thứ thiệt, chứ không phải bài thơ nào cứ có anh anh, em em, yêu yêu, nhớ nhớ đã vội mạo nhận là thơ tình rồi. Cái thằng thanh niên non choẹt ấy chưa đến nỗi tới dạ đến mức hiểu rằng Xuân Diệu nhắc đến Xuân Diệu là đề cao cá nhân mình, nó cũng hiểu được cái từ Xuân Diệu ở đây có giá trị tương đương với một đại từ nhân xưng ở ngôi thứ ba số ít, chứ không phải Xuân Diệu - đại từ nhân xưng ở ngôi thứ nhất số ít. Không biết tôi đã mắc phải bệnh sùng bái cá nhân anh hay không nhưng trong câu chuyện hàng ngày tôi hiểu anh như thế.

Đi phát động quần chúng, sống “ba cùng” với bà con nông dân, ngày lại ngày chỉ ăn sắn, ăn khoai, ăn ngô, cao lắm là ăn bát cơm độn khoai với tép rang cũng là một cách thử thách. Tôi đã từng là lính, khổ đến mấy cũng không khổ hơn những ngày bị giặc Pháp bắt giam ở Phát Diệm, tôi vẫn chịu được, nhưng còn anh? Anh đã từ bỏ cái ghế tham tá đi theo cách mạng, bắt anh phải “quy đồng mẫu số” cán bộ “ba cùng” như chúng tôi, quả thật là một cuộc lột xác lần thứ hai. Vì thế những lần cùng anh về họp Đội, tôi thường rủ anh đi lang thang khắp cánh đồng cứ như là một ông mộng mơ lớn dặt thẳng tập tọe mộng mơ trên “*Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu/ Lả lả cành hoang nắng trở chiều*”. Thực ra tôi dẫn anh đi khuất tầm mắt người trong làng, mò đến quán một bà già ở xã bên. Chắc bà cụ không được con cháu kể chuyện nhà thơ Xuân Diệu đã về công tác ở xã Vĩnh Phúc nên vừa thấy anh và tôi đi đến, bà cụ đã đơn đả mời: Nào, anh với cậu mở hàng cho bà lão lấy may nào! Quán hàng của bà cụ chỉ có hai đặc sản: bánh chưng và bánh nếp, ngoài ra còn có một lọ đựng kẹo bột, một lọ đựng chè lam và hai nải chuối tiêu chín trứng quốc treo lủng lẳng trên chiếc sào buộc ngang.

Tôi kéo anh vào. Anh còn nhìn trước nhìn sau đâu vào đấy mới theo tôi, nhưng anh vẫn phân vân: Làm thế này có tiện không nhỉ? Tôi cười: Ta làm bát nước cho vui thôi chứ anh. Không có thì giờ hỏi giá hàng, tôi toài người lấy một chiếc bánh chưng, đưa bằng hai tay cho anh: Nào mời anh. Với phương châm “đánh nhanh, rút nhanh” tôi bỏ qua mọi nghi lễ long trọng khi đón tiếp một nhà thơ lớn. Cầm chiếc bánh trong tay, anh nhìn tôi như muốn hỏi: Ai nhìn thấy hai anh em ta ở đây thì biết làm thế nào? Hiểu ý anh, tôi vội toài người túm lấy chiếc bánh khác, điềm nhiên tháo lạt, bỏ lạt, rồi đưa cho anh và cầm lại chiếc bánh chưa bóc. Tôi đã chuẩn bị sẵn lời khai: Tôi là thủ mưu còn anh chỉ là người bị lôi kéo. Trông anh thật tội, cứ ngần ngừ không dám vượt khoảng cách tội lỗi từ cái bánh chưng đã bóc trần trên tay đến cái miệng chuyên ngâm thơ tình. Tôi vội giục anh: Mời anh! Anh lại nhìn tôi như muốn hỏi: Làm thế này có phạm kỷ luật “ba cùng” không? Thấy tình hình đấu tranh tư tưởng của anh cứ bất phân thắng bại như vậy, tôi mạn phép anh ngoạm một miếng “xuất quân” giống như người ta làm động tác mẫu cho người khác làm theo. Y như rằng thấy tôi ăn rồi, anh mới bắt đầu ăn. Tôi rất thông cảm với anh: chẳng may cán bộ Đội hoặc rẽ chuối bắt quả tang hai anh em tôi đang “ăn vụng” - mặc dù chúng tôi có trả tiền - thì tôi thuộc loại “xe chở đầu đông” chẳng ai biết tôi là ai,

cùng lắm họ có báo cáo về tòa soạn, tôi chỉ việc nhận lỗi là xong. Còn anh, anh lại là nhà thơ tình nổi tiếng trong Nam, ngoài Bắc, đâu có phải chuyện đùa. Vừa ăn tôi vừa động viên anh: Chúng ta phải ăn để lấy sức phục vụ cuộc đấu tranh thắng lợi.

Ăn hết chiếc bánh chung, tôi nhào người với tay sang chỗ xếp bánh nếp, tháo lạt, bóc lần lá lót rồi lấy chiếc đĩa xiên ngang chiếc bánh, giơ cả hai tay sang cho anh. Anh đưa mắt nhìn trái, nhìn phải rồi nhìn ra đằng sau lưng, không thấy ai, mới dám cầm chiếc đĩa đang “bêu” chiếc bánh nếp. Tôi cũng bóc một chiếc bánh nếp rồi ăn luôn. Bây giờ hai anh em chỉ cầm cúi ăn cho nhanh. Anphôngxơ đờ Lamáctin, Phorăngxoa Ronê đờ Satôboriăng, Đỗ Phủ, Lý Bạch và cả đến Bà chúa thơ Nôm cũng không có chỗ để bàn trong lúc này.

Tôi rút khăn đưa cho anh lau tay. Anh lắc đầu rồi xua xua tay như muốn tìm một cái gì. Tôi hiểu ý, gọi bà cụ rót cho bát nước chè xanh. Tôi nghiêng bát nước cho anh rửa tay rồi tôi bê nải chuối chín trứng cuốc đặt trước mặt anh.

Ăn uống xong xuôi, không để anh kịp đặt tay vào túi, tôi đưa tiền ra trả bà cụ. Tôi muốn xóa nhanh vết tích hai anh em chúng tôi ở cái quán này nhưng anh vẫn chưa chịu đứng dậy. Anh trở tay về phía bà cụ: Hệ quên không lấy tiền trả lại. Tôi xua tay: Có mấy xu thôi mà. Tôi nghĩ là lần đầu tiên đi uống nước với một nhà thơ lớn thật là vinh dự cả đời, ai lại đứng đòi bà cụ từng đồng xu nữa. Coi như đi ăn hiệu cho tiền puốcboa người phục vụ.

Trên đường về, anh Xuân Diệu mới bảo tôi: Hệ này, mình phải biết quý đồng tiền của mình làm ra. Một xu cũng là mồ hôi nước mắt của Hệ. Phải biết quý nó.

Anh nói rất đúng, không ai còn cãi lại được câu nào nhưng bao nhiêu năm qua, một thằng bé con Thái Bình đã cố gồng mình mà chẳng tài nào làm được theo lời vàng ý ngọc của một nhà thơ lớn người Hà Tĩnh.

Sau này các địa phương thường mời nhà thơ Xuân Diệu đến bình thơ. Một nhà thơ lớn quá bộ xuống tận địa phương nói chuyện thơ đâu có phải là việc nhỏ nhưng gia chủ thực sự bất ngờ khi nghe anh “chỉ đạo” cho ban tổ chức đặt bục ở chỗ nào, đèn đặt ở phía nào và phải chọn góc độ thích hợp ánh sáng có thể chiếu hắt sao cho nổi khuôn mặt diễn giả. Và một điều này nữa làm gia chủ thực sự ngạc nhiên: thực đơn bữa cơm hôm ấy phải đảm bảo số calo cần thiết cho một người lao động nghệ thuật vất vả. Nhiều người chê anh cầu kỳ quá nhưng tôi hiểu vì đã có lần anh giảng với tôi: Mình đem sức lao động ra phục vụ thánh giả thì thánh giả cũng phải bù đắp hao phí lao động cho mình sao cho tương xứng. Mình coi đó là chuyện lật vật rồi cho qua đi, người ta dễ coi thường mình, xử sự đại khái thế nào cũng xong là không được. Anh là một nhà thơ lớn, mình là một anh viết văn vừa sắc son về một trận đòn hội chợ thì đâu dám đòi hỏi gì hơn là được tiếp xúc với bạn đọc thân thương của mình.

Trong đợt phát động quần chúng đòi giảm tô ấy, anh Xuân Diệu về bắt rế xâu chuỗi ở làng Còng. Mỗi lần gặp tôi, anh thường đưa cho tôi bài thơ và dặn đem về tòa soạn trao tận tay anh Bùi Hạnh Cẩn. Tôi lại được cái vinh dự làm người bạn nghe thơ đầu tiên của anh:

Nhà tranh bà cụ mù lòa

Chiều chiều công cháu trông nhà một thân

Con trai hăng hái tòng quân

Dâu hiền tất tả lo chăm việc nhà

Một đời cấy rế làm công

Làm bao nhiêu chỉ đau lòng thiếu ăn

Nghèo không sắm nổi cái khăn

Khổ như trái bưởi chìm lặn, dập vùi

... ..

Dân cày ta đã đứng lên

Nụ cười đem lại ở trên môi già

Mẹ dù đau đón mù lòa

Ánh xuân sẽ rọi chan hòa tâm can

Đọc xong bài thơ, anh ngẩng đầu lên hỏi tôi: Hệ thấy có hay không? Tôi chỉ ừ hử cho qua, cũng không khen đó là bài thơ hay nhưng cũng không dám hỗn láo chê là bài thơ dở. Tôi chỉ nghĩ nếu bài thơ *Bà cụ mù lòa* này lại ký tên tác giả là Phạm Thế Hệ thì chắc chắn không báo nào in và cũng chẳng nhà xuất bản nào dám liều mạng in cho nhà thơ Phạm Thế Hệ một tập thơ toàn những bài thơ như thế này:

Đấu thắng đầu sỏ vừa xong

Gặt kỳ giáp hạt, làng Còng gieo neo

Trong thôn đa số dân nghèo

Sắn ăn thay bữa, ngô nhiều hơn cơm

Mờ sương đi lưới, đi nơm

Đôi từng bữa gạo cho con đỡ lòng

Anh Phân chi trưởng làng Còng

Còng lưng đánh nhũn trên đồng ruộng chiêm

Ngày làm đêm lại họp đêm

Không gì cản được anh em cố bản.

Tôi đưa bài thơ cho Bùi Hạnh Cẩn rồi hỏi: Sao dạo này nhà thơ Xuân Diệu làm thơ không hay như hồi “*Yêu là chết ở trong lòng một ít*” anh nhỉ? Nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn rủ rỉ bảo tôi: Anh Xuân Diệu là một nhà thơ lớn, đến giai đoạn này anh phải hòa mình vào phong trào đấu tranh của quần chúng. Anh ấy đang lột xác để trở thành nhà thơ của công nông binh.

Bốn năm sau, trong cuộc sinh hoạt ở Câu lạc bộ Hội Nhà văn, sau khi đọc hai bài thơ *Làng Còng* và *Bà cụ mù lò*, tôi có nhắc đến chuyện ông anh Bùi Hạnh Cẩn giảng giải cho tôi vì sao nhà thơ Xuân Diệu lại làm những câu thơ như thế, cả Câu lạc bộ cứ bò ra cười.

Tôi đã đổi bút danh là Vũ Bảo rồi nhưng mỗi lần gặp tôi anh vẫn gọi tôi là Hê. Chỉ những người trong nhà mới gọi tôi bằng cái tên khai sinh. Tôi biết anh muốn giữ lại những kỷ niệm từ khi tôi còn là anh nhà báo tập tọe khi xưa. Anh Xuân Diệu ở 24 đường Điện Biên. Tôi làm việc ở Tổng cục Thể dục Thể thao ở 36 Trần Phú, Hà Nội. Mỗi khi qua phố Cửa Nam chợt nghe tiếng gọi “Hê”, tôi lại vội xuống xe, quay lại gặp anh. Tình cảm của tôi với anh đã bị bài báo anh đánh giá *Những tư tưởng nghệ thuật của Văn Cao* làm cho nhạt nhòa. Trong khi Xuân Diệu đang mê mải làm thơ tình thì Văn Cao đã sáng tác *Tiến quân ca* (sau này trở thành *Quốc ca*), *Chiến sĩ Việt Nam*, *Gò Đống Đa*, *Thăng Long hành khúc ca*... và chính lúc ấy Văn Cao đã là đội viên Đội Danh dự của Việt Minh, táo bạo và dũng cảm sử dụng cây súng ngắn Browning đến tận từng hang ổ bọn phát xít bắt bọn tay sai của Nhật phải đền tội. Thế mà Xuân Diệu đã lên án: “Sự giả dối đã trở thành bản chất của Văn Cao, nên những cái lạc hậu, thoái hóa của Văn Cao cứ nghiêm nhiên mặc áo chân lý và tiến bộ”. Tôi cũng lại không ngờ rằng người anh hùng đã từng ám sát Đỗ Đức Phin - chiến công mà bọn trẻ con chúng tôi bái phục - lại bị một nhà thơ tình tôi hằng ngưỡng mộ kết tội: “... Những thứ tư tưởng văn nghệ của Văn Cao bóc trần ra, chỉ là một mớ bùng nhùng bèo nhèo quan điểm nghệ thuật tư sản, tại sao nó không phát ngôn ra ngay cuối thời Pháp thuộc, mà Văn Cao để dành ấp úng mãi, vừa rồi, đã mười mấy năm sau Cách mạng, mới nín lử “thời cơ” mà phát nó lên thành cờ, thổi nó ra thành kèn, hòng tập hợp văn nghệ sĩ sau lưng mình... Văn Cao lôi những cặn bã tư tưởng nằm trong đầu mình, chưa có dịp tuyên ngôn trong thời Pháp thuộc, nhảy vào hòng làm chủ trường phái trong văn học. Nhiều nhà văn lớp trước vào với Cách mạng đã và đang tiếp tục tự tẩy gột những cái sai lầm tiền kiếp, mà vẫn thấy hầy còn chưa sạch thì Văn Cao từ trong làng nhạc sang làm văn, vội lặn hụp vào vũng nước tống ra kia, và cho thế là thơm, là mới!...”

Những ngày sống bên anh ở làng Còng, tôi chưa bao giờ nghe ông anh của tôi nói cái giọng như thế này. Lúc này ông anh tôi cứ như các bà đi lễ ở hội Phủ Giày, nghe tiếng đàn, tiếng trống, tiếng hát châu

vẫn réo rắt, ông anh của tôi đã nhập đồng.

Ngày tiễn anh vân du nơi cực lạc, tôi úp mặt vào tường khóc như một đứa bé mất anh. Nghĩ đến những lúc anh vui đầu vào viết những bài thơ *Làng Còng*, bài thơ *Bà cụ mù lòa* - say sưa đến mức đánh mất mình để lột xác thành một con người khác; nghĩ đến lúc anh là nhà thơ tình bọn trẻ chúng tôi hằng ngưỡng mộ mà nay lặng lẽ ra đi trong cảnh không vợ không con; nghĩ đến lúc anh dạy tôi tích góp từng xu, từng hào mà nay ra đi với hai bàn tay trắng; nghĩ đến...

Lúc ấy chị Bạch Diệp đang ôm vòng hoa trắng bước lên cầu thang đi vào phòng vĩnh biệt.

Mười bảy

Bố tôi ở Thanh Hóa gửi thư ra:

Hệ thân mến

Bố báo tin mừng cho con: Gia đình ta vừa được chia ba sào ruộng, một gian nhà gạch và một phần tư con trâu. Bố mẹ đã dọn sang nhà mới, bố mua một bức ảnh Cụ Hồ thật to về treo ở giữa nhà. Nhờ Đảng, nhờ chính phủ, gia đình ta đã được đổi đời.

Bà cũng được chia nhà bên cạnh nhà cũ. Em Miên bây giờ đang ở với bố mẹ. Cậu Kiếm được tin nhiệm bổ sung cho đoàn khai thác gỗ trên thượng du. Mọi người đều mạnh khỏe. Con cứ yên tâm công tác sao cho xứng đáng với sự quan tâm của Đảng và của chính phủ với gia đình ta.

Chúc con công tác tiến bộ.

Thân ái

Bố

Bố tôi viết cái thư vắn tắt như thế nhưng thằng con phải biết giải mã những tín hiệu vừa nhận được: gia đình được chia ruộng, chia nhà, chia trâu nhưng ông bà ngoại đã bị đưa lên địa chủ, nhà cửa đã bị tịch thu và bà ngoại tôi đã bị đuổi xuống chuồng trâu. Bố tôi không nhắc gì đến ông ngoại, cụ vốn thẳng tính, trước cảnh bất công có thể cụ đã xử sự thế nào đấy nên lúc bố tôi ngồi viết thư, cụ đã phải vắng mặt ở nhà.

Tôi nghĩ ngay đến một cái lệnh bắt tôi ra khỏi tòa báo và trở về địa phương nhận công tác khác. đành chấp nhận “đời mò” vì tôi không phải người đầu tiên và cũng chưa phải là người cuối cùng rơi vào hoàn cảnh rắc rối như vậy. Thương thân mình thì ít mà thương ông bà ngoại tôi thì nhiều. Cuộc đời sao éo le làm vậy, ông nội tôi cả đời chơi bời phá tán hết tất cả ruộng nương, vườn tược nên đã cho tôi ăn thừa tự một cái thành phần thật đẹp: dân nghèo có suất ăn chia trong đợt chia quả thực. Còn ông bà ngoại tôi chí thú làm ăn, luôn luôn là căn cứ địa vững chắc cho anh em chúng tôi chạy đói, chạy loạn. Từ năm đói Ất Dậu đến giờ, ông bà ngoại tôi nuôi em Miên đỡ đần một phần khó khăn cho bố mẹ tôi, nay ông bà tôi lên địa chủ, em Miên về ở với bố mẹ tôi. Thế là gia đình tôi lại thêm một miếng ăn. Tôi cũng thương mợ Kiếm. Lúc còn ở Hải Phòng, mợ là nữ sinh Trường Con gái (Ecole des Jeunes filles), mợ cũng có mặt trong cuộc thi xe hoa toàn thành phố. Mợ đóng vai tùy tướng của Trung Trắc cấp kiếm đứng hầu chủ tướng trên xe hoa. Đến khi lấy cậu Kiếm, mợ về quê, nhuộm răng đen, mặc áo nâu, đi chân đất, gánh mạ ra đồng, lội xuống ruộng đi cấy, đi gặt. Lần đầu tiên về gặp mợ ở quê ngoại: một cô gái nông thôn luôn nở nụ cười tối om om. Có năm, bốn anh em tôi cùng bốn anh em anh Phòng kéo nhau về quê ngoại ăn đến vơi cốt thóc trong nhà, mợ không một lời kêu ca phàn nàn, ngày ngày vẫn

sống vui vẻ với các cháu. Cái thiết thời phải xa bố, xa mẹ của tám chúng tôi đã được mợ bù đắp. Những người tốt thường hay bị rơi vào bước đường chông gai như thế.

Tôi sang phòng tổ chức đề nghị các anh xếp một việc cho em Miên rồi nhận một chuyến công tác, tôi rẽ về quê ngoại xem có thể gỡ được phần nào tình hình bất lợi kia không. Về đến quê ngoại, tôi mới thấy mình không thể làm chiếc cột chống trời được: đến bước 4, đội cải cách vẫn chưa tìm ra đủ địa chủ cho 5% tổng số hộ trong xã theo kinh nghiệm thổ cải ở Trung Quốc. Trên đoàn ủy tăng cường cán bộ “phá bí” xuống quê ngoại tôi: đi sâu phát động quần chúng tìm cho ra địa chủ lọt lưới. Theo các sách của Trung Quốc, pháp bảo trong việc truy tìm địa chủ lọt lưới là đi sâu phát động tư tưởng từng người trong gia đình: em Miên tôi, cô Mẫn, con nuôi ông bà ngoại tôi, ông Châu người thường làm giúp ông bà ngoại tôi mỗi khi vào thời vụ gấp gáp. Cán bộ Đội dỗ em Miên: Khổ đến đâu em cứ tố đến đấy rồi đội sẽ chia ruộng, chia trâu cho em. Miên chỉ một mực trả lời: Năm Ất Dậu, dân Thái Bình đang chết đói, bố mẹ em phải đưa em vào gửi ông bà ngoại nuôi. Ông bà cho đi học nên em chẳng có khổ gì mà phải tố. Cán bộ Đội lại gợi: Thế em đi chăn trâu không khổ là gì? Miên trả lời: Trẻ con cả làng này có đứa nào không phải đi chăn trâu đâu. Cán bộ Đội chê em là chưa được giải phóng tư tưởng, còn mang nặng ơn huệ của địa chủ. Cán bộ Đội sang phát động tư tưởng cô Mẫn. Cô Mẫn trả lời: Năm ất Dậu, tôi theo người làng vào đây làm con nuôi hai cụ. Ôn cứu sống ấy, tôi chưa biết lấy gì để trả ơn. Cán bộ Đội lại sang phát động ông Châu. Ông trả lời: Tôi là em ruột bà Đội (ngày trước ông ngoại tôi làm đội đoan), ngày mùa ngày màng, tôi sang làm giúp anh chị, làm gì có chuyện bóc lột. Cuối cùng Đội cải cách ruộng đất phải “phá bí” bằng cách tính ruộng đất nhà ông bà ngoại tôi cũng bằng một địa chủ ở thôn khác theo công thức $A = B$, $B = C$ thì tất nhiên A phải bằng C. Cậu Kiếm đang làm ủy viên Thường vụ Liên hiệp Công đoàn Liên khu IV lập tức bị đưa xuống đoàn khai thác gỗ ở thượng du.

Thì ra lâu nay tôi mới biết có một nửa sự thật. Tôi đi họp nghe báo cáo về những vụ truy tìm địa chủ lọt lưới, tôi đã xuống tận Đội cải cách ruộng đất gặp cán bộ Đội, gặp cốt cán để tìm hiểu về những tên địa chủ lọt lưới nhưng có biết đâu mình chỉ nhận những tín hiệu về một phía rồi về cầm cổ viết. Phải đến khi cái tai họa ấy rơi trúng đầu mình, tôi mới bừng tỉnh: tay phải chém nhắm vào tay trái rồi

Trên đường về ngôi nhà bố mẹ tôi vừa được chia, tôi phải đi qua ngôi nhà gạch của ông bà ngoại. Hai ông bàn nông đã thưng vách liếp ngăn đôi năm gian nhà. Hàng chục chiếc chậu hoa cảnh đã bị Đội dồn vào đóng quả thực chia cho những người đã tích cực tham gia đấu tranh. Cái sân gạch kia, cậu Cát và tôi đã từng ngồi thể hoa sen, ngửa mặt nhìn ngôi sao sáng nhất trên bầu trời, luyện phép thôi miên, cái sân ấy vẫn còn đó nhưng hai ông bàn nông vừa được chia nhà đã vác dao rựa ra đây bỏ củi làm mấy viên gạch bị vỡ. Cái cửa đã bị chia đôi, theo vết vách liếp, mỗi nhà xí một phần cánh cửa. Tôi vẫn chưa hiểu khi cần bung thúng thóc ra xay, ông bàn nông kia nghiêng thúng thế nào cho miệng thúng không quệt vào mép liếp và thóc không bị đổ ra nhà. Tôi nhớ nhất bộ khung cửa bằng gỗ lim. Mỗi lần

về quê ngoại, tôi lại đứng áp lưng vào khuôn cửa rồi lấy con dao sắc của cậu Cát đặt lên chòm đầu lấy cữ. Tay vẫn giữ chuôi dao, tôi từ từ khuy đầu gối nhích ra, lấy mũi dao khía khía thành vết đúng chiều cao của tôi khi đó. Cứ thế, mỗi lần về quê ngoại, tôi lại tự đo xem năm nay mình cao hơn năm trước bao nhiêu centimet.

Năm 1971, Đoàn Văn nghệ sĩ Thủ đô vào Mặt trận Đường 9 - Nam Lào có dừng chân ở thị xã Thanh Hóa ăn trưa. Tôi đã bỏ bữa cơm chạy một mạch về thăm nhà. Bà ngoại tôi đã mất từ lâu rồi, mẹ Kiêm đi ném phân ở đồng sâu chưa về. Căn nhà vắng lặng. Vừa nhìn thấy những vết dao sắc khía vào khung cửa sổ, tự dưng nước mắt tôi cứ dàn dụa. Tôi gục đầu vào khung cửa như gục đầu vào cánh tay bà ngoại. Cơm gạo ông bà nuôi tôi từng ấy năm trời, tôi dần dần lớn theo từng vết dao sắc kia, tôi nào đã báo đáp ông bà được cái gì. Chắc chắn có lúc ông bà tôi đã nói với nhau: Thôi, âu cũng là cái nợ đồng lần. Đội ở đây đưa mình lên địa chủ, tịch thu nhà cửa ruộng vườn nhà mình thì ở xã khác, thằng Hệ lại quy nhà khác lên địa chủ rồi cũng tịch thu nhà cửa, ruộng vườn của người ta. Con cháu mình làm sai thì mình trả nợ vậy để sau này xuống âm phủ nó khỏi phải bị quỷ sứ ném vào vạc dầu sôi.

Tôi rút dao găm đo lại chiều cao của mình. Mũi dao chạm đúng vết dao tôi đã khía lần trước. Tôi dùng mũi dao khoét sâu cái cữ đo chiều cao và khắc thêm con số 71 vào bên cạnh. Nếu chuyện này tôi bỏ xác ở chiến trường, cái khung cửa này với những vết dao khía từ thấp lên cao sẽ được coi như tấm bia tưởng niệm mà ông bà ngoại đã dựng cho tôi từ khi tôi cất tiếng khóc chào đời. Ngôi nhà cột lim, các vì kèo và các thanh lanhtô đỡ ngói đều bằng lim được ông ngoại xây cất nóc đúng thời gian mẹ sinh ra tôi. Tôi thấp hương vái ông bà, coi đây là ba vái cuối cùng của thằng cháu vào mặt trận nhưng chưa biết chắc ngày nào sẽ trở về. Tôi xé sớ tay viết mấy dòng chào mẹ Kiêm.

*

* *

Lại nói về chuyện về thăm quê ngoại năm ấy.

Tôi báo cho Miên sáng ngày kia lên đường ra khu III nhận công tác. Ngày mai em không phải đeo thúng lạc rang đi bán nữa, đêm nay em thừa với bà, sáng mai lên chợ Vườn Hoa, hai anh em sẽ đón bà ở cổng chợ. Trước khi đưa Miên đi công tác, hai anh em đến chào bà. Một nhà báo của đoàn cải cách ruộng đất không đến thăm nhà rẽ chuối mà lại đến nhà địa chủ giữa lúc phong trào đấu tranh của nông dân đang lên cao thì quả thật không tiện một tí nào. Cột cán làm một phát cái đơn tố giác ra Đoàn ủy thì cái tội tà y trời của tôi mới bị lôi ra ánh sáng: tại sao lại giấu kín chuyện ông bà ngoại địa chủ lọt lưới, không báo cáo với tổ chức? Bố tôi thường khuyên tôi: Con người cũng có lúc không thể nhảy lên chiến hào, ưỡn ngực hát *Quốc tế ca* rồi bị “độp” một cái vào ngực, hy sinh kiểu anh hùng vô tích sự như thế chẳng làm được cái trò gì. Phải biết giữ cái gáo cho đến khi mặt trời mọc.

Tự xưng hai bà cháu thành hai mảnh trời cách biệt. Hai bà cháu đang ở cùng một xóm mà phải dắt díu nhau lên tận chợ Vườn Hoa mới dám gặp nhau. Đi từng người đến điểm hẹn chẳng khác gì những ngày tôi hoạt động trong vùng tạm bị giặc Pháp chiếm đóng. Tôi đứng chờ ở cổng chợ lâu lắm mới thấy bóng bà tôi thấp thoáng phía xa xa. Bà tôi đã già lắm rồi. Chẳng cuối cuộc đời, bao nhiêu tai họa đã giáng xuống số phận con người làm việc gì cũng nghĩ đến chuyện tích đức cho con cháu thừa hưởng. Lưng bà đã còng gập xuống vì đang bị gánh khổ nạn đè trĩu vai. Bà tôi vừa đi vừa nhón nhác nhìn trước, nhìn sau, nhìn sang phải, nhìn sang trái như đang bị đôi mắt soi mói nào theo dõi. Tôi lách qua đám đông đang đi vào chợ, chạy đến nắm lấy cánh tay bà: Bà ơi, thằng Hệ đây, bà ơi. Bà ngược mắt lên nhìn tôi, mắt bà đã mờ rồi, bà nhìn tôi bằng trái tim, bằng cánh mũi phập phồng đã từng thuộc hơi từng đưa cháu. Tay bà vuốt nhẹ nhẹ lên mặt tôi, từng ngón tay nhăn nheo lướt từ thái dương tôi đến vết sẹo do bóng súng Remington của lính ngự giáng vào gò má trong đêm tra tấn cuối cùng thì bà dừng lại. Đúng thằng Hệ của bà thật chứ không phải thằng Hệ giả chúng nó làm để trêu bà. Bà khẽ hỏi tôi: Cháu chờ bà đã lâu chưa? Tôi nói dối cho bà đỡ lo: Cháu vừa mới đến đã thấy bà ngay. Bà nhìn ngược nhìn xuôi rồi quay lại nhìn tôi: Họ biết, họ có làm lời thôi không? Tôi rút tờ giấy vừa ghi địa chỉ thằng bạn giờ ra trước mặt bà cho bà yên tâm: Cháu có giấy công tác đặc biệt, không ai làm gì được cháu.

Tôi dắt bà đi về phía mấy hàng bánh ướt - ngoài Hà Nội ta gọi là bánh cuốn. Tôi chọn hàng ở cuối dãy, ngồi ở đây quan sát được theo một góc rộng hơn. Thương bà quá, lâu nay bà sống ngày đêm với nỗi lo sợ. Người ta đồn bà xuống phận con giun, cái kiến làm bà sợ mọi thứ, sợ mọi chuyện, sợ mọi người. Từ lâu bà rất thích ăn bánh ướt, hai hàm răng bà không còn nữa, bà chỉ trệu trạo nhai rồi nuốt. Trước khi gắp một miếng bánh ướt đúng vào bát nước chấm, bà lại nhìn trước nhìn sau xem có bị đôi mắt soi mói nào theo dõi không. Tôi lại rút tờ giấy trong túi ra vẩy vẩy trước mặt bà: Bà đừng lo, cháu có giấy công tác đặc biệt. Tôi cứ ngồi yên lặng ngắm bà ăn. Sau này, lúc mẹ tôi đã già rồi, tôi cũng ngồi ngắm mẹ tôi nhai trệu trạo như thế. Biết bà đang khổ mà thằng cháu ngoại đội ơn bà cho ăn trong những ngày cả tỉnh Thái Bình cứ đói vàng mắt ra, cũng chẳng có cách nào cứu bà được.

Bà tôi buông đũa rồi thở dài: Cháu ơi, bây giờ bà mới biết trên đời này Thạch Sanh thì ít, Lý Thông thì nhiều. Gân đất xa trời rồi, bà chẳng lo gì cho thân bà. Bà chỉ lo cho các cháu thôi. Tôi tìm lời an ủi: Bà dạy câu gì, chúng cháu vẫn nhớ. Bà đừng ngại. Anh em chúng cháu chỉ thương bà vất vả cả đời mà đến nay chúng cháu chẳng làm gì giúp được. Bà gật gù: Bà khổ thế này là cùng cực, chắc cũng chẳng khổ hơn được nữa. Các cháu đi đâu, làm gì, cũng phải bảo nhau đừng bao giờ làm những việc thất đức. Trời Phật ở xa nhưng quỷ thần hai vai ghi từng việc ta làm rồi tâu lên với Trời Phật, không che mắt được Trời Phật đâu. Những quân chuyên ăn không nói có, chuyên đổ tội cho người khác như trâu lấm vấy càn, cuối cùng cuộc đời cũng chẳng ra cái gì. Tôi ghé sát tai bà: Cháu nhớ. Bà nói tiếp: Người ta chẳng ai chạy khỏi cái số. Bà biết. Số bà là nước lòng đò. Nước không vào thì lòng đò nứt

nhưng nước vào đầy thì đồ đắm. Đừng lo cho bà nữa. Tôi thưa với bà: Cháu về thăm bà, được gặp bà như thế này là mừng rồi. Hôm nay cháu xin phép bà đưa em Miên ra công tác ngoài chỗ cháu. Bà tôi gật đầu: Thế thì bà mừng. Làm gì thì làm, các cháu nhớ là đừng bao giờ làm điều ác. Nam Tào ghi những đứa làm điều ác không cho chúng chạy. Đấy các cháu xem, đứa nào làm điều ác thế nào cũng bị Trời Phật vật chết tươi.

Tôi gọi bà bán bánh ướt gói cho tôi hai chục bánh nữa. Bà tôi không dám cầm: Cốt cán tịch thu, không được đâu. Thương bà, các cháu cứ để trong lòng. Tôi thưa với bà: Chiều nay, em Miên sẽ cầm bánh sang biểu bà. Bà tôi từ từ đứng dậy: Thôi, bà về. Tôi đứng dậy đưa bà sang hàng nước chè xanh. Uống nước xong, tôi đưa bà ra phía cổng chợ. Bà bảo tôi cứ để bà đi một mình thì hơn. Tôi cứ đứng nhìn dáng còng còng của bà lách qua đám đông. Trong tiểu thuyết *Không gia đình*, mẹ Baccoranh của chú bé bị bỏ rơi cũng không phải sống cơ cực đến như thế này. Khi bà đi khuất cửa hàng ở chỗ ngã ba, tôi đứng như chôn chân ở đấy. Bà tôi khổ như thế, tôi chẳng làm được gì cứu được bà, thế mà tôi đã hoảng lên tự nhận là mình đứng trong đội ngũ hiệp sĩ đi giải phóng cho nhân loại, tại sao trước mắt không lên tiếng về cái việc bắt công rơi vào giữa gia đình mình. Đôi lúc nghĩ lại cũng thấy mình hèn. Hèn thật. Hèn đến mức không dám nói đúng về một sự thật mình đã biết từ khi mới chào đời về một con người đã cứu sống mình trong những ngày khốn khó, đã từng mở tráp lấy những đồng tiền Đông Dương tích góp bao năm trời đưa cho mình lấy cái tiêu dùng trong những ngày ở địch hậu. Trong cơn bão táp, người nào cũng chỉ tìm một chỗ ẩn náu cho yên thân, cái hèn đã để mặc cái sai mạo danh cái đúng ngang nhiên hoành hành. Trong khi viết tiểu thuyết *Sắp cưới* tôi đã nghĩ nhiều về cái hèn: người ta có thể dũng cảm xông pha trên chiến trường, coi thường cái chết nhưng lại ngấp ngừng khi định giơ tay cản cái sai không cho phép nó lấn lướt cái đúng trong cuộc đời. Cái sai không gặp lực cản tha hồ đi ngang đi dọc, nghiêm nhiên được công nhận là cái đúng. Ai chạm đến cái sai ấy lập tức bị coi như đã không công nhận cái “đúng” đang được số đông tôn sùng. Chỉ khi nào cái sai ấy rơi xuống trúng đầu mình, kéo theo những tai họa khôn lường, lúc đó người lâm nạn mới bừng tỉnh.

Tôi thương bà vô cùng. Giá hồi kháng chiến chống thực dân Pháp, máy bay Dakota trút xuống một chùm bom tiêu hủy toàn bộ nhà cửa, ruộng vườn của ông bà tôi đi thì không sao. Ông bà tôi có thể làm lại từ đầu, tích góp từng đồng dựng lại cơ nghiệp cũng chẳng phải khó đến mức không làm được. Còn bây giờ, bà tôi bị đẩy xuống thân phận con giun, cái kiến - mãi mãi là con giun, cái kiến không bao giờ được hóa kiếp làm người. Ra đường gặp thằng bé con cũng phải khoanh tay cúi đầu: Chào ông bà nông dân ạ. Ngồi ở cửa chuồng trâu, nhìn qua sân thấy năm gian nhà gỗ lim, lợp ngói tây của mình bỗng dựng sang tay người khác làm sao không tiếc của đến đứt từng khúc ruột. Hai gia đình bản nông đã bắc bếp đun nấu trong nhà, khói ám đen bức tường, tro bếp vung vãi ra nền gạch.

Tôi càng thương bà tôi bội phần. Không bị lũ lụt, không thua bạc mà chỉ trong phút chốc trắng tay. Đến khi sửa sai, một ông cán bộ tỉnh xuống đọc quyết định của ủy ban hành chính tỉnh Thanh Hóa về

việc phục hồi danh dự, trả lại thành phần trung nông, trả lại toàn bộ tài sản cho bà tôi, thế mà bà tôi cứ ngây người ra như đang nằm trong mơ. Ông cán bộ tỉnh lại mời bà tôi lên nhà trên, bà tôi vẫn chưa hết bàng hoàng, khe khẽ nói với mẹ Kiếm: Họ dứ mình đây. Mẹ con mình lên, biết đâu ông bà nông dân trời mẹ con mình lại rồi lòi ra đình. Lúc bấy giờ ai cứu mẹ con mình.

Những ngày rơi xuống kiếp con giun, cái kiến đã làm bà tôi mù cả người đi đến mức không còn đủ sức tin mình đã được trở lại kiếp người.

Về quê ngoại được thăm bà, thấy bà vẫn mạnh khỏe, tôi rất mừng nhưng tôi luôn luôn thấp thỏm về cái tích đi thăm địa chủ. Đoàn ủy ở xa không tài nào biết được nhưng cốt cán có báo cáo ra không. Mỗi lần lên văn phòng Đoàn ủy, nhìn thấy đồng công văn đến, tôi đưa mắt rất nhanh qua từng cái phong bì, xem có thư nào từ Thanh Hóa gửi ra hay không. Một lần ông trưởng phòng tổ chức nhấc tôi sang, tôi vừa đi, vừa chuẩn bị sẵn từng câu trả lời về chuyện ông bà ngoại tôi lên thành phần địa chủ. Thình thoảng lại có một cán bộ Đội bị trả về cơ quan chỉ vì là con địa chủ, tôi lại nghĩ đến câu HÔM NAY TÔI - NGÀY MAI ANH khắc trên tấm bia đá ở các nghĩa trang người công giáo. Khốn khổ cho họ, và cũng là khốn khổ cả cho mình, có cái thai nào được phép chọn cửa công nông mà chui vào đâu.

Chẳng may cốt cán báo cáo với Đoàn ủy, cùng lắm là tôi chỉ phải trở về Khu đoàn Thanh niên, tôi chỉ thương em Miên. Thà rằng cứ ở nhà cho nó xong, không đeo thùng lác rang đi khắp phố thì cũng dắt con trâu đi khắp cánh đồng. Ở thôn xóm, anh nào vượt lên trên đầu con cái người ta thì người ta chẳng chịu lép gì mà không cầm chân anh kéo xuống. Con tao khỏ, con mày cũng phải khỏ như con tao cho nó công bằng.

Phải công nhận rằng, tôi chỉ về qua nhà có hai ngày mà bố tôi đã làm cách nào không biết, lên ủy ban xã xin được chữ ký của ông chủ tịch xuất thân bản nông, ký cho cái lý lịch xác nhận em Miên là thành phần cố nông.

Tòa báo xếp em là cái chân liên lạc viên chuyên chở báo từ nhà in về tòa soạn rồi lại thò chồng báo đã đóng dấu kính biểu ra bưu điện. Một thằng bé chăn trâu bỗng được phát chiếc xe đạp mới cứng lắp đủ phanh, chuông và cả đèn pha đi đêm nữa, cậu ta khoái chí lắm. Ngày đêm, cậu ta chỉ nhắm nhắm chờ văn phòng gọi đi công tác để có dịp nhảy phốc lên xe, phóng như bay trên đường. Ít lâu sau, cậu ta đi học lớp được tá sơ cấp rồi lên Lai Châu. Khi tuyển cán bộ y tế tăng cường cho các trạm quân y tiền phương trong chiến trường, Miên vác ba lô vào miền Nam. Khi được lệnh ra Bắc theo học ở Trường Đại học Quân y, nhớ ông anh, bà chị và các cháu, Miên đã gánh bằng được đôi ủng cao su và bốn cái dù pháo sáng mà cậu ta đã đổi cho đồng bào bằng những phong lương khô được hậu cần phát trong các ca trực đêm ra Bắc làm quà tặng. Trên đường giao liên, trong đoàn cán bộ quân y cũng có người giữu Miên gánh gánh gồng gồng như anh lái buôn, thì Miên nói: Thằng này cũng biết mang thứ hàng thật nhẹ mà hiệu quả kinh tế cơ, nhưng đây là cái tình, ai không biết xin miễn phát biểu ý kiến.

Gần hai chục năm sau, hai cô em dâu đến nhà tôi chơi. Thấy anh chị và các cháu chỉ ăn cơm với rau muống luộc và tép khô, vợ Miên bảo vợ tôi: ở cửa hàng Nhà Thờ, cửa hàng Vân Hồ đang bán giãmbông, xúc xích không thu phiếu, họ bán cả cá thu cắt ô số 8, sao chị không mua về cho anh và các cháu ăn. Cô em dâu thứ hai - chồng nó là tiến sĩ nông học, giám đốc một cơ sở sản xuất của Bộ Nông nghiệp cũng nhanh nhẩu nói: Chị bận, không đi mua được, chị cứ đưa phiếu đây, chúng em đi mua cho. Vợ tôi phá lên cười: Anh ấy mới được ăn phiếu D, mình đang ăn theo phiếu E làm gì mà được ăn “bìa C” như ông tiến sĩ và ông được sĩ cao cấp nhà hai em. Hai cô em dâu tưởng vợ tôi nói đùa. Vợ tôi phải lôi trong ngăn kéo ra một tập phiếu thực phẩm loại E - loại ưu tiên cho những người được hưởng bậc lương thấp. Lúc ấy hai cô em dâu tôi mới tin. Cô em dâu thứ hai mới nói: Thế mà người ta đồn nhà nước mới ký quyết định cho một số văn nghệ sĩ được ăn theo “bìa B”. Tôi cười: Một số tức là không phải tất cả. Nhà thơ Quang Dũng, nhà thơ Trần Lê Văn còn là bậc thầy của anh cũng còn phải ăn “phiếu E” thì sao. Cô em dâu chép miệng: Anh Hệ lúc ấy đã phụ trách cả một tòa báo rồi, anh Miên mới đi chờ báo thôi. Sao lại vô lý như vậy? Lúc bấy giờ, ông tiến sĩ và ông được sĩ cao cấp mới ngã ngửa người ra khi biết rằng ông cả đi công tác từ lúc hai thằng em còn cưỡi truồng nhảy ùm ùm xuống tắm ở ao làng mà đến bây giờ hai cậu em đã có tiêu chuẩn “phiếu loại C”, nằm Bệnh viện Việt Xô và Viện Quân y Trung ương. Một hôm, ông tiến sĩ bảo tôi: Đi theo cách mạng, hai chúng em được quá nhiều còn anh thì mất quá nhiều. Tôi chỉ cười: Trong một gia đình, bao giờ cũng có một người gánh các “quả nạn” cho cả nhà cũng như bà ngoại có gánh cái “quả nạn” vừa qua thì anh em mình mới được mát mặt như thế này. Cái mà các cậu bảo là mất thì anh lại cho là được đấy.

Tôi không bao giờ xấu hổ về tội thua kém hai thằng em đã được hưởng tiêu chuẩn tem phiếu vượt thằng anh. Người đi sau lại tiến vượt người đi trước, đó là điều mừng cho cả gia đình. Từ đó suy ra, cùng một nắm thóc trong tay bà mẹ tung vào đời, có hạt rơi vào bụi gai, có hạt rơi vào bãi đá, có hạt rơi xuống dòng mương làm mồi cho cá rô, cá diếc nhưng cũng có hạt may mắn rơi đúng miếng đất màu mỡ như ruột bánh chưng.

Mỗi người có một con đường đi tới đích, cũng như mỗi con người vẫn có một cuộc đời. Dù sao tôi đã làm được phần việc bố tôi dặn dò: Bằng mọi cách thằng anh phải dìu được thằng em vào đời, đầu đi thì đuôi lọt. Chắc hẳn bố tôi ở dưới âm hắc hải lòng, mỗi ngày giỗ, chúng tôi thắp hương mời cụ về, nhìn thấy đàn con không giàu nhưng không dốt, không hèn, không ăn cắp, không ăn trộm thật chẳng bỏ công cụ dạy dỗ: Đừng làm việc gì để cái nhục cho họ Phạm.

Mười tám

Phải công nhận rằng cái mà mọi người tưởng là “mất” thì tôi lại thấy là “được”. Một thằng làm báo lại có máu viết văn ở giữa một Đoàn ủy cải cách ruộng đất cũng giống như một vận động viên bơi lội vẫy vùng trên đường bơi riêng của mình trong một bể bơi. Tôi không là đối thủ của ai cả. Và lại càng không có ý định lên làm Đoàn ủy viên tranh mất ghế một ông Đội trưởng chiến tích đầy mình. Giữa hai đợt giảm tô và cải cách ruộng đất thường có một thời gian “bản lề” khá dài, tôi coi đó là cái vốn riêng ra sức tận dụng. Cụ Nguyễn Công Toan, bí thư Đoàn ủy lại là bạn cũ của bố tôi. Anh Nguyễn Trung Kiêu bạn tôi là chánh văn phòng Ủy ban cải cách ruộng đất Liên khu III. Tôi chỉ việc lên báo cáo với cụ Toan, cụ ký ruồi vào góc đơn rồi chuyển sang chỗ anh Kiêu. Giống như một tiền vệ trong đội bóng, anh Nguyễn Trung Kiêu bao giờ cũng chuyển bóng đến trước hai ba nhịp chân cầu thủ nhận bóng nên mỗi chuyển đi của tôi hoàn toàn xuôi chèo mát mái. Anh Nguyễn Trung Kiêu cấp cho tôi một tờ giấy giới thiệu về các tỉnh ủy, bố trí cho tôi xuống những xã vừa phát động quần chúng, vừa sưu tầm tư liệu. Ngoài ra anh Kiêu còn viết một mảnh giấy nhỏ cho ông thủ kho cho phép tôi được chọn chiếc xe Alpha mới cứng giúp tôi một mình một ngựa dong ruồi khắp đồng bằng Bắc Bộ. Được đi đến những nơi mình thích, được viết những nhân vật mình thích, hàng tuần không phải họp hành gì cả, lại không phải viết những bài “chữa cháy” phải nộp đúng kỳ hạn theo yêu cầu của nhà in, một anh làm báo được hưởng chế độ làm việc “son” như thế tưởng không còn gì vui sướng cho bằng.

Hồi ấy nhà xuất bản Văn Nghệ vừa giới thiệu với bạn đọc một số truyện về cải cách ruộng đất ở Trung Quốc. Trong đó có *Anh Hai Đen lấy vợ, Chuyện về Lý Hữu Tài...* của Triệu Thụ Lý. Đọc xong hai tập sách này, tôi thấy những nơi mình đi qua đều có những chuyện na ná như vậy. Nếu chịu khó nhặt nhạnh, tôi cũng có thể viết được như thế. Tôi tôn ông Triệu Thụ Lý là thầy. Tôi cũng bắt chước cái giọng văn dân dã của ông ta, những tưởng rằng cuộc đời này chỉ có độc một cửa đến thẳng làng văn. Một vài anh đọc xong mấy truyện của tôi in trên các báo, khi gặp tôi đều khen: Cậu viết cứ như là Triệu Thụ Lý ấy. Ngấm lại trong bước đi chập chững ban đầu, mình cứ như thằng bé con bắt chước người lớn càng được khen bao nhiêu, lại càng cố bắt chước cho thật giống hơn. Nếu như hồi ấy, tôi được gặp một vị thầy cao thủ, thầy bảo tôi: Đã là người cầm bút, anh không được viết giống ai và lại càng không được lặp lại chính những điều mình đã viết trước đây, thì tôi đã không bỏ phí đến hai năm lằng nhằng đi theo nhà văn Triệu Thụ Lý. Đến bây giờ mấy ông bạn của tôi được khen “Viết cứ như Sêkhốp” lại gồng mình viết sao cho thật giống Sêkhốp. Cũng có ông bạn khen chiến hữu của mình viết tiểu thuyết lịch sử giống như Alếchxây Tônxtôi. Mấy ông nhà văn được khen giống ông Tây cứ phồng mũi lên. Còn tôi, nếu thấy ai khen viết giống bất cứ ông nhà văn nào ở bên Tây ở bên Tàu hay ở bên ta thì tôi đau khổ như bị nghe chính anh bạn thân yêu của mình vừa lảng nhục mình. Hồi ấy, tôi chỉ là thằng bé ngây ngô tự tìm đường đến cổng làng văn. Chẳng biết ngả nào mà rẽ, chẳng được ai dẫn dắt

“đi tắt, đón đầu”, cứ nhìn thấy vết vòng cung ở đường chân trời là đập cỏ gianh, vượt dốc, lội suối đi đường vòng đến đích. Nhiều khi tôi đã giẫm đúng vết chân người đi bước trước mà không hay. Tôi đã đi hết cuộc đời rồi mà cái vết vòng cung của đường chân trời lúc nào cũng ở trước mặt.

Sau một chuyến đi, tôi thấy cần có một chỗ ngồi viết. Chẳng may tôi bị lên mỗi mắt một cái chấp. Anh bạn tôi bảo tôi, tay bên nọ cứ vòng qua vai, với đúng chỗ nào trên lưng, anh lấy kim nhể hết máu độc ra là hết chấp. Chữa chấp nhanh như thế không tiện cho việc viết lách của tôi, tôi lên gặp anh Nguyễn Trung Kiểu xin một giấy giới thiệu lên bệnh viện cải cách ruộng đất trung ương. Bác sĩ phụ trách bệnh viện cho tôi biết mổ chấp chỉ vài ngày là về được. Tôi thăm dò ý kiến anh, nếu tôi cần ở lại Hà Nội dài ngày, ăn ngủ ở bệnh viện có gì phiền không? Anh cười: Còn thừa buồng. Tôi lại có giấy giới thiệu của ủy ban cải cách ruộng đất Liên khu III giới thiệu lên, muốn ở lại bao nhiêu ngày chắc chắn không có gì trở ngại. Tôi quyết định mổ mỗi lần một cái chấp thôi thì mổ làm hai lần cũng đủ thời gian viết xong *Phá đám*.

Tôi sang bệnh viện ở chỗ ngã năm Bà Triệu - Nguyễn Du bây giờ. Người đến chữa mắt cũng đông, chia làm hai hàng nộp giấy khám bệnh. Mỗi hàng được một bác sĩ nhận đơn rồi đưa ngay vào phòng điều trị: một nữ bác sĩ già và một bác sĩ trẻ. Tôi nhắm tính theo thứ tự, tôi sẽ bị vào phòng mổ của bác sĩ già, nhân thấy một ông đứng sau lưng tôi cứ luôn miệng làu bàu vì chuyện phải xếp hàng lâu quá, tôi vội quay lại mời ông ta đi mổ trước theo suất của tôi. Ông ta cảm ơn rồi rít và những người xếp hàng đều khen cán bộ kháng chiến có khác. Chẳng ai biết tôi lúi cúi hàng để chờ đúng cô bác sĩ trẻ mổ chấp. Tôi yên trí rằng người đẹp bao giờ cũng nhẹ tay hơn bà già. Đến lúc vào phòng mổ chấp mới biết cô bác sĩ này mổ cũng đau, lưỡi dao nào cứa vào thịt mà không đau, chẳng qua trước mặt một người đẹp, tôi không dám kêu đau mà thôi. Về sau, lấy một cô bác sĩ, tôi mới hiểu bác sĩ già bao giờ cũng vững tay nghề hơn bác sĩ trẻ, đường dao mổ ngọt hơn nên đỡ làm đau hơn.

Mổ một bên chấp chỉ một mắt bị băng còn mắt kia vẫn nhìn thấy được, tôi liền biến bệnh viện thành trại sáng tác. Bác sĩ phụ trách bệnh viện biết tôi là người đang tập tọng viết văn đã bố trí cho tôi ở một buồng riêng, cho người khiêng lên cho tôi cái bàn và cái ghế. Đến bữa, cô hộ lý lại mời xuống nhà ăn. Thế là tôi vừa có chỗ ngồi viết vừa có chỗ ăn cơm.

Hết mười lăm ngày, mắt thứ hai đã tháo băng, tôi ra viện. Anh chị em ở khu III lên thăm cho biết, các tỉnh đang chuẩn bị địa bàn, tôi muốn về lúc nào cũng được. Trước khi về Liên khu III, tôi lên phố Phủ Đồng Thiên Vương chào anh chị Đào Quốc Bảo.

Anh Đào Quốc Bảo là Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Việt Nam Hưng Yên. Trong Đại hội Đoàn Thanh niên Việt Nam toàn tỉnh, anh “đạo diễn” chương trình trò chơi lớn (kiểu Grandjeu của hướng đạo sinh). Trò chơi được bố trí rất công phu và tuyệt đối bí mật. Một buổi tối, trên hội trường, dưới ánh đèn măngxông sáng choang, anh trịnh trọng bước lên diễn đàn, tuyên bố: Trò chơi lớn của chúng ta

bắt đầu! Thì một người trong cuộc đã ném một hòn đá to xuống ao đình kêu đến “ầm” một cái. Được phân công trước, tay phụ trách ánh sáng tắt phụt đèn măngxông, cùng lúc đó, tiếng giầy đinh cồm cộp ở ngoài sân vọng vào kèm theo một giọng ồm ồm: Viet Minh, déposez les armes! (Việt Minh, hãy hạ vũ khí), vous avez été encerclés! (Các anh đã bị bao vây). Các đại biểu trong đình bị một quả bất ngờ, đâm hốt hoảng chỉ còn mỗi cách chơi “ù té quyền” ra khỏi đình. Ác thay trong đình tối om om, không ai nhận ra lối thoát hiểm. Một cậu cố chạy nhưng rúc đầu vào đầu cũng chỉ thấy mảng tường chặn đứng, vừa quơ tay tìm lỗ hồng nào có thể chui qua được vừa lẩm nhẩm: Thế là “đời mò” rồi. Mấy cậu có súng ngắn vẫn cài ở cạp quần vội lên đạn, nằm phục sau bậc cửa hét lớn: Thà chết không hàng giặc. Mấy cậu có lựu đạn vội rút chốt, nắm chặt mở vệt chờ bọn Pháp vào đình là “một đổi một”. Khổ nhất là các vị tân khách thuộc loại long trọng viên, mặc quần áo gối đầu giường cho phẳng nếp cứ phải bò quanh bò quẩn trong đình chẳng hiểu tình hình sẽ ra sao. Bỗng đèn bật sáng, anh Đào Quốc Bảo lên diễn đàn trình trọng tuyên bố: Xin báo cáo với quý vị đại biểu, trò chơi lớn của chúng ta đã kết thúc. Mọi người mới ngẩn người ra, “cơn kinh hoàng” lúc nãy nằm trong khuôn khổ “trò chơi lớn” của Đại hội. Anh chị em đại biểu các huyện thì không sao, chỉ coi đó là cái trò Tỉnh đoàn đùa dai, nắn gân những người đã từng lặn lội trong vùng địch tạm chiếm. Còn các vị long trọng viên của Tỉnh hội Liên Việt, Tỉnh đội Dân quân, Ty Giáo dục, Ty Y tế... thì không cho qua được, liền sang báo cáo với Tỉnh ủy là Tỉnh đoàn Thanh niên đã bày ra cái trò chơi lớn này ở một cái đình theo đường chim bay ở cách xa đồn bắt giặc không là bao nhiêu.

Anh Bảo và một số cán bộ phụ họa trò chơi lớn bị Tỉnh ủy giáng cho mỗi người một án “cảnh cáo ghi lý lịch” và ra quyết định chuyển công tác. Anh Đào Quốc Bảo được đá hất lên làm Đội trưởng Đội Thanh niên Xung phong Liên khu III. Lúc ấy, tôi vừa trốn ở bót Mai An Tiêm ra, được Khu đoàn đưa sang chỗ anh Bảo.

Anh thích tôi là loại “chân sắt, mắt ngựa, bụng thần tiên”, được phân công việc gì là cứ cầm đầu cầm cổ làm, không bàn lùi, rất hợp với tính anh. Anh đã ra lệnh, cán bộ dưới quyền chỉ được phép “bàn vào, không bàn ra”. Ai không làm được đứng lui sang bên cho người khác làm, đừng chạy quanh, vương chân người khác. Cùng đi chiến dịch, biết tôi mất liên lạc với gia đình từ lâu, mỗi lần nhận được tiếp tế trong thành gửi ra anh thường san sẻ cho tôi. Kết thúc chiến dịch hay cuối một đợt, anh thường rủ tôi về nhà bà mẹ vợ ở Châu Sơn (Nho Quan, Ninh Bình). Nhà văn Nguyễn Thị Như Trang bây giờ chính là em vợ anh. Mỗi lần chị Doãn vợ anh Bảo rút roi ra định vọt cô em, tôi lại chạy đến giằng roi trong tay chị. Thế là chị Doãn nguôi cơn giận, lại “mắng yêu” tôi: Cậu chỉ làm cho nó hư. Chắc chị làm tương nếu Như Trang bị một roi, tôi phải đứt từng khúc ruột.

Anh Bảo và tôi không phải cùng là phiên bản của một hình mẫu nào. Tôi chỉ có một túi dết nhẹ, dù đi đến đâu cũng chỉ có một cái màn, một bộ quần áo - sau này anh Bảo sang tên cho tôi một bộ màu da đá là hai, một kèn acmônica, một bàn chải, một hộp thuốc đánh răng. Trời nóng, tôi cởi trần mặc quần

đùi mà ngủ. Trời rét, tôi về Khu đoàn lấy một nửa cái chăn len, cuộn chặt lại đeo chéo qua ngực và một chiếc áo len nhờ các cô địch vận vào trong thành mua hộ. Còn anh Bảo, dù đi kháng chiến, anh không chịu được thiếu thốn một thứ gì. Anh thừa chiếc ba lô bánh chưng cao gấp rưỡi ba lô vẫn bán ở chợ - chính anh vẽ mẫu cho ông thợ da cắt may. Ngoài những vật dụng thường dùng, anh còn đem theo một chiếc búa nhỏ và một gói đinh. Đến ngủ ở đâu, phải tìm được chỗ đóng bốn cái đinh ở bốn góc rồi căng chiếc màn thật vuông thành sắc cạnh, anh mới vào nằm. Cái màn của anh cũng khác với cái màn của tôi, nó là cái màn tuyền cấp vải phin ở bốn xung quanh chân màn tạo thành đường biên giới bất khả xâm phạm cho kế hoạch chống muỗi. Anh còn khâu hai cái túi bằng vải nâu: một chiếc đựng bộ quần áo đang mặc, một chiếc đựng đôi dép. Trước khi ngã lưng, anh mặc bộ đồ ngủ rồi treo hai cái túi ấy vào mái lán theo phương thẳng đứng với đỉnh màn. Anh thường nói với người nằm xung quanh: Thằng nào định lên vào ăn cắp quần áo với dép của Đào Quốc Bảo thì cứ liều mạng đứng trên ngực của Đào Quốc Bảo mà tháo hai cái túi. Ngang hông, anh đã cài một con dao găm rồi nhưng trong ba lô vẫn có một con dao tám tác dụng: rọc giấy, cắt móng tay, nạy hộp sữa, mở nút bia, mở chai vang, giũa kim loại... Anh đã cắm chiếc bút Waterman ở túi áo rồi nhưng trong ba lô vẫn cất một bút Waterman dự phòng và một hộp mực Waterman đựng trong mười “cáctút” bằng thủy tinh. Khi lấy mực, tháo “cáctút” hết mực ra rồi nạp “cáctút” đầy mực vào. Giấy viết thư, giấy viết báo cáo, bao giờ anh cũng dự trữ đủ cơ số trong ba lô, Ngoài ra, anh còn đem theo cuộn dây dù để phơi quần áo chứ không banh quần áo ướt trên cành cây như tôi.

Lần này, tôi chỉ định đến chào anh chị rồi đem bản thảo về khu III viết tiếp cho xong. Anh bảo tôi: Chú (từ ngày Như Trang đi lấy chồng anh chuyển ngạch cho tôi từ cậu sang chú) cứ ngồi ở đây mà viết. Đừng làm việc gì lây nhây. Làm sao chú biết được khi về khu III, người ta sẽ phân công chú làm gì. Quả thật, tôi cũng ngại ở trong ngôi nhà sàn lim, cầu thang lim nhẵn bóng, bàn ghế, tủ toàn đồ lim không dính một hạt bụi.

Ban ngày, anh chị Bảo đi làm, các cháu đứa học sáng, đứa học chiều, chỉ còn cụ Đào Quốc Ân, thân sinh anh Bảo ở nhà. Mặt cụ xương xương, trán rộng cộng với chòm râu bạc trắng như cước trông cụ cứ như là cụ Phan Bội Châu. Trước đây mỗi lần đến thăm anh chị Bảo, tôi thường lên gác hầu chuyện cụ. Cụ nói đến thơ Đường, tôi cũng xin hầu chuyện cụ thơ Đường, cụ nói đến Lamáctin, Rútxô, La Phôngten, Anphorét đờ Vinh, tóm lại là những gì cụ đã học được ở trường Tây bây giờ nhớ ra, đã có tôi phụ họa. Lần này biết tôi đang ngồi viết, cụ rất ít nói chuyện. Cụ dành cho tôi gian buồng có ban công trông ra đường, cụ ngồi ở nhà ngoài đọc sách. Có lần cụ đi thăm bạn bè ở trên phố, lúc trở về nhà, thấy các cháu đang đuổi nhau, chạy ùa cả vào phòng cụ, cụ rút ngay chiếc phát trần, tay nắm vào cán xong rồi trở về phía cầu thang: Xuống mau! Xuống cho chú Hệ viết văn. Tôi ngượng chín cả người. Cái việc “biết giấy trắng thành giấy lộn” của tôi đã được cụ nâng lên tầm cao nghề nghiệp. Tôi đang chấp nhận những chuyện đông dài thế này chưa biết nhà xuất bản có nhận in cho không mà cụ coi

là công việc thiêng liêng đến thế. Tôi phải thừa chuyện để đỡ đòn cho các cháu: Lúc con nghỉ giải lao, con gọi các cháu vào chơi đấy ạ. Cụ cài phất trần vào giá rồi nói với tôi: Công việc của chú cần yên tĩnh mà lũ trẻ này nghịch như ngựa. Chú phải nghiêm mới được. Đứa nào bèn mắng đến đây, chú cứ đuổi thẳng cánh.

Tôi cứ ngưỡng ngưỡng thế nào ấy. Lũ trẻ con nhà anh chị Bảo đấy, bây giờ Đào Quốc Trụ đã là chủ nhiệm Khoa Thanh nhạc của Học viện Âm nhạc thành phố Hồ Chí Minh, Đào Đan đã là dược sĩ cao cấp ở Bệnh viện Bạch Mai, chắc bây giờ được đọc lại những trang tôi viết hồi đó, các cháu sẽ phá lên cười: Suýt nữa vì những trang viết chẳng ra văn của chú Hệ, chúng mình phải đòn oan.

Mấy hôm nay, hình như cụ có điều gì cứ ngập ngừng định nói chuyện với tôi rồi lại thôi. Có buổi cụ đặt sách xuống bàn, đứng dậy đi về phía tôi ngồi rồi bỗng dừng cụ quay lại bàn, tay cầm quyền sách nhưng mắt cứ nhìn đi đâu. Biết ý cụ, tôi lấy có mỗi mắt quá phải nghỉ giải lao, ra bàn ngồi uống nước.

Cụ đặt sách xuống mặt bàn rồi hỏi tôi: Xin lỗi anh, anh về đây, tôi xin phép anh coi anh như người nhà, tôi có điều này mạnh dạn hỏi anh, nếu không nên không phải anh cũng bỏ quá đi cho. Tôi vô cùng ngạc nhiên: Thừa cụ, trong chiến dịch, anh Bảo với cháu là hai anh em, về nhà cháu chỉ là phận con, phận cháu, các cụ có dạy bảo chúng cháu điều gì cũng chỉ giúp chúng cháu làm điều lành, tránh điều ác, cháu xin nghe lời dạy bảo của cụ. Cụ Ân nhìn thẳng vào tôi: Tôi chỉ phân vân một điều, từ cổ đến giờ, đời nhà Hán, Hàn Tín vác kích đi phò Lưu Bang, đánh đông dẹp bắc được Lưu Bang phong làm nguyên soái rồi cuối cùng cũng bị Lưu Bang giết chết, thời Ngô - Việt tranh hùng, vua nước Việt là Câu Tiễn thua trận phải đem thân làm con tin bên nước Ngô chịu nhục đến mức phải cúi đầu ném phân cho vua Ngô. Văn Chủng phò Câu Tiễn đánh bại quân Ngô, giang sơn thu về một mối, cuối cùng Văn Chủng cũng bị Câu Tiễn giết chết. Ông bạn tôi ở dưới quê, nuôi Việt Minh thời bóng tối, nuôi bộ đội thời kháng chiến, đem vòng xuyên, nhẫn, hoa tai ra ủng hộ Tuần lễ Vàng, đưa con trai đi bộ đội, đưa con gái đi làm cán bộ, dùng một cái bây giờ Đội cải cách lại lôi ông bạn tôi đi bắn. Thật chẳng còn luật lệ nào, Đội đưa ông bạn tôi ra tòa án đặc biệt, toàn những ông bà không biết luật ngồi trên chủ tịch đoàn. Thằng Tây tuyên án tử hình xong còn cho ông Việt Minh mười lăm ngày chống án, còn ông Đội bây giờ vừa tuyên án xong, dân quân lôi ngay ra “phơ” (feu: nổ súng) luôn, thế thì anh bảo là thế nào. Trong Nam, Ngô Đình Diệm lê máy chém đi chém những người cộng sản, ngoài Bắc ta, Đội cũng đi săn lùng những người cộng sản. Những người cộng sản ấy chỉ có một tội là đánh Tây. Tôi bị dụ vào thế bí nên chỉ trả lời cụ Ân đúng như xã luận báo Nhân Dân. Xem ra cụ Ân chưa hài lòng lắm nhưng tôi còn biết nói gì hơn là đành giải thích theo kiểu thích đến đâu giải đến đâu mà thôi.

Viết xong *Phá đám*, tôi xin phép cụ Ân, anh Bảo, chị Doãn cho tôi về Liên khu III. Anh Bảo nói với tôi: Ngày mai là chủ nhật, rạp Éden, tức là rạp Công nhân, chiếu bộ phim *Người thứ 41*, hay lắm. Chú sốt ruột về, anh chị không giữ nhưng chú là một cây bút trẻ, chú phải đi xem cái đã.

Tôi đã đọc truyện *Người thứ 41* của Boris Lavrennev in trên tạp chí Văn học Xô Viết (Littérature soviétique), nên ở lại xem phim. Anh Bảo đi lấy vé cho cả nhà. Vé bán gần hết từ thứ bảy, chỉ còn dãy Y ở sát màn ảnh. Thích một cái là không có ai ngồi chắn trước mặt nên cứ phải ngồi toài người xuống rồi tựa gáy vào thành ghế. Chị Bảo cười: Ngày trước anh chú sắp lấy chị, đều mời chị ngồi trên gác kia đấy (về sau vợ tôi cũng nói với em tôi như thế).

Trước khi trình chiếu, cô thuyết minh giọng rất trong giới thiệu: ... Bộ phim miêu tả tinh thần chiến đấu kiên cường và lập trường kiên định của một nữ Hồng quân Liên Xô được lệnh giải tên Bạch vệ xuống thuyền vượt eo biển. Không may gặp cơn bão, thuyền bị đắm, nữ Hồng quân và tên sĩ quan Bạch vệ được sóng biển đánh giạt vào một hòn đảo nhỏ. Đôi mắt xanh rất đẹp của tên sĩ quan Bạch vệ và khoa kể chuyện rất có duyên của hắn đã chiếm lĩnh được trái tim nữ Hồng quân. Hai người đang sống những ngày êm ấm thì bỗng nhiên một con thuyền của Bạch vệ giương buồm chạy qua đảo. Tên sĩ quan Bạch vệ chạy ào xuống biển, giơ tay vẫy gọi đồng đội đến cứu. Nữ Hồng quân gọi hắn quay lại, tên sĩ quan Bạch vệ cứ nhằm hướng thuyền lao tới. Mỗi viên đạn một quân thù, nữ Hồng quân là xạ thủ bắn tỉa, từng bắn chết 40 tên giặc, lần này cô phải nổ phát súng thứ 41 hạ ngã người mình đang yêu say đắm...

Đã đọc truyện rồi nay lại được xem phim - đạo diễn Trukhorai, nữ diễn viên Idovitskaia, nam diễn viên Strizhenov, những cái hay, những cái đẹp cứ được nhân đôi đến nỗi khi phim đã hết rồi tôi còn muốn ngồi lại xem tiếp buổi chiếu sau.

Lúc ấy đã là mười một giờ đêm. Buổi chiếu cuối cùng trong ngày.

Dư luận người xem lúc ấy cũng phân đôi ranh giới: người khen thì khen hết lời, thế mới là con người. Người chê thì cũng chê hết lời, nữ Hồng quân gì mà mất lập trường, đã yêu kẻ thù của giai cấp và khi bắn chết nó còn buông súng, gục mặt xuống đôi mắt xanh của nó mà khóc. Một vài tờ báo đã lên tiếng bênh vực *Người thứ 41*, vạch rõ cái lý, cái tình của một nam, một nữ lạc trên đảo vắng đắm say trong mối tình không cưỡng được. Năm ấy, những người xem phim đã bỏ phiếu bầu cho *Cánh buồm đỏ thắm* và *Người thứ 41* là hai bộ phim hay nhất trong năm. Lúc bấy giờ tôi cứ yên trí rằng nhà văn Boris Lavrenniev viết *Người thứ 41* dưới thời cụ Stalin cầm quyền và đã đoạt giải thưởng Stalin. Không có lý Liên Xô là thành trì cách mạng vô sản toàn thế giới mà lại sản xuất một phim... mất lập trường. Thế mà năm năm sau, cán bộ tuyên huấn của ta lại lên bục phê phán phim *Người thứ 41* mất lập trường, xóa nhòa ranh giới giữa ta và địch, đề cao thuyết “con người” chung chung, quên mất cuộc đấu tranh giai cấp càng ngày càng gay gắt. Thế mà gần ba mươi năm sau, các rạp chiếu phim ở nước ta lại chiếu phim *Người thứ 41*. Xem đi xem lại, thì ra cái hay có bị dim đi thì nó vẫn cuộn mình luôn qua kẽ ngón tay người định bắt nó phải chết mà ngoi lên mặt nước.

Mười chín

Hồi ấy, chúng tôi thường gọi thị xã Phủ Lý là thị xã báỉ vọng. Ngày xưa nhà vua đi tuần du các trấn, các lộ, các thị xã hai bên đường phải bày hương án, các chức sắc trong làng phải châu chực từ sáng sớm, chờ các chú lính khiêng kiệu vua đi qua, mới vái rạp xuống. Tuy kiệu đã có rèm che, chẳng ai nhìn thấy mặt vua nhưng các chức dịch cùng dân hai bên đường cứ phải úp mặt xuống đất cho đến khi kiệu vua đi đã xa mới dám ngẩng mặt lên. Cái trò rắc rối đó gọi là báỉ vọng.

Hà Nam là một tỉnh đồng chiêm, mỗi năm chỉ cấy được một vụ ăn chắc. Cả tỉnh lúc ấy mới có một nhà máy điện chạy bằng máy điêden hoạt động từ sáu giờ sáng đến mười một giờ đêm nên xe của các Bộ chỉ chạy vù qua Phủ Lý xuống thành phố Dệt Nam Định, rẽ sang vừa lúa Thái Bình. Anh em chúng tôi vẫn thường kể chuyện tiều lâm về đoạn đường 21 chạy qua đất Hà Nam: tỉnh Hà Nam không có kinh phí sửa đường nên đoạn đường ấy lắm ổ gà. Người ta gọi những ổ to tướng nằm trên lòng đường là ổ trâu. Tỉnh Hà Nam kêu gọi tỉnh Thái Bình và tỉnh Nam Định góp tiền cùng sửa đoạn đường ấy vì xe ô tô của trung ương, xe chở vật tư, các mặt hàng bách hóa về Nam Định, Thái Bình nhất định phải đi trên đoạn đường 21 ấy. Tỉnh Nam Định và tỉnh Thái Bình cứ gân cổ cãi: “Đoạn đường 21 ấy bị hỏng là do du kích Hà Nam đánh mìn phá xe vận tải quân sự của giặc Pháp. Lĩnh huân chương Chiến Công rồi, bây giờ tỉnh Hà Nam phải bỏ tiền ra lấp những hố mìn ấy đi”. Nói vui trong những lúc chờ cơm đầy thôi chứ thật ra lúc ấy vừa kết thúc chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nước ta đã nghèo lại phải thắt lưng buộc bụng dồn tiền lưng, gạo bị đi hàn gấn những vết thương chiến tranh và xây dựng cơ sở ban đầu cho sự nghiệp phát triển kinh tế sau này.

Trong lúc vui chuyện, chúng tôi thường nói thị xã Phủ Lý được xây dựng theo hình mẫu kiến trúc chống chiến tranh nguyên tử: một dãy phố chạy dài theo đường số 1 và một dãy phố vươn theo đê Sông Châu cùng ôm trọn trong lòng một kilômét vuông nhà cấp bốn. Một thị xã phát triển theo chiều dọc, nói đại nói đột, kẻ thù có đánh bằng bom nguyên tử, thị xã Phủ Lý chỉ bị thiệt hại không đáng kể chứ không như hai thành phố Hirôsimas và Nagasaki của Nhật, có chiều ngang và chiều dọc gần bằng nhau. Cả thị xã chỉ có mười ngôi nhà gạch: trụ sở Tỉnh ủy, trụ sở Ủy ban Nhân dân, trụ sở Ty Công an, trụ sở Tỉnh đội, trụ sở Ngân hàng, trụ sở Ty Tài chính... còn các cơ quan dân chính lúc ấy vẫn làm việc trong những dãy nhà tranh tre nửa lá.

Tuy be bé, xinh xinh như vậy, thị xã Phủ Lý cũng có một rạp chiếu bóng, một thư viện, một nhà hát nhân dân kiêm nhiệm bãi chiếu bóng ngoài trời, năm nay diễn Vương Quý và Lý Hương Hương đến sang năm lại diễn Lý Hương Hương và Vương Quý. Năm thì mười họa, Ty Văn hóa mới mời đoàn ca nhạc của Đài Tiếng nói Việt Nam về trình diễn một tối. Đêm đó thị xã Phủ Lý tung bừng trong ngày hội: hàng nghìn người đổ về Nhà hát Nhân dân vừa nghe ca nhạc vừa xem mặt các ca sĩ mà bà con mới

chỉ nghe tiếng hát qua làn sóng điện. Tỉnh đội tổng kết một năm xây dựng Lực lượng Vũ trang Nhân dân mới có dịp mới Đoàn văn công Tổng cục Chính trị về. Quốc doanh chiếu bóng Hà Nam lại ở cuối luồng phát hành nên phim chiếu ở Hà Nội, ba tháng sau mới về chiếu ở Phủ Lý. Vì thế mỗi lần đoàn phát động quần chúng kéo về tổng kết, nhờ tòa soạn chúng tôi “chạy” lên Hà Nội, trở tài ngoại giao, bà con ở thị xã Phủ Lý mới được thưởng thức đàn ngọt hát hay của Đoàn văn công Nhân dân Trung ương, Đoàn nghệ thuật Trung Quốc, và xem một loạt phim mới như *Tam đả Bạch Cốt Tinh*, *Tình yêu là muối của cuộc đời*, *Tình ca Sibêri*, *Chúc phúc*, *Cầu thủ số 5*, *Cánh buồm đỏ thắm*...

Đầu tiên do quan hệ rộng, chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ ngon lành trên cơ sở “hai bên cùng có lợi”: cơ quan có phim hay và các tiết mục hấp dẫn cho cán bộ xem, còn chúng tôi - một người một xe phóng vù về Hà Nội. Từ quen dần dần biến thành lệ, mỗi kỳ tổng kết, tòa soạn báo “phát động quần chúng” biến thành cơ quan chuyên trị “cờ, đèn, kèn, trống”, lo việc chăm sóc phần hồn cho các chiến sĩ trên mặt trận chống phong kiến. Thấy chúng tôi làm chạy công chạy việc, Đoàn ủy cho phép chúng tôi rút một số cây văn nghệ lên tòa soạn như Trần Đắc sau này là giám đốc Xưởng phim truyện 2, Mai Cát sau này là phóng viên báo Tiền Phong... Chúng tôi cố tìm ra các trò lạ giúp anh chị em vui vẻ học tập: Trần Đắc hàng ngày đọc báo nước ngoài, sưu tầm được chuyện lạ trên thế giới lại lên hội trường kể cho anh chị em nghe. Còn tôi, với cái truyện cổ găm lại từ thời Pháp thuộc, được phân công kể *Tam Quốc*, *Thủy Hử*, *Tây Du* trên hội trường vào những phút thư giãn. Hồi đó chưa có nhà xuất bản nào dám in lại những pho sách quý giá đó nên những buổi kể chuyện *Tam Quốc*, *Thủy Hử*, *Tây Du* luôn luôn thu hút người nghe. Khốn khổ cho cái thân tôi, người nghe càng thích thú bao nhiêu thì đêm ấy tôi cứ phải rặn ra mà nhớ những trang sách tôi đọc ngấu ngiên thời còn đi học. Có hôm Đoàn ủy còn gợi ý cho tôi cố lái câu chuyện và phục vụ công tác giáo dục tư tưởng cho các chiến sĩ sắp tham gia trận Điện Biên Phủ chống phong kiến. Thí dụ khi anh chị em đang thảo luận bài “Giữ vững nếp sống lành mạnh của người cán bộ cách mạng” thì tôi kể chuyện Quan Công cầm đuốc thức suốt đêm canh cho Cam phu nhân và My phu nhân ngủ nơi quán vắng; trong lúc anh chị em đang học bài “Phải nghiên cứu chủ trương chính sách của Đảng trước khi giải quyết công việc”, tôi kể chuyện Quan Công nguyệt hạ chiếu binh thư tìm ra cách đắp đập cho nước sông dâng lên tràn vào doanh trại Bàng Đức. Khi anh em đang thảo luận bài “Chống bệnh chủ quan, mệnh lệnh với quần chúng”, tôi kể chuyện Quan Công dẫn quân sang đánh Đông Ngô, không chịu nghe lời của các tùy tướng, đã ngang nhiên phóng ngựa truy kích địch. Lã Mông giả vờ thua nhử dẫn Quan Công vào hẻm núi, nơi quân Đông Ngô phục kích. Kết quả Quan Công bị Lã Mông chém chết. Trương Phi thương anh quá, bất phùng thợ may trong một ngày phải may một vạt bộ áo tang để mặc trong lễ tang Quan Công. Nếu sau một ngày không có đủ một vạt bộ, Trương Phi sẽ giết hết phường thợ may. Biết tính nóng như lửa của Trương Phi thế nào cũng giết mình, phường thợ may bèn lên vào giết Trương Phi rồi bỏ trốn. Cần nhắc nhở anh chị em nhận rõ âm mưu dụ dỗ, mua chuộc cán bộ, tôi kể chuyện *Tam đả Bạch Cốt Tinh* trong *Tây Du*. Cần vạch rõ âm

mưu giả nghèo giả khổ của giai cấp địa chủ, tôi kể chuyện Tôn Ngộ Không bị Nhị Lang Thần đuổi. Hết đường chạy, Tôn Ngộ Không phải hóa phép biến thành cái miếu: mồm biến thành cửa, hai chân hai tay biến thành bốn cái cột còn cái đuôi biến thành cây cau mọc sau miếu. Nhị Lang Thần tự dung mắt hút Tôn Ngộ Không, chột nhìn thấy cái miếu, Nhị Lang Thần suy nghĩ, người ta chỉ trồng cây cau trước miếu, chứ có ai lại trồng cây cau sau miếu. Nhị Lang Thần bèn cầm kích chọc thẳng vào cửa miếu. Bị đâm vào miệng, đau quá, Tôn Ngộ Không phải rùng mình hiện nguyên hình rồi dùng phép đăng vân bay mất.

Cũng may, mỗi đợt tổng kết kéo dài hơn một nửa tháng nên cái kho *Tam Quốc*, *Thủy Hử*, *Tây Du* của tôi vẫn tiếp tục phục vụ chính trị được. Ngoài ra tôi còn cái kho dự trữ *Đông Chu Liệt Quốc* chưa dùng đến. Sáng nay đồng chí bí thư Đoàn ủy đã nói với tôi: Tình hình rất khẩn trương, các xã trong địa bàn đã chuẩn bị đón Đội về, chúng ta phải xuất quân sớm để kịp kết thúc trận Điện Biên Phủ chống phong kiến trước Kỷ niệm Chiến thắng Điện Biên Phủ 7-5, nhưng một số cán bộ lại muốn về nghỉ phép ít ngày trước đã. Anh hay đọc sách cổ, anh cố sưu tầm xem có chuyện nào góp phần giải quyết tư tưởng cho anh chị em giống như những chuyện ngày trước anh vẫn kể trên hội trường. Tôi ngồi nghĩ mãi chưa tìm trong *Tây Du Ký*, *Tam Quốc*, *Thủy Hử* và cả *Đông Chu Liệt Quốc* nữa một câu chuyện nào dính dáng đến chuyện ngừng trận đánh để nghỉ ngơi. Bí quá, tôi đành bịa ra một câu chuyện đủ cả vua Tề, đủ cả hoàng thái hậu Chính Tâm, tể tướng Trục Ngôn, đại tướng thống lĩnh đem quân đi dẹp rợ Khiết Đan cứ như chuyện đã xảy ra thời Đông Chu vậy. Chuyện rằng: thám mã hỏa tốc phi ngựa về Tràng An báo tin quân Khiết Đan đang bí mật kéo quân đến biên thùy. Tể tướng Trục Ngôn tâu với vua Tề xin kéo quân lên biên khu đánh phủ đầu, không cho quân Khiết Đan tràn vào Sơn Nam Quan. Gần đến tết rồi các tướng lĩnh không muốn xuất quân, bèn vào tâu với hoàng thái hậu Chính Tâm. Vốn là người thương lính một chiều, hoàng thái hậu sang cung Đại Hòa bàn với vua Tề cứ cho quân lính ăn Tết cái đã, đến mừng bốn xuất quân cũng chưa muộn. Đẳng nào quân Khiết Đan cũng phải nghỉ ngơi ăn Tết, ra Giêng chúng mới động binh, bên ta việc gì mà vội. Nhà vua vốn sợ mẹ bèn gọi tể tướng vào bàn. Tể tướng đến cung Đại Hòa đứng vào lúc vua Tề và thái tử Trục Cương đang dạo chơi trong vườn cam. Tể tướng dâng một hộp đậu, xin thái tử ném vung vào các góc cam rồi xin thái tử đi nhặt từng hạt đậu về nhưng thái tử chỉ nhặt được có nửa hộp thôi. Tể tướng bèn tâu với vua Tề rằng: Nếu hoàng thượng để nguyên đậu trong hộp thì đậu vẫn yên đấy nhưng nếu hoàng thượng vung nắm đậu xuống vườn thì hạt rơi vào chân cỏ, hạt rơi xuống lỗ nẻ, làm sao hoàng thượng thu về đủ một hộp đậu như trước nữa. Vua Tề lúc ấy mới chịu lời tể tướng là đúng bèn hạ lệnh cho tướng tiên phong sáng hôm sau tiến quân lên biên ải, vượt Sơn Nam Quan đánh thẳng vào doanh trại Khiết Đan, khiến quân Khiết Đan phải cắm cổ cuồn cờ, khiêng trống tháo chạy.

Đang lúc tôi cố “bịa” chi tiết y như thật thì Đào Xuân Tôn gọi rất to ở ngoài hiên: Hệ ơi, sách của mày được in rồi! Tôi không tin vào tai mình nữa. Có thể Đào Xuân Tôn nói một câu gì đó nhưng đầu

óc tôi đang bắn lên với câu chuyện Đông Chu rởm chiều nay phải kể ở hội trường nên tôi đã nghe lầm. Đến khi Đào Xuân Tôn bước hẳn vào trong phòng bảo tôi: Sách của mày được in rồi. Tôi nhồm ngay dậy quên đứt vua Tề, thái tử, hoàng thái hậu, tướng tiên phong, quân Khiết Đan mà hỏi luôn: Tin ở đâu? Tôn cười: Ở hiệu sách nhân dân. Tôi cũng cười: Chưa nhìn thấy bìa sách, tao chưa tin.

Đào Xuân Tôn đập nhẹ bàn tay vào ngực: Chính tao nhìn thấy quyển *Làm giời* bày trong tủ kính mà mày cũng không tin à. Tôi vặn luôn: Tại sao mày không mua lấy một cuốn đem về? Tôn lắc đầu: Hiệu sách quốc doanh mở cửa theo giờ hành chính như cơ quan nhà nước, chúng ta nghỉ, cô bán hàng cũng nghỉ. Tao đã xem lại giờ mở cửa “Từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 00”. Tôi sốt ruột quá bèn hỏi tiếp: Mày có nhìn thấy cái bìa sách như thế nào chưa? Tôn trả lời ngay: Một cái khung hình chữ nhật nằm trên nền da cam sọc trắng. Hai chữ Vũ Bảo đặt trên đầu, hàng thứ hai là hai chữ *Làm giời* in thật đậm, hàng thứ ba là dòng chữ Tập truyện ngắn, hàng cuối cùng là năm chữ Nhà xuất bản Văn Nghệ. Tôi vội khua chân tìm đôi dép lộp rồi kéo tay Đào Xuân Tôn ra cửa: Thế thì đúng rồi. Tại sao họ in nhanh như thế nhỉ. Mình mới gửi bản thảo có mấy tháng thôi mà. Tôn cười: Thế bây giờ mày đã chịu tao chưa?

Hai đứa kéo nhau ra Hiệu sách Nhân dân thị xã Phủ Lý. Cô bán sách đã khóa cửa chính về nhà ăn cơm nhưng không đóng cánh cửa lùa nên đứng bên ngoài, hai chúng tôi vẫn nhìn thấy những cuốn sách bày ngay ngắn trong tủ kính. Tôn khom lưng chọc đầu ngón tay trở vào mặt kính, hướng ngón tay về phía ngăn Sách Mới: *Làm giời* kia nhé. Đúng chưa?

Tôi khom người đưa mắt nhìn qua bốn hàng chữ:

Vũ Bảo

Làm giời

Tập truyện ngắn

Văn Nghệ

Tên tác giả, tên tác phẩm thì đúng quá rồi, không còn lẫn với ai được nữa. Tôi nhìn đồng hồ mới 12 giờ 30, còn một tiếng đồng hồ nữa cô bán sách mới ra mở cửa. Nếu Đào Xuân Tôn không kéo tôi ra quán cá phê, tôi còn đứng đấy ngấm cái bìa cuốn sách của mình cho đến lúc cô hàng sách ra bán hàng.

13 giờ 30, tôi kéo Tôn ra hiệu sách.

Tôi xin mua toàn bộ *Làm giời* đang có ở hiệu sách. Cô bán hàng ngạc nhiên nhìn tôi như muốn hỏi: Anh có hăm không đấy, rồi giải thích: Sách phải đến tay người đọc, lần này phát hành trung ương gửi về Hà Nam có 50 quyển thôi, em phải bán cho 50 người nên một người không nên mua tranh phần người khác. Tôn cũng lý sự không kém phần sắc bén: Thì chúng tôi cũng mua sách cho 50 người chứ cho một mình chúng tôi đâu. Cô bán hàng vẫn nhỏ nhẹ bảo: Các anh định mua nhiều phải làm công văn dự trù, sổ sách này chúng em vào kế hoạch phân phối rồi. Cô vẫn kiên trì trước sau như một, còn Tôn

vẫn nhai mãi luận điệu cũ rích. Cuối cùng Tôn phải trở vào ngực tôi: Em ơi, bây giờ anh phải giới thiệu với em, anh Vũ Bảo là người viết ra cuốn sách này. Bạn bè thì nhiều, anh Vũ Bảo phải mua biếu mỗi người một cuốn chứ. Có lẽ từ ngày đi bán hàng đến giờ, lần đầu tiên cô mới gặp tình huống oái oăm này nên cứ ớ người ra một lúc rồi mới trả lời được: Các anh chờ em vào thỉnh thị đồng chí của hàng trưởng cái đã. Tôn nói luôn: Các anh sắp đến giờ lên hội trường rồi, em cũng phải bán cho các anh vài cuốn lấy may đã chứ.

Cô bán cho chúng tôi ba cuốn. Tôi rút ngay bút máy tặng Tôn, tặng cô Phong, nữ y tá ở phòng Y tế của Đoàn và tặng... tôi.

Về đến Đoàn, tôi phải lên ngay hội trường để kể chuyện “Đông Chu rằm”. Anh chị em thích chí cười nghiêng ngả. Tôi lủi vào trong phòng đặt ampli đọc một hơi xong cuốn sách. Lần đầu tiên trong đời tôi được đọc những dòng chữ của chính mình từ trang viết nhảy vào trang in. Những dòng chữ hồn nhiên chuyển tải những suy nghĩ nông cạn về cuộc sống sôi động hôm nay được in chẳng qua là nhà xuất bản chiếu cố đến một người tập viết mới hăm tư tuổi đầu. Tôi không dám so cuốn sách dừng ở bậc cuối cùng này với bất cứ cuốn sách nào. Sách mỏng tang, chưa có gáy, tôi có thể cuộn lại nhét vào túi quần. Bạn bè tôi ở khắp nơi đọc xong những trang viết này sẽ phải tự hỏi: Sao thằng Hệ không chờ cho cuốn sách dày dặn hơn một chút nữa rồi hãy đưa in có hơn không?

Ngay cuốn sách đem tặng Phong, tôi phải làm một cái phong bì thật to, nhét cuốn sách vào đó rồi dán kín. Tôi sang Phòng Y tế, khê bảo Phong ra ngoài hè, rồi giúi cái phong bì ngoại cỡ ấy vào tay Phong dặn với: Đọc một mình, đừng cho ai đọc đấy nhé. Phong lại hỏi nhỏ: Cái gì thế? Tôi bảo Phong: Bí mật là bí mật. Về phòng, em cứ giở ra xem khắc biết. Một mình em xem thôi.

Dù sao tập truyện ngắn *Làm giời* cũng là đứa con đầu lòng của tôi. Từ ngày hôm nay đứa con đầu lòng của tôi bắt đầu chập chững bước vào đời, bạn đọc vui mừng tìm đến nó hay đón nhận nó một cách hững hờ. Tôi làm sao mà đoán trước được nhưng chắc chắn thầy mẹ tôi, các chú tôi, anh chị Bảo khi cầm cuốn sách trên tay thế nào cũng nói với nhau: Cái thằng Hệ nhà ta viết được sách đây này.

Chiều hôm sau, tôi chạy vội ra hiệu sách ngó thử xem có ai đọc cái thứ văn mới tập viết của mình không thì cuốn sách mẫu bày trong giá Sách Mới không còn nữa. Tôi vào hỏi thăm cô bán sách, cô tươi cười nói: Từ hôm qua đến hôm nay, em bán vèo một cái hết bốn mươi bảy cuốn còn lại. Thảo nào từ sáng hôm nay, anh chị em gặp tôi đều chìa tay nắm lấy tay tôi thật chặt: Chúc mừng tác phẩm của anh ra đời! Bạn bè càng nhắc tôi càng ngượng. Ai lại gọi cuốn sách mỏng tang ấy là tác phẩm? Máy ông anh bà chị lớn tuổi vừa bắt chặt tay tôi vừa nói: Chúc mừng nhà văn trẻ. Tôi phải thật thà trả lời: Em thuộc diện “lều văn” thôi, còn tốn nhiều giấy mực lắm mới thành nhà cấp bốn được. Có người còn đem sách đến tận chỗ tôi làm việc xin chữ ký. Thì ra sách của tôi bán rất nhanh là nhờ anh chị em cán bộ Đoàn đến mua. Nửa tháng nay, tôi cứ chường mặt trên hội trường kể chuyện *Tam Quốc*, *Thủy Hử*,

Tây Du chính là một cách “tiếp thị” bằng “Người thật, việc thật”.

Trần Đắc bảo tôi: Droit d’auteur (bản quyền tác giả) của cậu còn tiền nhuận bút và hai mươi cuốn kính biểu nữa đây. Trần Đắc là cháu nhà văn Trần Tiêu, tác giả cuốn tiểu thuyết *Con trâu* và cũng là cháu nhà văn Khái Hưng trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn nên anh rất am hiểu luật lệ xuất bản. Tôi đâu dám lên nhà xuất bản Văn Nghệ đòi tiền nhuận bút và sách biểu. Ngượng chín cả người, tôi viết truyện để phục vụ nhân dân, chứ đâu có phải để lấy tiền nhuận bút. Cây bút là vũ khí, chẳng lẽ bắn xong bằng đạn, tôi lại đi đòi tiền nhà xuất bản hay sao? Tôi chỉ là anh mới tập viết thuộc loại xe chở đầu đông, lại được nhà xuất bản giới thiệu với đông đảo bạn đọc, mình không phải nộp tiền giấy, tiền mực là phúc mình lắm rồi. Cần gửi sách đi biểu ai, tôi cứ xuất tiền túi ra mua. Mỗi cuốn *Làm giời* chỉ bằng ba bát phở chín thôi chứ có nhiều nhận gì.

Mãi sau này, tôi đi họp Hội nghị Văn nghệ, mấy bậc đàn anh kéo tôi đến nhà xuất bản Văn Nghệ cùng lĩnh tiền nhuận bút. Không còn nhớ được lĩnh bao nhiêu tiền nữa nhưng tôi vô cùng ngạc nhiên. Cuốn sách mỏng tang đó đủ tiền mua hai cái xe Alpha phụ tùng ngoại.

Tôi đến Bách hóa Tổng hợp Tràng Tiền mua biểu mẹ một chiếc khăn len tập kết, mua biểu bố chiếc phula tập kết. Bắt chước Alexandre Đại Đế “phân phát hết cả của cải, chỉ giữ cho mình cái hy vọng”, tôi mua đồ chơi cho các cháu, còn bao nhiêu “bạc vụn” tôi giắt theo người, gặp bạn bè là kéo nhau vào hiệu. Tôi nghĩ rằng không thể làm giàu bằng thứ “trời cho” này được. Ngay đến bây giờ, mỗi khi in được cuốn sách, tôi đề nghị nhà xuất bản cho lĩnh tiền nhuận bút bằng... sách để đem đi biểu bạn bè và những người đã cứu mang tôi trong những ngày sóng gió. Viết một cuốn sách, tôi đã không đem được đồng nào về nhà lại mất một tháng “min oong, min đơ” đập xe thò sách đi biểu cho bằng hết. Tuy chẳng có gì mang về nhà nhưng tôi lại được một niềm vui khi đem “cây nhà lá vườn” đến với ân nhân của mình, bạn bè của mình.

Lần đầu tiên trong đời, tôi được lĩnh tiền nhuận bút - một khoản tiền lớn đến mức trong các giấc mơ cũng chưa bao giờ tôi được cầm trong tay. Xấu hổ vô cùng, nghĩa là tôi không còn là một chiến sĩ trên mặt trận văn hóa lấy cây bút làm vũ khí nữa. Tôi đã trở thành một thằng bán chữ lấy tiền. Cũng như sáu năm trước đó, tôi được điều động công tác lên Khu đoàn Thanh niên Liên khu III, đến cuối tháng, một nhân viên văn phòng gọi tôi lên nhận lương. Tôi cũng xấu hổ giống như thế. Không ai trêu ghẹo cả mà mặt tôi nóng ran như mình vừa làm điều gì bất chính, bị người khác trông thấy. Hỏi tôi còn ở Quân báo, cậu thư ký văn phòng ở đơn vị đưa cho tôi 180 đồng rồi bảo: Đứng “bách bát” tiền sinh hoạt phí. Ký vào đây. Chưa bao giờ tôi lĩnh lương cả. Tôi là người chiến sĩ đi đấu tranh để giải phóng loài người thoát khỏi cảnh bị áp bức, bị bóc lột. Tôi là người chiến sĩ đấu tranh cho một thế giới đại đồng, phần thưởng cao quý nhất là trong cuộc giao tranh sinh tử này, tôi được chết vắt xác trên hàng rào dây thép gai của bè lũ đế quốc. Chỉ có công chức của đế quốc mới lĩnh lương - làm công ăn lương.

Một lần, tôi đi theo một du kích vượt đường 5. Lưng đồng chí du kích đeo hai trái lựu đạn na, tay đồng chí cầm thanh mã tấu - cán ốp bằng sừng trâu. Hai chúng tôi phục sau một bờ tre, mắt theo dõi tình hình vận chuyển của các đoàn xe vận tải quân sự của Pháp, chờ đến khi nhò mắt người chúng tôi mới băng qua đường. Có lúc đồng chí du kích trở tay về phía đoàn xe đang lăn bánh khuất dần theo khúc đường quanh. Đánh câu dằm thế này lâu quá, bao giờ cho đến tổng phản công thắng lợi, thằng này về đi cày. Một ý rất hay vụt hiện trong đầu, sáng hôm sau, tôi làm một câu lục bát: *Bao giờ chinh chiến hết mùa/ Phá dao tôi đúc răng bừa theo trâu*. Lầm nhảm hai câu thơ, thấy cũng hay hay, tôi làm tiếp hai câu thơ bên trên, rồi lại làm tiếp hai câu thơ bên trên nữa, đến hai câu cuối cùng cũng là hai câu đầu của bài thơ: *Chuôi dao một mẩu sừng trâu/ Lưỡi dao một mảnh đường tàu số 5*. Tôi làm thơ giống như người thợ nề xây nhà: đổ móng xong rồi lên tường. Mấy hôm sau tôi chép lại bài thơ *Dao tôi* rồi gửi cho báo Cứu quốc Chiến khu III. Rồi quên ngay, ở báo Cứu quốc này, làm gì đến lượt cái thứ thơ... thân của mình. Đời lính mỗi ngày từ biệt quê hương, bố mẹ, anh em mình chẳng còn thì giờ mà nhớ nữa là một bài thơ viết vội. Bỗng dưng một hôm về sở chỉ huy báo cáo tình hình, tay văn phòng bảo tôi: Hệ ơi, mày là Phạm Thế Hệ phải không? Tôi ngạc nhiên hỏi lại: Có thư gia đình? Cậu ta lắc đầu: Còn hơn cả thư gia đình ấy chứ. Tôi sốt ruột hỏi lại: Thế là cái gì? Cậu ta thú chí phá lên cười: Tao đọc báo Cứu Quốc thấy bài thơ của mày, dài lắm, tao chỉ nhớ hai câu kết. Tôi sốt ruột giục nó: Nhớ thì mày đọc đi xem nào. Cậu ta đọc luôn: *Bao giờ chinh chiến hết mùa/ Phá dao tôi đúc răng bừa theo trâu*. Phạm Thế Hệ (bộ đội). Đúng không? Tôi tiếc ngẩn tiếc ngơ: Sao mày không xin tờ báo ấy về? Cậu ta lắc đầu: Cái thằng mả mẹ ở bàn bên sang mượn lại để đọc mục Tìm người thân. Mày nghĩ được hai câu “ác chiến” đấy chứ. Thế là tôi có bài được đăng nhưng tòa soạn chẳng biết tôi ở đâu mà gửi báo biểu. Hồi đó, trong các cuộc càn quét ở đồng bằng Bắc Bộ, bọn Pháp bắt được cánh lính tráng của ta thường hỏi có phải mày là người của đơn vị X không nên chúng tôi không bao giờ được để lộ tên đơn vị - kể cả khi viết thư về gia đình.

Từ đó, gặp chuyện gì thú vị trên đường công tác, tôi lại viết cho báo. Sau này chuyển sang làm cán bộ thanh niên, đồng chí Bí thư Tỉnh đoàn yêu cầu tôi làm bài thơ *Mười yêu*, Trần Thanh vẽ đúng mười cái tranh kèm theo hai mươi câu thơ khuyên các em thiếu nhi giữ gìn vệ sinh, chăm chỉ học tập giúp đỡ thương binh, ủng hộ bộ đội... Thấy chúng tôi làm việc vất vả, đồng chí Bí thư Tỉnh đoàn bảo cô thủ quỹ chi cho hai anh em chúng tôi hai mươi đồng gọi là “trợ cấp đột xuất”. Tôi mất liên lạc với gia đình đã lâu, chỉ thêm có đôi dép da nên rủ Trần Thanh ra hiệu giày ở Vân Đình đo chân, đóng mỗi đứa một đôi dép da, để crep theo đúng một thời thượng bấy giờ. Đúng hôm đi lấy dép, giặc Pháp nhảy dù xuống Vân Đình. Nhìn những cánh dù bung ra trong gió, tôi tiếc đứt ruột, không được hưởng thành quả lao động của mình.

Hồi đó, các tòa soạn chưa có chế độ nhuận bút như bây giờ. Thỉnh thoảng mới gửi tặng những người viết nhiều bài quyền sở công tác hay một chiếc bút máy “vạn cổ, đồ mực”. Nhưng có ai dùng đến ba

quyển sổ tay và hai tay viết hai chiếc bút máy, nên “lộc” nhật được, tôi lần lượt chia cho bạn bè.

Lần đầu tiên đi lĩnh nhuận bút, tôi có xấu hổ nhưng ở đời xấu hổ đến mấy cũng thành không xấu hổ. Thấy tòa soạn nào in bài của mình thì lâu lâu tôi phải viết một bài khác rồi lấy cớ đem bài đến tòa soạn, thế nào người của tòa soạn cũng nhắc mình lĩnh tiền nhuận bút.

Nay một ít, mai một ít, dần dần nhuận bút đã trở thành khoản thu nhập thường xuyên trong gia đình. Đi học trường quản lý kinh tế, dựa vào những bài đã học được, tôi tự phác ra một khái niệm sắc mùi kinh tế xã hội chủ nghĩa: nhuận bút là khoản thu nhập bằng tiền - bây giờ không còn tòa soạn nào trả nhuận bút bằng sổ công tác và bút máy nữa - do tòa soạn trả cho người viết căn cứ vào yêu cầu của tòa soạn cũng như số chữ và chất lượng bài viết nhằm bù đắp phần nào hao phí lao động của người viết.

Tôi phải nhấn mạnh câu “yêu cầu của tòa soạn” vì những bài “chữa cháy” do tòa soạn đặt bao giờ cũng được trả nhuận bút cao hơn những bài người viết gửi đến và tòa soạn giàu bao giờ cũng trả nhuận bút cao hơn những tòa soạn “thường thường bậc trung”. Cũng có khi tòa soạn nghèo quá, tôi vẫn vui lòng đến lĩnh cái “nhuận bút còm” ấy để trả ơn bạn đồng nghiệp đã từng cứu mình thoát khỏi một bàn thua trông thấy.

Bây giờ so với ngày xưa, tôi đã tiến bộ trông thấy. Tôi không xấu hổ khi đi lĩnh nhuận bút nữa, tôi đã biết đến tòa soạn lĩnh nhuận bút không phải đem theo bài “mồi” lấy cớ để “tắm” tiền nhuận bút. Và tôi đã lĩnh tiền trước rồi mới trả bài sau thay vì cái thời tôi viết không có nhuận bút. Có ông đạo cao đức trọng gửi một bài thơ đến tòa soạn, bài mới đăng được dăm hôm, ông đã đánh xe ô tô đi đòi. Một lần chưa có, ông lại kiên trì đến lần sau. Tôi đã ngồi tính số xăng chạy xe cho ông đi đòi tiền nhuận bút còn cao hơn nhuận bút bài thơ của ông nhưng suy cho cùng xăng chạy xe là của nhà nước, còn nhuận bút là của ông, mất gì của họ.

Nhuận bút không còn là thứ hương hoa nữa. Sau bốn mươi hai năm làm việc cho chính quyền nhân dân, tôi ra khỏi Bộ Văn hóa với hai bàn tay trắng: không một mét vuông nhà ở, không một tấc đất. Đêm đêm nằm vắt tay lên trán suy nghĩ: họ cũng là người, mình cũng là người, họ là cộng sản, mình cũng là cộng sản, tại sao thằng người viết văn lại đi lạy lục thằng người ở Bộ Văn hóa để xin một căn buồng, tại sao người cộng sản này lại đi van xin người cộng sản có chức quyền kia “bố thí” cho mình dăm mét đất. Thế thì tình hữu ái giai cấp nằm ở đâu? Thế thì khí tiết người cộng sản “uy vũ bất năng khuất, bần tiện bất năng di” có còn nữa không? Sẵn tay nghề, tôi vào phía Nam thành làm báo, hai năm sau tôi mang tiền về xây nhà, không phải quy lụy bất cứ người có chức có quyền nào và bây giờ ngồi trước bàn viết cứ việc nghĩ sao viết vậy, như cái hồi mới ra Hải Phòng viết thư về Cửa Ông “con đi xa con nhớ bố mẹ lắm nhưng ở đây vui con lại quên ngay”.

Khoảng cách giữa các bức thư ban đầu đến cuốn sách mỏng tang đầu tay là hai mươi năm nhưng vẫn là những trang “nghĩ sao viết vậy” hồn nhiên của một thanh niên mới bước vào nghề. Mỗi lần đọc bản

thảo của các em trong Câu lạc bộ Văn học Trẻ Hà Nội tôi thường tâm sự với các cô, các cậu ấy rằng: Những chuyện ngắn đầu tay của các em hơn hẳn tập truyện ngắn đầu tay của mình hồi trước. Như thế là ngay từ khi bút khỏi vạch xuất phát, các em đã rải nhịp chân dài hơn nhịp chân của mình. Đời văn lại là một cuộc chạy đường dài, đích lúc nào cũng ở trước mặt. Vất vả đến mấy các em cũng đừng bỏ cuộc.

Cuốn sách mỏng tang ấy thu hút sự quan tâm của biên tập viên nhà xuất bản có lẽ do cái nhìn hóm hỉnh của người viết về nhân tình, thế thái. Tiếng cười lúc ấy đang là của hiếm trên văn đàn. Tạo điều kiện thuận lợi cho cuốn sách nhỏ ấy vào đời, nhà xuất bản đã giúp tôi đẩy nhẹ mép cổng cho cánh cổng hé mở mà thò đầu vào ngó nghiêng làng văn xa lạ rồi lẳng lẳng bước trên đoạn đường mình tự mở lối. Chỉ một năm sau, cuốn tiểu thuyết đầu tay *Sắp cưới* đã ra mắt bạn đọc. Lần này tôi được cầm trên tay cuốn sách dày dặn có gáy hằn hoi như tôi hằng mong ước. Bạn đọc dần dần làm quen với cái tên lạ hoắc trên văn đàn và tìm được lời tâm sự trong từng trang viết, chấp nhận cuộc đồng hành với tôi trên chặng đường gập ghềnh, khúc khuỷu.

Một năm sau khi cuốn truyện đầu tay được cấp giấy thông hành bước vào đời, tôi đến nhà in Tương Lai ở phố Huế (Hà Nội) in thiếp cưới. Đến lúc làm hóa đơn, ông Tương Lai bỗng ngẩng phắt lên: Ông (ồ, ông chủ nhà in lại gọi thẳng nhóc hai mươi sáu tuổi này là ông), tôi không ngờ Vũ Bảo lại là ông, chúng tôi rất hân hạnh gặp lại ông. Không ngờ ông lại quá bộ đến thăm nhà in chúng tôi. Năm ngoái nhà in chúng tôi hân hạnh in tập truyện ngắn *Làm giời* của ông. Ông vui lòng cho phép nhà in chúng tôi góp phần nhỏ bé của mình vào ngày vui của ông bằng những tấm thiếp này.

Tôi nhất định đòi được trả tiền. Ông Tương Lai cứ nhất định không nhận. Đến ngày nhận thiếp, tôi đem bọc thiếp mời còn thơm mùi mực về nhà, tháo dây tết nơ, gỡ tờ giấy bọc hàng ra xem. Ông Tương Lai đã in cho tôi 100 thiếp hồng theo đúng đơn đặt hàng và còn in thêm 100 thiếp hồng hình chữ nhật theo đúng một Hà Nội hồi mới được giải phóng.

Hồi ấy ông chủ nhà in đúng “phom” thành phần tư sản lại quý mến người viết văn đến thế. Còn bây giờ, các nhà thơ “ba triệu” (bỏ ra ba triệu để in tập thơ biểu không của mình) có đến gặp ông giám đốc nhà in thành phần công nhân chắc chắn sẽ được ông ấy tính theo giá làm thêm giờ.

Tám năm sau, các cơ quan ở Hà Nội khẩn trương sơ tán khỏi nội thành để phòng máy bay Mỹ bắn phá. Trong lúc dọn dẹp thư viện cơ quan, tiến sĩ Nguyễn Đức Hân nhặt được một cuốn *Làm giời*. Anh gửi lại cho tôi và căn dặn: Nó mỏng như thế nhưng là đứa con đầu lòng. Không có nó mở đường, anh cũng khó có *Sắp cưới*, *Phá đám*.

Tôi cất cuốn sách mỏng tang ấy vào tủ. Sau này tôi phải lấy cuốn sách ấy cho Đài Truyền hình quay phim nhưng tìm mãi không thấy. Gần đây, nhân tiện sắp xếp lại tủ sách, trong lúc quét dọn, tôi thấy cuốn sách mỏng tang nằm kín đáo áp mặt xuống ngăn đựng sách. Các cuốn sách đàn anh đã giẫm lên

đầu, lên cổ nó, không biết rằng nó sinh trước các cuốn sách có gáy dày dặn với cái tên nhăm nhăm “dọa” thiên hạ: *Làm giời*.

Hai mươi

Chúng tôi chuẩn bị tiến hành đợt năm cải cách ruộng đất - đợt cải cách ruộng đất cuối cùng. Cánh lính tráng càng mong sớm kết thúc cải cách ruộng đất còn trở về đơn vị. Cánh dân chính đi lâu ngày cũng mệt mỏi cố làm nốt đợt này rồi “em viên”. Riêng tôi, máu mê văn chương của một chàng trai điếc không sợ súng, quyết viết bằng được một tiểu thuyết về cải cách ruộng đất trên tài *Bếp đở lửa* của Nguyễn Văn Bổng và *Chuyện anh Lục* của Nguyễn Huy Tưởng chỉ đứng ở vành ngoài mà nhìn vào không thể nắm được chiều sâu nhân vật như tôi lẻo đẻo theo các đội cải cách hết đợt này sang đợt khác. Ông Thép Mới, một người viết hay dùng những từ kêu choang choang, đã viết bài ra quân vào Chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến để nâng cao tầm quan trọng của đợt năm này: Chiến dịch Điện Biên Phủ chống đế quốc đã đánh dấu chấm hết cho cuộc kháng chiến chín năm, còn Chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến sẽ đánh dấu chấm hết cho giai cấp địa chủ trên toàn miền Bắc, dọn đường cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tôi luôn luôn sống trong tâm trạng vừa thấp thỏm vừa phấn khởi. Một vị lãnh đạo cao cấp có nói: đời thanh niên ít nhất phải qua một trong ba trường đại học của Cách mạng là Quân đội Nhân dân, Thanh niên Xung phong và Cải cách Ruộng đất. May mắn thay, tôi lại được qua cả ba trường đại học. Nếu tình hình gia đình cứ yên ắng như thế này, tôi sẽ làm nổi đình đám bằng một tiểu thuyết về cuộc cách mạng chống phong kiến ở nông thôn. Nếu chẳng may, cốt cán ở địa phương báo cáo ra Đoàn ủy tôi đã lén về thăm bà ngoại là địa chủ thì bao nhiêu mộng ước của tôi sẽ tan thành mây khói.

Đạo quân chống phong kiến - các đội cải cách ruộng đất ở đồng bằng Liên khu III về họp tổng kết đợt bốn ở thị xã Phủ Lý, bây giờ đang được bổ sung một lực lượng lớn sĩ quan quân đội, các cán bộ được chọn lọc kỹ trong cơ quan dân chính đảng về phát động quần chúng ở Hữu ngạn và Tả ngạn sông Hồng. Anh chị em cán bộ đội cải cách ruộng đất đang học tập chính sách, chờ ngày lên đường.

Một đêm, cậu liên lạc ở Đoàn ủy sang tìm tôi, mời tôi sang gặp đồng chí bí thư Đoàn ủy. Tôi giật mình. Trong những ngày sắp ra quân, một số anh chị em bị cốt cán địa phương báo cáo lên Đoàn ủy là có liên quan đến địa chủ lần lượt bị gọi về. Tôi nhớ đến một câu thường gắn trên cánh cổng nghĩa địa Tây “hôm nay tôi, ngày mai anh”, đêm nay đến lượt mình rồi. Tôi nhanh chóng tự đặt ra nhiều câu hỏi rồi tự trả lời trong cuộc gặp gỡ lạnh lùng ít dữ dội này. Bị đuổi về, quả là ê cái mặt thật nhưng trở về Khu đoàn lại gặp những cán bộ lãnh đạo cũ, các anh ấy hiểu mình, chẳng nỡ “đẩy” mình đến những nơi “đất dữ”. Chỉ tiếc là cuốn tiểu thuyết bị chết từ trong trứng. Thế thôi! Thì mình đành nhắm mắt đưa chân, cuộc đời muốn ra sao thì ra. Bắt tay làm lại từ đầu thì không bao giờ muộn cả.

Tôi bước vào phòng làm việc của đồng chí Bí thư Đoàn ủy với tư thế của một người đến nghe bản tuyên án chung thân. Không ngờ sự việc lại diễn ra ngược lại. Bí thư Đoàn ủy yêu cầu tôi làm trưởng

phòng tuyên huấn đợt này. Tôi thở một hơi dài nhẹ nhõm cả người, chuyện tôi về thăm bà ngoại vẫn chưa ai biết nhưng khoác cái thưởng ấy lên người thì chẳng còn thì giờ đâu mà viết với lách. Tôi phải xin từ chối nhiệm vụ nặng nề đó vì người viết phải đi nhiều, không thể bỏ nhiệm sở lâu được. Bí thư Đoàn ủy giải thích một cách rất thoải mái: Nếu lúc nào cần đi lấy tài liệu, anh cứ đi. Làm tuyên huấn cứ ngồi một chỗ cũng “cùn” dần đi chứ. Tôi phải viện cớ thuộc loại “thả cỏ” lâu ngày nó quen nếp rồi, nay làm tuyên huấn phải sống trong khuôn phép, tôi sợ không hoàn thành nhiệm vụ. Bí thư Đoàn ủy cười: Anh nói có người nghe, anh viết có người đọc anh làm tuyên huấn là phải rồi.

Một quyết định chỉ có điều 1 (chức vụ) nhưng lại là quyết định mồm, không có điều 2 (lương và các khoản phụ cấp chức vụ) vì hồi ấy hàng tháng cán bộ được lĩnh sinh hoạt phí bằng gạo. Tôi nói với bạn bè: Lôi đến cái thang tao ra làm tuyên huấn thì coi như ao cạn hết bèo đến đất rồi.

Khi nhận nhiệm vụ tôi không nghĩ đến công việc đôi ngoại: mỗi khi có một đoàn nhà báo hay một đoàn văn nghệ sĩ về làm việc ở Đoàn ủy, văn phòng Đoàn ủy lại bật tường xuống chỗ tôi. Xưởng phim ở trên trung ương về quay phim, văn phòng lại đưa sang chỗ tôi. Được cái tôi đã có một đầu sách mỏng tang rồi nên khách khứa đến cũng không đến nỗi ngỡ ngàng vào chuyện ngay được.

Tôi gặp Mạc Lân trong thời kỳ đó.

Lúc mới gặp, qua giấy giới thiệu, tôi chỉ biết Mạc Lân là phóng viên báo Tiền Phong xuống địa bàn cải cách ruộng đất miền Nam Nam Định viết về phong trào thanh niên trong cải cách ruộng đất. Dần dần về sau, tôi mới biết thêm Mạc Lân là con trai nhà văn Lê Văn Trương, một tác giả tôi say mê và khâm phục. Tập truyện *Con chó hai đầu* in trong tủ sách Truyền Bá chính Mạc Lân viết, ông Vũ Đình Long, chủ nhà xuất bản Tân Dân chỉ tính nhuận bút có 15 đồng - bằng giá 10 tạ gạo hồi Pháp thuộc. Nhà văn Lê Văn Trương hỏi Mạc Lân: Mày thích tiền hay thích tiếng? Mạc Lân trả lời: Con thích tiền. Nhà văn Lê Văn Trương chỉ viết thêm ba chữ Lê Văn Trương vào bìa bản thảo, ông Vũ Đình Long đã mạnh chi 30 đồng. Lúc bấy giờ Mạc Lân mới hiểu cái giá của bố mình. Chỉ thêm có ba chữ, nhuận bút tăng thêm 15 đồng - ngang giá 10 tạ gạo, bằng một gia đình nông dân thu hoạch một mẫu ruộng chiêm. Sau ngày Toàn quốc Kháng chiến, hai bố con cùng gia nhập quân đội. Năm 1951, nhà văn Lê Văn Trương đem hai người con trai di cư vào Nam, còn Mạc Lân và một em trai, một em gái ở lại miền Bắc. Bị kịch nhà văn Lê Văn Trương bắt đầu từ đây: chính quyền Ngô Đình Diệm không tin gia đình nhà văn Lê Văn Trương vì ba người con ông theo chế độ cộng sản, còn chính quyền dân chủ nhân dân còn e ngại ba người con nhà văn Lê Văn Trương vì có bố và hai em đang sống dưới chế độ Ngô Đình Diệm.

Tuy mới biết nhau nhưng tôi phục Mạc Lân vô cùng. Anh đã tham gia Việt Minh trước ngày Tổng Khởi nghĩa, cùng một phân đội Tự vệ Cứu quốc vây bắt Võ Văn Cầm, lãnh tụ Việt Nam Ái quốc Đoàn. Sau ngày giặc Pháp gây chiến ở Nam Bộ, Mạc Lân tham gia đoàn quân Nam Tiến. Bị thương ở mặt

trận Phan Rang, anh được về Hà Nội điều trị. Ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, anh tham gia chiến đấu ở mặt trận Liên khu III (Hà Nội). Tôi cũng là một thằng có máu giang hồ nhưng mới chỉ được “giang hồ” đến Thanh Hóa, Nghệ An. Chặng đường giang hồ của Mạc Lân dài hơn chặng đường giang hồ của tôi gần 100 kilômét nữa.

Lân là người thẳng tính, không bao giờ chịu uốn mình cho vừa lòng cấp trên. Anh không thuộc loại khéo rút ngắn đòn sóng của cấp trên, nói đúng giọng của cấp trên. Cái gì tốt, anh bảo là tốt, cái gì xấu, anh bảo là xấu. Tự thân anh kiểm nghiệm rồi đánh giá tốt xấu, không tùy thuộc vào sự đánh giá của người có chức, có quyền. Những người như thế, tôi rất dễ kết bạn. Trước hết là anh không đem bạn của mình đi bán rẻ cho bất cứ ai hòng đánh đổi lấy một bậc lương, một căn nhà hay một chuyến đi nước ngoài, sau nữa việc gì anh thấy là đúng, người nào anh thấy là tốt, anh bảo vệ đến cùng. Thời buổi này tìm được một người tốt với bạn như anh không dễ dàng gì. Anh không thuộc loại ngậm miệng ăn tiền, làm ngơ trước người bạn bị oan khuất hay vội vã phủi tay khi bạn mình gặp lâm nguy. Mọi suy nghĩ của anh rồi cuối cùng cũng lộ ra mồm, mà cái nạn “họa tự ngôn xuất” trong đời anh không phải không có, nhưng với anh “Thế là xong”, anh không phải giấu những suy nghĩ của mình về thời cuộc, anh nói thẳng với người có trách nhiệm cho vội đi những trần trở trong đầu.

Ngay trong buổi gặp gỡ đầu, anh với danh nghĩa là cán bộ Đoàn hỏi tôi là một cán bộ Đoàn về báo Đoàn - báo Tiền Phong. Tôi trả lời ngay: Đoàn thanh niên có hai tờ báo - tờ Sức Trẻ và tờ Tiền Phong. Bọn cán bộ Đoàn chúng mình thường gọi tờ Sức Trẻ là Hết Sức Trẻ và tờ Tiền Phong là tờ Tiền Tong. Anh chị em không thích đọc báo Đoàn vì báo Đoàn viết cứ như báo Nhân Dân, cố biến thành báo Nhân Dân con, chúng mình đọc no báo Nhân Dân rồi, hà tất còn đọc báo Đoàn làm gì nữa. Các anh viết khô như ngói, đã thế lại còn viết theo kiểu “nói lấy được” (tôi với tờ báo Đoàn, liếc mắt qua những chỗ đánh dấu bằng bút chì màu, đưa cho Mạc Lân rồi nói tiếp) Một thanh niên gánh 1720 gánh nước chống hạn ở sông trong 20 ngày, cứu được 2 sào ngô, 5 sào khoai. Tôi tính cho anh xem, cứ cho ruộng ở cách bờ sông 1 kilômét, cứ gọi là chạy như ngựa mỗi giờ cũng chỉ được 3 gánh nước, một ngày 24 giờ không ăn không ngủ mới gánh được 72 gánh, 20 ngày gánh được 1.440 gánh. Còn thiếu 280 gánh nước nữa. Chúng tôi tin làm sao được.

Tôi mới nói đến thế, Mạc Lân đã đi vòng qua đầu bàn, chạy sang bắt tay tôi thật chặt: Cảm ơn anh đã góp ý kiến chân tình cho báo Đoàn như thế. Tôi đã gặp nhiều cán bộ Đoàn nhưng chưa thấy cán bộ tuyên huấn nào nói thẳng như anh.

Sau một chuyến đi ngắn ngày xuống cơ sở, Mạc Lân trở về phòng tuyên huấn gặp tôi. Chờ lúc chỉ còn hai người trong phòng, Mạc Lân nói: Tôi mới xuống được ít ngày, không thể hiểu tình hình địa phương bằng các anh được nhưng chỉ dám nghĩ thế nào nói thế ấy thôi. Tôi đi đến xã nào, đội cải cách ruộng đất của các anh cũng phát hiện được bọn Quốc Dân Đảng nắm giữ các chức vụ bí thư chi bộ

trong Đảng và chủ tịch trong chính quyền. Chẳng lẽ lực lượng Quốc Dân Đảng mạnh đến thế hay sao? Bị bọn Quốc Dân Đảng nắm giữ các chức vụ quan trọng, tại sao nhân dân vùng Nam Định vẫn kháng chiến thắng lợi? Tôi nói với Mạc Lân: Vấn đề anh vừa đặt ra cũng là vấn đề chúng tôi đang nghiên cứu mà chưa tìm được lời giải đáp. Anh làm báo, anh về đây, thấy gì anh cứ biết vậy thôi, anh đến nơi khác, anh nhận định tình hình như thế, trước mặt anh họ sẽ không nói gì nhưng sau lưng, họ sẽ báo cáo về tòa soạn là gay cho anh đấy.

Ít lâu sau, Trung ương Đảng phát hiện những sai lầm trong cải cách ruộng đất, tôi không thấy chuyện đó là đột ngột mà chỉ coi là việc gì phải đến, đã đến.

Ông bà ngoại tôi bị quy oan lên địa chủ, ở bên quê nội chú Quỳnh, chú Mân - hai ông Việt Minh bóng tối bị quy oan là Quốc Dân Đảng, bị khai trừ khỏi Đảng Lao động và bị bắt giam, bác Bốn, sĩ quan quân báo cũng bị “lên đĩa” vì tham gia Quốc Dân Đảng, đến chú Bùn - em thứ ba của bố tôi suốt năm năm giặc Pháp chiếm đóng Thái Bình, bắt giặc đóng ngay ở đầu làng nhưng chú vẫn bám sát cơ sở, vận động nhân dân cất giấu cán bộ, bây giờ cũng bị quy oan Quốc Dân Đảng. Họ Phạm coi như tan tác: người được “thăng cấp” địa chủ, người được “tấn phong cường hào gian ác”, người được “đề bạt” vượt cấp lên “phú nông”... Ông nội tôi thường nói: Cháy thành vạ lây đến cả con cá ở dưới ao. Bố tôi dặn đi dặn lại dù có nhớ bác, nhớ cô, nhớ chú đến mấy cũng chỉ để bụng, đừng có đại về quê. Trâu lấm vấy càn, mình làm sao tránh được.

Khi tai họa đã rơi trúng đầu mình, không ai biết cái tai họa ấy bằng chính mình. Tôi biết nhưng cố giấu, không dám cho ai biết cái “vạ” ấy đang rơi vào nhà mình. Bố thường dạy tôi: Sống giữa hai làn đạn, không nên cầm cờ đỏ, nhảy lên thành chiến hào, hát *Quốc tế ca*, nó chỉ “độp” một cái là xong. Sấm Trạng khuyên: khôn cũng chết, dại cũng chết, biết là sống. Đỗ Xuân Nùng, bạn rất thân của anh tôi, một lần đi họp Đoàn ủy, nghe một “đồng chí bạn” phán: Phát động quần chúng mà chưa tìm ra địa chủ lọt lưới, chỉ là phát động giả. Theo kinh nghiệm ở nước chúng tôi, địa chủ thường chiếm 5% trong tổng số hộ dân trong thôn. Nơi nào cán bộ về phát động quần chúng không lên, không dám vạch mặt bọn địa chủ lọt lưới, theo kinh nghiệm ở nước tôi là do bọn Quốc Dân Đảng nằm trong bộ máy tổ chức cũ đang không chế cốt cán của ta. Vì vậy trước khi chuyển bước, chúng ta phải phát hiện bọn Quốc Dân Đảng đang chui sâu, leo cao trong bộ máy tổ chức cũ. Là một cán bộ trẻ, sắc sảo, Đỗ Xuân Nùng chờ đến lúc “đồng chí bạn” đã ra về, mới phản đối khéo: Ý kiến của “đồng chí bạn” chỉ là ý kiến tham khảo. Chúng ta có bản quy định thành phần giai cấp ở nông thôn rồi, chúng ta cứ bản hướng dẫn đó mà làm. Một cán bộ cấp trên cũng dự buổi họp đó bèn đứng lên, vỗ mạnh bàn tay xuống mặt bàn: Mỗi ý kiến của “đồng chí bạn” là ý kiến chỉ đạo, chúng ta phải có nhiệm vụ chấp hành nghiêm chỉnh. Trong trận tổng công kích của chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến, mỗi cán bộ chỉ được bàn vào, không được phép bàn ra, làm ảnh hưởng xấu đến tinh thần quyết chiến, quyết thắng của bản cố nông.

Thế là Đỗ Xuân Nùng đã gánh chịu một cái “án” không tuyên bố. Cái án chung thân ấy cứ được bàn giao từ phòng tổ chức này sang phòng tổ chức khác, cái án chung thân ấy cứ đeo đẳng suốt một đời người cán bộ trẻ. Khi trở lại quân đội, Đỗ Xuân Nùng được phong cấp thượng úy “ba sao, một vạch”. Anh chỉ huy một tiểu đoàn pháo cao xạ đánh máy bay Mỹ hết Trường Sơn Đông sang Trường Sơn Tây rồi được rút lên Quân khu làm tuyên huấn. Cho đến trước ngày về hưu, trên ve áo và trên vai áo anh, tám cấp hiệu “ba sao, một vạch” vẫn là “một vạch, ba sao”, có khác chăng là chỉ khác miếng tiết, không còn đỏ tươi như khi đi chiến đấu nữa mà đã bạc màu.

Bản thân tôi, trong những lần đi dự các buổi thi hành án, tôi thấy những tên “đầu sỏ Quốc Dân Đảng” lúc thì hô to “Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”, lúc thì hét lớn “Anh cả Trường Chinh muôn năm”, lúc thì giằng bằng được miếng giẻ nhét trong miệng ra mà hô “Hồ Chủ tịch muôn năm”. Đêm về tôi cứ trăn trở với câu hỏi: Tại sao bọn đầu sỏ Quốc Dân Đảng lại kính yêu Đảng Cộng Sản Đông Dương, kính yêu Hồ Chủ tịch, kính yêu đồng chí Tổng bí thư Trường Chinh đến thế.

Tôi thường được lên Hà Nội họp ở cơ quan tuyên huấn ủy ban cải cách ruộng đất trung ương nên được nghe bè bạn rỉ tai cho biết Trung ương Đảng đang cử nhiều đoàn xuống các xã đã tiến hành cải cách ruộng đất thăm tra lại tình hình vì đến lúc ấy đã có hàng nghìn lá đơn của các gia đình có công với cách mạng, gia đình các lão thành cách mạng ở vùng Xô Viết Nghệ An trước kia, các gia đình kháng chiến bị quy oan gửi lên Trung ương Đảng.

Rồi một đêm tôi không ngủ được, đồng chí bí thư Đoàn ủy sang tìm tôi. Tôi châm bắc ngọn đèn bão. Anh vừa đưa cho tôi lá thư vừa buồn rầu nói: Hệ đọc đi. Tôi vuốt lá thư ngay ngắn, đưa sát vào ánh đèn. Những dòng chữ học sinh nguệch ngoạc đập ngay vào mắt tôi: Kính gửi Bác Hồ. Nếu Bác còn thương cháu, Bác hãy làm phúc cứu gia đình cháu với. Tiếp đến em bé kể về nỗi oan ức của gia đình mình. Bên lề thư của em bé là dòng chữ “Đoàn ủy cải cách ruộng đất Nam Định kiểm tra lại tình hình và báo cáo ngay lên Phủ Chủ tịch”.

Thì ra tôi chỉ là một nhà báo đã đánh quên mất một nửa sự thật. Đọc xong thư em bé, mắt tôi nhìn cái gì cũng nhòe ra. Còn một nửa sự thật khác đầm máu và nước mắt trên địa bàn của chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến được nhúng vào khay thuốc hiện hình, bây giờ mới rõ dần.

Báo chí không đưa tin thắng lợi cải cách ruộng đất nữa. Cụm từ “chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến” tự dưng biến mất. Những người cầm bút không dám cả gan ghép một chiến dịch lịch sử tiêu diệt 16.000 quân địch vào một cuộc “tay phải cầm dao chém vào tay trái”.

Cải cách ruộng đất đợt năm đã để lại vô vàn chuyện rắc rối không tài nào giải quyết được trong ngày một ngày hai. Nhân dân ngong ngóng trông chờ “đội công bằng” về tiến hành sửa sai nhằm đưa tình hình nông thôn sớm trở lại thế ổn định. Lần đầu tiên trong lịch sử báo chí Việt Nam, cụm từ “sửa sai” xuất hiện.

Tòa soạn chúng tôi đóng gói các loại tài liệu lại rồi gửi về Văn phòng Đoàn ủy. Nguyễn Đức Chiêm, Hoài Nam - hai chiến sĩ Côn Đảo, Nguyễn Văn Tâm - ông trưởng Ty Thông tin và là người anh cả của phòng tuyên huấn, Lê Hà - chánh văn phòng đoàn ủy bị phát hiện là con địa chủ, xin “tị nạn” sang phòng tuyên huấn để khỏi bị đuổi về địa phương, Đỗ Hữu Lợi, Nguyễn Văn Phú, Mai Văn Ngoạn, Nguyễn Dũng và tôi xúm nhau vào làm bữa ăn chia tay. Một lúc sau Đào Xuân Tôn mới về. Anh chàng đào hoa này còn chạy lên Ty Văn hóa chia tay với cô thư viện. Anh vừa thanh minh sự chậm trễ của mình, tôi đã xua tay ra hiệu anh không nên nói những điều anh em đã biết cả rồi. Bữa ăn buồn trong cái buồn chung của một đợt cải cách ruộng đất vừa phát hiện sai lầm.

Trước khi chia tay, Đào Xuân Tôn đứng lên hát bài *Biệt ly* của Doãn Mẫn - một bài hát thuộc dòng nhạc vàng đang bị cấm kỵ trong thời kỳ ấy. Chúng tôi lẩm nhẩm hát theo. Thì ra anh nào cũng thuộc nhưng lâu nay không dám hát, sợ mất lập trường giai cấp, sợ sai quan điểm nghệ thuật vô sản. Tự dung bài *Biệt ly* thành bài hát đồng ca. Mỗi người một tâm trạng nhưng tôi chắc Đào Xuân Tôn hát bài *Biệt ly* rồi nhờ gió chuyển niềm tâm sự anh chôn chặt đáy lòng cho cô thư viện ở Ty Văn hóa. Tôi nhìn từng anh em một. Nửa năm trời chung sống dưới một mái nhà, chúng tôi không làm một việc gì để sau này mới hối hận. Hôm nay chia tay nhau, mỗi người về một phương trời, không biết đến ngày nào mới gặp lại nhau.

Văn phòng Đoàn ủy cử người sang báo xe ô tô chở phòng tuyên huấn đang sẵn sàng lăn bánh. Tôi đứng ở cửa xe, bắt tay từng người một. Con bão táp cách mạng cuốn chúng tôi - những người con của bốn phương tụ lại và lại một cơn bão táp khác văng chúng tôi trên đường gió bụi.

Thấy tôi đứng mãi dưới đất, Đào Xuân Tôn nhaoi người ra khỏi cửa xe, gọi giật tôi: Hệ, lên xe đi chứ, hay định bắt chước thuyền trưởng tiền anh em thủy thủ xuống xuống cứu nạn rồi một mình ở lại chết theo con tàu đang chìm.

Tôi lắc đầu, vẫy tay tiễn các đồng nghiệp của mình lên đường. Đâu còn những buổi tiễn đưa lưu luyến giữa cán bộ đội cải cách ruộng đất và nhân dân vùng vừa tiến hành cải cách ruộng đất.

Không một lời tiễn đưa.

Không một lời níu kéo.

Không một lời mời chúng tôi trở lại.

Tôi đứng một mình giữa sân vắng lặng, suy ngẫm về cuộc đời mình...

... Tôi sinh năm 1931, năm thoái trào cách mạng. Cuộc khởi nghĩa Xô Viết Nghệ Tĩnh với khẩu hiệu “đánh đổ trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, tróc tận rễ” bị thực dân Pháp dìm trong biển máu. Cơ sở Đảng trong cả nước bị tan vỡ, Trung ương Đảng thì người bị bắt, người đang lẩn trốn lần tìm đầu mối cơ sở. Năm 1950, tôi bị địch bắt giam ở Nhà tù Phát Diệm nhưng đến nay nhà tù đó còn chưa được Bộ

Lao động - Thương binh - Xã hội công nhận là nhà tù giam những người kháng chiến vì “không có ban liên lạc”. Cái tội không tổ chức ban liên lạc, tỉnh ủy địa phương phải chịu trách nhiệm, sao lại đổ lên đầu chúng tôi? Thời kháng chiến, chúng tôi hoạt động trong vùng tạm chiếm, chẳng may bị giặc Pháp bắt được, tiện nhà tù nào chúng nó tống chúng tôi vào đấy. Chúng tôi làm gì có quyền được chọn nhà tù nào có ban liên lạc mà vào. Hình như Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội cứ tưởng rằng bọn giặc ở nhà tù có ban liên lạc tra tấn dã man hơn nhà tù không có ban liên lạc? Năm 1951, sau khi trốn khỏi nhà tù Phát Diệm, tôi vào đội Thanh niên Xung phong Liên khu III phục vụ Chiến dịch Hà Nam Ninh. Từ Chiến dịch Biên giới, Chiến dịch Trung Du đến Chiến dịch Đường 18, mỗi chiến dịch Chủ tịch Hồ Chí Minh thường có thư khen. Riêng Chiến dịch Hà Nam Ninh, Chủ tịch Hồ Chí Minh không có thư khen gửi bộ đội chủ lực và quân dân Liên khu III, chắc là vì chọi nhau với các binh đoàn của giặc có lô cốt kiên cố bảo vệ và lại được “phi, pháo” yểm trợ tối đa nên quân ta không thể chiến thắng giòn giã như yêu cầu của Bộ Tổng tư lệnh. Đội Thanh niên Xung phong Liên khu III phục vụ chiến dịch Hà Nam Ninh cũng phải buộc số phận của mình vào số phận các đơn vị quân đội tham chiến nên cũng bị Trung ương Đoàn quên luôn. Mãi gần nửa thế kỷ sau, báo chí mới lên tiếng nhắc nhở Trung ương Đoàn đừng vội quên một Đội Thanh niên Xung phong gồm gần 4000 con người đã phục vụ chiến dịch Hà Nam Ninh. Trước những chứng cứ rõ ràng, Trung ương Đoàn ra quyết định công nhận Đội Thanh niên Xung phong công tác Liên khu III. Ngày tổ chức lễ trao tặng Kỷ niệm chương Thanh niên Xung phong chỉ có 27 người dự - người trẻ nhất đã 69 tuổi, 3.973 cán bộ đoàn viên khác khi nhập hộ khẩu dưới âm đành phải khai là dân công hỏa tuyến.

Năm 1956, kết thúc đợt năm cải cách ruộng đất, Đảng đã phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng công khai nhận lỗi với nhân dân, Tổng bí thư Trường Chinh phải lui xuống nhận chức Phó thủ tướng Chính phủ một thời gian. Cuốn sách “có gáy” của tôi định viết về thắng lợi cải cách ruộng đất đành “chết lưu thai”. Sau này, tôi cũng nhăm nhăm viết một cuốn sách “có gáy” khác về thắng lợi của lối làm ăn tập thể trong phong trào hợp tác hóa nhưng cũng lại “chết lưu thai” khi Trung ương Đảng chủ trương “khoán sản phẩm đến từng nhóm, từng người lao động”.

Sau khi chấm cho tôi lá số tử vi, ông nội tôi bảo: Mệnh cháu là lộ bàng thổ - tức là đất ven đường. Người làm ruộng nhăm nhăm phạt con đường lấy đất cấy thêm hàng lúa nhưng người đi đường lại lảng lảng bốc đất vãi vào ven đường cho khỏi mất lối đi. Số cháu là có quý nhân phù trợ.

Đầu tiên tôi cho là ông nội “duy tâm” nên đoán như vậy nhưng càng ngày tôi càng thấy ông tôi nói đúng. Bất cứ trong tình huống gay go đến mấy, thế nào cũng có một “quý nhân” cứu cho thoát khỏi cảnh một bàn thua trông thấy.

Khi tôi bị giặc Pháp bắt đi lao động khổ sai trên núi Mai An Tiêm - nơi người anh hùng Quả Dưa

Đỗ bị vua cha bắt đi đày, một đồng chí huyện ủy viên mật báo vào cho biết: bọn Công an Bắc Phần yêu cầu Tổng bộ tự vệ Phát Diệm chuyển toàn bộ số tù nhân sang cho Công an Bắc Phần thanh lọc, tìm cho ra bằng hết những cán bộ kháng chiến đang còn chui trong cái vỏ tình nghi là người hoạt động. Đồng chí nào có điều kiện trốn được phải trốn ngay. Anh em người trong vùng địch tạm chiếm cố gắng tạo điều kiện bố trí cho những cán bộ được cấp ủy cử vào hoạt động trong vùng địch trốn ngay trước khi địch bàn giao tù nhân.

Anh Vũ Văn Xê đã khoét mạch vữa ở bức tường ngôi nhà vắng chủ địch vẫn dùng làm chỗ điểm danh khi nhận tù nhân đi làm và khi trả tù nhân về trại giam. Trong nhà lại gác một chiếc thuyền nan ghéch hai đầu vào hai quá giang. Trong lúc nhộn nhạo, anh Vũ Văn Xê kiệu tôi chui vào lòng thuyền. Tôi rủ anh cùng đi nhưng anh lắc đầu vì thuyền đã nát, lòng thuyền không thể chứa nổi hai người. Tôi nằm yên trong lòng thuyền. Bọn giặc xách súng ra phố tìm cũng chỉ hoài công.

Theo những chỗ anh Vũ Văn Xê đã chỉ dẫn, tôi rút mấy viên gạch cho đủ chỗ chui ra rồi bơi qua sông Điền Hộ, chạy thẳng một mạch ra đến Ba Hàng - nơi giáp ranh giữa vùng địch và khu du kích Nga Sơn.

Mỗi khi nhớ đến anh Vũ Văn Xê, tôi nghĩ đến một người cộng sản âm thầm nhường con đường sống cho bạn tù. Giữa những ngày đang phải chật vật tìm một con đường sống, anh đã quên mình, nhường cái sống cho đồng đội, biết trước rằng khi tôi đã thoát ra được vùng tự do, trở về đội ngũ, giặc sẽ tra tấn anh để tìm bằng được người đã tiếp tay cho tôi trốn thoát.

Sau này, gặp lại anh, tôi hỏi tại sao anh lại chấp nhận một sự hy sinh lớn lao như thế? Anh chỉ cười: Tôi biết trước thằng địch sẽ đánh tôi cho đến chết nhưng tôi chết mà chú được về với kháng chiến cũng là điều hay. Một đổi một, chúng ta vẫn lãi. Trong lúc vui chuyện, tôi hỏi về công tác xây dựng Đảng ở địa phương, anh lắc đầu: Tôi đã vào Đảng đâu, chú. Tôi là người có đạo, lại là đội trưởng đội kèn của nhà xứ, chủ nhật nào tôi cũng chăm xem lễ, đêm đêm tôi vẫn cầu Chúa, yên bề cuộc đời một con chiên, làm theo lời Chúa: người chớ giết người, người chớ phạm tội tà dâm, người chớ trộm cướp, người chớ nói chứng dối cho kẻ lân cận mình, người chớ tham nhà kẻ lân cận người, cũng đừng tham vợ người hay là vật chi thuộc về kẻ lân cận người. Chắc Đảng cũng dạy chú như thế, hai chúng mình là hai anh em, có cứu nhau cũng là chuyện thường tình.

Chuyện này thôi không nói nữa.

Hai mươi mốt

Theo thông lệ, sau một đợt cải cách ruộng đất, cán bộ đội rút về tổng kết cái đã rồi mới nghỉ phép nhưng đợt năm lần này, cán bộ đội được nghỉ phép bảy ngày rồi mới lên tổng kết. Người có người thân bị quy oan, bị đẩy lên thành phần xấu thì về giải thích chính sách với người thân, góp phần làm ổn định xóm làng. Nhìn chung cán bộ đội sống ở xã suốt gần nửa năm trời, đầu óc luôn căng thẳng về đủ thứ tình hình, lại vấp chuyện phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất làm tinh thần đã mệt mỏi lại càng mệt mỏi, bụng dạ nào nghĩ đến chuyện tổng kết nữa.

Anh em lên xe ô tô đi hết rồi, tôi mới buộc ba lô vào giá đèo hàng, đạp xe đi thẳng đến Đò Mười rồi lên đê về thôn Hồi Thuận thăm gia đình bà Quyến, một gia đình cơ sở kháng chiến.

Vừa rẽ vào ngõ, tôi đã nhìn thấy cây sung toài thân ra khỏi bờ ao, soi mình trên bóng nước rồi. Những ngày giặc đóng đồn quanh đây, tôi vẫn thấy bóng cây sung hiện hình mờ mờ dưới ánh sao làm vật chuẩn rẽ vào nhà ông bà Quyến. Bên cạnh nhà ông bà Quyến là nhà xã ủy Tề, bên cạnh nhà xã ủy Tề lại là nhà ông Đắc, cơ sở của ta. Xã Hồi Thuận nằm sâu trong vùng tạm chiếm, từ khi trốn khỏi nhà tù của giặc, mãi đến bây giờ tôi mới có dịp trở lại.

Tôi vừa bước chân vào đến sân, mọi người trong nhà đã reo ầm lên: Anh Hệ! Bà Quyến, chị Tuy đang ở trong nhà cũng bước vội xuống hè, chạy vội ra sân. Vừa nhìn thấy tôi, bà Quyến nói ngay: Hàng trăm người đã qua đây, đã ở đây mà nay hòa bình rồi, mẹ mới thấy mỗi mình con trở về. Mẹ lo quá, không biết các anh ấy có ai việc gì không? Tôi lắc đầu: Con đi làm báo nên nhờ trời con cũng chẳng việc gì. Còn thầy mẹ và các anh các chị bây giờ thế nào rồi? Bà Quyến khẽ thở dài: Nhà ta bị đội cải cách đẩy lên thành phần địa chủ, nhờ Đảng, nhờ chính phủ, gần đây họ mới hạ nhà ta xuống trung nông. Anh về sớm tí nữa, họ chẳng những không cho anh vào nhà mà chẳng để anh yên. Không thấy anh Tuy, tôi vội hỏi ngay, bà Quyến bảo: Hôm nay huyện ủy mời các đảng viên bị xử trí oan lên nghe cán bộ trung ương về nói chuyện. Mãi không thấy chị Bắc - vợ anh Chỉ, tôi đưa mắt nhìn quanh sân mãi cũng không thấy chị. Anh Phạm Chỉ là con cả ông bà Quyến, trước khi giặc Pháp nhảy dù xuống Kim Sơn, anh Chỉ đi bộ đội. Khi bắt được tôi trong sân ông bà Quyến, bọn giặc cứ tưởng tôi là anh Chỉ, chúng cứ bắt tôi phải nhận là Phạm Chỉ nhưng chúng có biết đâu lúc ấy anh Phạm Chỉ đang bị giặc bắt giam ở Côn Đảo. Chị Tuy định nói câu gì nhưng bà Quyến đã đưa mắt ra hiệu chị đừng nói. Tôi cũng không dám hỏi gặng vì trong chiến tranh thiếu gì những chuyện đau lòng thường rơi vào những gia đình kháng chiến, nhất là chị Bắc lại là một người đàn bà xinh đẹp. Sau này tôi mới biết, đơn vị bộ đội chủ lực báo tin về cho ông bà Quyến anh Chỉ đã mất tích trong một chuyến đi công tác. Chị Bắc lại còn trẻ, ngày ngày bọn sĩ quan thường dẫn lính đi tuần tra qua đây vẫn nhòm ngó chị Bắc. Bà Quyến biết trước chúng không để chị yên. Trong chiến tranh người đàn bà vẫn thường phải gánh thêm một hòn đá nữa

trên vai: đây là cái nhan sắc của mình. Một người ở làng bên thấy chị Bắc cứ ở vậy vô vọng chờ chồng, liền nhờ người quen đếnướm ý chờ bà Quyển trả lời thế nào. Bà Quyển thương con dâu vô cùng. Tự chị phải tự giam tuổi xuân trước con mắt thèm khát của bọn hiếu sắc. Chúng sẽ bày ra mọi chuyện để chiếm đoạt bằng được chị, gia đình ông bà lại đang có án chứa cán bộ cộng sản, chúng thừa sức bắt bất cứ người nào trong nhà lên bót. Bà Quyển hết lời khuyên giải con dâu. Mẹ chồng và nàng dâu vừa khóc vừa bàn một chuyện bất đắc dĩ mới phải làm, suy cho cùng, chị Bắc đành nhắm mắt đi theo một lối thoát duy nhất cho trọn đạo. Chị Bắc lập bàn thờ anh Chi, thắp hương mời anh về, xin phép anh để mình đi bước nữa. Chị xin âm dương: một đồng tiền sấp, một đồng tiền ngửa, anh Chi đã đồng ý. Chị vừa khóc vừa lạy bố mẹ chồng sang làng bên với người chồng mới. Nếu chuyện chỉ có thế, chị Bắc đã sống yên một bề.

Hiệp định Gionevơ về Đông Dương được ký kết, bên ta và quân Pháp tiến hành trao đổi tù binh. Anh Chi có mặt trong chuyến tàu chở tù binh đầu tiên đến vùng biển Sầm Sơn. Anh được phép về thăm gia đình. Một truyền mười, mười truyền trăm, rồi chuyện anh Chi về Hồi Thuần đến tai chị Bắc. Đang đảo sân thóc, chị vút cào, bỏ chạy sang Hồi Thuần, nằm lăn ra giữa sân mà khóc. Chị bắt đền đơn vị đã báo tin sai, chị bắt đền bà Quyển đã đồng ý cho chị đi lấy chồng. Lòng bà Quyển như bị xát muối. Sau những phút bối rối, anh Chi lấy lại bình tĩnh, khuyên chị nên trở về nhà chồng. Thà cứ giữ nguyên một chuyện dở dang, còn hơn lại gây ra hai chuyện dang dở. Một mình anh buồn cũng là đủ, hà tất phải kéo theo bao nhiêu người nữa buồn theo.

Hôm sau anh Chi đeo ba lô về thẳng địa điểm tập kết.

Rời Hồi Thuần, tôi tiếp tục đạp xe về Gia Khánh thăm gia đình Phong ở trong đồng chiêm Hải Nhân. Đây là một xóm nhỏ nằm giữa tay ngai rừng núi màu xám lam. Hồi kháng chiến, mỗi khi đi vào vùng địch tạm chiếm hay đi chiến dịch, tôi vẫn đi xuống Nho Quan rồi rẽ vào Quỳnh Lưu. Tôi đi theo con đường nhỏ chạy men theo chân rừng núi - lúc mới đi cứ tưởng vách núi khép chặt lại chặn mất lối đi nhưng bước thêm bước nào, tôi lại thấy cứ như hai vách núi dẫn ra đến đấy. Bất thần con đường dừng lại trước một cái quèn. Lần đầu tiên đi vào đây, cứ tưởng mình hết lối ra nhưng chịu khó leo một quèn... một quèn... lại một quèn, tôi cứ lẳng lặng đi theo con đường mòn kẹp giữa hai vách núi khoác từng mảng dây kim ngân, cho đến khi thấy trời sáng dần, tôi ngẩng đầu lên nhìn vòm trời lồng lộng. Băng qua một bãi sắn nữa, đã nhìn thấy bờ tre xanh bờ vơ nằm giữa làn nước trắng. Tôi cởi quần áo đội lên đầu rồi bơi vào làng. Nghỉ một đêm ở Hải Nhân, sáng hôm sau, tôi đi theo đoạn đường đá khắp khênh rồi nhanh chóng băng qua đường số 1 sang đất Yên Mô. Lấy một thôn ở khu du kích làm bàn đạp, tôi theo du kích dùi đường vào những thôn còn nằm trong hệ thống đồn bót của giặc. Cứ thế, tôi bơi qua sông Trì Chính vào vùng công giáo Kim Sơn - Phát Diệm.

Ngày tôi mới tới Hải Nhân, Phong mới mười lăm tuổi, sinh hoạt ở đội thiếu nhi. Vì Phong là cô bé

đậm người, mặt bầu bầu nên mỗi khi thôn tổ chức liên hoan, đội thiếu nhi lại phân công Phong đóng vai Xã Xệ còn cô em gầy gò lại vào vai Lý Toét. Tôi dừng chân ở Hải Nhân kỳ nào là đội thiếu nhi lại có thêm “bài tử”. Hai ông bà Giàn cũng mến tôi. Tôi tới cụ ông thường thu xếp công việc ngồi nói chuyện thơ với tôi. Sau này chị Chuyên, chị dâu cả, mới tiết lộ bí mật: Những lúc hai “ông con” ngồi bàn luận thơ Tây, thơ Tàu, Phong thường đứng ngoài hiên nhìn trộm qua khe cửa và mỗi lần tôi đi vào vùng tạm chiếm, cô bé ấy lại đứng ở góc búi nhìn theo cho đến khi bóng tôi khuất sau mỏm đá ở bãi thè lè. Chị Chuyên bảo tôi: Hai cô chú trông đẹp đôi đấy, chú cứ nhờ cơ quan đến nói với ông bà tôi một tiếng, ông bà tôi đồng ý ngay. Tôi lắc đầu: Em không thích những cô thâm thấp như thế. Giá cô ấy cao cao một tí thì hay. Chị Chuyên lại dỗ dành tôi: Bây giờ mới mười lăm thấp như thế chứ lúc mười bảy, mười tám xem, cô ấy không cao sát mang tai chú ấy à. Tôi đã tin là chị Chuyên nói thật, nhưng cho đến tận bây giờ bà lão nhà tôi vẫn thấp hoài như thế.

Hải Nhân lại cùng xã với Bích Động cùng dòng chữ người xưa ghi lại trên vách đá “Nam Thiên đệ nhị động” - tức là chỉ đứng sau Hương Sơn “Nam Thiên đệ nhất động”. Xuôi theo dòng Ngô Giang, du khách có thể đi thăm đền Thái Vi thờ vua Trần. Xuôi mái chèo một thôi nữa là tới hang Luồn, con thuyền chui vào hang, nhẹ nhẹ trôi theo trần đá trên đầu. Có người đã phong cho vùng này cái tên Hạ Long trên cạn. Nhưng tôi còn bụng dạ nào mà đi thăm thắng cảnh nữa.

Chưa bao giờ tôi thấy nhà vắng lạnh thế này. Anh Hòa - anh cả đi học ở Trung Quốc chưa về. Chị Nga - bà chị cả đi học chính sách sửa sai đến bây giờ vẫn chưa về qua nhà. Anh Hiệp - chồng chị Nga vừa ở Côn Đảo trở về, hóa thành anh lính bơ vơ, phải sắm bộ móc lốp và cái bơm đi chữa xe đạp. Cụ Giàn đưa gia đình vào Hải Nhân khai hoang. May là một gia đình công chức không đủ lực hạ cây rừng, phát gianh mở một diện tích đủ để đội đôn lên thành phần địa chủ nhưng tai họa vẫn rơi xuống đầu. Cụ Giàn bị đội cải cách ruộng đất quy là Quốc Dân Đảng. Mọi việc cụ làm theo lòng thành bỗng dưng biến thành tội ác. Cụ là bí thư chi bộ Đảng Lao động Việt Nam thì đội phiên chế sang ngang thành bí thư chi bộ Quốc Dân Đảng. Cụ đi đến từng nhà vận động bà con đừng bán nhà, đừng bán trâu rồi theo Chúa vào Nam thì đội cải cách lại quy tội cụ là xúi giục đồng bào bỏ Cụ Hồ, vào Nam với Mỹ. Cô bé tôi đang nhắm nhắm tìm bị ngã gãy tay, đang bó bột ở Hà Nội. Chỉ còn mỗi cụ bà ở nhà. Cụ nói với tôi: Chưa bao giờ người ngay biến thành kẻ gian như thời đội về. Ngày hôm trước ông ấy còn đi họp Đảng ở trên xã, ngày hôm sau, đội đã dẫn người về bắt đem đi vì cốt cán phát hiện ông tôi là bí thư Quốc Dân Đảng. Quốc Dân Đảng sao mà giỏi thế, toàn rút hết người tốt của đảng Cụ Hồ vào hết đảng của nó.

Gia đình cụ bỏ nhà, bỏ cửa ngoài thị xã Ninh Bình chui vào tận đáy đồng chiêm rồi mà vẫn chưa yên. Giặc Pháp đã vào tận đây càn quét hai lần, những gì bòn nhặt ở Ninh Bình đem về đây thế là mất hết. Còn một chút Đảng tịch thì đội cải cách ruộng đất về lại mất luôn. Hôm nay cụ ông lên xã nghe đại diện của huyện ủy về đọc quyết nghị phục hồi Đảng tịch cho một số đảng viên trong chi bộ.

Lòng nặng như đồ chì, tôi đạp xe lên Hà Nội. Đến gần thị xã Ninh Bình, tôi nghe có người gọi “Phạm Quý”. Phạm Quý là tên trong giấy thông hành “ba vạch vàng” của tôi do Tổng bộ Tự vệ Phát Diệm cấp, tôi đã sử dụng trong thời gian hoạt động trong vùng địch tạm chiếm. Tôi nhảy xuống đường rồi dắt xe quay lại.

Đồng chí bí thư chi bộ Thượng Kiệm.

Tôi kéo anh sang một gốc cây ven đường. Chiến dịch giải phóng vùng Kim Sơn - Phát Diệm, tôi gặp anh trong cuộc họp chuẩn bị chiến trường. Thượng Kiệm là một xã nằm gò đầu lên đường phố Phát Diệm nên lúc chia tay, tôi nắm chặt tay anh: Chúng ta sẽ gặp nhau trong bữa tiệc ăn mừng Phát Diệm giải phóng. Không ngờ chỉ một tháng sau, khi bọn vệ sĩ giải tôi lên Tổng bộ Tự vệ Phát Diệm, tôi đã gặp anh rồi. Nhưng anh còn nằm trong diện “bị tình nghi” nên địch không tổng xuống hầm như chúng tôi mà bắt anh đem hộp đồ nghề đi sửa bàn, sửa tủ cho cơ quan tổng bộ đóng ở tầng trên. Do đó, tôi mới kịp nói nhỏ với anh: “Mình là Phạm Quý, xã Tức Hiêu”. Ngay trưa hôm ấy, anh tiếp tế cho một gói xôi to đùng nên tôi không bị nhịn chay.

Gặp nhau, anh cười nhạt rồi bảo tôi: Số mình có sao hung chiếu vào cung Thiên Di gặp Bạch Hổ. Thời Tây đã bị tù rồi, tù vì hoạt động cộng sản, đến thời cộng sản, mình lại bị chính cộng sản bắt bỏ tù. Mình nghi là trong Trung ương có người của địch cài vào. Tôi vội gạt đi nhưng anh lại nói tiếp: Nếu không thế thì tại sao Trung ương không giao cho chúng mình tiến hành lấy ruộng của địa chủ chia cho bần cố nông, lại đưa đội cải cách về cứ tìm bằng được thằng đảng viên cộng sản mà đánh? Tôi nói với anh: Không có chuyện ấy đâu. Tay phải cầm dao chém nhảm vào tay trái đấy, Trung ương đã nhìn ra sai lầm và kiên quyết sửa. Anh bí thư Thượng Kiệm thở dài: Thời nào trung thần vẫn bị giết oan, bọn gian thần nhảy lên nắm quyền sinh sát. Mình chán lắm rồi, chỉ muốn nghỉ quay về củng cố gia đình. Tôi nắm lấy tay anh: Những lúc lâm nguy như thế này, đảng viên không đứng ra cáng đáng công việc sửa sai thì Trung ương còn biết dựa vào ai? Anh bạn tôi lại thở dài: Năm năm nằm trong vùng địch tạm chiếm, thằng địch càn đi quét lại vẫn không phá vỡ được chi bộ mình, thế mà mấy thằng đội về, chi bộ mình tan thành mây khói.

Tôi thấy nhói nhói trong tim. Chính tôi đã viết những bài “không dựa vào tổ chức cũ”, chính tôi cũng đã từng viết bài ca ngợi đội cải cách ruộng đất về xã đã nhanh chóng phát hiện bọn Quốc Dân Đảng chui vào chi bộ để phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước. Khi nhắm mắt viết những dòng chữ ấy, tôi có ngờ đâu đã xúi giục cán bộ đội thả sức đánh ông bà mình, chú bác mình và cả bạn tù của mình nữa.

Hai mươi hai

Hội nghị tổng kết “cải cách ruộng đất” ở Liên khu III kết thúc, tôi lên phòng tổ chức nhận quyết định về báo Cứu Quốc. Tôi sợ làm báo lắm rồi nhưng so với các anh chị em còn nằm chờ ở Ủy ban Cải cách ruộng đất Liên khu III thì dù sao mình còn có nghề, sống bằng nghề. Các sĩ quan quân đội lần lượt trở về đơn vị cũ. Các cán bộ dân chính cứ “đi từ đâu lại về đúng nơi ấy”. Gay nhất là các cốt cán mới được bổ sung cho các đội, bước đi mắc núi, trở lại vướng sông. Tình hình này cũng giống như mấy ông nông dân được Bộ Nông nghiệp rút lên làm chuyên gia trồng chuối ở nước ngoài. Các ông phải học cầm cùi dĩa, phóng xet, học ăn bánh mì, ăn súp, ăn bơ, học nhảy đầm. Bây giờ hết hợp đồng trở về Bộ, chẳng biết nhét vào đâu. Vụ nào cũng chỉ cần cán bộ nghiên cứu chứ không cần các “thổ kỹ sư” chỉ bảo những vấn đề cụ thể trong canh tác.

Về đến Hà Nội tôi tìm ngay Trung Anh, thằng bạn có bài thơ trong Văn tuyển lớp 7, học sinh cứ thuộc lòng “Đời bọ ngày xưa sống như cua cáy/ Ngẩng đầu lên chẳng thấy mặt trời”. Một cậu giáo ở Thái Bình quê tôi trong cơn cao hứng đã bình giảng hai câu thơ của nhà thơ xứ Nghệ: Không có Đảng, cuộc đời người nông dân khổ như “con bọ”, “con cua”, “con cáy”. Cậu giáo Thái Bình không hề biết dân miền Trung gọi người già là bọ.

Khi tôi mới gặp Trung Anh, cậu ta đã tặng một tập thơ. Thơ in typô cẩn thận. Tôi phục Trung Anh vô cùng, mới hai mươi mấy tuổi đầu đã có sách in. Trung Anh đọc rất khỏe và lại cũng đọc rất nhiều. Chính Trung Anh giảng cho tôi những ABC trong công việc sáng tác. Tôi đọc những vấn đề cơ bản trong lý luận văn học, chỗ nào chỉ hiểu lơ mơ, Trung Anh tận tình giảng giải. Tôi coi Trung Anh là một ông thầy cầm con dao rừng phạt gianh, phạt dây leo, phạt bụi gai mở đường cho tôi tìm đến làng văn. Sau này các hội văn học nghệ thuật chuyên ngành thường mời anh đến nói chuyện về những chính sách cụ thể trong nông nghiệp. Trung Anh thường phê bình tôi thẳng thừng về lối xây dựng nhân vật một chiều. Người tốt thì tốt từ đầu đến cuối truyện, người xấu thì xấu từ khi lộ mặt vào trang sách. Tôi lại hay châm chọc, những khi Trung Anh say sưa thuyết trình, thế nào cũng có chỗ “hở sườn”, tôi chỉ tia nhẹ một phát. Hai đứa thú chí cùng cười nhưng Trung Anh lại nói ngay: Dân Thái Bình hay có lối cười xòa để kết thúc các cuộc tranh luận, không chịu đi đến cùng như người Nghệ An. Tôi nói luôn: Người Nghệ An bao giờ cũng giỏi nên nhân vật trong Tiểu Lâm được người Thái Bình nhớ nhất vẫn là thầy đồ Nghệ. Trung Anh cười: Có gì đâu, các thầy đồ Nghệ thường dạy giỏi, các gia đình ngoài Bắc chỉ thuê các thầy đồ Nghệ về dạy con cái họ. Các thầy đồ Bắc “mất dạy” tức mình bèn viết chuyện Tiểu Lâm trả thù. Nhiều bạn hai đứa cùng về Hà Nội nhưng không gặp nhau, Trung Anh bảo Mạc Lân: Thằng Hệ sợ đấu tranh nên lánh mặt. Tôi liền bảo Mạc Lân: Tao sẵn sàng đấu tranh tư tưởng với thằng Trung Anh nửa tháng ở bất cứ khách sạn nào tùy nó tự chọn và tao ưu tiên nhường phần thanh toán cho dân cá

gỗ. Chuyển sau, hai đứa gặp nhau, Trung Anh dẫn tôi đi ăn món cá bở lò. Ăn xong, Trung Anh hỏi tôi: Cái món “cá gỗ” ấy ăn được đấy chứ? Tôi cười: Vì “cá gỗ” đã bở lò rồi nên cũng ăn được, đỡ phải xin nhà hàng chút nước mắm, ăn nốt chỗ cơm.

Lần này gặp nhau, Trung Anh nói ngay: Trung ương phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, cuộc vận động sáng tác viết về thắng lợi cải cách ruộng đất cũng đổ theo. Trại sáng tác về thắng lợi cải cách ruộng đất cũng không mở nữa. Trại không mở nhưng kinh phí vẫn còn nên Hội Văn nghệ Việt Nam và ủy ban cải cách ruộng đất trung ương đang phối hợp mở trại sáng tác cải cách ruộng đất. Trại đã khai mạc hai ngày hôm nay rồi, không thấy mày về, tao rất lo, không hiểu mày vướng chuyện gì, không rút chân ra mà lên trại được. Tôi ngắt lời Trung Anh: Mình chẳng nhận được giấy triệu tập về trại. Tổ chức đưa cho mình quyết định về báo Cứu Quốc đây này. Khó giấy lắm. Trung Anh bảo: Để tao xem. Tôi đưa tờ quyết định cho Trung Anh.

Quả là ông nội tôi nói đúng: số tôi là có quý nhân phù trợ. Trung Anh gật gà gật gù đưa mắt nhìn dòng chữ viết trên tờ quyết định, từ từ rút bút máy ra viết mấy chữ vào sổ tay rồi đưa cho tôi xem: Có giống chữ của tay tổ chức dưới Khu không? Tôi gật đầu. Trung Anh luyện chữ thêm một lần nữa trên trang sổ tay rồi mới viết vào chỗ trống trên tờ quyết định “và Trại sáng tác cải cách ruộng đất”. May quá, chữ “t” cuối vừa sát mép giấy. Thời ấy, các cơ quan của ta chỉ dùng mỗi loại mực Cửu Long do Nhà máy Văn phòng phẩm Hồng Hà pha chế theo công thức mực Kim Tinh của Trung Quốc nên Trung Anh viết bằng mực Kim Tinh cũng chẳng khác màu mực Cửu Long của ông tổ chức.

Theo chỉ dẫn của Trung Anh, tôi đến khu Nhà Đỏ ở gần bãi chiếu bóng công cộng Yên Phụ - bộ phận thường trực của trại sáng tác đóng ở đó.

Tôi hồi hộp vô cùng. Từ bé đến giờ đã đi trại sáng tác bao giờ đâu. Đã thế, tôi còn đến muộn, tờ giấy đang giữ trong tay lại là giấy giả do Trung Anh viết thêm.

Tôi nín thở, rụt rè gõ cửa. Cánh cửa bật mở. Tôi hết sức bất ngờ khi thấy Phác Văn chạy xô ra ôm choàng lấy tôi: Mày! Sao bây giờ mới về? Tôi lắc đầu: Không nhận được giấy triệu tập. Phác Văn buông tôi ra, kéo vào phòng trong, vừa đi anh vừa nói: Vô lý, chính tay tao viết tên mày vào danh sách, lại chính tay tao đề phong bì kia mà. Tôi móc túi đưa tờ quyết định cho Phác Văn xem. Phác Văn cười hề hề: Về báo Cứu Quốc làm gì vội. Cứ về trại cái đã. Tôi ngần ngại nói với Phác Văn: Tháng này mình lĩnh lương ở Liên khu III rồi, về trại, tháng sau mình lấy gì mà ăn? Hay là cậu cho mình về báo Cứu Quốc nộp quyết định trước đã. Phác Văn khoát tay ra trước mặt: Đừng đại bò về báo cứu Quốc. Cậu cứ về trại. Tao sẽ can thiệp với ủy ban cải cách ruộng đất trung ương trả lương tiếp theo giấy thôi trả lương của mày. Còn công tác sau này thì lĩnh sau. Mày xuất hiện nhiều trên các báo, ai chẳng muốn xin mày về. Thấy tôi nhìn anh bằng đôi mắt đầy nghi ngờ, Phác Văn vỗ nhẹ nhẹ vào ngực: Tao là ủy viên thường trực trong Ban chỉ đạo. Đừng có mà đùa. Bây giờ tao viết cho mày một cái giấy.

Mày xuống Nhật Tân, gấp tay gì... tao quên mất tên rồi, mày đưa cái giấy này cho cậu ta và bảo đã đăng ký ở chỗ anh Phác Văn rồi. Đi luôn đi. Kịp ăn cơm chiều đây.

Nửa tiếng sau, tôi đã làm xong thủ tục nhập trại. Anh em có nhà ở Hà Nội chỉ ở Trại ban ngày, còn buổi tối đạp xe về nhà. Những người đến dự Trại được ăn gấp đôi khẩu phần hàng ngày (double ration) nhưng chỉ phải đóng 6 hào, ủy ban cải cách ruộng đất bù cho 6 hào nữa là 1 đồng 2. Ngày ăn ba bữa, mỗi tuần được phát một gói chè Ba Đình, loại đầu bảng thời đó, một gói bánh bích quy, một gói kẹo và hai vé xem phim ở bãi chiếu bóng công cộng. Có điều thú vị hơn các trại sáng tác của Bộ Văn hóa bây giờ là ngày nào không ăn ở Trại chúng tôi được rút tiền ra muốn dùng vào việc gì thì dùng. Tôi chỉ ở trại mười lăm ngày, còn mười lăm ngày tôi về quê nên suốt ba tháng ở Trại không phải đóng một xu nào, chỉ đạp nửa vào tháng bồi dưỡng là đủ, còn tiền nửa tháng bồi dưỡng nữa coi như “bạc vụn” giắt trong người đi phố gặp bạn bè tiêu pha. Mỗi lần ở trong quê ra, tôi đi lĩnh chè biếu bà cụ chủ nhà, còn bánh đem biếu con trai bà.

Ban thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam giao cho ông Nguyễn Huy Tưởng phụ trách Trại. Ông là nhà văn được tham gia Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam đi thăm Liên Xô. Các nước người ta quý nhà văn lắm, Đoàn đến bất cứ nơi nào trên đất nước họ, các bạn Liên Xô đều giới thiệu nhà văn Nguyễn Huy Tưởng rất trịnh trọng mặc dù họ chưa được đọc tác phẩm nào của nhà văn. Tai hại cho nhà văn vốn là người lịch thiệp, ông thường đứng dậy, cúi đầu chào đáp lễ tiếng vỗ tay dài hồi lâu của các bạn Liên Xô. Rồi Nguyễn Huy Tưởng lại đứng lên cúi đầu chào đáp lễ một lần nữa. Cái chuyện xã giao thông thường ấy cũng bị các cụ nghị khó tính đem về khách sạn mới phê bình Nguyễn Huy Tưởng thích đề cao cá nhân, thiếu tinh thần tập thể. Đoàn đi đến nơi khác, người chủ trì buổi gặp mặt vừa giới thiệu đến nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, các bạn Liên Xô lại tiếp tục vỗ tay dài và lâu hơn cả vị trưởng đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam. Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, con người Hà Nội thanh lịch không dám đứng dậy đáp lễ lần thứ hai nữa. Trong Đoàn còn có một “trịnh trọng viên” đi đến đâu cũng mở đầu bài đítcula của mình bằng một câu tràn đầy tình hữu nghị: Mặc dù ở ngoài kia tuyết rơi nhưng trong phòng này rất ấm - ấm tình hữu nghị Việt - Xô. Cái gì cũng thế, câu nói hay đến mấy, mới nghe lần đầu, người ta thường khen là thông minh, nghe đến lần thứ hai, người ta thấy bình thường, nghe đến lần thứ ba, người ta thấy nhàm chán. Các ông nhà báo Liên Xô đi theo Đoàn vốn cứng lưỡi không phát âm chuẩn tên người Việt Nam - gồm họ, chữ lót và tên - nên cứ gọi cụ nghị “trịnh trọng viên” này là đồng chí “trong rét ngoài ấm”. Một lần Đoàn phải xé lẻ đi thăm hai nơi, không thấy cụ nghị “trịnh trọng viên” kia đâu, phóng viên báo Sự Thật vội hỏi: Thừa đồng chí nhà văn, đồng chí “ngoài rét, trong ấm” đang đứng ở đâu?

Bọn trẻ chúng tôi rất thích nhà văn Nguyễn Huy Tưởng nhưng anh bận công việc Hội, ít khi xuống Trại. Chúng tôi thường rủ nhau đến nhà anh ở phố Lý Thường Kiệt, hỏi anh về kinh nghiệm sáng tác. Nhất là bọn mới vào nghề như chúng tôi được gặp một nhà văn là sung sướng lắm rồi.

Những ngày mới nhập Trại, chúng tôi chỉ nghe các ban của trung ương, các bộ của chính phủ báo cáo tình hình. Không nghe thì tiếc nhưng đi nghe, chúng tôi không thỏa mãn lắm. Những điều mình cần biết, diễn giả không dám nói thật hoặc vì bảo vệ bí mật quốc gia nên chỉ nói lướt qua. Chúng tôi hơi tiếc thì giờ. Nhưng đến buổi nói chuyện của đại tướng Võ Nguyên Giáp dù đã kéo dài trong hai buổi nhưng phải kéo thêm một buổi hôm sau nữa, tôi vẫn còn muốn nghe thêm.

Tôi đến thật sớm, chọn một chỗ sát lối đi ở hàng ghế thứ ba. Ngồi ở đấy, có thể nhìn thẳng vào người anh hùng tôi hằng mến mộ. Trong thời gian chuẩn bị chiến trường cho Chiến dịch Quang Trung, đêm nào tôi cũng mò ra barie trên đường 12 hy vọng được nhìn thấy - dù chỉ được nhìn thoáng qua vị đại tướng đầu tiên của quân đội cách mạng chưa từng theo học một trường võ bị nào nhưng đã đánh cho các tướng của Pháp, từng lập chiến tích trong Đại chiến Thế giới lần thứ hai, phải chạy hàng trăm dặm. Kỳ công đến thế, tôi vẫn không được gặp đại tướng.

Lần này tôi hình dung vị đại tướng sẽ xuất hiện ngay trước mắt trong bộ lễ phục với cảnh tùng vàng trên ve áo, với ngù vai đính những tua kim tuyến lông lánh, với dây huân chương chồng lên nhau bên ngực áo trái.

Nhưng không phải thế...

Tự dung những người ngồi hàng ghế gần cửa đứng dậy cùng với tiếng hô: Hoan hô Võ Đại tướng. Tôi rất ghét lối xưng hô sắc mùi Tàu như thế nhưng cũng vội vã vừa vỗ tay vừa đứng dậy, suýt nữa tôi bị những tiếng “hoan hô Võ Đại tướng” kéo theo. Tôi hô to: Hoan hô Đại tướng Võ Nguyên Giáp!

Không có vàng hào quang như người anh hùng hay đáng cứu thế trong các tấm ảnh thờ, đại tướng mặc bộ quân phục mùa hè đã ngả màu, áo sơ mi bỏ trong quần, vừa đi về phía bục diễn giả, vừa giơ hai tay đáp lễ những người trong hội trường. Từ hôm đi nghe nói chuyện ở hội trường đến giờ, lần đầu tiên tôi thấy những người đến dự dành cho đại tướng một sự đón tiếp khác thường, vượt qua khuôn khổ các nghi lễ thông thường mà không cần một chỉ thị, không cần một lời dặn dò, không cần đến một hiệu lệnh. Trong trái tim hàng trăm con người đứng ở hội trường hôm nay vẫn giữ nguyên hình ảnh người anh hùng Điện Biên trước giờ phút quyết định đã không nghe các thầy Tàu, đã kéo pháo vào trận địa rồi nhưng kiên quyết hạ lệnh “kéo pháo ra”, chuyển sang thế trận đánh lán, tiến sâu vào trận địa địch ở thung lũng Mường Thanh. Và trong chiến dịch Điện Biên Phủ chống phong kiến vừa qua, người anh hùng Điện Biên vẫn kiên trì đấu tranh cho sự thật sáng tỏ, vẫn bình tĩnh chờ đợi một số đồng chí đang say sưa với thành tích giả dần dần nhận ra sai lầm của mình. Mặc dù chịu đựng vô vàn sức ép từ nhiều phía, người anh hùng Điện Biên vẫn kiên quyết bảo vệ các đồng đội của mình, không cho đội cải cách đem cốt cán lên bắt giữ. Trong suốt thời gian đi phát động quần chúng cải cách ruộng đất, nhiều cán bộ lãnh đạo cấp cao đến huấn thị chúng tôi giành chiến thắng trên chiến trường chống phong kiến nhưng chưa có ai được đắm mình trong không khí cuồng nhiệt nhưng lại đậm đà tình thần như với Đại tướng

hôm nay. Những tia lửa dành dùm bao ngày dồn lại trong tim hàng trăm con người bỗng bùng lên rồi bùng lên thành một quang sáng kéo theo những tiếng hô đến vẳng tai khi được nhìn tận mắt người anh hùng của mình. Như người nhạc trưởng, đại tướng giơ tay ra hiệu cho mọi người yên lặng, cả hội trường yên lặng một cách lạ lùng. Tự dưng tôi nghe thấy tiếng quạt trần trên đầu kêu ro ro rồi đến tiếng lật sổ tay loạt soạt.

Đã đầu đông rồi nhưng sắp có đợt gió mùa đông bắc tràn về nên trong hội trường cứ nóng như mùa hè cộng với một cái “nóng” trong lòng người nghe đang chờ đợi người anh hùng Điện Biên nhận định về cuộc cách mạng long trời lở đất vừa qua như thế nào.

Đại tướng không nói vòng vo, không rào trước đón sau, thẳng thắn phân tích từ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng đến phương pháp thực hiện rập khuôn theo nước ngoài, không tính đến những công lao đóng góp của những gia đình đỏ của hiền người cho cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc, không tính đến những hy sinh của những đảng viên bao năm trời bám đất bám dân, không tính đến những cơ sở Đảng chúng ta dày công gây dựng đã từng biến mỗi làng thành một pháo đài, mỗi người dân thành một chiến sĩ, khiến cho thằng giặc đi đến đâu cũng phải gánh chịu những trận đòn quyết liệt.

Hồi đó, hội trường chưa có máy lạnh một cục, hai cục như bây giờ. Hai dãy quạt trần không đủ sức xua hơi nóng ra bên ngoài cho gió mát thổi vào. Đại tướng xin lỗi người nghe, cởi áo sơ mi vắt vào thành ghế rồi mặc nguyên áo cổ vuông màu đất đứng trên bục tiếp tục nói chuyện về những sai lầm trong phương pháp công tác.

Chính nhờ tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật” của buổi nói chuyện kéo dài hôm đó, tôi lại càng tự tin hơn khi ngồi kiểm nghiệm những suy nghĩ của mình trước khi bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết đầu tay.

Vì quá yêu người anh hùng Điện Biên đã đấu tranh đến cùng để vạch trần những sai lầm trong cải cách ruộng đất nên tôi đặt tên một nhân vật trong tiểu thuyết *Sắp cưới* là Văn, bí danh của đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Tôi vào Trại được gần mười ngày rồi chỉ chứng kiến những buổi tranh luận kéo dài về viết sai lầm trong cải cách ruộng đất như thế nào. Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng trót viết *Truyện Anh Lạ* ca ngợi cốt cán cải cách ruộng đất, càng ngại hướng dẫn các buổi thảo luận, do đó ông cứ thả nổi cho “trăm nhà đua tiếng”. Ban thường vụ Hội Văn nghệ Việt Nam và cả các đồng chí lãnh đạo ủy ban cải cách ruộng đất cũng chẳng ai xuống kết luận các buổi thảo luận. Một số trại viên phát biểu ý kiến ở Trại rồi còn gửi bài lên báo Văn Nghệ. Chẳng có một cây bút “vững lập trường” nào dám đứng ra phân tích đúng sai của những bài báo ấy. Trong một lần đi họp ở trên Hội Văn nghệ về qua Hồ Tây, nhà thơ Minh Huệ, tác giả *Đêm nay Bác không ngủ* bảo tôi: Cậu chuyên viết về thắng lợi cải cách ruộng đất, không hề có ý kiến gì về sai lầm trong lúc đó là cậu có tội. Tại cuộc thảo luận về sáng tác trên Hội

Văn nghệ Việt Nam, Nguyễn Khải còn nhieéc móc cánh nhà báo chúng tôi: Cứ đọc báo Cải cách ruộng đất lúc bấy giờ, không ai nghĩ bây giờ chúng ta lại phải sửa sai. Ít lâu sau, tình hình dần dần ổn định, Nguyễn Khải mới quay ngoắt 180 độ, đóng vai người bảo vệ Đảng, kịch liệt phê phán một số nhà văn viết về sai lầm cải cách ruộng đất để đến hơn 40 năm sau, Nguyễn Khải phải có lời xin lỗi với những người đã từng bị ông ta đánh đập.

Cuối cùng những buổi tranh luận ở Trại sáng tác lại đề cập những vấn đề gay gắt hơn: thể hiện cuộc sống hôm nay như thế nào cho đúng, viết thế nào không tô hồng mà cũng không bôi đen hiện thực, thiên chức của nhà văn trước những biến động lịch sử, thế nào là bảo vệ Đảng, có phải không viết về sai lầm của Đảng mới là bảo vệ Đảng, có ý kiến cho rằng trước một đám cháy, trách nhiệm của chúng ta là phải lao vào dập tắt đám cháy cái đã...

Tôi gặp Mạc Lân ở báo Tiền Phong, Mạc Lân lắc đầu: Khi phát hiện cháy nhà, một mặt phải múc nước dập đám cháy, một mặt phải tìm ra đĩa đốt nhà, tra hỏi chúng vì sao chúng đốt nhà để nghiên cứu kế hoạch chống hỏa hoạn. Nếu chỉ chú ý lo dập đám cháy, thằng đốt nhà sẽ vô tang, lần sau chúng sẽ lại đốt nhà lần nữa.

Trên các quầy báo, những bài nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô về tệ chống sùng bái cá nhân Stalin, tình hình biến động ở Ba Lan, ở Hungari, đánh phái hữu ở Trung Quốc... Trong Trại những cuộc tranh luận cứ giữ thế “cò cưa”, hết buổi nọ đến buổi kia, toàn “tranh luận chay”. Ai cũng thấy tô hồng là khuynh hướng không nên theo, bôi đen là khuynh hướng cũng chẳng hay ho gì nhưng chưa có cuốn sách nào viết về những ngày sôi động hôm nay để anh em đánh giá nó thuộc phái bôi đen hay phái tô hồng. Trần Dần, Lê Đạt cũng dự trại. Sau này những người có trách nhiệm lại quy tội cho Trần Dần lũng đoạn Trại sáng tác cải cách ruộng đất theo kiểu “phát hiện địch” trong cải cách ruộng đất: xóm của bí thư chi bộ có đám cháy do nông dân bất cẩn gây ra thì đội cũng quy ngay là chi bộ là thủ mưu. Thực ra các cán bộ cải cách ruộng đất trong Trại không đủ lý luận tranh cãi với Trần Dần nhưng anh em vẫn giữ độc lập suy nghĩ khi cầm bút. Chứng cứ rõ ràng nhất trong Trại không có cán bộ cải cách ruộng đất viết cho báo Nhân Văn. Người nào cũng muốn tự khẳng định bằng chính tác phẩm của mình, không muốn nhờ hơi báo Nhân Văn công kênh.

Tôi lấy giấy giới thiệu của ủy ban cải cách ruộng đất trung ương về các tỉnh ủy, xuống một số xã đang tiến hành sửa sai để đánh giá đúng tình hình, để nghiên cứu lại các mẫu nhân vật trước kia bị xếp là “phản phái”, bây giờ nghiễm nhiên trở thành “chính phái”. Điều quan trọng hơn cả, trong chuyến đi, tôi tìm cho ra vì sao cái sai kéo dài ấy một thời gian được công nhận là cái đúng. Vì sao những người trung thực không dám nói sự thật để đến nỗi cái sai hoành hành như một chân lý không ai dám bác bỏ.

Sau chuyến đi ấy, tôi về quê. Mẹ tôi mừng lắm, suốt mấy năm trời bà ngoại lên địa chủ, tôi chỉ dám chui lủi về nhà còn bây giờ tôi mang giấy giới thiệu của Tỉnh ủy về làm việc với xã, lúc lên ủy ban,

lúc gặp chi ủy xã. Lần đầu tiên trong đời, tôi đưa cả tháng “sinh hoạt phí” cho mẹ. Mẹ tôi nhờ gánh hàng xén mới kiếm đủ tiền lo thuốc thang cho bố, bà coi như hành động “đền ơn đáp nghĩa” với người có công cứu gia đình ra khỏi bước gian nan. Bố tôi chỉ nói: Rồi nay mai có con chúng mày mới biết bao năm qua tao nhớ chúng mày như thế nào. Lúc nào tao cũng coi chúng mày là những đứa bé, xa bố, xa mẹ, chúng mày thiếu thốn tình cảm. Lúc nào chúng tao cũng nghĩ như thế nhưng chẳng có cách gì giữ chân được chúng mày. Thằng Kế đi học trường Bồ tát Công Nông, thằng Miên lên bệnh viện Lai Châu, còn mày thì giang hồ không biết mỗi chân, thằng Biên cũng đi học Nông Lâm, chỉ còn trơ trọi hai ông bà già ở nhà. Tôi cười: Thì chuyện này con ở nhà đây. Bố tôi hỏi: Giỏi lắm là vài ngày, mày lại vác ba lô đi chứ gì. Tôi nói: Con phải viết cho xong một cuốn tiểu thuyết về cải cách ruộng đất. Bố tôi thở dài: Họ ăn ốc xong rồi đến lượt mày đồ vỏ chứ quý báu gì. Tôi nói với bố: Đây con không tính đến chuyện ốc với vỏ, lâu nay con viết sai, nay con viết lại cho đúng với sự thật. Bố tôi bảo: Hôm nào đài giới thiệu trong chương trình văn nghệ có truyện của mày, tao vẫn lên thị xã nghe loa. Mày còn đòi hỏi cái gì hơn nữa nào? Tôi nói: Ngay bà ngoại phải chịu đựng bao đau khổ như thế, con cứ lảng tránh, có bao giờ dám viết đến chuyện ấy đâu. Con là cháu bà, những năm đói kém, bà lại nuôi cho vài tháng, thế mà con cứ trôn lủi không dám nhận là cháu bà. Cái gì ngày trước con còn giấu bây giờ con phải nói ra. Bố tôi lắc đầu: Con đã trảng ngày ngày viên từng viên cát định lấp biển nhưng chỉ một cơn sóng ào đến là chẳng còn viên cát nào. Tao sẽ kể cho mày một số chuyện về bạn bè tao, mày viết chắc chắn không kém những truyện người ta đã in. Tôi chỉ ừ hử cho bố yên lòng, chứ thực ra bây giờ tôi không viết thì chẳng bao giờ viết nữa.

Tôi kéo bàn kê vuông vắn với khung cửa sổ và đặt một chồng giấy một mặt in báo Cải cách ruộng đất vào góc bàn. Một lọ mực Cửu Long và chiếc bút cảm ngòi Sergeant-Major đặt ở mép bàn phía trước là đủ đồ nghề.

Là một nhà báo đi từ đầu đến cuối cuộc cải cách ruộng đất ở Liên khu III, tôi ngồi bất cứ ở đâu, tôi đang đi bất cứ ở đâu, những chuyện oan trái đè nặng lên thân phận người trung thực cứ ập đến. Chỉ cần tôi cầm lấy cây bút chấm vào lọ mực viết lên trang giấy một mặt, mỗi thân phận con người trong cơn bão táp bất ngờ ấy cũng thành một cuốn truyện. Một câu chuyện đúng một trăm phần trăm sự thật có đầy đủ tên người, tên thôn, tên xã, nếu người đọc muốn về tận nơi xem mặt “nguyên mẫu” cho thỏa chí tò mò cũng chẳng khó khăn gì. Viết như thế chẳng hơn gì khi tôi viết những truyện về cảm thụ nhận ruộng, về chia quả thực, về những đám cưới cốt cán trong lễ mừng công “Người cày có ruộng”. Có khác chăng chỉ là ở chỗ ngày trước truyện đầy ắp tiếng cười, còn truyện bây giờ chảy tràn nước mắt.

Tôi luôn luôn nghĩ đến một cái đang bị người ta cố tình lờ đi, không dám nhắc tới. Đó là vai trò của các “đồng chí bạn” trong các đợt cải cách ruộng đất ở nước ta. Chúng ta cử người sang nước bạn học tập kinh nghiệm cải cách ruộng đất để chuẩn bị tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nước bạn lại nhiệt tình cử “cố vấn” sang giúp chúng ta tiến hành cải cách ruộng đất. Cải cách càng mở rộng địa bàn, mỗi đoàn

lại có một “đồng chí bạn” đi theo làm “cố vấn”. Tuy đồng chí bạn chỉ nói rất khiêm tốn rằng: Ý kiến chúng tôi còn chủ quan, mong các đồng chí tham khảo. Tiếng gọi là tham khảo, nhưng các đoàn ủy không làm theo không xong. Các đồng chí bạn là những người đã tham gia nhiều đợt “thỏ cải” ở nước bạn. Là người sang giúp cách mạng Việt Nam nhưng các đồng chí bạn luôn luôn coi mình là chiến sĩ quốc tế có nhiệm vụ giúp nước bạn đẩy nhanh cuộc cách mạng chống phong kiến, tạo đà cho những bước tiến nhanh, tiến mạnh lên xây dựng chủ nghĩa xã hội rồi cùng nhau xây dựng thế giới đại đồng. Các “đồng chí bạn” không chỉ ngồi ở trên Đoàn ủy mà còn đi xuống đội nghe nông dân tố khổ, điều tra cận kề mức sống của bần cố nông, theo dõi các cuộc đấu tranh, góp ý kiến với Đoàn ủy biện pháp truy tìm những địa chủ lọt lưới, những tên Quốc Dân Đảng còn nằm trong bộ máy Đảng, chính quyền ở xã, huyện. Chỉ có một điều chúng ta cứ nhắm mắt làm theo người đi bước trước mà không nghĩ rằng tình hình nước ta và nước bạn có nhiều điểm khác nhau, đem áp dụng nguyên xi phương pháp tiến hành “thỏ cải”, đánh “tổ chức cũ”, dựa vào bần cố nông không dựa vào chi bộ Đảng để tiến hành cải cách ruộng đất là hoàn toàn không phù hợp với tình hình ở nước ta. Các “đồng chí bạn” càng nhiệt tình giúp đỡ bao nhiêu, chúng ta càng ra sức tin theo “những ý kiến tham khảo” bao nhiêu, chúng ta càng sa lầy vào sai lầm bấy nhiêu. Bi kịch của chúng ta đi song song với cảnh không độc lập suy nghĩ đã phải trả bằng giá quá đắt.

Vấn đề này rất tế nhị, liên quan đến quan hệ “môi hở răng lạnh”, cả ngay khi răng cắn cả vào môi, chúng ta cũng không nhắc đến, lặng lẽ cho qua, coi như không có trong đời. Tôi lại càng không được nhắc tới trong tác phẩm của mình. Không ai giằng lấy bút của tôi mà chính tôi tự kiểm duyệt, loại những nhân vật “đồng chí bạn” ra ngoài trang viết và tự coi đó là một hành động bảo vệ tình hữu nghị hai nước đã dày công vun đắp, nghĩa là chúng tôi chỉ được sống để dạ, chết mang theo.

Tôi buộc phải bỏ bức tranh toàn cảnh về cuộc cách mạng long trời lở đất ở nông thôn mà suy nghĩ về một góc cạnh nào thuận tay cho mình viết lên trang giấy trắng.

Vì sao một sai lầm kéo dài và lan rộng lại không được ngăn chặn ngay từ khi nó mới hiện hình? Nếu người gây ra sai lầm ấy chỉ là một anh cán bộ bình thường, các đồng sự sẵn sàng đấu tranh để ngăn chặn, tiêu diệt cái sai lầm ấy ngay lập tức. Nếu cả cái tập thể ấy cố tình che giấu cho nhau, cấp trên trực tiếp sẽ sớm phát hiện ra và có ngay biện pháp khắc phục sai lầm. Nhưng nếu người gây ra sai lầm lại là người nắm quyền lực cao nhất, người trung thực dám công khai gọi sự việc đúng tên của nó thì anh ta sẽ bị những người ăn theo xúm vào quy chụp là chống lãnh đạo hay ít ra cũng bị phê phán là lập trường giai cấp mơ hồ, quan điểm lệch lạc, tư tưởng bấp bênh. Một mình anh không tài nào đối chọi được một bày thư lại nhâu nhâu vào chứng minh cái sai lầm của người có quyền lực cao nhất là hợp với tính tất yếu khách quan của thời đại, là bước tạo đà phát triển lên một bước mới, là chỉ có con đường ấy mới cứu dân, cứu nước khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đưa dân tộc anh hùng chúng ta tiến nhanh, tiến mạnh, đứng ngang hàng với cường quốc năm châu.

Lúc đầu, một số người bị cái “nhân họa” ấy rơi trúng đầu đã sớm bừng tỉnh nhưng những người ấy bị lẻ loi, tiếng nói chết chìm trong âm thanh trống dong cờ mở của cuộc tiến công sai hướng. Dần dần những người tỉnh táo sớm nhìn ra sai lầm nhưng không đủ dũng cảm chống chọi với số đông người đang suy tôn cái sai thành cái đúng và thẳng tay vùi dập cái đúng là cái sai. Chỉ còn lại một số rất ít người kiên trì đấu tranh, cố sống để chứng minh cái đúng vẫn là cái đúng, cái sai vẫn là cái sai, không chịu ngã gục trước khi trời hừng sáng.

Biết cái sai nhưng không dám nói, nhìn thấy cái phải nhưng không dám bênh, người nào người ấy chỉ lo giữ cho được cái nồi cơm của mình, nhắm mắt xuôi tay phó mặc nên cái sai lầm trong cải cách ruộng đất mới có đất sống dai đến thế. Con cháu chúng ta đời sau làm sao hiểu được rằng các cụ đánh Pháp hăng như thế, khi bị giặc Pháp bắt, chúng nó tra tấn dã man như thế, các cụ vẫn dũng cảm đấu tranh với quân thù bằng sự im lặng, thế mà trước cái sai lầm nguy hại đến sinh mạng chính trị của đồng đội, của nhân dân, đến quyền lợi thiết thực của những người kháng chiến, đến tài sản của những người đã từng nuôi cán bộ, bộ đội, tại sao các cụ lại nhắm mắt thành tâm tưởng rằng mình đang đi tới đích.

Trong các đợt cải cách ruộng đất, tôi đã gặp không biết bao nhiêu cặp vợ chồng ly hôn, không biết bao nhiêu đôi trai gái chia tay nhau chỉ vì một trong hai người là con cái địa chủ. Những người chồng ấy, những chàng trai ấy khi giờ trò bội bạc lại được khen là xử sự theo đúng lập trường giai cấp. Nhưng họ có biết đâu khi cơn bão táp đã đi qua, lúc trời yên mây tạnh, nỗi đau đời mới ngấm vào máu, vào tim, họ định “gió chiều nào che chiều ấy” thì không kịp nữa rồi. Vết cắt làm sao nối liền ngay được. Vết sẹo trong tim vẫn còn đó với nỗi hận suốt đời.

Tôi đã tìm được lối thoát cho những trang viết của mình không đụng chạm trực tiếp đến tình hữu nghị, tình quốc tế vô sản, các chính sách lớn, các chính sách nhỏ. Tôi đã lựa chọn con đường men theo vành ngoài của cơn bão để tâm sự với bạn đọc về cái hèn trong thời đại hiện nay. Chỉ trong nửa tháng trời, tôi viết một hơn xong hai trăm trang sách, cứ như thần linh phù hộ, sang tai cho tôi từng chữ từng câu. Tôi không tin vào chính những câu mình vừa viết, sao lại nhanh đến thế? Cho đến tận bây giờ, tôi chưa bao giờ viết trong nửa tháng được hai trăm trang sách cả.

Đến đoạn kết, tôi dừng bút. Đôi trai gái ấy yêu nhau, sắp làm lễ cưới thì đội cải cách ruộng đất về xã. Gia đình cô gái bị quy lên địa chủ, người con trai tìm cách lẩn tránh người con gái. Mặc dù anh biết chắc trăm phần trăm gia đình cô gái chỉ là trung nông nhưng vì sợ đội, sợ cốt cán nghi mình bao che cho địa chủ nên anh cố tình làm ngơ trước nỗi đau của gia đình cô gái. Thấy anh hoạt động tích cực, cán bộ đội còn định ghép cho anh lấy một người cốt cán, người đã hăng hái đấu gia đình cô gái. Mẹ cô gái đâm đơn lên tận Trung ương kêu oan. Một thời gian sau, đội sửa sai về, hạ thành phần nhà cô gái xuống trung nông. Chàng trai tìm gặp cô gái xin bỏ qua chuyện xưa và mong tình cũ được nối lại.

“Cô gái nhận lời nói lại mối tình xưa”, nếu tôi viết như thế thì đúng yêu cầu của công tác sửa sai nhưng cái kết ấy sẽ xóa hết công viết hai trăm trang sách vừa xong. Nó không thật. Đọc đến đây, người đọc sẽ tự hỏi: tại sao tác giả lại bênh một thằng hèn như thế, nó được hưởng cái hạnh phúc mà nó đã từng chối bỏ? Tay này viết sắc mùi tuyên truyền. Tôi cầm bút lên rồi đặt bút xuống không biết bao nhiêu lần để làm nốt phần tự giới thiệu với bạn đọc mình là ai, mình đang đứng ở chỗ nào, mình có còn là bạn đồng hành với người đọc nữa hay không? Mãi đến đêm hôm sau tôi mới hạ bút viết đoạn kết: người con gái từ chối lời van xin nói lại mối tình cũ của người con trai.

Tôi đưa cả hai trăm trang viết cho bố tôi đọc rồi ngủ một mạch không biết giờ là gì, đất là gì nữa.

Hôm sau bố tôi bảo: Mày chỉ biết viết mà không biết lách thế này thì chỉ có mà ăn đòn. Những đứa khác tài giỏi hơn mày, hiểu biết hơn mày nhưng nó không dại gì chọc vào cái tổ ong bò vẽ. Tôi cười: Bố ơi, thời chúng con bây giờ khác thời của bố ngày xưa rồi. Bố tôi bảo: Thời nào thì thời, cái lý của kẻ mạnh bao giờ cũng là đúng nhất, đã học Ngụ ngôn La Phongten rồi, mày quên à? Tôi lại lý sự với bố: Kẻ mạnh bây giờ là nhân dân. Đẩy thuyền đi là nhân dân, lật đấm thuyền cũng là nhân dân. Đẩy bố xem, chạm vào quyền lợi nhân dân, ủy viên Trung ương Đảng đổ, đến Tổng bí thư cũng đổ. Bố tôi cười: Mày ngây thơ lắm, chẳng ông nào đổ hết, cuối cùng người nào vẫn ngồi ghế ấy cho mà xem.

Tôi chỉ thương cho mẹ. Tưởng được ở với con cả một tháng trời nhưng mới già nửa tháng, tôi đã cho tập bản thảo tiểu thuyết *Nhật tình* vào ba lô rồi ra đi. Bố tôi có cái tính đã làm gì đừng ai cản, con cái định ra đi, ông cũng không hề ngăn, sợ chuyến đi không được gặp may mắn. Mẹ tôi chỉ hỏi: Bao giờ anh lại về? Tôi nói cho mẹ yên lòng: Xe lửa Hà Nội - Thanh Hóa một ngày hai chuyến, sáng sớm lấy vé ở Hà Nội, đến trưa con đã có mặt ở nhà rồi.

Lúc tôi đeo ba lô lên đường, bố tôi chỉ nói: Tao chỉ ao ước sao chúng mày cứ bé như hồi xưa, suốt năm suốt tháng sống bên cạnh chúng tao. Vui mấy thì vui, mày đừng có để hai ông bà già ngồi trong nhà thấy con chó vầy đuôi chạy ra cổng mà chẳng thấy đứa nào về. Tôi cười: Lần sau chó nhà ta vầy đuôi ra cổng không phải chỉ có một mình con về mà những hai người về kia bố ạ.

Ra đến Hà Nội, tôi đi tìm Trung Anh. Trại sáng tác cải cách ruộng đất đã bế mạc. Trung Anh và tôi được ông Nguyễn Bá Học, chánh văn phòng ủy ban cải cách ruộng đất trung ương xếp vào diện cán bộ đang chờ công tác. Ông ta là một người rất quý mến văn nghệ sĩ. Ông thường nói: Khuyết một bí thư tỉnh ủy, chủ tịch tỉnh, chỉ hôm trước hôm sau, tỉnh ủy sẽ tìm ngay được một người làm bí thư, một người làm chủ tịch. Cần hai trăm kỹ sư thì bốn năm sau, trường đại học Nông Lâm sẽ đào tạo đủ hai trăm kỹ sư, không thiếu một người. Còn cần một nhà văn, bốn năm trời cải cách ruộng đất, trời mới cho chúng ta vài nhà văn trưởng thành trong cuộc đấu tranh. Cái vốn quý ấy, chúng ta phải giữ gìn, đừng để nó mất đi. Ông xếp hai chúng tôi vào diện chờ công tác để tạo điều kiện cho chúng tôi được “giải phóng khỏi mọi công việc hành chính” như lâu nay nhiều nhà văn chúng ta thường yêu cầu. Thế là

lần đầu tiên trong đời, vừa viết xong cuốn tiểu thuyết đầu tay, tôi đã được hưởng đầy đủ chế độ “đi và viết” của một nhà văn. Quen nếp sống “ba cùng” thời cải cách ruộng đất, Trung Anh lấy giấy giới thiệu của cơ quan xuống thôn Quảng Bá mượn hai gian nhà cho mỗi đứa một gian. Hàng tháng chúng tôi nộp tiền cơm cho bà chủ, lúc rỗi rãi chúng tôi lại đi làm vườn với các con bà chủ. Thỉnh thoảng nổi máu giang hồ, chúng tôi lại làm một chuyến đi xa, xa nhất là đi tận Vĩnh Linh, đứng ở bờ Bắc nhìn sang bờ Nam thấy đồng bào ta ra ra vào vào áp chiến lược của Ngô Đình Diệm.

Ông nội tôi thường nói: Số cháu có quý nhân phù trợ. Một hôm tôi dẫn Phong lên Bách hóa Tổng hợp Tràng Tiền sắm đồ cưới thì gặp anh Tô Hoài. Trước lúc chia tay, anh bảo Phong: Nhiệm vụ hai cô cậu còn nặng nề lắm, Vũ Bảo phải viết xong một cuốn tiểu thuyết, cô Phong phải sinh được đứa cháu trai. Sang năm tiểu thuyết của Vũ Bảo sẽ in, đứa cháu trai cũng sẽ ra đời, lúc ấy hai cô cậu mới hoàn thành nhiệm vụ. Câu chuyện thật tình cờ thôi, nếu tôi cứ giữ nguyên tên tiểu thuyết là *Nhật tình* như lúc ban đầu thì khi “đánh” tôi Nguyễn Khải sẽ lu loa lên: Vũ Bảo vu cho Đảng đã nhật tình với nhân dân, tiến hành cải cách ruộng đất làm cho đôi trai gái phải chia lìa.

Hồi ấy cả hai chúng tôi đều không có phòng riêng, cũng không dám thuê khách sạn vì lúc ấy chưa có giấy chứng nhận kết hôn. Vả lại cái tiếng hai đứa vào nhà “sắm” (gọi tắt cụm từ tiếng Pháp “chambre à louer”: buồng cho thuê) vẫn mang ý nghĩa xấu xa, không trong sáng. Điểm hẹn bốn mùa xuân hạ thu đông vẫn là ghé đá Bờ Hồ hoặc là ghé đá Hồ Bảy Mẫu. Đêm hôm ấy nhớ đến lời anh Tô Hoài, hai chúng tôi bàn nhau đổi tên cuốn tiểu thuyết *Nhật tình*, lấy một cái tên kỷ niệm ngày sắp cưới gặp anh Tô Hoài. Phong bảo tôi: Trong truyện Xuân và Bưởi sắp cưới nhau thì đội cải cách ruộng đất về, ngoài đời thì đúng lúc sắp cưới, anh Tô Hoài giao cho chúng mình hai nhiệm vụ. *Sắp cưới* là tên tiểu thuyết có ý nghĩa nhất. Lúc ấy tôi chưa lường được Nguyễn Khải sẽ “đánh” mình nhưng tôi cũng thấy cái tên *Sắp cưới* quả là có nhiều ý nghĩa với chúng tôi hơn.

Cho đến bây giờ, mỗi lần qua Bờ Hồ, nhìn thấy chiếc ghé đá bên vườn hoa Găngđi hai chúng tôi ngồi bàn chuyện đổi tên cuốn tiểu thuyết đầu tay, tôi mừng thầm “tuy bị người đánh nhưng đã có Trời Phật sang tai cứu thoát một cái án ‘chém ngang thân’ vì tội tà đình”.

Tôi đem bản thảo đến nộp cho anh Tô Hoài vì lúc này, anh được Đảng đoàn Văn nghệ phân công tổ chức một nhà xuất bản đảm đương công việc của nhà xuất bản Văn Nghệ đang làm. Anh Tô Hoài giao bản thảo *Sắp cưới* cho anh Trần Lê Văn biên tập.

Anh em thường gọi anh là nhà thơ Trần Lê Văn nhưng tôi cứ nghĩ gọi anh là ông giáo Văn thì đúng hơn. Lời nói dịu dàng như đang đứng trên bục giảng, cử chỉ khoan thai, nho nhã. Từ ngày biết anh đến giờ, tôi chưa thấy anh cáu gắt với ai hoặc bức mình to tiếng với ai. Anh giống như ông sư trong chuyện cổ tích thấy trời mưa to, nước tràn lênh láng đã lấy que bấc cầu cho đàn kiến leo lên chỗ cao hơn.

Thế mà buồn cười thay, nhà thơ Trần Lê Văn lại “dính” vào nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm mới kỳ.

Đáng lẽ một thằng ăn nói bạt mạng, hay châm chọc, tính tình phóng túng pha màu “tự do chủ nghĩa” như tôi là Nhân Văn - Giai Phẩm mới đúng. Còn “ông giáo Văn” không dám nói ngược kinh sách, đã phát biểu ý kiến là “ngang bằng, xỏ ngay”, ngày hai buổi đến cơ quan ngồi vào bàn làm việc, không buông thả vào những nhóm “túm năm tụm ba” bàn tán những chuyện gai góc trong xã hội.

Của đáng tội, anh có viết truyện ngắn *Bức thư gửi người bạn thân ngày trước* cho tập Giai Phẩm Mùa Thu và tiểu luận *Không sợ địch lợi dụng* cho báo Nhân Văn. Giá bây giờ tờ báo nào nổi cơn cao hứng đem in truyện ngắn và bài tiểu luận đó, cơ quan có trách nhiệm cũng chỉ coi là chuyện bình thường. So với *Con ngựa già* của Chúa Trịnh, *Thi sĩ máy* trên báo Nhân Văn, *Bức thư gửi người bạn thân ngày trước* và *Không sợ địch lợi dụng* còn hiền lành nhiều lắm. Chẳng qua là “ông giáo Văn” đang say sưa với việc “nói lỏng một tí” cho văn nghệ sĩ được viết cái mà mình thích, được ca ngợi cái mà mình yêu.

Hội Nhà văn Việt Nam giáng cho anh một cái án “không được viết trong một năm”. Hỡi ơi, bây giờ còn vô khối hội viên Hội Nhà văn Việt Nam tuy chẳng bị “án” cấm viết trong một năm như nhà thơ Trần Lê Văn mà chúng ta cứ lật từng trang cuốn *Nhà văn Việt Nam hiện đại* dày những 809 trang mà đếm thử xem có bao nhiêu hội viên tự nguyện nhận án “mười năm không viết gì”?

Viết cho báo Nhân Văn, viết cho các tập Giai Phẩm hồi ấy được coi là tội trọng. Hội Nhà văn Việt Nam rút nhà thơ Trần Lê Văn ra khỏi nhà xuất bản và - nói một cách lịch sự sắc mùi hành chính - đưa anh về biệt phái “tăng cường” cho Ty Văn hóa Hà Đông. “Đi đày” cách nhà hơn mười cây số, thế cũng là đội ơn mưa móc của bề trên, nhà thơ Trần Lê Văn say sưa sáng tác thơ ca hò vè phục vụ phong trào hợp tác hóa và bồi dưỡng những cây bút đang hăng say sáng tác ở địa phương.

Một lần Ty Văn hóa Hà Đông mở hội nghị tổng kết. Ông trưởng phòng hành chính gọi nhà thơ Trần Lê Văn đi khiêng bàn ghế. Các đại biểu ngồi sẵn trên hội trường chờ ông thứ trưởng ở phòng khách đi ra, hội nghị mới khai mạc. Ai ngờ, ông thứ trưởng Bộ Văn hóa khi ấy cũng là một nhà thơ, vừa đi đến giữa sân, nhìn thấy nhà thơ Trần Lê Văn đang ngồi trong hàng ghế, ông đến tận nơi, kéo nhà thơ Trần Lê Văn ra ngoài sân giữa hàng trăm con mắt ngạc nhiên của những người ngồi trong hội trường. Vốn là nhà thơ, ông thứ trưởng say sưa đọc cho nhà thơ Trần Lê Văn bài thơ mình đã “viết trong đầu” đêm hôm qua, quên mất hàng trăm con người đang chờ ông bước vào hội trường. Mọi người đứng dậy vỗ tay dài và hồi lâu.

Chiều hôm ấy cơ quan lôi nhà thơ Trần Lê Văn ra kiểm điểm cái tội “làm mất thì giờ của thứ trưởng khiến hội nghị phải khai mạc chậm so với chương trình gần nửa tiếng đồng hồ”. Tội này thì chết đến nơi, nhà thơ Trần Lê Văn ra sức thanh minh: Ông Thứ trưởng đến chỗ tôi ngồi, kéo tôi ra sân, chứ tôi có dám chạy ra đi với ông thứ trưởng làm hội nghị phải chờ gần nửa tiếng đồng hồ đâu. Chuyện này thôi không nói nữa.

Lại nói về bản thảo đang nằm trong ngăn kéo bàn làm việc của nhà thơ Trần Lê Văn.

Tình hình sáng tác văn học hồi ấy vừa dễ cũng lại vừa khó. Một số truyện ngắn in trên báo Nhân Văn hồi ấy bị phê phán kịch liệt và mấy truyện ngắn in trên báo Văn bị “ăn đòn dương” đem so với bây giờ thì những truyện “thời xa vắng” ấy phải quỵ xuống bái lạy những truyện ngắn bây giờ là “sư phụ”, “sư huynh”.

Truyện ngắn *Đống máy* in trên báo Văn chỉ viết một chuyên gia Liên Xô đi qua đống máy để ở giữa bãi cỏ hoang vẫn thản nhiên, không biết rằng đó là mồ hôi và nước mắt của nhân dân Liên Xô viện trợ cho Việt Nam đang đứng ở tiền đồn chống đế quốc. Cơ quan có trách nhiệm đã huy động bạn đọc - người là công nhân, người là nông dân, người là bộ đội, đủ ba thành phần cột trụ của cách mạng “công nông binh” - phê phán người viết đã xuyên tạc tình hữu nghị keo sơn giữa Việt Nam và Liên Xô, đã làm “bạn” hiểu lầm ta không quý trọng những cỗ máy hiện đại Liên Xô gửi sang giúp phục hồi kinh tế và lại làm cho nhân dân ta hiểu sai tinh thần quốc tế vô sản của các chuyên gia Liên Xô. May mắn làm sao, trước khi bắt tay vào viết, tôi đã tránh khu vực “16 mét 50” này. Hễ chạm phải bất kỳ “người cấm được xâm phạm” nào trong vùng cấm địa này, sẽ bị phạt quả 11 mét hết phương đỡ bóng.

Tuy một vài truyện ngắn bị “lên thớt” và một số truyện ngắn khác bị “lườm”, bị “nguyt” nhưng Đảng và chính phủ đang tiến hành sửa sai. Những cây phê bình cầm búa nhắm nhắm “đánh một nhát chết tươi” cũng chột dạ, nằm nép sau một “góc chết” chờ thời nên người viết nếu khéo lách cũng có thể an toàn. Đọc bản thảo tiểu thuyết *Sắp cưới*, nhà thơ Trần Lê Văn tán thành thái độ người viết không né tránh sự thật đau lòng nhưng cũng không cay cú, dựng một số nhân vật thanh niên hồn nhiên trong cuộc sống mới ở nông thôn. Anh cũng thích lối hành văn thanh thoát, không gò bó với những nhận xét hóm hỉnh về cuộc sống nhiều màu, nhiều vẻ trong cơn bão táp.

Anh hẹn tôi đến và đưa bản thảo tiểu thuyết cho tôi với lời dặn dò chân tình: Tiểu thuyết này in được. Cậu xem có cần viết thêm đoạn nào thì viết.

Tôi vô cùng ngạc nhiên thấy tiểu thuyết đầu tay của mình không bị “ba lên, ba xuống” như một số tiểu thuyết của anh em trẻ khác.

Trong lúc tiểu thuyết *Sắp cưới* đang in, nhà xuất bản Hội Nhà Văn chuẩn bị làm lễ ra mắt: tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam Tô Hoài làm giám đốc, nhà thơ Hoàng Cầm, nhà văn Trần Lê Văn, nhà thơ Trần Hữu Thung, nhà văn Đỗ Quang Tiến làm biên tập viên. Trong lễ khai trương, nhà xuất bản Hội Nhà Văn phát cho khách mời một tờ quảng cáo chương trình xuất bản sáu tháng cuối năm 1957: tiểu thuyết *Sắp cưới* đứng đầu danh sách, tiếp đến *Xống Chụ xôn xao* trường ca dân tộc Thái, rồi mới đến *Đêm Lào Cai* của nhà thơ Hoàng Cầm, *Những người ở lại* của Nguyễn Huy Tưởng. Tập thơ chào mừng 40 năm Cách mạng tháng Mười và một plakét gập ba giới thiệu nội dung sáu cuốn sách in vào trà đầu. Tôi còn nhớ tiểu thuyết *Sắp cưới* được giới thiệu như thế này: một chuyện tình thơ mộng ở

nông thôn, Xuân yêu Bưởi. Đôi trai gái sắp sửa xây dựng với nhau thì cuộc tình duyên lỡ dở vì sai lầm của cái cách ruộng đất. Đôi sửa sai về. Cuộc đời họ sẽ ra sao? Đôi lứa lại chấp nối duyên xưa hay đành mặc cho cuộc tình dang dở?

Tôi phát ngượng vì tiểu thuyết non choẹt của một thằng mới chập chững vào nghề lại được giới thiệu ngang hàng với các tác phẩm lừng danh của các bậc đàn anh đang ngồi ở chiếu trên. Tôi gửi tờ chương trình xuất bản và tờ plakét gấp ba về Thanh Hóa cho bố tôi như có ý thừa ngấm với bố: Tình hình hiện nay rất dân chủ, không đến nỗi nhiều “cấm đoán” như bố vẫn tưởng đâu.

Mấy hôm sau, nhà thơ Trần Lê Văn gặp tôi ở Câu lạc bộ Hội Nhà văn, anh bảo: Chúc mừng thành công của cậu. Sách in xong rồi đấy. Sáng mai, cậu đến nhà xuất bản lấy sách.

Hồi đó người viết được lĩnh hai mươi cuốn sách theo bản quyền chứ không phải chỉ được mười cuốn như bây giờ. Sách in trên giấy đẹp, trắng bóng chứ không trên giấy báo, bìa cũng in trên giấy cứng hơn và không ghi giá bán.

Tôi đặt cả hai mươi cuốn sách lên giá đèo hàng rồi xin dây của nhà xuất bản, chằng buộc sách cẩn thận. Đạp xe về đến nhà, tôi lấy ra một cuốn rồi chọn chỗ sáng, ngồi đọc ngấu ngiến. Không gì sung sướng bằng được nhìn thấy những dòng chữ trên trang bản thảo viết trên giấy một mặt trắng bây giờ đã biến thành những trang chữ in còn thơm mùi mực. Tôi đem biếu thầy Trần Cur một cuốn, Trung Anh một cuốn. Tôi để dành một cuốn, chờ khi nào biết tin cô Lựu ở đâu, dù cô ở xa đến mấy tôi cũng đem biếu cô bằng được. Cuốn thứ tư tôi để tặng bố mẹ.

Hồi ấy tôi chưa biết mua sách ở ngay nhà xuất bản được trừ 25% phát hành phí, hai mươi cuốn lấy ở nhà xuất bản tôi đem biếu những người thân. Còn bạn bè gặp tôi ở giữa đường hỏi: Sách đâu? Tôi lấy ngay “bạc vụn” giắt sẵn trong người chạy vào hiệu sách, mua một cuốn rồi đặt cuốn sách lên mặt tủ kính, ký nháy một cái.

Nhuận bút một cuốn sách 200 trang hồi đó nhiều lắm. Những bà chị thông thạo chuyện đời thường khuyên tôi cứ đem tiền đi mua gọn một cái nhà. Tôi lại nghĩ viết văn là chuyện thanh cao, viết văn chỉ để mua nhà xem ra nó tầm thường thế nào ấy. Làm giàu thì tìm việc khác, không nên làm xấu nghề viết văn. Tôi đem tiền đi mua quà biếu bà, biếu bố mẹ, mua đồ chơi tặng các cháu. Mỗi đứa em cũng có một phần quà. Còn Trung Anh và tôi chỉ được một phần quà như nhau: một chiếc áo chuyên gia - loại áo bông, vỏ may bằng vải xanh Sĩ Lâm, cổ lắp thêm một cái cổ bằng lông thú giả, mỗi khi gió mùa đông bắc, cài khuy cổ, kéo cao cái cổ lông thú giả lên thì ấm phải biết. Nói thật chính xác ra, phần quà của tôi nhỉnh hơn của Trung Anh một chút: khi còn bé đi học, thấy học sinh Hoa Kiều thường đi giày bấtkết, tôi thèm lắm. Hồi kháng chiến chống Pháp, nếu có tiền, gửi các chị địch vận vào chợ tề mua một đôi cũng chẳng khó khăn gì nhưng những năm ấy, tôi mất liên lạc với gia đình, chẳng có ai tiếp tế. Đến bây giờ mới có nhiều tiền, tôi mua luôn một đôi giày bấtkết. Chị Vĩnh Mai thấy tôi cứ chi lung

tung như thế, vội bảo: Chú đừng chi lung tung, hay tập trung vào may một bộ comple, đóng một đôi giày da để thỉnh thoảng đi họp. Tôi chỉ cười: Em viết về nông thôn, suốt đời sống ở nông thôn, chẳng có lúc nào mặc comple, đi giày da cả chị ạ. Chẳng lẽ đánh trâu ra đồng em lại mặc comple, thắt cravat. Sau này sống lang thang, không nhà không cửa, tôi mới ân hận là không nghe lời các bà chị thông thạo việc đời.

Tôi thường mơ ước viết được cuốn sách “có gáy”. Bây giờ đã thực hiện được điều mơ ước đó quá nhanh đến nỗi tôi không tin vào chất lượng cuốn sách chỉ viết trong vòng nửa tháng trời. Ra đường gặp bạn bè - bạn mới cũng như bạn cũ, ai cũng bắt tay tôi thật chặt: Chúc mừng thành công của cậu. Người thì bảo: Cả nhà mình thay phiên nhau đọc rồi bên hàng xóm cũng sang mượn đến nỗi cuốn sách đã cong cả mép lên. Người thì khen: Câu chuyện trong *Sắp cưới* cứ như chuyện ở làng mình. Ông anh mình cứ bảo đúng là cậu nghe được câu chuyện sắp cưới rồi không thành ở làng mình nhưng cậu giữ bí mật đổi tên đi. Bạn đồng nghiệp đánh giá tiểu thuyết *Sắp cưới* cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Người này bảo: Viết về cải cách ruộng đất không “động chạm mạnh” như thế này là được rồi. Người khác lại nói: Thời buổi này, mưa dầm mới thấm sâu, cậu cứ chơi “nhạc êm dịu” như thế này chẳng ai làm gì được. Một nhà văn đi bước trước còn bảo tôi: Ngay trong cuốn tiểu thuyết đầu tay, cậu đã tạo ra một phong cách riêng, không lẫn với ai được, mình rất mừng. Đọc xong *Sắp cưới*, mình quên hẳn những trang cậu viết “à la mode Triệu Thụ Lý” bên Tàu. Thế là được nhưng nhân vật của cậu chưa sâu, chưa đi đến tận cùng của nỗi đau. Còn Mạc Lân thì phê phán thẳng thừng: Viết về nông thôn như mày, chúng tao đọc được. Đọc một hơi hết cuốn sách. Cuộc sống ở làng quê cứ ngồn ngộn trôi vào trang viết nhưng nhân vật Xuân của mày, tao không chịu được, mày kết thúc cuốn tiểu thuyết hơi cải lương, thái độ của mày còn thỏa hiệp. Tao mà viết được hơn 200 trang như mày thì mấy trang cuối cùng, tao để con Bưởi xỉ vả thằng Xuân thật thậm tệ vì cái tội thấy người yêu lâm nguy đã vội bỏ của chạy lấy người. Thằng Xuân thấy mình hèn hạ quá, qua cuộc cải cách ruộng đất đâm mất hết, chán đời, đâm đầu xuống giếng chết. Về sau dân làng gọi cái giếng ấy là giếng Bạc tình. Thằng hèn thì sống làm gì cho chật đất thiên hạ.

Tuần báo Văn của Hội Nhà văn Việt Nam do cụ Nguyễn Hồng phụ trách có bài của nhà văn Nguyễn Thành Long khen tiểu thuyết *Sắp cưới*. Ông nhấn mạnh tác giả đã thể hiện lòng tin yêu Đảng của nhân dân trong cơn bão táp qua câu nói cửa miệng của bà con nông dân:

“... Bà Thủy nghĩ ngợi một lát rồi hỏi con:

- Lâu nay con xem báo có thấy cụ Hồ làm chủ tịch không?
- Còn.
- Ông Trường Chinh còn làm Đảng Lao động không?

- Còn.
- Ông Võ Nguyên Giáp còn làm đại tướng không?
- Còn.
- Thế thì nhà cửa, ruộng nương của bà Khuyến nhất định còn...”

Báo Cứu Quốc cũng có bài của nhà văn Xuân Thu khen *Sắp cưới* rồi đến báo Độc Lập của Đảng Dân chủ Việt Nam cũng có bài khen tiểu thuyết *Sắp cưới*. Tôi mua cả ba tờ báo gửi về nhà cho bố tôi yên tâm.

Một hôm anh em chúng tôi đang uống trà ở quán trà Phúc Châu, một cậu bạn viết một mảnh giấy rồi dúm về phía tôi. Tôi vội mở ra đọc: gốc sung. Hai chúng tôi nhìn nhau mỉm cười. Một cậu khác nhoai người ra chop được mảnh giấy ấy. Khi giở ra xem, cậu ấy cũng cười.

Đây là cái thú của anh em chúng tôi. Đọc sách của nhau thấy câu nào thích, chúng tôi thường tìm cơ hội nhắc đúng “phom” câu ấy vào một hoàn cảnh thích hợp. “Gốc sung” là một từ trong trang 17 của tiểu thuyết *Sắp cưới*. Cậu Xuân đang thao thao bất tuyệt phổ biến công tác trong tháng còn “tay đưa mảnh giấy con con về phía Bưởi. Bưởi liếc mắt đọc vội: gốc sung rồi viết chữ “vâng” vào bên cạnh”.

Mãi về sau này, anh em chúng tôi thường chọn đúng thời điểm nhắc lại câu viết của bạn bè trong sách để bạn biết mình đã đọc và thích câu văn của bạn.

Hai mươi ba

Một hôm tôi đến chơi với Mạc Lân ở báo Tiền Phong. Tất Vinh, Vũ Lê Mai, Phan Mai đang khúc khích cười nghe một anh lính xinh trai, dáng điệu thư sinh, mặc áo đại quân màu đất trên vai chân ba mươi sáu đường gian khổ, ngang lưng thắt xanhđuyrông màu lá cây. Câu chuyện có liên quan đến người kể chuyện: Ông ấy “choảng” mình một trận, nào là lập trường giai cấp mơ hồ, làm quái gì có giai cấp mơ hồ, chỉ có tư sản và vô sản thôi chứ. Thà ông ấy cứ bảo thẳng mình là giai cấp tư sản cho nó rõ ràng. Ông ấy phê mình là viết không đúng quan điểm văn nghệ của Đảng chứ không phê bình mình viết có hay hoặc không hay. Những bài thơ các cậu khen hay thì ông ấy lại chê là viết sai quan điểm văn nghệ của Đảng. Chẳng lẽ Đảng chỉ cho phép làm những bài thơ dở hay sao? Ông ấy là thủ trưởng cơ quan mình, ông ấy vừa đá bóng, vừa thổi còi, làm sao mình cãi lại được. Mình định tranh luận với ông ấy dù cho đến trăm hiệp vẫn bắt phân thắng bại nhưng chỉ được vài hiệp, ông ấy giở trò treo “miễn chiến bài” bằng cách hạ lệnh cho mình phải viết bản kiểm điểm. Ông ấy là thủ trưởng, mình không thể không nghiêm chỉnh chấp hành. Mình tức quá biết bà ấy sáng nay đi chợ mua được cái chân giò, mình cũng đi mua một con mèo về. Nhắm lúc trong bếp không có ai, mình bí mật thả con mèo sang cho nó tha cái chân giò của thủ trưởng đi mất tang. Ai bảo ông ấy cậy thế thủ trưởng đánh mình về chính trị, mình cũng cậy thế nhân dân phát động chiến tranh du kích, đánh ông ấy về kinh tế. Nào ai thắng ai nào? Lúc ấy Mạc Lân hát hàm về phía tôi rồi nói câu gì với Phùng Quán. Anh ngừng câu chuyện toài người ra bắt tay tôi: Đã “sắp cưới” lại còn “phá đám” thì cưới làm sao được? Tôi nắm chặt tay anh rồi đọc luôn câu thơ của anh vừa in trên báo: *Đảng cần phải lập những đội quân trừ diệt/ Có tôi/ Đi trong hàng ngũ tiên phong*. Phùng Quán cười: Thế là anh em ta biết võ của nhau cả.

Tôi chỉ ngạc nhiên về chuyện bản thảo truyện vừa *Phá đám* của tôi vừa gửi cho nhà xuất bản Thanh Niên, làm thế nào mà Phùng Quán biết được. Sau này tôi mới biết, chính hôm ấy anh vừa sang nhà xuất bản Thanh Niên nộp bản thảo truyện vừa *Cuộc đời của đôi dép cao su*.

Một số nhà báo viết về nhà văn Phùng Quán thường tô đậm ba đặc điểm của thời long đông của ông: uống rượu chịu, câu cá trộm và viết chui. Ba đặc điểm ấy đúng nhưng chưa đủ. Ông là một nhà văn ca ngợi kháng chiến không mệt mỏi. Ai dám bảo *Vượt Côn Đảo* và *Tuổi thơ dữ dội* là những tác phẩm biểu tượng hai mặt, “giương cờ hồng để chống lại cờ hồng”. Phùng Quán sống theo một chủ thuyết “Người Bôn-sê-vích không Đảng (Boltchévich sans Parti)”. Ông là một nhà thơ nỗ lực đánh tham những sớm nhất:

Trung ương Đảng ơi,

Lũ chuột mặt người chưa hết

Đảng cần phải lập những đội quân trừ diệt

Có tôi

Đi trong hàng ngũ tiên phong

Ông viết *Vượt Côn Đảo* miêu tả những chiến công đậm đà màu sắc huyền thoại của những người cộng sản quyết tâm vượt cái địa ngục trần gian đi tìm tự do, trở về với đồng đội. Nhiều người đọc xong *Vượt Côn Đảo* cứ tưởng ông là Đảo ủy nên mới biết ngọn ngành từng chi tiết trong cuộc vượt ngục gian nan và đầy nguy hiểm đó. Hội Văn nghệ Việt Nam đã trao giải ba Giải thưởng 1954-1955 cho *Vượt Côn Đảo*. Một số thủ trưởng cơ quan quen lối nghĩ chỉ có những người cộng sản mới lập được kỳ tích trên đời này, vẫn yên trí Phùng Quán là một đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương bị giam ở nhà tù Côn Đảo nên mới viết được về các chiến sĩ Côn Đảo thật đến thế. Một số vị đã mời nhà văn Phùng Quán đến cơ quan nói chuyện về Côn Đảo trong chương trình giáo dục truyền thống cho lớp trẻ. Có mấy ai biết đâu, anh trinh sát mới hai mươi lăm tuổi nhận được giấy triệu tập của Phòng Văn nghệ Quân đội khi ra đến đường số 1 nhìn thấy dòng chữ trên cột chỉ đường “Hà Nội 167 km” đã nhầm tính nếu cứ lững thững đi mỗi ngày 30 kilômét thì chỉ năm ngày rưỡi sẽ ra đến Hà Nội. Thế là máu giang hồ nổi lên, Phùng Quán đeo chiếc ruột tượng gạo bảy ngày ăn do hậu cần phát, ngày đi dọc đường số 1, đêm sà vào nhà dân ngủ nhờ như những chuyến hành quân đường dài trên những nẻo đường kháng chiến trước kia. Chính tôi, trong kháng chiến, mỗi lần trước khi xem phim *Trên đồi Malakhóp*, đều được nghe Phùng Quán lên đọc tấu bài *Năm anh hùng Xêvátxtôpôn* minh họa lại chiến công năm chiến sĩ Hồng quân Liên Xô trong phim, trong trận đánh bảo vệ đồi Malakhóp (hồi ấy cánh lính thường gọi nhầm là đồi Malenkóp, tên tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô). Tôi cứ tưởng cái ông hùng hực khí thế cách mạng này phải là đảng viên nên mới chuyển tải được “hùng khí” của một bộ phim sản xuất tại Thành trì Cách mạng vô sản toàn thế giới: năm chiến sĩ đã bị thương, người bị mảnh đạn vào mắt, người bị một mảnh đạn pháo vào chân, người bị một mảnh đạn pháo vào tay, người bị một viên đạn phát xít bắn trúng bụng, người bị thương ở đầu nhưng thấy đoàn xe tăng của phát xít Đức ầm ầm tiến vào chiếm lĩnh trận địa, năm anh em đã cài lựu đạn ngang thắt lưng, miệng hát: “Đấu tranh này là trận cuối cùng...” rồi cùng lao vào diệt chiếc xe tăng Con Báo vừa đột nhập trận địa. Bài tấu *Năm anh hùng Xêvátxtôpôn* được truyền khẩu từ trung đoàn này đến trung đoàn khác rồi theo chân bộ đội vượt Trường Sơn vào đến các đơn vị trong mặt trận phía Nam. Sau khi Nguyễn Văn Bé nỗ mìn giành một lúc hai danh hiệu “Dũng sĩ diệt xe cơ giới” và “Dũng sĩ diệt Mỹ”, nhà văn Nguyễn Sáng ở Hội Văn nghệ Giải Phóng đã tìm thấy *Năm anh hùng Xêvátxtôpôn* trong cuốn sổ tay của Nguyễn Văn Bé, Nguyễn Sáng đã viết đúng như thế trong cuốn truyện người thật việc thật của mình. Sách được in ra với số lượng lớn, một anh chàng khá tinh nhanh vội đi bám báo với đáng bề trên tại sao lại để một chiến sĩ quân giải phóng lập được chiến công diệt xe cơ giới, diệt Mỹ, đọc thơ của một tên Nhân Văn - Giai Phẩm. Cơ quan có trách nhiệm đang đau đầu tìm cách nào xử lý vụ “Nguyễn Văn Bé” sao cho êm

thậm mà vẫn xóa được cái tên Nhân Văn - Giai Phẩm trong cuốn sách thì dùng một cái, Đài phát thanh Sài Gòn mở chuyên mục “Tôi, Nguyễn Văn Bé vẫn còn sống đây!” Các truyền đơn rải trong chiến trường, địch đã in tấm ảnh Nguyễn Văn Bé đang đọc tờ báo của miền Bắc đưa tin liệt sĩ Nguyễn Văn Bé đã hy sinh anh dũng cho sự nghiệp giải phóng miền Nam. Thế là chủ trương thu hồi cuốn sách không thực hiện được. Người đọc đâu có hiểu ta thu hồi cuốn sách chỉ vì liệt sĩ Nguyễn Văn Bé trước khi anh dũng hy sinh đã được một tên Nhân Văn - Giai Phẩm lên dây cốt tinh thần, chứ không phải là vì Nguyễn Văn Bé không chết đã đầu hàng giặc. Rồi bao nhiêu sự kiện dồn dập đến làm người đọc quên dần cái vụ Nguyễn Văn Bé kia đi.

Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, giang sơn đã thu về một mối, nhà sưu tầm văn học dân gian kia đã kỳ công vượt biển ra tận Côn Đảo sưu tầm những vần thơ khuyết danh đã cổ vũ tinh thần đấu tranh bất khuất của những người cộng sản trong cái địa ngục trần gian. Về đến Hà Nội ông công bố công trình khoa học của ông. Đọc báo thấy một số câu thơ của mình bỗng dưng bị xếp vào loại khuyết danh, Phùng Quán bèn về nhà, lục trong kho lưu trữ của mình, lấy tờ Tiền Phong có in trường ca *Tiếng hát trên địa ngục Côn Đảo*, đem dán ngay trên bức tường áp sát bàn làm việc của mình ở Vụ Văn hóa Quân chủng. Ông “sưu tầm” cổ chứng minh chính những vần thơ của những người cộng sản ở Côn Đảo đã giáo dục tinh thần đấu tranh bất khuất của các chiến sĩ Côn Đảo còn anh em ở cơ quan lại bỏ ra cười vì một trong những “Đảng viên cộng sản” ấy lại là anh Nhân Văn - Giai Phẩm Phùng Quán. Những vần thơ cổ vũ phong trào đấu tranh ở Côn Đảo chính là những câu thơ Phùng Quán viết ca ngợi tinh thần đấu tranh kiên cường của anh hùng Võ Thị Sáu. Bài thơ *Lời mẹ dặn* của Phùng Quán 43 năm trời bị xếp vào loại thơ chống Đảng: “Yêu ai cứ bảo là yêu/ Ghét ai cứ bảo là ghét/ Dù ai cầm dao dọa giết/ Cũng không nói ghét thành yêu...” Về sau này bạn bè thường nói vui với Phùng Quán: *Lời mẹ dặn* chính là tinh thần đổi mới tư duy do Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra: “Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Gần đây anh chị em Văn nghệ Quân đội đã chọn *Lời mẹ dặn* vào tuyển tập của những nhà thơ mặc áo lính và đến năm 2000, *Lời mẹ dặn* lại xuất hiện trong Tổng tập Văn nghệ Quân đội.

Cơ quan có trách nhiệm xếp nhà thơ Phùng Quán vào loại phản tử chống Đảng còn chúng tôi đọc những tác phẩm thời kỳ đầu của Phùng Quán đều xếp anh vào loại nhạc công thổi kèn đồng của cách mạng. Lúc nào Phùng Quán cũng sợ mọi người nghi mình là chống Đảng mà không hiểu cho ông người “bôn-sê-vích không Đảng” này vẫn coi Đảng là của mình. Năm mười hai tuổi bỏ nhà đi theo cách mạng, Phùng Quán vẫn coi chủ nghĩa cộng sản là lý tưởng của mình. Năm 1958, Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam quyết định thi hành kỷ luật: Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm nhận án bị khai trừ ba năm, Phùng Quán bị khai trừ một năm nhưng cái án ấy của cả bốn ông Nhân Văn bị kéo dài tới... 30 năm. Kèm theo cái án suýt nữa thành vô thời hạn, một cái lệnh mờm “không in tác phẩm của nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm”. Nhưng đến năm 1987, nhà văn Phùng Quán đoạt giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam,

người “bôn-sê-vích không Đảng” này vẫn chỉ là nhà văn không Hội. Đọc tiểu thuyết *Tuổi thơ dữ dội* và xem phim *Tuổi thơ dữ dội* đến đoạn em bé liên lạc bị thương, khi gần chết, em chỉ nói với chính trị viên lời cuối: Chú đừng nghi cháu là Việt gian nữa nhé! Hỡi ơi, nỗi đau trọn đời của Phùng Quán gói gọn trong câu nói của một em bé sắp từ giã cõi đời đã nói thay người viết: Tôi vẫn là người “bôn-sê-vích không Đảng”. Nỗi mặc cảm ấy gần như đeo đuổi suốt cuộc đời của ông nên trong một đêm thơ tổ chức ở Cung văn hóa Hữu nghị Việt Xô, thay bài diễn văn khai mạc, Phùng Quán lên diễn đàn đọc mỗi người bốn câu thơ của Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần, Phùng Quán như lời chứng minh tấm lòng yêu Đảng của mình. Tiếng vỗ tay lẹt đẹt. Kết thúc đêm thơ, tôi bảo Phùng Quán: Người ta phục các bài thơ khác của các ông cơ, chứ những bài thơ yêu Đảng của các ông làm sao vượt được thơ ca ngợi Đảng của Tố Hữu, Bảo Định Giang, Chế Lan Viên được.

Tôi biết Phùng Quán từ khi hai anh em cùng sinh hoạt ở Hội Nhà văn Việt Nam, lúc ấy Phùng Quán thường mặc bộ đại quân màu rêu, trên vai chân 36 đường gian khổ, chân đi giày vải, ngang lưng thắt một thắt lưng vải bạt Trung Quốc trong khi Nguyễn Khải đã mặc áo bốn túi, chân chì, mỏ vệt rồi. Về sau này, Phùng Quán thường mặc bộ quần áo chàm cài hàng cúc tết bằng dây vải, chân đi guốc mộc. Vào Liên hoan Phim Quốc gia ở Nha Trang, ông vẫn diện bộ quần áo chàm, đi guốc mộc và bộ râu như thế, vào đến thành phố Hồ Chí Minh rồi quay ra Huế trình làng bộ phim *Tuổi thơ dữ dội* viết về quê hương, Phùng Quán vẫn là một ông già 57 tuổi để râu ba chòm, mặc bộ đồ chàm và đi guốc mộc. Tôi không thích cách ăn mặc khác người như thế, nhưng sau này gặp những người Thái Bình lên Hà Nội đâm đơn lên Trung ương Đảng, Quốc hội, ông nào cũng bộ râu “Nhớ lấy thù này” tôi mới hiểu những điều Phùng Quán chưa nói, những trang Phùng Quán chưa viết về “Lũ chuột mặt người chưa hết”. Tôi chưa bao giờ nghe Phùng Quán phàn nàn, kêu ca, rên rỉ, mỗi lần gặp, tôi chỉ nghe anh kể về những dự định sáng tác của mình. Bao nhiêu tai họa giáng xuống đầu nhà văn Phùng Quán đều truội đi, không pha loãng nổi những suy ngẫm về những trang viết, cứ cuộn cuộn dâng lên trong đầu. Tuy có lệnh không in tác phẩm của Phùng Quán nhưng đã có ai giật cây bút máu ra khỏi tay anh. Không cho Phùng Quán xuất hiện trên các trang báo, anh vẫn viết dưới bút danh Thủy Dương (tên quê hương) và những năm 1980, một bút danh “bán công khai” lại xuất hiện trên các trang báo: Phùng Quân (anh chàng họ Phùng) nếu đánh máy không dấu thì đúng là Phùng Quán rồi. Ngày đêm, ông vẫn đắm say với từng dòng chữ trên trang viết. Ông tin rằng bằng nhiều con đường, những trang viết tâm huyết này sẽ đến tận tay bạn đọc. Nhịp tim của ông sẽ phát tín hiệu theo một tần số chuẩn với nhịp tim người đọc và ông cũng tin rằng ngày hôm nay không bao giờ kéo dài đến ngày mai nữa, những cuốn sách có gáy ca ngợi những chuyện nhảm nhí sẽ bị người đọc ruồng bỏ và một số người viết nuốt sống ăn tươi cho ra đời những trang viết năm sau lại “chửi bố” những trang viết năm trước sẽ được người đọc đón nhận bằng cái nhìn khinh bỉ. Ông vẫn đắm say với từng dòng chữ trên trang viết mặc dù sách của ông đã bị rút ra khỏi các giá trong thư viện. Phùng Quán không cao đạo đến mức viết cho những người mai sau

đọc. Ông viết thẳng cho những người cùng thời, người “bôn-sê-vích không Đảng” này vẫn tâm sự với người đời về những vẻ đẹp khác nhau của cuộc đời chiến binh trong những ngày máu lửa. Ông xử sự như một người cầm quân nhìn thấy một binh đoàn bị đánh chặn ở hàng rào ngoài cùng, vẫn tỉnh táo điều tiếp một binh đoàn trong lực lượng dự bị chiến lược tiến đánh theo một hướng khác bất chấp thành cao, hào sâu, hàng rào lông nhím giương tua tủa. Ông tin những con chữ đã trung thành theo ông không bao giờ phản bội ông, không hề thay màu đổi sắc theo mỗi kỳ đại hội. Tiến quân trong lớp sương mù dày đặc, Phùng Quán vẫn theo dõi theo chiếc kim dạ quang trên sa bàn để đôi chân bước qua đá tai mèo không trệch hướng. Biết trước cuộc đời người “bôn-sê-vích không Đảng” này phải gánh chịu nhiều quả nạn mới lên được cỏi Niết Bàn, trời đã ban sẵn cho ông một khiếu kể chuyện cuốn hút người nghe. Tôi đã nhiều lần bị nghe miệng anh nói, mắt anh nói, tay anh nói, nói thật chính xác ra là toàn thân anh nói, không tài nào chờ “một cái xuống dòng” để kết thúc câu chuyện. Tôi cứ phải hứng thú ngồi nghe từ đầu đến cuối số phận những nhân vật của anh đang nằm trong “doanh trại” chờ ngày xuất kích. Đọc những bài viết trên các trang báo, đọc những trang viết trên tiểu thuyết của anh, tôi không ngờ ngần khi gặp mặt người thân xa nhau lâu lắm, bây giờ mới gặp mặt. Tôi biết mình đang ngồi trước một người đồng cảnh không bao giờ lùi bước trước số phận nghiệt ngã, biết bật dậy ngay trên mảnh đất mình bị đánh ngã gục bằng những “đòn bản” tẩm thuốc độc. Những người mạo danh Đảng đã vui đập ông cứ tưởng rằng Phùng Quán sẽ chết khô trong cảnh héo hon, sầu não, có biết đâu ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam chỉ tước đi cái hư danh “Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam” chứ không tước nổi cái chính danh “Nhà văn” của ông, họ đánh ông ngã gục nhưng tay ông vẫn nắm chặt cây bút máu và cứ thế, đầu đội trời, chân đạp đất, Phùng Quán đi trên đường gió bụi. Ông ở đâu là đám thanh niên kéo đến nghe chuyện, ông không rao giảng kinh bốn cóc gặm, gián nhấm, ông tâm sự với lớp trẻ về chuyện đời.

Nhà ông ở trong khu tập thể trường trung học phổ thông Chu Văn An theo tiêu chuẩn phân phối của cô giáo viên Trâm - vợ anh. Gần nhà, xa ngõ, tuy đứng ở Hăng Phim truyện Việt Nam là nhìn thấy mái nhà anh nhưng khi đi, tôi phải đi vòng qua con đường ven hồ. Nghe tin Phùng Quán vừa dựng xong ngôi nhà sàn bằng khối lượng gỗ vừa gỡ ở nhà cụ thông gia, làm việc ở Hăng Phim truyện Việt Nam xong, tôi chạy sang mừng tân gia của anh. Từ năm 1958 đến nay, chúng tôi chào nhau bằng chính câu của những người tính Đảng cao tới 101%. Phùng Quán vừa cười vừa trở vào ngực tôi, nhắc đúng lời Nguyễn Khải: Thôi đi, đồ giả dối! Tôi cũng trở tay vào ngực anh chính câu các báo đã phê phán anh: Tên xung kích của bè lũ chống Đảng! Khi người ta đã giều cọt những “lời sắt, ý đất sét” ấy tức là người ta đã khinh bỉ những kẻ nói nhảm đến tột độ rồi. Hai chúng tôi cả cười, anh giơ tay về phía chiếc cầu thang thiết kế, đục, đẽo, ghép theo kiểu cầu thang nhà sàn Mường.

Phùng Quán thật khéo tay, với khối lượng gỗ quý đó, anh dựng lên ngôi nhà sàn. Trên nóc nhà quan, thợ thường đắp lưỡng long châu nguyệt còn trên nóc nhà sàn này Phùng Quán đặt một cái chai. Hôm

mừng tân gia, bạn bè xách rượu đến rồi xắn tay áo đề thơ dán kín xung quanh nhà. Phùng Quán trở tay về phía mấy tờ giấy hồng điều bị gió đánh giạt vào góc nhà: Cả bốn bức tường thơ này đã bị gió “biên tập” dần dần. Bài thơ nào chống cự được với gió thì tồn tại, mình không can thiệp. Thực ra gió có nhờ đánh bay một vài bài thơ thì ngay hôm sau, ông bạn khác đến chơi lại dán thơ của mình vào. Té ra ngôi nhà sàn của “ông kẹ” áo chàm với bộ râu ba chòm chỉ nghèo về “mớ” trang trí nội thất nhưng lại rất giàu về thơ. Vốn là người có hoa tay, Phùng Quán tự đóng một cái bàn viết kê quay mặt ra Hồ Tây. Anh đi nhặt các loại vỏ TV cũ về, tháo ra rồi đóng lại thành những chiếc ghế xinh xinh. Rón rén hạ mình xuống chiếc ghế mảnh mai đó, tôi phải ngồi theo thế cụ Đề Thám, người hơi cúi về phía trước, đầu gối vuông góc 90 độ, hai bàn chân sẵn sàng làm trụ cho nửa người trên, không cần lấy đà cũng có thể đứng bật dậy, phòng khi bất trắc. Thấy tôi nhìn chằm chằm vào chiếc chụp đèn tự tạo quay ngang về phía Hồ Tây chứ không chụp thẳng lên đèn, cảm ánh sáng đập thẳng vào mắt người ngồi viết. Phùng Quán vừa cười vừa trở tay về phía hồ: Cái chụp đèn này thiết kế theo yêu cầu của các bạn “đồng nghiệp” của mình đấy. Đêm đầu, mình gò chiếc chụp đèn đặt trên phía ngọn đèn điện. Sáng hôm sau, một đại biểu của hội đánh cá trộm đến đề nghị mình đừng để ánh sáng hắt ra hồ, anh em khó làm ăn. Mình chấp hành ngay và thiết kế loại chụp đèn “quay lưng” che phía hồ. Phùng Quán có một thời câu cá trộm ở Hồ Tây nên anh hiểu một mảnh ánh sáng chiếu ra hồ thì dân câu cá đứt bữa như chơi. Nếu anh giàu, anh sẽ mua cả cái Hồ Tây này, bỏ tiền thả cá giống cho các hội câu trộm đến “vui chơi có thưởng” mất thôi.

Hai mươi bốn

Bước vào làng văn, tôi làm tường chuyện viết văn diễn ra theo dạng chuyển động đều. Tôi viết tiểu thuyết *Sắp cưới* hơn 200 trang chỉ mất già nửa tháng. Thừa thắng xông lên, tôi viết tiếp truyện vừa *Phá đám* 120 trang cũng mất non nửa tháng. Tôi viết tiếp một cuốn tiểu thuyết về thanh niên xung phong. Mất nửa tháng tôi mới viết xong chương đầu - mà cái chương đầu ấy tôi phải viết đi viết lại đến ba lần khác nhau. Tôi định viết tiếp lần thứ tư nhưng coi những trang viết ấy chỉ là “trang bắc cầu” để đến khi viết xong toàn bộ cuốn tiểu thuyết, tôi sẽ viết lại chương đầu. Một cán bộ thanh niên trốn khỏi nhà tù của địch, về nơi cô bạn đóng cơ quan. Bà chủ nhà cho biết cô bạn có người yêu đang bị giặc bắt nên trong cơ quan, nhiều người đánh tiếng nhưng cô không nhận lời với ai, nhất quyết chờ người yêu về. Chương kết, chiến dịch thắng lợi, anh cán bộ thanh niên xung phong trở về thăm cô bạn đúng lúc gia đình cô bạn đang chuẩn bị đám cưới cho cô. Các cụ sợ con gái mình lấy một chàng “nam chinh bắc chiến” sớm hay muộn sẽ thành vợ liệt sĩ nên đồng ý cho cô lấy một chàng trai làm việc trong cơ quan có gia đình ở nội thành. Hàng tháng chàng trai đó vẫn nhận đều đều khoản tiếp tế của gia đình. Anh cán bộ thanh niên xung phong lẳng lẳng trở về đơn vị chuẩn bị kế hoạch vượt sông Hồng phục vụ chiến dịch mới.

Lần này tôi viết hết sức ỉ ạch. Cầm bút ngồi trước trang giấy trắng tôi mới thương Phan Mai. Anh cùng ở báo Tiền Phong với Mạc Lân. Anh đang viết một tiểu thuyết về những ngày đầu tiên trong hòa bình. Anh em chúng tôi ngày nào cũng hỏi thăm anh xem anh đang viết đến đâu. Lần nào Phan Mai cũng trả lời: Gần hết chương một. Mở đầu một cuốn tiểu thuyết sao khó khăn thế.

Viết báo, ký tên Phan Mai mãi anh cũng chán. Anh viết xong một bài lại đảo ngược họ tên mình đi thành Mai Phan. Cái bút danh Mai Phan xem ra lại có vẻ họ và tên trong giấy khai sinh. Thấy Mai Phan viết mãi vẫn luẩn quẩn trong chương một, anh em bèn gọi anh là Lô Mãi Phàn (tiếng rao của ông Hoa Kiều đi bán xôi hấp với lạp xường).

Thấy Phan Mai viết ỉ ạch đến thế, Mạc Lân sốt ruột quá chờ lúc Phan Mai đi công tác vắng, anh bèn lén vào buồng Phan Mai chỉ thấy trên bàn bừa bộn những trang giấy, trang nào cũng viết “CHƯƠNG I”.

Đêm.

Đến trang cuối cùng, Phan Mai chỉ viết thêm một dòng:

Đêm... Đêm tối như mực tàu.

Thời gian này, các báo hay mời tôi đi họp và Câu lạc bộ Hội Nhà văn thứ năm nào cũng họp nên tôi tìm cách ở nhờ trên phố, giảm thời gian “min oong, min đo” trên đường. Hồi ấy nhà ở Hà Nội không

đến nỗi khó khăn, vất vả như sau này. Cánh con địa chủ ở quê ngoại chạy ra Hà Nội đến ở nhờ một nhà làm húng liu ở Ngõ chợ Khâm Thiên để đi học tiếp cấp III. Mỗi lần tôi đến thăm các đồng hương, tôi chỉ bảo các cậu ấy: Hổ ăn thịt các cậu lại được ăn thịt ướp húng liu, cứ như vào cao lầu trên phố Hàng Buồm vậy.

Thấy tôi trưa nào cũng đến ngủ nhờ, cụ giáo Vĩnh bảo tôi: Vợ chồng thằng Điền nhà tôi đã dọn về Đường Thành rồi, gia đình tôi còn một phòng trống để không, anh cứ đến mà ở. Cụ là giáo viên cấp I ở Bắc Ninh, lương giáo viên tiểu học thời Tây cao lắm, khi về hưu cụ mua được cái nhà ở ngõ Lý Thường Kiệt bây giờ. Vợ chồng Điền rời thủ đô đi kháng chiến, cụ phải gọi một người cháu trong họ đến ở cho vui, còn hai vợ chồng già rút lên một buồng ở tầng hai. Còn một buồng ở tầng hai nữa, cụ gọi tôi đến ở. Cụ cho mượn cái bàn và cái ghế tựa để tôi ngồi viết. Tôi chỉ mang cái chiếu để nằm. Tất Vĩnh cho một cái chăn chiên để đắp. Chăn chiếc chăn đã rụng cả tuyết, tôi ngẩng đầu hỏi Tất Vĩnh: Thế ra ông cụ nhà cậu ngày xưa cũng nuôi ngựa à? Quả thực cái thứ chăn chiên ấy ngày trước, ông nội tôi thường dùng để phủ lên lưng ngựa trước khi đặt cái yên da lên cho khung yên không làm sảy lưng ngựa.

Buổi trưa tôi không phải đạp xe về chỗ vợ tôi ăn cơm nữa. Phùng Quán dẫn tôi ra một “ôten đờ la hiên” - tức là hàng cơm đầu ghé ở phố Trần Nhân Tông bây giờ. Mỗi bữa ăn chỉ hết ba hào: cơm ăn đến kỳ no thì thôi, nếu thấy thiếu gọi thêm bao nhiêu cơm cũng được. Thức ăn thì thích món gì gọi món ấy: cá rán, cá kho, thịt kho, thịt lợn luộc, thịt bò xào, rau muống luộc, rau muống xào, canh cải, canh dưa, riêu cua... Mỗi bàn, bà chủ lại để sẵn một lọ muối vừng trộn lạc, một vệt nước mắm, một vệt magi, nói khì vô phép, các cụ đồ Nghệ ngày xưa sống lại đến “ôten đờ la hiên” dùng cơm không phải lôi cá gỡ ra, các cụ chỉ việc vỗ tay xuống mặt bàn gọi năm xu cơm rồi cứ điềm nhiên lấy muối vừng, nước mắm, magi miễn phí mà ăn cũng đỡ mang tiếng là “dân cá gỡ”. Phùng Quán bảo tôi: Chúng ta đầu hàng giai cấp công nhân là đầu hàng thật. Chúng ta đi thực tế xuống chỗ công nhân sản xuất, chúng ta ngồi cùng bàn, cùng dãy ghế với thợ xây, thợ xẻ, dân xích lô ba gác ở “ôten đờ la hiên” này. Còn các bố nhà ta miệng nói đầu hàng giai cấp công nhân nhưng mỗi lần có tiền lại kéo nhau đi chả cá Lã Vọng, cá bở lò Nguyên Sinh, vịt quay Hàng Buồm.

Nhờ đó tôi càng kiên định lập trường ngồi ăn cơm đầu ghé với dân lao động để vô sản hóa.

Ngồi viết ở nhà cụ giáo Vĩnh, ăn cơm ở “ôten đờ la hiên”, tôi dồn sức cho cuốn tiểu thuyết thứ hai của mình.

Tôi ngại về chỗ vợ tôi làm việc vì cứ phải chờ đúng đêm vợ tôi trực, tôi liêu lên chỗ phòng trực ngủ với vợ. Hôm viết phong bì thiệp cưới, hai chúng tôi ngồi viết đến khuya vẫn chưa xong, một ông ở phòng y tế thẳng thắn lên có ý kiến. Tôi phải xin phép viết cho xong đóng phong bì rồi ôm tất cả “đồ nghề” về chỗ anh trai cô Phong dạy học ngủ nhờ. Khi về quê, tôi có phàn nàn với bố tôi là có một ông

bạn của bố trước khi di cư vào Nam nhường cho một căn buồng, bao giờ đất nước thống nhất ông ấy ra chơi Hà Nội, bố tôi trả tiền cũng được. Bố tôi qua chuyện cải cách ruộng đất ở quê ngoại rất sợ “liên quan đến những người bỏ đi theo Ngô Đình Diệm” nên dứt khoát từ chối. Nghe tôi rên rỉ về nỗi không có nhà, ông chỉ cười: Nhà thì nhà nước xã hội chủ nghĩa sẽ lo cho anh em chúng mày. Tao xem triển lãm rồi: nhà năm tầng xây theo kiểu Triều Tiên, nhà nước chia cho mỗi cán bộ một buồng. Tha hồ ở. Chúng mày thích có cái lý lịch đẹp lại muốn cả căn nhà của người đi Nam. Sao tham thế? Người ta lúc nào cũng chỉ được một cửa chứ đi một lúc hai cửa làm sao được. Tôi đành chịu thua ông cụ. Bố tôi là người tin chủ nghĩa xã hội đến mức mặc xác bốn anh em tôi, đi làm cho nhà nước xã hội chủ nghĩa thì đã có nhà nước xã hội chủ nghĩa lo. Làm việc theo khả năng, hưởng thụ theo nhu cầu, hàng hóa sau này tuôn ra như suối, vàng sau này chỉ để dát vào nhà xí.

Thì cái “hưởng theo nhu cầu” của con cụ đây. Dù sao vợ chồng chúng tôi còn sướng hơn Ngưu Lang - Chức Nữ. Hàng tuần mỗi phiên trực của vợ tôi, hai chúng tôi gặp nhau được một lần không phải chờ đến tháng bảy “mùng bảy Ngâu ra, mùng ba Ngâu vào”. Tôi luôn luôn trông chờ ai cho ở nhờ góc bếp cũng được hay một cái gara ô tô chưa sử dụng cho hai vợ chồng mượn tạm tối thứ bảy và cả ngày chủ nhật là hạnh phúc nhất trần đời. Cụ giáo Vĩnh vốn tốt với tôi như thế - bây giờ nghĩ lại cụ đã xẻ cửa xẻ nhà cho một thằng cha vợ chú vào, chẳng một chút dây mơ rễ má họ hàng, làng xóm. mấy lần tôi định xin phép cụ được thuê căn buồng đó nhưng sợ đem chuyện tiền nong thừa chuyện với cụ chẳng khác gì xúc phạm danh dự, tôi phải lảng sang chuyện khác. Đành chấp nhận cuộc sống vợ chồng thất tha thất thểu như vậy. Bây giờ tôi mới hiểu các bà chị thông thạo việc đời khuyên nên lấy tiền nhuận bút tiểu thuyết *Sắp cưới* mua một cái nhà, đêm đêm vợ chồng về tổ ấm sống chung với nhau, có phải là sung sướng bao nhiêu. Sau này lúc đã dồn tiền mua được cái nhà lá bẹp, hai vợ chồng lại nghĩ đến những người có nhà rộng cho người ở nhờ, mới hủ vía. Sau những trận bom Mỹ đánh phá Hà Nội, chính quyền địa phương thường vận động các nhà có diện tích quá rộng hãy vì tình thương yêu giai cấp cho những người đang gặp khó khăn về nhà ở đến ở chung. Đầu tiên, “người khó khăn” ấy chỉ đem theo quần áo và cặp chiếc chiếu để rải xuống sàn ngủ nhờ. Vài hôm sau anh ta đem chiếc nồi, cái rổ bát và cái bếp dầu đến bày trong góc nhà, hai vợ chồng khiêng chiếc giường đôi về nghiễm nhiên chiếm không nửa gian nhà. Lại đến lúc hai vợ chồng anh ta có con. Thế là xoong quấy bột, bô men, giá nồi, phích nước nóng, xe lục lẳng sáu bánh, bếp dầu to, bếp dầu nhỏ, chai nước nguội, lọ đường, lọ ruốc, chậu tắm, chậu rửa giăng ra khắp gian nhà. Cứ như quân đội Sài Gòn thời “da beo” chỗ nào có cờ ba que là chỗ ấy họ xí phần. Đến khi con cái mình lớn, cần có phòng riêng cho các cháu học tập, người có quyền sở hữu căn nhà muốn mời vợ chồng anh ta đi thì vợ chồng anh ta phát huy “tinh thần làm chủ tập thể” - như người ở nhờ nhà các ông bạn tốt bụng của tôi - bắt đầu giở trò lý sự cùn ra đòi chủ nhà phải tìm nhà cho vợ chồng họ. Ông bạn tôi vốn là nhà thơ hài hước đã phải nghiêng rặng nọp cho “người cùng giai cấp” 250 triệu đồng, vợ chồng ông ta mới chịu đi cho. Chúng tôi lúc ấy không có nhà chỉ khổ

trước mắt, đến ông sư suốt đời không có vợ cũng chẳng làm sao, nhưng nếu dồn tiền nhuận bút mua nhà thì hồi ấy vợ chồng tôi vốn nhẹ dạ cả tin, rước các loại “của nợ” ấy về để đến khi nó lại lòi mình ra hầu tòa về tội vi phạm nhân quyền, dám đòi lại nhà một công dân xã hội chủ nghĩa.

Hỡi ơi, thời buổi chụp giật như thế, những người vốn có máu thương người, cũng phải tiết kiệm tình thương. Các cụ thường dạy: thương cái xương chẳng còn.

Tuy đã có nhà ngồi viết yên ổn rồi, thỉnh thoảng, Trung Anh lại rủ tôi “giang hồ vặt” về vùng đồng bằng Bắc Bộ. Hai thằng chỉ có một xe đạp - chiếc xe 700C mác Sterling một thằng ngồi nghiêng trên dống dọc, một thằng ngồi trên yên, ba lô quần áo buộc trên giá đèo hàng, anh em chúng tôi cứ thay phiên đèo nhau hết thôn này đến thôn khác.

Một hôm bà chủ nhà mời chúng tôi ăn một bữa cơm “hai bát, bốn đĩa”. Thấy tôi ngạc nhiên về cuộc đón tiếp khá linh đình như thế, bà chủ nhà cười: Hôm nay rằm tháng bảy, xá tội vong nhân, mời hai anh xơi bữa cơm dưa muối với gia đình. Tự dưng tôi giật mình. “Giang hồ, ta cứ giang hồ mãi, nghe tiếng cơm sôi lại nhớ nhà”. “Bữa cơm dưa muối” làm tôi chợt nhớ hôm nay đúng ngày rằm tháng bảy. Mãi “giang hồ” tôi quên mất ngày kỷ niệm của gia đình. Năm 1951, tôi ở vùng địch tạm chiếm ra đến Hải Nhân, tình cờ gặp Phong đúng hôm rằm tháng bảy. Cụ Giản làm bữa cơm thật xôm trò làm lễ xá tội vong nhân. Từ đó, kể cả lúc hai chúng tôi chưa lấy nhau, cứ đến ngày rằm tháng bảy, Phong lại khéo léo tổ chức một bữa liên hoan nho nhỏ kỷ niệm buổi gặp gỡ ban đầu. Hôm nay chắc Phong đang mỏi mắt chờ tôi bên mâm cỗ nguội lạnh. Ai bảo đại đột đi lấy một thằng mang máu giang hồ giòn chân đi không biết mỏi.

Đêm hôm ấy trăng, mảnh sân, hàng cau ven sân, cây bưởi ngoài vườn hiện mờ mờ trước mắt tôi trông giống như bức tranh được vẽ trên nền lụa bạch. Cái đêm đầu tiên tôi gặp cô bé Phong, trăng cũng sáng như thế này.

... Tôi đi ra vườn, một lũ trẻ con trèo lên cành la cây bưởi vừa hát vừa bứt quả bưởi. Bỗng một thằng bé con buông tay khỏi cành bưởi rồi nhảy xuống vai tôi, hai chân quặp chặt lấy cổ, chặt đến gần nghẹn thở. Tôi bừng mắt tỉnh dậy. Thần đất báo mộng chuyện này vợ tôi sẽ đẻ con trai.

Dù chưa được nhìn thấy mặt con nhưng ngay lúc ấy, tôi đã nghĩ đến chuyện đặt tên con.

Từ ngày xa trường, tôi vẫn nhớ thằng Phùng Công Tùng, thằng bạn học đẹp trai, tươi tắn, thằng hậu vệ bắt “vô lê” phá bóng lên tận giữa sân. Sau khi đọc *Thủy hử*, tôi thích nhất Vũ Tùng, người anh hùng đắm chết hỏ trên núi Cảnh Dương. Con tôi sẽ đẹp trai và chơi bóng giỏi như Phùng Công Tùng và khi bước vào đời, nó cũng dũng cảm đấu tranh với bất công như Vũ Tùng trong *Thủy hử* vậy.

Sáng hôm sau tôi đạp xe về Hà Nội. Đúng là đêm rằm tháng bảy, vợ tôi sinh con trai đầu lòng.

Bây giờ bốn bà có con đã được “phân” một căn buồng hai mươi tư mét vuông. Mỗi góc nhà một

giường. Gầm giường chứa những thứ gì không đặt được lên giường: thùng gạo, nồi, xoong, cái thau đựng tro đặt kiềng, bó củi... Lúc đầu tôi trông cũng khó coi, dần dần ở lâu cũng thành quen. Đêm đêm, cứ chín giờ là tắt đèn, vợ chồng nào có chuyện gì cần tâm sự cứ thì thào thì thầm như cánh phe vé ở chợ Hôm. Con nhà nào trót bĩnh ra thì bố mẹ cứ làm mò, không được bật đèn, ba giường khác trong phòng sẽ lộ thiên cơ. Giường nào giường ấy phải lèn mọng cho chặt, phải kê cho chắc, giát giường không để lộ tiếng cọt két làm ảnh hưởng đến các giường trong buồng. Khổ đến mấy thì khổ nhưng so với thời vợ ngủ một nơi, chồng ngủ một nơi, nhăm nhăm chờ ngày trực của vợ mới về ngủ chung thì cái thời mười hai người một buồng - tám người lớn và bốn đứa trẻ con kể cũng là đã sướng bằng chị Dậu trong *Tắt đèn* và anh Pha trong *Bước đường cùng*. Bạn bè đến thăm vợ tôi mới sinh cháu, tôi ngượng đến đỏ cả mặt khi phải trình diễn cái sự nhếch nhác xã hội chủ nghĩa của gia đình mình.

Khi cháu Vũ Tùng được tròn một tháng tuổi, vợ chồng tôi mời bạn bè đến căn buồng bốn hộ làm lễ cúng mụ cho cháu.

Một cậu bạn của em trai tôi rải chiếu ra hè rồi đề nghị vợ tôi bế cháu Tùng ra đặt xuống chiếu, giục tôi mang cuốn *Sắp cưới* ra đặt cạnh cháu Vũ Tùng. Cậu ta giương máy, điều chỉnh cự ly, tốc độ rồi bấm máy.

Thời đó máy ảnh còn là mặt hàng xa xỉ của cán bộ nhà nước. Ngày cúng mụ của cháu Vũ Tùng được các chú đến chụp ảnh được coi là sang trọng hơn người.

Tôi gửi tấm ảnh đứa con đầu lòng nằm cạnh cuốn tiểu thuyết đầu tay về quê biếu ông bà nhưng có biết đâu lúc ấy gió đã bắt đầu trở chiều, những đám mây đen đang nhú lên khỏi đường chân trời, báo hiệu cơn bão sắp đến.

2000 - 2001

Phụ lục

- Cuộc “làm lành” sau 42 năm của hai nhà văn Vũ Bảo và Nguyễn Khải, Xuân Ba, báo Tiền Phong Chủ nhật số 17/2000.

Cuộc “làm lành” sau 42 năm của hai nhà văn Vũ Bảo và Nguyễn Khải

Xuân Ba

Nhà văn Phạm Thế Hệ vốn chẳng có dây mơ rễ má chi với họ Vũ cả. Anh lính Vệ quốc đoàn Phạm Thế Hệ xông vào “trường văn trận bút” từ sớm lắm trình làng truyện dài *Làm giàu* với bút danh Vũ Bảo. Nghe đâu ông cụ thân sinh mắng cho một trận vì tội tự tiện lập họ tên mới này. Vũ Bảo trần tình với bạn bè: “Cái tên Phạm Thế Hệ nghe hơi hanh hách thế nào. Tớ vốn mê văn tài Vũ Trọng Phụng. Vũ Thế Hệ nghe lại càng... hách. Thì “mưa gió” tí chơi vậy”. Nhưng khoác áo cà sa không thể thành nhà sư. Chỉ tới năm 1957 tiểu thuyết *Sắp cưới* của nhà xuất bản Văn Học do nhà văn Tô Hoài làm giám đốc ghi trên bìa một hàng chữ “Loại sách ra mắt” với số lượng in 3000 cuốn thì Vũ Bảo mới gây nên chút “mưa gió” trong lòng bạn đọc. Năm 1957 - 1958 nhà văn khi đó hơi bị hiếm chứ không lắm như bây chừ nên *Sắp cưới* của Vũ Bảo dư ba chẳng kém *Vượt Côn Đảo* của Phùng Quán là mấy.

Nhưng rồi đúng một cái người ta xì xào *Sắp cưới* có “vấn đề” (?) Mà chẳng còn là xì xào xầm xì nữa, một số tờ báo lớn ở thủ đô lúc đó đã thẳng thừng chỉ ra cái hơi hướng “ủy mị tiểu tư sản, phi giai cấp” của *Sắp cưới* v.v... Nặng “chùy” hơn cả là bài viết gần bốn trang với “co chữ tám” của nhà văn trẻ Nguyễn Khải trên Văn nghệ Quân đội tháng 7/1958. *Trách nhiệm người viết qua cuốn “Sắp cưới” của Vũ Bảo*. Văn tức là người. Người đề ra văn ắt người viết phải chịu, phải có trách nhiệm với từng con chữ của mình. “Vấn đề” là đây chứ đâu nữa. Xin bạn đọc miễn cho tôi cái việc phân tích hoặc lược thuật nội dung bài báo ấy.

Vâng, thế là rầm cả lên. Vũ Bảo khi đó đang công tác ở ủy ban cải cách ruộng đất Trung ương nhận được chỉ thị phải kiểm điểm. Theo Vũ Bảo, lúc đó ông có thanh minh và hình như có cãi nữa nhưng không mất xu nào mà vẫn mua được khối búa với rìu! May phúc cho Vũ Bảo, đồng chí bí thư chi bộ đã gặp riêng trần bớt cơn hăng của chàng thanh niên hai mươi sáu tuổi ấy, mắng cho Vũ Bảo một trận “bơn bớt cái mồm đi” rồi trần tình với tổ chức đại ý thế này: Thừa các anh, đây là chuyện văn chương, chúng tôi thấy báo chí - báo lớn báo nhỏ, báo dân báo quân - phê phán như thế là đủ là thấm cho cậu này lắm rồi (!) Chưa hết, một tỉnh ủy viên Hà Nam vốn có quen biết Vũ Bảo hồi còn hoạt động địch

hậu đã xin Vũ Bảo về Hà Nam làm cán bộ Tỉnh Đoàn. Nhà văn Nguyễn Văn Bổng lại “hợp thức” việc xin người ấy bằng cách ký quyết định “cho đi lao động cải tạo dài hạn”. Hơn mười một năm, Vũ Bảo cắm ở vùng chiêm trũng ấy cho đến cái năm nhà văn Hồ Phương xin cho Vũ Bảo sung vào đội hình đi B với Bộ Tư lệnh Thông tin vào chiến trường B5...

Một bữa cách thời điểm Đại hội Nhà văn VI không lâu, cái dáng tập tễnh của Vũ Bảo lại nhúc nhích ở cửa phòng làm việc của tôi. Mới bập được mấy hơi thuốc, ông Vũ Bảo đã thả ra một tập giấy, tôi cứ tưởng ông “thả” ra phóng sự cho báo như mọi bận hóa ra đó là bản sao bài *Trách nhiệm người viết qua cuốn “Sắp cưới”*... và tờ thư ngỏ gửi ngài... đại tá nhà văn Nguyễn Khải, dưới ký tên: bình nhì Phạm Thế Hệ tức Vũ Bảo. Tôi cắm mặt vào tập giấy mặc cho ông cứ ngồi đốt thuốc ngùn ngụt. Góm cho cái nhà ông Vũ Bảo, ngôn từ dùng cho phóng sự, truyện ngắn, tiểu thuyết đã ghê, chữ nghĩa ông dùng trong cái thư ngỏ này còn khoan nhặt hơn, thâm sâu hơn, chì chiết hơn trong cái việc trách cứ quy kết ông Nguyễn Khải đã lờ đi, đã lặng phắc, đã phẩy tay cái việc “gấp lửa” ngày ấy để ông phải âm thầm chịu đựng suốt 42 năm. Tôi biết cái “khoản” thư ngỏ kiêm bài báo 42 năm trước, ông sẽ “trung” lên ở một diễn đàn nào đó, chẳng hạn như ở Đại hội Nhà văn, hoặc như ông nói nếu vì lý do nào đó không tới dự Đại hội, nhiều người khác sẽ đưa hộ tới tay ông Nguyễn Khải hoặc ông X. ông Y. trong ban tổ chức! Hình như “lườm” được ý tôi, ông vừa thở dốc (di chứng của lần tai biến mạch máu não) vừa nói: Các cậu còn trẻ các cậu chưa biết nên chưa thấm. Đau lắm. Nhưng không nói được. Nói vào lúc nào? Trách vào lúc nào? Bị ngã dài đau tưởng chết. Nếu cứ nằm chờ người ta đếm đến “9” là sẽ bị hốt quãng đi. Không, tớ đã vùng dậy. Mà gượng được đến lúc này cũng là quá. Thế mà “người ta” cứ faire silence (im lặng) thì có quá đáng không... Ông cứ lao phào một thôi như vậy. Còn tôi thì cứ gai gai...



May cái là nhà văn Nguyễn Khải cũng đã bay ra. Nhà văn Vũ Bảo cũng đã tới dự Đại hội được. Lại mừng cho các cụ không biết sức viết thế nào đang “thai nghén” những chi nhưng cả hai ngó đều mạnh. Tôi thì chẳng dùng được sự tò mò lẫn nôn nóng khi tới ngồi cạnh nhà văn Nguyễn Khải rồi rụt rè khơi ra việc ấy, việc ấy... ông Nguyễn chăm chú nghe và rồi tôi chứng kiến một động thái không đúng tuổi cho lắm là ông lập cập nhắc nhắc cái phéc mơ tuya chiếc cặp lôi ra hai tờ giấy rút từ cuốn vở học trò cấp một, chữ viết tay. Chữ của ông. Một tờ ông ghi xin được rút khỏi danh sách bầu Ban Chấp hành Hội Nhà văn. Tờ kia, tôi coi mà không tin vào mắt mình nữa. Tôi không chép, trích cụ thể ra đây nhưng đại ý ông xin lỗi nhà văn Vũ Bảo cái hồi ấy (năm 1958) đã không hiểu hết mọi sự. Do hăng, do háo danh và cả... “ngu” nữa nên đã làm đã gây ra những sự như thế, như thế...

Đón cái nhìn dò hỏi của tôi, nhà văn Nguyễn Khải chậm rãi: “Mình ở trong ấy có nhận được thư ngỏ của ông Vũ Bảo do mấy ông bạn chuyển. Quả thật mình choáng người! Mình đã quên đi việc này lâu

rồi. Nhưng nếu tự cho mình cái quyền quên đi hay tình thế lúc đó nó phải như thế, như thế thì có lẽ không phải... Mình dự định ra chuyện này mình phải chủ động gặp... và cũng lường trước, nếu ông Vũ Bảo công khai thư ngỏ, thì mình cũng công khai sự xin lỗi như trong nội dung tờ giấy này...” Thú thực, khoảng non một tiếng của phiên họp buổi sáng Đại hội Nhà văn, tôi chả nắm được thông tin gì ngoài những lời rủ rủ của ông Nguyễn Khải. Rằng cái hồi ấy, cái năm 1958 và nhiều năm sau nữa ấy mà, ông Nguyễn Khải nói, mình hăng lắm, oách lắm, oai lắm. Ông còn hướng dẫn cả nhà thơ Thế Lữ viết kiểm điểm, cãi tay đôi với Đặng Thai Mai. Bây giờ có chột ngấm lại còn thấy nóng tai! Một lần mình ngồi với Chế Lan Viên ở ghế đá vườn trụ sở Hội Nhà văn, bà Hằng Phương vợ nhà văn Vũ Ngọc Phan đợi Chế Lan Viên đi rồi lừ lừ nhìn tôi buồn thõng: “Định đánh thẳng nào thì cứ nói ra đi”. Chao ôi, cái thời đó... có trong nghề lâu mới thấy thấm. Có thể phải nói thế này cậu ạ, mình xin lỗi không phải chỉ riêng trường hợp của ông Vũ Bảo mà còn đối với một số anh em khác nữa kia... Mình có linh cảm là được dự Đại hội lần này có lẽ là lần cuối nên mình cũng thực lòng vậy. Các cậu còn trẻ (lại còn trẻ! Hai ông có điểm giống nhau thế) nếu có nhận xét gì, hạ chữ gì về ai cố gắng phải đôi hồi đắn đo lắm lắm v.v và v.v...

Tôi chẳng biết nói thế nào... Có khi lại lạc vào cái mê cung “Giấu mình mà cứ như không có mình” cũng nên (!) đành xin phép ông sang ngồi với nhà văn Vũ Bảo. Tôi càng lấy làm lạ là ông Vũ cứ trầm ngâm, chả ừ hử gì khi tôi nhiệt thành “truyền đạt” lại. Có thể là mình chẳng là cái đinh gì giữa các cao thủ? Thoáng ngó về gập gù của ông Vũ Bảo tôi có cảm giác rằng ông tiên liệu việc nó phải như thế, như thế chẳng?

Nhưng tôi khác ông, chả phải đợi tới 42 năm mới lựa được một thời điểm, với lại cũng có cách kiểm chứng của riêng mình. Vừa tới giờ giải lao, nhân lúc Thành Chương vác máy ảnh lướt qua, tôi giữ lại... Rồi tôi dắt cụ Vũ Bảo cứ thế qua các hàng ghế tới khu vực đoàn đại biểu thành phố Hồ Chí Minh. Từ xa, cụ Nguyễn Khải chừng như đã đón được sự ma mãnh của tôi liền tươi cười đứng dậy dang tay ra đón cụ Vũ Bảo ngồi xuống bên cạnh mình. Thoáng cái, đã thấy ánh đèn flash của họa sĩ kiêm nhiếp ảnh gia Thành Chương lóe trên hai gương mặt rạng rỡ ấy...

17/4/2000

Báo Tiền Phong Chủ nhật số 17/2000

Vũ Bão

Tiếng cười ở lại

Hồ Anh Thái

Cứ ở đâu xuất hiện Vũ Bão là ở đấy có tiếng cười. Trước thời đổi mới, nhiều khi phải viết dăm ba câu mẩu dịch mới độn được một câu của mình, Vũ Bão phát tiết tinh anh theo đường xuất bản miệng. Hội nghị, hội thảo, đại hội, sinh hoạt câu lạc bộ văn học... Vũ Bão bạo mồm bạo miệng phát biểu là cả hội trường cười ngả nghiêng. Đến mức người ta bảo nhau: “Ông này nói hay hơn viết”. Ba mươi năm sau tiểu thuyết *Sắp cưới* (1957), Vũ Bão xuất bản hơn mười cuốn sách, làm mấy bộ phim truyện, có những cái hoạt náo tung bừng lắm, nhưng ít đồn trút được những gì đích thực là Vũ Bão. Phải đến năm 1987, đúng vào cái năm *Sắp cưới* được “phục hồi”, được in lần thứ hai, Vũ Bão tung ra liền mạch mấy cái truyện ngắn góm ghê. *Người chưa có chiến công* là chuyện chủ nghĩa thành tích làm mờ mắt con người, không phân biệt nổi người có năng lực làm đâu gọn đấy, mà lại coi là có chiến công những kẻ vừa làm vừa bày ra, rồi sau cần mẫn quay lại dọn dẹp cái chỗ bày ra của chính mình. *Người không có tên trong từ điển* thì luôn đấu tranh cho lẽ công bằng, nhưng khi đã hy sinh thì không được đối xử công bằng đáp lại - Người ta chỉ nhắm nhắm sửa cái tên của anh lính Chinh thành Trinh “cho có nghĩa”, mà không nghĩ rằng nhiều điều không có trong sách vở nhưng lại có ý nghĩa riêng trong thực tiễn đời sống - Các vị “suốt đời sợ sai sách mà chẳng bao giờ lo sách cũng có lúc sai”... Đến lúc ấy bạn bè và người đọc mới giật mình, hóa ra cái ông Vũ Bão này không phải chỉ biết nói hay nói giỏi.

Khi Vũ Bão làm phó tổng biên tập tạp chí Điện ảnh Việt Nam, ông nghĩ ra lắm mục lắm trò vui vẻ tếu táo, tờ báo bán chạy vào cái thời báo chí bắt đầu được thả ra cho ganh đua. Mục giao lưu với bạn đọc khi ấy còn khá mới mẻ thỉnh thoảng lại có những lời phi lộ, đại loại bạn đọc hỏi về diễn viên A đạo diễn B, chúng tôi xin mời anh Phạm Thế Hệ trả lời. Oai chưa, Phạm Thế Hệ là cha nào, tên tuổi gì mà nói năng cứ như đi guốc gót nhọn trong làng điện ảnh? Đến bây giờ, nhiều người chỉ nhớ những câu trả lời hóm hỉnh nhưng chẳng nhớ được cái tên mà như vô danh ấy.

Vậy thì xin giở tập *Truyện ngắn chọn lọc của Vũ Bão*, phát hành năm 1999 ra mà xem. Ít nhất cái tên ấy được day đi day lại trong ba truyện ngắn: *Nợ nần kiếp trước*, một cậu em từ vùng tự do viết thư cho chị ở vùng giặc đóng, ký bên dưới: “Em của chị, Phạm Thế Hệ”. Trong truyện *Bóng ma đối quê hương*, một anh lái xe ôm cũng xưng danh: “Tôi là Hệ, Phạm Thế Hệ”. Còn đây là một đoạn trong *Người chưa có chiến công*, những anh lính mới tò te trong một cuộc điểm danh:

“- Dương Văn Đăng. Có ai tên là Dương Văn Đăng không? Lại tuột xích rồi hả. Tôi đọc tiếp: Phan Thế Hộ hay Hì thế này?

- Thủ trưởng ơi, tên tôi là Phạm Thế Hệ ạ.
- Ủ thì Hệ.
- Có tôi.”

Mãi sau này tôi mới biết công dân Phạm Thế Hệ đã mất cái tên khai sinh cho nhà văn Vũ Bảo khét tiếng. Đến cả cái tên mình cũng chẳng tha, còn lòi ra để đặt cho những nhân vật thuộc loại thấp cổ bé họng nhất, mà không chỉ đặt một lần.

Vũ Bảo cười:

- Sự trùng lặp này là lỗi của tôi. Ba truyện ngắn ấy viết ở ba thời kỳ khác nhau, nay tập hợp lại trong một cuốn sách, không kịp chữa lại.
- Thôi, chữa làm gì. Cái ông Phạm Thế Hệ chiến sĩ vô danh cũng phải được nhà văn Vũ Bảo có lúc đền đáp chút ít, dù cách đền đáp chưa phải đã xuôi. Vậy còn cái bút danh Vũ Bảo, nghe tếu táo lỉnh trảng và hùng hực khí thế như bí danh thời kháng Pháp?
- Thực ra vì mê Vũ Trọng Phụng, khi đi công tác tôi đổi tên là Vũ Thế Hệ. Sau này in những truyện ngắn đầu tiên, tôi không thích cái tên Hán Việt của mình, bèn lấy chữ Bảo là cái tên rất nôm. Ngờ đâu ông bố tôi mắng cho một trận, *bảo* hóa ra cũng vẫn là từ Hán Việt, nghĩa là *no* là *hoài bảo*. Tôi định đổi bút danh một lần nữa thì cuốn *Sắp cưới* bị đánh, đổi chẳng hóa ra mình sợ và tự thấy mình sai?

Cho nên vũ bảo giông tố mới vậ vào đời anh, một cuộc đời không bằng lặng, ngược xuôi như dân du mục, lênh đênh như vụn chài từ tỉnh này sang tỉnh khác, từ quê hương Thái Bình vào Thanh Hóa trở ra Hà Nam, Nam Định, đi chiến trường, từ Hội Văn nghệ Hà Nội sang Tổng cục Thể dục Thể thao rồi báo Điện ảnh.

- Trở lại bút danh Vũ Bảo, chắc anh biết mấy năm gần đây có một cây bút, ký là Bảo Vũ?
- Ông này ở Hải Phòng, ông này mới thật tên là Vũ Bảo, nhưng vướng vào tôi, đành phải lật ngược tên thật. Thời buổi người ngay sợ kẻ gian.
- Nghe nói ở Quy Nhơn có một đường phố mang tên Vũ Bảo?
- Đấy là một liệt sĩ thời chống Mỹ ở địa phương. Lần nào tôi vào Quy Nhơn, bạn bè cũng kéo tôi đến đứng dưới cái biển phố chụp một tấm ảnh. Tôi đứng ngấm tên mình mà ngưỡng mộ.

Năm 1989, Vũ Bảo bị một cơn tai biến mạch máu não, liệt nửa người. Trở dậy, lập tức run rẩy tập

đi, đến bây giờ vẫn đi tập thể, lại còn lấy xe đạp đi thăm bạn bè, ngã sườn sườn mặt. Hỏi làm sao mà ngã, chỉ vào đầu rồi vào chân: “Đầu bảo tạt vào bên trong, nhưng chân cứ đạp, tay cứ lái xe ra giữa đường. Đây là tình trạng trung ương bảo mà địa phương không nghe”. Anh rất sợ tiêm sợ thuốc, thế mà vợ, con trai, con dâu đều là bác sĩ. “Có một thằng què mà ba thầy thuốc. Nhiều lúc trốn được thuốc của vợ ở tầng trên, chạy xuống tầng dưới thì đã thấy con trai và con dâu chặn hai cửa, quyết *không cho chúng nó thoát*”. Ông què mà chẳng bao giờ chịu ngồi yên ở nhà, hề có ai rủ đi chơi đi viết báo ở tận Lạng Sơn, Lào Cai, Nha Trang, Sài Gòn... là đi ngay. Một hôm vừa xong cuộc họp, có người rủ đi Trà Cổ, Vũ Bảo liền gọi điện về nhà xin phép vợ cho phải phép, nhưng chị Phong đang đi thăm bệnh nhân. Anh vội quay sang bảo tôi: “Cậu về gọi điện thoại hoặc chạy qua báo bà Phong hộ một câu, chiều mai tớ về”. Hăng hái nhiệt tình với bạn bè thế, đến khi chỉ mới dám mơ ước xây một căn nhà nhỏ cho thoát cái nhà nát ở ngõ Quỳnh thì bạn bè trong Nam ngoài Bắc người biểu kẻ cho vay, người trả công viết mấy cuốn sách truyền thống của tỉnh của ngành, xây xong cái nhà trong nửa năm. “Tiền ừn ừn đổ vào đến mức tớ phát hoảng, hay là điềm báo mình sắp chết?” Chị Phong chép miệng: “Vợ chồng mình mấy chục năm theo cơ quan, về hưu tay trắng, trong khi theo Phật có mấy năm thì xây được nhà”. Bản tính trào lộng bùng ra, Vũ Bảo vỗ ngực: “Phật nào? Phật đây này”. Chị Phong cho một tràng: “Anh đừng có nói năng báng bổ như thế. Bao nhiêu người tài năng chẳng kém gì anh, công lao đóng góp như anh, sao bây giờ vẫn nhà rách vách nát? Mình được thế này rõ ràng là nhờ ở Phật”. Hội thảo kết luận ở đấy thì cái ông Phật là ta Phật tại tâm chỉ còn cách ngậm miệng ăn lời.

*

* *

Thời đi làm mấy bộ phim hài về thể thao như *Những ngôi sao nhỏ*, *Phút 89* theo kịch bản của Vũ Bảo, đạo diễn rất bực mình vì con gái của một nhà biên kịch, theo đoàn làm thư ký, sênh ra là lặn khỏi trường quay, đi theo tiếng gọi nơi hoang dã. Hôm ấy vừa đầu buổi sáng đã không thấy cô ta đâu cả, đạo diễn hùng hổ nói với Vũ Bảo: “Dù bố nó là bạn của ông và tôi, trưa nay nó không quay về, tôi mà không đuổi được nó thì tôi làm con chó”. Chiều tối đưa con gái nọ cũng không quay về, Vũ Bảo bảo đạo diễn: “Thôi ông ơi, đến nước này thì làm chó còn hơn là mất bạn”.

Vũ Bảo nhiều bạn, giao thiệp rộng, chỉ có thêm bạn chứ không bớt đi. Nhưng có mấy người từng là bạn mà không bao giờ trở lại là bạn được nữa, mấy người bạn văn lúc Vũ Bảo lâm nguy vì cuốn *Sắp cưới* đã xông ra viết bài đánh bồi thêm. Mấy chục năm qua rồi, chuyện tưởng đã quên đi được, ở lúc xé chiều mới trở lại bực bội trong lòng. Ngồi bút hải hước châm biếm Vũ Bảo chủ tâm đánh trả loại nhân vật mà ông gọi là “dũng sĩ diệt đồng đội”, lúc công đồn thì sợ vãi ra quần, bỏ mặc đồng đội,

nhưng khi chiến thắng thì nhảy lên cầm cờ làm người hùng tiên phong đổi mới. Truyện ngắn *Người vãi linh hồn* là một trong những truyện hay trọn vẹn của Vũ Bảo bên cạnh những truyện còn ngồn ngàng chất báo chí. Tập *Người vãi linh hồn* của anh đã được dịch in ở Pháp, Sri Lanka, Mỹ, Ấn Độ.

Một loại nhân vật khác là đối tượng châm biếm của Vũ Bảo, đánh mãi không mỏi tay, đó là *Phó tiến sĩ không hữu nghị*. Bằng cấp cho, danh hiệu xin từ các nước anh em tạo nên một thiếu số những người thiếu năng lực, nhiệt tâm đóng góp mà thành nhiệt tâm phá, thiện chí hữu nghị mà thành ra không hữu nghị. Ông trở đi trở lại với loại nhân vật này trong rất nhiều truyện ngắn và kho từ vựng rất dân dã cứ ngồn ngộn lên. Cái hội đồng khoa học hữu nghị của nước bạn nhón nháo những “cụ ski, cụ in, ông ốp, ông ép, bà na, bà va”, những giáo sư Átnhép, giáo sư Déplóp, giáo sư Lômcômski. Một nhân vật thích xu nịnh đi bằng đầu gối được Vũ Bảo đặt cho cái tên Andrây Xunxoe, Andrây là tên người Nga, xun xoe tất nhiên là một từ tiếng Việt. Truyện *Lý sự người đời* có hai chuyên gia rơm viết báo tuyên truyền ăn ốc sên bở, khi người ta đã ăn rồi thì lại bảo ốc sên độc, một người là bác sĩ Văn Đình Điền, một người là phó tiến sĩ Mai Thị Dịch - Văn Điền, Mai Dịch là tên hai cái nghĩa trang ở Hà Nội.

Hình như có lần nhà văn Tô Hoài đã ví một nhà thơ như người gánh đi hai cái bồ chữ. Tôi hình dung Vũ Bảo cũng gánh hai cái bồ chữ khác nhau như thế. Bên này là bồ chữ ông thu lượm trong dân gian, có những từ ngữ thành ngữ vốn là của đường phố, Vũ Bảo dùng trở nên mới mẻ cứ như ông là người đầu tiên tạo ra chúng. Đây là người *vãi linh hồn*. Đây là *phó tiến sĩ hữu nghị*. *Bút bi hết mực* là chỉ những người sức cùng lực kiệt, lực bất tòng tâm. *Nhà trẻ không có bồ* chỉ những cơ quan là chỗ cho cán bộ gửi con cái mình vào, những cậu ấm cô chiêu đã tự đi vào toilet được nên “nhà trẻ” không cần bồ.

Bồ chữ bên kia của Vũ Bảo là những ngôn từ quen dùng của báo chí, của công chức văn phòng, của biên bản, nghị quyết. Nhớ ngày nào trong thư viện của chị Bích Hà ở Hội Nhà văn, lần đầu tiên tôi giở bản *Sắp cưới* in năm 1957, không khỏi bật cười bắt gặp bức thư của cặp trai gái viết cho nhau mà cuối thư là câu “chào thân ái và quyết thắng”. Vũ Bảo có cái lý của ông, hình như dân mình quen ăn nói bằng thứ ngôn ngữ do hệ thống thông tin đại chúng truyền bá hàng ngày. Những *tiền đồn*, những *cuộc đấu tranh ai thắng ai*, *giang sơn gấm vóc*, những *vĩ mô vi mô*... Những ngôn từ khuôn mẫu, to tát và hoa mỹ được ông dùng lại bỗng nhiên trở thành ngôn ngữ trào lộng.

- Nhưng cũng phải thận trọng với loại ngôn ngữ này, cũng như phải thận trọng khi dùng tiếng lóng là những thứ không bền vững, nhanh thay đổi - Tôi nói - Anh nhớ lại văn xuôi những năm ba mươi bốn mươi thì rõ, ngôn ngữ thời cuộc và thời điểm được dùng ở chỗ nào thì người đọc hôm nay thấy chỗ ấy ngô nghê tức cười. Riêng ông Nam Cao tránh được thứ ngôn ngữ này, văn ông cứ như của người thời nay vậy.

- Tôi là anh viết báo, sục sạo nhiều trong công văn nghị quyết, nghiền ngẫm nhiều về nó đến mức nó

ngắm vào mình, mình tron tru nói ra như người nhập đồng.

Chất báo chí thì đã hẳn. Vũ Bảo thừa nhận vốn xuất thân là anh làm báo, mười lăm tuổi đã làm chủ nhiệm tờ báo của thiếu niên tiền phong thị xã Thanh Hóa. “Từ anh nhà báo phấn đấu thành nhà văn. Đến khi thành nhà văn rồi, về hưu lại phấn đấu trở thành nhà báo để kiếm sống”. Kỳ họp quốc hội nào cũng xin một cái thẻ đến dự như phóng viên báo chí. Bạn bè nhìn thấy trên truyền hình Vũ Bảo đóng bộ chỉnh tề ngồi nghe nghiêm chỉnh, gọi điện hỏi ông đại biểu của tỉnh nào. “Không biết à, đại biểu của xóm liều Thanh Nhân nhà tôi từ lâu rồi”. Ai gọi đi viết là đi ngay. Báo nào nhờ viết cũng viết ngay. Nhiều truyện ngắn của Vũ Bảo đầy chất báo, được viết như viết một bài báo. Còn nhiều bài báo lại in đầy dấu tích của người viết văn, có thân phận, có cá tính và sự phát triển tính cách. Những bài báo sinh động, hóm hỉnh, có khi tòa soạn quên đề tên tác giả, người đọc vẫn biết là của Vũ Bảo. Ông viết rất duyên về cái siêu thị đầu tiên của Hà Nội ở chợ Hôm, về số phận thăng trầm xuyên qua thế kỷ của bách hóa tổng hợp Tràng Tiền. Về đoạn đường trúng mưa một trận đầu mùa là ngập lụt, ông kể chuyện thời Pháp ở một cửa hàng đồng hồ có mô hình con cò ngâm một chiếc đồng hồ chốc chốc lại cúi cổ nhúng đồng hồ vào bình nước để chứng tỏ đồng hồ không thấm nước. Rồi ông vận vào đoạn đường ngập nước nọ mà cho rằng ông trời thấy có nhiều hàng rớt nên lâu lâu cho một trận mưa để dân Thanh Nhân nhúng giầy khùng bố, dép da, dép rọ, cả xe gắn máy nữa, mà thử chất lượng... Đọc những bài báo ấy, vui thì vui thật, vui nhất là đi qua đoạn đường trúng Thanh Nhân thấy nó đã được tôn cao, nhưng cũng lo cho Vũ Bảo. Quỹ thời gian của ông không còn dư dật lắm đâu, sao không chuyên tâm viết văn? Đọc cuốn hồi ký của Tô Hoài, tôi bèn đi xúi bẩy hai người viết hồi ký, Ma Văn Kháng là một, Vũ Bảo là hai. Vũ Bảo giờ hai tay như đầu hàng, chịu thua không tranh cãi:

- Xin tuân lệnh, nhưng thủ trưởng cũng đừng sốt ruột.

- Nhưng mà phải tăng tốc lên. Giọng văn hồi ký hài hước cũng được, nhưng hể động đến người đã đánh mình ngày xưa thì giọng đừng có dùng dùng thiên lôi. Những người ấy cũng đầy nỗi niềm và cũng sám hối từ lâu rồi.

Vũ Bảo cười:

- Thời buổi ấy nó thế. Tay phải chém vào tay trái ấy mà.

Ào ào cái kính một lúc rồi lại ào ào cười. Rồi một chàng trai hai mươi tuổi trong câu lạc bộ văn học trẻ đến đèo ông đi dự sinh hoạt hàng tháng. Vũ Bảo là người đỡ đầu cho câu lạc bộ, rất chịu khó ngồi nghe các đại thi hào đại văn hào tương lai đọc thơ, đọc văn xuôi, rồi viết nhận xét cẩn thận và trân trọng. Hình như ở tuổi ông ít có nhà văn nào có thể chơi thường xuyên, chơi bền vững với những người viết trẻ, được họ kính trọng và trêu đùa ngang hàng như vậy. Một lần nể ông lắm, tôi mới nhận lời đến nói chuyện với câu lạc bộ, tôi chưa bao giờ xuất hiện ở nơi đông người say văn chương như vậy. Nhưng tiếp xúc với các bạn trẻ hôm ấy, tôi thấy Vũ Bảo có lý vì đã đánh bạn thường xuyên với

họ. Tôi kể chuyện này với nhà văn Trần Hoàng Bách, anh bảo: “Ông Vũ Bảo chơi với trẻ con đã thành truyền thống. Cách đây hơn ba chục năm, ngày tiễn tớ đi bộ đội, ông ấy cũng kéo một câu lạc bộ như thế đến, đọc thơ *Anh Bách ơi anh đã đi rồi.*”

Tôi cũng ở tuổi hai mươi khi đem tặng nhà văn Vũ Bảo nông danh khét tiếng những cuốn sách đầu tiên. Sau vài ngày bao giờ cũng nhận được một lá thư dài gửi đến cơ quan, ghi rõ ràng ở phong bì gửi nhà văn Hồ Anh Thái, hồi ấy tôi rất ngại bị đồng nghiệp ở công sở gọi là nhà văn. Nhưng đọc những dòng nhận xét chân tình của Vũ Bảo thì bình tĩnh lại. Tôi đến chơi nhà, ông nhắc con trai gọi tôi bằng chú. Tôi ngượng ngùng phản đối thì ông bảo: “Bạn của bố, con phải gọi bằng chú là đúng”. Cái ông nói năng viết lách trào lộng không kiêng dè hóa ra cũng rất gia trưởng.

Đến đây mới chợt nghĩ, một người có công đào tạo nhiều lớp nhà văn trẻ ở Hà Nội như Vũ Bảo, một người là thành viên sáng lập Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1957 mà được những cây bút trẻ hôm nay chịu cho nhập hội và cư xử ngang hàng phải lứa, sao lại không được mời dự những hội nghị nhà văn trẻ toàn quốc nhiều năm qua nhỉ?

Vũ Bảo lại cười:

- Các nhà văn đầu râu tóc bạc phải đặt lại câu hỏi mới đúng: vì sao họ không được chúng tớ mời vào câu lạc bộ văn học trẻ?

*

* *

Sáng ngày 30-4-2006, Vũ Bảo có mặt ở Hạ Long kịp dự lễ hợp long cầu Bãi Cháy, “cây cầu thế kỷ” như ông nói lý do với vợ để được phép đi. Ông đã tham dự lễ hợp long từ đầu đến cuối, đã đứng trên mặt cầu cao 55 mét so với mặt nước mà chúc tụng những người làm cầu, mà nhìn ngắm thỏa thích cả một vùng trời nước bát ngát. Ngay sau đó, xe đưa các nhà văn ra về, cách Uông Bí 6 km thì ông bị đột quỵ, rồi mất tại bệnh viện Uông Bí lúc 11 giờ 35 phút.

Tôi được tin ngay. Sau đó dịch giả Dương Tường gọi điện, giọng run run: Anh Vũ Bảo mất rồi, tháng này bạn bè ra đi đến bốn người. Anh ấy mất ngoài đường, không kịp nói gì, khổ quá.

Tôi hiểu cơn choáng váng của Dương Tường và người thân, nhưng lúc ấy tôi lại nghĩ Vũ Bảo đã ra đi một cách nhẹ nhàng nhất. Không khổ mình, không phiền ai. Nửa đầu cuộc đời sóng gió đã được bù lại bằng nửa sau an lạc. Gia đình khấm khá, đủ huê. Bản thân ông đã được viết đã được in những tác phẩm hay nhất của mình. Giỏi chân đi thì được đi thực tế thoải mái. Các bộ các ngành đều có bạn bè tạo điều kiện cho mà đi. Đi đến ngày cuối cùng. Muốn dự lễ hợp long cây cầu thì đã được dự, nếu

không dự được mới là còn có điều phải ân hận. Như vậy là muốn gì được nấy, Vũ Bảo đã ra đi trong mãn nguyện. Khỏe mạnh cho đến giây phút cuối cùng của cuộc đời, hầu như ai cũng luôn mong được như thế.

Đang trong thời gian đọc bản thảo cuối cùng của Vũ Bảo, tôi đến gặp chị Phong để hỏi thêm một số tài liệu. Lúc ra về, chị dúi vào tay tôi chiếc áo mưa Vũ Bảo đã dùng:

- Giữ làm kỷ niệm. Anh ấy sẽ che chở cho chú.

Mong như thế thật. Được anh che chở, tôi cũng đang được sống như mình muốn, được làm công việc mình muốn làm, được ngao du tùy ý, thích gặp bạn bè nào thì gặp được ngay, không thích thì thôi. Mong anh phù hộ để khi nào ra đi, bạn bè ai cũng được nhẹ bước như anh.

Vũ Bảo để lại hai bản thảo đã hoàn chỉnh. Tiểu thuyết *Utopi một miếng để đời* và hồi ký *Rẽ bèo chân sóng*. Bản thảo tiểu thuyết, chị Lê Minh Khuê và tôi phải xử lý mất ba tháng trời. Khi tiếp cận thì thấy rậm rạp, khó đọc. Biên tập xong, đọc lại thì như gạt được lớp cát phủ ở trên để những hạt lấp lánh hiện ra. Như thấy lại Vũ Bảo trước mặt, hài hước, tinh nghịch mà thâm thúy. Quán thịt chó ở làng quê tỉnh cò được vị thái tử của một nước ghé thăm, anh chủ quán sau đó bất ngờ nhận được lời mời ra nước ngoài để làm đặc sản. Anh đã mang món quốc hồn quốc túy sang, làm cho thái tử và cả hoàng gia bên ấy biết đến món ăn “sống ở trên đời”. Bao nhiêu chuyện bi hài chờ anh ở cái xứ sở lạ lùng, vừa như một xứ sở ao ước, lại vừa giống như cái ngồn ngang ở xứ mình. Vũ Bảo đã được truy tặng giải thưởng Hội Nhà văn Hà Nội năm 2007 cho cuốn tiểu thuyết này.

Còn trong cuốn hồi ký, Vũ Bảo vẫn hội đủ tính hài hước của mình trong một văn phong trào phúng, cười đầy mà cũng xót thương đầy, khi ông viết về đời mình, về bạn bè, về đồng nghiệp và cả cái thời thế đã trải nghiệm. Bản thảo cuốn hồi ký, tôi cũng đã trực tiếp biên tập, và kiên trì đánh tiếng cho những công ty làm sách. Chắc là năm 2010 độc giả cũng đón nhận cuốn sách này như một tiếng cười còn ở lại.

Bìa gấp 2 (kèm ảnh chân dung nhà văn Vũ Bảo 1931-2006):

Cũng là một kiếp người nhưng lũ trẻ con nhà nghèo chúng tôi thời đó chẳng hơn gì những nhánh bèo bông vừa dứt chân ra khỏi mảng bèo lớn rồi cứ thế theo dòng nước đỏ ngầu phù sa lang thang trôi qua mọi bến bờ. Những nhánh bèo ấy lớn lên bằng màu đọng trong hạt phù sa nhỏ nhoi, cũng đơm được chùm hoa đuôi công sớm nở tối tàn. Đầu thai nó làm kiếp lênh đênh, ông trời đã ban cho nhánh bèo bộ rễ diệu kỳ. Hằng ngày bộ rễ chất lọc trong lòng nước đục ngầu chất dinh dưỡng nuôi nhánh bèo lớn lên

nhưng khi gặp bão to, sóng lớn, nhánh bèo bị quăng lên, quật xuống, bộ rễ lại là bộ máy tự động chỉnh lại sự cân bằng, giữ cho nồn bèo bao giờ cũng ngửa mặt thách thức với đời.

Bìa 4:

Vũ Bảo

Rễ bèo chân sóng

Hồi ký của một nhà văn thích cười

Sinh thời, dường như lúc nào nhà văn Vũ Bảo cũng tìm ra chuyện để cười. Ông dí dỏm trong tiểu thuyết *Sắp cưới*, *Thời gian không đợi*, *Gọi ai lần cuối*. Ông cười sáng khoái và cả chua chát trong truyện ngắn *Người vãi linh hồn*, *Người chưa có chiến công*, *Người không có tên trong từ điển*, *Phó tiến sĩ không hữu nghị*... Ông trào phúng sắc bén trong những thiên phóng sự và hóm hỉnh trong những kịch bản phim *Phút thứ 89*, *Những ngôi sao nhỏ*...

Trong cuốn hồi ký này, bạn đọc lại thấy Vũ Bảo hội đủ tính hài hước của mình trong một văn phong trào phúng, cười đầy mà cũng xót thương đầy, khi ông viết về đời mình, về bạn bè, về đồng nghiệp và cả cái thời thế mà nhà văn đã trải nghiệm.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>